

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN
ÁP DỤNG TỪ NĂM 2016 - KHÓA ĐÀO TẠO THỨ 57**

NGHỆ AN - 2016

MỤC LỤC

1. Mục tiêu đào tạo	1
2. Chuẩn đầu ra	1
3. Thời gian đào tạo:	3
4. Khối lượng kiến thức toàn khoá:	3
5. Đối tượng tuyển sinh:	4
6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:	4
7. Thang điểm:	4
8. Nội dung chương trình:	4
9. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):	4
11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần:	7
10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình:	13
11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:	13
12. Hướng dẫn thực hiện chương trình:	14
13. Đề cương chi tiết học phần... ..	15

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **Sư phạm Ngữ văn**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Sư phạm Ngữ văn**

Loại hình đào tạo: **Chính quy - tập trung**

(Ban hành theo Quyết định số 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/08/2016 của Hiệu trưởng trường ĐH Vinh)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo cử nhân sư phạm Ngữ văn có kiến thức chuyên môn toàn diện; có phẩm chất đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản để tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học Ngữ văn phổ thông theo định hướng phát triển năng lực; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học chuyên ngành và khoa học giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

I. Kiến thức

I.1. Hiểu và vận dụng được kiến thức về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng CSVN, an ninh-quốc phòng, giáo dục thể chất, quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục, để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp;

I.2. Cập nhật được các thành tựu mới của công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng được các phương tiện công nghệ thông tin trong học tập, trong nghiên cứu khoa học, trong công tác giảng dạy và giáo dục. Đạt trình độ tin học cơ bản;

I.3. Đạt trình độ tương đương tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam;

I.4. Nắm vững các kiến thức khoa học xã hội - nhân văn để làm nền tảng lĩnh hội khối kiến thức cốt lõi ngành sư phạm Ngữ văn và thực hiện được các nhiệm vụ dạy học môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh ở trường phổ thông.

I.5. Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về văn học và ngôn ngữ học trong nghiên cứu và dạy học Ngữ văn.

I.6. Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học trong dạy học và giáo dục học sinh.

I.7. Vận dụng kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn để thiết kế và triển khai chương trình giáo dục, chương trình dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

I.8. Vận dụng kiến thức về kiểm tra - đánh giá linh hoạt để xây dựng kế hoạch và thực hiện đa dạng phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá và phản hồi đối với người học.

II. Kỹ năng

II.1. Thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực học sinh;

II.2. Xây dựng kế hoạch và triển khai kiểm tra, đánh giá và phản hồi trong dạy học Ngữ văn;

II.3. Sử dụng được ngoại ngữ và tin học trong dạy học Ngữ văn ở mức độ cơ bản;

II.4. Tham gia xây dựng văn hóa nhà trường; phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh.

II.5. Có kỹ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành và khoa học giáo dục

II.6. Có kỹ năng thành lập nhóm, tổ chức hoạt động nhóm, phát triển nhóm và lãnh đạo nhóm.

II.7. Có kỹ năng thuyết trình và giao tiếp trong dạy học Ngữ văn.

III. Thái độ

III.1. Có phẩm chất chính trị và ý thức trách nhiệm công dân, có ý thức kỉ luật và tác phong công nghiệp;

III.2. Yêu nghề, thương yêu học sinh, tôn trọng đồng nghiệp, có đạo đức, lương tâm của nhà giáo, có ý thức nâng cao nghiệp vụ dạy học;

III.3. Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo; có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

2.2. Bảng đối chứng học phần và CĐR

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																	
		I								II							III		
		1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	1	2	3
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	v															v		
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2	v															v		
3	Tâm lý học						v												
4	Tiến trình lịch sử VN				v														
5	Văn học VN đại cương				v														
6	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	v																	
7	Giáo dục học						v												
8	Ngoại ngữ 1 (tiếng Anh)			v								v							
9	Tin học (nhóm ngành SPXH)		v									v							
10	Tư tưởng HCM	v																	
11	Giáo dục quốc phòng – an ninh	v																	
12	Giáo dục thể chất	v																	
13	Địa lí học đại cương				v														
14	Lịch sử văn minh thế giới				v														
15	Ngoại ngữ 2 (tiếng Anh)			v								v							
16	PPNC khoa học giáo dục					v								v					
17	Quản lí HCNN và Quản lí ngành GDĐT			v															v
18	Cơ sở ngôn ngữ học và Tiếng Việt		v													v			
19	Cơ sở văn hóa VN				v														
20	Logic học và ngữ nghĩa TV					v													
21	Ngữ âm – từ vựng TV					v													
22	Văn học dân gian VN					v													
23	Văn học so sánh					v													

24	Văn học trung đại VN từ thế kỷ 10 đến hết thế kỷ 19					v										v			
25	Hán nôm cơ sở					v													
26	Kiến tập su phạm											v					v	v	v
27	Ngữ pháp tiếng Việt & Ngữ dụng học					v													
28	Nhập môn lí luận văn học và mỹ học					v													
29	Tác phẩm văn học, thể loại văn học và tiến trình văn học					v													
30	Văn học VN từ đầu thế kỷ XX đến 1945					v													
31	Phong cách học TV					v													
32	Văn học Ấn Độ - Nhật Bản – Đông Nam Á					v													
33	Văn học Trung Quốc					v													
34	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay và thực tế chuyên môn VHVNHĐ					v											v		
35	Ngữ pháp văn bản					v													
36	PPDH Ngữ văn I								v	v	v	v		v	v	v	v		
37	PPDH Ngữ văn II								v	v	v	v		v	v	v	v		
38	PPDH Ngữ văn III, THPPDH Ngữ văn								v	v	v	v		v	v	v	v		
39	Văn học Nga					v													
40	Văn học phương Tây và Mỹ La tinh					v													
41	TTSP ngành SP Ngữ văn								v	v	v	v	v		v	v	v	v	v
42	Thực hành văn bản tiếng Việt					v										v			
43	Môi trường và phát triển					v													
44	Xã hội học đại cương					v													
45	Thống kê xã hội học					v													
46	Thi pháp học					v													
47	Thi pháp văn học dân gian					v													

2.3. Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy môn Ngữ văn trong trường phổ thông; giảng dạy các học phần thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ và Văn học trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; cán bộ quản lý giáo dục; nghiên cứu tại các viện nghiên cứu Văn học, Ngôn ngữ;

- Công tác hoặc cộng tác viên trong các cơ quan giáo dục, văn hóa, thông tin và truyền thông có nhu cầu về nguồn nhân lực liên quan đến Ngữ văn.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng học sau đại học ở các chuyên ngành Ngữ văn, Lí luận và phương pháp dạy học Ngữ văn và Tiếng Việt;

- Có khả năng học văn bằng hai các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 132 tín chỉ

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Theo **Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ** (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

7. THANG ĐIỂM

Theo **Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ** (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH: Gồm 132 tín chỉ, bao gồm:

8.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 45 tín chỉ

8.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

8.1.2. Kiến thức đại cương chung: 27 tín chỉ.

8.1.3. Kiến thức đại cương khối ngành: 8 tín chỉ.

8.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 tín chỉ.

8.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và cơ sở ngành: 54 tín chỉ.

8.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 33 tín chỉ.

9. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

NGÀNH: SỬ PHẠM NGŨ VĂN

(Ban hành theo Quyết định số 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/08/2016 của Hiệu trưởng trường ĐH Vinh)

GIẢI ĐOẠN 1 (45 tín chỉ)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài tập/ tự học	Khối kiến thức	Phân kì	Khoa chuyên ngành
1	CT10001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	Bắt buộc	2	22/8/60	GDĐC	1	GDCT
2	CT10002	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2	Bắt buộc	3	33/12/90	GDĐC	1	GDCT
3	TH20001	Tâm lý học	Bắt buộc	4	50/10/120	GDCN	1	Giáo dục
4	LS10001	Tiến trình Lịch sử Việt Nam	Bắt buộc	3	35/10/90	GDĐC	1	Lịch sử
5	NV11001	Văn học Việt Nam đại cương	Bắt buộc	3	36/9/90	GDĐC	1	SP Ngữ văn
6	CT10004	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	Bắt buộc	3	33/12/90	GDĐC	4	GDCT
7	TH20007	Giáo dục học	Bắt buộc	4	50/10/120	GDCN	2	Giáo dục
8	NC10001	Ngoại ngữ 1 (tiếng Anh)	Bắt buộc	3	35/10/90	GDĐC	2	SP Ngoại ngữ
9	TI12021	Tin học (nhóm ngành	Bắt	3	30/15/90	GDĐC	2	CNTT

		SPXH)	buộc					
10	CT10003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2	22/8/60	GDĐC	2	GDCT
11	QP10001	Giáo dục quốc phòng – an ninh	Bắt buộc	(8)	90/30/240	GDĐC	2	GDQP
12	TC10006	Giáo dục thể chất	Tự chọn	(5)	10/50/150	GDĐC	2	GDTC
13	ĐL11002	Địa lí học đại cương	Bắt buộc	3	39/60/90	GDĐC	3	Địa lí - QLTN
14	LS1004	Lịch sử văn minh thế giới	Bắt buộc	3	39/60/90	GDĐC	3	Lịch sử
15	NC10002	Ngoại ngữ 2 (tiếng Anh)	Bắt buộc	4	50/10/120	GDĐC	3	SP Ngoại ngữ
16	GD10001	PPNC khoa học giáo dục	Bắt buộc	3	35/10/90	GDĐC	3	Giáo dục
17	TH20014	Quản lý HCNN và QL ngành GDDT	Bắt buộc	2	25/5/60	GDĐC	3	Giáo dục
Cộng				45				

GIẢI ĐOẠN II (87 tín chỉ)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài tập/ tự học	Khối kiến thức	Phân kì	Khoa chuyên ngành
1	NV20002	Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt	Bắt buộc	3	40/5 /90	GDCN	4	SP Ngữ văn
2	NV10002	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Bắt buộc	3	40/5 /90	GDCN	4	SP Ngữ văn
3	NV20007	Logic học và ngữ nghĩa tiếng Việt	Bắt buộc	2	20/10/60	GDCN	4	SP Ngữ văn
4	NV20004	Ngữ âm – từ vựng tiếng Việt	Bắt buộc	4	52/8/120	GDCN	4	SP Ngữ văn
5	NV20003	Văn học dân gian Việt Nam	Bắt buộc	3	40/5/90	GDCN	4	SP Ngữ văn
6	NV22030	Văn học so sánh	Bắt buộc	2	26/4/60	GDCN	4	SP Ngữ văn
7	NV22005	Văn học trung đại VN từ thế kỷ 10 đến hết thế kỷ 19	Bắt buộc	5	60/15/150	GDCN	4	SP Ngữ văn
8	NV10005	Hán Nôm cơ sở	Bắt buộc	3	40/5/90	GDCN	5	SP Ngữ văn
9		Tự chọn 1	Tự chọn	2			3	SP Ngữ văn
10	TH20015	Kiến tập sư phạm	Bắt buộc	1	0/15/30	GDCN	5	Giáo dục
11	NV21012	Ngữ pháp tiếng Việt và ngữ dụng học	Bắt buộc	5	60/15/150	GDCN	5	SP Ngữ văn
12	NV21008	Nhập môn lý luận văn học & Mỹ học	Bắt buộc	4	50/10/120	GDCN	5	SP Ngữ văn

13	NV20010	Tác phẩm văn học, thể loại văn học và tiến trình văn học	Bắt buộc	4	50/10/120	GDCN	5	SP Ngữ văn
14	NV21011	Văn học VN từ đầu thế kỷ 20 đến 1945	Bắt buộc	4	50/10/120	GDCN	6	SP Ngữ văn
15		Tự chọn 2	Tự chọn	2		GDCN	6	SP Ngữ văn
16	NV21015	Phong cách học tiếng Việt	Bắt buộc	3	35/10/90	GDCN	6	SP Ngữ văn
17	NV20016	Văn học Ấn Độ – Nhật Bản - ĐNA	Bắt buộc	3	40/5/90	GDCN	6	SP Ngữ văn
18	NV20013	Văn học Trung Quốc	Bắt buộc	3	40/5/90	GDCN	6	SP Ngữ văn
19	NV20014	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay và thực tế chuyên môn VHVNHĐ	Bắt buộc	5	60/15/150	GDCN	6	SP Ngữ văn
20	NV20022	Ngữ pháp văn bản	Bắt buộc	2	24/6/60	GDCN	7	SP Ngữ văn
21	NV20018	PPDH Ngữ văn I	Bắt buộc	5	60/15/150	GDCN	7	SP Ngữ văn
22	NV20023	PPDH Ngữ văn II	Bắt buộc	4	44/16/120	GDCN	7	SP Ngữ văn
23	NV21024	PPDH Ngữ văn III, THPPDH Ngữ văn	Bắt buộc	3	15/30/90	GDCN	7	SP Ngữ văn
24	NV21021	Văn học Nga	Bắt buộc	3	40/5/90	GDCN	7	SP Ngữ văn
25	NV20017	Văn học phương Tây và Mỹ La tinh	Bắt buộc	4	50/10/120	GDCN	7	SP Ngữ văn
26	NV20065	TTSP ngành SP Ngữ văn	Bắt buộc	5	0/75/150	GDCN	8	SP Ngữ văn
Cộng				87				

Các học phần tự chọn:

		Tự chọn 1 (chọn 1 trong các học phần sau):						
1	NV11003	Thực hành văn bản tiếng Việt	Tự chọn	2	15/15/60	GDĐC	5	SP Ngữ văn
2	MT11003	Môi trường và phát triển	Tự chọn	2	24/6/60	GDĐC	5	Sinh học
3	LS10003	Xã hội học đại cương	Tự chọn	2	20/10/60	GDĐC	5	Lịch sử
4	TN10008	Thống kê xã hội học	Tự chọn	2	24/6/60	GDĐC	5	SP Toán
		Tự chọn 2 (chọn 1 trong các học phần sau):						
1	NV20025	Thi pháp học	Tự chọn	2	26/4/60	GDCN	6	SP Ngữ văn
2	NV20026	Thi pháp văn học dân gian	Tự chọn	2	26/4/60	GDCN	6	SP Ngữ văn

10. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC

1. Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1

Học phần này giúp người học xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất, trên cơ sở đó tiếp cận nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, cũng như tiếp cận các khoa học chuyên ngành. Học phần hướng vào việc hình thành ở người học các kỹ năng:

- Kỹ năng nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức triết học để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

2. Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (II) bao gồm những phạm trù, quy luật, nguyên lý kinh tế chính trị cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về nền kinh tế hàng hoá, kinh tế hàng hoá tư bản chủ nghĩa và những lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.

Kết cấu môn học gồm 3 tín chỉ, 6 chương. Trong đó, chương I và chương II trình bày nội dung trọng tâm của học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác; chương III trình bày những nội dung cơ bản trong học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước của V.I.Lênin; chương IV,V khái quát những nội dung cơ bản của nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và chương VI khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam; là sự kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại nhằm giải phóng giai cấp, xã hội và con người

4. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

Ngoài bài mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945).

Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975).

Chương IV: Đường lối công nghiệp hóa.

Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị.

Chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội.

Chương VIII: Đường lối đối ngoại.

5. Ngoại ngữ

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, khả năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm giáo dục phổ thông.

6. Giáo dục Thể chất

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-DT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Giáo dục Quốc phòng

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 9/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Tin học (nhóm ngành SPXH)

Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử. Đồng thời cũng giúp sinh viên nắm vững các thao tác truy cập Internet, các kỹ năng sử dụng hệ

điều hành để thao tác trên máy tính điện tử, khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng, sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

9. Thống kê xã hội học

Cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về thống kê: điều tra thống kê, độ tin cậy của một cuộc điều tra thống kê, cách so sánh độ tương hợp của các kết quả thống kê, sự tương quan giữa những yếu tố cùng ảnh hưởng tới cùng một sự kiện, cách kiểm tra những giả thiết thống kê trong nghiên cứu khoa học.

10. Môi trường và phát triển

Cung cấp các kiến thức cơ bản về môi trường, các chức năng thành phần của môi trường và các nguyên lý chủ yếu về sinh thái- môi trường. Học phần cũng đề cập một cách hệ thống hiện trạng về dân số và mối quan hệ hữu cơ giữa dân số với tài nguyên thiên nhiên, nhu cầu lương thực, thực phẩm và ô nhiễm môi trường; hiện trạng môi trường ở Việt Nam. Học phần còn trang bị cho sinh viên các nguyên tắc, công cụ để quản lý môi trường, kỹ năng xác lập chương trình hành động trong bảo vệ tài nguyên và môi trường.

11. Xã hội học đại cương

Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học bao gồm quá trình hình thành và phát triển cũng như đối tượng nghiên cứu xã hội học, những khái niệm cơ bản và một số trường phái xã hội học, những thiết chế và tổ chức xã hội cơ bản. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hành, sử dụng các phương pháp định tính, định lượng trong nghiên cứu xã hội học.

12. Cơ sở văn hoá Việt Nam

Cung cấp những khái niệm chung về văn hoá học và văn hoá Việt Nam; các thành tố văn hoá Việt Nam; sự phát triển của văn hoá Việt Nam trong thời gian và không gian văn hoá. Học phần cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.

13. Hán nôm cơ sở

Cung cấp những kiến thức cơ sở về Hán văn, mở rộng hệ thống vốn từ Hán Việt (từ Hán Việt chiếm một số lượng lớn và có một vị trí khá quan trọng trong kho từ vựng Tiếng Việt hiện đại, trong giao tiếp bằng tiếng Việt), những nguyên tắc cấu tạo hệ thống văn tự biểu ý của người Hán, các quy tắc cú pháp, các hư từ quan trọng và vốn chữ Hán, âm Hán Việt thường dùng. Học phần cũng trang bị cho sinh viên những khái niệm chung, những tri thức thông thường về thể loại Hán văn Việt Nam, chữ Nôm và những tri thức văn hoá có liên quan để có thể lí giải được những văn bản Hán, Nôm cơ bản.

14. Thực hành văn bản tiếng Việt

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát và kỹ năng thực hành tiếng Việt, cách tạo lập văn bản (chủ yếu là văn bản khoa học, văn bản hành chính). Ngoài việc giúp sinh viên đọc, nói, viết đúng tiếng Việt, học phần còn giúp nâng cao nhận thức về thực hành văn bản trên hai phương diện tiếp nhận và tạo lập.

15. Tiến trình lịch sử Việt Nam

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam, các thời kỳ lịch sử, quá trình dựng nước và giữ nước, truyền thống văn hoá của cha ông. Từ đó góp phần giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm trước đất nước.

17. Văn học Việt Nam đại cương

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về *Tổng quan nền văn học Việt Nam* (Các bộ phận, các thành phần cấu thành nên nền văn học, các mối liên hệ của văn học Việt Nam; Những nguồn cảm hứng lớn; Những đặc sắc cơ bản về hình thức, thể loại, ngôn ngữ của văn học Việt Nam). Môn học gồm 2 khối kiến thức chính:

- Khái quát tiến trình và những đặc trưng chủ yếu của văn học dân gian Việt Nam.
- Khái quát tiến trình và những đặc trưng cơ bản của văn học viết Việt Nam.

18. Logic học và ngữ nghĩa tiếng Việt

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về Logic học - một bộ môn có tác dụng thiết thực trong việc rèn luyện tư duy. Môn khoa học này có đối tượng riêng, có lịch sử phát

triển lâu dài, có nội dung hết sức phong phú, liên quan mật thiết với nhiều lĩnh vực đời sống và mọi ngành khoa học. Là khoa học của tư duy, Lô gích học đặc biệt có mối liên hệ hữu cơ với Ngôn ngữ học, trong đó có Việt ngữ học. Nó cho thấy, bản thân tiếng Việt là một hệ thống chặt chẽ, đầy tính lô gích. Cho nên, học phần sẽ làm sáng tỏ vấn đề lô gích ngữ nghĩa của tiếng Việt ở các cấp độ – một tiền đề thiết yếu đối với SV ngành Ngữ văn trước yêu cầu không ngừng nâng cao khả năng tư duy độc lập, sử dụng, nghiên cứu và dạy học tiếng Việt.

19. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học.

Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng được các phương pháp, thao tác nghiên cứu cơ bản vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

20. Nhập môn lý luận văn học & Mỹ học

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học (mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống xã hội, đặc trưng của văn học, các chức năng và tính khuynh hướng của văn học, quá trình sáng tạo của nhà văn và quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học), giúp sinh viên hiểu được những nguyên lý tổng quát và nội hàm các khái niệm của lý luận văn học (tư duy nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, điển hình hoá). Đồng thời, học phần cũng rèn luyện kỹ năng phát triển các vấn đề trong đời sống văn học, đánh giá đúng các hiện tượng văn chương.

21. Tác phẩm văn học, thể loại văn học & tiến trình văn học

Học phần này cung cấp những kiến thức lý luận về ba phương thức biểu đạt chính của văn học (tự sự, trữ tình, kịch), nguồn gốc, quá trình hình thành của các thể loại văn học, những quan niệm về thể loại qua những thời đại lịch sử khác nhau. Đồng thời, học phần còn cung cấp những kiến thức chuyên sâu về tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể thẩm mỹ với các thành tố cấu thành cơ bản như chủ đề, đề tài, giọng điệu trong thơ trữ tình, vấn đề nhân vật, tính cách, kết cấu, cốt truyện trong tác phẩm tự sự. Những kiến thức lý luận nói trên là chìa khoá để sinh viên có khả năng phân tích, giải mã tác phẩm đúng và hay. Học phần còn cung cấp các kiến thức, khái niệm, phạm trù về tiến trình văn học làm cơ sở tìm hiểu sự vận động, giao lưu, biến đổi của văn học trong quá trình lịch sử. Học phần này cũng giúp hình thành kỹ năng nhìn nhận văn học trong sự vận động và liên hệ lẫn nhau, bước đầu biết liên hệ, phân tích các mối quan hệ văn học trong tiến trình lịch sử.

22. Văn học dân gian Việt Nam

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận khái quát về khoa học nghiên cứu văn học- văn hoá dân gian (đối tượng nghiên cứu, những lĩnh vực nghiên cứu, phân loại văn học dân gian trên thế giới). Trên cơ sở đó, đi sâu vào thực tế văn học dân gian Việt Nam (các vùng và các thời kỳ phát triển của văn học dân gian Việt Nam, thể loại nòng cốt). Học phần cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về thao tác thực tế điền dã, thao tác phân tích trực tiếp các tác phẩm văn học dân gian, khả năng nhận thức giá trị phản ánh, giá trị thẩm mỹ và quá trình lịch sử văn học dân gian.

23. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam trong chín thế kỷ thời trung đại, bao gồm: quá trình hình thành và những đặc điểm của từng thời kỳ, những ảnh hưởng Phật giáo dưới triều Lý, Trần và ảnh hưởng của Nho giáo dưới triều Lê, sự ra đời và phát triển của văn học viết bằng chữ Nôm; những tác giả tiêu biểu thời Lý, Trần, Nguyễn Trãi, nhóm Tao đàn, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Dữ; những thành tựu rực rỡ của văn học viết bằng chữ Nôm, của những thể loại đặc định dân tộc (truyện thơ, ngâm khúc, hát nói) mang nội dung nhân đạo chủ nghĩa, những tác gia lớn (Đặng Trần Côn, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát); sự khủng hoảng của văn học nhà Nho và sự xuất hiện những dấu hiệu tiên báo quá trình hiện đại hoá ở nửa sau thế kỷ XIX khi có cuộc xâm lược của thực dân Pháp, đặc điểm sáng tác của những nhà văn tiêu biểu: Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương. Cùng với những kiến thức về văn học sử, sinh viên còn được trang bị những phương pháp, kỹ năng, thao tác cơ bản khi tiếp cận một hiện tượng của nền văn học dân tộc thời kỳ trung đại.

24. Văn học Việt Nam từ đầu TK XX đến 1945

Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về diện mạo văn học sử, đặc điểm sáng tác của những tác giả lớn, những quy luật của tiến trình văn học trong nửa đầu thế kỷ XX. Đây là thời kỳ diễn ra bước chuyển giao giữa hai thời đại lớn của văn học dân tộc với hai quá trình diễn ra đồng thời: sự phân rã của văn học truyền thống sau những nỗ lực cách tân bất thành (sáng tác của Phan Bội Châu, Tản Đà) và sự lớn mạnh của cả hai bộ phận văn học công khai và bí mật trong giai đoạn 1930 -1945, với 3 trào lưu đều có những thành tựu xuất sắc: trào lưu lãng mạn, trào lưu hiện thực phê phán, trào lưu văn học cách mạng vô sản, với những hiện tượng, tác gia tiêu biểu như tiểu thuyết Tự lực văn đoàn, phong trào thơ mới, Xuân Diệu, Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Tố Hữu...

25. Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay và thực tế chuyên môn VHVNHĐ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về diện mạo văn học sử, đặc điểm sáng tác của những tác giả lớn, những quy luật của tiến trình văn học trong giai đoạn 1945 - 1975, khi văn học vận động dưới sự lãnh đạo và đường lối văn nghệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam; trong hoàn cảnh hai cuộc kháng chiến liên tiếp và kéo dài, những ảnh hưởng từ văn học Liên Xô (cũ), văn học Trung Quốc và văn học phương Tây đối với quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam. Học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam sau 1975: những xu hướng phong cách, thể loại, những tác gia, tác phẩm tiêu biểu, những thành tựu và hạn chế của văn học Việt Nam trong giai đoạn đất nước hoà bình, thống nhất, những triển vọng phát triển.

26. Văn học Trung Quốc

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm tiến trình văn học Trung Quốc từ Tiên Tần đến đương đại, trên các phương diện đặc trưng thể loại, các mô típ nhân vật, cá tính sáng tạo của những tác gia tiêu biểu; đồng thời học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tiếp cận những hiện tượng văn học nước ngoài từ góc độ văn hoá học.

27. Văn học Phương Tây và Mỹ Latinh

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Văn học phương tây nghiên cứu văn học một số nước tây Âu và Bắc Mỹ một cách tương đối hệ thống qua các thời kỳ văn học từ cổ đại đến hiện đại. Thời kỳ cổ đại tập trung nghiên cứu nền văn học Hi Lạp với các thành tựu như thần thoại, anh hùng ca và bi kịch. Sang thời phục hưng, tập trung nghiên cứu các nền văn học ý, Pháp, Tây Ban Nha và đặc biệt là nước Anh. Thế kỷ XVII, nghiên cứu văn học cổ điển Pháp, thế kỷ XVIII - thế kỷ ánh sáng, chương trình đi vào văn học ánh sáng Anh, Pháp và Đức. Ở thế kỷ XIX, đi sâu nghiên cứu hai trào lưu lớn trong văn học Pháp là hiện thực và lãng mạn. Sang thời kỳ hiện đại, Văn học Phương Tây cung cấp cho sinh viên một kiến thức bao quát về văn học các nước tiêu biểu như Pháp, Đức, Anh, Mỹ. Ở mỗi một thời kỳ văn học, bộ môn đi sâu vào một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Từ nửa sau thế kỷ XX, văn học Mỹ Latinh trở thành một hiện tượng văn chương vùng bùng sáng thế giới với một loạt tài năng kiệt xuất: Jorge Louis Borges, Gabriel Mistra, Gabriel Gacia Máquez, Pablo Néruda... Văn học Mỹ Latinh, với những đặc điểm riêng biệt và độc đáo, đã làm phong phú và đa dạng bức tranh văn chương toàn cầu.

28. Văn học Nga

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm tiến trình văn học Nga từ thế kỷ XIX đến thế kỷ XX, trên các phương diện hệ văn đề, các mô típ nhân vật, những khuynh hướng phong cách thể loại, tập trung vào sáng tác của những tác gia tiêu biểu; đồng thời học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tiếp cận những hiện tượng văn học nước ngoài từ góc độ văn hoá học.

29. Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt

Môn học cung cấp kiến thức về 5 vấn đề cơ bản của ngôn ngữ loài người (bản chất và chức năng; hệ thống và cấu trúc; nguồn gốc và sự phát triển; phân loại ngôn ngữ) và 3 vấn đề tổng quan: (nguồn gốc và quan hệ họ hàng; các giai đoạn phát triển; loại hình ngôn ngữ) của tiếng Việt.

30. Ngữ âm – từ vựng tiếng Việt

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Ngữ âm tiếng Việt, Phương ngữ học tiếng Việt. Học phần gồm có ba chương: Chương 1 trình bày những tri thức phổ quát về ngữ âm bao gồm khái niệm ngữ âm, cơ sở của ngữ âm, các đơn vị ngữ âm. Chương 2 trình bày hệ thống ngữ âm tiếng Việt bao gồm việc phân tích và miêu tả từng đơn vị ngữ âm, xác lập cơ cấu và sự phân bố ngữ âm tiếng Việt cùng là mối quan hệ giữa ngữ âm và chữ viết. Chương 3 trình bày những vấn đề ngữ âm tiếng Việt liên quan đến nhà trường. Ngữ âm tiếng Việt là bình diện đầu tiên của tiếng Việt. Những tri thức về ngữ âm tiếng Việt là cơ sở nhận thức và lý giải một số vấn đề trong từ vựng, ngữ pháp và phong cách tiếng Việt.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Từ vựng tiếng Việt với nội dung cơ bản:

- Những vấn đề chung về đối tượng và phương pháp nghiên cứu bộ môn
- Các đơn vị từ vựng
- Ý nghĩa của từ và hệ thống ngữ nghĩa trong từ vựng
- Hệ thống các lớp từ trong tiếng Việt

31. Ngữ pháp tiếng Việt và Ngữ dụng học

Ngữ pháp tiếng Việt, ngữ dụng học là phân môn cung cấp lý thuyết về câu trong ngôn ngữ và việc sử dụng câu trong hành chức, từ đó vận dụng chúng thành thạo trong nói và viết tiếng Việt. Chúng gồm các bộ phận sau:

Từ pháp học nghiên cứu về từ loại tiếng Việt: gồm danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ, phụ từ, quan hệ từ, trợ từ, tính thái từ.

Cú pháp học gồm cụm từ và câu, nghiên cứu quy tắc tạo nên cụm từ và câu trong hoạt động giao tiếp.

Ngữ dụng học nghiên cứu lý thuyết hội thoại, gồm các nhân tố chi phối hội thoại, cấu trúc của cuộc thoại, các hành động ngôn ngữ, lập luận khi hội thoại.

32. Phong cách học tiếng Việt

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Phong cách học tiếng Việt

- Những vấn đề chung về phong cách học.
- Phân loại và phân tích các phong cách chức năng trong tiếng Việt.
- Phân loại và phân tích các phương tiện tu từ, biện pháp tu từ trong tiếng Việt.
- Phương pháp nghiên cứu: logic học, thống kê toán học, đối sánh phong cách học và các phương pháp khác.

33. Văn học Ấn Độ - Nhật Bản - Đông Nam Á

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á, nền văn học có một bề dày truyền thống với những hiện tượng độc đáo, đặc sắc về nghệ thuật, chứa đựng một tinh thần nhân đạo sâu sắc. Trong đó *Sử thi Ramayana, Kalidasa, R. Tagore, Bashô, Y. Kawabata* là những hiện tượng tiêu biểu, đỉnh cao của văn chương nhân loại (R. Tagore và Y. Kawabata là hai trong số 3 nhà văn châu Á được trao tặng giải Nobel văn học trong thế kỷ XX). Trong xu thế quốc tế hoá ngày nay, việc học tập nghiên cứu các nền văn học này không chỉ để hiểu thêm về tinh hoa văn học nước ngoài mà còn góp phần hiểu thêm về văn học Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu lịch sử văn học, thi pháp học, văn học so sánh là những phương pháp cơ bản mà sinh viên sẽ được trang bị trong quá trình học tập học phần.

34. Phương pháp dạy học Ngữ văn 1

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về *Phương pháp dạy học Ngữ văn*. Môn học gồm hai nội dung: thứ nhất, trình bày những vấn đề lý luận chung của bộ môn, bao gồm: luận giải về bản chất khoa học của khoa học phương pháp dạy học ngữ văn (đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu.); làm rõ bản chất, mục tiêu, nhiệm vụ của môn ngữ văn trong nhà trường THPT; xây dựng cơ chế dạy học văn mới và trên cơ sở đó xác định những định hướng đổi mới phương pháp dạy học ngữ văn ở trường THPT. Thứ hai: trình bày phương pháp dạy đọc hiểu văn bản ở trường THPT.

35. Ngữ pháp văn bản

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của Ngữ pháp văn bản gồm: Khái quát đặc điểm của văn bản, Cấu trúc nội dung và hình thức của văn bản, Vai trò và đặc điểm của câu và đoạn văn trong văn bản.

40. Phương pháp dạy học Ngữ văn II

Môn học cung cấp những nội dung cơ bản:

- Phương pháp dạy học những vấn đề chung về ngôn ngữ và tiếng Việt.
- Phương pháp dạy học từ ngữ tiếng Việt.
- Phương pháp dạy học ngữ pháp tiếng Việt.
- Phương pháp dạy học phong cách học tiếng Việt
- Phương pháp dạy học Văn học sử bậc THPT
- Phương pháp dạy học Làm văn bậc THPT

41. Phương pháp dạy học Ngữ văn III, THPTDH Ngữ Văn

Môn học cung cấp những kiến thức cơ sở về bộ môn Làm văn, trên cơ sở đó giúp SV có được điểm tựa lý thuyết cần thiết để dạy học tốt hơn những nội dung làm văn trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn mới. Môn học cũng trình bày những vấn đề thuộc kỹ thuật tổ chức một giờ dạy học văn ở trường phổ thông. Phần THPTDH Ngữ văn hướng dẫn sinh viên tập giảng các bài thuộc nhiều phân môn theo chương trình, SGK Ngữ văn THPT, đặc biệt chú trọng những bài SV sẽ gặp trong thời gian TTSP cuối khóa.

42. Thi pháp học

Trang bị cho sinh viên các khái niệm: Thi pháp, Thi pháp học, Hình thức và Hình thức nghệ thuật; các phạm trù thi pháp: Quan niệm nghệ thuật về con người, Không gian nghệ thuật, Thời gian nghệ thuật, Kết cấu, Cốt truyện, Thể loại như một hình thức nghệ thuật, Hình tượng tác giả v.v Cung cấp cho sinh viên một phương pháp khoa học, khách quan để làm việc với tác phẩm văn học, sự vận động của thi pháp văn học Việt Nam.

43. Thi pháp văn học dân gian

Học phần gồm hai phần: Lý thuyết và thực hành. Phần thực hành nằm trong số tiết tự học của sinh viên.

Phần lý thuyết: Đề cập các khái niệm cơ bản về thi pháp nói chung và thi pháp VHĐG nói riêng; lịch sử vấn đề nghiên cứu thi pháp VHĐG trên thế giới và ở Việt Nam. Đi sâu tìm hiểu một số phương diện thi pháp VHĐG thuộc ba loại hình: tự sự, trữ tình và kịch (chèo).

Phần thực hành: Tổ chức câu lạc bộ văn học dân gian dưới hình thức biểu diễn các tiết mục văn nghệ dân gian ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam.

- Xemina một số vấn đề có liên quan.

44. Địa lí học đại cương

Học phần *Địa lí học đại cương* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của khối ngành Sư phạm xã hội, nhằm giúp người học phân tích và lí giải được những kiến thức cơ bản, khái quát nhất về địa lý tự nhiên, địa lý dân cư và địa lý kinh tế; có khả năng xác định được vấn đề nảy sinh, nhận biết được tính chính thể, thể hiện được tư duy phản biện trong quá trình lĩnh hội kiến thức; hình thành và phát triển năng lực địa lí để đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; phát triển kĩ năng tổ chức nhóm, lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm trong quá trình nghiên cứu địa lí học đại cương.

45. Lịch sử văn minh thế giới

Học phần *Lịch sử văn minh thế giới* thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối ngành Sư phạm xã hội và khối ngành Khoa học Xã hội & Nhân văn. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và thành tựu của văn minh nhân loại qua các thời kỳ lịch sử. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nhận diện, giải quyết những vấn đề trong nghiên cứu tri thức về lịch sử, văn hóa văn minh thế giới. Ngoài ra, học phần còn giúp rèn luyện các kỹ năng cần thiết như giao tiếp và làm việc nhóm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

11. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

11.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Học hàm Học vị	Tổ bộ môn	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Ngọc Hà	GV.TS	VHVN	
2.	Nguyễn Thị Thanh Trâm	GV.ThS	VHVN	
3.	Nguyễn Thị Hoa Lê	GV.ThS	Báo chí	
4.	Biện Minh Điền	PGS.TS	VHVN	Trưởng BM
5.	Ngô Thị Quỳnh Nga	GV.TS	VHVN	
6.	Lê Thanh Nga	GV.TS	VHVN	
7.	Biện Thị Quỳnh Nga	GV.TS	VHVN	
8.	Nguyễn Văn Hạnh	PGS.TS	Văn học nước ngoài	Trưởng BM
9.	Nguyễn Thị Vân Anh	GV.ThS	Văn học nước ngoài	
10.	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	GV.TS	Văn học nước ngoài	
11.	Nguyễn Thị Hoài Thu	GV.ThS	Văn học nước ngoài	
12.	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	GV.ThS	Văn học nước ngoài	
13.	Phan Huy Dũng	PGS.TS	LLVH – PPDH Ngữ văn	P.Trưởng khoa
14.	Lê Hồ Quang	GVC.TS	LLVH – PPDH Ngữ văn	Trưởng BM
15.	Đặng Hoàng Oanh	GV.ThS	LLVH – PPDH Ngữ văn	
16.	Hoàng Trọng Canh	PGS.TS	Ngôn ngữ	Trưởng BM
17.	Nguyễn Hoài Nguyên	GVC.TS	Ngôn ngữ	Trưởng khoa
18.	Đặng Lưu	GVC.TS	Ngôn ngữ	P.Trưởng khoa
19.	Trịnh Thị Mai	GVC.TS	Ngôn ngữ	
20.	Trần Anh Hào	GVC.ThS	Ngôn ngữ	
21.	Lê Thị Sao Chi	GVC.TS	Ngôn ngữ	
22.	Nguyễn Thị Khánh Chi	GV.ThS	Ngôn ngữ	

11.1. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Học hàm Học vị	Chuyên môn	Đơn vị
1	Nguyễn Văn Tứ	PGS.TS	PPGD Tiếng Việt	ĐH Vinh
2	Hoàng Mạnh Hùng	GVC.TS	VHVN hiện đại	ĐH Vinh
3	Đinh Trí Dũng	PGS.TS	VHVN Hiện đại	ĐH Vinh

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

12.1. Hệ thống cơ sở vật chất chung của trường quản lý gồm các giảng đường, phòng học, các phòng hội họp, thảo luận, các phòng học tiếng, học vi tính...đảm bảo cho việc đào tạo.

Riêng khoa có 2 phòng sinh hoạt chung, 4 máy tính nối mạng, 3 máy in, máy ảnh...

12.2. Thư viện hiện đại gồm có thư viện truyền thống và thư viện điện tử do trường quản lý, đầy đủ các sách chuyên ngành phục vụ giảng dạy và học tập.

12.2. Giáo trình, tập bài giảng (Có ở phần học liệu của đề cương chi tiết các môn học cụ thể)

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Đây là chương trình khung, trình bày vắn tắt những nội dung cơ bản để đào tạo Cử nhân sư phạm chính quy ngành Ngữ văn với thời lượng 4 năm.
- Trên cơ sở chương trình này, các tổ bộ môn sẽ phân công CBGD biên soạn đề cương chi tiết và bài giảng, tiến tới biên soạn giáo trình môn học.
- Hàng năm Hội đồng Khoa học- đào tạo khoa sẽ đề nghị Hiệu trưởng nhà trường điều chỉnh, bổ sung chương trình cho phù hợp với yêu cầu xã hội, ngành và điều kiện của trường, khoa. Mức độ điều chỉnh tối đa là 10% mỗi năm.

Nghệ An, ngày 30 tháng 8 năm 2016



GS.TS Đinh Xuân Khoa

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN I

1. Họ và tên giảng viên:

- 1) GVC, ThS. Nguyễn Trường Sơn
Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin; lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam.
Địa chỉ: Bộ môn Triết học, Khoa GDCT, Trường Đại học Vinh.
Điện thoại: 0383832567, 0989340781. *Email:* trsondhv@yahoo.com.vn
- 2) GV. Nguyễn Trung Ngọc
Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin; vấn đề mỹ học, con người.
Địa chỉ: Bộ môn Triết học, Khoa GDCT, Trường Đại học Vinh.
Điện thoại: 038356233, 0983856233. *Email:* trungngoc@yahoo.com
- 3) GVC, ThS. Nguyễn Văn Thiện
Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, lịch sử triết học; vấn đề tôn giáo.
Địa chỉ: Bộ môn Triết học, Khoa GDCT, Trường Đại học Vinh.
Điện thoại: 039825894, 0913354484. *Email:* thiendhv@yahoo.com.vn
- 4) GVC, TS. Trần Viết Quang
Hướng nghiên cứu chính: Vấn đề phép biện chứng, nhận thức luận, logic biện chứng; phương pháp giảng dạy triết học.
Địa chỉ: Bộ môn Triết học, Khoa GDCT, Trường Đại học Vinh.
Điện thoại: 0383832902, 09126271029. *Email:* quangdhv@yahoo.com.vn
- 5) GVC, TS. Nguyễn Thái Sơn
Hướng nghiên cứu chính: Vấn đề con người, nguồn lực con người, mối liên hệ giữa khoa học, công nghệ hiện đại và con người hiện nay.
Địa chỉ: Bộ môn Triết học, Khoa GDCT, Trường Đại học Vinh.
Điện thoại: 0383597131, 0982737170 *Email:* ntsdhv@gmail.com
- 6) GV, ThS. Phan Huy Chính
Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, lịch sử triết học, logic học.
Địa chỉ: Bộ môn Triết học, Khoa GDCT, Trường Đại học Vinh.
Điện thoại: 038356283, 0915233880. *Email:* phahuychinh@yahoo.com

2. Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin (phần triết học)

3. Mã học phần: CT10001

4. Số tín chỉ: 2

5. Loại học phần: Bắt buộc

Bố trí học năm thứ nhất trình độ đào tạo đại học khối không chuyên ngành Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; là học phần đầu tiên của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học.

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 22 tiết
- Thảo luận: 8 tiết
- Tự học: 60 tiết

7. Mục tiêu của học phần:

7.1. Kiến thức:

- Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất, trên cơ sở đó tiếp cận nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, cũng như tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

7.2. Kỹ năng:

Học phần hướng vào việc hình thành ở người học các kỹ năng:

- Kỹ năng nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức triết học để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

7.3. Thái độ:

Yêu cầu thái độ khoa học, nghiêm túc, tiếp thu nội dung học phần trên tinh thần độc lập, sáng tạo với phương châm tự học, tự nghiên cứu.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Ngoài phần mở đầu giới thiệu khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin và một số vấn đề chung của học phần, nội dung chương trình (phần triết học) gồm 3 chương:

Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Chương 2: Phép biện chứng duy vật.

Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

9. Nội dung chi tiết học phần

9.1 Cấu trúc chương trình

TT	Tên tín chỉ	Nội dung tín chỉ	LT	TL	TH
1	Tín chỉ 1	Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	2	2	8
		Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng	8	2	20
		Cộng	10	4	28
2	Tín chỉ 2	Chương 2: Phép biện chứng duy vật	7	2	18
		Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử	5	2	14
		Cộng	12	4	32
		Tổng cộng	22	8	60

9.2 Nội dung chi tiết

Tín chỉ 1

(Lý thuyết: 10, Thảo luận: 4, Tự học: 28)

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Giúp người học nắm được một cách khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, trên cơ sở đó hiểu được đối tượng, mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp của học phần.

- Xác lập thế giới quan và phương pháp luận khoa học trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, cũng như mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

B. YÊU CẦU

- Nắm được lịch sử hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin, các bộ phận cấu thành; xác định được đối tượng, mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp của học phần.

- Nắm được quan điểm Mác - Lênin về vật chất, ý thức; mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức; ý nghĩa phương pháp luận của vấn đề nghiên cứu.

Chương 1: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

(Lý thuyết: 2, Thảo luận: 2, Tự học: 8)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp người học nắm được một cách khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, trên cơ sở đó hiểu được đối tượng, mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp của học phần.

B. YÊU CẦU:

Nắm được lịch sử hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin, các bộ phận cấu thành; xác định được đối tượng, mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp của học phần trong ba bộ phận lý luận: triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học.

C. NỘI DUNG GIẢNG LÝ THUYẾT

1. Chủ nghĩa Mác- Lênin và ba bộ phận cấu thành
2. Những điều kiện, tiền đề ra đời của chủ nghĩa Mác

D. NỘI DUNG TỰ HỌC

Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin

E. NỘI DUNG THẢO LUẬN

Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

F. HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

Ôn tập toàn bộ nội dung đã học, chú trọng sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin; đối tượng, yêu cầu về phương pháp học tập học phần; trong quá trình ôn tập cần ghi chép tóm tắt những điểm trọng tâm để khắc sâu kiến thức cơ bản.

Chương II: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

(Lý thuyết: 8, Thảo luận: 2, Tự học: 20)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp sinh viên nắm được quan điểm Mác - Lênin về vật chất, ý thức, cũng như mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; trên cơ sở đó bồi dưỡng thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho người học.

B. YÊU CẦU:

Nắm được quan điểm duy vật biện chứng về phạm trù vật chất, phương thức và hình thức tồn tại của vật chất, tính thống nhất vật chất của thế giới; nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức; mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức; ý nghĩa phương pháp luận của vấn đề nghiên cứu.

C. NỘI DUNG GIẢNG LÝ THUYẾT

1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học
2. Phạm trù vật chất
3. Nguồn gốc và bản chất của ý thức

D. NỘI DUNG TỰ HỌC

1. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử
2. Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất
3. Tính thống nhất vật chất của thế giới
4. Kết cấu của ý thức

E. NỘI DUNG THẢO LUẬN:

Ý nghĩa phương pháp luận của vấn đề mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

F. HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

Ôn tập toàn bộ những nội dung đã học, chú trọng quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, cũng như mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; ý nghĩa phương pháp luận và sự vận dụng lý luận đó trong thực tiễn.

Tín chỉ 2

(Lý thuyết: 12, Thảo luận: 4, Tự học: 32)

A. MỤC ĐÍCH

- Giúp người học nắm được nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của phép biện chứng duy vật; hiểu được bản chất, con đường và quy luật chung của quá trình nhận thức chân lý; trên cơ sở đó phát triển tư duy biện chứng, nâng cao năng lực nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn.

- Giúp người học nắm được bản chất, quy luật vận động phát triển của lịch sử xã hội; phương pháp luận nghiên cứu lịch sử xã hội; vận dụng các kiến thức đã học để nhận thức các vấn đề thực tiễn xã hội và tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

B. YÊU CẦU

- Nắm được các khái niệm, phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật.

- Nắm được nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của các nguyên lý, phạm trù quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật.

- Nắm được sự vận dụng phép biện chứng vào trong lý luận nhận thức; bản chất, con đường và quy luật chung của quá trình nhận thức.

- Nắm được bản chất, quy luật vận động, phát triển lịch sử xã hội; bản chất con người, vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử; ý nghĩa phương pháp luận của vấn đề nghiên cứu.

Chương II: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

(Lý thuyết: 7, Thảo luận: 2, Tự học: 18)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp người học nắm được nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của phép biện chứng duy vật; trên cơ sở đó phát triển tư duy biện chứng, nâng cao năng lực nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn.

B. YÊU CẦU:

- Nắm được các khái niệm, phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật.

- Nắm được nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của các nguyên lý, phạm trù quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật.

C. NỘI DUNG GIẢNG LÝ THUYẾT:

1. Nội dung nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
2. Nội dung nguyên lý về sự phát triển
3. Mối quan hệ biện chứng giữa cái riêng và cái chung
4. Mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả
5. Mối quan hệ biện chứng giữa tất nhiên và ngẫu nhiên
6. Mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức
7. Mối quan hệ biện chứng giữa bản chất và hiện tượng
8. Mối quan hệ biện chứng giữa khả năng và hiện thực
9. Mối quan hệ giữa sự thay đổi về lượng và sự thay đổi về chất
10. Lý luận chung về mâu thuẫn
11. Phủ định biện chứng; phủ định của phủ định
12. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

D. NỘI DUNG TỰ HỌC:

1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng duy vật
2. Khái niệm mối liên hệ, mối liên hệ phổ biến
3. Khái niệm phát triển
4. Khái niệm và phạm trù
5. Phạm trù cái riêng, cái chung; nguyên nhân, kết quả; tất nhiên, ngẫu nhiên; nội dung, hình thức; bản chất, hiện tượng; khả năng, hiện thực.
6. Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu mối quan hệ giữa các phạm trù
7. Ý nghĩa phương pháp luận của các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

8. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

9. Vấn đề chân lý

E. NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển và quan điểm lịch sử - cụ thể

2. Mối quan hệ giữa nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận. Ý nghĩa phương pháp luận

F. HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

Ôn tập toàn bộ những kiến thức đã học, chú trọng nội dung, ý nghĩa phương pháp luận của các nguyên lý, phạm trù, quy luật của phép biện chứng duy vật; bản chất, con đường nhận thức chân lý, cũng như phương pháp luận nhận thức khoa học.

Chương III: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

(*Lý thuyết: 5, Thảo luận: 2, Tự học: 14*)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp người học nắm được bản chất, quy luật vận động, phát triển của xã hội; phương pháp luận nghiên cứu lịch sử; vận dụng các kiến thức đã học để nhận thức các vấn đề thực tiễn xã hội và tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

B. YÊU CẦU:

- Nắm được bản chất, quy luật vận động, phát triển xã hội.
- Nắm được bản chất con người; vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử.
- Nắm được ý nghĩa phương pháp luận của vấn đề nghiên cứu.

C. NỘI DUNG GIẢNG LÝ THUYẾT

1. Sản xuất vật chất và vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội
2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội
4. Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội
5. Khái niệm giai cấp
6. Khái niệm cách mạng xã hội và nguyên nhân của cách mạng xã hội
7. Bản chất con người

D. NỘI DUNG TỰ HỌC:

1. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
2. Nguồn gốc của giai cấp
3. Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp
4. Nhà nước – công cụ chuyên chính giai cấp
5. Vai trò của cách mạng xã hội đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp
6. Khái niệm con người
7. Khái niệm quần chúng nhân dân
8. Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử

E. NỘI DUNG THẢO LUẬN:

1. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế - xã hội
2. Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu vấn đề con người

F. HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

Ôn tập toàn bộ những nội dung đã học, chú trọng các quy luật vận động, phát triển của xã hội; vấn đề con người trong triết học mácxít; ý nghĩa phương pháp luận của vấn đề nghiên cứu.

10. Học liệu

- 1) Giáo trình *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*
- 2) Giáo trình *Triết học Mác – Lênin* (Dùng trong các trường đại học và cao đẳng)
- 3) Các Văn kiện, tài liệu của Đảng Cộng sản Việt Nam.

11. Hình thức tổ chức dạy học:

Nội dung học phần chia ra các vấn đề/tuần

Hình thức tổ chức DH	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm
<u>Tuần 1</u>			
Lý thuyết	Những điều kiện, tiền đề ra đời của chủ nghĩa Mác	Đọc trước giáo trình (chương mở đầu). Lên lớp nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Tự học	1. Chủ nghĩa Mác- Lênin và ba bộ phận cấu thành 2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin	Nghiên cứu tài liệu để nắm được sự ra đời của chủ nghĩa Mác; quá bổ sung, phát triển lý luận của C.Mác, Ph.Ăngghen, Lênin. Ghi chép các vấn đề tự học.	
<u>Tuần 2</u>			
Lý thuyết	Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học	Đọc trước giáo trình (chương I) và tài liệu tham khảo. Lên lớp nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Tự học	Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử	Nghiên cứu tài liệu để nắm được quá trình hình thành và phát triển của các hình thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử	
Thảo luận	Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Chuẩn bị đề cương thảo luận; các ý kiến thắc mắc và các câu hỏi liên quan đến nội dung thảo luận.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
<u>Tuần 3</u>			
Lý thuyết	Phạm trù vật chất	Đọc trước giáo trình (chương I) và tài liệu đã giới thiệu. Lên lớp nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Tự học	Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất	Nghiên cứu giáo trình, phần nói về vận động, không gian và thời gian	
<u>Tuần 4</u>			
Lý thuyết	Nguồn gốc và bản chất của ý thức	Đọc trước giáo trình (chương I) và tài liệu đã giới thiệu. Lên lớp nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Tự học	Tính thống nhất vật chất của thế giới	Nghiên cứu giáo trình, các tài liệu tham khảo đề cập đến vấn đề tính thống nhất vật chất của thế giới	
<u>Tuần 5</u>			
Lý thuyết	Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; ý nghĩa phương pháp luận	Đọc trước giáo trình (chương I) và tài liệu đã giới thiệu. Lên lớp nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Tự học	Kết cấu của ý thức	Nghiên cứu giáo trình, các tài liệu	

		tham khảo đề cập đến vấn đề kết cấu của ý thức	
Thảo luận	Ý nghĩa phương pháp luận của vấn đề mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.	Chuẩn bị đề cương thảo luận; các ý kiến thắc mắc và các câu hỏi liên quan đến nội dung thảo luận.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
<u>Tuần 6</u>			
Lý thuyết	1. Nội dung nguyên lý về mối liên hệ phổ biến 2. Nội dung nguyên lý về sự phát triển	Đọc trước giáo trình (chương II) và tài liệu đã giới thiệu. Lên lớp nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Tự học	1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng duy vật 2. Khái niệm mối liên hệ, mối liên hệ phổ biến; khái niệm phát triển	Nghiên cứu giáo trình (chương II) và các tài liệu tham khảo. Ghi chép các vấn đề tự học. Lưu ý những nội dung chưa hiểu hoặc chưa tiếp thu được một cách trọn vẹn để tiếp tục trao đổi, bổ sung.	
<u>Tuần 7</u>			
Lý thuyết	1. Mối quan hệ biện chứng giữa cái riêng và cái chung 2. Mối quan hệ biện chứng giữa tất nhiên và ngẫu nhiên 3. Mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức 4. Mối quan hệ biện chứng giữa bản chất và hiện tượng	Đọc trước giáo trình (chương II) và tài liệu đã giới thiệu. Lên lớp nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Tự học	1. Khái niệm và phạm trù 2. Phạm trù cái riêng, cái chung; nguyên nhân, kết quả; tất nhiên, ngẫu nhiên; nội dung, hình thức; bản chất, hiện tượng; khả năng, hiện thực 3. Mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả 4. Mối quan hệ biện chứng giữa khả năng và hiện thực	Nghiên cứu giáo trình (chương II) và các tài liệu tham khảo. Ghi chép các vấn đề tự học. Lưu ý những nội dung chưa hiểu hoặc chưa tiếp thu được một cách trọn vẹn để tiếp tục trao đổi, bổ sung.	
<u>Tuần 8</u>			
Lý thuyết	1. Mối quan hệ giữa sự thay đổi về lượng và sự thay đổi về chất 2. Lý luận chung về mâu thuẫn	Đọc trước giáo trình (chương II) và tài liệu đã giới thiệu. Lên lớp nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Tự học	1. Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu mối quan hệ giữa các phạm trù	Nghiên cứu giáo trình (chương II) và các tài liệu tham khảo. Ghi chép các vấn đề tự học. Lưu ý những nội dung chưa hiểu hoặc chưa tiếp thu	

	2. Ý nghĩa phương pháp luận của các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật	được một cách trọn vẹn để tiếp tục trao đổi, bổ sung.	
<u>Tuần 9</u>			
Lý thuyết	1. Phủ định biện chứng; phủ định của phủ định 2. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 3. Sản xuất vật chất và vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội.	Đọc trước giáo trình (chương II và III) và tài liệu đã giới thiệu. Lên lớp nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Tự học	1. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý 2. Vấn đề chân lý	Nghiên cứu giáo trình (chương II) và các tài liệu tham khảo. Ghi chép các vấn đề tự học. Lưu ý những nội dung chưa hiểu hoặc chưa tiếp thu được một cách trọn vẹn để tiếp tục trao đổi, bổ sung.	
Thảo luận	1. Quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển và quan điểm lịch sử - cụ thể 2. Mối quan hệ giữa nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận. Ý nghĩa phương pháp luận		Theo sự sắp xếp của nhà trường
<u>Tuần 10</u>			
Lý thuyết	1. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 2. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 3. Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội.	Đọc trước giáo trình (chương III) và tài liệu đã giới thiệu. Lên lớp nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ.	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Tự học	1. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 2. Nguồn gốc của giai cấp 3. Nhà nước – công cụ chuyên chính giai cấp	Nghiên cứu giáo trình (chương III) và các tài liệu tham khảo. Ghi chép các vấn đề tự học. Lưu ý những nội dung chưa hiểu hoặc chưa tiếp thu được một cách trọn vẹn để tiếp tục trao đổi, bổ sung.	
<u>Tuần 11</u>			
Lý thuyết	1. Khái niệm giai cấp 2. Khái niệm cách mạng xã hội và nguyên nhân của cách	Đọc trước giáo trình (chương III) và tài liệu đã giới thiệu. Lên lớp nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ.	Theo sự sắp xếp của nhà trường

	mạng xã hội 3. Bản chất con người		
Tự học	1. Khái niệm con người 2. Khái niệm quần chúng nhân dân. Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử	Nghiên cứu giáo trình (chương III) và các tài liệu tham khảo. Ghi chép các vấn đề tự học. Lưu ý những nội dung chưa hiểu hoặc chưa tiếp thu được một cách trọn vẹn để tiếp tục trao đổi, bổ sung.	
Thảo luận	1. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế - xã hội 2. Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu vấn đề con người	Chuẩn bị đề cương thảo luận; các ý kiến thắc mắc và các câu hỏi liên quan đến nội dung thảo luận.	Theo sự sắp xếp của nhà trường

12. Các quy định đối với học phần và các yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên phải có đầy đủ giáo trình, tài liệu cần thiết.
- Nắm vững nội dung chương trình, tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài đầy đủ, có ý kiến trình bày trong các buổi thảo luận.
- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đối với việc tự học, tự nghiên cứu và các hoạt động nhóm.
- Đạt yêu cầu các bài kiểm tra, đánh giá định kỳ và bài thi kết thúc học phần.

13. Phương thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần:

- Kiểm tra, thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ - BGD & ĐT.
- Hình thức thi: Tự luận, Trắc nghiệm khách quan.
- Nội dung thi:
 - + Bao gồm toàn bộ phần nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên.
 - + Đảm bảo 50% kiến thức cơ bản và 50% kiến thức liên hệ, vận dụng thực tiễn.
- Thang điểm: 10, Trong đó, điểm kiểm tra chuyên cần, thái độ học tập: 10%; điểm kiểm tra định kỳ: 20%; điểm thi kết thúc học phần: 70%.

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÂM LÝ HỌC

1. Họ và tên giảng viên: Phan Quốc Lâm

Chức danh, học vị: **GVC. TS**

Hướng nghiên cứu chính: **Tâm lý học chuyên ngành**

Địa chỉ: **K6, Bến Thủy, Vinh, Nghệ An**

Điện thoại: **0383 855721** Di động: **0912079483**

E.mail: **Lamthvinh@yahoo.com.**

2. Tên học phần: TÂM LÝ HỌC

3. Mã học phần: TH20001

4. Số tín chỉ : 4

5. Loại học phần: Bắt buộc, tiên quyết.

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- | | |
|--------------------|-----|
| - Giảng lý thuyết: | 50 |
| - Thảo luận: | 10 |
| - Tự học: | 120 |

7. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên sẽ có:

- Về kiến thức:

+ Những kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý người và những hiện tượng tâm lý cơ bản, về sự phát triển tâm lý trẻ em qua các lứa tuổi và trong quá trình dạy học và giáo dục.

+ Những cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý người và tâm lý học sinh trong dạy học và giáo dục.

+ Bản chất và những qui luật tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục.

+ Đặc trưng lao động sư phạm của người giáo viên, nhân cách và con đường hình thành nhân cách sư phạm của người giáo viên.

- Về kỹ năng:

+ Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý trẻ em trong hoạt động dạy học và giáo dục.

+ Vận dụng các phạm trù, khái niệm cơ bản của tâm lý học hoạt động để đánh giá các quan điểm khác về tâm lý con người; giải thích các hiện tượng tâm lý trong cuộc sống và trong dạy học và giáo dục.

+ Vận dụng được các kiến thức đã lĩnh hội vào việc tổ chức cuộc sống, hoạt động dạy học và giáo dục.

+ Có khả năng tự đánh giá và tự tu dưỡng bản thân đáp ứng đòi hỏi của hoạt động sư phạm.

- Về thái độ: Tin tưởng vào tính khoa học, đúng đắn của tâm lý học hoạt động về bản chất và các hiện tượng tâm lý người, về sự phát triển tâm lý trẻ em trong dạy học và giáo dục, về vai trò chủ đạo của dạy học và giáo dục đối với sự phát triển đó, về khả năng tự nhận thức và tự tu dưỡng bản thân.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Nội dung học phần được cấu thành từ 4 phần:

8.1. Những vấn đề chung của tâm lý học: Tâm lý, phản ánh tâm lý, sự lĩnh hội nền văn hóa xã hội, hoạt động và hoạt động chủ đạo, giao tiếp, ý thức và chú ý, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý.

8.2. Nhận thức và học tập: đặc trưng nhận thức, nhận thức cảm tính, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ, ngôn ngữ, sự phát triển các quá trình nhận thức, sự học và hoạt động học, sự hình thành hoạt động học.

8.3. Nhân cách và sự hình thành nhân cách: khái niệm nhân cách, các phẩm chất và thuộc tính nhân cách, sự phát triển nhân cách trẻ em.

8.4. Tâm lý học sư phạm: khái niệm hoạt động dạy, sự hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo và trí tuệ trong dạy học, đạo đức và vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh, nhân cách và sự hình thành nhân cách người giáo viên.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Phần 1: Những vấn đề chung của tâm lý học

* **Thời lượng** : 1 tc (12 giờ lý thuyết, 4 thảo luận và 30 tự học)

* **Mục tiêu**: Sau khi học xong phần này, người học sẽ phải đạt được kết quả về:

Kiến thức: Nắm được những phạm trù và khái niệm cơ bản của tâm lý học Macxit, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu tâm lý, những cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý, sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.

Kỹ năng: vận dụng được kiến thức đã lĩnh hội vào việc:

- Giải thích các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong giáo dục và trong cuộc sống.
- Lĩnh hội những kiến thức của các phần sau của học phần.
- Giải quyết các vấn đề liên quan trong cuộc sống và học tập một cách có cơ sở khoa học.

Thái độ: Tin tưởng vào lý luận Macxit về tâm lý người và khả năng giáo dục, cải tạo con người.

* **Yêu cầu tự học**: Tìm hiểu

- Những quan niệm khác nhau về bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý.
- Cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý người theo quan điểm Macxit.
- Khái niệm và sự hình thành, phát triển của tâm lý, ý thức người.

SV phải nộp sản phẩm dưới dạng văn bản.

* **Hình thức hoạt động**:

- Nghe giảng và trao đổi giữa giảng viên và SV ở trên lớp.
- Nghiên cứu tài liệu.
- Thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

Chương I : Nhập môn Tâm lý học

1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học

- 1.1. Tâm lý học là một khoa học.
 - 1.2. Vài nét về sự hình thành của tâm lý học.
 - 1.3. Các lý thuyết chủ yếu trong tâm lý học hiện đại.
 - 1.4. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học.
2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý.

- 2.1. Bản chất của tâm lý người.
 - 2.2. Chức năng của tâm lý người.
 - 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý người.
3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học.
- 3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận của tâm lý học Macxit.
 - 3.2. Các phương pháp nghiên cứu chủ yếu của tâm lý học.

Chương II: Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người.

1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người.
 - 1.1. Di truyền và tâm lý.
 - 1.2. Não và tâm lý.
 - 1.3. Vấn đề định khu các chức năng tâm lý của não.
 - 1.4. Phản xạ có điều kiện và tâm lý.
 - 1.5. Các qui luật hoạt động thần kinh cấp cao.

- 1.6. Hệ thống tín hiệu thứ hai và tâm lý.
2. Cơ sở xã hội của tâm lý người.
 - 2.1. Quan hệ xã hội, nền văn hoá xã hội và tâm lý.
 - 2.2. Hoạt động và tâm lý.
 - 2.3. Giao tiếp và tâm lý.

Chương III: Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.

1. Sự hình thành và phát triển tâm lý.
 - 1.1. Sự nảy sinh và hình thành tâm lý về phương diện loài.
 - 1.2. Sự hình thành và phát triển tâm lý về phương diện cá thể.
2. Sự hình thành và phát triển của ý thức.
 - 2.1. Khái niệm ý thức.
 - 2.2. Sự hình thành và phát triển ý thức.
 - 2.3. Các cấp độ ý thức.
 - 2.4. Sự hình thành ý thức ở trẻ em
 - 2.5. Chú ý - điều kiện của hoạt động có ý thức.
 - 2.5.1. Khái niệm chú ý.
 - 2.5.2. Sự phát triển chú ý ở trẻ em.

Phần 2: Nhận thức và học tập

Thời lượng: 1tc (14 giờ lý thuyết, 30 tự học)

Mục tiêu: sau khi học xong phần 2, người học phải có được về:

Kiến thức: Những hiểu biết khoa học, cơ bản về:

- Các quá trình nhận thức, vai trò và sự phát triển chúng ở trẻ em, những cách thức phát triển nhận thức học sinh trong dạy học.

- Sự học và hoạt động học, vấn đề tổ chức hoạt động học cho học sinh.

Kĩ năng: Có khả năng vận dụng kiến thức của phần học vào việc:

- Giải thích các hiện tượng của nhận thức trong cuộc sống và học tập.

- Tổ chức phát triển các quá trình nhận thức trong học tập và trong dạy học.

- Vận dụng lý thuyết hoạt động học vào việc nắm vững các kiến thức thuộc lĩnh vực dạy học và tổ chức hoạt động học cho học sinh.

Thái độ: Tin tưởng vào sự phát triển của các quá trình nhận thức của bản thân và của học sinh trong rèn luyện và trong quá trình dạy học.

*** Tài liệu:**

1. Phạm Minh Hạc..., Tâm lý học (dùng cho các trường Cao đẳng sư phạm), NXB GD, Hà Nội, 1992.
2. Lê Văn Hồng,...Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, NXB ĐHQG Hà nội, 2001.
3. Trần Trọng Thủy,..., Bài tập thực hành tâm lý học, NXB GD, Hà Nội 1993.
4. Nguyễn Quang Uẩn, Tâm lý học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.

*** Yêu cầu tự học:** Sinh viên phải tìm hiểu về:

- Đặc điểm, vai trò, sự phát triển của các quá trình nhận thức; quan hệ và sự khác biệt giữa nhận thức cảm tính và lý tính.

- Khái niệm hoạt động học, vai trò của hoạt động học và quá trình hình thành nó ở học sinh trong quá trình dạy học.

SV phải nộp sản phẩm dưới dạng văn bản.

*** Hình thức hoạt động:**

- Nghe giảng và trao đổi giữa giảng viên và SV ở trên lớp.

- Nghiên cứu tài liệu.

- Thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

Chương IV: Các quá trình nhận thức.

1. Cảm giác
 - 1.1. Khái niệm cảm giác.
 - 1.2. Phân loại cảm giác.
 - 1.3. Vai trò của cảm giác.

- 1.4. Các qui luật của cảm giác.
2. Tri giác
 - 2.1. Khái niệm tri giác.
 - 2.2. Phân loại tri giác.
 - 2.3. quan sát và năng lực quan sát.
 - 2.4. Vai trò của tri giác.
 - 2.5. Các qui luật cơ bản của tri giác.
 - 2.6. Sự phát triển tri giác của trẻ em.
3. Tư duy
 - 3.2. Khái niệm tư duy.
 - 3.2. Các giai đoạn của một quá trình tư duy.
 - 3.3. Các thao tác của tư duy.
 - 3.4. Các loại tư duy.
 - 3.5. Sự phát triển tư duy của trẻ em
4. Tưởng tượng.
 - 4.1. Khái niệm tưởng tượng.
 - 4.2. Các loại tưởng tượng.
 - 4.3. Các cách sáng tạo hình ảnh mới của tưởng tượng.
 - 4.4. Sự phát triển tưởng tượng của trẻ em.

Chương V: Trí nhớ và ngôn ngữ

1. Trí nhớ
 - 1.1. Khái niệm trí nhớ.
 - 1.2. Phân loại trí nhớ.
 - 1.2.1. Phân loại theo đối tượng nhớ.
 - 1.2.2. Phân loại theo tính chủ định.
 - 1.2.3. Phân loại theo thời gian.
 - 1.2.4. Mối quan hệ giữa các loại trí nhớ.
 - 1.3. Các quá trình cơ bản của trí nhớ.
 - 1.3.1. Ghi nhớ.
 - 1.3.2. Tái hiện.
 - 1.3.3. Sự quên và cách chống quên.
 - 1.4. Sự khác biệt cá nhân về trí nhớ.
 - 1.5. Sự phát triển trí nhớ trẻ em.
2. Ngôn ngữ
 - 2.1. Khái niệm ngôn ngữ và hoạt động lời nói.
 - 2.1.1. Khái niệm ngôn ngữ.
 - 2.1.2. Các chức năng của ngôn ngữ.
 - 2.1.3. Hoạt động lời nói.
 - 2.2. Các hình thức của hoạt động lời nói.
 - 2.2.1. Lời nói bên ngoài.
 - 2.2.2. Lời nói bên trong.
 - 2.3. Các cơ chế của hoạt động lời nói.
 - 2.3.1. Khái niệm cơ chế lời nói.
 - 2.3.2. Cơ chế sản sinh lời nói.
 - 2.3.3. Cơ chế tiếp nhận lời nói.
 - 2.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với nhận thức.
 - 2.4.1. Vai trò của ngôn ngữ đối với nhận thức cảm tính.
 - 2.4.2. Vai trò của ngôn ngữ đối với nhận thức lý tính.
 - 2.5. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em.

Chương VI: Tâm lý học hoạt động học

1. Giới thiệu một số lý thuyết tâm lý học hoạt động học tập.
 - 1.1. Tâm lý học liên tưởng.

- 1.2. Tâm lý học hành vi.
- 1.3. Tâm lý học phát sinh (nhận thức).
- 1.4. Tâm lý học hoạt động.
2. Khái niệm hoạt động học.
- 2.1. Khái niệm sự học.
- 2.1.1. Định nghĩa sự học.
- 2.1.2. Đặc điểm sự học.
- 2.1.3. Sự khác biệt giữa sự học ở động vật và ở người.
- 2.1.4. Các loại và mức độ học ở người.
- 2.1.5. Vai trò của sự học đối với sự phát triển nhận thức, tâm lý, ý thức, nhân cách con người.
- 2.2. Khái niệm hoạt động học.
- 2.2.1. Định nghĩa hoạt động học.
- 2.2.2. Bản chất của hoạt động học.
- 2.3. Sự hình thành hoạt động học.

Phần III: Nhân cách và sự hình thành nhân cách

* **Thời lượng:** 1 tc (12 giờ lý thuyết, 4 thảo luận và 30 tự học)

* **Mục tiêu:** Sau khi học xong phần này, người học sẽ phải đạt được kết quả về:

Kiến thức: Nắm được những phạm trù và khái niệm cơ bản của tâm lý học Macxit về nhân cách, các phẩm chất và thuộc tính của nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách.

Kỹ năng: vận dụng được kiến thức đã lĩnh hội vào việc:

- Giải thích được các hiện tượng thuộc nhân cách nảy sinh trong giáo dục và trong cuộc sống.
- Lĩnh hội những kiến thức của các phần sau của học phần và lý luận giáo dục.
- Tự tu dưỡng, rèn luyện nhân cách bản thân và định hướng tác động đến nhân cách học sinh một cách có cơ sở khoa học.

Thái độ: Tin tưởng vào lý luận Macxit về nhân cách và khả năng giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người.

* **Tài liệu:**

1. Phạm Minh Hạc..., Tâm lý học (dùng cho các trường Cao đẳng sư phạm), NXB GD, Hà Nội, 1992.
2. Lê Văn Hồng,... Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, NXB ĐHQG Hà Nội, 2001.
3. Nguyễn Quang Uẩn, Tâm lý học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.

* **Yêu cầu tự học:** Tìm hiểu

- Những quan niệm khác nhau về khái niệm nhân cách, đặc trưng của nhân cách.
 - Các phẩm chất nhân cách và sự hình thành chúng ở trẻ em.
 - Khái niệm các thuộc tính nhân cách và sự hình thành chúng ở trẻ em.
- SV phải nộp sản phẩm dưới dạng văn bản.

* **Hình thức hoạt động:**

- Nghe giảng và trao đổi giữa giảng viên và SV ở trên lớp.
- Nghiên cứu tài liệu.
- Thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

I. Những vấn đề chung về nhân cách.

1. Khái niệm nhân cách.
- 1.1. Nhân cách là gì.
- 1.2. Các đặc điểm cơ bản của nhân cách.
2. Cấu trúc tâm lý của nhân cách.
3. Các kiểu nhân cách.
- 3.1. Phân loại theo định hướng giá trị.
- 3.2. Phân loại thông qua giao tiếp.
- 3.3. Phân loại theo sự bộc lộ trong hoạt động và giao tiếp.

II. Các phẩm chất tâm lý của nhân cách

1. Tình cảm.
- 1.1. Khái niệm tình cảm.

- 1.2. Các mức độ của đời sống tình cảm.
- 1.3. Vai trò của tình cảm.
- 1.4. Các qui luật của đời sống tình cảm.
- 1.5. Sự phát triển đời sống tình cảm ở trẻ em.
2. Ý chí và hành động.
- 2.1. Khái niệm ý chí.
- 2.2. Hành động ý chí.
- 2.3. Kỹ năng, kỹ xảo và thói quen.
- 2.4. Sự phát triển ý chí và hành động ở trẻ em.

II. Các nhóm thuộc tính và sự hình thành nhân cách.

1. Các nhóm thuộc tính nhân cách.
- 1.1. Xu hướng và động cơ của nhân cách.
- 1.2. Tính cách.
- 1.3. Năng lực.
- 1.4. Khí chất.
2. Sự hình thành và hoàn thiện nhân cách.
- 2.1. Các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách.
- 2.2. Sự hình thành nhân cách trẻ em.
- 2.2. Sự hoàn thiện nhân cách.

Phần 4: Tâm lý học sư phạm

* **Thời lượng** : 1 tc (12 giờ lý thuyết, 4 thảo luận và 30 tự học)

* **Mục tiêu**: Sau khi học xong phần này, người học sẽ phải đạt được kết quả về:

Kiến thức:

- Khái niệm hoạt động dạy, mục đích và nhiệm vụ dạy. Khái niệm về khái niệm và bản chất tâm lý của sự hình thành khái niệm, qui trình hình thành khái niệm. Khái niệm trí tuệ và mối quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ.
- Đạo đức và cơ sở tâm lý học của việc giáo dục đạo đức cho học sinh.
- Đặc điểm lao động sư phạm, khái niệm, cấu trúc và con đường hình thành nhân cách người thầy giáo.

Kỹ năng: vận dụng được kiến thức đã lĩnh hội vào việc:

- Giải thích được các hiện tượng thuộc lĩnh vực đạo đức và giáo dục đạo đức nảy sinh trong giáo dục và trong cuộc sống; sự hình thành khái niệm và sự phát triển trí tuệ học sinh trong dạy học.
- Lĩnh hội những kiến thức của các phần sau của học phần và lý luận dạy học và giáo dục.
- Rèn luyện khả năng tổ chức dạy học hình thành khái niệm và giáo dục đạo đức cho học sinh.
- Tự tu dưỡng, rèn luyện nhân cách sư phạm của bản thân.

Thái độ: Tin tưởng vào lý luận tâm lý học hoạt động về khả năng dạy học hình thành khái niệm, phát triển trí tuệ và giáo dục, hoàn thiện đạo đức học sinh.

* **Yêu cầu tự học**: Tìm hiểu

- Khái niệm hoạt động dạy, quan hệ giữa dạy và học, khái niệm về khái niệm và trí tuệ và sự phát triển trí tuệ.
- Đạo đức và sự phát triển đạo đức ở trẻ em.
- Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên, nhân cách sư phạm, cấu trúc và sự hình thành của nó.

SV phải nộp sản phẩm dưới dạng văn bản.

* **Hình thức hoạt động**:

- Nghe giảng và trao đổi giữa giảng viên và SV ở trên lớp.
- Nghiên cứu tài liệu.
- Thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

Chương VII: Tâm lý học dạy học

1. Sự thống nhất giữa hoạt động dạy và hoạt động học.
- 1.1. Khái niệm hoạt động dạy
- 1.2. Sự thống nhất giữa hoạt động dạy với hoạt động học.

2. Sự hình thành khái niệm, kĩ năng và kĩ xảo trong dạy học.
 - 2.1. Sự hình thành khái niệm.
 - 2.2. Sự hình thành kĩ năng, kĩ xảo, thói quen trong dạy học.
3. Sự phát triển trí tuệ trong dạy học.
 - 3.1. Khái niệm trí tuệ.
 - 3.2. Dạy học và sự phát triển trí tuệ.

Chương VIII: Tâm lý học Giáo dục

1. Đạo đức và hành vi đạo đức.
 - 1.1. Đạo đức.
 - 1.2. Hành vi đạo đức.
2. Cấu trúc tâm lý của đạo đức.
 - 2.1. Tri thức đạo đức.
 - 2.2. Động cơ đạo đức và niềm tin đạo đức.
 - 2.3. Thiện chí và thói quen đạo đức.
 - 2.4. Mối quan hệ giữa các yếu tố trong cấu trúc tâm lý của đạo đức.
3. Nhân cách là chủ thể của hành vi đạo đức.
 - 3.1. Tính sẵn sàng hành động có đạo đức.
 - 3.2. Ý thức bản ngã.
4. Vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh.
 - 4.1. Tổ chức giáo dục của nhà trường.
 - 4.2. Không khí đạo đức của nhóm.
 - 4.3. Truyền thống đạo đức và giáo dục gia đình.
 - 4.4. Tự tu dưỡng.

Chương IX: Tâm lý học nhân cách người thầy giáo.

1. Khái niệm nhân cách người thầy giáo.
2. Đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo.
 - 2.1. Đối tượng lao động là cái đang phát triển trong tâm lý học sinh.
 - 2.2. Công cụ lao động chủ yếu là nhân cách của chính mình.
 - 2.3. Lao động có chức năng tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội.
 - 2.4. Lao động có tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo.
 - 2.5. Là loại lao động trí óc chuyên nghiệp.
3. Cấu trúc nhân cách của người thầy giáo.
 - 3.1. Những vấn đề chung.
 - 3.2. Những phẩm chất sư phạm cơ bản.
 - 3.3. Những năng lực sư phạm chủ yếu.
4. Uy tín sư phạm và sự hình thành nhân cách sư phạm.
 - 4.1. Uy tín sư phạm.
 - 4.2. Sự hình thành nhân cách sư phạm.

10. Học liệu:

- 1, Phạm Minh Hạc..., Tâm lý học (dùng cho các trường Cao đẳng SP), NXB GD, Hà Nội, 1992.
- 2, Lê Văn Hồng,...Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, NXB ĐHQG Hà nội, 2001.
- 3, Nguyễn Quang Uẩn, Tâm lý học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
- 4, Trần Trọng Thủy,..., Bài tập thực hành tâm lý học, NXB GD, Hà Nội 1993.
- 5, Phan Quốc Lâm, Nguyễn Bá Minh, Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, Trường Đại học Vinh, 2005.

11. Kế hoạch thực hiện.

- Từ tuần 1 đến tuần 13 mỗi tuần lên lớp 4 giờ lý thuyết (có 2 tuần nghỉ do giảng viên đi hướng dẫn Kiến tập sư phạm).
- Từ tuần 5 đến tuần 13 chia nhóm thực hành, mỗi nhóm thực hành 3 giờ cho mỗi tuần.
- Từ tuần 1 đến tuần 15, tự học cá nhân, mỗi tuần 7 giờ.

Lịch trình dạy học cụ thể

Tuần 1: 4 giờ lên lớp, 7 giờ tự học.

Nội dung chính:

1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học
 - 1.1. Tâm lý học là một khoa học.
 - 1.2. Vài nét về sự hình thành của tâm lý học.
 - 1.3. Các lý thuyết chủ yếu trong tâm lý học hiện đại.
 - 1.4. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học.
2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý.
 - 2.1. Bản chất của tâm lý người.
 - 2.2. Chức năng của tâm lý người.
 - 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý người.
3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học.
 - 3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận của tâm lý học mac xít.
 - 3.2. Các phương pháp nghiên cứu chủ yếu của tâm lý học.

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu về đối tượng, nhiệm vụ, bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý và các phương pháp của tâm lý học.
- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 2: 4 giờ lên lớp, 7 giờ tự học.

Nội dung chính

1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người.
 - 1.1. Di truyền và tâm lý.
 - 1.2. Não và tâm lý.
 - 1.3. Vấn đề định khu các chức năng tâm lý của não.
 - 1.4. Phản xạ có điều kiện và tâm lý.
 - 1.5. Các qui luật hoạt động thần kinh cấp cao.
 - 1.6. Hệ thống tín hiệu thứ hai và tâm lý.
2. Cơ sở xã hội của tâm lý người.
 - 2.1. Quan hệ xã hội, nền văn hoá xã hội và tâm lý.
 - 2.2. Hoạt động và tâm lý.
 - 2.3. Giao tiếp và tâm lý.

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu những cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý người.
- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 3: 4 giờ lên lớp, 7 giờ tự học.

Nội dung chính:

1. Sự hình thành và phát triển tâm lý.
 - 1.1. Sự nảy sinh và hình thành tâm lý về phương diện loài.
 - 1.2. Sự hình thành và phát triển tâm lý về phương diện cá thể.

2. Sự hình thành và phát triển của ý thức.
- 2.1. Khái niệm ý thức.
- 2.2. Sự hình thành và phát triển ý thức.
- 2.3. Các cấp độ ý thức.
- 2.4. Sự hình thành ý thức ở trẻ em
- 2.5. Chú ý - điều kiện của hoạt động có ý thức.
- 2.5.1. Khái niệm chú ý.
- 2.5.2. Sự phát triển chú ý ở trẻ em.

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức về phương diện loài và phương diện cá thể.

Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Thảo luận nhóm (tự thực hiện)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 4: 4 giờ lên lớp, 7 giờ tự học.

Những nội dung chính:

1. Cảm giác
 - 1.1. Khái niệm cảm giác.
 - 1.2. Phân loại cảm giác.
 - 1.3. Vai trò của cảm giác.
 - 1.4. Các qui luật của cảm giác.
2. Tri giác
 - 2.1. Khái niệm tri giác.
 - 2.2. Phân loại tri giác.
 - 2.3. quan sát và năng lực quan sát.
 - 2.4. Vai trò của tri giác.
 - 2.5. Các qui luật cơ bản của tri giác.
 - 2.6. Sự phát triển tri giác của trẻ em.
3. Tư duy
 - 3.2. Khái niệm tư duy.
 - 3.2. Các giai đoạn của một quá trình tư duy.
 - 3.3. Các thao tác của tư duy.
 - 3.4. Các loại tư duy.
 - 3.5. Sự phát triển tư duy của trẻ em

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu các quá trình cảm giá, tri giác, tư duy.

Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 5: 4 giờ lên lớp, 3 giờ thảo luận, 7 giờ tự học.

Nội dung chính

1. Tưởng tượng.
 - 1.1. Khái niệm tưởng tượng.
 - 1.2. Các loại tưởng tượng.
 - 1.3. Các cách sáng tạo hình ảnh mới của tưởng tượng.

- 1.4. Sự phát triển tưởng tượng của trẻ em.
2. Trí nhớ
 - 2.1. Khái niệm trí nhớ.
 - 2.2. Phân loại trí nhớ.
 - 2.2.1. Phân loại theo đối tượng nhớ.
 - 2.2.2. Phân loại theo tính chủ định.
 - 2.2.3. Phân loại theo thời gian.
 - 2.2.4. Mối quan hệ giữa các loại trí nhớ.
 - 2.3. Các quá trình cơ bản của trí nhớ.
 - 2.3.1. Ghi nhớ.
 - 2.3.2. Tái hiện.
 - 2.3.3. Sự quên và cách chống quên.
 - 2.4. Sự khác biệt cá nhân về trí nhớ.
 - 2.5. Sự phát triển trí nhớ trẻ em.
3. Ngôn ngữ
 - 3.1. Khái niệm ngôn ngữ và hoạt động lời nói.
 - 3.1.1. Khái niệm ngôn ngữ.
 - 3.1.2. Các chức năng của ngôn ngữ.
 - 3.1.3. Hoạt động lời nói.
 - 3.2. Các hình thức của hoạt động lời nói.
 - 3.2.1. Lời nói bên ngoài.
 - 3.2.2. Lời nói bên trong.
 - 3.3. Các cơ chế của hoạt động lời nói.
 - 3.3.1. Khái niệm cơ chế lời nói.
 - 3.3.2. Cơ chế sản sinh lời nói.
 - 3.3.3. Cơ chế tiếp nhận lời nói.
 - 3.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với nhận thức.
 - 3.4.1. Vai trò của ngôn ngữ đối với nhận thức cảm tính.
 - 3.4.2. Vai trò của ngôn ngữ đối với nhận thức lý tính.
 - 3.5. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em.

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu các quá trình: tưởng tượng, trí nhớ, ngôn ngữ.

Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận nhóm (dưới sự hướng dẫn của giảng viên)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 6: 4 giờ lên lớp, 7 giờ tự học, 3 giờ thảo luận.

Nội dung chính

1. Giới thiệu một số lý thuyết tâm lý học hoạt động học tập.
 - 1.1. Tâm lý học liên tưởng.
 - 1.2. Tâm lý học hành vi.
 - 1.3. Tâm lý học phát sinh (nhận thức).
 - 1.4. Tâm lý học hoạt động.
2. Khái niệm hoạt động học.
 - 2.1. Khái niệm sự học.
 - 2.1.1. Định nghĩa sự học.
 - 2.1.2. Đặc điểm sự học.
 - 2.1.3. Sự khác biệt giữa sự học ở động vật và ở người.

2.1.4. Các loại và mức độ học ở người.

2.1.5. Vai trò của sự học đối với sự phát triển nhận thức, tâm lý, ý thức, nhân cách con người.

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu nội dung khái niệm : sự học.

Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 7: 4 giờ lên lớp, 3 giờ thảo luận, 7 giờ tự học.

Nội dung chính:

2.2. Khái niệm hoạt động học.

2.2.2. Định nghĩa hoạt động học.

2.2.3. Bản chất của hoạt động học.

2.3. Sự hình thành hoạt động học.

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu nội dung các khái niệm hoạt động học và sự hình thành hoạt động học.

Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện).
- Thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 8: 4 giờ lên lớp, 3 giờ thảo luận, 4 giờ tự học.

Nội dung chính

1. Khái niệm nhân cách.

1.1. Nhân cách là gì.

1.2. Các đặc điểm cơ bản của nhân cách.

2. Cấu trúc tâm lý của nhân cách.

3. Các kiểu nhân cách.

3.1. Phân loại theo định hướng giá trị.

3.2. Phân loại thông qua giao tiếp.

3.3. Phân loại theo sự bộc lộ trong hoạt động và giao tiếp.

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu các khái niệm: nhân cách, cấu trúc tâm lý và các kiểu nhân cách.

Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 9: 4 giờ lên lớp, 3 giờ thảo luận nhóm, 7 giờ tự học.

Những nội dung chính:

1. Tình cảm.
 - 1.1. Khái niệm tình cảm.
 - 1.2. Các mức độ của đời sống tình cảm.
 - 1.3. Vai trò của tình cảm.
 - 1.4. Các qui luật của đời sống tình cảm.
 - 1.5. Sự phát triển đời sống tình cảm ở trẻ em.
2. Ý chí và hành động.
 - 2.1. Khái niệm ý chí.
 - 2.2. Hành động ý chí.
 - 2.3. Kỹ năng, kỹ xảo và thói quen.

Sự phát triển ý chí và hành động ở trẻ em.

Yêu cầu tự học: - Tìm hiểu về tình cảm và ý chí – hành động.

Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 10: 4 giờ lên lớp, 3 giờ thảo luận, 7 giờ tự học.

Những nội dung chính:

1. Các nhóm thuộc tính nhân cách.
 - 1.1. Xu hướng và động cơ của nhân cách.
 - 1.2. Tính cách.
 - 1.3. Năng lực.
 - 1.4. Khí chất.
2. Sự hình thành và hoàn thiện nhân cách.
 - 2.1. Các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách.
 - 2.2. Sự hình thành nhân cách trẻ em.
 - 2.2. Sự hoàn thiện nhân cách.

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu về các thuộc tính và sự hình thành nhân cách.

Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 11: 4 giờ lên lớp, 3 giờ thảo luận, 7 giờ tự học.

Những nội dung chính:

1. Sự thống nhất giữa hoạt động dạy và hoạt động học.
 - 1.1. Khái niệm hoạt động dạy
 - 1.2. Sự thống nhất giữa hoạt động dạy với hoạt động học.
2. Sự hình thành khái niệm, kỹ năng và kỹ xảo trong dạy học.
 - 2.1. Sự hình thành khái niệm.
 - 2.2. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo, thói quen trong dạy học.

3. Sự phát triển trí tuệ trong dạy học.

3.1. Khái niệm trí tuệ.

3.2. Dạy học và sự phát triển trí tuệ.

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu khái niệm hoạt động dạy, sự hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo và trí tuệ trẻ em trong dạy học.

Nội sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hành, trình bày kết quả theo nhóm (trên lớp).

Tuần 12: 4 giờ lên lớp, 3 giờ thảo luận, 7 giờ tự học.

Những nội dung chính:

1. Đạo đức và hành vi đạo đức.

1.1. Đạo đức.

1.2. Hành vi đạo đức.

2. Cấu trúc tâm lý của đạo đức.

2.1. Tri thức đạo đức.

2.2. Động cơ đạo đức và niềm tin đạo đức.

2.3. Thiện chí và thói quen đạo đức.

2.4. Mối quan hệ giữa các yếu tố trong cấu trúc tâm lý của đạo đức.

3. Nhân cách là chủ thể của hành vi đạo đức.

3.1. Tính sẵn sàng hành động có đạo đức.

3.2. Ý thức bản ngã.

4. Vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh.

4.1. Tổ chức giáo dục của nhà trường.

4.2. Không khí đạo đức của nhóm.

4.3. Truyền thống đạo đức và giáo dục gia đình.

4.4. Tự tu dưỡng.

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu về đạo đức, hành vi đạo đức, các yếu tố tâm lý của hành vi đạo đức và vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh.

Nội sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Thực hành, trình bày kết quả theo nhóm (trên lớp).

Tuần 13: 4 giờ lên lớp, 7 giờ tự học.

Những nội dung chính:

1. Khái niệm nhân cách người thầy giáo.

2. Đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo.

2.1. Đối tượng lao động là cái đang phát triển trong tâm lý học sinh.

2.2. Công cụ lao động chủ yếu là nhân cách của chính mình.

2.3. Lao động có chức năng tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội.

2.4. Lao động có tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo.

2.5. Là loại lao động trí óc chuyên nghiệp.

3. Cấu trúc nhân cách của người thầy giáo.

3.1. Những vấn đề chung.

3.2. Những phẩm chất sư phạm cơ bản.

3.3. Những năng lực sư phạm chủ yếu.

4. Uy tín sư phạm và sự hình thành nhân cách sư phạm .

4.1. Uy tín sư phạm.

4.2. Sự hình thành nhân cách sư phạm.

Yêu cầu tự học:

- Tìm hiểu các nội dung: khái niệm nhân cách, đặc điểm lao động của người giáo viên, cấu trúc và con đường hình thành nhân cách người thầy giáo.

Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)

- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)

- Thực hành, trình bày kết quả theo nhóm (trên lớp).

11. Về kiểm tra đánh giá: Việc kiểm tra đánh giá kết quả học phần được thực hiện theo qui chế 25, cụ thể:

- Tinh thần, chất lượng chuẩn bị và tham gia thảo luận nhóm.

- Đề cương thảo luận nhóm .

- Điểm thi hết học phần qua một kì thi bằng hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

12. Đề cương cho các bài xê mi na.

* Bài 1: Bản chất của hiện tượng tâm lý người.

1, Khái niệm phản ánh, phản ánh tâm lý, phản ánh tâm lý người.

2, Tính chủ thể của tâm lý người.

3, Bản chất xã hội và tính lịch sử của tâm lý người.

* Bài 2: Hoạt động, giao tiếp và ý thức.

1, Khái niệm hoạt động.

2, Khái niệm giao tiếp.

3, Vai trò của hoạt động và giao tiếp đối với sự phát triển tâm lý.

4, Khái niệm ý thức và cấu trúc ý thức.

5, Sự phát triển hoạt động, giao tiếp và ý thức trẻ em qua các giai đoạn lứa tuổi.

* Bài 3: Nhận thức.

1, Sự giống nhau và khác nhau giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính.

2, Phân tích các giai đoạn của tư duy.

3, Các thao tác của tư duy.

4, Sự giống nhau và khác nhau giữa tư duy với tưởng tượng.

5, Sự phát triển của tư duy và tưởng tượng ở trẻ em qua các giai đoạn lứa tuổi.

* Bài 4: Hoạt động học:

1, Khái niệm sự học, sự học ở động vật và người.

2, Khái niệm hoạt động học, bản chất và sự hình thành của hoạt động học.

* Bài 5 :Nhân cách.

1, Các khái niệm: con người, cá nhân, cá tính, nhân cách và quan hệ giữa chúng.

2, Đặc điểm nhân cách.

3, Các phẩm chất tâm lý của nhân cách.

4, Các nhóm thuộc tính của nhân cách.

5, Các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách và sự hình thành nhân cách trẻ em.

6, Nhân cách người giáo viên - các phẩm chất và năng lực chủ yếu, con đường hình thành.

* Bài 6: Tâm lý học hoạt động dạy:

1, Khái niệm, mục đích và nhiệm vụ dạy.

2, Sự hình thành khái niệm ở học sinh trong dạy học.

3, Sự phát triển trí tuệ học sinh trong dạy học.

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VĂN HỌC VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG

1. Họ và tên người biên soạn: Biện Minh Điền, PGS.TS, Trưởng Bộ môn, Chủ nhiệm Chuyên ngành Đào tạo SDH Văn học Việt Nam

- Hướng nghiên cứu chính: Loại hình học văn học...

- Địa chỉ: Khoa ngữ văn Đại học Vinh. Mobile: 0912.583.891;

Email: bienminhdiem@gmail.com

* **Các giảng viên:** PGS.TS. Đinh Trí Dũng, TS. Hoàng Mạnh Hùng, Thạc sĩ Ngô Thái Lễ, Thạc sĩ Ngô Thị Quỳnh Nga, Thạc sĩ Biện Thị Quỳnh Nga, TS. Lê Thanh Nga

2. Tên học phần: Tiến trình văn học Việt Nam

3. Mã học phần: NV11001

4. Số tín chỉ: 2

5. Loại học phần: + Bắt buộc
+ Tiên quyết cho các môn: - Văn học dân gian Việt Nam
- Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII
- Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945
- Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 26

- Bài tập trên lớp: 02

- Thảo luận: 02

- Tự học: 60

7. Mục tiêu của học phần:

+ Kiến thức: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về tiến trình văn học Việt Nam (Các bộ phận, các thành phần cấu thành nên nền văn học, vấn đề phân kỳ, các thời kỳ văn học, những đặc điểm mang tính quy luật của văn học Việt Nam).

+ Kỹ năng: Giúp người học có được cái nhìn tổng quan và phương pháp tiếp cận khoa học đối với lịch sử văn học Việt Nam.

+ Thái độ, chuyên cần: Yêu cầu đầy đủ, nghiêm túc.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Tổng quan nền văn học Việt Nam (Các bộ phận, các thành phần cấu thành nên nền văn học, các mối liên hệ của văn học Việt Nam; Những nguồn cảm hứng lớn; Những đặc sắc cơ bản về hình thức, thể loại, ngôn ngữ của văn học Việt Nam). - Khái quát tiến trình và những đặc trưng chủ yếu của văn học dân gian Việt Nam. - Khái quát tiến trình và những đặc trưng cơ bản của văn học viết Việt Nam.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1 TỔNG QUAN NỀN VĂN HỌC VIỆT NAM (10 tiết)

1.1. Các bộ phận hợp thành và các mối liên hệ văn học

1.1.1. Các bộ phận hợp thành nền văn học dân tộc:

Hai bộ phận cơ bản hợp thành: văn học dân gian và văn học viết. Vai trò của từng bộ phận trong nền văn học. Mối quan hệ giữa hai bộ phận văn học

1.1.2. Các mối liên hệ của nền văn học Việt Nam:

- Các mối liên hệ văn học trong khu vực (đặc biệt với văn học Trung Quốc)
- Mối liên hệ với văn học một số nước châu Âu và phương Tây

1.1.3. Vấn đề tiếp thu, cách tân và sáng tạo

1.2. Những nguồn cảm hứng lớn trong văn học Việt Nam

1.2.1. Cảm hứng yêu nước

1.2.2. Cảm hứng nhân đạo

1.2.3. Một số nguồn cảm hứng khác (cảm hứng thế sự, tôn giáo...).

1.3. Những nét chính về hình thức, thể loại, ngôn ngữ

1.3.1. Hình thức, thể loại, ngôn ngữ của văn học dân gian

1.3.2. Hai hệ thống thể loại văn học viết (hệ thống thể loại văn học trung đại, hệ thống thể loại văn học hiện đại)

1.2.3. Chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ đối với lịch sử văn học viết Việt Nam

Chương 2 KHÁI QUÁT TIỀN TRÌNH VÀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG CHỦ YẾU CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM (4 tiết)

2.1. Tiến trình văn học dân gian Việt Nam

2.1.1. Khái niệm văn học dân gian

2.1.2. Tiến trình văn học dân gian Việt Nam:

- Văn học dân gian trước thế kỷ X
- Văn học dân gian thời trung đại (từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX)
- Văn học dân gian thời hiện đại (thế kỷ XX, XXI)

2.2. Những đặc trưng chủ yếu của văn học dân gian Việt Nam

2.2.1. Những đặc điểm chung của loại hình của văn học dân gian

- Tính truyền miệng và tính tập thể
- Tính dị bản
- Tính phi cá nhân, cá thể...

2.2.2. Những đặc trưng riêng của văn học dân gian Việt Nam

- + Là văn học của quần chúng lao động, của nhiều dân tộc (54 dân tộc)
- + Có nội dung phong phú, gắn với cuộc sống, lý tưởng xã hội, thẩm mỹ và đạo đức của nhân dân lao động các dân tộc trên đất nước Việt Nam...
- + Hệ thống thể loại khá phong phú:
 - Các thể loại tự sự, hoặc kết hợp tự sự với trữ tình (thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện thơ...).
 - Các thể loại trữ tình (ca dao, dân ca, vè, câu đố, tục ngữ...).
 - Các thể loại sân khấu dân gian (chèo, tuồng, đờ, các trò diễn dân gian...).

Chương 3
KHÁI QUÁT TIẾN TRÌNH VÀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN
CỦA VĂN HỌC VIỆT VIỆT NAM
(14 tiết)

3.1. Vấn đề phân kỳ lịch sử văn học viết Việt Nam

3.1.1. Vai trò, ý nghĩa của việc phân kỳ lịch sử văn học

3.1.2. Cơ sở KH của việc phân kỳ và phương án phân kỳ lịch sử văn học viết Việt Nam

3.2. Ba thời kỳ văn học viết Việt Nam, đặc điểm và thành tựu

3.2.1. Văn học trung đại (từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX)

+ *Khái niệm:*

- Khái niệm thời trung đại và thời trung đại ở Việt Nam

- Khái niệm văn học trung đại Việt Nam

+ *Các giai đoạn phát triển và thành tựu:*

- Văn học từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV

- Văn học từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII

- Văn học từ thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX

- Văn học nửa sau thế kỷ XIX

+ *Một số đặc trưng cơ bản của văn học trung đại Việt Nam:*

- Thể hiện chân thực, sinh động nhận thức, tư tưởng và tâm hồn Việt Nam, đặc biệt ở hai nội dung lớn yêu nước và nhân đạo.

- Có chịu ảnh hưởng của nhiều nguồn tư tưởng, văn hóa, văn học ngoại lai (đặc biệt của Trung Quốc) nhưng luôn trên tinh thần dân tộc, mang đậm bản sắc Việt Nam.

- Hệ thống quan niệm văn học, quan niệm thẩm mỹ độc đáo, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam suốt một thời kỳ dài.

- Hệ thống thể loại phong phú được hình thành từ hai nguồn: ngoại nhập (vay mượn) và nội sinh (dân tộc).

3.2.2. Văn học hiện đại - thời kỳ thứ nhất (từ đầu thế kỷ XX đến 1945)

+ *Vấn đề hiện đại hóa văn học Việt Nam*

- Khái niệm thời hiện đại và văn học hiện đại

- Con đường hiện đại hóa của văn học Việt Nam

+ *Quá trình hiện đại hóa, các giai đoạn và thành tựu*

- Chặng đường thứ nhất, từ đầu thế kỷ XX đến khoảng 1920

- Chặng đường thứ hai, từ 1920 đến 1930

(Hai chặng đường trên đây thuộc giai đoạn *văn học 30 năm đầu thế kỷ XX*. Năm mốc 1930 nên xem là có tính ước lệ, và nên chọn năm mốc này).

- Chặng đường thứ ba, từ 1930 đến 1945 (thuộc giai đoạn 2 của thời kỳ thứ nhất văn học hiện đại). Đây là chặng đường hoàn tất về cơ bản một quá trình hiện đại hóa của văn học Việt Nam.

+ *Những đặc điểm cơ bản của văn học từ đầu thế kỷ XX đến 1945*

- Văn học được đổi mới theo hướng hiện đại hóa

- Văn học phát triển với tốc độ đặc biệt mau lẹ, khẩn trương

- Văn học phân hóa thành nhiều bộ phận, nhiều khuynh hướng tư tưởng nghệ thuật phức tạp, mang rõ màu sắc hiện đại

3.2.3. Văn học hiện đại - thời kỳ thứ hai (từ 1945 đến nay)

3.3.3.1. *Cách mạng tháng Tám 1945 với lịch sử văn học dân tộc*

3.3.3.2. *Các giai đoạn văn học, đặc điểm và thành tựu:*

+ *Văn học 1945 - 1975:*

- Văn học tập trung phục vụ cho hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc: chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ (cần chú ý thêm bộ phận văn học chân chính, tiến bộ ở miền Nam không thuộc văn học Cách mạng Xã hội chủ nghĩa).

- Văn học chủ yếu được viết theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn

- Văn học cơ bản hướng về đại chúng, trước hết là công - nông - binh
- Văn học có nhiều thành tựu nhưng không tránh khỏi những hạn chế...
- + *Văn học từ 1975 đến nay*:
- Chặng đường 10 năm sau chiến tranh (1975 - 1985) của văn học
- Chặng đường đổi mới (từ 1986 đến nay) của văn học
- Một số đặc điểm chính của văn học từ 1975 đến nay (Tiếp tục khám phá, bổ sung, “nhận thức lại” quá khứ; Đổi mới cách nhìn nhận, thể hiện con người và thế giới trong nhiều mối quan hệ phong phú, phức tạp; Nỗ lực tìm tòi về cá tính và phong cách nghệ thuật;... Những thành công và hạn chế của văn học từ 1975 đến nay).

10. Học liệu:

10.1. Giáo trình chính:

1. Nhiều tác giả, *Văn học Việt Nam đại cương*, Nxb Đại học Vinh, 2013.
2. Nhiều tác giả, *Đại cương văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001.
3. Nhiều tác giả, *Lịch sử văn học Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1980

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phan Cự Đệ (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004.
2. Đinh Gia Khánh (chủ biên), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.
3. Trần Đình Hượu, *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1995.

11. Hình thức tổ chức dạy học:

NỘI DUNG MÔN HỌC CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ / TUẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	Chương 1: <i>Tổng quan nền văn học Việt Nam</i> (10 tiết)	- Đọc Giáo trình số 1, Chương 1 (tr.5 – 50); Giáo trình số 3, tr.5 – tr. 25.	Tuần 1: 2 tiết Tuần 2: 2 tiết Tuần 3: 2 tiết Tuần 4: 2 tiết Tuần 5: 2 tiết	Do nhà trường bố trí, quy định
Lý thuyết	Chương 2 (4 tiết): <i>Văn học dân gian Việt Nam, tiến trình những đặc điểm chính</i>	- Đọc Giáo trình số 1, Chương 2; Giáo trình số 2, tr.7 – tr. 36; Giáo trình số 3, tr.5 – tr. 25.; Đọc TLTK số 2, tr.7–49.	Tuần 6: 2 tiết Tuần 7: 2 tiết	
Lý thuyết	Chương 3 (14 tiết): <i>Văn học viết Việt Nam, tiến trình và những đặc điểm chính</i>	- Đọc giáo trình số 1, chương 3; - Giáo trình số 2, tr.37-116. - Đọc TLTK số 1, 3.	Tuần 8: 2 tiết Tuần 9: 2 tiết Tuần 10: 2 tiết Tuần 11: 2 tiết Tuần 12: 2 tiết	

			Tuần 13: 2 tiết Tuần 14: 2 tiết	
Bài tập				
Thực hành				
Thảo luận	Về một v/d của VHVN...	Theo nhóm	Tuần 15: 2 tiết	
Tự học	Theo các chương, mục trong nội dung chi tiết	Theo hướng dẫn của giáo viên	60 tiết	
Tư vấn	Tư vấn về môn học	Chuẩn bị câu hỏi		

12. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên:

- Giờ lý thuyết trên lớp: 28 (Chương 1: 10; Chương 2: 4; Chương 3: 14 tiết). Giờ thực hành (bài tập hoặc thảo luận): 2 tiết.

- Yêu cầu tham gia đầy đủ số giờ lý thuyết trên lớp, chuẩn bị tốt cho sermina (hoặc làm bài tập) theo quy định của người dạy.

13. Phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả môn học:

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên việc học trên lớp, tự học, việc chuẩn bị bài, thảo luận của sinh viên (tỉ trọng 1/10).

- Kiểm tra giữa kỳ (kiểm tra viết) lấy một con điểm điều kiện (tỉ trọng 2/10)

- Thi hết môn học. Thời gian làm bài: 90 phút. Thang điểm: 10.

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CƠ SỞ NGÔN NGỮ HỌC VÀ TIẾNG VIỆT

1. Họ và tên giảng viên: Hoàng Trọng Canh

Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng bộ môn, PGS. TS.

Hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ học đại cương; Từ vựng, Ngữ nghĩa, Phương ngữ học tiếng Việt.

Địa chỉ, điện thoại: Khối 6, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, Nghệ An,

Điện thoại: 01658589317; 0983694575

2. Tên học phần: Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt

3. Mã học phần: NV20002

4. Số tín chỉ : 3

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

- Giảng lý thuyết: 40 tiết
- Thực hành (thảo luận nhóm): 05 tiết
- Tự học: 90 tiết

7. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức cơ bản: Nắm vững các vấn đề cơ bản của ngôn ngữ loài người và các vấn đề tổng quan của tiếng Việt để tiếp tục học các môn khác trong ngành sư phạm Ngữ Văn và Văn học.

- Kỹ năng : Rèn luyện thói quen nhận thức, lý giải các nội dung của môn học một cách hệ thống, lô-gích và khái quát theo quan điểm biện chứng; rèn luyện kỹ năng làm Lịch sử vấn đề.

- Thái độ, chuyên cần: Bồi dưỡng thái độ nghiêm túc, chính xác, cụ thể, chặt chẽ khoa học trong học tập và nghiên cứu, trong thảo luận, viết thu hoạch,... về các vấn đề, hiện tượng của ngôn ngữ.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp kiến thức về 5 vấn đề cơ bản của ngôn ngữ loài người (bản chất và chức năng; hệ thống và cấu trúc; nguồn gốc và sự phát triển; phân loại ngôn ngữ) và 3 vấn đề tổng quan (nguồn gốc và quan hệ họ hàng; các giai đoạn phát triển; loại hình ngôn ngữ) của tiếng Việt.

9. Nội dung chi tiết học phần

MỞ ĐẦU : NGÔN NGỮ VÀ NGÔN NGỮ HỌC

Chương 1 : Cơ sở ngôn ngữ học

1.1. Bản chất của ngôn ngữ

1.1.1. Bản chất xã hội của ngôn ngữ: Ngôn ngữ là hiện tượng xã hội đặc biệt

1.1.2. Bản chất tín hiệu của ngôn ngữ: Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu đặc biệt

1.2. Các chức năng cơ bản của ngôn ngữ

1.2.1. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người

1.2.2. Ngôn ngữ là phương tiện của tư duy

1.3. Hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ

1.3.1. Các khái niệm: hệ thống, cấu trúc

1.3.2. Các loại đơn vị trong hệ thống ngôn ngữ

1.3.3. Ba quan hệ cơ bản trong ngôn ngữ

- 1.3.4. Các đặc điểm của hệ thống ngôn ngữ
- 1.4. Nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ
 - 1.4.1. Quan điểm duy vật biện chứng về nguồn gốc của ngôn ngữ
 - 1.4.2. Sự phát triển của ngôn ngữ
- 1.5. Ngôn ngữ học so sánh và việc phân loại ngôn ngữ
 - 1.5.1. Phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc
 - 1.5.2. Phân loại ngôn ngữ theo loại hình

Chương 2 : Cơ sở tiếng Việt

- 2.1. Nguồn gốc và quan hệ họ hàng của tiếng Việt
 - 2.1.1. Một số quan niệm về nguồn gốc của tiếng Việt
 - 2.1.2. Quan niệm hiện nay về nguồn gốc và quan hệ họ hàng của tiếng Việt
- 2.2. Các giai đoạn lịch sử của tiếng Việt
 - 2.2.1. Việc phân kỳ lịch sử tiếng Việt
 - 2.2.2. Đặc điểm của các giai đoạn lịch sử tiếng Việt
- 2.3. Đặc điểm loại hình của tiếng Việt
 - 2.3.1. Khái quát về các loại hình ngôn ngữ
 - 2.3.2. Các đặc điểm loại hình của tiếng Việt

10. Học liệu

- Giáo trình chính:

- 1/ Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (tái bản, 1997), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội.
- 2/ Mai Ngọc Chừ (chủ biên) - Nguyễn Thị Ngân Hoa- Đỗ Việt Hùng – Bùi Minh Toán (2007), *Nhập môn ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- 3/ Nguyễn Thiện Giáp - chủ biên (1995), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

- 1/ Nguyễn Tài Cẩn (2003), *Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hóa*. Nxb. ĐHQG Hà Nội.
- 2/ Trần Văn Minh (2008), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt* (Tập bài giảng theo học chế tín chỉ), Trường Đại học Vinh.
- 3/ Stankêvich N.V. (1982), *Loại hình các ngôn ngữ*, Nxb. ĐH&THCN, Hà Nội
- 4/ Nguyễn Ngọc San (2003), *Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử*, Nxb. ĐHSư phạm
- 5/ Ferdinand De Saussure(2005), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương* (Cao Xuân Hạo dịch); Nxb. KHXH

11. Hình thức tổ chức dạy học

NỘI DUNG MÔN HỌC CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ/ TUẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm
Lý thuyết	Chương I: 1- Bài: Bản chất của ngôn ngữ 2- Bài: Các chức năng cơ bản của ngôn ngữ 3- Bài: Hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ 4- Bài: Nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ 5- Bài: Ngôn ngữ học so sánh và việc phân loại ngôn ngữ	1- Đọc (có ghi chép) giáo trình (GT): [3], tr.8-16; GT [2]: tr.14-18. 2- Đọc GT: [1], tr.11-16; GT [2]: tr.19- 24. 3- Đọc (GT): [3], tr.52- 59; GT [2]: tr.25- 38. GT [1]: tr.25- 33. 4. Đọc GT: [1], tr.34-44; GT [2]: tr.39- 58; GT [3]: tr.25- 51. 5. Đọc GT: [2], tr.59-82.	Tuần 1, 2 Tuần 2, 3 Tuần 4,5,6 Tuần 7, 8 Tuần 9, 10 Tại lớp học theo sự sắp xếp của trường

	Chương II: 6- Bài: Nguồn gốc và quan hệ họ hàng của ngôn ngữ 7- Bài: các giai đoạn của lịch sử tiếng Việt 8. Bài 8. Đặc điểm loại hình của tiếng Việt	6. Đọc GT [1]: tr.47- 55. 7. Đọc (có ghi chép) Tài liệu tham khảo [1] tr.401-411 . Đọc (có ghi chép) Tài liệu tham khảo [2] tr.66-74. - Chuẩn bị một số câu hỏi để đề xuất với giảng viên để nghị giải đáp	Tuần 11,12 Tuần 13,14 Tuần 14, 15	
Bài tập	1- Bài tập về Hệ thống các đơn vị ngôn ngữ; đặc điểm tiếng Việt 2- Bài kiểm tra về chương I 3- Bài kiểm tra chương II	1- Sinh viên chuẩn bị bài tập theo vấn đề và câu hỏi giảng viên cho 2- Ôn tập các phần đã học để làm bài kiểm tra thường xuyên	Tuần 5 +6 Tuần 14	Tại lớp học theo sự sắp xếp của trường
Thảo luận	1- Tín hiệu ngôn ngữ; Các đơn vị ngôn ngữ 2- Đặc trưng loại hình tiếng Việt	1- Soạn đề cương các nội dung cần thảo luận 2- Soạn đề cương các nội dung cần thảo luận	Tuần 5+6 Tuần 14	Tại lớp học theo sự sắp xếp của trường
Tự học	1- Đọc học liệu có ở phần lý thuyết trên 2- Soạn đề cương thảo luận theo vấn đề. Làm các bài tập giảng viên ra. 3- Làm một số bài tập nghiên cứu nhỏ	1- Tự nghiên cứu các phần không giảng ở trên lớp 2- Làm các bài tập theo hệ thống câu hỏi đã cho	Từ tuần 1 → 15	- Ở nhà và tại các trung tâm tư liệu
Tư vấn	1- Giới thiệu chương trình, tài liệu tham khảo 2- Phổ biến yêu cầu và phương pháp học tập, nghiên cứu		- Tuần 1 - Tuần 2	Lớp học

12. Qui định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Nghe giảng đầy đủ tất cả các tiết lên lớp của giảng viên (số giờ bảng 1).
- Tham dự đầy đủ và có chất lượng các tiết thảo luận ở nhóm (số giờ ở bảng 1).
- Đọc đầy đủ (có ghi chép thu hoạch) các tài liệu tham khảo bắt buộc của môn học.
- Hai bài kiểm tra định kỳ của môn học: đạt điểm loại đạt trở lên.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá

- Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (tính chuyên cần);
- Kiểm tra - đánh giá định kỳ (Bằng nhiều hình thức: Phát vấn, thảo luận, trình bày đề cương thảo luận, kiểm tra tự luận sau từng chương)
- Thi kết thúc môn học theo hình thức tự luận (theo ngân hàng đề thi).

- Thang điểm:

- Điểm chuyên cần = 10 % kết quả toàn môn học.
- Kiểm tra - đánh giá định kỳ = 20 % kết quả toàn môn học.
- Điểm bài thi kết thúc môn học = 70 % kết quả toàn môn học.

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

1- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thanh Trâm

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ.

- Hướng nghiên cứu chính: Các lĩnh vực văn học dân gian trong nước và trên thế giới. Một số vấn đề về văn hoá Việt Nam. Văn học dân gian trong nhà trường.

- Địa chỉ: CBGD khoa Ngữ văn trường Đại học Vinh

- Số điện thoại: NR. 038.3855003; DD. 01234300982

2- Tên học phần : Văn học dân gian Việt Nam

3- Mã học phần : NV20003

4- Số tín chỉ : 03

5- Loại học phần: Bắt buộc và tiên quyết

6- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 40 tiết

- Bài tập trên lớp + Thảo luận: 05 tiết

- Tự học: 90 tiết

7- Mục tiêu của học phần:

- **Kiến thức:** Nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về văn học dân gian Việt Nam – một lĩnh vực khoa học có tính đặc thù. Bao gồm: đặc trưng, hệ thống thể loại và đặc điểm thi pháp từng thể loại VHDG Việt Nam .

- **Kỹ năng:** Giúp cho sinh viên biết cách tiếp cận các tác phẩm VHDG Việt Nam tồn tại trên thực tế và được tuyển chọn trong chương trình sách giáo khoa môn Ngữ văn ở trường THCS và THPT. Hình thành năng lực tự nghiên cứu để giải quyết các vấn đề cấp thiết đang đặt ra trong nền Folklore (phôn cơ lo) học nước nhà và dạy tốt môn này ở trường phổ thông.

- **Thái độ:** Trân trọng di sản văn hoá phi vật thể của nhân dân qua kho tàng VHDG. Từ đó khai thác giá trị lớn lao của bộ phận văn học này để phục vụ sự nghiệp đổi mới của đất nước trong thời hiện tại.

8- Tóm tắt nội dung học phần:

- Đề cập các khái niệm cơ bản: Văn hoá dân gian, văn nghệ dân gian và văn học dân gian. Trọng tâm là khái niệm văn học dân gian. Các khái niệm thuộc các thể loại VHDG Việt Nam gồm: Truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, tục ngữ, ca dao, sử thi và truyện thơ dân gian. Hiện tượng giao thoa thể loại trong VHDG

- Trong phần dẫn luận VHDG (chương mở đầu), trình bày các thuộc tính và vị trí, vai trò của VHDG trong đời sống xã hội. Phân biệt VHDG và VHV trên một số phương diện.

- Trong từng thể loại, trên cơ sở nắm bắt các khái niệm, bài học còn lấy một số tác phẩm tiêu biểu để phân tích, chứng minh và bàn luận, nhất là các tác phẩm còn có những cách hiểu chưa thống nhất. Giữa các thể loại, tiến hành thao tác so sánh để phân biệt đặc trưng của chúng.

9- Nội dung chi tiết học phần:

Môn văn học dân gian Việt Nam gồm tất cả 7 chương:

- Chương 1: **Dẫn luận**

- 1.1: Về khái niệm văn học dân gian
- 1.2: Các thuộc tính của văn học dân gian
- 1.3: Hệ thống thể loại văn học dân gian Việt Nam
- 1.4: Vị trí, vai trò của văn học dân gian

- Chương 2: **Thần thoại**

- 2.1: Định nghĩa
- 2.2: : Đặc trưng của thần thoại
- 2.3 Nội dung và ý nghĩa của thần thoại
- 2.4: Một số đặc điểm nghệ thuật thần thoại
- 2.5: Bài tập

- Chương 3: **Truyền thuyết**

- 3.1. Định nghĩa
- 3.2. Phân loại
- 3.3. Đặc trưng thể loại của truyền thuyết
- 3.4. Nội dung và ý nghĩa của truyền thuyết
- 3.5. Đặc điểm thi pháp truyền thuyết
- 3.6. Phương pháp phân tích tác phẩm truyền thuyết
- 3.7. Xêmina.

- Chương 4: **Truyện cổ tích**

3.1: Giới thuyết chung về thể loại truyện cổ tích: Về tên gọi, định nghĩa và vấn đề phân loại

3.2: Quá trình sưu tầm, giới thiệu và nghiên cứu truyện cổ tích Việt Nam

3.3: Một số đặc điểm thi pháp truyện cổ tích: Cốt truyện, nhân vật, thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật

3.4: Xêmina: Một số truyện đang gây tranh cãi như *Tấm Cám, Trương Chi, Chử Đồng Tử*, v.v...

- Chương 5: **Truyện cười và truyện trạng**

4.1. Vấn đề phân loại truyện cười và truyện trạng hiện nay

4.2. Truyện cười: Định nghĩa, bản chất và đặc điểm của tiếng cười trong truyện cười, phân loại truyện cười và một số đặc điểm thi pháp của thể loại này

4.3: Truyện trạng: Định nghĩa, bản chất và đặc điểm của tiếng cười trong truyện cười, phân loại truyện cười và một số đặc điểm thi pháp của thể loại này - Chương 5:

Chương 6. **Tục ngữ**

5.1: Tục ngữ với tư cách là một thể loại VHDG có tính đặc thù: Định nghĩa, phân biệt tục ngữ với một số loại khác, tính chất “tiền nghệ thuật” của tục ngữ.

5.2: Phân loại tục ngữ Việt Nam: Tiêu chí, kết quả và đặc điểm từng thể loại

5.3: Một số đặc điểm thi pháp tục ngữ: tính chất cô đúc, giàu vần điệu, cấu trúc câu và các phương thức tạo nghĩa của tục ngữ

5.4: Xêmina: Về nghĩa của tục ngữ

- Chương 7: **Ca dao**

6.1: Giới thuyết chung về ca dao: một số định nghĩa, mối quan hệ giữa ca dao với dân ca, so sánh với thơ (VHV) và phân biệt với một số loại khác.

6.2: Vấn đề phân loại ca dao: Cấp độ, tiêu chí và kết quả phân loại ca dao người Việt

6.3: Thi pháp ca dao

Nhân vật trữ tình, các thể thơ, đặc điểm ngôn ngữ, thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật, ba thủ pháp biểu hiện trong ca dao

6.4: Xêmina: Về một số bài ca dao có những cách hiểu chưa thống nhất. Ca dao mới và ca dao cổ v.v...

- **Chương 8: Văn học dân gian các dân tộc ít người**

7.1: Tình hình điều tra, sưu tầm và giới thiệu VHDG các dân tộc ít người ở Việt Nam

7.2: Sử thi

+ Định nghĩa, phân loại, một số đặc điểm thi pháp

+ Giảng văn: Sử thi *Đam San* (Ê Đê)

+ Xêmina: Một chương (tự chọn) trong sử thi *Đam San*

7.3: Truyện thơ dân gian

+ Định nghĩa, các tiểu loại và một số đặc điểm thi pháp

+ Giảng văn: *Tiến dặn người yêu* (Thái)

+ Xêmina: So sánh Sử thi và Truyện thơ dân gian

10- Học liệu:

10.1: Giáo trình chính

1. Đinh Gia Khánh (chủ biên), Chu Xuân Diên – Võ Quang Nhơn: *Văn học dân gian Việt Nam*, tái bản lần thứ tư, NXB Giáo dục, H.2000

2. Đỗ Bình Trị và Hoàng Tiến Tựu: *Văn học dân gian Việt Nam*, tập I và II, NXB Giáo dục, H.1991 và 1990.

3. Phạm Thu Yến, Nguyễn Bích Hà, *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb giáo dục, H. 2001.

4. Nguyễn Thị Thanh Trâm, *Văn học dân gian Việt Nam*, Bài giảng lưu hành nội bộ.

10.2: Tài liệu tham khảo

5. Cao Huy Đình: *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H.1974

6. Cao Huy Đình: *Người anh hùng làng Gióng*, NXB Khoa học xã hội, H.1972

7. Nguyễn Xuân Đức: *Những vấn đề thi pháp văn học dân gian*, NXB Khoa học xã hội, H.2003

8. Nguyễn Xuân Kính: *Thi pháp ca dao*, NXB Khoa học xã hội, H.2006

9. Nhiều tác giả: *Văn hoá dân gian, những lĩnh vực nghiên cứu*, NXB Khoa học xã hội, H.1989

10. Nhiều tác giả: *Văn hoá dân gian, những phương pháp nghiên cứu*, NXB Khoa học xã hội, H.1990

11. Nguyễn Đồng Chi, *Khảo lược thần thoại Việt Nam*, Nxb Văn sử địa, 1956.

12. Nhiều tác giả, *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 3,4 Truyền thuyết dân gian, Nxb KHXH, 2004.

13. Nhiều tác giả, *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 6,7- Truyện cổ tích. Nxb KHXH, 2004.

14. Nhiều tác giả, *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập - Truyện cười và truyện trạng, Nxb KHXH, 2004.

10.3: Các bài báo

Của các nhà nghiên cứu văn học trong và ngoài nước đã đăng tải trong *Tạp chí văn học*, *Văn hoá dân gian*, *Nghiên cứu giáo dục* và *Nguồn sáng dân gian* từ trước tới nay.

11- Hình thức tổ chức dạy học:

NỘI DUNG HỌC PHẦN CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ/TUẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	
Lý thuyết	1- Bài: Dẫn luận 2- Bài: Thần thoại 3- Bài: Truyền thuyết 4. Bài: Truyện cổ tích 5- Bài: Truyện cười và truyện trạng 6- Bài: Tục ngữ 7- Bài: Ca dao	Bài 1- Đọc tài liệu 1 (tr.7-50), TL 2 (tr.5-25), TL4 (tr.1- 10), Bài 2- Đọc TL1(tr.269-294), TL2 (tr.25 - 46), TL4 (11-21), TL11. Bài 3- Đọc TL 2 (tr.46 - 66), TL 4 (tr.22-38), TL 6,12. Bài 4: đọc TL 1 (tr.294-348),	- Tuần 1 + 2 - Tuần 3 + 4 - Tuần 6 + 7 + 8 - Tuần 8 + 9	Tại lớp học theo sự sắp xếp của trường

	8- Bài: Văn học dân gian các dân tộc ít người	TL 2 (tr.104 - 135), TL 4 (tr.39-55), TL 7, 13. Bài 5: đọc TL 1 (tr.362-391), TL 2 (tr.135-157), TL 4 (tr.56-67), TL 14. Bài 6: đọc TL 1 (tr.243-257), TL 2 (tr.186 -215), TL 4 (tr.68- 76). Bài 7: đọc TL 1 (tr. 410-499), TL 2 (215 -246), TL 4 (77-98), TL 8. Bài 8: đọc TL 1 (tr. 531-831), TL 4 (tr.89-99)	- Tuần 9 + 10 + 11 - Tuần 11 + 12 - Tuần 14 + 15	
Bài tập	1- Giảng một truyện thần thoại hoặc truyền thuyết (tự chọn) 2- Bài kiểm tra về truyện cổ tích 3- Bài kiểm tra về ca dao	1- Soạn giảng văn trong khuôn khổ 1 tiết 2- Ôn tập các phần đã học để làm bài kiểm tra thường xuyên	- Tuần 5 - Tuần 8 - Tuần 12	Tại lớp học theo sự sắp xếp của trường
Thảo luận	1- Các tác phẩm VHDG người Việt có cách hiểu khác nhau 2- So sánh đặc trưng một số thể loại VHDG Việt Nam	1- Soạn đề cương tác phẩm cần thảo luận 2- Soạn đề cương các phần cần so sánh	- Tuần 5 + 6 - Tuần 9 - Tuần 11 + 12	Tại lớp học theo sự sắp xếp của trường
Tự học	1- Đọc học liệu có ở phần lý thuyết trên 2- Soạn giảng và tập giảng 3- Làm một số bài tập nghiên cứu nhỏ	1- Tự nghiên cứu các phần không giảng ở trên lớp 2- Làm các bài tập theo hệ thống câu hỏi đã cho	Từ tuần 1 → 15	- Ở nhà và tại các trung tâm tư liệu

12- Qui định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các tiết lý thuyết, làm đủ các bài tập và dự các giờ thảo luận. Nếu nghỉ quá 20% tổng số tiết học trên lớp (45 tiết) và không có bài kiểm tra thường xuyên thì không được dự thi kết thúc học phần.
- Đảm bảo thời gian tự học và có kế hoạch tự học, tự nghiên cứu cho bản thân. Đọc tài liệu có ghi chép và tự xử lý nguồn thông tin cần thiết.
- Xuất trình kết quả tự học, tự nghiên cứu để giảng viên kiểm tra, đánh giá. Nếu đạt kết quả tốt thì được thay kiểm tra thường xuyên.

13- Phương thức kiểm tra và đánh giá kết quả học phần:

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần, tinh thần, thái độ chiếm tỷ lệ: 1/10 điểm.
 - + Điểm kiểm tra thường xuyên chiếm tỷ lệ : 2/10 điểm.
 - + Điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ lệ : 7/10 điểm.
 - + Hình thức kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần : Tự luận.
(riêng kiểm tra thường xuyên có thể dùng cả hình thức vấn đáp).
- Thang điểm: 10

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGŨ ÂM VÀ TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT

1. Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hoài Nguyên

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS.

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ âm tiếng Việt, Ngôn ngữ học và Việt ngữ học, Phương ngữ tiếng Việt

Địa chỉ, điện thoại: SN 17, ngõ 87, đường Nguyễn Đình Chiểu, khối 16, Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Tel: 0383854578, 0912922305

2. Tên học phần: Ngữ âm tiếng Việt

3. Mã học phần: NV20004

4. Số tín chỉ: 02

5. Loại học phần: bắt buộc

Tiên quyết: đã học xong học phần *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

- Lý thuyết: 26

- Bài tập: 04

- Tự học: 60

7. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Việt, về cấu trúc âm vị học tiếng Việt, hệ thống ngữ âm tiếng Việt và những vấn đề hữu quan (đọc diễn cảm, chữ viết và chính tả tiếng Việt); cung cấp kiến thức cơ bản về từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt, hình thành kỹ năng phân tích từ và nghĩa của từ trong dạy học Ngữ văn và tạo lập văn bản. Đây là những kiến thức bắt buộc phải được trang bị trong dạy học Ngữ văn, trong nghiên cứu ngôn ngữ và cả trong hoạt động giao tiếp.

- Kỹ năng: Nâng cao kỹ năng phân tích cơ cấu ngữ âm, từ vựng tiếng Việt, vận dụng vào việc giảng dạy bộ môn tiếng Việt trong nhà trường THPT.

- Thái độ, chuyên cần: Có thái độ coi trọng mặt âm thanh, từ vựng của tiếng Việt, tích cực rèn luyện, trau dồi phát âm, từ vựng tiếng Việt chuẩn mực trong giao tiếp và trong giảng dạy môn ngữ văn ở trường THPT.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần gồm có 7 chương, được chia làm 2 phần: ngữ âm (3 chương) và từ vựng tiếng Việt (4 chương). Phần **Ngữ âm** cung cấp kiến thức cơ bản về ngữ âm và âm vị học tiếng Việt, hình thành kỹ năng phân tích vai trò của các đơn vị ngữ âm trong dạy học Ngữ văn ở phổ thông; Phần **Từ vựng** cung cấp kiến thức cơ bản về từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt, hình thành kỹ năng phân tích từ và nghĩa của từ trong dạy học Ngữ văn và tạo lập văn bản. Đây là những kiến thức bắt buộc phải được trang bị trong dạy học Ngữ văn, trong nghiên cứu ngôn ngữ và cả trong hoạt động giao tiếp.

5. Nội dung chi tiết học phần

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn bị của sinh viên
1 (4 tiết)	Phần 1. NGŨ ÂM Chương 1. Đại cương về ngữ âm <i>1. Ngữ âm và ngữ âm học</i> <i>2. Các đơn vị ngữ âm</i>	- Giảng viên cung cấp đề cương chi tiết môn học; Giới thiệu môn học; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp kiểm tra đánh giá; - Tiến hành phân nhóm theo danh sách và cho sinh viên ngồi theo nhóm. - Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu slide. - Phát vấn: Giảng viên đặt câu hỏi cho sinh viên trả lời và ngược lại (nếu có).	- Chuẩn bị giáo trình 2 và tài liệu tham khảo 8. - Vở ghi chép cá nhân. - Chuẩn bị cho thảo luận theo nhóm: + Vở chuẩn bị bài và thảo luận của cá nhân. + Vở chuẩn bị chung của nhóm. + Sổ theo dõi hoạt động của các thành viên do nhóm trưởng phụ trách. - Nghiên cứu và chuẩn bị trước nội dung về Đối tượng, phương pháp nghiên cứu của môn học
	Chương 2. Hệ thống ngữ âm tiếng Việt <i>1. Âm tiết tiếng Việt</i>	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu slide. - Phát vấn: Giảng viên đặt câu hỏi cho sinh viên trả lời và ngược lại (nếu có).	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 2. - Vở ghi chép cá nhân. - Nghiên cứu và chuẩn bị trước nội dung thảo luận. - Chuẩn bị cho học lý thuyết.
2	2. Hệ thống âm đầu	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu slide. - Phát vấn: Giảng viên đặt câu hỏi cho sinh viên trả lời và ngược lại (nếu có).	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 2. - Vở ghi chép cá nhân. - Nghiên cứu và chuẩn bị trước nội dung thảo luận. - Chuẩn bị cho học lý thuyết.
	Thảo luận nhóm: Khảo sát và miêu tả hệ thống âm đầu trong	Thảo luận nhóm: Sinh viên thảo luận các nội dung chính, trình bày các kết quả thảo luận bằng slide.	Chuẩn bị cho thảo luận theo nhóm: - Vở chuẩn bị bài và thảo luận của cá nhân - Sổ theo dõi hoạt động của các thành

	phương ngữ Nghệ Tĩnh.		viên do nhóm trưởng phụ trách. - Tham gia nội dung thảo luận do giáo viên yêu cầu trên lớp.
3	3. Âm đệm	- Thuyết giảng: Giáo viên viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide. - Sinh viên tìm hiểu về âm đệm trong tiếng Việt	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 2; + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập
	4. Âm chính	- Thuyết giảng: giảng viên viết bảng, thuyết trình - sinh viên tìm hiểu về hệ thống âm chính tiếng Việt.	+ Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 2. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập
4	5. Âm cuối	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide. - Sinh viên tìm hiểu về hệ thống âm cuối tiếng Việt	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 2. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập
	6. Hệ thống thanh điệu	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide. - Sinh viên tìm hiểu về hệ thống thanh điệu tiếng Việt.	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 2. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập
5	Thảo luận nhóm: Khảo sát và miêu tả hệ thống thanh điệu trong phương ngữ Nghệ Tĩnh	Thảo luận nhóm: Sinh viên thảo luận các nội dung chính, trình bày kết quả thảo luận của mình bằng slide	Chuẩn bị cho thảo luận theo nhóm: - Vở chuẩn bị bài và thảo luận của cá nhân - Sổ theo dõi hoạt động của các thành viên do nhóm trưởng phụ trách.

	Chương 3. Một số vấn đề ngữ âm tiếng Việt liên quan đến nhà trường 1. Ngữ điệu và vấn đề đọc diễn cảm 2. Chữ viết và chính tả 3. Chuẩn hóa phát âm	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide. - Sinh viên tìm hiểu về chữ viết và chính tả tiếng Việt	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 3. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập.
6	Thảo luận nhóm: Vấn đề chính tả d/gi?	Thảo luận nhóm: Sinh viên thảo luận các nội dung chính, trình bày kết quả thảo luận của mình bằng slide	Chuẩn bị cho thảo luận theo nhóm: - Vở chuẩn bị bài và thảo luận của cá nhân - Sổ theo dõi hoạt động của các thành viên do nhóm trưởng phụ trách.
	Phần 2. TỪ VỰNG Chương 4. Dẫn luận 1. Từ vựng và từ vựng ngữ nghĩa học 2. Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu từ vựng ngữ nghĩa học	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 4. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập.
7	2. Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu từ vựng ngữ nghĩa học (tiếp) 3. Giản lược lịch sử từ vựng ngữ nghĩa học tiếng Việt	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide. - Sinh viên tìm hiểu về các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu từ vựng ngữ nghĩa học	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 4. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập.
	Chương 5. Từ và từ vựng tiếng Việt 1. Từ tiếng Việt	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide.	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 4. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập.

8	2. Ngữ cố định	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide.	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 5. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập.
	Thảo luận nhóm: Tìm hiểu cấu trúc của thành ngữ tiếng Việt	- Sinh viên trình bày kết quả thảo luận và trình chiếu bằng slide	Chuẩn bị cho thảo luận theo nhóm: - Vở chuẩn bị bài và thảo luận của cá nhân - Sổ theo dõi hoạt động của các thành viên do nhóm trưởng phụ trách.
9	Chương 6. Cơ cấu nghĩa của từ và từ vựng tiếng Việt 1. Nghĩa của từ	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide.	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 6. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập.
	2. Hệ thống ngữ nghĩa từ vựng	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide.	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 6. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập.
10	Chương 7. Các lớp từ vựng tiếng Việt 1. Lớp từ vay mượn	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide. Sinh viên tìm hiểu về các lớp từ vay mượn trong tiếng Việt	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 7. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập - Đặt câu hỏi cho giáo viên về nội dung quan tâm của bài học.
	Thảo luận nhóm: Tìm hiểu sắc thái phong cách của nhóm từ Hán – Việt	Sinh viên thảo luận và trình bày kết quả bằng slide	Chuẩn bị cho thảo luận theo nhóm: - Vở chuẩn bị bài và thảo luận của cá nhân - Vở chuẩn bị chung của nhóm - Sổ theo dõi hoạt động của các thành viên do nhóm trưởng phụ trách.
11	2. Từ địa phương	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide. Sinh viên tìm hiểu về các lớp từ địa phương	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 7. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập. - Đặt câu hỏi cho giáo viên về nội dung quan tâm của bài học.
	Thảo luận	Sinh viên thảo luận và	Chuẩn bị cho thảo luận theo nhóm:

	nhóm: Khảo sát và miêu tả lớp từ xưng hô trong các phương ngữ	trình bày kết quả bằng slide	- Vở chuẩn bị bài và thảo luận của cá nhân - Vở chuẩn bị chung của nhóm - Sổ theo dõi hoạt động của các thành viên do nhóm trưởng phụ trách.
12	3. Thuật ngữ khoa học và Từ nghề nghiệp	- Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide. - Sinh viên tìm hiểu về thuật ngữ khoa học và Từ nghề nghiệp	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 7. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập. - Đặt câu hỏi cho giáo viên về nội dung quan tâm của bài học.
	Thảo luận nhóm: Lựa chọn một nghề nghiệp nào đó và khảo sát lớp từ của nghề đó	Sinh viên thảo luận và trình bày bằng slide	- Chuẩn bị cho thảo luận theo nhóm: - Vở chuẩn bị bài và thảo luận của cá nhân - Vở chuẩn bị chung của nhóm - Sổ theo dõi hoạt động của các thành viên do nhóm trưởng phụ trách.
13	Chương 8. Từ ngữ và vấn đề dạy học từ ngữ trong chương trình ngữ văn phổ thông 1. Kiến thức về từ ngữ trong chương trình Ngữ văn mới	- SV tìm hiểu về từ ngữ trong ngôn ngữ và trong văn chương	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 8. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập. - Đặt câu hỏi cho giáo viên về nội dung quan tâm của bài học.
	Thảo luận nhóm: Lựa chọn một văn bản trong chương trình Ngữ văn và miêu tả nó về mặt từ ngữ.	Sinh viên thảo luận và trình bày bằng slide	- Chuẩn bị cho thảo luận theo nhóm: - Vở chuẩn bị bài và thảo luận của cá nhân - Vở chuẩn bị chung của nhóm - Sổ theo dõi hoạt động của các thành viên do nhóm trưởng phụ trách.
14	2. Nhận diện và sử dụng từ ngữ trong giao tiếp	- SV tìm hiểu về tầm quan trọng của phân tích từ ngữ trong dạy học ngữ văn	- Chuẩn bị cho học lý thuyết: + Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo chương 8. + Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập. - Đặt câu hỏi cho giáo viên về nội dung

			quan tâm của bài học.
	Thảo luận nhóm: Lựa chọn một văn bản trong chương trình Ngữ văn PT để phân tích những đặc sắc về mặt từ ngữ	Sinh viên thảo luận và trình bày bằng slide	Chuẩn bị cho thảo luận theo nhóm: - Vở chuẩn bị bài và thảo luận của cá nhân - Vở chuẩn bị chung của nhóm - Sổ theo dõi hoạt động của các thành viên do nhóm trưởng phụ trách.
15	Thảo luận nhóm: Khảo sát lớp từ Hán Việt trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn THPT.	Sinh viên thảo luận và trình bày bằng slide	Chuẩn bị cho thảo luận theo nhóm: - Vở chuẩn bị bài và thảo luận của cá nhân - Vở chuẩn bị chung của nhóm - Sổ theo dõi hoạt động của các thành viên do nhóm trưởng phụ trách.
	Thảo luận, tổng kết và ôn tập Thảo luận: - Đặt câu hỏi cho giáo viên về nội dung quan tâm của học phần	- Tổng kết môn học và hướng dẫn ôn tập, hướng dẫn cách làm bài thi cuối kỳ. Đọc điểm chuyên cần, thái độ và quá trình thảo luận, làm bài tập tình huống.	+ Vở ghi chép cá nhân, dụng cụ học tập. - Đặt câu hỏi cho giáo viên về nội dung quan tâm của bài học.

10. Học liệu

Giáo trình:

[1]. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục 1981.

[2]. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học và THCN, H.1977.

Tài liệu tham khảo:

[1] Hoàng Trọng Canh (chủ biên), Trịnh Thị Mai, *Giáo trình Từ - Hán - Việt*, Nxb ĐH Vinh, 2019.

[2] Nguyễn Tài Cẩn, *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 1995.

[3] Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2004.

[4] Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 1998.

[5] Nguyễn Thị Hai, *Ngữ âm học tiếng Việt hiện đại*, Nxb Thanh niên, 2017.

[6] Vương Hữu Lễ, Hoàng Dũng, *Giáo trình Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.1994.

[7] Phan Ngọc, *Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt*, Nxb Đà Nẵng, 1984.

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Ngoài tập bài giảng, cần có các giáo trình và tài liệu tham khảo.
- Dự các buổi lý thuyết, các xêmina, làm các loại bài tập, tham gia thảo luận theo từng nội dung.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá

Tự luận, trắc nghiệm
Điểm chuyên cần, thái độ: 10%
Điểm kiểm tra giữa kì: 20%
Điểm kiểm tra cuối kì: 70%
- Thang điểm: 10/10.

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

1. Họ và tên giảng viên:

Trần Vũ Tài

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ.

Hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Địa chỉ: Cơ quan: Khoa Lịch sử - Đại học Vinh ĐT : 0383.855728.

Nhà riêng: Số 10 - Đường Lê Doãn Nhã - P. Trung Đô - TP. Vinh.

ĐT: 0383.551441. ĐD: 0912.883021.

2. Tên môn học: TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

3. Mã môn học: LS10001

4. Số tín chỉ: 2

5. Loại môn học: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 26 giờ

- Thảo luận: 4 giờ

- Tự học: 60 giờ

7. Mục tiêu của môn học:

- **Kiến thức:** Trang bị cho người học một cách có hệ thống và khái quát về những nội dung chính trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc từ buổi đầu dựng nước đến nay.

- **Kỹ năng:**

+ Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử.

+ Rèn luyện cho người học kỹ năng tiếp tục đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến lịch sử Việt Nam.

- **Thái độ:**

+ Trân trọng những thành quả, giá trị lịch sử ngàn đời mà tổ tiên, ông cha ta đã gây dựng.

+ Tự hào về bề dày và truyền thống của lịch sử dân tộc, tự nhận thấy trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần viết tiếp những trang sử vẻ vang của quê hương, đất nước.

8. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

9. Nội dung chi tiết môn học:

Tín chỉ 1: TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM THỜI KỲ CỔ – TRUNG ĐẠI

Chương 1

VIỆT NAM TỪ THỜI NGUYÊN THỦY ĐẾN THỜI KỲ DỰNG NƯỚC

1.1. Việt Nam thời nguyên thủy

1.2. Việt Nam thời kỳ dựng nước Văn Lang - Âu Lạc

1.2.1. Nước Văn Lang thời Hùng Vương

1.2.2. Nước Âu Lạc thời An Dương Vương

Chương 2

VIỆT NAM THỜI BẮC THUỘC (179 TCN - 938)

- 2.1. Chính sách đô hộ và đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc
- 2.2. Tình hình kinh tế - xã hội - văn hóa
- 2.3. Các cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu
- 2.4. Vài nét về sự hình thành và phát triển của các quốc gia cổ Chăm pa, Phù Nam

Chương 3

VIỆT NAM TỪ GIỮA THẾ KỶ X ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX

- 3.1. Việt Nam từ giữa thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIV
 - 3.1.1. Việt Nam nửa cuối thế kỷ X
 - 3.1.2. Các vương triều Lý - Trần - Hồ
 - 3.1.3. Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm
 - 3.1.4. Văn hóa Việt Nam thời Lý - Trần - Hồ
- 3.2. Việt Nam ở thế kỷ XV
 - 3.2.1. Khởi nghĩa Lam Sơn
 - 3.2.2. Việt Nam thời Lê sơ
- 3.3. Việt Nam từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII
 - 3.3.1. Tình hình chính trị
 - 3.3.2. Tình hình kinh tế
 - 3.3.3. Tình hình văn hóa
- 3.4. Việt Nam từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX
 - 3.4.1. Tình hình Đàng Ngoài
 - 3.4.2. Tình hình Đàng Trong và phong trào nông dân Tây Sơn
 - 3.4.3. Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX dưới triều Nguyễn

Tín chỉ 2: TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM THỜI KỶ CẬN – HIỆN ĐẠI

Chương 4

VIỆT NAM TỪ 1858 ĐẾN 1945

- 4.1. Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX
- 4.2. Việt Nam đầu thế kỷ XX
 - 4.2.1. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội và tư tưởng
 - 4.2.2. Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX
- 4.3. Việt Nam trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)
- 4.4. Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời
 - 4.4.1. Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp
 - 4.4.2. Phong trào yêu nước 1919 - 1925
 - 4.4.3. Phong trào cách mạng 1925 - 1929
 - 4.4.4. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời
- 4.5. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kỳ 1930 - 1945
 - 4.5.1. Phong trào cách mạng toàn quốc 1930 - 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ Tĩnh
 - 4.5.2. Đấu tranh phục hồi lực lượng 1932 - 1935
 - 4.5.3. Phong trào dân chủ 1936 - 1939
 - 4.5.4. Cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc 1939 - 1945

Chương 5

VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN 1975

- 5.1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta (1945 - 1954)
 - 5.1.1. Việt Nam năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám (2/9/1945 - 19/12/1946)
 - 5.1.2. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược 1946 - 1954
 - 5.1.3. Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương
 - 5.1.4. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm
- 5.2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta (1954 - 1975)
 - 5.2.1. Tình hình nước ta sau 1954 và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam
 - 5.2.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc

5.2.3. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam

5.2.4. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Chương 6

VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NAY

6.1. Hoàn thành thống nhất đất nước (1975 - 1976)

6.2. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc 1976 - 1986

6.3. Việt Nam trên đường đổi mới (1986 - nay)

6.3.1. Chủ trương đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam

6.3.2. Thành tựu

6.3.3. Hạn chế

10. Học liệu:

- Tài liệu tham khảo chính:

1. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam (toàn tập)*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.

2. Nhiều tác giả, *Lịch sử đại cương*, Trường ĐHSP Hà Nội 1, Hà Nội, 1994.

3. Nguyễn Đình Lễ (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam (từ nguồn gốc đến nay)*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1998.

4. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.

5. Trần Bá Đệ, *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, NXB KHXH, 2000.

- Bản đồ, tranh ảnh, băng ghi âm, ghi hình...

11. Hình thức tổ chức dạy học: Lý thuyết kết hợp với thực hành và tự học

Lịch trình chung

Nội dung môn học	Hình thức tổ chức dạy học			
	Lên lớp		Tự học	Ghi chú
	Lý thuyết	Thảo luận		
Chương 1	4	1	10	
Chương 2	3	0	10	
Chương 3	6	1	10	
Chương 4	6	1	13	
Chương 5	5	1	10	
Chương 6	2	0	7	

Lịch trình dạy học cụ thể

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	Chương 1: Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thời kỳ dựng nước 1.1. Việt Nam thời nguyên thủy 1.2. Việt Nam thời kỳ dựng nước Văn Lang - Âu Lạc	Đọc các tài liệu 1; 3; 4 ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 1
Tự học	- <i>Dấu vết sinh sống của người nguyên thủy trên lãnh thổ Việt Nam.</i> - <i>Dấu tích diễn tiến văn hóa từ hậu kỳ đá cũ đến hậu kỳ đá mới ở Việt Nam.</i>		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	1.2. Việt Nam thời kỳ dựng nước	Đọc các tài liệu	Lớp học	

	Văn Lang - Âu Lạc (tiếp)	1; 3; 4 ở phần học liệu		Tuần 2
Tự học	- Thời đại đồ đồng. - Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	Chương 2: Việt Nam thời Bắc thuộc (179 TCN – 938) 2.1. Chính sách đô hộ và đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc 2.2. Tình hình kinh tế - xã hội - văn hóa 2.3. Các cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu	Đọc các tài liệu 1; 3; 4 ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 3
Tự học	- Chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc. - Các cuộc khởi nghĩa: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan...		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	2.4. Vài nét về sự hình thành và phát triển của các quốc gia cổ Chăm pa, Phù Nam Chương 3: Việt Nam từ giữa thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX 3.1. Việt Nam từ giữa thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIV	Đọc các tài liệu 1; 3; 4 ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 4
Tự học	- Lịch sử, văn hóa các Vương quốc cổ Chăm Pa, Phù Nam. - Các triều đại Khúc, Ngô, Đinh, Tiền Lê.		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	3.1. Việt Nam từ giữa thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIV (tiếp) 3.2. Việt Nam ở thế kỷ XV	Đọc các tài liệu 1; 3; 4 ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 5
Tự học	- Tình hình kinh tế, văn hóa, chính trị - xã hội Việt Nam từ thế kỷ XI đến XV. - Các cuộc kháng chiến chống giặc Tống, Mông - Nguyên, Minh.		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	3.3. Việt Nam từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII 3.4. Việt Nam từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX	Đọc các tài liệu 1; 3; 4 ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 6
Tự học	- Cục diện Nam – Bắc triều và Đảng Trong – Đảng Ngoài. - Phong trào nông dân Tây Sơn.		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	3.4. Việt Nam từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX (tiếp) Chương 4: Việt Nam từ 1858 đến 1945 4.1. Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX *Kiểm tra giữa kỳ: giảng viên hỏi vấn đáp qua các buổi giảng, hoặc ra câu hỏi kiểm tra trên lớp hay ở nhà.	Đọc các tài liệu 1; 3; 4 ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 7

Tự học	- <i>Vương triều Nguyễn (1802 – 1884).</i> - <i>Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc (1858 - 1896)</i>		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	4.2. Việt Nam đầu thế kỷ XX 4.3. Việt Nam trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)	Đọc các tài liệu 1; 4; 5 ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 8
Tự học	- <i>Xu hướng bạo động và cải cách đầu thế kỷ XX.</i> - <i>Việt Nam trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918).</i>		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	4.4. Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời 4.5. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kỳ 1930 – 1945	Đọc các tài liệu 1; 4; 5 ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 9
Tự học	- <i>Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp (1919 - 1929).</i> - <i>Phong trào yêu nước ở Việt Nam 1919 – 1929.</i> - <i>Quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</i> - <i>Phong trào cách mạng Việt Nam 1930 – 1939.</i>		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	4.5. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kỳ 1930 – 1945 (tiếp) Chương 5: VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN 1975 5.1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta (1945 - 1954)	Đọc các tài liệu 1; 4; 5 ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 10
Tự học	- <i>Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam.</i> - <i>Cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.</i>		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	5.1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta (1945 - 1954) (tiếp) 5.2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta (1954 - 1975)	Đọc các tài liệu 1; 4; 5 ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 11
Tự học	- <i>Tình hình kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao của Việt Nam thời kỳ 1946 – 1954.</i> - <i>Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam sau năm 1954</i>		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	5.2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta (1954 – 1975) (tiếp)	Đọc các tài liệu 1; 4; 5 ở phần học liệu	Lớp học	
Tự học	- <i>Thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thời kỳ 1954 – 1975.</i>		Thư viện, ở nhà	

	- Quân dân ta đánh thắng các chiến lược chiến tranh do Mỹ gây ra. - Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.			Tuần 12
Lý thuyết	Chương 6: Việt Nam từ 1975 đến nay 6.1. Hoàn thành thống nhất đất nước (1975 – 1976) 6.2. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc 1976 – 1986 6.3. Việt Nam trên đường đổi mới (1986 – nay)	Đọc các tài liệu 1; 4; 5 ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 13
Tự học	- Công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ 1986 đến nay: Hoàn cảnh, chủ trương, thành tựu, hạn chế.		Thư viện, ở nhà	
Thảo luận	- Đặc điểm của nền văn minh sông Hồng. - Nền văn minh Đại Việt: Quá trình hình thành, phát triển và những thành tựu cơ bản	- Đọc các tài liệu 1; 2; 3; 4; 5 ở phần học liệu. - Lập đề cương vấn đề thảo luận. - Thảo luận theo nhóm.	Lớp học	Tuần 14
Tự học	- Văn hóa Chăm Pa, Phù Nam. - Nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ		Thư viện, ở nhà	
Thảo luận	- Lý giải thỏa đáng nguyên nhân mất nước ta ở nửa sau thế kỷ XIX. - Quá trình thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng ở Việt Nam từ 1954 đến 1975.	- Đọc các tài liệu 1; 2; 3; 4; 5 ở phần học liệu. - Lập đề cương vấn đề thảo luận. - Thảo luận theo nhóm.	Lớp học	Tuần 15
Tự học	- Nước Việt Nam đối diện với cuộc vũ trang xâm lược của thực dân Pháp ở nửa sau thế kỷ XIX. - Cách mạng XHCN ở miền Bắc và CMDTDCND Ở miền Nam (1954 - 1975)		Thư viện, ở nhà	

2. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên:

- Người học phải tham gia nghe giảng tại lớp đạt ít nhất 80% số giờ qui định của môn học.
- Người học phải chuẩn bị bài chu đáo, có ý thức học tập và tinh thần xây dựng bài trên lớp.
- Hoàn thành bài kiểm tra giữa môn học
- Dự thi kết thúc môn học

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học:

- Điểm chuyên cần chiếm tỉ lệ 1/10.
- Điểm kiểm tra giữa môn học chiếm tỉ lệ 2/10.
- Thi kết thúc môn học chiếm tỉ lệ 7/10.

- Điểm môn học là trung bình chung của điểm chuyên cần + điểm kiểm tra giữa kỳ + điểm thi kết thúc môn học và phải đạt tối thiểu 5 điểm mới hoàn thành môn học.
- Thang điểm: 10

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn.

- *Những kỹ năng cơ bản sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp*

Nắm vững kiến thức của các môn: Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất, sinh lý học thể dục thể thao

Phương tiện và phương pháp giáo dục thể chất, kỹ chiến thuật của các môn thể thao có trong chương trình.

Thuần thục các môn thể thao quần chúng, phát huy những tố chất vận động của sinh viên có năng lực tổ chức, quản lý phong trào thể dục thể thao của học sinh, phát hiện, bồi dưỡng nhân tài thể thao trẻ trong học sinh.

2. Thời gian đào tạo: 5 học kỳ

3. Khối lượng và kiến thức toàn khoá: 5 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Sinh viên đang theo học tập trung tại trường

5. Quy trình đào tạo, điều kiện cấp chứng chỉ:

Thực hiện theo quyết định số 25 /2006/ QĐ - BGDDT về quy chế Đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành ngày 26/ 6/ 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm: 10 (1/2/7)

7. Nội dung chương trình:

Kiến thức: 5 tín chỉ

- GDTC 1 (1 tín chỉ) Lý thuyết chung về LL GDTC (**Bắt buộc**)
- GDTC 2 (1 tín chỉ) Thể dục và điền kinh (**Bắt buộc**)
- GDTC 3,4,5 (3 tín chỉ): Tự chọn 1 trong các nội dung sau:
 - + AEROBIC
 - + Kỹ thuật chạy cự ly ngắn
 - + Kỹ thuật nhảy xa
 - + Kỹ thuật nhảy cao
 - + Võ Taekwondo
 - + Bóng chuyền
 - + Bóng đá
 - + Đá cầu
 - + Bóng ném
 - + Cờ Vua (Giành cho sinh viên khuyết tật và bệnh lý)

8. Mô tả văn tắt nội dung và khối lượng các học phần:

8.1. Lý luận và phương pháp GDTC

Cung cấp cho sinh viên hiểu tương đối, có hệ thống những kiến thức mở đầu về giáo dục thể chất, góp phần định hướng tổng quát về hoạt động này, làm cơ sở để tiếp tục học thực hành giáo dục thể chất.

Tập luyện chạy cự ly ngắn, kỹ thuật chạy tiếp sức và vượt rào nhằm nâng cao được các tố chất thể lực và hỗ trợ cho các môn thể thao khác.

8.2. Thể dục và điền kinh

- Học phần GDTC 2 là học phần bắt buộc trong nội dung chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh.

- Học phần này còn trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về đội ngũ, đội hình, những tư thế cơ bản của các bài tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ và giáo dục thể lực chung cũng như rèn luyện sức bền chung.

- Sinh viên phải học học phần này đạt từ 5 điểm trở lên mới được học các học phần khác kế tiếp của giáo dục thể chất.

8.3. Tự chọn AEROBIC

Môn thể dục Aerobic là môn khoa học vận động để phát triển thể chất con người. Là học phần tự chọn của sinh viên hệ không chuyên. Aerobic là một môn giáo dục rèn luyện khả năng mềm dẻo, khéo léo, phát triển các tổ chất cơ bản của cơ thể, tăng cường thể chất và sức khỏe cho người tập, hình thành các tư thế chính xác, sửa chữa những khuyết tật về hình thể làm cho cơ thể phát triển cân đối. Học phần nhằm bồi dưỡng tính thẩm mỹ, tư tưởng tình cảm, tính lạc quan, tư thế tác phong nhanh nhẹn, khỏe đẹp cho người tập.

8.4. Bóng chuyền

Trang bị cho sinh viên về kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của học phần. phục vụ chủ yếu cho việc giảng dạy và huấn luyện trong chương trình giáo dục bộ môn ở trường THPT. Giúp sinh viên nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài, huấn luyện ở cấp cơ sở.

8.5. Bóng đá

Trang bị cho sinh viên về kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của học phần. phục vụ chủ yếu cho việc giảng dạy và huấn luyện trong chương trình giáo dục bộ môn ở trường THPT. Giúp sinh viên nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài, huấn luyện môn bóng đá ở cấp cơ sở.

8.6. Bóng ném

Trang bị cho sinh viên về kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của học phần. phục vụ chủ yếu cho việc rèn luyện thể lực, giúp sinh viên nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu.

8.7. Cờ vua

- Cờ vua (còn gọi là cờ quốc tế) là môn thể thao mà ngành thể dục thể thao đã xác định là một trong những môn thể thao mũi nhọn trong chiến lược phát triển, vì vậy cờ vua là một học phần bắt buộc trong chương trình đối với sinh viên các trường đại học. Chương trình học tập này nhằm giới thiệu và trang bị một số kiến thức cơ bản về lý luận và thực hành để khi ra trường sinh viên có thể làm công tác phong trào, tuyên truyền giảng dạy cho học sinh mới tập chơi cờ.

8.8. Đá cầu

- Môn thể thao đá cầu nhằm trang bị kiến thức kỹ năng, kỹ xảo vận động cũng như chuyên môn, làm cơ sở tiếp thu thuận lợi các hoạt động trong cuộc sống và hoạt động thể thao.

8.9. Chạy cự ly ngắn

Các môn chạy là môn khoa học vận động để phát triển thể chất con người, trong đó kỹ thuật chạy cự ly ngắn là một môn giáo dục tổ chất sức nhanh, năng lực phối hợp vận động cho người học. Chạy cự ly ngắn là một môn hoạt động có chu kỳ, nó bao gồm: 100m, 200m và 400m. Tập luyện chạy cự ly ngắn nhằm nâng cao được tổ chất thể lực và hỗ trợ cho các môn thể thao khác. Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là một nội dung cơ bản trong hệ thống giáo dục thể chất trường học phổ thông.

8.10. Nhảy xa

Nhảy xa là môn khoa học vận động để phát triển thể chất con người, là một môn giáo dục tổ chất sức nhanh, sức mạnh tốc độ, năng lực phối hợp vận động cho người học.

Nhảy xa là một môn hoạt động không có chu kỳ. Tập luyện nhảy xa nhằm nâng cao được tổ chất thể lực và hỗ trợ cho các môn thể thao khác. Kỹ thuật nhảy xa là một nội dung cơ bản trong hệ thống giáo dục thể chất trường học phổ thông.

Đặc điểm chung của nhảy xa là cần kéo dài khoảng cách bay trên không do nỗ lực của người nhảy trong lấy đà và giậm nhảy tạo nên.

8.11. Nhảy cao

Các môn nhảy cao là môn khoa học vận động để phát triển thể chất con người, là một môn giáo dục tổ chức sức nhanh, sức mạnh, năng lực phối hợp vận động cho người học. Nhảy cao là một môn hoạt động không có chu kỳ, nó bao gồm nhiều kỹ thuật khác nhau. Tập luyện nhảy cao nhằm nâng cao được tổ chức thể lực, tinh thần dũng cảm và hỗ trợ cho các môn thể thao khác. Kỹ thuật nhảy cao là một nội dung cơ bản trong hệ thống giáo dục thể chất trường học phổ thông.

8.12. Tự chọn Taekwondo

Taekwondo là một bộ phận hữu cơ của phương tiện GDTC và nền văn hoá xã hội, có những đặc trưng cơ bản chuyên biệt sử dụng hợp lý có hiệu quả để chuẩn bị thể lực, hoàn thiện thể chất đáp ứng nhu cầu cuộc sống xã hội, cuộc sống văn hoá của con người, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành nội dung nguyên lý, kỹ thuật học phần. Nắm bắt được phương pháp giảng dạy và một số điều luật cơ bản.

9. Nội dung chi tiết học phần:

TÍN CHỈ 1

Chương I: Những vấn đề chung của lý luận phương pháp GDTC

I. Một số khái niệm cơ bản trong Giáo dục thể chất:

- 1.1. Khái niệm Giáo dục thể chất .
- 1.2. Khái niệm phát triển thể chất.
- 1.3. Khái niệm về Thể dục thể thao.
- 1.4. Nguồn gốc của Thể dục thể thao và chức năng vốn có.
- 1.5. Ảnh hưởng của TDTT đối với cơ thể.

II. Mục đích, nhiệm vụ của GDTC

- 2.1. Mục đích GDTC
- 2.2. Nhiệm vụ chung của Giáo dục thể chất .
 - 2.2.1. Nhóm nhiệm vụ Giáo dục thể chất theo nghĩa hẹp
 - 2.2.2. Nhóm nhiệm vụ giáo dục thể chất
 - 2.2.3. Nhóm nhiệm vụ hình thành nhân cách con người

Chương II: Các phương tiện - phương pháp – nguyên tắc giáo dục thể chất

I. Bài tập thể chất là phương tiện chuyên môn cơ bản của Giáo dục thể chất

- 1.1. Khái niệm bài tập thể chất
- 1.2. Nguồn gốc của bài tập thể chất
- 1.3. Nội dung và hình thức bài tập thể chất
- 1.4. Các nhân tố xác định sự tác động hợp lý của bài tập thể chất.
- 1.5. Ý nghĩa phương tiện của các nhân tố môi trường tự nhiên và các nhân tố vệ sinh.

II. Cơ sở cấu trúc của các phương pháp Giáo dục thể chất

- 2.1. Lượng vận động và quãng nghỉ là yếu tố thành phần cơ bản của phương pháp GDTC.
- 2.2. Phương pháp trò chơi
- 2.3. Phương pháp thi đấu

III. Các nguyên tắc về phương pháp GDTC

- 3.1. Nguyên tắc vừa sức
- 3.2. Nguyên tắc hệ thống
- 3.3. Nguyên tắc tăng tiến

Chương III: Một số vấn đề y – sinh học trong hoạt động TDTT

I. Sự biến đổi một số chức năng sinh lý của cơ thể trong hoạt động TDTT

- 1.1. Sự biến đổi chức năng tuần hoàn, hô hấp, máu
- 1.2. Sự biến đổi chức năng thần kinh, cơ

II. Vệ sinh trong tập luyện TDTT

- 2.1. Vệ sinh trước tập luyện
- 2.2. Vệ sinh trong thời gian tập luyện

- 2.3. Vệ sinh sau tập luyện
- 2.4. Dinh dưỡng và thể thao

III. Chấn thương thể thao và một số chứng thường gặp, cách xử lý

3.1. Chấn thương thể thao:

- 3.1.1. Khái niệm chấn thương thể thao
- 3.1.2. Một số chấn thương thường gặp và cách xử lý ban đầu

3.2. Một số chứng thường gặp trong tập luyện TDTT

- 3.2.1. Một số chứng thường gặp và cách sơ cứu ban đầu
- 3.2.2. Một mối và căng thẳng quá độ trong tập luyện TDTT; cách phòng và xử lý

Đề phòng chấn thương trong TDTT - Một số quy định sơ cứu chấn thương

TÍN CHỈ 2

I. Môn Thể dục

- 1.Đội ngũ, đội hình*
- 2.Bài thể dục buổi sáng*
- 3.Bài thể dục giữa giờ*

II. Môn Điền kinh.

1. Kỹ thuật môn Đi bộ thể thao.

- Xây dựng khái niệm kỹ thuật Đi bộ thể thao.
- Tập các động tác bổ trợ kỹ thuật chuyên môn.
- Hoàn thiện kỹ thuật.

2. Kỹ thuật Chạy cự ly trung bình.

- Xây dựng khái niệm kỹ thuật chạy cự ly trung bình.
- Tập bổ trợ kỹ thuật.
- Hoàn thiện kỹ thuật.

III. Tổ chức kiểm tra, thi đấu.

TÍN CHỈ 3, 4, 5

Tự chọn: Aerobic

Tín chỉ 3

1. Xây dựng khái niệm kỹ thuật động tác
 - Giáo viên phân tích làm mẫu kỹ thuật động tác
 - Cho xem phim, ảnh kỹ thuật (đúng, sai, toàn bộ và chi tiết động tác)
 - Cho người học thực hiện các tư thế cơ bản tay phối hợp với chân, giáo viên nhận xét ưu khuyết điểm của người học.
2. Dạy kỹ thuật động tác giậm chân tại chỗ - di chuyển ngang kết hợp với cổ.
 - Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
 - Thực hiện tư thế của tay
 - Thực hiện tư thế của chân
 - Phối hợp tay và chân
3. Dạy kỹ thuật động tác lườn - vặn mình.
 - Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
 - Thực hiện tư thế của tay
 - Thực hiện tư thế của chân
 - Phối hợp tay và chân
4. Dạy kỹ thuật động tác nhún bật lên cao xuống bằng một chân, một chân co – Dạy kỹ thuật động tác phối hợp.
 - Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
 - Thực hiện tư thế của tay
 - Thực hiện tư thế của chân
 - Phối hợp tay và chân
5. Dạy kỹ thuật động tác di chuyển ngang chân chéo sau - Dạy kỹ thuật động tác di chuyển chéo trái phải.

- Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
- Thực hiện tư thế của tay
- Thực hiện tư thế của chân
- Phối hợp tay và chân

6. Dạy kỹ thuật động tác chạy tại chỗ - Dạy kỹ thuật động tác phối hợp và kết thúc.

- Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
- Thực hiện tư thế của tay
- Thực hiện tư thế của chân
- Phối hợp tay và chân

Tín chỉ 4

1. Xây dựng khái niệm kỹ thuật động tác

- Giáo viên phân tích làm mẫu kỹ thuật động tác
- Cho xem phim, ảnh kỹ thuật (đúng, sai, toàn bộ và chi tiết động tác)
- Cho người học thực hiện các tư thế cơ bản tay phối hợp với chân, giáo viên nhận xét ưu khuyết điểm của người học.

2. Dạy kỹ thuật động tác giậm chân tại chỗ - tay chân kết hợp với di chuyển.

- Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
- Thực hiện tư thế của tay
- Thực hiện tư thế của chân
- Phối hợp tay và chân

3. Dạy kỹ thuật động tác tay ngực di chuyển sang ngang- di chuyển tiến, lùi.

- Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
- Thực hiện tư thế của tay
- Thực hiện tư thế của chân
- Phối hợp tay và chân

4. Dạy kỹ thuật động tác dậm chân tại chỗ, vỗ tay- Dạy kỹ thuật động tác bật nhảy.

- Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
- Thực hiện tư thế của tay
- Thực hiện tư thế của chân
- Phối hợp tay và chân

5 Dạy kỹ thuật động tác di chuyển chéo trái, phải - Dạy kỹ thuật động tác chạy tại chỗ.

- Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
- Thực hiện tư thế của tay
- Thực hiện tư thế của chân
- Phối hợp tay và chân

6. Dạy kỹ thuật động tác kiểm soát gót chân tại chỗ - Dạy kỹ thuật động tác di chuyển ngang chân bước chéo sau.

- Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
- Thực hiện tư thế của tay
- Thực hiện tư thế của chân
- Phối hợp tay và chân

Tín chỉ 5

1. Xây dựng khái niệm kỹ thuật động tác

- Giáo viên phân tích làm mẫu kỹ thuật động tác
- Cho xem phim, ảnh kỹ thuật (đúng, sai, toàn bộ và chi tiết động tác)
- Cho người học thực hiện các tư thế cơ bản tay phối hợp với chân, giáo viên nhận xét ưu khuyết điểm của người học.

2. Dạy kỹ thuật động tác mở bài - tay kết hợp đánh hông.

- Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
- Thực hiện tư thế của tay
- Thực hiện tư thế của chân

- Phối hợp tay và chân
- 3. Dạy kỹ thuật động tác di chuyển tiến lùi - tay vai.
 - Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
 - Thực hiện tư thế của tay
 - Thực hiện tư thế của chân
 - Phối hợp tay và chân
- 4. Dạy kỹ thuật động tác bật nhảy kết hợp với lườn – Dạy kỹ thuật động tác di chuyển ngang.
 - Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
 - Thực hiện tư thế của tay
 - Thực hiện tư thế của chân
 - Phối hợp tay và chân
- 5. Dạy kỹ thuật động tác phối hợp - Dạy kỹ thuật động tác lưng bụng.
 - Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
 - Thực hiện tư thế của tay
 - Thực hiện tư thế của chân
 - Phối hợp tay và chân
- 6. Dạy kỹ thuật động tác nhảy - Dạy kỹ thuật động tác kết thúc.
 - Giáo viên phân tích, làm mẫu kỹ thuật động tác
 - Thực hiện tư thế của tay
 - Thực hiện tư thế của chân
 - Phối hợp tay và chân

Tự chọn Điền kinh (Kỹ thuật chạy cự ly ngắn)

Tín chỉ 3

1. Xây dựng khái niệm kỹ thuật và tìm hiểu đặc điểm chạy của người học.
 - Giáo viên phân tích làm mẫu kỹ thuật.
 - Cho xem phim, ảnh kỹ thuật (đúng và sai, toàn bộ và chi tiết động tác).
 - Cho người học chạy lặp lại 30m – 50m, giáo viên nhận xét ưu và nhược điểm của từng người học.
2. Dạy kỹ thuật chạy trên đường thẳng.
 - Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau và chạy tăng tốc độ (tăng dần cự ly, tần số và độ dài bước chạy)
 - Chạy tăng tốc độ sau đó chạy theo quán tính, từ 60m – 70m.
 - Tập đánh tay (đứng tại chỗ đánh tay – tăng dần biên độ và tần số động tác).
 - Chạy biến tốc các đoạn ngắn từ 40m – 60m.
3. Dạy kỹ thuật chạy đường vòng.
 - Giáo viên phân tích và làm mẫu kỹ thuật.
 - Chạy trên đường vòng có bán kính lớn (đường chạy số 8,7,6 và 5) sau đó thu hẹp dần (đường chạy số 4,3,2 và 1) với tốc độ khoảng 70- 80% tốc độ tối đa.
 - Chạy tăng tốc độ từ đường thẳng vào đường vòng (60 – 80m).
 - Chạy tăng tốc độ từ đường vòng ra đường thẳng (60 – 80m).
 - Chạy lặp lại 200m với tốc độ 70 – 80% tốc độ tối đa.

Tín chỉ 4

4. Kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.
 - Giới thiệu cách đóng bàn đạp và tập đóng bàn đạp.
 - Thực hiện động tác theo khẩu lệnh “vào chỗ”, “sẵn sàng”.
 - Tự xuất phát không có khẩu lệnh.
 - Xuất phát thấp với tín hiệu “chạy” khác nhau.
 - Xuất phát thấp và chạy lao 30m – 40m.
5. Kỹ thuật chuyển tiếp từ chạy lao sang chạy giữa quãng.
 - Chạy tăng tốc độ sau đó chạy theo quán tính.
 - Xuất phát thấp, chạy lao rồi chạy theo quán tính (lặp lại).

- Xuất phát thấp và chạy lao 30m – 40m rồi chạy theo quán tính (lặp lại).
- Xuất phát thấp và chạy lao 30m – chuyển sang chạy giữa quãng.
- 6. Giảng dạy kỹ thuật xuất phát thấp đầu đường vòng.
 - Hướng dẫn cách đóng bàn đạp đầu đường vòng.
 - Xuất phát và chạy lao đầu đường vòng 20m – 25m (vị trí xuất phát cự ly 200m, 400m).
 - Chạy 200m xuất phát thấp.
- 7. Giảng dạy kỹ thuật về đích.
 - Giáo viên giới thiệu và làm mẫu kỹ thuật.
 - Chạy chậm 6 – 10m làm động tác đánh đích.
 - Chạy tăng tốc độ 15 – 20m làm động tác đánh đích.
 - Chạy 50m làm động tác đánh đích.

Tín chỉ 5

8. Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly ngắn (Nội dung cơ bản là kỹ thuật chạy cự ly 100m).
 - Chạy 30m xuất phát thấp (lặp lại).
 - Chạy 50m, 100m xuất phát thấp với toàn bộ kỹ thuật (80 – 100% tốc độ tối đa).
 - Chạy 100m, 200m, 400m với toàn bộ kỹ thuật.
9. Tổ chức thi đấu

Tự chọn Điền kinh (Kỹ thuật nhảy xa)

Thực hành kỹ thuật nhảy xa.

Tín chỉ 3

1. Xây dựng khái niệm kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân thông qua những biện pháp sau:

- + Giới thiệu, phân tích, làm mẫu, cho xem phim, ảnh kỹ thuật và làm quen.
- + Tập chạy tăng tốc độ 30 – 50 - 80m.

2. Dạy kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ thông qua các biện pháp sau:

- + Tại chỗ tập đặt chân giậm và giậm nhảy.
- + Chạy 1 bước, 3 bước đà làm động tác giậm nhảy.
- + Tập bước bộ liên tục (3 đến 6 lần một tổ).
- + Chạy đà 3- 5 bước giậm nhảy bước bộ đầu chạm vật chuẩn treo trên cao (bóng hoặc cành lá)
- + Chạy đà ngắn giậm nhảy bước bộ qua xà thấp 40- 50cm đặt cách ván giậm một nửa đường bay.

Tín chỉ 4

3. Dạy kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy và bước bộ thông qua các biện pháp sau:

- + Chạy đà 5 bước giậm nhảy bước bộ liên tục (30- 50cm).
- + Chạy đà 7 đến 11 bước làm động tác giậm nhảy bước bộ rơi xuống hố cát bằng chân lăng rồi chạy thẳng ra khỏi hố.
- + Chạy với đà trung bình (13- 15 bước) làm động tác giậm nhảy bước bộ rơi xuống hố cát bằng chân lăng (yêu cầu đặt chân giậm đúng ván giậm nhảy).

4. Giảng dạy kỹ thuật giai đoạn trên không kiểu tự chọn (kiểu ngồi hoặc kiểu ưỡn thân).

Giảng dạy động tác trên không kiểu ngồi

- + Xây dựng khái niệm.
- + Chạy đà giậm nhảy bước bộ.
- + Chạy đà giậm nhảy bước bộ thu chân giậm thành ngồi xỏm trên không (bỏ trợ đứng tại chỗ, thu gối ra xa).
- + Như biện pháp 3 song nâng cao 2 đùi, với 2 cẳng chân ra xa về trước (bỏ trợ đứng tại chỗ 2 chân bật nhảy thu gối nâng cao đùi, với cẳng chân ra xa có thể cho nhảy qua xà ngang).
- + Đà trung bình dài, nhảy xa kiểu ngồi bước qua xà ngang, qua dây vải làm vật mốc để giải quyết góc độ bay. Động tác thu chân và với chân.

Giảng dạy động tác trên không kiểu ưỡn thân.

- + Tại chỗ, từ tư thế bước bộ làm động tác ưỡn thân (ép miết chân lăng và cẳng chân) sau đó bật về trước, rơi xuống bằng 2 chân.
- + Đứng trên bục cao làm động tác ưỡn thân rơi xuống hố cát.
- + Chạy đà ngắn giậm nhảy lên bục cao (30- 40cm) làm động tác ưỡn thân sau khi đã bay bước bộ rồi rơi xuống hố cát.

+ Chạy đà ngắn, giậm nhảy bước bộ, miết gót chân lẳng chạm vào vật chuẩn đặt cách ván giậm 1,5- 1,8m.

Tín chỉ 5

5. Hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa kiểu uốn thân thông qua các biện pháp sau:

- + Hoàn thiện từng phần kỹ thuật động tác của nhảy xa kiểu uốn thân, xác định cự ly đà chính thức.
- + **Nhảy xa với chiều dài đà tăng dần và nhịp điệu động tác ổn định.**

6. Tổ chức thi đấu, Kiểm tra đánh giá kỹ thuật và thành tích.

Tự chọn: THỰC HÀNH KỸ THUẬT NHẢY CAO.

Tín chỉ 3

1. Xây dựng khái niệm kỹ thuật thông qua các biện pháp sau:

- Giới thiệu, phân tích và làm mẫu kỹ thuật
- Cho xem phim, ảnh, mô hình kỹ thuật
- Cho người tập nhảy tự do để xác định chân giậm nhảy và nắm bắt đặc điểm của từng người nhảy.

2. Dạy kỹ thuật giậm nhảy thông qua các biện pháp sau:

- Phân tích và làm mẫu kỹ thuật.
- Tại chỗ tập đặt chân vào điểm giậm nhảy (chú ý cả tư thế chân lẳng, thân người và tay).
- Vịn tay phía bên chân giậm vào thang gióng (hoặc vật cố định) tập đặt chân, giậm nhảy và đá lẳng.
- Đi bộ hoặc chạy chậm 2- 3 bước phối hợp giậm nhảy kết hợp đá lẳng
- Chạy đà ngắn (3 - 5 bước) giậm nhảy đá lẳng lên vật chuẩn.
- Chạy đà chính diện (3 bước) giậm nhảy đá lẳng qua xà thấp (đẩy hông về trước)

Tín chỉ 4

3. Dạy kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy thông qua những biện pháp sau:

- Chạy 3 bước đà (chính diện) phối hợp giậm nhảy qua xà thấp rơi bằng chân lẳng xuống hố cát hoặc đệm trước.
- Chạy 5 - 7 bước đà thực hiện như trên.

4. Dạy kỹ thuật qua xà và rơi xuống đất (người học tự chọn 1 trong 2 kỹ thuật)

4.1. Kỹ thuật qua xà và rơi xuống đất của kỹ thuật nhảy cao nằm nghiêng qua xà.

- Mô phỏng động tác nằm trên cầu ngựa bàn để tập mô phỏng trên không, rơi xuống đất .
- Kết hợp đà 1 - 3 bước tập kỹ thuật trên không với các dụng cụ hỗ trợ trên.
- Chạy đà giậm nhảy thu chân giậm qua xà nghiêng người
- Tập xoay chân lẳng áp chân xoay vai hóp bụng qua xà
- Phối hợp kỹ thuật 4 giai đoạn hoàn thiện nâng dần mức xà.

4.2. Dạy kỹ thuật qua xà và rơi xuống đất của kỹ thuật nhảy cao úp bụng.

- Chạy 1- 3 bước đà thực hiện giậm nhảy, đá lẳng, ép vai phía chân lẳng, xoay hông và duỗi chân giậm.
- Nằm sấp ở tư thế chống đẩy thực hiện động tác mở hông và duỗi chân giậm.
- Đứng nghiêng cạnh xà chéo, sau khi đá lẳng lên, tiếp tục hạ và xoay mũi chân lẳng vào trong để rơi xuống vị trí được đánh dấu bằng vòng tròn phía sau xà
- Đặt chân giậm nhảy trên vạch chuẩn thực hiện vùng chân lẳng và khi chân đến ngang bụng thì xoay mũi chân lẳng vào trong, đặt chân lẳng trên đường, kéo chân giậm co đến ngang ngực rồi thực hiện xoay 180° nhờ đưa chân giậm co sang ngang và đặt chân giậm xuống đường thẳng.
- Chạy 1 – 3 bước đà, bật lên cao xoay 180° kết hợp mở hông và duỗi chân giậm.
- Chạy 1 – 3 bước đà giậm nhảy xoay người mở hông theo trục dọc của xà (xà thấp và đặt phía chân giậm cao hơn phía chân lẳng).
- Để xà chéo cho người tập thực hiện lần lượt động tác giậm nhảy, đá lẳng, ép vai bên chân lẳng và chuyển hông theo trục dọc.
- Chạy 3- 5- 7 bước đà (góc chạy đà xấp xỉ 30°) nhảy qua xà chéo (đầu gối ở mức ngang vai, đầu xa khoảng 50cm- 70cm), tay cùng bên chân lẳng hạ xuống đất bằng cạnh ngoài bàn tay rồi tiếp tục chuyển sang khuỷu tay và vai.

- Nhảy qua xà với cự ly đà và chiều cao tăng dần.

Tín chỉ 5

5. Hoàn thiện kỹ thuật thông qua các biện pháp sau:

- Nhảy qua xà với cự ly đà và chiều cao tăng dần
- Nhảy qua xà với chiều dài đà và nhịp điệu ổn định, góc độ chạy đà thích hợp.
- Nhảy toàn đà với kỹ thuật hoàn chỉnh và nâng cao dần mức xà.

6. Tổ chức thi đấu.

Tự chọn Taekwondo

Phần I: lý thuyết chung cho cả 3 tín chỉ

1. Sơ lược nguồn gốc lịch sử môn Taekwondo
2. Ý nghĩa, tác dụng của Taekwondo
3. Đặc điểm kỹ thuật Taekwondo
4. Nguyên lý kỹ thuật Taekwondo
5. Phương pháp tập luyện kỹ thuật quyền
6. Giới thiệu về luật thi đấu.
7. Cách phòng ngừa chấn thương trong tập luyện, thi đấu Taekwondo

Phần II : Thực hành

Tín chỉ 3

1. Kỹ thuật tấn(Seogi).
 - 1.1. Charyeot: Tư thế nghiêm.
 - 1.2. Kyongrye: Chào.
 - 1.3. Joonbi: Chuẩn bị.
 - 1.4. Apseogi: Tấn bước tự nhiên.
 - 1.5. Apkoobi Seogi: Tấn trước thấp(lập tấn)
 - 1.6. Joochoom Seogi: Tấn trung bình.
 - 1.7. Dwitkubi Seogi: tấn sau
 2. Kỹ thuật phòng thủ(đỡ, gạt)(makki).
 - 2.1. Area makki: Đỡ hạ đẳng.
 - 2.2. Apseogi area makki: Tấn bước tự nhiên đỡ hạ đẳng.
 - 2.3. Apkoobi seogi area makki: Tấn trước thấp đỡ hạ đẳng.
 - 2.4. Momtong makki: Đỡ trung đẳng từ ngoài vào bằng cạnh ngoài cánh tay.
 - 2.5. Apseogi momtong makki: Tấn bước tự nhiên đỡ trung đẳng từ ngoài vào cùng bên.
 - 2.6. Apseogi momtong an makki: Tấn bước tự nhiên đỡ trung đẳng từ ngoài vào ngược bên.
 - 2.7. Eolgool makki: Đỡ thượng đẳng.
 - 2.8. Apseogi eolgool makki: Tấn bước tự nhiên đỡ thượng đẳng.
 - 2.9. Apkoobi seogi eolgool makki: tấn trước thấp đỡ thượng đẳng
 3. **Kỹ thuật đâm(Jireugi).**
 - 3.1. Apseogi momtong baro jireugi: Tấn bước tự nhiên đâm trung đẳng ngược bên.
 - 3.1. Apseogi momtong baro jireugi: Tấn bước tự nhiên đâm trung đẳng ngược bên. 3.3.
 - Apkoobi seogi momtong baro jireugi: Tấn trước thấp đâm trung đẳng ngược bên.
 - 3.4. Apkoobi seogi momtong bandae jireugi: Tấn trước thấp đâm trung đẳng cùng bên.
 - 3.5. Apkoobi seogi eolgool bandae jireugi: Tấn trước thấp đâm thượng đẳng cùng bên.
 - 3.6. joochoom seo gi mom tong bandae jireugi: tấn trung bình đâm trung đẳng cùng bên.
 4. Kỹ thuật đá (chagi).
 - 4.1. Apchagi: Đá tổng trước bằng ức bàn chân.
 5. Tam thế đối luyện
- * Thi kết thúc: - Tam thế đối luyện**
- Kỹ thuật cơ bản
 - Thể lực

Tín chỉ 4

1. Ôn tập toàn bộ kỹ thuật ở tín chỉ 1

2. Kỹ thuật đá: (học mới)
- 2.1. Dollyo chagi: Đá vòng cầu
3. Bài quyền(poomse)
- Bài quyền số 1

*** Thi kết thúc: - Thẻ lực**
- Bài quyền số 1.

Tín chỉ 5

1. Ôn tập kỹ thuật đá tổng trước, đá vòng cầu và bài quyền số 1
2. Kỹ thuật đá: (học mới)
- 2.1. Yop chagi: Đá ngang
3. Đối luyện
4. Bài quyền(poomse)
- Bài quyền số 2

• **Thi kết thúc: Bài quyền số 2.**

Thi cấp chứng chỉ: - Bốc thăm một trong hai bài quyền
- Đối luyện

Tự chọn Bóng chuyền

Tín chỉ 3

1. Lịch sử phát triển bóng chuyền
2. Tác dụng của tập luyện bóng chuyền đối với cơ thể
3. Luật bóng chuyền 6 người
4. TT thể chuẩn bị di động.
 - TT chuẩn bị: Cao, trung bình, thấp
 - Di chuyển: Sang 2 bên, trước sau, chạy nhảy
5. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay
6. Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay cơ bản
7. Thi đấu tập
8. Thẻ lực: Tập sức nhanh
9. Ôn tập – Thi kết thúc học kỳ

Tín chỉ 4

10. Luật bóng hàng sau
11. Luật hội ý
12. Luật tham gia chắn bóng
13. Đập bóng.
 - Đập bóng theo phương lấy đà
 - Tập kỹ thuật vào đà
 - Đập không bóng
 - Đập bóng cố định
 - Tung đập bóng xuống đất.
 - Đập gõ vào tường
 - Đập bóng qua lưới với đường bóng tung
 - Đập bóng qua lưới với chuyền hai
 - Tự tung bóng bật nhảy đập bóng
 - Đập bóng thay đổi hướng và điểm rơi
 - Đập bóng xa lưới, gần lưới, thay đổi đường chuyền hai
 - Đập bóng phối hợp với kỹ thuật lăn ngã
 - Đập bóng có chắn
14. Kỹ thuật phát bóng:
 - Phát bóng thấp tay (nữ)
 - Phát bóng cao tay (nam)
15. Thẻ lực: Tập sức nhanh

16. Ôn tập – Thi kết thúc học kỳ.
 - Kiểm tra phát bóng và đập bóng

Tín chỉ 5

17. Luật chắn bóng
18. Phương pháp tổ chức thi đấu
19. Thực tập trọng tài
 - Tập chắn bóng tại chỗ
 - Tập chắn bóng di chuyển
 - Chắn bóng đơn, đôi
 - Chắn bóng tập thể
20. Hoàn thiện kỹ thuật chuyển hai
21. Tập đệm bóng các vị trí 3, 2, 4
22. Hoàn thiện kỹ thuật đập bóng vị trí số 2, 3, 4. Hoàn thiện kỹ thuật phát bóng
23. Luyện kỹ thuật tấn công

Tự chọn Bóng đá

Tín chỉ 3 : Phần lý thuyết

Chương I : Lịch sử phát triển môn bóng đá trên thế giới và việt nam

1. Sự phát triển môn bóng đá trên thế giới
 - 1.1 Nguồn gốc
 - 1.2 Sự phát triển
2. Sự phát triển môn bóng đá ở việt nam
 - 2.1 Nguồn gốc
 - 2.2 Sự phát triển môn đá ở Việt Nam qua các thời kỳ

Chương II : Luật bóng đá

1. Luật sân lớn (11 người)
2. Luật sân 7 người
3. Luật sân 5 người

Chương III : Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài

1. Phương pháp tổ chức thi đấu
2. Phương pháp trọng tài
 - Phần thực hành

Chương IV: Các kỹ thuật cơ bản

1. khởi động và di chuyển trong bóng đá
 - 1.1 khởi động
 - 1.2 Di chuyển
2. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
 - 2.1 Tư thế chuẩn bị chạy đà
 - 2.2 Đặt chân trụ
 - 2.3 Lãng chân đá bóng
 - 2.4 Tiếp xúc bóng
 - 2.5 Tư thế kết thúc
3. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 3.1 Dẫn bóng bằng mu giữa bàn chân
 - 3.2 Dẫn bóng bằng lòng bàn chân
 - 3.3 Dẫn bóng bằng má ngoài
4. Kỹ thuật đánh đầu
 - 4.1 Tư thế chuẩn bị
 - 4.2 Phối hợp thực hiện

5. Kỹ thuật ném biên

- 5.1 Kỹ thuật ném biên không chạy đà
- 5.2 Kỹ thuật ném biên có đà

6.Thi đấu- Thể lực

Tín chỉ 4: Thực hành

1. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân

- 1.1 Tư thế chuẩn bị chạy đà
- 1.2 Đặt chân trụ
- 1.3 Lãng chân đá bóng
- 1.4 Tiếp xúc bóng
- 1.5 Tư thế kết thúc

2. Kỹ thuật tranh cướp bóng

- 2.1 Tranh cướp chính diện
- 2.2 Tranh cướp 1 bên
- 2.3 Tranh cướp phía sau

3. Kỹ thuật nhận bóng

- 3.1 Nhận bóng tầm thấp
- 3.2 Nhận bóng tầm trung bình
- 3.3 Nhận bóng tầm cao

4. Chiến thuật bóng đá

- 4.1 Đội hình chiến thuật
- 4.2 Chiến thuật cố định
- 4.3 Chiến thuật cá nhân
- 4.4 Chiến thuật nhóm
- 4.5 Chiến thuật toàn đội

5. Thực hành thi đấu trọng tài

6.Thi đấu- Thể lực- Thực hành trọng tài

Tín chỉ 5: Thực hành

1. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân

- 1.1 Tư thế chuẩn bị chạy đà
- 1.2 Đặt chân trụ
- 1.3 Lãng chân đá bóng
- 1.4 Tiếp xúc bóng
- 1.5 Tư thế kết thúc

2. Kỹ thuật đá bóng bằng má ngoài bàn chân

- 2.1 Tư thế chuẩn bị chạy đà
- 2.2 Đặt chân trụ
- 2.3 Lãng chân đá bóng
- 2.4 Tiếp xúc bóng
- 2.5 Tư thế kết thúc

3. Kỹ thuật thủ môn

4. Ứng dụng chiến thuật

- 4.1 Đội hình chiến thuật
- 4.2 Chiến thuật cố định
- 4.3 Chiến thuật cá nhân
- 4.4 Chiến thuật nhóm
- 4.5 Chiến thuật toàn đội

5. Thực hành thi đấu trọng tài

Tự chọn Đá cầu

Tín chỉ 3

Chương I : Phần lý thuyết

1. Nguồn gốc lịch sử phát triển đá cầu

1.1 Nguồn gốc

1.2 Sự phát triển

2. Luật thi đấu

3. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài

Chương II : phân thực hành

1. Khởi động- các hình thức di chuyển trong đá cầu

2. Kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện

2.1 Tư thế chuẩn bị

2.2 Thực hiện kỹ thuật

2.3 Kết thúc

3. Kỹ thuật đá đùi

3.1 Đỡ cầu

3.2 Chuyển cầu

3.3 Tăng cầu 1 nhịp để tấn công

Tín chỉ 4

1. Kỹ thuật phát cầu cao chân chính diện

1.1 Tư thế chuẩn bị

1.2 Thực hiện kỹ thuật

1.3 Kết thúc

2. Kỹ thuật đá má trong

2.1 Tăng cầu

2.2 Chuyển cầu

3. Kỹ thuật đá má ngoài

3.1 Tăng cầu

3.2 Đá cầu tấn công

4. Kỹ thuật đá mu bàn chân

5. Kỹ thuật đánh đầu

5.1 Đỡ đầu

5.2 Đánh đầu tấn công

Tín chỉ 5

1. Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình

1.1 Tư thế chuẩn bị

1.2 Thực hiện kỹ thuật

1.3 Kết thúc

2. Kỹ thuật phát cầu cao chân nghiêng mình

2.1 Tư thế chuẩn bị

2.2 Thực hiện kỹ thuật

2.3 Kết thúc

3. Kỹ thuật đỡ ngực

3.1 Đỡ cầu

3.2 Chắc cầu

3.3 Đánh ngực tấn công

4. Chiến thuật thi đấu

4.1 Chiến thuật đá đơn

4.2 Chiến thuật đá đôi

4.3 Chiến thuật thi đấu đồng đội

5. Thi đấu, thực hành trọng tài

Tự chọn Bóng ném

Tín chỉ 3

1. Lịch sử phát triển bóng ném

2. Tác dụng của tập luyện bóng ném đối với cơ thể

3. Luật bóng ném
4. TT thể chuẩn bị di động.
 - TT chuẩn bị: Cao, trung bình, thấp
 - Di chuyển: Sang 2 bên, trước sau, chạy nhảy
5. Kỹ thuật dẫn bóng thấp, cao tay
6. Kỹ thuật chuyền bắt bóng bằng hai tay cơ bản
7. Thi đấu tập
8. Thể lực: Tập sức nhanh
9. Ôn tập – Thi kết thúc học kỳ

Tín chỉ 4

10. Luật bóng hội ý
11. Luật thủ môn
13. Tại chỗ ném gân
 - Tại chỗ ném vào ô
 - Tại chỗ ném vạch 7m
14. Kỹ thuật di động 3 bước nhảy ném gân:
 - Di động 3 bước không nhảy làm động tác trên không
 - Di động 3 bước nhảy ném vào gân
15. Thể lực: Tập sức nhanh
16. Ôn tập – Thi kết thúc học kỳ

Tín chỉ 5

17. Luật thay người
18. Phương pháp tổ chức thi đấu
19. Thực tập trọng tài
20. Hoàn thiện kỹ thuật di động nhảy ném gân
21. Chiến thuật tấn công nhanh số 5
22. Chiến thuật tấn công nhanh vị trí số 4.
23. Luyện kỹ thuật tấn công 2, 3 người

Tự chọn Cờ Vua (Giành cho sinh viên khuyết tật và bệnh lý)

Chương I: Những tri thức cơ bản trong cờ Vua

- I. Lịch sử và xu hướng phát triển môn cờ Vua.
- II. Các nhân tố trên bàn cờ, các cách đi quân, cách ghi chép và nghiên cứu tài liệu, các quy ước thông tin trong cờ Vua.
- III. Các thuật ngữ chuyên môn. Các khái niệm cơ bản. Giá trị tương đối của các quân.
- IV. Phần luật: Giới thiệu các điều: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,16.

Chương II: Lý luận và phương pháp giảng dạy các giai đoạn của ván đấu

I. Giai đoạn tàn cuộc:

- 1.1. Khái niệm ; Tính chất; Phân loại cờ tàn; Các kỹ thuật chiếu hết đơn giản
- 1.2. Cờ tàn chiến thuật: Cờ tàn xe, cờ tàn hậu.
- 1.3. Cờ tàn chiến lược: Cờ tàn tốt.

II. Giai đoạn khai cuộc:

- 2.1. Khái niệm, phân loại, các nguyên tắc trong giai đoạn khai cuộc.
- 2.2. Một số khai cuộc điển hình : Khai cuộc Italia, khai cuộc phòng thủ pháp.

III. Giai đoạn trung cuộc

- 3.1. Khái niệm, sơ lược phân tích đánh giá thế trận.
- 3.2. Đòn phối hợp. Vũ khí cơ bản của giai đoạn trung cuộc
 - 3.2.1. Khái niệm
 - 3.2.2. Phân loại
- 3.3. Giới thiệu một số đòn phối hợp cơ bản.

Chương III: Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cờ Vua.

I. Nguyên tắc chung về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ Vua

II. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ Vua

10. Học liệu:

Tín chỉ 1

1. Avobach A.N Kỹ thuật cờ tàn. NXB TDTT 1981.
2. Côtôp A.A Lý luận và thực hành cờ Vua. NXB TDTT. Matxcova 1989
3. Chương trình học phần chuyên sâu cờ Vua giai đoạn 1 cho các trường ĐH TDTT Nga. Matxcova. NXB TDTT 1991.
4. Kế hoạch đào tạo chuyên ngành GDTC và HLTT của trường ĐH TDTT. NXB TDTT. Hà Nội 1992
5. Nguyễn Minh Thắng "Chương trình học phần cờ Vua" dùng cho sinh viên đại học TDTT chuyên ngành GDTC. NXB TDTT. Hà nội 1992.
6. Quy chế thi - Kiểm tra của Bộ Giáo dục - Đào tạo. NXB GD 1992

Tín chỉ 2

1. Giáo trình Thể dục - *Tập thể tác giả Đại học TDTTWI*- NXB TDTT- 1999
2. Giáo trình Lý luận và phương pháp giảng dạy TDTT- *TS Nguyễn Mậu Loan*- NXBGD Hà Nội- 1997
3. Giáo trình thể dục- *Nguyễn Đình Thành*- Lưu hành nội bộ Trường Đại học Vinh- 1985
4. Giáo trình phương pháp dạy học Thể dục - *Nguyễn Đình Thành*- Lưu hành nội bộ Trường Đại học Vinh- 1985
5. Giáo trình “Phương pháp giảng dạy điền kinh”.
- Tác giả: Tổ bộ môn điền kinh – Trường Đại học Vinh.
6. Sách Điền kinh.
- Tác giả: Tập thể Trường Đại học TDTT
- NXB: NXB Thể dục thể thao - Năm XB: 1996
7. Sách: Luật Điền kinh
- Tác giả: Tập thể Ủy ban thể dục thể thao.
- NXB Thể dục thể thao, NXB: 2003
8. Tài liệu tham khảo:
 - + Sách Điền kinh trong trường phổ thông
- Tác giả: P.N.GÔI KHƠ MAN - Ô.N. TÔRÔPHIMÔP
- Người dịch: Quang Hưng
- NXB: NXB Thể dục thể thao. NXB: 2000.
 - + Sách Bài tập chuyên môn trong điền kinh.
- Tác giả: Quang Hưng.
- NXB: NXB Thể dục thể thao - Năm XB: 2004
 - + Sách Lý luận và phương pháp thể dục thể thao.
- Tác giả: Tập thể Ủy ban thể dục thể thao, Trường Đại học thể dục thể thao I.
- NXB: NXB Thể dục thể thao - NSX: 2006.

Tín chỉ 3,4,5

Erobic

1. “Thể dục”. NXB TDTT, 1975.
2. “Thể dục dụng cụ”, NXB Giáo dục, 2001 Giáo trình “Phương pháp giảng dạy thể dục”.
3. Giáo trình “Phương pháp giảng dạy thể dục”.
Tác giả Nguyễn Đình Thành bộ môn thể dục – Trường đại học Vinh, 2005,
4. “Giáo trình tâm lý học TDTT”, tài liệu nội bộ Trường đại học Vinh, 2003.
5. “Lý luận và phương pháp thể dục thể thao”, NXB TDTT, 2006.

Điền kinh

1. Giáo trình “Phương pháp giảng dạy điền kinh”.
- Tác giả: Tổ bộ môn điền kinh – Trường Đại học Vinh.
2. Sách Điền kinh.

- Tác giả: Tập thể Trường Đại học TDTT
- NXB: NXB Thể dục thể thao - Năm XB: 1996
- 3. Sách: Luật Điền kinh
 - Tác giả: Tập thể Ủy ban thể dục thể thao.
 - NXB Thể dục thể thao, NXB: 2003
- 4. Tài liệu tham khảo:
 - + Sách Điền kinh trong trường phổ thông
 - Tác giả: P.N.GÔI KHƠ MAN - Ô.N. TỜRÔPHIMÔP
 - Người dịch: Quang Hưng
 - NXB: NXB Thể dục thể thao. NXB: 2000.
 - + Sách Bài tập chuyên môn trong điền kinh.
 - Tác giả: Quang Hưng.
 - NXB: NXB Thể dục thể thao - Năm XB: 2004
 - + Sách Lý luận và phương pháp thể dục thể thao.
 - Tác giả: Tập thể Ủy ban thể dục thể thao, Trường Đại học thể dục thể thao I.
 - NXB: NXB Thể dục thể thao - NSX: 2006.

Võ thuật Taekwondo

1. Đào Xen, Nguyễn Toàn Thắng: Giáo trình môn võ thuật Taekwondo. Hà Nội 1997.
2. Luật thi đấu Taekwondo. NXB Thể dục thể thao. Hà Nội 2004
3. Giáo trình Taekwondo NXB Thể dục thể thao. Hà Nội 1999.

Bóng chuyền

- 1- Sách dùng cho sinh viên đại học TDTT. Nhà xuất bản TDTT năm 1978
- 2- Bóng chuyền NXB TDTT năm 1997
- 3- Lê Mạnh Hồng. Giáo trình PP dạy học bộ môn bóng – 2002
- 4- 101 bài tập NXB trẻ tháng 12 – 200

Bóng đá

- 1- Luật bóng đá 5, 7, 11 người. NXB TDTT Hà Nội 2006
- 2- Ma Tuyết Điền, bóng đá kỹ chiến thuật và phương pháp tập luyện NXB TDTT Hà Nội 2001
- 3- Hoài Sơn – Duy lý, bóng đá sân nhỏ NXB TDTT Hà Nội 1998
- 4- Các bài tập thực hành bóng đá NXB TDTT Hà Nội 2003
- 5- Nếu em muốn đá bóng giỏi NXB TDTT Hà Nội 2000
- 6- Giáo trình bóng đá Trương Anh Tuấn 1997
- 7- 225 câu hỏi lý thú về bóng đá NXB Văn hoá thông tin Hà Nội 2000
- 8- Huấn luyện bóng đá hiện đại NXB TDTT Hà Nội 1998

Đá cầu

- 1- Giảng dạy và huấn luyện đá cầu NXB TDTT Hà Nội 2001
- 2- Luật đá cầu NXB TDTT Hà Nội 2007
- 3- Giáo trình đá cầu Trương Anh Tuấn 1997

Bóng ném

- 1- Sách bóng ném dùng cho sinh viên đại học TDTT. Nhà xuất bản TDTT năm 2002
- 2- Lê Mạnh Hồng. Giáo trình PP dạy học bộ môn bóng – 2002
- 3- Bóng ném cho mọi người nhà xuất bản TDTT 2006

Cờ vua

1. Đậu Thị Bình Hương: Lý luận và phương pháp GDTC
2. Nguyễn Mậu Loan: Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục thể thao. NXB Giáo dục - 1998
3. Nguyễn Toán - Phạm Danh Tôn: Lý luận và phương pháp TDTT - NXB TDTT - Hà nội 2000
4. Đồng Văn Triệu: Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học - NXB TDTT - Hà nội 2000.

11. Hình thức tổ chức dạy học:

Hình thức tổ chức DH	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm
Lý thuyết	<u>Tín chỉ 1</u> Những vấn đề chung của lý luận GDTC	Đọc giáo trình Chuẩn bị các vấn đề - Một số khái niệm cơ bản trong Giáo dục thể chất: + Khái niệm Giáo dục thể chất . + Khái niệm phát triển thể chất. + Khái niệm về Thể dục thể thao. + Nguồn gốc của Thể dục thể thao và chức năng vốn có. + Vai trò của TDTT đối với cơ thể. + Vai trò của tập luyện TDTT đối với việc phòng và chữa bệnh - Mục đích, nhiệm vụ của GDTC + Mục đích GDTC + Nhiệm vụ của GDTC. Nhiệm vụ Giáo dục thể chất theo nghĩa hẹp	Trên lớp Tuần1 - 6
		Nhiệm vụ giáo dục thể chất Nhiệm vụ hình thành nhân cách con người	
Thảo luận		+ Phân tích tác dụng của TDTT đối với cơ thể + Phân tích các nhiệm vụ GDTC	Trên lớp
Tự học		- Chuẩn bị các vấn đề nêu trên - Nội dung tự học +. Tại sao nói phát triển thể chất là quá trình tự nhiên đồng thời là quá trình xã hội.	Ở nhà
Lý thuyết	Các phương pháp - phương tiện – Nguyên tắc GDTC	Đọc giáo trình Chuẩn bị các vấn đề: - Bài tập thể chất là phương tiện chuyên môn cơ bản của Giáo dục thể chất + Khái niệm bài tập thể chất + Nguồn gốc của bài tập thể chất + Nội dung và hình thức bài tập thể chất + Các nhân tố xác định sự tác động hợp lý của bài tập thể chất. + Ý nghĩa phương tiện của các nhân tố môi trường tự nhiên và các nhân tố vệ sinh. - Cơ sở cấu trúc của các phương pháp Giáo dục thể chất + Lượng vận động và quãng nghỉ là yếu tố thành phần cơ bản của phương pháp GDTC. + Phương pháp trò chơi + Phương pháp thi đấu + Phương pháp tập phân chia và phương pháp tập nguyên vẹn - Một số nguyên tắc cơ bản về phương pháp GDTC + Nguyên tắc vừa sức + Nguyên tắc hệ thống	Trên lớp Tuần7- 12

		+ Nguyên tắc tăng tiến	
Thảo luận		- Tại sao nói bài tập thể chất là phương tiện chuyên môn cơ bản của Giáo dục thể chất	Trên lớp
		Tại sao nói lượng vận động và quãng nghỉ là yếu tố thành phần cơ bản của phương pháp GDTC.	
Tự học		- Chuẩn bị các vấn đề lý thuyết nêu trên - Chuẩn bị nội dung câu hỏi	Ở nhà
Lý thuyết	Sự biến đổi một số chức năng sinh lý trong hoạt TDDT, Vệ sinh trong tập luyện TDDT, Chấn thương thể thao và một số chứng thường gặp, cách xử lý	Đọc giáo trình Chuẩn bị các vấn đề: - Sự biến đổi một số chức năng sinh lý của cơ thể trong hoạt động TDDT + Sự biến đổi chức năng tuần hoàn, hô hấp, máu + Sự biến đổi chức năng thần kinh, cơ - Vệ sinh trong tập luyện TDDT + Vệ sinh trước tập luyện + Vệ sinh trong thời gian tập luyện + Vệ sinh sau tập luyện + Dinh dưỡng và thể thao - Chấn thương thể thao và một số chứng thường gặp, cách xử lý Chấn thương thể thao: Khái niệm chấn thương thể thao Một số chấn thương thường gặp và cách xử lý ban đầu + Một số chứng thường gặp trong tập luyện TDDT Một số chứng thường gặp và cách sơ cứu ban đầu Một môi và căng thẳng quá độ trong tập luyện TDDT; cách phòng và xử lý	Trên lớp Tuần 13- 15
Thảo luận		Đề phòng chấn thương trong TDDT - Một số quy định sơ cứu chấn thương	Trên lớp
Tự học		- Chuẩn bị các vấn đề nêu trên	Ở nhà

Hình thức tổ chức DH	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm
	Tín chỉ 1 – Cờ vua (giành cho người khuyết tật)		
Lý thuyết	Các tri thức cơ bản trong Cờ Vua	- Đọc giáo trình Cờ Vua Chuẩn bị các vấn đề : - Trình bày được vị trí vai trò và lịch sử phát triển môn Cờ Vua. - Trình bày được các ký hiệu về bàn cờ, quân cờ, và biết cách đi quân. - Trình bày được các điều luật từ điều 1- 10	- Trên lớp Tuần 1- 5
Thực hành		- Đấu tập làm quen với Cờ Vua,	

		hình thành các kỹ năng cơ bản	
Tự học		Nội dung tự học - Chuẩn bị các vấn đề nêu trên	Ở nhà
Lý thuyết	Lý luận và phương pháp giảng dạy các giai đoạn của ván đấu	.- Đọc giáo trình Cờ Vua Chuẩn bị các vấn đề : - Giai đoạn tàn cuộc :+ Trình bày khái niệm, phân loại, cờ tàn, các kỹ thuật chiếu hết đơn giản - Giai đoạn khai cuộc: Trình bày khái niệm, phân loại, các nguyên tắc trong giai đoạn khai cuộc, + Làm quen với một số dạng thức khai cuộc. - Giai đoạn trung cuộc: + Trình bày khái niệm, phân loại đòn phối hợp	Trên lớp Tuần 6- 12
Bài tập		- Xác định ý đồ chiến thuật trong các dạng thức khai cuộc điển hình sau: Khai cuộc Italia, khai cuộc phòng thủ pháp, khai cuộc Tây Ban Nha. Phòng thủ Xixilia.	
Thực hành		- Đấu tập rèn luyện các kỹ năng cơ bản - Làm quen với bài tập cờ tàn - Đấu tập thuần thục các dạng thức khai cuộc nêu trên và thực hiện ý đồ chiến thuật các dạng thức khai cuộc đó trong giai đoạn trung cuộc.	
Tự học		- Chuẩn bị các vấn đề lý thuyết nêu trên - Nội dung tự học + Hoàn thiện các kỹ năng cơ bản trong cờ tàn + Nắm vững một số dạng thức đòn phối hợp cơ bản	
Lý thuyết	Phương pháp tổ chức trọng tài và thi đấu Cờ Vua	.- Đọc giáo trình Cờ Vua Chuẩn bị các vấn đề : - Trình bày các nguyên tắc chung về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ Vua. - Trình bày các bước cơ bản khi tiến hành tổ chức một giải thi đấu Cờ Vua	Trên lớp Tuần 13- 15
Tự học		.- Chuẩn bị các vấn đề lý thuyết nêu trên. - Chuẩn bị nội dung câu hỏi thảo luận. - Hoàn thiện các kỹ năng cơ bản trong Cờ Vua.	
	Tín chỉ 2		
Lý thuyết	Lý thuyết chung các nội dung môn thể dục và môn điền kinh	- Đọc quyển Điền kinh	

		- Đọc quyền giáo trình Đồng diễn thể dục - Câu hỏi: + Vai trò, tác dụng của các nội dung môn thể dục và môn điền kinh trong giáo dục sức khỏe đối với con người nói chung và sinh viên nói riêng. + Kỹ thuật các nội dung của 2 môn thể dục và Điền kinh.	Trên lớp trong giờ thực hành
Thực hành	I: Môn thể dục. 1. Đội ngũ, đội hình 2. Bài thể dục buổi sáng 3. Bài thể dục giữa giờ	- Trang phục: Quần áo thể thao, dày thể dục. - Thường xuyên, tích cực tập luyện kỹ thuật các bài tập của thể dục quy định	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Thảo luận	- Nêu những sai lầm thường mắc khi thực hiện các động tác của bài thể dục buổi sáng và bài thể dục giữa giờ - Đề xuất các biện pháp sửa chữa các sai sót đó	- Nhằm khắc phục những thiếu sót khi học tập các bài thể dục quy định	Trên lớp trong giờ thực hành
Tự học	- Các động tác của bài thể dục quy định. - Thường xuyên tập luyện các bài tập phát triển chung, nâng cao sức khỏe.	- Sinh viên phải kiên trì khổ luyện, tự tin, tìm tòi và sáng tạo trong quá trình tự học.	
Tư vấn	Hướng dẫn phương pháp tự tập luyện, cách tổ chức tập luyện và một số bài tập bổ trợ chuyên môn.	Sinh viên phải chuẩn bị tốt để tiếp thu nội dung được giáo viên tư vấn.	
Thực hành	II: Môn Điền kinh. 1. Kỹ thuật đi bộ thể thao 2. Kỹ thuật Chạy cự ly trung bình.	- Chuẩn bị tốt trang phục, dụng cụ và sân bãi. - Nghiên cứu các tài liệu chuyên môn về các giai đoạn kỹ thuật. - Các phương pháp, phương tiện tập luyện. - Các phương pháp tổ chức tập luyện	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Thảo luận	- Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến các sai lầm cơ bản trong khi học kỹ thuật. - Các biện pháp khắc phục sai lầm. - Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện.	Đọc tài liệu tham khảo và chuẩn bị các vấn đề sau: - Các biện pháp sửa chữa các sai lầm thường mắc trong khi học kỹ thuật chạy cự ly trung bình và phòng ngừa chấn thương trong tập luyện.	Trên lớp trong giờ thực hành
Tự học	- Tập luyện các bài tập bổ trợ chuyên môn về kỹ thuật và thể lực.	- Tự sắp xếp thời gian phù hợp trong tuần để ôn luyện có hiệu quả và không ảnh hưởng tới lịch trình chung.	
Tư vấn	Hướng dẫn phương pháp tự tập luyện, cách tổ chức tập luyện và một số bài tập bổ trợ chuyên môn.	Sinh viên phải chuẩn bị tốt để tiếp thu nội dung được giáo viên tư vấn.	
	III. Tổ chức kiểm tra, thi đấu.		

	Tín chỉ 3, 4, 5		
	Aerobic		
<u>Tín chỉ 3</u> Lý thuyết	- Xây dựng khái niệm kỹ thuật động tác	Chuẩn bị giấy bút	Tại phòng học CLB
Thực hành	- Xây dựng khái niệm kỹ thuật động tác - Dạy kỹ thuật động tác giảm chân tại chỗ – di chuyển ngang kết hợp với cổ	Chuẩn bị giấy bút	Tại phòng học CLB
	- Dạy kỹ thuật động tác lườn - vận mình - Dạy kỹ thuật động tác nhún bật lên cao xuống bằng một chân, một chân co – Dạy kỹ thuật động tác phối hợp. - Dạy kỹ thuật động tác di chuyển ngang chân chéo sau - Dạy kỹ thuật động tác di chuyển chéo trái phải - Dạy kỹ thuật động tác chạy tại chỗ - Dạy kỹ thuật động tác phối hợp và kết thúc		Tuần 2 đến tuần 15 Tại sân vận động
<u>Tín chỉ 4</u> Lý thuyết	- Xây dựng khái niệm kỹ thuật động tác	Chuẩn bị giấy bút	Tại phòng học CLB
Thực hành	- Xây dựng khái niệm kỹ thuật động tác - Dạy kỹ thuật động tác giảm chân tại chỗ - tay chân kết hợp với di chuyển. - Dạy kỹ thuật động tác tay ngực di chuyển sang ngang- di chuyển tiến, lùi. - Dạy kỹ thuật động tác dậm chân tại chỗ, vỗ tay– Dạy kỹ thuật động tác bật nhảy. - Dạy kỹ thuật động tác di chuyển chéo trái, phải - Dạy kỹ thuật động tác chạy tại chỗ. - Dạy kỹ thuật động tác kiểm soát gót chân tại chỗ - Dạy kỹ thuật động tác di chuyển ngang chân bước chéo sau.	- Chuẩn bị tốt trang phục, dụng cụ và sân bãi - Nghiên cứu các tài liệu chuyên môn về các động tác của thể dục Aerobic - Các phương pháp, phương tiện tập luyện - Các phương pháp tổ chức tập luyện	Tuần 2 đến tuần 15 Tại sân vận động
<u>Tín chỉ 5</u> Lý thuyết	- Xây dựng khái niệm kỹ thuật động tác	Chuẩn bị giấy bút	Tại phòng học CLB
Thực hành	- Dạy kỹ thuật động tác mở bài - tay kết hợp đánh hông. - Dạy kỹ thuật động tác di chuyển tiến lùi - tay vai. - Dạy kỹ thuật động tác bật nhảy kết hợp với lườn – Dạy kỹ thuật động tác di chuyển ngang.	- Chuẩn bị tốt trang phục, dụng cụ và sân bãi - Nghiên cứu các tài liệu chuyên môn về các động tác của thể dục Aerobic - Các phương pháp, phương tiện tập luyện - Các phương pháp tổ chức tập	Tuần 2 đến tuần 15 Tại sân vận động của trường

	- Dạy kỹ thuật động tác phối hợp - Dạy kỹ thuật động tác lưng bụng. - Dạy kỹ thuật động tác nhảy - kết thúc.	luyện	
	Điền kinh –Chạy cự ly ngắn		
Lý thuyết	- Trang bị lý thuyết cơ bản của kỹ thuật chạy cự ly ngắn. - Phương pháp tập luyện cơ bản của kỹ thuật chạy cự ly ngắn và cách phòng ngừa chấn thương trong tập luyện.	- Sinh viên đọc quyển sách điền kinh. - Trình bày kỹ thuật cơ bản chạy cự ly ngắn? - Trình bày phương pháp tập luyện kỹ thuật chạy cự ly ngắn?. - Cách phòng ngừa chấn thương trong tập luyện cự ly ngắn?	Phần lý thuyết được trang bị trong quá trình lên lớp thực hành. Lịch do nhà trường bố trí.
Thực hành	1. Xây dựng khái niệm kỹ thuật và tìm hiểu đặc điểm chạy của người học. 2. Dạy kỹ thuật chạy trên đường thẳng. 3. Dạy kỹ thuật chạy đường vòng. 4. Kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát. 5. Kỹ thuật chuyển tiếp từ chạy lao sang chạy giữa quãng. 6. Giảng dạy kỹ thuật xuất phát thấp đầu đường vòng. 7. Giảng dạy kỹ thuật về đích 8. Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly ngắn 9. Tổ chức thi đấu	- Chuẩn bị tốt trang phục, dụng cụ và sân bãi. - Nghiên cứu các tài liệu chuyên môn về các giai đoạn kỹ thuật. - Các phương pháp, phương tiện tập luyện. - Các phương pháp tổ chức tập luyện	Trên lớp. Lịch do nhà trường bố trí.
Thảo luận	Phương pháp tập luyện kỹ thuật chạy cự ly ngắn. Những sai lầm thường mắc, nguyên nhân và cách sửa chữa trong quá trình học kỹ thuật chạy cự ly ngắn.	Sinh viên chuẩn bị các nội dung và câu hỏi để thảo luận. - Phân các nhóm thảo luận. Trong quá trình thảo luận phải kết hợp với thực hành tại chỗ.	Trên lớp thực hành
Tự học	- Ôn luyện kỹ thuật chạy cự ly ngắn, tập các bài tập bổ trợ cho kỹ thuật và thể lực chuyên môn.	- Sinh viên phải chuẩn bị trang phục thể thao và địa điểm tập luyện đúng yêu cầu kỹ thuật. - Đảm bảo phương pháp tập luyện - nội dung có khoa học và theo hướng dẫn của giáo viên.	
Tư vấn	- Phương pháp tập luyện môn chạy cự ly ngắn. - Tư vấn về phương tiện rèn luyện, bổ trợ cho quá trình tập luyện môn chạy cự ly ngắn.. - Tư vấn về cách phòng ngừa chấn thương và xử lý chấn thương trong quá trình tự tập	Sinh viên tiếp thu đầy đủ nội dung được tư vấn để vận dụng trong vào quá trình tự học và ôn luyện ngoại khoá.	

	luyện		
	Điền kinh – Nhảy xa		
Lý thuyết	- Trang bị lý thuyết cơ bản của kỹ thuật nhảy xa - Phương pháp tập luyện cơ bản của kỹ thuật nhảy xa và cách phòng ngừa chấn thương trong tập luyện.	- Sinh viên đọc quyển sách điền kinh. - Trình bày kỹ thuật cơ bản nhảy xa - Trình bày phương pháp tập luyện kỹ thuật nhảy xa? - Cách phòng ngừa chấn thương trong tập luyện nhảy xa?	Phần lý thuyết được trang bị trong quá trình lên lớp thực hành.
Thực hành	1. Xây dựng khái niệm kỹ thuật nhảy xa. 2. Dạy kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ 3. Dạy kỹ thuật chạy đà và giậm nhảy - bước bộ. 4. Dạy kỹ thuật bay trên không và rơi xuống đất. 5. Hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa. 6. Kiểm tra đánh giá kỹ thuật và thành tích.	- Chuẩn bị tốt trang phục, dụng cụ và sân bãi. - Nghiên cứu các tài liệu chuyên môn về các giai đoạn kỹ thuật. - Các phương pháp, phương tiện tập luyện. - Các phương pháp tổ chức tập luyện	Trên lớp.
Thảo luận	Phương pháp tập luyện kỹ thuật nhảy xa. Những sai lầm thường mắc, nguyên nhân và cách sửa chữa trong quá trình học kỹ thuật nhảy xa.	Sinh viên chuẩn bị các nội dung và câu hỏi để thảo luận. Phân các nhóm thảo luận. Trong quá trình thảo luận phải kết hợp với thực hành tại chỗ.	Trên lớp thực hành
Tự học	- Ôn luyện kỹ thuật nhảy xa, tập các bài tập bổ trợ cho kỹ thuật và thể lực chuyên môn.	- Sinh viên phải chuẩn bị trang phục thể thao và địa điểm tập luyện đúng yêu cầu kỹ thuật. - Đảm bảo phương pháp tập luyện - nội dung có khoa học và theo hướng dẫn của giáo viên.	
Tư vấn	- Phương pháp tập luyện môn nhảy xa. - Tư vấn về phương tiện rèn luyện, bổ trợ cho quá trình tập luyện môn nhảy xa. - Tư vấn về cách phòng ngừa chấn thương và xử lý chấn thương trong quá trình tự tập luyện	Sinh viên tiếp thu đầy đủ nội dung được tư vấn để vận dụng trong vào quá trình tự học và ôn luyện ngoại khoá.	
	Điền kinh – Nhảy cao		
Lý thuyết	- Trang bị lý thuyết cơ bản của kỹ thuật nhảy cao - Phương pháp tập luyện cơ bản của kỹ thuật nhảy cao và cách phòng ngừa chấn thương trong tập luyện.	- Sinh viên đọc quyển sách điền kinh. - Trình bày kỹ thuật cơ bản nhảy cao? - Trình bày phương pháp tập luyện kỹ thuật nhảy cao? - Cách phòng ngừa chấn thương trong tập luyện nhảy cao?	Phần lý thuyết được trang bị trong quá trình lên lớp thực hành.
	1. Xây dựng khái niệm Kỹ thuật	- Chuẩn bị tốt trang phục, dụng cụ	

Thực hành	nhảy cao. 2. Dạy kỹ thuật giậm nhảy 3. Dạy kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy. 4. Dạy kỹ thuật qua xà và rơi xuống đất đối với kỹ thuật nhảy cao tự chọn. 5. Hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao tự chọn. 6. Tổ chức thi đấu	và sân bãi. - Nghiên cứu các tài liệu chuyên môn về các giai đoạn kỹ thuật. - Các phương pháp, phương tiện tập luyện. - Các phương pháp tổ chức tập luyện	Trên lớp.
Thảo luận	Phương pháp tập luyện kỹ thuật nhảy cao. Những sai lầm thường mắc, nguyên nhân và cách sửa chữa trong quá trình học kỹ thuật nhảy cao.	Sinh viên chuẩn bị các nội dung và câu hỏi để thảo luận. Phân các nhóm thảo luận. Trong quá trình thảo luận phải kết hợp với thực hành tại chỗ.	Trên lớp thực hành
Tự học	- Ôn luyện kỹ thuật nhảy xa, tập các bài tập bổ trợ cho kỹ thuật và thể lực chuyên môn.	- Đảm bảo phương pháp tập luyện - nội dung có khoa học và theo hướng dẫn của giáo viên.	
Tư vấn	- Phương pháp tập luyện môn nhảy cao. - Tư vấn về phương tiện rèn luyện, bổ trợ cho quá trình tập luyện môn nhảy cao. - Tư vấn về cách phòng ngừa chấn thương và xử lý chấn thương trong quá trình tự tập luyện	Sinh viên tiếp thu đầy đủ nội dung được tư vấn để vận dụng trong vào quá trình tự học và ôn luyện ngoại khoá.	
Võ thuật Taekwondo			
Lý thuyết	1. Sơ lược nguồn gốc lịch sử môn Taekwondo 2. Ý nghĩa, tác dụng của Taekwondo 3. Thuật ngữ các kỹ thuật cơ bản. 4. Đặc điểm kỹ thuật Taekwondo	- Sinh viên đọc tài liệu, giáo trình môn taekwondo	Trên lớp
	5. Nguyên lý kỹ thuật Taekwondo 6. Giới thiệu về luật thi đấu.		
Bài tập (thực hành)	1. Kỹ thuật tấn(Seogi). 2. Kỹ thuật phòng thủ (đỡ, gạt) (makki) 3. Kỹ thuật đấm(Jireugi). 4. Kỹ thuật đá(chagi). 4.1. Apchagi: Đá tổng trước bằng ức bàn chân. 5. Bài quyền(poomse) 5.1. Bài quyền số 1.	- Chuẩn bị tốt trang phục, dụng cụ, sân bãi tập luyện. - Nghiên cứu tài liệu chuyên môn về đặc điểm, nguyên lý kỹ thuật học phần. - Các phương pháp, phương tiện tập luyện - Các phương pháp tổ chức tập luyện	Sân tập thực hành TDDT
Thảo luận	- Phương pháp tập luyện kỹ thuật môn taekwondo - Những sai lầm thường mắc,	- Sinh viên chuẩn bị các nội dung và câu hỏi để thảo luận - Phân các nhóm thảo luận	Trên lớp thực hành

	nguyên nhân, cách khắc phục sửa chữa trong quá trình học .	- tập trung lớp thảo luận kết hợp với thực hành tại chỗ	
Tự học	ôn luyện kỹ thuật taekwondo, các bài tập bổ trợ cho nội dung học phần.	- Sinh viên phải chuẩn bị trang phục, dụng cụ, địa điểm tập luyện đúng theo yêu cầu về kỹ thuật - Đảm bảo đúng trình tự, phương pháp tập luyện theo hướng dẫn của giáo viên.	
Tư vấn	- Phương pháp tập luyện môn Taekwondo - Phương tiện rèn luyện, bổ trợ cho quá trình tập luyện. - Cách phòng ngừa chấn thương và xử lý chấn thương trong tập luyện.	Sinh viên tiếp thu đầy đủ nội dung được tư vấn để vận dụng vào quá trình tự học và ôn luyện ngoại khóa	
	Bóng chuyền		
<u>Tín chỉ 3</u> Lý thuyết	- Lịch sử phát triển bóng chuyền - Tác dụng tập luyện bóng chuyền đối với cơ thể - Luật bóng chuyền 6 người	Chuẩn bị giấy bút	Tại phòng học CLB từ tuần 1
Thực hành	- Tư thế chuẩn bị di động. + Tư thế chuẩn bị: Cao, trung bình, thấp + Di chuyển: Sang 2 bên, trước sau, chạy nhảy. - Kỹ thuật chuyền bóng cao tay - Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay cơ bản - Thi đấu tập - Thẻ lực: Tập sức nhanh - Ôn tập – Thi kết thúc học kỳ	Chuẩn bị dụng cụ sân bãi	Từ tuần 2 đến tuần 15 tại sân Bóng chuyền
<u>Tín chỉ 4</u> Lý thuyết	+ Đập bóng hàng sau + Luật hội ý + Luật chắn bóng, luật hàng sau tham gia tấn công	Chuẩn bị giấy bút	Tại phòng học CLB từ tuần 1
Thực hành	- Kỹ thuật đập bóng + Đập bóng theo phương lấy đà + Tập kỹ thuật vào đà + Đập không bóng + Đập bóng cố định + Tung đập bóng xuống đất. + Đập gõ vào tường + Đập bóng qua lưới với đường bóng tung + Đập bóng qua lưới với chuyền hai + Tự tung bóng bật nhảy đập bóng + Đập bóng thay đổi hướng và điểm rơi + Đập bóng xa lưới, gần lưới,	Chuẩn bị dụng cụ sân bãi	Từ tuần 2 đến tuần 15 tại sân Bóng chuyền

	thay đổi đường chuyền hai + Đập bóng phối hợp với kỹ thuật lăn ngã + Đập bóng có chắn - Kỹ thuật phát bóng - Thể lực: Tập sức nhanh - Ôn tập – Thi kết thúc học kỳ. - Kiểm tra phát bóng và đập bóng		
Tín chỉ 5 Lý thuyết	+ Luật chắn bóng + Phương pháp tổ chức thi đấu + Thực tập trọng tài	Chuẩn bị giấy bút, còi	Tại phòng học CLB từ tuần 1
Thực hành	- Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng + Tập chắn bóng tại chỗ + Tập chắn bóng di chuyển + Chắn bóng đơn, đôi + Chắn bóng tập thể + Hoàn thiện kỹ thuật chuyền hai + Tập đệm bóng các vị trí 3, 2, 4 + Hoàn thiện kỹ thuật đập bóng vị trí số 2, 3, 4. + Hoàn thiện kỹ thuật phát bóng + Luyện tấn công và phòng thủ, đấu tập + Ôn tập – Thi kết thúc học kỳ	Chuẩn bị dụng cụ sân bãi	Từ tuần 2 đến tuần 15 tại sân Bóng chuyền
	Bóng đá		
Lý Thuyết	Tín chỉ 3 : Phần lý thuyết Chương I: Lịch sử phát triển môn bóng đá trên thế giới và Việt Nam 1. Sự phát triển môn bóng đá trên thế giới 1.1 Nguồn gốc 1.2 Sự phát triển	- Đọc tài liệu liên quan đến nội dung bài giảng - Tìm hiểu nguồn gốc lịch sử phát triển - Đọc tham khảo tài liệu về luật bóng đá - Cách thức tổ chức thi đấu	Tuần1- 2 Trên lớp
	2. Sự phát triển môn bóng đá ở Việt Nam 2.1 Nguồn gốc 2.2 Sự phát triển môn đá ở Việt Nam qua các thời kỳ Chương II : Luật bóng đá 1. Luật sân lớn (11 người) 2. Luật sân 7 người 3. Luật sân 5 người Chương III : Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài 1. Phương pháp tổ chức thi đấu 2. Phương pháp trọng tài	- Phương pháp trọng tài	
Thảo Luận		Cách thức tổ chức thi đấu Các tình huống trong thi đấu	

		Soạn thảo điều lệ thi đấu	
Tự học		Nghiên cứu kỹ về luật	
Thực hành	Tín chỉ 4: Phần thực hành Chương IV: Các kỹ thuật cơ bản 1. Khởi động và di chuyển trong bóng đá 1.1 Khởi động 1.2 Di chuyển 2. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân 2.1 Tư thế chuẩn bị chạy đà 2.2 Đặt chân trụ 2.3 Lãng chân đá bóng 2.4 Tiếp xúc bóng 2.5 Tư thế kết thúc 3. Kỹ thuật dẫn bóng 3.1 Dẫn bóng bằng mu giữa bàn chân 3.2 Dẫn bóng bằng lòng bàn chân 3.3 Dẫn bóng bằng má ngoài 4. Kỹ thuật đánh đầu 4.1 Tư thế chuẩn bị 4.2 Phối hợp thực hiện 5. Kỹ thuật ném biên 5.1 Kỹ thuật ném biên không chạy đà 5.2 Kỹ thuật ném biên có đà 6. Thi đấu - Thể lực	Chuẩn bị tốt trang phục, dụng cụ sân bãi	Tuần 3- 4- 5 Trên lớp
Thảo luận		Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sai lầm Tìm hiểu một số biện pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện Các tình huống thường xảy ra trong thi đấu, cách xử lý của trọng tài	
Tự học		Tập luyện các bài tập bổ trợ Tập các kỹ thuật đã giới thiệu	
	Tín chỉ 5 : Thực hành 1. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân 1.1 Tư thế chuẩn bị chạy đà 1.2 Đặt chân trụ 1.3 Lãng chân đá bóng 1.4 Tiếp xúc bóng 1.5 Tư thế kết thúc 2. Kỹ thuật tranh cướp bóng 2.1 Tranh cướp chính diện 2.2 Tranh cướp 1 bên 2.3 Tranh cướp phía sau 3. Kỹ thuật nhận bóng 3.1 Nhận bóng tâm thấp	Chuẩn bị tốt trang phục, dụng cụ sân bãi	Tuần 6- 7- 8- 9- 10 Trên lớp

	3.2 Nhận bóng tầm trung 3.3 Nhận bóng tầm cao 4. Chiến thuật bóng đá 4.1 Đội hình chiến thuật 4.2 Chiến thuật cố định 4.3 Chiến thuật cá nhân 4.4 Chiến thuật nhóm 4.5 Chiến thuật toàn đội 5. Thực hành thi đấu trọng tài 6. Thi đấu - Thẻ phạt - Thực hành trọng tài		
Thảo luận		Đọc tài liệu Tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới sai lầm	
Tự học		Sắp xếp thời gian phù hợp để tổ chức tập luyện các bài tập bổ trợ, các kỹ thuật đã giới thiệu.	
Thực hành	Tín chỉ 3 : Thực hành 1. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân 1.1 Tư thế chuẩn bị chạy đà 1.2 Đặt chân trụ 1.3 Lãng chân đá bóng 1.4 Tiếp xúc bóng 1.5 Tư thế kết thúc	Chuẩn bị tốt trang phục, dụng cụ sân bãi	Tuần 11-12- 13- 14-15 Trên lớp
	2. Kỹ thuật đá bóng bằng má ngoài bàn chân 2.1 Tư thế chuẩn bị chạy đà 2.2 Đặt chân trụ 2.3 Lãng chân đá bóng 2.4 Tiếp xúc bóng 2.5 Tư thế kết thúc 3. Kỹ thuật thủ môn 4. Ứng dụng chiến thuật 4.1 Đội hình chiến thuật 4.2 Chiến thuật cố định 4.3 Chiến thuật cá nhân 4.4 Chiến thuật nhóm 4.5 Chiến thuật toàn đội 5. Thực hành thi đấu trọng tài		
Thảo luận		Đọc tài liệu Tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới sai lầm	
Tự học		Sắp xếp thời gian phù hợp để tổ chức tập luyện các bài tập bổ trợ, các kỹ chiến thuật đã giới thiệu.	
	Đá cầu		
Lý Thuyết	Tín chỉ 3 Chương I : Phần lý thuyết 1. Nguồn gốc lịch sử phát triển	- Đọc tài liệu liên quan đến nội dung bài giảng - Tìm hiểu nguồn gốc lịch sử phát	Tuần 1- 2 Trên lớp

	đá cầu 1.1 Nguồn gốc 1.2 Sự phát triển 2. Luật thi đấu 3. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài	triển - Đọc tham khảo tài liệu về luật bóng đá - Cách thức tổ chức thi đấu - Phương pháp trọng tài	
Thực hành	Chương II : phần thực hành 1. Khởi động - các hình thức di chuyển trong đá cầu 2. Kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện 2.1 Tư thế chuẩn bị 2.2 Thực hiện kỹ thuật 2.3 Kết thúc 3. Kỹ thuật đá đùi 3.1 Đỡ cầu 3.2 Chuyển cầu 3.3 Tăng cầu 1 nhịp để tấn công	Cách thức tổ chức thi đấu Các tình huống trong thi đấu Soạn thảo điều lệ thi đấu	Tuần 3- 4- 5 Trên lớp
Thảo luận		Nghiên cứu kỹ về luật. Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sai lầm Tìm hiểu một số biện pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện Các tình huống thường xảy ra trong thi đấu, cách xử lý của trọng tài	
Tự học		Tập luyện các bài tập bổ trợ Tập các kỹ thuật đã giới thiệu	
	Tín chỉ 4 1. Kỹ thuật đá mu bàn chân 2. Kỹ thuật đánh đầu 2.1 Đỡ đầu 2.2 Đánh đầu tấn công 3. Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình 3.1 Tư thế chuẩn bị 3.2 Thực hiện kỹ thuật 3.3 Kết thúc 4. Kỹ thuật phát cầu cao chân nghiêng mình 4.1 Tư thế chuẩn bị 4.2 Thực hiện kỹ thuật 4.3 Kết thúc 5. Kỹ thuật đỡ ngực 5.1 Đỡ cầu 5.2 Chắc cầu 5.3 Đánh ngực tấn công 6. Chiến thuật thi đấu 6.1 Chiến thuật đá đơn 6.2 Chiến thuật đá đôi 6.3 Chiến thuật thi đấu đồng đội	Chuẩn bị tốt trang phục, dụng cụ sân bãi Đi học đúng giờ nghiên cứu kỹ tài liệu liên quan	Tuần 6- 7- 8- 9- 10 Trên lớp

	7. Thi đấu, thực hành trọng tài		
Thảo luận		Đọc tài liệu Tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới sai lầm	
Tự học		Sắp xếp thời gian phù hợp để tổ chức tập luyện các bài tập bổ trợ, các kỹ thuật đã giới thiệu.	
Thực hành	Tín chỉ 5 1. Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình 1.1 Tư thế chuẩn bị 1.2 Thực hiện kỹ thuật 1.3 Kết thúc 2. Kỹ thuật phát cầu cao chân nghiêng mình 2.1 Tư thế chuẩn bị 2.2 Thực hiện kỹ thuật 2.3 Kết thúc 3. Kỹ thuật đỡ ngực 3.1 Đỡ cầu 3.2 Chắc cầu 3.3 Đánh ngực tấn công 4. Chiến thuật thi đấu 4.1 Chiến thuật đá đơn 4.2 Chiến thuật đá đôi 4.3 Chiến thuật thi đấu đồng đội 5. Thi đấu, thực hành trọng tài		Tuần 11-12- 13- 14- 15 Trên lớp
Thảo luận		Đọc tài liệu Tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới sai lầm	
Tự học		Sắp xếp thời gian phù hợp để tổ chức tập luyện các bài tập bổ trợ, các kỹ chiến thuật đã giới thiệu.	
	Bóng ném		
Tín chỉ 3 Lý thuyết	- Lịch sử phát triển bóng ném - Tác dụng tập luyện bóng ném đối với cơ thể - Luật bóng ném	Chuẩn bị giấy bút	Tại phòng học CLB từ tuần 1
Thực hành	- TT thể chuẩn bị di động. + TT chuẩn bị: Cao, trung bình, thấp + Di chuyển: Sang 2 bên, trước sau, chạy nhảy. - Kỹ thuật dẫn bóng thấp, cao tay - Kỹ thuật chuyền bắt bóng bằng hai tay cơ bản - Thi đấu tập - Thể lực: Tập sức nhanh - Ôn tập – Thi kết thúc học kỳ	Chuẩn bị dụng cụ sân bãi	Từ tuần 2 đến tuần 15 tại sân Bóng ném

Tín chỉ 4 Lý thuyết	+ Luật thủ môn + Luật hội ý	Chuẩn bị giấy bút	Tại phòng học CLB từ tuần 1
Thực hành	- Kỹ thuật tại chỗ ném gân + vào ô + Vạch 7m - Kỹ thuật 3 bước nhảy ném gân - Thể lực: Tập sức nhanh - Ôn tập – Thi kết thúc học kỳ. - Kiểm tra phát bóng và đập bóng	Chuẩn bị dụng cụ sân bãi	Từ tuần 2 đến tuần 15 tại sân Bóng ném
Tín chỉ 5 Lý thuyết	+ Luật thay người + Phương pháp tổ chức thi đấu + Thực tập trọng tài	Chuẩn bị giấy bút, còi	Tại phòng học CLB từ tuần 1
Thực hành	- Giới thiệu chiến thuật tấn công nhanh + Tấn công nhanh vị trí 5 + Tấn công nhanh vị trí số 4 + Luyện tấn công và phòng thủ, đấu tập + Ôn tập – Thi kết thúc học kỳ	Chuẩn bị dụng cụ sân bãi	Từ tuần 2 đến tuần 15 tại sân Bóng ném

12. Qui định đối với học phần và yêu cầu giáo viên:

Đánh giá tính chuyên cần của sinh viên, lên lớp đúng giờ, đầy đủ có thái độ tập luyện tích cực, tự giác, có ý thức xây dựng bài, chuẩn bị tốt các nội dung thảo luận và hoạt động nhóm.

13. Phương thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

- Điểm đánh giá theo thang điểm 10
- Tham gia học tập trên lớp đầy đủ, không vắng học quá 20% tổng số giờ quy định, chuẩn bị bài, giải quyết tốt các nhiệm vụ học trên lớp: tỷ trọng 1/10.
- Thực hiện các nội dung, hoàn thành nội dung tự học, nghiên cứu thảo luận đấu tập, kiểm tra giữa kỳ; tỷ trọng 2/10
- Đánh giá kết thúc học phần; tỷ trọng 7/10

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN II

1. Thông tin về giảng viên:

1. GV. Ths. Nguyễn Thị Mỹ Hương - Trưởng bộ môn

Điện thoại: 0383.551.253 **Dđ:** 0915.228.878

E- mail: ngthmyhuongdhv@yahoo.com

Hướng nghiên cứu chính:

- Học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư
- Chủ nghĩa tư bản hiện đại
- Những vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

2. GV. Ths. Nguyễn Thị Diệp

Điện thoại: 0383.832.902 **Dđ:** 0914.447.188

E- mail: diepdhv@yahoo.com.vn

Hướng nghiên cứu chính:

- Sở hữu và các thành phần kinh tế ở Việt Nam
- Kinh tế thị trường định hướng XHCN
- Nghiên cứu tác phẩm kinh điển của C. Mác
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế

3. GVC. TS. Đinh Thế Định

Hướng nghiên cứu chính: Những vấn đề chính trị- xã hội, nguồn lực con người, chính trị học

Địa chỉ: Bộ môn CNXH KH, Khoa GDCT, Trường Đại học Vinh.

Điện thoại: 039.837284 **Di động:** 0912626385

Email: dinh2008dhv@yahoo.com

4. GVC. Th.S. Phan Văn Bình

Điện thoại: 038.3568904 **Di động:** 0912627949

Email: vanbinh_dhv@yahoo.com

5. GV. Th.S. Vũ Thị Phương Lê

Điện thoại: 038.3520881 **Di động:** 0915689667

E.Mail: vuthiphuonngle@yahoo.com.vn

2. Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (II)

3. Mã học phần: CT10002

4. Số tín chỉ: 03

5. Loại học phần: bắt buộc.

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- **Lý thuyết: 33 tiết**
- **Bài tập, thảo luận: 12 tiết**
- **Tự học: 90 tiết**
- Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (I)

7. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức:

+ Trang bị cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản, cần thiết của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa qua các giai đoạn phát triển của nó và về chủ nghĩa xã hội.

+ Trên cơ sở đó, giúp người học có được cơ sở lý luận cơ bản nhất để tiếp cận nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Về kỹ năng:

Góp phần xây dựng, hình thành năng lực tư duy, khả năng vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, giúp người học có thể phân tích, lý giải đúng đắn những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội mà thực tiễn đặt ra.

- Về thái độ:

Góp phần xây dựng thế giới quan và phương pháp luận khoa học; hình thành phẩm chất chính trị đạo đức, hình thành lý tưởng cách mạng và niềm tin cho người học.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (II) bao gồm những phạm trù, quy luật, nguyên lý kinh tế chính trị cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về nền kinh tế hàng hoá, kinh tế hàng hoá tư bản chủ nghĩa và những lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.

Kết cấu học phần gồm 3 tín chỉ, 6 chương. Trong đó, chương I và chương II trình bày nội dung trọng tâm của học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác; chương III trình bày những nội dung cơ bản trong học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước của V.I.Lênin; chương IV,V khái quát những nội dung cơ bản của nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và chương VI khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9. Nội dung học phần

9.1. Cấu trúc chương trình

Tín chỉ	Nội dung của tín chỉ	Số tiết giảng	Số tiết TL,BT	Số tiết tự học
1	Chương I: Học thuyết giá trị	4	2	10
	Chương II: Học thuyết giá trị thặng dư	9	3	20
	Cộng	13	5	30
2	Chương III: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	4	1	12
	Chương IV: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa	6	2	18
	Cộng	10	3	30
3	Chương V: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa	7	2	18
	Chương VI: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	3	2	12
	Cộng	10	4	30
	Cộng:	33	12	90

9.2. Nội dung chi tiết học phần

Tín chỉ 1

(Lý thuyết: 13 tiết, Thảo luận, bài tập: 05 tiết, Tự học: 30 tiết)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp sinh viên nắm được nội dung cơ bản trong các học thuyết kinh tế của C.Mác về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Cụ thể:

1. Làm rõ bản chất của sản xuất hàng hóa và các quy luật kinh tế chủ yếu hoạt động trong nền sản xuất này.
2. Làm rõ những vấn đề KTCT của phương thức sản xuất TBCN, như:
 - Bản chất kinh tế của chủ nghĩa tư bản, quan hệ giai cấp trong chủ nghĩa tư bản
 - Sự vận động của tư bản cá biệt và tái sản xuất tư bản xã hội
 - Giải thích nguồn gốc các hình thức thu nhập trên cơ sở làm rõ sự phân chia giá trị thặng dư trong CNTB
 - Phân tích tính chất xuyên tạc các quan hệ sản xuất TBCN của các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

B. YÊU CẦU:

1. Sinh viên cần nắm vững các phạm trù: hàng hoá, sản xuất hàng hoá, giá trị sử dụng, giá trị, lao động cụ thể, lao động trừu tượng, tiền, giá cả, cạnh tranh, cung, cầu, lạm phát, thị trường; hiểu được điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá; hiểu được lượng giá trị của hàng hoá; nắm được nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền; hiểu được nội dung và tác động của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa.
2. Sinh viên cần nắm vững các khái niệm: hàng hoá sức lao động, tư bản, giá trị thặng dư, tư bản bất biến, tư bản khả biến, tỷ suất giá trị thặng dư, khối lượng giá trị thặng dư, giá trị thặng dư tuyệt đối, giá trị thặng dư tương đối, tích lũy tư bản, cấu tạo hữu cơ của tư bản, tích tụ và tập trung tư bản, bản cùng hoá tuyệt đối và tương đối; tư bản cá biệt, tư bản xã hội, tuần hoàn của tư bản, chu chuyển của tư bản, tư bản cố định, tư bản lưu động; chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, lợi nhuận bình quân, giá cả sản xuất, lợi nhuận thương nghiệp, lợi tức, địa tô TBCN.
3. Hiểu được điều kiện để tiền chuyên hoá thành tư bản, bản chất và nguồn gốc của giá trị thặng dư, sản xuất giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối của CNTB, bản chất của tiền công trong CNTB, tích lũy tư bản chủ nghĩa.
4. Hiểu được sự vận động của tư bản cá biệt xét về mặt chất và mặt lượng; hiểu được điều kiện thực hiện sản phẩm trong tái sản xuất tư bản xã hội, bản chất và nguyên nhân của khủng hoảng kinh tế TBCN.
5. Hiểu bản chất và nguồn gốc lợi nhuận, cơ chế hình thành và bản chất của lợi nhuận bình quân, giá cả sản xuất; hiểu được các hình thái của tư bản và lợi nhuận của chúng.

C. NỘI DUNG TÍN CHỈ:

Chương I: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

(Lý thuyết: 4 tiết, Thảo luận, bài tập: 2 tiết, Tự học: 10 tiết)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp sinh viên nắm được bản chất của sản xuất hàng hoá, các quy luật kinh tế chủ yếu hoạt động trong nền sản xuất này.

B. YÊU CẦU:

- Sinh viên cần nắm vững các phạm trù: hàng hoá, sản xuất hàng hoá, giá trị sử dụng, giá trị, lao động cụ thể, lao động trừu tượng, tiền, giá cả, cạnh tranh, cung, cầu, lạm phát, thị trường.
- Hiểu được điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá
- Hiểu được lượng giá trị của hàng hoá
- Nắm được nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền
- Hiểu được các quy luật của sản xuất hàng hoá.

C. NỘI DUNG GIẢNG

I. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa

1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hóa
2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa

II. Hàng hóa

1. Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hoá
2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa
3. Lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng tới lượng giá trị hàng hóa

III. Tiền tệ

1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ

IV. Quy luật giá trị

1. Nội dung của quy luật giá trị

2. Tác động của quy luật giá trị

D. NỘI DUNG TỰ HỌC

III. Tiền tệ

2. Các chức năng của tiền tệ

E. NỘI DUNG ÔN TẬP, THẢO LUẬN

I. Nội dung ôn tập

1. Điều kiện ra đời, tồn tại, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá.

2. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá.

3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá

4. Quy luật giá trị

II. Nội dung thảo luận

1. Mối quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hoá với tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá?

2. Tại sao lượng giá trị phải được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết? Sự giống nhau và khác nhau giữa tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động?

Chương II: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

(Lý thuyết: 10 tiết, Thảo luận, bài tập: 3 tiết, Tự học: 20 tiết)

A. MỤC ĐÍCH:

- Làm rõ bản chất kinh tế của chủ nghĩa tư bản, quan hệ giai cấp trong chủ nghĩa tư bản, tính lịch sử của chủ nghĩa tư bản.

- Giới thiệu cho sinh viên những vấn đề chung nhất về sự vận động của tư bản cá biệt và tái sản xuất tư bản xã hội

- Làm rõ sự phân chia giá trị thặng dư trong CNTB, từ đó giải thích nguồn gốc các hình thức thu nhập gắn liền với các hình thái của tư bản và quyền sở hữu ruộng đất trong CNTB, tính chất xuyên tạc các quan hệ sản xuất TBCN của các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư, quan hệ bóc lột của giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ đối với giai cấp vô sản.

B. YÊU CẦU:

1. Sinh viên cần nắm vững các khái niệm:

- Hàng hoá sức lao động, tư bản, giá trị thặng dư, tư bản bất biến, tư bản khả biến, tỷ suất giá trị thặng dư, khối lượng giá trị thặng dư, giá trị thặng dư tuyệt đối, giá trị thặng dư tương đối, tích lũy tư bản, cấu tạo hữu cơ của tư bản, tích tụ và tập trung tư bản, bản cùng hoá tuyệt đối và tương đối.

- Tư bản cá biệt, tư bản xã hội, tuần hoàn của tư bản, chu chuyển của tư bản, tư bản cố định, tư bản lưu động.

- Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, lợi nhuận bình quân, giá cả sản xuất, lợi nhuận thương nghiệp, lợi tức, địa tô TBCN

2. Hiểu được:

- Điều kiện để tiền chuyển hoá thành tư bản, bản chất và nguồn gốc của giá trị thặng dư, sản xuất giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối của CNTB, bản chất của tiền công trong CNTB, tích lũy tư bản chủ nghĩa.

- Sự vận động của tư bản cá biệt xét về mặt chất và mặt lượng; điều kiện thực hiện sản phẩm trong tái sản xuất tư bản xã hội; bản chất và nguyên nhân của khủng hoảng kinh tế TBCN.

- Bản chất và nguồn gốc lợi nhuận, cơ chế hình thành và bản chất của lợi nhuận bình quân, giá cả sản xuất; các hình thái của tư bản và lợi nhuận của chúng.

C. NỘI DUNG GIẢNG

I. Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản

1. Công thức chung của tư bản

2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

3. Hàng hóa sức lao động

II. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản

1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư
2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến
3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư
4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch
5. Sản xuất giá trị thặng dư- quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản

III. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản

1. Bản chất kinh tế của tiền công

V. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư

1. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản

VI. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận
2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất
3. Sự chuyển hóa của giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất
4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản
5. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp và địa tô tư bản chủ nghĩa

D. NỘI DUNG TỰ HỌC

III. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản

1. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản
2. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế

IV. Sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản

1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản
2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản
3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

V. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư

2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội
3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản

VI. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản
 - a) Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp
 - b) Tư bản cho vay và lợi tức cho vay
 - c) Quan hệ tín dụng tư bản chủ nghĩa. Ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng
 - d) Công ty cổ phần. Tư bản giả và thị trường chứng khoán

E. NỘI DUNG ÔN TẬP, THẢO LUẬN

I. Nội dung ôn tập

1. Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản
2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản
3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản
4. Tích lũy tư bản
5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư
7. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất. Các hình thái tư bản và lợi nhuận của chúng.

II. Nội dung thảo luận

1. Tại sao nói hàng hóa sức lao động là hàng hóa đặc biệt? Tại sao nói hàng hóa sức lao động là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn của công thức chung của tư bản?
2. Bản chất và nguồn gốc của giá trị thặng dư? Ý nghĩa việc nghiên cứu các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư?

3. Phân tích ý nghĩa lý luận và thực tiễn của việc nghiên cứu tuần hoàn và chu chuyển của tư bản, tư bản cố định và tư bản lưu động đối với sản xuất kinh doanh ở nước ta hiện nay.
4. Các phạm trù lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, lợi nhuận bình quân đã che dấu quan hệ sản xuất TBCN như thế nào?
5. Nguồn gốc và bản chất của lợi nhuận thương nghiệp, lợi tức cho vay, địa tô TBCN? Sự che dấu quan hệ sản xuất TBCN của các phạm trù nói trên?

Tín chỉ 2

(Lý thuyết: 10 tiết, Thảo luận, bài tập: 3 tiết, Tự học: 30 tiết)

MỤC ĐÍCH:

- Làm rõ: đặc điểm kinh tế cơ bản của CNTB độc quyền; bản chất kinh tế, bản chất chính trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản.

YÊU CẦU:

- Hiểu được nguyên nhân ra đời, bản chất và những đặc điểm kinh tế cơ bản của CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước; nắm được những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại và đánh giá đúng vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của CNTB.

Chương III: HỌC THUYẾT KINH TẾ VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

(Lý thuyết: 4 tiết, Thảo luận, bài tập: 1 tiết, Tự học: 12 tiết)

A. MỤC ĐÍCH:

Làm rõ: đặc điểm kinh tế cơ bản của CNTB độc quyền; bản chất kinh tế, bản chất chính trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản.

B. YÊU CẦU:

- Sinh viên cần nắm vững các khái niệm: tổ chức độc quyền, tư bản tài chính, xuất khẩu tư bản, chủ nghĩa đế quốc, CNTB độc quyền nhà nước.
- Hiểu được nguyên nhân ra đời, bản chất và những đặc điểm kinh tế cơ bản của CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước.
- Nắm được những nét mới và đánh giá đúng vai trò, hạn chế cũng như xu hướng vận động của CNTB.

C. NỘI DUNG GIẢNG

I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

1. Nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ cạnh tranh tự do sang độc quyền
2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền
3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

D. NỘI DUNG TỰ HỌC

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại

IV. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội
2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản

E. NỘI DUNG ÔN TẬP, THẢO LUẬN

I. Nội dung ôn tập

1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền: nguyên nhân hình thành, bản chất và đặc điểm

2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước: nguyên nhân hình thành, bản chất và những biểu hiện chủ yếu.
3. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại
4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

II. Nội dung thảo luận

1. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại
2. Tại sao nói: Ngày nay chủ nghĩa tư bản đang có sự tự điều chỉnh nhưng nó không thể vượt qua được giới hạn lịch sử của nó?

Chương IV: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(Lý thuyết: 6 tiết, Thảo luận, bài tập: 2 tiết, Tự học: 18 tiết)

A. MỤC ĐÍCH:

- Làm rõ khái niệm, điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN
- Làm rõ vai trò của ĐCS trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN
- Làm rõ mục tiêu, nội dung, động lực cách mạng XHCN
- Tính tất yếu, nội liên minh công nhân - nông dân
- Xu thế và các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế xã hội CSCN

B. YÊU CẦU:

Sinh viên tham gia học tập đầy đủ, đọc tài liệu để nắm vững các nội dung.

C. NỘI DUNG GIẢNG

I. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử (SMLS) của GCCN

- 1.1. Khái niệm giai cấp công nhân
- 1.3. Điều kiện khách quan quy định SMLS của GCCN
- 1.4. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện SMLS của GCCN

II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

- 2.2. Mục tiêu, nội dung và động lực của cách mạng XHCN
- 2.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng XHCN

III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (CSCN)

- 3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế- xã hội CSCN

D. NỘI DUNG TỰ HỌC

I. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử (SMLS) của GCCN

- 1.2. Nội dung SMLS của GCCN

II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

- 2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN) và nguyên nhân của nó

III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (CSCN)

- 3.1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế- xã hội CSCN

E. NỘI DUNG ÔN TẬP, THẢO LUẬN

1. Nội dung ôn tập:

1. Phân tích khái niệm giai cấp công nhân
2. Phân tích điều kiện khách quan quy định SMLS của GCCN
3. Trình bày mục tiêu, nội dung và động lực của cách mạng XHCN
4. Trình bày các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế- xã hội CSCN

2. Nội dung thảo luận

1. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện SMLS của GCCN
2. Những giải pháp chủ yếu để giai cấp công nhân Việt Nam thực hiện thắng lợi SMLS của mình

Tín chỉ 3

(Lý thuyết: 10 tiết, Thảo luận, bài tập: 4 tiết, Tự học: 30 tiết)

A. MỤC ĐÍCH:

- Làm rõ những vấn đề chính trị- xã hội có tính quy luật trong tiến trình CMXHCN

- Làm rõ sự ra đời, tồn tại, khủng hoảng và triển vọng của CNXH hiện thực

B. YÊU CẦU:

- Nắm vững các vấn đề chính trị- xã hội cụ thể như dân chủ XHCN, xây dựng nền văn hoá XHCN
- Nắm được quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm chủ nghĩa Mác- Lênin
- Học sinh hiểu được quá trình ra đời, tồn tại, thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của nó.
- Có cách nhìn nhận, đánh giá khách quan, khoa học về triển vọng của CNXH

Chương V: NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ- XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(Lý thuyết: 7 tiết, Thảo luận, bài tập: 2 tiết, Tự học: 18 tiết)

A. MỤC ĐÍCH:

- Làm rõ những vấn đề chính trị- xã hội có tính quy luật trong tiến trình CMXHCN như dân chủ XHCN, xây dựng nền văn hoá XHCN

B. YÊU CẦU:

- Học sinh tham dự đầy đủ giờ lý thuyết, đọc tài liệu để nắm vững các vấn đề chính trị- xã hội .
- Nắm được quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm chủ nghĩa Mác- Lênin

C. NỘI DUNG GIẢNG:

I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa (XHCN)

- 1.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN
- 1.2. Xây dựng nhà nước XHCN

II. Xây dựng nền văn hóa XHCN

- 2.1. Khái niệm nền văn hóa XHCN
 - 2.1.1. Khái niệm văn hoá
 - 2.1.2. Khái niệm nền văn hóa XHCN
- 2.2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa XHCN

III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

- 3.1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc
 - 3.1.1. Khái niệm dân tộc
 - 3.1.3. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc
- 3.2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo
 - 3.2.1. Khái niệm tôn giáo
 - 3.2.3. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

D. NỘI DUNG TỰ HỌC

I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa (XHCN)

- 1.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN

II. Xây dựng nền văn hóa XHCN

- Khái niệm nền văn hóa XHCN
- 2.1.2. Khái niệm nền văn hóa XHCN

III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

- 3.1.2. Hai xu hướng của phong trào dân tộc
- 3.2.2. Vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng CNXH

E. NỘI DUNG ÔN TẬP, THẢO LUẬN

Nội dung ôn tập:

1. Xây dựng nền dân chủ XHCN
2. Xây dựng nhà nước XHCN
3. Khái niệm nền văn hóa XHCN

4. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc
5. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

Nội dung thảo luận:

1. Văn hóa XHCN và bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam
2. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và sự vận dụng của Đảng, Nhà nước ta.
3. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo và sự vận dụng của Đảng, Nhà nước ta.

Chương VI: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG

(Lý thuyết: 3 tiết, Thảo luận, bài tập: 12 tiết, Tự học: 12 tiết)

A. MỤC ĐÍCH:

- Làm rõ sự ra đời, tồn tại, khủng hoảng, nguyên nhân thành tựu, khủng hoảng của CNXH hiện thực
- Có bản lĩnh, khoa học, nhìn nhận sự phát triển tích cực và triển vọng của CNXH hiện thực

B. YÊU CẦU:

Sinh viên có bản lĩnh chính trị vững vàng

- Đánh giá khách quan về CNXH hiện thực và triển vọng của nó.
- Đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch với CNXH.

C. NỘI DUNG GIẢNG:

I. Chủ nghĩa xã hội (CNXH) hiện thực

- 1.2. Sự ra đời của hệ thống các nước XHCN và những thành tựu của nó
- 1.3. Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước XHCN
- 1.4. Những thành tựu của CNXH hiện thực

II. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH XôViết

- 2.2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH XôViết

III. Triển vọng của CNXH

- 3.2. Chủ nghĩa xã hội - tương lai của xã hội loài người

D. NỘI DUNG TỰ HỌC

I. Chủ nghĩa xã hội (CNXH) hiện thực

- 1.1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình CNXH hiện thực đầu tiên trên thế giới

II. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH XôViết

- 2.1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH XôViết

III. Triển vọng của CNXH

- 3.1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người

E. NỘI DUNG ÔN TẬP, THẢO LUẬN

Nội dung ôn tập:

1. Trình bày sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước XHCN
2. Những thành tựu của CNXH hiện thực
3. Phân tích nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô Viết
4. Phân tích về triển vọng của CNXH

Nội dung thảo luận :

1. Phân tích nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của CNXH ở Đông Âu và Liên Xô trước đây.
2. Tại sao nói: Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người

10. Học liệu

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dùng cho khối ngành không chuyên Kinh tế - Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Các Văn kiện Đại hội của Đảng
5. TS. An Như Hải (chủ biên): 110 câu hỏi và bài tập Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006
6. C.Mác và Ph. Ăng- ghen: Toàn tập, Tập 23 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004
7. C.Mác và Ph. Ăng- ghen: Toàn tập, Tập 24 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004
8. C.Mác và Ph. Ăng- ghen: Toàn tập, Tập 25 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004
9. PGS,TS Lê Danh Tồn - GS,TS Đỗ Thế Tùng (Đồng chủ biên): Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Tập II), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008
10. TS Phạm Công Nhất - PGS,TS Phan Thanh Khôi (Đồng chủ biên): Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Tập III), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008
11. V. I. Lênin: Toàn tập, tập 27 Nxb Tiến bộ, Matxcova, 1980 .
11. V. I. Lênin: Toàn tập, tập 33 Nxb Tiến bộ, Matxcova, 1976.
11. V. I. Lênin: Toàn tập, tập 34 Nxb Tiến bộ, Matxcova 1976.

11. Hình thức tổ chức dạy học: Kết hợp linh hoạt giữa giảng lý thuyết và thảo luận, làm bài tập; phát huy hiệu quả thời gian tự học, tự nghiên cứu của sinh viên (trong đó, thảo luận theo nhóm không quá 40 sinh viên).

Nội dung học phần chia ra các vấn đề/tuần

Tuần	Hình thức tổ chức DH	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm
1	Lí thuyết	Tín chỉ 1 - Chương I: Các mục: I; II; III.1	- Đọc tài liệu 1;2;4;5;6;9. - Chuẩn bị câu hỏi	Trường sắp xếp
	Bài tập	Bài tập về lượng giá trị hàng hóa và các yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa	Làm bài tập	nt
	Tự học	Tín chỉ 1 - Chương I: Mục III.2	Tự học theo sự hướng dẫn của GV	nt
	Tư vấn			
2	Lí thuyết	Tín chỉ 1 - Chương I: Mục IV Chương II: Mục I	- Đọc tài liệu 1;2;4;5;6;9. - Chuẩn bị câu hỏi	nt
	Bài tập	Tính lượng giá trị sức lao động		nt
	Thảo luận	Chưa thảo luận		nt
	Tự học	Tín chỉ 1 - Chương II: Mục III.2.3	Tự học theo sự hướng dẫn của GV	nt
	Tư vấn			
3	Lí thuyết	Tín chỉ 1 - Chương II: Mục II	- Đọc tài liệu 1;2;4;5;6;9. - Chuẩn bị câu hỏi	nt
	Bài tập	Dạng bài tập tính khối lượng giá trị thặng dư, tỉ suất giá trị thặng dư, kết cấu giá trị hàng hóa...		nt
	Thảo luận	Chưa thảo luận		nt
	Tự học	Tín chỉ 1 - Chương II: Mục IV	Tự học theo sự hướng dẫn của giảng viên	nt
	Tư vấn			
4	Lí thuyết	Tín chỉ 1 - Chương II: Mục III.1; V.1;	- Đọc tài liệu số 1;2;4;	nt

		VI.1	5;6;7;8;9. - Chuẩn bị câu hỏi	
	Bài tập	Dạng bài tập tính tốc độ chu chuyển của tư bản, tư bản cố định, tư bản lưu động, cấu tạo hữu cơ của tư bản...		nt
	Thảo luận	Chưa thảo luận		nt
	Tự học	Tín chỉ 1 - Chương II: Mục V.2.3	Tự học theo sự hướng dẫn của giảng viên	nt
	Tư vấn			
5	Lí thuyết	Tín chỉ 1- Chương II: Mục VI.2.3.4(e). Tín chỉ 2 - Chương I: Mục I.1	- Đọc tài liệu số 1;2;4;5;8;9;11;12;13. - Chuẩn bị câu hỏi	nt
	Bài tập	Dạng bài tập tính tỉ suất lợi nhuận bình quân, lợi nhuận bình quân, giá cả sản xuất, lợi nhuận thương nghiệp, lợi tức cho vay, địa tô tư bản chủ nghĩa...		nt
	Thảo luận	Tín chỉ 1 - Chương I: Câu 1;2. Tín chỉ 1 - Chương II: Câu 1;2;3	Theo phân công của nhóm	nt
	Tự học	Tín chỉ 1 - Chương II: Mục VI.4a,b,c,d	Tự học theo sự hướng dẫn của giảng viên	nt
	Tư vấn			
6	Lí thuyết	Tín chỉ 2 - Chương I: Mục I.2.3; II.1; IV.3 Chương II I. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử (SMLS) của GCCN 1.1. Khái niệm giai cấp công nhân 1.3. Điều kiện khách quan quy định SMLS của GCCN 1.4. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện SMLS của GCCN	- Đọc tài liệu số 1;2;4;5;9;11;12;13. - Chuẩn bị câu hỏi ôn tập 1, 2 (Chương II)	nt
	Bài tập	Ôn tập các dạng bài tập đã học		nt
	Thảo luận	Tín chỉ 1 - Chương II: Câu 4;5 Tín chỉ 2 - Chương I: Câu 1;2		nt
	Tự học	Tín chỉ 2 - Chương I: Mục II.2; III; IV.1.2 Chương II: I. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử (SMLS) của GCCN: 1.2.	Tự học theo sự hướng dẫn của giảng viên	nt
	Tư vấn			
7	Lí thuyết	Tín chỉ 2 – Chương 2 II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa 2.2. Mục tiêu, nội dung và động lực của cách mạng XHCN 2.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng XHCN	Đọc tài liệu số 1;2;4;5;9;11;12;13. - Chuẩn bị câu hỏi ôn tập 1, 2 (Chương II)	
	Thảo luận	Tín chỉ 2 – Chương 2 1. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện SMLS của GCCN 2. Những giải pháp chủ yếu để giai cấp công nhân Việt Nam thực hiện	Theo phân công của nhóm	

		thắng lợi SMLS của mình		
	Tự học	II. Cách mạng XHCN: 2.1.		
	Tư vấn			
8	Lí thuyết	Tín chỉ 2 – Chương 2 III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (CSCN) 3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế- xã hội CSCN Tín chỉ 3 – Chương 1 I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) 1.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN 1.2. Xây dựng nhà nước XHCN	- Đọc tài liệu số 1;2;4;5;6;7;8;9. - Chuẩn bị câu hỏi ôn tập 3 (Chương II)	nt
	Thảo luận	Chưa thảo luận		nt
	Tự học	III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (CSCN): 3.1.	Tự học theo sự hướng dẫn của giảng viên	nt
	Tư vấn			
9	Lí thuyết	Tín chỉ 3 – Chương 1 II. Xây dựng nền văn hóa XHCN 2.3. Khái niệm nền văn hóa XHCN: 2.3.1 ; 2.1.2. III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo 3.1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc :3.1.1.	- Đọc tài liệu số 1;2;4;5;8;9;11;12;13. - Chuẩn bị câu hỏi ôn tập 1,2,3 Chương I	nt
	Thảo luận	Tín chỉ 3 , Chương 1 1. Văn hóa XHCN và bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam 2. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và sự vận dụng của Đảng, Nhà nước ta.	Theo phân công của nhóm	nt
	Tự học	Tín chỉ 3 – Chương 1 II. Xây dựng nền văn hóa XHCN 2.1. Khái niệm nền văn hóa XHCN 2.1.2. Khái niệm nền văn hóa XHCN	Tự học theo sự hướng dẫn của giảng viên	nt
	Tư vấn			
10	Lí thuyết	Tín chỉ 3 – Chương 1 III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo 3.1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc : 3.1.3. 3.2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo: 3.2.1, 3.2.3.	- Đọc tài liệu số 1;2;4;5;9;11;12;13. - Chuẩn bị câu hỏi 4,5 chương I	nt
	Thảo luận	Tín chỉ 3 , Chương 1 Câu 3. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải		nt

		quyết vấn đề tôn giáo và sự vận dụng của Đảng, Nhà nước ta.		
	Tự học	Tín chỉ 3 , Chương 1 III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo 3.1.2. Hai xu hướng của phong trào dân tộc 3.2.2. Vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng CNXH	Tự học theo sự hướng dẫn của giảng viên	nt
	Tư vấn			
11	Lí thuyết	I.Chủ nghĩa xã hội (CNXH) hiện thực 1.2.Sự ra đời của hệ thống các nước XHCN và những thành tựu của nó II. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH XôViết 2.2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH XôViết III. Triển vọng của CNXH 3.2. Chủ nghĩa xã hội - tương lai của xã hội loài người	- Đọc tài liệu số 1;2;4;5;9;11;12;13. - Chuẩn bị câu hỏi 1,2,3,4. chương II.	
	Thảo luận	Tín chỉ 3 , Chương 2 Câu1. Phân tích nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của CNXH ở Đông Âu và Liên Xô trước đây. Câu 2. Tại sao nói: Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người	Theo phân công của nhóm	
	Tự học	I. Chủ nghĩa xã hội (CNXH) hiện thực:1.1. II. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH XôViết :2.1 III. Triển vọng của CNXH:3.1.		
	Tư vấn			

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên đã học xong học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (I)
- Giảng viên chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, đảm bảo giảng đủ những phần kiến thức đã quy định.
- Sử dụng nhiều hình thức, phương pháp thảo luận phù hợp với từng nội dung. Nội dung thảo luận phải hướng vào việc giúp sinh viên nắm chắc kiến thức cơ bản và có liên hệ thực tiễn.
- Hướng dẫn sinh viên thực hiện nghiêm túc việc tự học, nghiên cứu tài liệu. Giáo viên cần có nhiều hình thức kiểm tra hiệu quả việc tự học của sinh viên.
- Trong các giờ học lý thuyết và thảo luận phần học thuyết kinh tế, giảng viên cần đưa ra các bài toán kinh tế chính trị vừa đủ và phù hợp nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn các khái niệm, phạm trù, nguyên lý đã được học.
- Trong giảng dạy, cần phát huy tối đa tính sáng tạo ở người học; tuân thủ nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

Kiểm tra, thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ - BGD & ĐT

- Hình thức thi: Tự luận, vấn đáp, kết hợp tự luận với trắc nghiệm khách quan, làm bài tập lớn.
- Nội dung thi:
 - + Bao gồm toàn bộ phần nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên
 - + Nội dung thi cần đảm bảo 50% kiến thức cơ bản và 50% kiến thức liên hệ, vận dụng thực tiễn.
 - + Khuyến khích ra đề thi theo hướng ”mở” và cho sinh viên sử dụng tài liệu khi làm bài.
- Thang điểm: 10

Trong đó:

- + Kiểm tra thường xuyên (Trọng số 10%): Đánh giá việc chuyên cần đến lớp, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, khối lượng bài soạn đã được giao phải hoàn thành,...
- + Kiểm tra định kỳ (Trọng số 20%): (ít nhất 1 lần kiểm tra). Hình thức: trắc nghiệm tự luận (viết), vấn đáp.
- + Thi kết thúc học phần (Trọng số 70%), Hình thức thi: trắc nghiệm khách quan trên máy viết, trắc nghiệm tự luận, bài tập lớn.

Đối với thi tự luận: đề gồm 3 câu: 5 điểm; 3 điểm; 2 điểm

Đối với thi trắc nghiệm khách quan trên máy: đề gồm 60 câu

Làm đúng từ 35 đến 39 câu: đạt 5 điểm

40 đến 45 câu: đạt 6 điểm

46 đến 49 câu: đạt 7 điểm

50 đến 55 câu: đạt 8 điểm

56 đến 59 câu: đạt 9 điểm

60 câu: đạt 10 điểm

13. Phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Các phương thức kiểm tra, đánh giá

Thang điểm

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC HỌC

1. Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Hường

2. Tên học phần: *Giáo dục học*

3. Mã số học phần: TH20007

4. Số tín chỉ: 4

5. Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Tâm lý học

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 50 giờ

- Hoạt động nhóm, thảo luận, bài tập trên lớp: 10 giờ

- Tự học: 120 giờ

7. Mục tiêu của học phần

7.1. Kiến thức:

Giúp SV hiểu được:

- Những vấn đề chung của giáo dục học và vấn đề đổi mới giáo dục trên thế giới và ở nước ta hiện nay.

- Những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học và lý luận giáo dục, lý luận quản lý trường phổ thông

7.2. Kỹ năng

- Biết vận dụng kiến thức đã học để tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông

- Biết vận dụng kiến thức đã học vào các tình huống dạy học và giáo dục khác nhau, biết giải quyết các tình huống sư phạm nảy sinh trong công tác giáo dục.

7.3. Thái độ

Có ý thức trong việc tự học và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm của mình.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm những vấn đề cơ bản của Giáo dục học (đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản, các phương pháp của Giáo dục học; các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; mục đích, nhiệm vụ giáo dục) và các vấn đề về lý luận dạy học và lý luận giáo dục, lý luận quản lý nhà trường (quá trình dạy học - giáo dục; nội dung, phương pháp, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học - giáo dục; công tác chủ nhiệm lớp...)

9. Nội dung chi tiết học phần

Phần I: Những vấn đề chung về Giáo dục học (1 tín chỉ)

Lý thuyết: 13, Thảo luận: 2, Tự học : 30

Chương I: Giáo dục học là một khoa học

(Tuần 1: 4 tiết LT)

1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt

1.1. Sự nảy sinh và phát triển của giáo dục.

1.2. Các tính chất của giáo dục

1.3. Các chức năng của giáo dục.

3. Đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Giáo dục học

- 3.1. Đối tượng của Giáo dục học
- 3.2. Nhiệm vụ của Giáo dục học.
- 3.3 Một số khái niệm cơ bản của Giáo dục học.
- 3.4. Mối quan hệ giữa Giáo dục học với các khoa học khác.

4. Các phương pháp của Giáo dục học

Chương II: Giáo dục và sự phát triển nhân cách

(Tuần 2: 3 tiết LT)

1. Sự phát triển nhân cách của con người

- 1.1. Khái niệm con người, nhân cách.
- 1.2. Khái niệm về sự hình thành và phát triển nhân cách.

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách.

- 2.1. Bẩm sinh, di truyền.
- 2.2. Môi trường.
- 2.3. Giáo dục.
- 2.4. Hoạt động.

Chương III: Mục đích và nhiệm vụ giáo dục

(Tuần 2 :3 tiết LT)

1.Mục đích giáo dục

- 1.1. Khái niệm mục đích giáo dục.
- 1.2. Mục đích của nền giáo dục XHCN Việt Nam.
- 1.3. Mục tiêu giáo dục.
- 1.3.1 Khái niệm mục tiêu giáo dục .
- 1.3.2. Mục tiêu giáo dục TH.

2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

3. Nhiệm vụ của nền giáo dục XHCN Việt Nam.

- 2.1. Nâng cao dân trí.
- 2.2. Đào tạo nhân lực.
- 2.3. Bồi dưỡng nhân tài.

4. Vấn đề đổi mới giáo dục trên thế giới và ở Việt Nam

4. 1. Đổi mới giáo dục trên thế giới

4.2. Đổi mới giáo dục ở Việt nam

*** Yêu cầu tự học**

- Tìm hiểu mục tiêu của các cấp học trong Hệ thống giáo dục quốc dân
- Các nhiệm vụ của nền giáo dục XHCN Việt Nam
- Tìm hiểu đặc điểm của thời đại
- Nghiên cứu Luật giáo dục

Chương IV: Một số tư tưởng giáo dục trong lịch sử giáo dục thế giới

(Tuần 3: 3 tiết LT)

1. Giáo dục trong xã hội cộng sản nguyên thủy
 2. Giáo dục dưới chế độ chiếm hữu nô lệ
- Đặc điểm chung của giáo dục dưới chế độ chiếm hữu nô lệ
- Một số nhà giáo dục tiêu biểu
3. Giáo dục trong xã hội phong kiến và thời kì văn hoá Phục Hưng
- Đặc điểm chung của giáo dục phong kiến Trung Hoa
- Một số nhà giáo dục phong kiến tiêu biểu của Trung Hoa
- Giáo dục trong thời kỳ văn hoá Phục Hưng
4. Giáo dục trong thời kì tiền tư bản chủ nghĩa
- Đặc điểm của thời kì tiền tư bản chủ nghĩa
- Đặc điểm chung của giáo dục
- Một số nhà giáo dục tiêu biểu
- J.A. Cômênxki (1592- 1670)
- J.J. Ruxô (1772- 1778)

5. Quan điểm của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng đầu thế kỉ XIX
Đặc điểm của xã hội chủ nghĩa không tưởng đầu thế kỉ XIX
Quan điểm giáo dục của Owen
6. Học thuyết giáo dục của Mác- Ăngghen và Lê nin
7. Hệ thống giáo dục của A.S. Macarencô

Tuần 4: 5 tiết xemina hết phần

Phần II. Lý luận dạy học (1 tín chỉ)

(Lý thuyết: 12, Thảo luận: 2, Kiểm tra giữa kì: 1, Tự học: 30)

Chương I: Quá trình dạy học

(Tuần 5: 3 tiết LT)

1. Khái niệm quá trình dạy học và cấu trúc của nó.
2. Bản chất của quá trình dạy học
3. Các nhiệm vụ dạy học
4. Quy luật cơ bản của quá trình dạy học
5. Động lực của quá trình dạy học
6. Logic của quá trình dạy học

Chương II: Các nguyên tắc dạy học

(Tuần 5: 1 tiết LT)

1. Khái niệm và cơ sở xây dựng hệ thống các nguyên tắc dạy học
2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học

Chương III: Nội dung dạy học

(Tuần 6: 1 tiết LT)

1. Khái niệm về nội dung dạy học.
2. Các nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học
3. Các phương hướng đổi mới nội dung dạy học
4. Kế hoạch dạy học
5. Chương trình dạy học
6. Sách giáo khoa và các tài liệu dạy học khác

Chương IV: Các phương pháp dạy học

(Tuần 6: 3 tiết LT)

1. Khái niệm phương pháp dạy học
2. Hệ thống các phương pháp dạy học
 - 2.1. Nhóm các phương pháp dạy học dùng lời.
 - 2.2. Nhóm các phương pháp dạy học trực quan.
 - 2.3. Nhóm các phương pháp dạy học thực tiễn.
3. Vấn đề lựa chọn, vận dụng các phương pháp dạy học
4. Vấn đề đổi mới phương pháp dạy học
 - 4.1. Sự cần thiết phải đổi mới PPDH
 - 4.2. Định hướng đổi mới PPDH
 - 4.3. Một số PPDH mới được vận dụng trong quá trình dạy học
5. Các phương tiện dạy học .

Chương V: Các hình thức tổ chức dạy học

(Tuần 7: 1 tiết LT)

1. Khái niệm chung về hình thức tổ chức dạy học
 - 1.1. Hình thức tổ chức dạy học là gì?
 - 1.2. Lịch sử phát triển của các hình thức tổ chức dạy học
2. Các hình thức tổ chức dạy học trong nhà trường
 - 2.1. Dạy học trên lớp
 - 2.2.1. Đặc điểm chung
 - 2.2.2. Ưu nhược điểm của dạy học trong lớp

- 2.2.3. Các loại bài học.
- 2.2.4. Việc chuẩn bị bài lên lớp.
3. Các hình thức tổ chức dạy học khác

Chương VI: Kiểm tra, đánh giá kết quả lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh (Tuần 7: 3 tiết LT)

1. Ý nghĩa của việc kiểm tra, đánh giá kết quả lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh
2. Các yêu cầu sư phạm đối với việc kiểm tra, đánh giá
3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá
4. Xếp loại học lực của học sinh

Tuần 8: 5 tiết xemina

*** Yêu cầu tự học**

- Tìm hiểu kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa ở cấp học mình sẽ đảm nhiệm khi ra trường (GD mầm non, GDTH, THCS, THPT)
- Tìm hiểu về vấn đề đổi mới PPDH ở nhà trường hiện nay
- Thiết kế các bài trắc nghiệm khách quan ở học phần mà mình sẽ đảm nhiệm ở trường phổ thông khi ra trường.
- Tìm hiểu cách đánh giá, xếp loại học sinh ở cấp học mà mình sẽ đảm nhiệm khi ra trường.

Phần III: Lý luận giáo dục (1 tín chỉ) (Lý thuyết: 13, Thảo luận: 2, Tự học: 30)

Chương I: Quá trình giáo dục

(Tuần 9: 4 tiết LT)

1. Khái niệm và cấu trúc của quá trình giáo dục
2. Bản chất của quá trình giáo dục
3. Đặc điểm của quá trình giáo dục
4. Động lực của quá trình giáo dục
5. Lô gíc của quá trình giáo dục
6. Tự giáo dục và giáo dục lại

Chương II: CÁC NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC

(Tuần 9: 1 tiết lý thuyết)

1. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục
2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục
 - 2.1. Tính mục đích của công tác giáo dục
 - 2.2. Giáo dục gắn với đời sống, với thực tiễn đất nước.
 - 2.3. Giáo dục trong lao động và bằng lao động.
 - 2.4. Tôn trọng nhân cách kết hợp với yêu cầu hợp lý đối với học sinh
 - 2.5. Giáo dục trong tập thể và bằng tập thể.
 - 2.6. Kết hợp sự lãnh đạo sư phạm của giáo viên với việc phát huy tính tự giác, tính tích cực và tính độc lập sáng tạo của học sinh.
 - 2.7. Tính hệ thống, tính thống nhất và tính liên tục trong công tác giáo dục.
 - 2.8. GD phải tính đến đặc điểm lứa tuổi và đặc điểm cá nhân học sinh trong công tác giáo dục.

Chương III: Các phương pháp giáo dục

(Tuần 10: 4 tiết LT)

1. Khái niệm phương pháp giáo dục
2. Hệ thống các phương pháp giáo dục
 - 2.1. Nhóm các phương pháp hình thành ý thức cá nhân
 - 2.2. Nhóm phương pháp hình thành kinh nghiệm hành vi xã hội.
 - 2.3. Nhóm phương pháp kích thích, điều chỉnh hành vi ứng xử của học sinh
 - 2.4. Nhóm các phương pháp kiểm tra, đánh giá hoạt động và hành vi ứng xử của HS.

3. Việc lựa chọn và sử dụng có hiệu quả các phương pháp giáo dục.

Chương IV: Nội dung giáo dục

(Tuần 11: 4 tiết LT)

1. Giáo dục đạo đức
 - 1.1. Đạo đức và giáo dục đạo đức
 - 1.2. Các nhiệm vụ giáo dục đạo đức
 - 1.3. Các con đường và phương tiện giáo dục đạo đức
2. Giáo dục thẩm mỹ
 - 2.1. Thẩm mỹ và giáo dục thẩm mỹ
 - 2.2. Nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ
 - 2.3. Các phương tiện giáo dục thẩm mỹ
2. 4. Các phương tiện giáo dục thẩm mỹ
3. Giáo dục thể chất- Quốc phòng
4. Giáo dục lao động, hướng nghiệp
5. Một số nội dung giáo dục khác

Tuần 12: 5 tiết xêmina

*** Yêu cầu tự học**

- Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trẻ khó dạy ở trường phổ thông.
- Nghiên cứu yêu cầu, biện pháp thực hiện các nguyên tắc giáo dục
- Sưu tầm các tình huống giáo dục học sinh ở cấp học mà mình phụ trách và đưa ra cách xử lý các tình huống đó.

Nghiên cứu các nội dung giáo dục (ý nghĩa, nhiệm vụ, các con đường, các phương tiện giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, thể chất- quốc phòng, lao động- hướng nghiệp). Liên hệ các nội dung giáo dục này vào công tác giáo dục ở cấp học mà mình sẽ đảm nhiệm khi ra trường.

Phần IV: Lý luận về quản lý trường học (1 tín chỉ)

(Lý thuyết: 12, Thảo luận: 3, Tự học: 30)

Chương I: Công tác quản lý nhà trường

(Tuần 13: 4 tiết LT)

1. Khái niệm chung về quản lý trường học
2. Bộ máy quản lý trường học
3. Nguyên tắc quản lý trường học
4. Nội dung và phương pháp quản lý nhà trường
5. Người Hiệu trưởng trong quản lý nhà trường

Chương II: Người giáo viên chủ nhiệm lớp

(Tuần 14: 3 tiết LT)

1. Vị trí, chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp
2. Những yêu cầu đối với giáo viên chủ nhiệm lớp
3. Nội dung và phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp với tập thể học sinh.
4. Nội dung và phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm với các giáo viên khác.
5. Nội dung và phương pháp công tác của GVCN lớp với cha mẹ học sinh
6. Lập kế hoạch chủ nhiệm lớp

Chương III. Xây dựng tập thể học sinh

(Tuần 14: 3 tiết LT)

1. Vai trò của tập thể đối với việc giáo dục nhân cách
2. Đặc trưng, chức năng và cấu trúc của tập thể học sinh .
 - 2.1. Đặc trưng chung của tập thể học sinh .
 - 2.2. Những dấu hiệu chủ yếu của một tập thể học sinh.
 - 2.3. Những chức năng của tập thể học sinh.
 - 2.4. Cấu trúc của tập thể học sinh.
3. Quá trình phát triển của tập thể học sinh .
4. Những con đường xây dựng tập thể học sinh

- 4.1. Xây dựng mối quan hệ đúng đắn trong tập thể.
- 4.2. Tổ chức hoạt động và giao lưu trong tập thể.
- 4.3. Xác định viễn cảnh, xây dựng truyền thống và hình thành dư luận.

Chương IV: Kết hợp gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục học sinh (Tuần 14: 2 tiết LT)

1. Ý nghĩa của việc kết hợp gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục học sinh
2. Giáo dục gia đình và công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục học sinh.
3. Giáo dục xã hội và công tác phối hợp giữa nhà trường và xã hội trong việc giáo dục học sinh.

Tuần 15: 5 tiết xêmina

*** Yêu cầu tự học**

- Tìm hiểu về vai trò, chức năng, cấu trúc, các con đường phát triển của tập thể học sinh.
- Tìm hiểu về việc kết hợp các lực lượng: gia đình, nhà trường, xã hội trong công tác giáo dục học sinh.

10. Học liệu

- Nguyễn Sinh Huy - Nguyễn Văn Lê, *Giáo dục học đại cương I*, Hà nội 1995
- Đặng Vũ Hoạt- Nguyễn Sinh Huy- Hà Thị Đức, *Giáo dục học đại cương II*, Hà nội 1995
- Phạm Minh Hùng- Hoàng Văn Chiên, *Giáo dục học I*, Tủ sách trường ĐH Vinh - 2000
- Luật giáo dục
- Thái Văn Thành- Chu Thị Lục, *Giáo dục học II*, Tủ sách trường ĐH Vinh - 2000
- Hoàng Trung Chiến, Chu Trọng Tuấn, *Giáo dục học III*, Tủ sách trường ĐH Vinh - 2000
- Phạm Viết Vượng, *Giáo dục học*, NXB ĐH Quốc gia Hà nội, 2000
- Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) *Giáo dục học*, NXB ĐH Quốc gia Hà nội, 2004

11. Hình thức tổ chức dạy học

- Lý thuyết.
- Thảo luận
- Hoạt động theo nhóm và hoạt động cá nhân.
- Tự học, tự nghiên cứu.

12. Các quy định đối với học phần.

- Thực hiện nghiêm túc yêu cầu tự học, nộp sản phẩm tự học trước khi học mỗi chương. Chưa hoàn thành yêu cầu tự học sẽ không được tham gia giờ học trên lớp.
- Sẵn sàng trình bày kết quả tự học theo yêu cầu của giảng viên. Nếu chứng tỏ chưa chuẩn bị tốt phần tự học sẽ bị trừ điểm chuyên cần, thái độ.

13. Phương thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

- Kiểm tra đánh giá tính chuyên cần và thái độ.
- Việc đánh giá này dựa trên cơ sở: Số giờ lên lớp, sản phẩm tự học, tích cực thảo luận, tích cực tham gia hoạt động của lớp.
- Đánh giá giữa kỳ.
- Kết quả đánh giá giữa kỳ phụ thuộc vào bài kiểm tra giữa kỳ hoặc kết quả thực hiện các bài tập thực hành.
- Kiểm tra kết thúc học phần: Trắc nghiệm khách quan

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 1

1. Họ và tên giảng viên:

1. Họ tên: Vũ Thị Hà
Chức danh: Giảng viên chính
Học vị: Tiến Sĩ
Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Anh chuyên ngành Xây dựng
Địa chỉ: Khối 12 - P. Đội Cung – TP. Vinh
Điện thoại: NR: 0383.830726 DD: 0915.099229
2. Họ tên: Nguyễn Thị Lành
Chức danh: Giảng viên
Học vị: Thạc sĩ
Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Anh chuyên ngành Thuỷ Sản
Địa chỉ: SN 8C1 - Khối Yên Vinh – P. Hưng Phúc – TP. Vinh
Điện thoại: NR: 0383.597155 DD: 0936531777

2. Tên học phần: TIẾNG ANH I

3. Mã học phần: NC10001

4. Số tín chỉ: 03

5. Loại học phần: Bắt buộc, tiên quyết

Học phần kế tiếp: Tiếng Anh II

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 35
- Bài tập trên lớp: 10
- Tự học: 90

7. Mục tiêu học phần: Tiếng Anh I là học phần dành cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ đã được học chương trình Tiếng Anh 7 năm ở phổ thông trung học. Sinh viên sau khi học học phần này cần đạt được một số mục tiêu như sau:

7.1. Kiến thức:

* Các vấn đề ngữ pháp cơ bản:

- Tenses (present simple, present continuous, past simple, past continuous, future simple), going to.
- Questions, question words.
- Expressions of quantity articles.
- Verb patterns.
- Have/ have got.
- Comparative and superlative adjectives.

* Từ vựng về các chủ đề: cuộc sống, đất nước, âm nhạc, bạn bè, mua sắm.

7.2. Kỹ năng:

Học phần này giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, chú trọng kỹ năng đọc hiểu.

7.3. Thái độ:

Sinh viên phải thấy được tầm quan trọng của học phần, cảm thấy hứng thú và có thái độ nghiêm túc, chủ động đối với học phần.

8. Tóm tắt nội dung học phần

Tiếng Anh I là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên ngữ trường Đại học Vinh. Chương trình gồm có 6 bài, được phân bổ trong 45 giờ tín chỉ (tương đương với 3 tín chỉ). Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức tiếng Anh cơ bản tổng quát, giúp họ rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết (như đã nêu ở mục 7). Học phần này là nền tảng để học lên Tiếng Anh II và Tiếng Anh III.

9. Nội dung chi tiết học phần

Học phần gồm 6 bài với nội dung chính về ngữ pháp, từ vựng, và các kỹ năng nghe, nói đọc, viết như sau:

Tín chỉ 1

Unit 1: Getting to know you

- * Grammar
 - Tenses: present, past, future
 - Questions
 - Question words: Who...?, Why....? How much...?
- * Vocabulary
 - Using a bilingual dictionary
 - Parts of speech (a, pre)
 - Words with more than one meaning
- * Speaking
 - Information gap – Joy darling
 - Discussion- “neighbours”
 - Role play
- * Reading: “People, the great communicators”
- * Listening: “Neighbours”
- * Everyday English: Social expressions
- * Writing: Informal letter

Unit 2: The way we live

- * Grammar
 - Present tenses (present simple, present continuous)
 - have/ have got
- * Vocabulary
 - Describing countries
 - Collocation
- * Speaking
 - Information gap – people’s lifestyles
 - Exchanging information
- * Reading: “Living in the USA”
- * Listening: “You drive me mad (but I love you)”
- * Everyday English: Making conversation
- * Writing
 - Linking words
 - Describing a person

Tín chỉ 2

Unit 3: It all went wrong

- * Grammar: Past tenses (past simple, past continuous)
- * Vocabulary
 - Irregular verbs

- Making connections
- Nouns, verbs, adjectives
- Making negatives
- * Speaking
 - Information gap – Zoe’s party
 - Telling stories
- * Reading
 - “The burglars’ friend”
 - Newspaper story
 - “The perfect crime”
- * Listening: “The perfect crime”
- * Everyday English: Time expressions
- * Writing
 - Linking words
 - Writing a story 1

Unit 4: Let’s go shopping

- * Grammar
 - Quantity (some, any, a few, a little, a lot of,...)
 - Articles
- * Vocabulary: Buying things
- * Speaking
 - Town survey
 - Discussion – attitudes to shopping
- * Reading: The best shopping street in the world” – Nowy Swiat, in Poland
- * Listening
 - “My uncle’s a shopkeeper”
 - Buying things
- * Everyday English: Prices and shopping
- * Writing: Filling in forms

Tín chỉ 3

Unit 5: What do you want to do?

- * Grammar
 - Verb patterns 1
 - Future intentions (going to, will)
- * Vocabulary: Hot verbs
- * Speaking
 - What’re your plans and ambitions?
 - Being a teenager
- * Reading: Hollywood kids – growing in Los Angeles ain’t easy
- * Listening: “You’ve got a friend”
- * Everyday English: How do you feel?
- * Writing: Writing a postcard

Unit 6: Tell me! What’s it like?

- * Grammar
 - What’s it like?
 - Comparatives and superlatives
- * Vocabulary
 - Talking about town
 - Money
 - Synonyms and antonyms

- * Speaking
 - Information gap – comparing cities
 - Discussion – the rich and their money
- * Reading: “A tale of two millionaires”- one was mean and one was generous
- * Listening: Living in another country
- * Everyday English: Directions
- * Writing
 - Relative clauses1
 - Describing a place

10. Học liệu

• Bắt buộc

1. Hutchinson, Tom (2004). *Lifelines – Pre- Intermediate*. Hai Phong Publishing House.
2. Soars, John and Liz (2003). *New Headway – English course (Pre- intermediate)*. VNU Publishing House.
3. Soars, John and Liz (2002). *Headway (Pre- intermediate)*. Da nang Publishing House.

• Tham khảo

1. Hartley, Bernard & Viney, Peter (2004). *New American Streamline*. Youth Publishing House.
2. Hartley, Bernard & Viney, Peter (2002). *Streamline English*. Information and Culture Publishing House.
3. Huddleston, R. (1995). *Introduction to the Grammar of English*. CUP
4. Moutsou, E. and Sparker, S. (1998). *Enter the world of Grammar – Use of English*. MM Publications.
5. Murphy.(1998) *English Grammar in use*. Oxford University Press.
6. Palmer, F. (1990). *Grammar*. The Penguin Group, England.
7. Thomson, A.J and Martinet, A.V. (1986) *A Practical English Grammar*. OUP.

11. Hình thức tổ chức dạy học

Môn **Tiếng Anh I** gồm 03 tín chỉ tương đương 45 giờ tín chỉ (1 giờ tín chỉ = 50 phút), được tiến hành trong 15 tuần.

NỘI DUNG HỌC PHẦN CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ/ TUẦN

Tuần	Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
1 (4 giờ TC)	Lý thuyết (2 giờ TC)	* Grammar - Tenses: present, past, future - Questions - Question words - Who...?, Why....? How much...? * Vocabulary - Using a bilingual dictionary - Parts of speech (a, pre ...) - Words with more than one meaning	- Đọc quyền: + Soars, John and Liz (2003). <i>New Headway – English course (Pre- intermediate)</i> . VNU, Publishing House, t. 129. +Murphy.(1998) <i>English Grammar in use</i> . Oxford University Press, Units 1, 2,3,11. - Chuẩn bị : + Present Continuous (use, form, time expressions) + Present Simple (use, form, expressions) +Past Simple (use, form,	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 1

			expressions) + Study multi- meaning words		
	Bài tập (1 giờ TC x 2 nhóm = 2 giờ TC)	- 1, 2, 3 (t.7) - 1, 2, 5 (t. 8) - 2,3, (t. 9)	- Làm bài tập		
	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	- Listening and speaking. T1.4, 1.5 (t. 118)	- Tự nghe băng và làm các bài tập liên quan		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
2 (4 giờ TC)	Lý thuyết (3 giờ TC)	* Reading “People, the great communicators” * Everyday English Social expressions	- Đọc bài “People, the great communicators”, <i>New Headway – English course (Pre- intermediate)</i> (t.11) - Chuẩn bị từ vựng và trả lời các câu hỏi theo nội dung bài đọc	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 1
	Bài tập (0,5 giờ TC x 2 nhóm = 1 giờ TC)	- 1, 3, 5 (t. 10) - 1,2 (t.13)	- Làm bài tập		
	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	Làm bài tập trong workbook, Unit 1, t.5 - 9	- Hướng dẫn: Tự làm bài tập và tự kiểm tra qua phần đáp án cuối sách.		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
3 (4 giờ TC)	Lý thuyết (2 giờ TC)	* Grammar - Present tenses (present simple, present continuous) - have/ have got * Vocabulary - Daily life	- Đọc quyển + Soars, John and Liz (2003). <i>New Headway – English course (Pre- intermediate)</i> . VNU, Publishing House, t. 130- 131. + Murphy.(1998) <i>English Grammar in use</i> . Oxford University Press, Units 1, 2,3, 23.. - Chuẩn bị câu hỏi + Differences between present simple and present continuous. + Differences between HAVE and HAVE GOT. + Prepare vocabulary to talk about daily life.	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 2
	Bài tập (1 giờ TC x 2 nhóm = 2 giờ TC)	- 1, 3 (t 14- 15) - 1,2,3,4,5,6 (t.16- 17) - 1,2,3,4 (t.17)	- Làm bài tập		

	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	* Listening and speaking “You drive me mad (but I love you)” T 2.5 (t.118)	- Hướng dẫn: - Tự nghe băng và làm các bài tập liên quan		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
4 (4 giờ TC)	Lý thuyết (3 giờ TC)	* Reading “ Living in the USA” * Everyday English Making conversation	- Đọc bài “Living in the USA” , <i>New Headway – English course (Pre-intermediate)</i> . VNU, t. 18-19. - Chuẩn bị câu hỏi + Chuẩn bị từ vựng và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc. + Nghiên cứu cách tiến hành 1 đoạn hội thoại bằng tiếng Anh.	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 2
	Bài tập (0,5 giờ TC x 2 nhóm = 1 giờ TC)	- 1, 2, 3, 4, 5 (t. 18) - 3, 4 (t. 21)	- Làm bài tập		
	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	Làm bài tập trong workbook , Unit 2, t.10 - 15	- Hướng dẫn: Tự làm bài tập và tự kiểm tra qua phần đáp án cuối sách.		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
5 (4 giờ TC)	Lý thuyết (2 giờ TC)	* Grammar Past tenses: (past simple, past continuous) * Vocabulary - Irregular verbs - Making connections - Word formation, suffixes of Nouns, verbs, adjectives - prefixes that make negative adjectives	- Đọc quyển + Soars, John and Liz (2003). <i>New Headway – English course (Pre-intermediate)</i> . VNU, Publishing House, t. 131- 132. + Murphy.(1998) <i>English Grammar in use</i> . Oxford University Press, Units 11,12, - Chuẩn bị câu hỏi: + Past Continuous (use, form) + Differences between past simple and past continuous. + Time clauses containing past simple and past continuous.	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 3
	Bài tập (1 giờ TC x 2 nhóm = 2 giờ TC)	- 1, 2 (t. 24) - 1,2,4,5 (t. 25)	- Làm bài tập		
	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	- Làm bài tập phần STARTER (t. 22).;	- Hướng dẫn: Nghe băng bài “The perfect crime”, <i>New</i>		

		- Listening “The perfect crime” (t. 26- 27)	<i>Headway – English course (Pre- intermediate)</i> . VNU, t. 26- 27, chuẩn bị các bài tập liên quan..		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
6 (4 giờ TC)	Lý thuyết (3 giờ TC)	* Reading - “The burglars’ friend” - Newspaper story - “The perfect crime” * Everyday English Time expressions	- Đọc bài “The burglars’ friend”, <i>New Headway – English course (Pre- intermediate)</i> . VNU, t. 22. và “The perfect crime” <i>New Headway – English course (Pre- intermediate)</i> . VNU, t. 26- 27. - Chuẩn bị từ vựng và các bài tập liên quan đến bài đọc. - Chuẩn bị cách nói về giờ giấc, ngày, tháng, năm và các giới từ đi kèm.	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 3
	Bài tập (0,5 giờ TC x 2 nhóm = 1 giờ TC)	- 1, 2, 3, 4 t. 22- 23 - 2,4,5 t. 26- 27	- Làm bài tập		
	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	Làm bài tập trong workbook , Unit 3, t.16 – 21	- Hướng dẫn; Tự làm bài tập và tự kiểm tra qua phần đáp án cuối sách.		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
7 (4 giờ TC)	2 giờ TC x 2 nhóm	- Kiểm tra giữa kỳ		Theo sự sắp xếp của trường	
8 (4 giờ TC)	Lý thuyết (2 giờ TC)	* Grammar - Quantity (some, any, a few, a little, a lot of,...) - Articles: A, AN, THE	- Đọc quyển: + Soars, John and Liz (2003). <i>New Headway – English course (Pre- intermediate)</i> . VNU, Publishing House, t. 133. + Murphy.(1998) <i>English Grammar in use</i> . Oxford University Press, Units 67 – 73, 80,82. - Chuẩn bị câu hỏi: + Cách dùng các từ chỉ số lượng (some, any, a few, a little, a lot of,...) + Trước những danh từ nào dùng mạo từ A, AN? Trước những danh từ nào dùng mạo từ THE? Trước những danh từ nào không	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 4

			dùng mạo từ?		
	Bài tập (1 giờ TC x 2 nhóm = 2 giờ TC)	- 1,2,3 (t. 30,31) - 1,2,3,4,5 (t. 31,32) - 1,2 (t.33)	- Làm bài tập		
	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	Workbook, Unit 4, t.22 – 26	- Hướng dẫn: Tự làm bài tập và tự kiểm tra qua phần đáp án cuối sách.		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
9 (4 giờ TC)	Lý thuyết (3 giờ TC)	* Reading “The best shopping street in the world” – Nowy Swiat, in Poland * Vocabulary: Buying things. * Everyday English Prices and shopping	- Đọc bài “The best shopping street in the world” New Headway – English course (Pre- intermediate). VNU, t. 34- 35 - Chuẩn bị từ mới trong bài đọc và các bài tập liên quan. + Chuẩn bị phần từ vựng thường dùng khi đi mua sắm	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 4
	Bài tập (0,5 giờ TC x 2 nhóm = 1 giờ TC)	- 3, 4 (t. 34) - 1, 2, 3 (t. 36) - 1, 2 (t. 37)	- Làm bài tập		
	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	- Bài tập 3 t.37 - Workbook, Unit 4, t.22 – 26	- Hướng dẫn: Viết đoạn hội thoại khi đi mua sắm trong các cửa hàng và thực hành với bạn bè. Tự làm bài tập và tự kiểm tra qua phần đáp án cuối sách.		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
10 (4 giờ TC)	Lý thuyết (2 giờ TC)	* Grammar - Verb patterns 1 - Future intentions (going to, will) * Vocabulary: Hot verbs	- Đọc quyển + Soars, John and Liz (2003). New Headway – English course (Pre- intermediate). VNU, Publishing House, t. 134. + Murphy.(1998) English Grammar in use. Oxford University Press, Unit 8. - Chuẩn bị câu hỏi + Similarities and differences between GOING TO and WILL + V- to- infinitive + V- infinitive. + V- Ving + V- preposition- Ving + V- Ving and to- infinitive without changing the meaning.	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 5
	Bài tập	- 1 t.21	- Làm bài tập		

	(1 giờ TC x 2 nhóm = 2 giờ TC)	- 1, 2, 3 t. 39 - 1, 2 t. 40 - 3, 5 t. 41 - 1, 2, 3 t. 44			
	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	* Listening “You’ve got a friend” - Workbook, Unit 5, t.27 – 32	- Hướng dẫn + Nghe băng bài “You’ve got a friend”, T. 5.5, <i>New Headway – English course (Pre- intermediate)</i> . VNU, t. 121, làm các bài tập liên quan. + Tự làm bài tập và tự kiểm tra qua phần đáp án cuối sách.		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
11 (4 giờ TC)	Lý thuyết (3 giờ TC)	* Reading Hollywood kids. Growing up in Los Angeles ain’t easy * Everyday English How do you feel?	- Đọc bài “Hollywood kids” <i>Headway – English course (Pre- intermediate)</i> . VNU, t.62 – 63, làm các bài tập liên quan đến bài đọc. - Chuẩn bị các câu hỏi- đáp về sức khỏe.	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 5
	Bài tập (0,5 giờ TC x 2 nhóm = 1 giờ TC)	- 1, 3 t.42 - 2,3 t. 45	- Làm bài tập		
	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	- Workbook, Unit 5, t.27 – 32	- Hướng dẫn: Tự làm bài tập và tự kiểm tra qua phần đáp án cuối sách.		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
12 (4 giờ TC)	Lý thuyết (2 giờ TC)	* Grammar - What’s it like? - Comparatives and superlatives * Vocabulary - Talking about town - Money - Synonyms and antonyms	- Đọc quyển: + Soars, John and Liz (2003). <i>New Headway – English course (Pre- intermediate)</i> . VNU, Publishing House, t. 135. + Murphy.(1998) <i>English Grammar in use</i> . Oxford University Press, Units 97-100. - Chuẩn bị câu hỏi: Use and form of Equal comparison, comparatives and superlatives + Short adj. + Long adj. + Adj ending in –Y + Irregular adj.	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 6
	Bài tập	- 1, 3 t. 46	- Làm bài tập		

	(1 giờ TC x 2 nhóm = 2 giờ TC)	- 1 t. 47 (practice) - 1 t. 47 (grammar) - 1, 2, 3, 5, 6 t.48- 49			
	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	* Listening “Living in another country”	- Hướng dẫn: Nghe băng bài “Living in another country”, T. 6.7, <i>New Headway – English course (Pre-intermediate)</i> . VNU, t. 121, làm các bài tập liên quan.		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
13 (4 giờ TC)	Lý thuyết (3 giờ TC)	* Reading “A tale of two millionaires” * Everyday English Directions	- Đọc bài “A tale of two millionaires”, <i>New Headway – English course (Pre-intermediate)</i> . VNU, t. 60-61, làm các bài tập liên quan. - Chuẩn bị các giới từ chỉ phương hướng	Theo sự sắp xếp của trường	Unit 6
	Bài tập (0,5 giờ TC x 2 nhóm = 1 giờ TC)	- 1, 2, 3, 4,5 t. 50 - 1, 2, 4 t. 53	- Làm bài tập		
	Thảo luận		- Theo phân công của nhóm		
	Tự học (8 giờ TC)	- Workbook , Unit 6, t.33 – 37	- Hướng dẫn		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	- Chuẩn bị câu hỏi		
14 (3 giờ TC)	Ôn tập			Theo sự sắp xếp của trường	
15	Dự trữ				

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các giờ Lý thuyết, bài tập trên lớp, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài; đồng thời nghiêm túc, tự giác trong việc tự học và làm bài tập ở nhà.
- Thực hiện đúng các quy định về đánh giá chuyên cần, thái độ học tập, kiểm tra giữa kỳ cũng như thi hết môn.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

- Tham gia đầy đủ các giờ Lý thuyết, bài tập trên lớp, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài: 10% (đạt tối đa 1 điểm)
- Kiểm tra bài cũ + kiểm tra giữa kì: 20% (đạt tối đa 2 điểm)
- Kiểm tra kết thúc học phần bằng một bài kiểm tra viết: 70% (đạt tối đa 7 điểm)

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIN HỌC (NHÓM NGÀNH SPXH)

1. Họ và tên giảng viên: Phạm Thị Thu Hiền **Chức danh, học hàm, học vị:** Thạc sĩ

- Hướng nghiên cứu chính: Cơ sở dữ liệu, Phương pháp giảng dạy Tin học
- Địa chỉ: Khoa CNTT - Đại học Vinh
- Điện thoại: 0383.855413
- Email: phamhiendhv@gmail.com

2. Tên môn học: Tin học cho ngữ văn.

3. Mã môn học:

4. Số tín chỉ: 3 (30/15/90) (lý thuyết: 30, thực hành: 15, tự học: 90)

5. Loại môn học

- Môn học bắt buộc.
- Các môn học kế tiếp:

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

- Giảng lý thuyết: 30
- Thực hành, thực tập: 15
- Hoạt động nhóm, thảo luận: 0
- Tự học: 90

7. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức:** Trang bị cho sinh viên:
 - + Cách khai thác, tìm kiếm và lưu giữ thông tin trên Internet
 - + Các công cụ soạn thảo bài giảng điện tử
 - + Xây dựng được hệ thống dạy học trực tuyến trên nền Moodle ở mức đơn giản
- **Kỹ năng:** Sau khi học xong, sinh viên được trang bị:
 - + Kỹ năng cài đặt và sử dụng phần mềm
 - + Kỹ năng tìm kiếm tài liệu hỗ trợ học tập
 - + Kỹ năng làm việc nhóm giải quyết vấn đề.

- **Thái độ:** Bồi dưỡng cho sinh viên tính trung thực, thái độ làm việc nghiêm túc, say mê về các ứng dụng CNTT trong dạy học, có ý thức kỷ luật tốt, ...

8. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

Giới thiệu về Internet và cách lưu trữ dữ liệu trên Internet, các công cụ hỗ trợ cho dạy học, hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm mã nguồn mở Moodle tạo hệ thống dạy học trực tuyến.

9. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1. Internet và lưu trữ dữ liệu trên Internet

- 1.1. Giới thiệu mạng Internet
- 1.2. Tìm kiếm thông tin trên Internet
- 1.3. Lưu trữ thông tin trên Internet
 - 1.3.1. Onedrive
 - 1.3.2. Dropbox
- 1.4. Tạo địa chỉ Email
- 1.5. An toàn và bảo mật thông tin

Chương 2. Các công cụ soạn thảo Bài giảng điện tử

- 2.1. Phần mềm Powerpoint
 - 2.1.1. Giới thiệu MS- PowerPoint
 - 2.1.2. Làm việc với bản trình chiếu
 - 2.1.3. Chèn các đối tượng trong Slide
 - 2.1.4. Các hiệu ứng trình diễn
 - 2.1.5. In ấn
- 2.2. Phần mềm Adobe Presenter
 - 2.2.1. Tổng quan phần mềm
 - 2.2.2. Tạo bài giảng E- learning bằng Adobe Presenter
- 2.3. Phần mềm Lecture Maker
 - 2.3.1. Giới thiệu Lecture Maker
 - 2.3.2. Tạo bài giảng với Lecture Maker
 - 2.3.3. Kết xuất bài giảng

Chương 3. Moodle và khóa học trực tuyến

- 3.1. Giới thiệu Moodle
 - 3.1.1. Giới thiệu chung
 - 3.1.2. Cài đặt
 - 3.1.3. Việt hóa giao diện Moodle
- 3.2. Tạo khóa học trực tuyến
 - 3.2.1. Đăng nhập với tài khoản giáo viên giảng dạy khóa học
 - 3.2.2. Thiết lập các chế độ hiển thị của khóa học
 - 3.2.3. Cập nhật giáo trình chuẩn SCORM
 - 3.2.4. Tạo bài thi trắc nghiệm

PHẦN THỰC HÀNH

Bài thực hành	Tên bài	Số tiết (24)
Bài 1	Khai thác các tiện ích Internet	2
Bài 2	Tạo bài giảng điện tử với PowerPoint	4
Bài 3	Tạo bài giảng E-learning với Adobe Presenter	4
Bài 4	Tạo bài giảng E-learning với Lecture Maker	4
Bài 5	Cài đặt Moodle và tìm hiểu giao diện	2
Bài 6	Tạo khóa học trực tuyến	4

Bài 7	Cập nhật bài giảng E-learning chuẩn SCORM	2
Bài 8	Tạo bài thi, kiểm tra, đánh giá	2

10. Học liệu

[1] Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn (2008), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2] Thái Duy Tiên (2008), *Phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3] <http://www.scribd.com/doc/44934065/Huong-Dan-Su-Dung-Adobe-Presenter-7-Phien-Ban-1>

- [4] Trang chủ của Moodle: <http://moodle.com>
- [5] Cộng đồng Moodle Việt Nam: <http://moodle.org/course/view.php?id=45>
- [6] Tài liệu trợ giúp về Moodle: <http://moodle.org/help>
- [7] Trung tâm tin học bộ giáo dục và đào tạo: <http://el.edu.net.vn>
- [8] Các tài nguyên của Moodle: <http://moodle.org/mod/resource/view.php?id=3856>

11. Hình thức tổ chức dạy học:

Lý thuyết: sử dụng một trong 2 phương thức:

- Máy tính cá nhân, máy chiếu Projector

- Học trực tiếp trên máy nối mạng nội bộ (sử dụng phần mềm Net school)

Thực hành: Thực hành trực tiếp trên máy dưới sự hướng dẫn của giáo viên

Tự học: Sinh viên chủ động tự học trên máy

a. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
	Lên lớp			Thực hành	Tự học	Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Chương 1	10	0	0	3	25	40
Chương 2	10	0	0	3	25	39
Chương 3	8	0	0	3	20	29
Chương 4	7	0	0	1	20	27
	35	0	0	10	90	135

b. Lịch trình dạy học cụ thể

Hình thức tổ chức DH	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	MicroSoft Word	Có tài liệu về hệ soạn thảo văn bản M- Word	10 tiết trên phòng học	Phòng học có máy chiếu, hoặc phòng máy nối mạng có phần mềm dạy học.
	MicroSoft Excel	Có tài liệu về M- Excel	10 tiết trên phòng học	
	Trình chiếu PowerPoint	Có tài liệu về PowerPoin	8 tiết trên phòng học	
	Internet	Có tài liệu về Internet	7 tiết trên phòng học	
Thực hành	MicroSoft Word	Bài tập thực hành theo yêu cầu của giáo viên và tương tự	3 tiết trên phòng học máy tính	
	MicroSoft Excel	Nắm vững các hàm thông dụng trong Excel.	3 tiết trên phòng học máy tính	

		Làm các bài tập giáo viên yêu cầu và tương tự.		
	PowerPiont	Tạo bản trình chiếu	3 tiết trên phòng học máy tính	
	Internet	Đọc kỹ lí thuyết.	1 tiết trên phòng học máy tính nối mạng Internet	
Tự học	Những nội dung giáo viên yêu cầu	Những tài liệu giáo viên giới thiệu, máy tính.	Ngoài giờ lên lớp	

c. Nội dung học phần chia ra các vấn đề (vấn đề/tuần, mỗi tuần 2 tiết)

Thời gian	Hình thức tổ chức dạy	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị
Tuần 1	Lí thuyết	Các thao tác cơ bản về hệ soạn thảo văn bản MS- Word; Định dạng văn bản	Đọc các học liệu [1], phần 2, Chương 1; Chương 2 học liệu [2]; Chương 2 học liệu [3];
Tuần 2	Lí thuyết	Định dạng văn bản.	Đọc các học liệu [1], phần 2, Chương 1; Chương 2 học liệu [2]; Chương 1 học liệu [3];
	Thực hành	Soạn văn bản theo mẫu (bài tập GV cho hoặc theo mẫu SV chọn)	Chuẩn bị mẫu văn bản in, soạn theo mẫu
Tuần 3	Lí thuyết	Định dạng trang và in ấn .	Đọc các học liệu [1], phần 2, Chương 1; Chương 2 học liệu [2]; Chương 1 học liệu [3];
	Tự học	Định dạng bằng Style; Tạo chú thích	Đọc các học liệu [1], phần 2, Chương 1; Chương 2, học liệu [2]; Chương 1 học liệu [3];
	Thực hành	Soạn văn bản theo mẫu (bài tập GV cho hoặc theo mẫu SV chọn)	Chọn mẫu văn bản in sẵn
Tuần 4	Lí thuyết	Tạo bảng biểu trong văn bản	Đọc các học liệu [1], phần 2, Chương 1; Chương 2, học liệu [2]; Chương 1, học liệu [3];
	Tự học	Một số công cụ trợ giúp	Đọc các học liệu [1], phần 2, Chương 1; Chương 2 học liệu [2]; Chương 1 học liệu [3];
	Thực hành	Tổng hợp về hệ soạn thảo văn bản	Soạn một văn bản theo mẫu và nâng cao theo tính sáng tạo.
Tuần 5	Lí thuyết	Chèn các đối tượng vào văn bản	Đọc các học liệu [1], phần 2, Chương 1; Chương 2 ,học liệu [2]; Chương 1, học liệu [3];
	Tự học	Thực hành tổng hợp về văn bản	Chuẩn bị về ý tưởng văn bản tổng hợp
	Thực hành	Thực hành tổng hợp về văn bản	Thực hiện soạn văn bản tổng hợp
Tuần 6	Lí thuyết	Các khái niệm và thao tác cơ bản trong Excel.	Đọc các học liệu [1] phần 2, [5],
	Tự học	Vào ra Excel; các thành phần chính của màn hình Excel;	Đọc học liệu [3] phần 2, Học liệu [5]; Học phần 4, học liệu[6]
Tuần 7	Lí thuyết	Lập và định dạng trang bảng tính	Đọc học liệu [3] phần 2; Chương 3 học liệu [5]; Học phần 3, học liệu [6]

	Tự học	Các thao tác với tập bảng tính; định dạng dữ liệu kiểu tex	Đọc phần 2, học liệu[3], Chương 3; học liệu [2], Chương 2; học liệu [3], chương 2.
	Thực hành	Hệ soạn thảo văn bản, Bảng tính Excel	Soạn và xử lý văn bản có bảng biểu và chèn các đối tượng. Thực hành các thao tác cơ bản trong bảng tính
Tuần 8	Lí thuyết	Định dạng dữ liệu trong bảng tính. Lập công thức và các tính toán với hàm;	Đọc phần 2, học liệu[3], Chương 3; học liệu [2], Chương 2; học liệu [3], chương 2.
	Tự học	Các thao tác với trang bảng tính.	Đọc phần 2, học liệu[3], Chương 3; học liệu [2], Chương 2; học liệu [3], chương 2.
	Thực hành	Tạo bảng tính, thực hiện các tính toán theo công thức.	Xử lý một số bảng tính
Tuần 9	Lí thuyết	Lập công thức và các tính toán với hàm; Sắp xếp, lọc dữ liệu	Đọc học liệu[2], chương 3; học liệu 3, chương 2.
	Tự học	Một số hàm thông dụng trong Excel (do giáo viên yêu cầu)	Đọc học liệu[2], chương 3; học liệu 3, chương 2.
	Thực hành	Thực hiện bài tập về bảng tính,	
Tuần 10	Lí thuyết	In bảng tính. Làm quen với Power Point.	Đọc học liệu[2], Chương 2; học liệu [3], chương 3.
	Tự học	Mở trang Web http://download.phanvien.com	Download giáo trình Power Point tiếng Việt.
Tuần 11	Lí thuyết	Làm việc với bản trình chiếu	Đọc học liệu [3], chương 3. Đọc giáo trình trên mạng
	Tự học	Thêm, chèn và chỉnh sửa văn bản trong trang trình chiếu	Đọc học liệu [3], chương 3. Đọc giáo trình trên mạng
	Thực hành	Tạo trình chiếu đơn giản	Chuẩn bị nội dung của một trình chiếu đơn giản
Tuần 12	Lí thuyết	Hiệu ứng trình diễn trang chiếu;	Đọc học liệu [3], chương 3. Đọc giáo trình trên mạng
Tuần 13	Lí thuyết	Kết nối các trình chiếu và trang trình chiếu	Đọc học liệu [3], chương 3. Đọc giáo trình trên mạng
	Tự học	In bản trình chiếu	Đọc học liệu [3], chương 3. Đọc giáo trình trên mạng
	Thực hành	Thiết kế và thực hành một trình diễn dạng bài giảng điện tử theo yêu cầu của giáo viên.	Chuẩn bị tài liệu liên quan
Tuần 12	Lí thuyết	Tìm kiếm thông tin trên Internet	
Tuần 14	Lí thuyết	Tìm kiếm thông tin trên Internet; Tải dữ liệu từ mạng Internet.	
	Tự học	Tìm kiếm nâng cao; Một số dịch vụ khác.	
Tuần 15	Lí thuyết	Tạo lập và sử dụng Email; Một số dịch vụ khác.	
	Thực hành	Internet	Mở đóng trình duyệt Web, hiển thị trang Web, Tổ chức địa chỉ web, tìm kiếm,...

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Học sinh có mặt trên lớp $\geq 80\%$ số giờ quy định

- Tự học thông qua các bài tập mà giáo viên đưa ra và các bài tập tự chọn

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:

Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận (tỷ trọng 10%)

Đánh giá thường xuyên chất lượng học tập của sinh viên thông qua các buổi thực hành trên máy.

Đánh giá giữa kỳ thông qua bài kiểm tra trực tiếp trên máy (tỷ trọng 20%)

Kiểm tra kết thúc học phần: thi trên máy (tỷ trọng 70%)

- Thang điểm: 10

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

1- Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Ngọc Hà

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, TS
- Hướng nghiên cứu chính: Văn hoá Việt Nam, Văn học dân gian Việt Nam
- Địa chỉ: Khoa Ngữ văn, trường Đại học Vinh
- Số điện thoại: 0919649585

2- Tên học phần : Cơ sở văn hoá Việt Nam

3- Mã học phần : NV10002

4- Số tín chỉ : 02

5- Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Lý thuyết: 28
- Thảo luận: 02
- Tự học: 60

7. Mục đích của môn học:

- Về mặt kiến thức: Cung cấp cho SV các khái niệm cơ bản về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, nắm được một số thành tố quan trọng của văn hoá Việt Nam, lịch sử văn hoá và các vùng văn hoá Việt Nam.
- Về mặt kỹ năng: Người học có khả năng vận dụng các tri thức cơ sở có tính quy luật để lí giải các hiện tượng văn hoá đã và đang diễn ra xung quanh mình.
- Thái độ, chuyên cần: Có tính thần tự học, tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thảo luận theo quy định của nhà trường.

8. Tóm tắt nội dung môn học: Đề cập các khái niệm cơ bản về văn hoá học và văn hoá Việt Nam (thuật ngữ, đặc trưng, chức năng, loại hình, cấu trúc, thành tố, giao lưu và tiếp xúc văn hoá, văn hoá với môi trường tự nhiên và xã hội), một số thành tố quan trọng của văn hoá Việt Nam (ngôn ngữ, lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, tư tưởng, tôn giáo), lịch sử văn hoá và các vùng văn hoá Việt Nam.

9. Nội dung chi tiết môn học: Gồm 4 chương

CHƯƠNG 1:

MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA VĂN HOÁ HỌC VÀ VĂN HOÁ VIỆT NAM

1.1. Văn hoá là gì?

- 1.1.1. Thuật ngữ: + Ở phương Tây
+ Ở phương Đông (Trung Hoa, Việt Nam)

1.1.2. Các định nghĩa khác nhau về văn hoá

- Định nghĩa của E.Tylor
- Định nghĩa của UNESCO
- Định nghĩa của Trần Ngọc Thêm

1.1.3. Văn hoá và các khái niệm có liên quan

1.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá

1.2.1. Đặc trưng

- Tính nhân sinh
 - Tính lịch sử
 - Tính giá trị
 - Tính hệ thống
- 1.2.2. Chức năng
- Giáo dục
 - Nhận thức
 - Thẩm mỹ
 - Giải trí
- 1.3. *Loại hình, cấu trúc, thành tố văn hoá*
- 1.3.1. Loại hình văn hoá
- Khái niệm loại hình văn hoá
 - Cơ sở xác định loại hình văn hoá
 - Các loại hình văn hoá và đặc điểm của chúng
- + Loại hình văn hoá gốc nông nghiệp
- + Loại hình văn hoá gốc du mục
- 1.3.2. Cấu trúc văn hoá
- Định nghĩa
 - Một số quan niệm về cấu trúc văn hoá
- + Quan niệm của các nhà nghiên cứu văn hóa nước ngoài (L.White, E.Sartiaux, UNESCO).
- + Quan niệm của các nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam (Đào Duy Anh, Đặng Đức Siêu, Chu Xuân Diên, Trần Ngọc Thêm, Trần Quốc Vượng).
- 1.3.3. Thành tố văn hoá
- Khái niệm
 - Một số quan niệm về thành tố văn hoá
- 1.4. *Giao lưu và tiếp xúc văn hoá*
- 1.4.1. Khái niệm
- 1.4.2. Các hình thức giao lưu và tiếp xúc văn hoá
- 1.4.3. Các cuộc giao lưu và tiếp xúc văn hoá trong lịch sử Việt Nam
- Giao lưu và tiếp xúc văn hoá giữa Việt Nam với các quốc gia Đông Nam Á
 - Giao lưu và tiếp xúc văn hoá giữa Việt Nam với Trung Hoa
 - Giao lưu và tiếp xúc văn hoá giữa Việt Nam với Ấn Độ
 - Giao lưu và tiếp xúc văn hoá giữa Việt Nam với các nước phương Tây
- 1.5. *Văn hoá với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội*
- 1.5.1. Văn hoá với môi trường tự nhiên
- Khái niệm môi trường tự nhiên
 - Đặc điểm môi trường tự nhiên và hệ sinh thái Việt Nam
 - Ảnh hưởng của môi trường tự nhiên với văn hoá:
- + Vật chất (ăn, mặc, ở, đi lại)
- + Tinh thần (tín ngưỡng, ngôn ngữ, lễ hội...)
- + Xã hội (thiết chế xã hội, đời sống cộng đồng)
- 1.5.2. Văn hoá với môi trường xã hội
- Khái niệm môi trường xã hội
 - Cơ cấu xã hội Việt Nam cổ truyền
- + Gia đình
- + Gia tộc
- + Làng xóm
- + Quốc gia- dân tộc

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ THÀNH TỐ VĂN HOÁ VIỆT NAM

- 2.1. *Ngôn ngữ*
- + Tiếng Việt

- + Chữ viết (chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ)
- 2.2. *Phong tục*
 - + Hôn nhân
 - + Tang ma
 - + Lễ tết
- 2.3. *Lễ hội*
 - + Khái niệm
 - + Một số lễ hội tiêu biểu
- 2.4. *Tín ngưỡng*
 - + Khái niệm
 - + Một số tín ngưỡng tiêu biểu (tín ngưỡng Tôtem, tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng anh hùng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng Thành Hoàng, tín ngưỡng thờ Mẫu)
- 2.5. *Tư tưởng, tôn giáo*
 - + Nho giáo
 - + Phật giáo
 - + Đạo giáo
 - + Kitô giáo

CHƯƠNG 3: DIỄN TRÌNH LỊCH SỬ VĂN HOÁ VIỆT NAM

- 3.1. Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc phân kì
- 3.2. Các cách phân kì lịch sử văn hoá Việt Nam
 - Cách phân kì của GS Đinh Gia Khánh
 - Cách phân kì của GS Phạm Đức Dương
 - Cách phân kì của GS TSKH Trần Ngọc Thêm
 - Cách phân kì của GS Trần Quốc Vượng
- 3.3. Diễn trình lịch sử văn hoá Việt Nam
 - Văn hoá Việt Nam thời tiền sử và sơ sử
 - + Văn hoá vật chất
 - + Văn hoá tinh thần
 - Văn hoá Việt Nam thời Bắc thuộc
 - + Văn hoá vật chất
 - + Văn hoá tinh thần
 - Văn hoá Việt Nam thời độc lập tự chủ X- XIX
 - + Đặc trưng văn hoá Lý – Trần
 - + Đặc trưng văn hoá Lê sơ
 - + Văn hoá Việt Nam từ TK XVI- XIX
 - Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc
 - + Văn hoá vật chất
 - + Văn hoá tinh thần
 - Văn hoá Việt Nam thời hiện đại
 - + Văn hoá vật chất
 - + Văn hoá tinh thần

CHƯƠNG 4: CÁC VÙNG VĂN HOÁ VIỆT NAM

- 4.1. Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc phân vùng
- 4.2. Một số cách phân vùng
 - Cách phân vùng của GS.TS Ngô Đức Thịnh
 - Cách phân vùng của GS Đinh Gia Khánh và Cù Huy Cận
 - Cách phân vùng của GS Trần Quốc Vượng
- 4.3. Các vùng văn hoá Việt Nam
 - 4.3.1. Vùng văn hoá Việt Bắc
 - Đặc điểm tự nhiên và xã hội
 - Đặc điểm văn hoá
 - 4.3.2. Tây Bắc

- Đặc điểm tự nhiên và xã hội
- Đặc điểm văn hoá
- 4.3.3. Bắc bộ
 - Đặc điểm tự nhiên và xã hội
 - Đặc điểm văn hoá
- 4.3.4. Trung bộ
 - Đặc điểm tự nhiên và xã hội
 - Đặc điểm văn hoá
- 4.3.5. Nam bộ
 - Đặc điểm tự nhiên và xã hội
 - Đặc điểm văn hoá
- 4.3.6. Tây Nguyên
 - Đặc điểm tự nhiên và xã hội
 - Đặc điểm văn hoá
- 10. Học liệu
- 10.1. Giáo trình
 - Chu Xuân Diên, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2002.
 - Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, H, 1998.
 - Trần Quốc Vượng, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, H, 1997.
- 10.2. Tài liệu tham khảo
 - Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1992.
 - Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1990.
 - Nguyễn Từ Chi, *Góp phần nghiên cứu văn hoá và tộc người*, Nxb Văn hoá - Thông tin, 1996.
 - Nguyễn Đăng Duy, *Các hình thức tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá - Thông tin, 2001.
 - Phan Ngọc, *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb Văn hoá - Thông tin, 1998.
 - Nhiều tác giả, *Hỏi đáp về văn hoá Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc – tạp chí Văn hoá nghệ thuật, 1998.
 - Trương Thìn, *101 điều nên biết về phong tục Việt Nam*, Nxb Hà Nội, 2007.
 - Ngô Đức Thịnh, *Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 1993.

11- Hình thức tổ chức dạy học:

NỘI DUNG HỌC PHẦN CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ/TUẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian, địa điểm		Ghi chú
Lý thuyết	1.Chương 1: Một số khái niệm cơ bản của văn hoá học và văn hoá Việt Nam	1- Đọc giáo trình <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> của Trần Quốc Vượng từ trang 9 đến trang 72, 100 đến 113 - Đọc giáo trình <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> của Chu Xuân Diên từ trang 5 đến trang 35	- Tuần 1, 2, 3, 4	Tại lớp học do trường bố trí	
	2- Chương 2: Một số thành tố văn hoá Việt Nam	2- Đọc giáo trình <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> của	- Tuần 5, 6, 7, 8		

	3- Chương 3: Diễn trình lịch sử văn hoá Việt Nam 4- Chương 4: Các vùng văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng từ trang 73 đến trang 99 Đọc các sách chuyên luận và các bài báo có liên quan (đọc có ghi chép, nhận xét) 3- Đọc giáo trình <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> của Trần Quốc Vượng từ trang 114 đến trang 198 - Đọc giáo trình <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> của Chu Xuân Diên từ trang 36 đến trang 278 Chuẩn bị một số câu hỏi cho mỗi vấn đề nghị giảng viên giải đáp. 4. - Đọc giáo trình <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> của Chu Xuân Diên từ trang 285 đến trang 312 - Đọc giáo trình <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> của Trần Quốc Vượng từ trang 213 đến trang 266 - Đọc sách <i>Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam</i> của Ngô Đức Thịnh	- Tuần 9, 10,11,12 -Tuần 13 14, 15		
Bài tập	1- Phân tích, lý giải tín ngưỡng hoặc phong tục 2- Bài kiểm tra thường xuyên	- Tham khảo các tài liệu có liên quan - Ôn tập các phần đã học	- Tuần 5	Tại lớp học do trường bố trí	
Thảo luận	1- Bàn về đặc điểm một số vùng văn hoá Việt Nam 2- So sánh ba nền văn hoá trong thời kỳ sơ sử	- Thu thập các nguồn tư liệu và tự xử lý - Soạn đề cương thảo luận	- Tuần 9 - Tuần 13	Tại các phòng học nhỏ do trường bố trí	Phân nhóm
Tự học	1- Một số phần trong 5 vấn đề ở mục lý thuyết trên 2- Tìm hiểu một vài hiện tượng, sự kiện văn hoá Việt Nam (bài tập nghiên cứu nhỏ)	- Đọc giáo trình và sách chuyên luận đã cho - Làm đề cương nghiên cứu	Từ tuần 1 đến 15	ở nhà và các trung tâm tư liệu	
Tư vấn	1- Giới thiệu chương trình, tài liệu tham khảo 2- Phổ biến yêu cầu và phương pháp học tập	- Sinh viên tìm hiểu chương trình - Đề xuất những băn khoăn, thắc mắc (nếu có)	- Tuần 1 và 2	Tại lớp học do trường bố trí	

12- Qui định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các tiết học trên lớp (lý thuyết, bài tập và thảo luận). Nếu nghỉ quá 20% tổng số tiết này và không có bài kiểm tra thường xuyên thì không được dự thi kết thúc học phần.

- Đảm bảo thời gian tự học, tự nghiên cứu và có kế hoạch cụ thể cho hoạt động này. Đọc tài liệu có ghi chép, có nhận xét.

- Xuất trình kết quả tự học, tự nghiên cứu để giảng viên kiểm tra, đánh giá. Nếu đạt kết quả tốt thì được thay kiểm tra thường xuyên.

13- Phương thức kiểm tra và đánh giá kết quả học phần:

- Điểm chuyên cần, tinh thần, thái độ chiếm tỷ lệ: 1/10 điểm.

- Điểm kiểm tra thường xuyên chiếm tỷ lệ : 2/10 điểm.

- Điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ lệ : 7/10 điểm.

- Thang điểm : 10

- Hình thức kiểm tra và thi : Tự luận

(riêng kiểm tra thường xuyên dùng cả hình thức phát vấn).

14. Ngày phê duyệt:**15. Cấp phê duyệt**

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN HẾT THẾ KỶ XIX

1. Họ và tên giảng viên:

* **Biện Minh Điền – GVC, PGS.TS**, CN Bộ môn Văn học Việt Nam, Chủ nhiệm chuyên ngành DTSDH và NCS Văn học Việt Nam.
Hướng nghiên cứu chính: Loại hình văn học
Địa chỉ: Khoa Ngữ văn, Đ.H Vinh. Mobile: 0912.583.891

2. Tên học phần : Văn học Việt Nam thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX

3. Mã học phần: NV20005

4. Số tín chỉ: 4

5. Loại học phần:

- Bắt buộc
- Tiên quyết (học phần đầu tiên của Văn học viết Việt Nam)
- Môn kế tiếp: Văn học Việt Nam từ giữa thế kỷ XVIII đến hết XIX

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết:	50
- Bài tập:	10
- Tự học:	120

7. Mục tiêu của học phần:

7.1. Kiến thức:

Nhằm làm cho sinh viên nắm được:

- Tiến trình văn học Việt Nam trung đại từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX, các giai đoạn văn học trong thời kỳ đó.
- Những thành tựu của bộ phận văn học chữ Nôm và văn học chữ Hán, ảnh hưởng của văn học Trung Quốc, vai trò của văn học dân gian Việt Nam với văn học thời kỳ này.
- Những thể loại, tác giả, tác phẩm nổi bật.

7.2. Kỹ năng:

Góp phần hình thành cho sinh viên những kỹ năng:

- Nghiên cứu các hiện tượng văn học Việt Nam trung đại (thời kỳ, khuynh hướng, thể loại, tác giả, tác phẩm...).
- Nắm vững các thuật ngữ liên quan đến thời kỳ văn học này.
- Trình bày các vấn đề của văn học trung đại Việt Nam dưới dạng viết, nói...

7.3. Thái độ:

- Coi trọng học phần, từ đó chủ động khắc phục những khó khăn do khoảng cách thời gian, do sự khác biệt quan niệm, do ngôn ngữ cổ xưa và do tư duy nghệ thuật đặc thù.
- Trân trọng văn học dân tộc trong quá khứ.

8. Mô tả văn tắt nội dung học phần:

- Điều kiện lịch sử xã hội, môi trường văn hoá ảnh hưởng đến sự hình thành và tính chất, đặc điểm của văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX.
- Các giai đoạn văn học của thời kỳ này (thế kỷ X-thế kỷ XIV; thế kỷ XV; thế kỷ XVI - nửa đầu thế kỷ XVIII, nửa sau thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX).
- Những thể loại cơ bản của văn chương thẩm mỹ và văn chính luận, những tác giả có nhiều thành tựu (Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, v.v...).

- Những thành tựu văn học của những thế kỷ này góp phần tạo tiền đề cho văn học các thế kỷ sau và đóng góp cho văn học dân tộc, nhất là thành tựu văn học chữ Nôm.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Phần 1.

Bài mở đầu

I. Khái niệm văn học Việt Nam trung đại, phương pháp nghiên cứu, quan điểm tiếp thu di sản văn học Việt Nam trung đại

II. Cơ sở ý thức hệ của văn học Việt Nam trung đại

1. Tư tưởng bản địa Việt Nam

2. Những tư tưởng tiếp thu từ bên ngoài (Nho giáo, Phật giáo, Lão-Trang)

III. Những đặc điểm loại hình của văn học Việt Nam trung đại

1. Khái niệm “văn học” bao hàm phạm vi rộng

2. Quan hệ của văn học Việt Nam trung đại với văn học dân gian Việt Nam và văn học cổ điển Trung Quốc

3. Văn học Việt Nam trung đại chịu ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ của các tư tưởng kinh điển và tôn giáo

4. Tính ước lệ tượng trưng

5. Văn học Việt Nam trung đại bao gồm hai bộ phận: văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm

IV. Kết luận

Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV

I. Hoàn cảnh lịch sử

1. Đời sống lịch sử xã hội

2. Đời sống văn hoá tư tưởng

II. Tình hình văn học

1. Diện mạo chung

2. Văn học gắn bó chặt chẽ với lịch sử hai triều đại Lý-Trần

3. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo trong văn học thế kỷ X đến thế kỷ XIV

4. Văn học Phật giáo thời kỳ Lý-Trần

5. Thể loại văn học

6. Những tác giả và tác phẩm tiêu biểu

Kết luận

Văn học Việt Nam thế kỷ XV

I. Hoàn cảnh lịch sử

1. Đời sống lịch sử xã hội

2. Đời sống văn hoá tư tưởng

II. Tình hình văn học

1. Văn học có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển

2. Hai giai đoạn của văn học thế kỷ XV

3. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo trong văn học thế kỷ XV

4. Thể loại văn học

6. Những tác giả và tác phẩm tiêu biểu

Nguyễn Trãi

I. Sơ lược tiểu sử và sự nghiệp

II. Tình hình nghiên cứu

III. Văn chương Nguyễn Trãi

A. Văn chính luận

1. *Quân trung từ mệnh tập*

2. *Bình Ngô đại cáo*

B. Thơ Nguyễn Trãi

1. Tấm lòng yêu nước lo đời của một người đại trí thức

2. Tình yêu thiên nhiên

3. Cuộc đấu tranh nội tâm về vấn đề “xuất”, “xử”

4. Đặc điểm thơ chữ Hán và thơ Nôm Nguyễn Trãi

Kết luận

Lê Thánh Tông và Hội Tao đàn

A. Lê Thánh Tông

1. Tiểu sử
2. Nội dung thơ văn

B. Hội Tao đàn

1. Sự thành lập
2. Thơ văn

Kết luận

Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVI đến nửa đầu thế kỷ XVIII

I. Hoàn cảnh lịch sử

1. Đời sống lịch sử xã hội
2. Đời sống văn hoá tư tưởng

II. Tình hình văn học

1. Sự chuyển biến trong đội ngũ sáng tác
2. Văn học Đàng ngoài và văn học Đàng trong
3. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo
4. Các khuynh hướng chính
5. Những tác giả và tác phẩm tiêu biểu

Kết luận

Nguyễn Bình Khiêm

I. Tiểu sử

II. Thơ văn

1. Phê phán những tệ lậu của đời sống đương thời
2. Ca ngợi thú nhân
3. Đóng góp ở phương diện Việt hoá văn học Trung Hoa và bác học hoá chất liệu văn học dân gian

Nguyễn Dữ

I. Tiểu sử

II. *Truyện kỳ mạn lục*

1. Thể loại truyện kỳ
2. Những nguồn ảnh hưởng của *Truyện kỳ mạn lục*
3. Nội dung tác phẩm
4. Những đóng góp ở phương diện quan niệm nghệ thuật về con người và ở phương diện thể loại

Phần 2:

Chương 1

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM NỬA SAU THẾ KỶ XVIII - NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX (4 tiết)

1.1. Bối cảnh lịch sử xã hội

1.1.1. Giai đoạn khủng hoảng của chế độ phong kiến và sự xuất hiện những yếu tố mới

- + Chế độ suy yếu, nhiều tập đoàn phong kiến hình thành...
- + Ý thức hệ phong kiến khủng hoảng trầm trọng
- + Một số yếu tố mới xuất hiện (kinh tế hàng hoá, đô thị, tầng lớp thị dân) tạo ra nhu cầu mới, đặc biệt là nhu cầu của con người cá nhân...

1.1.2. Bão táp của phong trào nông dân khởi nghĩa và luồng sinh khí mới của thời đại

+ Khởi nghĩa ở "đàng ngoài", "đàng trong" (đặc biệt là khởi nghĩa Tây Sơn - "một phen thay đổi sơn hà")...

+ Khởi nghĩa nông dân tạo nên luồng sinh khí mới cho thời đại.

1.1.3. Sự trỗi dậy của những tư tưởng, tình cảm tiến bộ của thời đại và sự phồn thịnh của văn hóa dân tộc

+ Những tư tưởng, tình cảm tiến bộ của thời đại

+ Sự phồn thịnh chưa từng thấy của văn hóa dân tộc (về sử học, y học, kiến trúc, văn học, nghệ thuật, v.v...).

1.2. Các chặng đường và thành tựu của văn học

1.2.1. Văn học trước thời Tây Sơn

+ Tình hình chung của văn học ở "đàng ngoài", "đàng trong", các khuynh hướng văn học

+ Vai trò mở đầu của tác phẩm *Chinh phụ ngâm* và khuynh hướng hiện thực - nhân đạo chủ nghĩa

1.2.2. Văn học thời kỳ Tây Sơn

+ Khuynh hướng ca ngợi Tây Sơn

+ Khuynh hướng chống Tây Sơn

1.2.3. Văn học sau thời Tây Sơn

+ Ba khuynh hướng tư tưởng chính (hiện thực và nhân đạo chủ nghĩa, trữ tình - lãng mạn, ca tụng triều Nguyễn).

+ Hai bộ phận văn học (chữ Hán, chữ Nôm), thành tựu của từng bộ phận

1.3. Những đặc điểm chính của văn học nửa sau thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX

1.3.1. Một giai đoạn văn học phát triển đến đỉnh cao, đạt giá trị cổ điển trên nhiều phương diện

+ Diện mạo văn học được đổi mới với nhiều phong cách lớn.

+ Vấn đề có hay không một chủ nghĩa cổ điển trong văn học Việt Nam ở giai đoạn nửa sau thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX ?

1.3.2. Một giai đoạn văn học với nhiều nội dung, tư tưởng mới mẻ, đặc biệt là sự quan tâm đến số phận con người

+ Nhiều nội dung, tư tưởng mới mẻ

+ Văn học phát hiện và khẳng định con người với tư cách như những thực thể tồn tại thực sự với mọi nhu cầu trần thế của nó.

+ Vấn đề xác định "trào lưu nhân đạo chủ nghĩa" trong văn học Việt Nam giai đoạn nửa sau thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX.

1.3.3. Một giai đoạn văn học đạt thành tựu rực rỡ về thể loại và ngôn ngữ, đánh dấu sự hoàn thiện của văn học dân tộc thời trung đại.

+ Thành tựu về thể loại

+ Thành tựu về ngôn ngữ

Chương 2
NGUYỄN DU (1765 - 1820)
(9 tiết)

2.1. Cuộc đời, con người và sự nghiệp văn học

2.1.1. Cuộc đời và con người

2.1.2. Sự nghiệp văn học:

- + Một sự nghiệp văn học phong phú, đa dạng, bề thế
- + Sáng tác bằng chữ Hán: 3 tập thơ (*Thanh Hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm*, *Bắc hành tạp lục*), trong đó có những tác phẩm được xem là kiệt tác.
- + Sáng tác bằng chữ Nôm: *Truyện Kiều*, *Văn tế thập loại chúng sinh*, *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu*, *Thác lời trai phường nón*

2.1.3. Vị trí của Nguyễn Du trong lịch sử văn học dân tộc:

- + Cây đại bút trên tiền trình thơ chữ Hán
- + Hiện tượng đỉnh cao của văn học tiếng Việt (thơ Nôm) thời trung đại
- + Một đại thi hào với vị trí hàng đầu trong lịch sử văn học dân tộc

2.2. Đỉnh cao trong sự nghiệp văn học của Nguyễn Du: *Truyện Kiều*

2.2.1. Nguồn gốc *Truyện Kiều* và sáng tạo của Nguyễn Du

- + Câu chuyện Thuý Kiều trong lịch sử và văn học Trung Quốc.
- + Sự sáng tạo của Nguyễn Du
- + Tên gọi tác phẩm, thời điểm sáng tác và vấn đề văn bản *Truyện Kiều*

2.2.2. Giá trị nội dung, tư tưởng của *Truyện Kiều*

- + Tư tưởng nghệ thuật cơ bản và ý nghĩa thời đại của tác phẩm
- + Một chủ nghĩa nhân đạo với nhiều nội dung mới mẻ, sâu sắc
- + Những giá trị khác

2.2.3. Giá trị nghệ thuật của *Truyện Kiều*

- + Đỉnh cao của truyện Nôm với thể lục bát; nghệ thuật tự sự và trữ tình
- + Nghệ thuật xây dựng nhân vật
- + Ngôn ngữ

Chương 3
HỒ XUÂN HƯƠNG
(7 tiết)

3.1. Cuộc đời và con người

- 3.1.1. Những nét chính đã được xác minh
- 3.1.2. Những huyền thoại về con người và tác phẩm Hồ Xuân Hương

3.2. Tác phẩm

- 3.2.1. Vấn đề văn bản tác phẩm Hồ Xuân Hương
- 3.2.2. Tập thơ *Lưu hương ký*
- 3.2.3. Thơ Nôm được truyền tụng
- + Cảm hứng nhân bản với những nội dung đặc sắc, mới mẻ (đặc biệt về nữ quyền).

- + Lòng yêu đời với những khát khao trần thế. Vấn đề "dâm" và "tục" trong thơ Hồ Xuân Hương
- + Trữ tình, trào phúng và nghệ thuật ngôn từ thơ Hồ Xuân Hương

Chương 4

NGUYỄN CÔNG TRÚ (1778 - 1859)

(6 tiết)

4.1. Cuộc đời và con người:

- + Một cuộc đời không bình lặng với nhiều biến động, "thăng", "giáng"; Vấn đề đánh giá công lao của Nguyễn Công Trứ.
- + Một nhân cách với cá tính độc đáo.

4.2. Thơ văn:

- 4.2.1. Hai nguồn cảm hứng chính: "hành đạo" và "hành lạc"
- 4.2.2. "Chí nam nhi" và lý tưởng kẻ sĩ
- 4.2.3. Một số nội dung khác
- 4.2.4. Nguyễn Công Trứ với thể loại hát nói

Chương 5

MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG VĂN HỌC TIÊU BIỂU KHÁC

(4 tiết)

5.1. Chinh phụ ngâm

- + Tác giả và dịch giả, nguyên tác và bản dịch
- + Tác phẩm - bản dịch hiện hành (Bản dịch được coi là của Đoàn Thị Điểm)
- + Nội dung và tư tưởng khúc ngâm
- + Những đặc sắc về nghệ thuật (thể loại, kết cấu, nghệ thuật trữ tình, ngôn ngữ...).

5.2. Cung oán ngâm khúc (Nguyễn Gia Thiều):

- + Nội dung và tư tưởng khúc ngâm
- + Những đặc sắc về nghệ thuật (thể loại, kết cấu, nghệ thuật trữ tình, ngôn ngữ...).
- + Thể loại ngâm khúc qua hai tác phẩm *Chinh phụ ngâm* và *Cung oán ngâm khúc*.

5.3. Hoàng Lê nhất thống chí

5.3.1. Tác giả

5.3.2. Những thành công cơ bản của tác phẩm

- + Nội dung phản ánh và nghệ thuật tổ chức tác phẩm
- + Đỉnh cao của tiểu thuyết chương hồi Việt Nam thời trung đại

5.4. Nguyễn Huy Tự (1743 - 1790)

5.5. Cao Bá Quát (1809 - 1855)

Chương 6

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM NỬA SAU THẾ KỶ XIX

(4 tiết)

1.1. Vị trí, vai trò của văn học nửa sau thế kỷ XIX trong lịch sử văn học dân tộc

- 1.1.1. Giai đoạn cuối cùng của văn học trung đại Việt Nam với diện mạo đặc sắc và đóng góp riêng.

1.1.2. Giai đoạn kết thúc một quá trình dài (Thế kỷ X - thế kỷ XIX) của văn học trung đại, chuẩn bị một số tiền đề cho sự thay đổi phạm trù văn học (từ trung đại sang hiện đại) trong lịch sử văn học dân tộc.

1.2. Bối cảnh lịch sử - văn hoá - xã hội:

1.2.1. Sự xâm lược của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta.

1.2.2. Sự khủng hoảng toàn diện của ý thức hệ phong kiến. Ảnh hưởng theo con đường “cưỡng hôn” của văn hoá Pháp. Những đề nghị cải cách đất nước, xã hội của các trí thức yêu nước, tiến bộ...

1.2.3. Tán bi - hài kịch của phong kiến Việt Nam ở chặng đường cuối cùng. Sự hình thành chế độ thực dân nửa phong kiến.

1.3. Tình hình và đặc điểm văn học

1.3.1. Tình hình chung.

- Văn học trên cơ bản vẫn chịu sự chi phối của ý thức hệ tư tưởng, văn hoá, mỹ học phong kiến và sự chi phối của hệ thống thi pháp văn học trung đại.

- Những thay đổi (so với văn học trước đó) về nội dung, cảm hứng, thể loại ở các bộ phận văn học (văn học chữ Hán, chữ Nôm, có thêm bộ phận văn học chữ Quốc ngữ).

- Các khuynh hướng văn học: *Văn học yêu nước chống pháp* – dòng chủ lưu; *Văn học hiện thực- trào phúng* phát triển mạnh; *Một số khuynh hướng khác* cần được nhìn nhận lại thoả đáng hơn.

1.3.2. Những đặc điểm cơ bản của văn học nửa sau thế kỷ XIX

- Văn học chịu sự chi phối sâu sắc của cuộc đấu tranh dân tộc và sự khủng hoảng các giá trị phong kiến. Hai nguồn cảm hứng lớn *Yêu nước* và *phê phán* hiện thực xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu. Sự thống nhất, gắn bó giữa tư tưởng yêu nước và nhân đạo.

- Ý thức hướng về dân tộc, thuý chung với truyền thống, với nhân dân và chỗ dựa tinh thần không thể thay thế của mọi sáng tạo văn học trong hoàn cảnh bế tắc của lịch sử.

- Tích chất cổ điển và cách tân của văn học nửa sau thế kỷ XIX. Sự bế tắc của văn học nhà Nho và sự bất cập của hệ thống thi pháp văn học trung đại ở chặng đường cuối cùng trước thực tại mới.

Chương 7

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU (1822 – 1888)

(8 tiết)

2.1. Cuộc đời và con người

2.1.1. Một cuộc đời nhiều éo le bất hạnh nhưng cao đẹp hiếm có. Bản lĩnh và nghị lực phi thường của Nguyễn Đình Chiểu trước mọi hoàn cảnh.

2.1.2. Một trí thức lớn, một nhân cách mẫu mực, tấm gương sáng về đạo đức, về phẩm chất chiến sĩ, về lao động và sáng tạo nghệ thuật.

2.2. Sự nghiệp văn học

2.2.1. Một sự nghiệp văn học khá phong phú với nhiều thể loại khác nhau, thành công xuất sắc ở hai thể loại *Truyện Nôm* và *Văn tế*.

2.2.2. Hai thời kỳ sáng tác (trước và sau khi Thực dân pháp xâm lược Việt Nam). Nét riêng và sự thống nhất trong sáng tác ở hai thời kỳ của NĐC.

2.3. Tiến trình tư tưởng - thẩm mỹ và phong cách nghệ thuật

2.3.1. *Lý tưởng nhân nghĩa*. Sức hấp dẫn của lý tưởng nhân nghĩa qua *Lục Vân Tiên*. Nguyễn Đình Chiểu với thể loại *Truyện Nôm* và văn chương trữ tình đạo lý.

2.3.2. *Lý tưởng yêu nước, chống ngoại xâm*. Vấn đề “chính đạo” (*Dương Từ – Hà Mậu*). Tinh thần vì nghĩa lớn cứu nước, cứu dân, chống xâm lược, chống thoả hiệp đầu hàng, thà chết không chịu nô lệ (*Văn tế, thơ điệu...*); *Lòng đạo xin tròn một tấm gương*, thuý chung với đất

nước, với nhân dân (*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*). Đỉnh cao trong toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu - *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*.

2.3.3. Từ lý tưởng nhân nghĩa đến lý tưởng yêu nước, sự đa dạng và thống nhất trong tư tưởng thẩm mỹ và phong cách nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu. Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ của tinh thần vì *Nghĩa*, một phong cách lớn trong văn học Việt Nam.

2.4. Vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong lịch sử văn học dân tộc

Ngọn cờ đầu của văn học yêu nước chống Pháp nửa sau thế kỷ XIX, có đóng góp xuất sắc cho thể loại *Truyện Nôm*, đặc biệt là thể loại *Văn tế*, đưa văn học Nam Bộ đi vào quỹ đạo của văn học cả nước, đưa văn học vào trung tâm của yêu cầu lịch sử, thời đại.

Chương 8

NGUYỄN KHUYẾN (1835 – 1909)

(8 tiết)

3.1. Cuộc đời, con người và sự nghiệp văn học:

3.1.1. Cuộc đời của một trí thức uyên thâm, một nghệ sĩ lớn, sống gần gũi, gắn bó với nhân dân lao động. Hai giai đoạn trong đời - thơ một thi hào.

3.1.2. Một nhân cách cao đẹp, trong sạch. Bi kịch của một trí thức yêu nước có ý thức phản tỉnh sâu sắc trước yêu cầu của dân tộc và thời đại.

3.1.3. Một sự nghiệp thơ văn phong phú, dày dặn, đạt giá trị cổ điển trên nhiều phương diện. Thành tựu kiệt xuất ở cả hai bộ phận sáng tác (chữ Hán và chữ Nôm).

3.2. Đặc sắc trong tư tưởng và phong cách nghệ thuật:

3.2.1. Một cái nhìn thẩm mỹ chân thực, tinh tế, mới mẻ về đời sống và phong cảnh nông thôn Việt Nam (Nguyễn Khuyến - *nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam*).

3.2.3. Một khái quát nghệ thuật thâm thúy về hiện thực xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu (Nguyễn Khuyến - *nhà thơ trào phúng*).

3.2.4. Một lý tưởng thẩm mỹ cao đẹp. Tiết trong sạch và tâm lòng thủy chung với truyền thống văn hóa dân tộc (N.K - *nhà thơ trữ tình yêu nước*).

3.2.5. Một bút pháp năng động, điêu luyện. Một phong đa dạng và thống nhất, tinh tế, uyển chuyển và tài hoa.

3.3. Vị trí Nguyễn Khuyến trong lịch sử văn học dân tộc:

Nhà thơ cổ điển lớn cuối cùng của văn học trung đại Việt Nam. Vai trò quan trọng của Nguyễn Khuyến trong lịch sử văn học dân tộc.

Chương 9

TRẦN TẾ XƯƠNG (1870 – 1907)

(6 tiết)

4.1. Cuộc đời và con người:

4.1.1. Cuộc đời của một nhà nho tài tử thất thế sống vào giai đoạn tăm tối, khổ nhục nhất của lịch sử dân tộc.

4.1.2. Một cá tính mạnh mẽ, phóng túng. Những bế tắc và bi kịch trong cuộc đời và con người Trần Tế Xương.

4.2. Thơ văn Trần Tế Xương:

4.2.1. Vấn đề văn bản thơ văn Trần Tế Xương.

4.2.2. Thơ văn Trần Tế Xương và những khám phá, thể hiện xuất sắc về hiện thực thời đại ông. Hình tượng một thế giới lộn sòng, đảo ngược các giá trị và tiếng cười sắc, mạnh, độc địa của Trần Tế Xương.

4.2.3. Sự tự thể hiện, hình tượng nhân vật trữ tình, hình tượng tác giả; trào phúng và trữ tình, cười và khóc trong thơ văn Trần Tế Xương.

4.2.4. Tú Xương – Nhà thơ trào phúng kiệt xuất, bậc “Thần thơ thánh chữ”. Những đóng góp của Tú Xương cho lịch sử văn học dân tộc.

10. Học liệu:

10.1. Giáo trình chính:

1. Giáo trình, bài giảng của người dạy.
2. Nguyễn Lộc, *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1976
3. Nhiều tác giả, *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập 4A, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1978.

10. Học liệu:

Giáo trình

1. Đinh Gia Khánh-Bùi Duy Tân-Mai Cao Chương: *Văn học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII*, NXB GD, 2008.
2. Trần Đình Sử: *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 1999 (tên sách tái bản: *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*).
3. Trần Đình Hượu: *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, 1999.

Tài liệu tham khảo:

1. *Từ điển văn học (bộ mới)*, Nxb Thế giới, 2004.
2. Trần Ngọc Vương (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ X - XIX những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb Giáo dục, 2007.
3. Phạm Tuấn Vũ, *Văn học Việt Nam trung đại trong nhà trường*, Nxb Giáo dục, 2007.

11. Hình thức tổ chức dạy học:

- Số giờ tín chỉ phải thực hiện: 60 giờ (4 tín chỉ)
- Số giờ giáo viên thuyết trình: 60 giờ
- Yêu cầu sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo.

NỘI DUNG HỌC PHẦN CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ/TUẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1. Khái quát văn học Việt Nam thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII	- Đọc: <i>Văn học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII</i> , tr. 9 - 45 . - Chuẩn bị câu hỏi: Đặc điểm loại hình của VHVNTĐ.	Theo sự sắp xếp của trường	
	2. Văn học Việt Nam thế kỷ X -thế kỷ XIV	Đọc: <i>Văn học Việt Nam thế kỷ X- nửa đầu thế kỷ XVIII</i> , tr. 46 - 156. - Chuẩn bị câu hỏi: Đặc điểm của VHVN thế kỷ X- XIV.	Theo sự sắp xếp của trường	
Lý thuyết	3. Văn học Việt Nam thế kỷ XV	Đọc: <i>Văn học Việt Nam thế kỷ X- nửa đầu thế kỷ XVIII</i> , tr.157 - 214.	Theo sự sắp xếp của trường	
	4. Nguyễn Trãi	- Đọc: <i>Văn học Việt Nam thế kỷ X- nửa đầu thế kỷ XVIII</i> , tr. 205- 266 - Chuẩn bị câu hỏi: Những thành tựu chủ yếu của văn chương Nguyễn Trãi.		
	5. Lê Thánh Tông và Hội Tao đàn	- Đọc: <i>Văn học Việt Nam thế kỷ X- nửa đầu thế kỷ XVIII</i> , tr.291 – 319. - Chuẩn bị câu hỏi: Những cống hiến của Lê Thánh		

		Tổng cho văn học dân tộc.		
	6. Văn học Việt Nam thế kỷ XVI -nửa đầu thế kỷ XVIII	- Đọc: <i>Văn học Việt Nam thế kỷ X- nửa đầu thế kỷ XVIII</i> , tr.355 – 594. - Chuẩn bị câu hỏi: Đặc điểm của văn học Việt Nam thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII.	Theo sự sắp xếp của trường	
	7. Nguyễn Bình Khiêm			
	8. <i>Truyền kỳ mạn lục</i>			
Thảo luận	1. Tính chất ước lệ của VHVNTĐ			
	2. Lý giải những thành tựu chủ yếu của văn chương Nguyễn Trãi			
Tự học	Hướng dẫn	Đọc tài liệu, ghi chép		
Tư vấn	Tư vấn về học phần	Chuẩn bị câu hỏi		

12. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên

- Yêu cầu sinh viên nghe bài giảng đầy đủ.
- Sinh viên phải chủ động và tích cực trong đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, đề xuất những vấn đề của học phần mà mình chưa nắm vững để giáo viên giải đáp.
- Sinh viên phải hoàn thành học phần theo quy định.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học:

Các phương thức kiểm tra đánh giá: kiểm tra -đánh giá thường xuyên và kiểm tra-đánh giá định kỳ.

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ.

- Hình thức kiểm tra và thi: tự luận.

Tỷ trọng của hai nội dung này chiếm 3/10 điểm kết quả học phần và được chia theo tỷ lệ 1-2.

Tỷ trọng điểm kết quả kiểm tra kết thúc học phần là 7/10.

Thang điểm 10.

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 2

1. Họ và tên giảng viên:

1. Họ tên: Vũ Thị Hà
Chức danh: Giảng viên chính
Học vị: Tiến Sĩ
Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Anh chuyên ngành Xây dựng
Địa chỉ: Khối 12 - P. Đội Cung – TP. Vinh
Điện thoại: NR: 0383.830726 ĐD: 0915.099229
2. Họ tên: Nguyễn Thị Lành
Chức danh: Giảng viên
Học vị: Thạc sĩ
Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Anh chuyên ngành Thuỷ Sản
Địa chỉ: SN 8C1 - Khối Yên Vĩnh – P. Hưng Phúc – TP. Vinh
Điện thoại: NR: 0383.597155 ĐD: 0936531777

2. Tên học phần: TIẾNG ANH II

3. Mã học phần: NC11002

4. Số tín chỉ: 04

5. Loại học phần: Bắt buộc, kế tiếp

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 50
- Bài tập trên lớp: 10
- Tự học: 120

7. Mục tiêu học phần: Tiếng Anh II là học phần dành cho sinh viên đã được học môn tiếng Anh I. Sinh viên sau khi học học phần này cần đạt được một số mục tiêu như sau:

7.1. Kiến thức:

* Các vấn đề ngữ pháp cơ bản:

- Tenses (present perfect, past simple).
- Have to, should, must.
- Time and conditional clauses, What if....?,
- Verb patterns, infinitives.

* Từ vựng về các chủ đề: âm nhạc, nghề nghiệp, du lịch, tình cảm, thái độ.

7.2. Kỹ năng:

Học phần này giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt là kỹ năng đọc hiểu.

7.3. Thái độ:

Sinh viên phải thấy được tầm quan trọng của học phần, cảm thấy hứng thú và có thái độ nghiêm túc, chủ động đối với học phần.

8. Tóm tắt nội dung học phần

Tiếng Anh II là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên trường Đại học Vinh sau khi đã học tiếng Anh I. Chương trình gồm có 8 bài, được phân bổ trong 60 giờ tín chỉ (tương đương với 4 tín chỉ). Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức tiếng Anh tổng quát cơ bản, giúp họ rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết (như đã nêu ở mục 7).

9. Nội dung chi tiết học phần

Học phần gồm 8 bài với nội dung chính về ngữ pháp, từ vựng, và các kỹ năng nghe, nói đọc, viết như sau:

Tín chỉ 1

Unit 7: Famous couples

- * Grammar
 - Present perfect and past simple
 - For and since
 - Tense revision
- * Vocabulary
 - Past participles
 - Bands and music
 - Adverbs
 - Word pairs
- * Writing
 - Relative clauses 2
 - Writing a biography
- * Speaking
 - Mingle – Find someone who....
 - Role play
 - Project
- * Reading: Celebrity interview
- * Listening: An interview with the band Style
- * Everyday English: Short answers

Unit 8: Do and don't

- * Grammar
 - have (got) to
 - Should
 - Must
- * Vocabulary
 - Jobs
 - Travelling abroad
 - Words that go together
 - Compound nouns
- * Writing: Formal letter
- * Speaking
 - Jobs – a game
 - Discussion – House rules
 - Role play, group work
- * Reading: Problem page
- * Listening
 - Holidays in January
 - At the doctor's
- * Everyday English: At the doctor's

Tín chỉ 2

Unit 9: Going places

- * Grammar
 - Time and conditional clauses
 - What if....?
- * Vocabulary: Hot verbs - Hotels

- * Writing: Linking words 2
- * Speaking
 - What will you do?
 - Discussion- What will life be like in the 21st century?
- * Reading: The world's first megalopolis
- * Listening: Life in 2050
- * Everyday English: In a hotel

Unit 10: Scared to death

- * Grammar
 - Verb patterns 2
 - Infinitives
- * Vocabulary
 - Shops
 - Describing feelings and situations
- * Writing: Formal and informal letters
- * Speaking
 - "When I was young"
 - Describing feelings
 - Role play - Tom and Jamie
- * Reading
 - "Don't look down"
 - "Into the wild"
- * Listening
 - "It was just a joke"
 - When I was young
- * Everyday English: Exclamations

Tín chỉ 3

Unit 11: Things that changed the world

- * Grammar: Passives
- * Vocabulary
 - Verbs and past participles
 - Verbs and nouns that go together
- * Writing: Writing a review of a book or a film
- * Speaking
 - Exchanging information about three plants
 - Discussion – which plants have been good and bad for the world?
- * Reading: Three plants that changed the world – tobacco, sugar, cotton
- * Listening:

The world most common habit: chewing gum – the history of chewing gum
- * Everyday English: Notices

Unit 12: Dreams and reality

- * Grammar
 - Second conditional
 - Might
- * Vocabulary: Phrasal verbs
- * Writing
 - Adverbs
 - Writing a story 2
- * Speaking
 - Giving advice – If I were you, I'd.....
 - Telling stories – tell the class a ghost story
- * Reading: The vicar who's a ghostbuster

- * Listening: An interview with a woman who heard voices
- * Everyday English: Social expressions

Tín chỉ 4

Unit 13: Earning a living

- * Grammar
 - Present perfect continuous
 - Present perfect simple versus continuous
- * Vocabulary
 - Jobs and the alphabet game
 - Word formation
 - Adverbs
- * Writing
 - Writing letters
 - Expressions in different kinds of letters
 - Formal and informal letters
- * Speaking
 - Information gap – Steven Spielberg
 - Discussion – What’s a good job?
 - Roleplay – phoning a friend
- * Reading: A funny way to earn a living – a rollerskater in a supermarket, a beachcomber, a hot air balloonist
- * Listening: Giving news – a telephone conversation between Craig and his mother
- * Everyday English: Telephoning

Unit 14: Love you and leave you

- * Grammar
 - Past perfect
 - Reported statements
- * Vocabulary: Words in context
- * Writing: Writing a story 3
- * Speaking
 - A love story: the end of the story – write your ideas
 - Arguments in families
 - What happens next in the story
- * Reading
 - A love story
 - A short story – “The tale of two silent brothers”
- * Listening
 - An interview with Carmen Day
 - A song – Talk to me
- * Everyday English: Saying goodbye

10. Học liệu

• Bắt buộc

1. Hutchinson, Tom (2004). *Lifelines (Pre- intermediate)*. Hai Phong Publishing House.
2. Soars, John and Liz (2003). *New Headway – English course (Pre- intermediate)*. VNU Publishing House.
3. Soars, John and Liz (2002). *Headway (Pre- intermediate)*. Da nang Publishing House.

• Tham khảo

1. Hartley, Bernard & Viney, Peter (2004). *New American Streamline*. Youth Publishing House.
2. Hartley, Bernard & Viney, Peter (2002). *Streamline English*. Information and Culture

- Publishing House.
3. Huddleston, R. (1995). *Introduction to the Grammar of English*. CUP
 4. Moutsou, E. and Sparker, S. (1998). *Enter the world of Grammar – Use of English*. MM Publications.
 5. Murphy. (1998) *English Grammar in use*. Oxford University Press.
 6. Palmer, F. (1990). *Grammar*. The Penguin Group, England.
 7. Thomson, A.J and Martinet, A.V. (1986) *A Practical English Grammar*. OUP.

11. Hình thức tổ chức dạy học

Môn **Tiếng Anh II** gồm 04 tín chỉ tương đương 60 giờ tín chỉ (1 giờ tín chỉ = 50 phút), được tiến hành trong 13 tuần.

Nội dung học phần chia ra các vấn đề/ tuần

Tuần	Hình thức tổ chức DH	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Unit
1 (3 giờ tín chỉ)	Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	Present perfect	Đọc quyển: - New Headway (Pre) Trang 136 - Grammar in use Trang 43- 51 - A practical English grammar Trang 165- Enter the world of grammar Trang 15 Chuẩn bị câu hỏi: - What is the Present perfect used for? - How can it be formed? - What are the differences of the Present perfect and the Past Simple?	Theo sự sắp xếp của trường	7
		2. For and since	Đọc quyển: - A practical English grammar Trang 187 Chuẩn bị câu hỏi: - How can “for” and “since” be used?		
		3. Adverbs	Đọc quyển: - New Headway (Pre) Trang 60 - A practical English grammar Trang 47 - Enter the world of grammar Trang 70 Chuẩn bị câu hỏi: - How can adverbs be formed and used?		
	Bài tập (0,5 giờ tín chỉ x 2 nhóm = 1 giờ tín chỉ)	1. Starter	Đọc quyển: - New Headway (Pre) Trang 143 Chuẩn bị câu hỏi: - What is the Past Simple and Past Participle of these verbs?		
		2. Famous Writers	Đọc quyển: - New Headway (Pre) Trang 54- 55 Làm các bài tập Trang 54- 55		
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm		

	Tự học (5 giờ tín chỉ)	1. Listen: Tapescripts 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5 2. Practice 3. Homework: 1,2,3,5,6, 9	- Nghe và tham khảo Tapescripts 7.1,7.2,7.3,7.4,7.5 New Headway (Pre) Trang 122 Làm bài tập Trang 55- 56 Làm bài tập 1,2,3,5, 6, 9 phần workbook Unit 7		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần	Chuẩn bị:		
2 (3 giờ tín chỉ)	Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	1. Relative clauses	Xem bài tập 10 phần workbook Unit 7 Chuẩn bị câu hỏi: How can Who, which, and that used as the subject or the object of a relative clause?		
		2. Writing a biography	Xem bài tập 11 phần workbook Unit 7 Chuẩn bị câu hỏi: - What is the form of a biography?		
		3. Short answers	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 61 Chuẩn bị câu hỏi: - How can short answers be formed?		
	Bài tập (0,5 giờ tín chỉ x 2 nhóm = 1 giờ tín chỉ)	1. Everyday English: Short answers	Làm bài tập Trang 61 New Headway (Pre)		
		2. Reading: Celebrity interview	Độc quyền: New Headway (Pre) Trang 58- 59 Chuẩn bị câu hỏi: - Which celebrities are in the news at the moment? - Why are they in the news? - What have they done? - Trả lời các câu hỏi khác cho bài khoá Trang 58- 59		
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm		
	Tự học (5 giờ tín chỉ)	1. Listen: Tapescripts 7.7, 7.8	Tapescripts 7.7, 7.8 New Headway (Pre) Trang 123		
		2. Listening and speaking: The band Style	Nghe và tham khảo Tapescript 7.6 New Headway (Pre) Trang 122-123, trả lời các câu hỏi trang 57		
		3. Vocabulary:	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 60 Làm các bài tập Trang 60		
		4. Homework: 4,7,8, 10, 11	Làm bài tập 4,7,8,10, 11 phần workbook Unit 7		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần			
3 (3 giờ tín chỉ)	Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	Have (got) to	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 137 - Enter the world of grammar Trang 35	Theo sự sắp xếp của trường	8

chỉ)			Chuẩn bị câu hỏi: - What are “have to” and “have got to” used for? - How can they be used? - What are the differences between them?		
	Bài tập (0,5 giờ tín chỉ x 2 nhóm = 1 giờ tín chỉ)	1. Starter	Trả lời các câu hỏi trong phần Starter New Headway (Pre) Trang 62		
		2. Work, work	Độc quyền: New Headway (Pre) Trang 62 Trả lời các câu hỏi và làm bài tập Trang 62		
		3. Practice	Làm bài tập Trang 63		
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm		
	Tự học (5 giờ tín chỉ)	1. Listen: Tapescripts 8.1, 8.2	- Nghe và tham khảo Tapescripts 8.1, 8.2 New Headway (Pre) Trang 123		
		2. Homework: 1,2,3,4,5	Làm bài tập 1,2,3,4,5 phần workbook Unit 8		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần			
4 (3 giờ tín chỉ)	Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	Should, must	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 137-138 - Enter the world of grammar Trang 27- 39 - English Grammar in use Trang 100- 105, 106- 109 - A practical English grammar Trang 141 Chuẩn bị câu hỏi: - What do “should” and “must” mean? - How can they be used? - What are the differences between them?	Theo sự sắp xếp của trường	
	Bài tập (0,5 giờ tín chỉ x 2 nhóm = 1 giờ tín chỉ)	Reading and speaking: problem page	Độc quyền: New Headway (Pre) Trang 66- 67 Chuẩn bị câu hỏi: - What sort of problems do people write in with? - Do you think problem pages are a good idea? Why? Why not? - Would you write to a problem page? Do you ever read them? - Trả lời các câu hỏi khác cho bài khoá Trang 66- 67		
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm		
	Tự học (5 giờ tín chỉ)	1. Listen: Tapescripts 8.3, 8.4, 8.5	- Nghe và tham khảo Tapescripts 8.3,8.4, 8.5 New Headway (Pre) Trang 123,124		

		2. Problems, Problems	Độc quyền: New Headway (Pre) Trang 64 và làm các bài tập				
		3. Practice	Làm các bài tập trang 64				
		4.Homework: 6,7,8,9	Làm bài tập 6,7,8,9 phần workbook Unit 8				
	Tư vấn	Tư vấn về học phần					
5 (3 giờ tín chỉ)	Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	A formal letter	Tham khảo bài tập 11 phần workbook Unit 8 Chuẩn bị câu hỏi - What is the form of a formal letter? - What are the differences of a formal and an informal letter?	Theo sự sắp xếp của trường			
	Bài tập (0,5 giờ tín chỉ x 2 nhóm = 1 giờ tín chỉ)	1. Vocabulary: Words that go together	Làm bài tập Trang 68				
		2. Everyday English: At the doctor's	Làm bài tập Trang 69				
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm				
	Tự học (5 giờ tín chỉ)	1. Listen: Tapescripts 8.6, 8.7	- Nghe và tham khảo Tapescripts 8.6, 8.7 New Headway (Pre) Trang 124				
		2.Homework: 10, 11	Làm bài tập10, 11 phần workbook Unit 8				
	Tư vấn	Tư vấn về học phần					
6	Kiểm tra giữa kì (1 giờ tín chỉ)						
6 (2 giờ tín chỉ)	Lý thuyết (1 giờ tín chỉ)	1. Will	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 138 - English grammar in use Trang 22-27 - A practical English grammar Trang 149 - Enter the world of grammar Trang 34- 35 Chuẩn bị câu hỏi: - How can “will” be used?	Theo sự sắp xếp của trường	9		
		2. Time clauses	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 138 - English grammar in use Trang 31 - Enter the world of grammar Trang 127 Chuẩn bị câu hỏi: - What is time clause? - How can it be formed?				
	Bài tập (0,5 giờ tín	Reading and speaking: The	Độc quyền: New Headway (Pre) Trang 74- 75				

	chỉ x 2 nhóm = 1 giờ tín chỉ)	world's first megalopolis	Trả lời các câu hỏi cho bài khoá		
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm		
	Tự học (5 giờ tín chỉ)	1. Listen: Tapescripts 9.2	- Nghe và tham khảo Tapescripts 9.2 New Headway (Pre) Trang 124		
		2. Practice	Làm bài tập 1 phần Practice Tr 71		
		3. Homework: 6,7,8,9	Làm bài tập 6,7,8,9 phần workbook Unit 9		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần			
7 (3 giờ tín chỉ)	Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	Conditional clauses (First conditional)	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 138 - English grammar in use Trang 112 - Enter the world of grammar Trang 102 Chuẩn bị câu hỏi: - What is conditional clause? - What is first conditional? - How can they be formed?		
	Bài tập (0,5 giờ tín chỉ x 2 nhóm = 1 giờ tín chỉ)	1. Starter	Trả lời các câu hỏi trong phần Starter New Headway (Pre) Trang 70		
		2. The gap year	Làm bài tập Trang 70		
		3. Practice	Làm bài tập 2,3,4,5 phần Practice Trang 71- 72		
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm		
	Tự học (5 giờ tín chỉ)	1. Listening and speaking: Life in 2050	Nghe và tham khảo Tapescripts 9.4 New Headway (Pre) Trang 124, trả lời các câu hỏi trang 73		
		1. Listen: Tapescripts 9.1, 9.3	- Nghe và tham khảo Tapescripts 9.1, 9.3 New Headway (Pre) Trang 123		
		2. Homework: 1,2,3,4,5	Làm bài tập 1,2,3,4,5 phần workbook Unit 9		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần			
8 (3 giờ tín chỉ)	Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	1. Hot verbs - take, get, do, and make	Chuẩn bị câu hỏi: - How can we use these verbs?	Theo sự sắp xếp của trường	
		2. Discussing ideas	Tham khảo bài tập 11 phần workbook Unit 9 Chuẩn bị câu hỏi - How can we discuss ideas? - What are the linking words that can be used to discuss ideas?		
	Bài tập (0,5 giờ tín chỉ x 2 nhóm = 1 giờ tín chỉ)	Everyday English: In a hotel	Làm bài tập Trang 76- 77		
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm		

	Tự học (5 giờ tín chỉ)	1. Listen: Tapescripts 9.5,9.6	- Nghe và tham khảo Tapescripts 9.5,9.6 New Headway (Pre) Trang 124- 125		
		2. Vocabulary Hot verbs - take, get, do, and make	Làm bài tập Trang 76		
		3. Homework: 10, 11	Làm bài tập 10, 11 phần workbook Unit 9		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần			
9 (3 giờ tín chỉ)	Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	1. Infinitives	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 139 - Enter the world of grammar Trang 40 - A practical English grammar Trang 212 Chuẩn bị câu hỏi: - What are infinitives? - How can they be used?		10
		2. Verb patterns	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 139 - Enter the world of grammar Trang 40 - A practical English grammar Trang 212 Chuẩn bị câu hỏi: - What are Verb patterns? - How can they be formed?		
	Bài tập (0,5 giờ tín chỉ x 2 nhóm = 1 giờ tín chỉ)	1. Starter	Trả lời các câu hỏi phần Starter New Headway (Pre) Trang 78		
		2. Practice	Làm bài tập 1,2,4,5,6 Trang 79- 80		
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm		
	Tự học (5 giờ tín chỉ)	1. Listen: Tapescripts 10.3	- Nghe và tham khảo Tapescripts 10.3 New Headway (Pre) Trang 125		
		2. Homework: 1,2, 3,7,8	Làm bài tập 1,2,3,7,8 phần workbook Unit 10		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần			
10 (3 giờ tín chỉ)	Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	1. Used to	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 139 - A practical English grammar Trang 162 - Enter the world of grammar Trang 10 - English grammar in use Trang 79 Chuẩn bị câu hỏi: - What does “Used to” mean? - How can “Used to” be used?	Theo sự sắp xếp của trường	
		2. -ed/- ing adjectives	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 81		

			- A practical English grammar Trang 239- 244 - Enter the world of grammar Trang 154 - English grammar in use Trang 306 Chuẩn bị câu hỏi: - How can “-ed/- ing adjectives” be used?		
	Bài tập (0,5 giờ tín chỉ x 2 nhóm = 1 giờ tín chỉ)	2. A walk with death	Độc quyền: New Headway (Pre) Trang 78- 79 Trả lời các câu hỏi cho bài khoá		
		3. Vocabulary	- Làm bài tập phần Vocabulary Trang 81		
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm		
	Tự học (5 giờ tín chỉ)	1. Listen: Tapescripts 10.1, 10.2, 10.4, 10.5	- Nghe và tham khảo Tapescripts 10.1, 10.2, 10.4, 10.5 New Headway (Pre) Trang 125.		
		2. Practice	Làm bài tập 3 trang 80		
		3. Homework: 5, 6, 10, 11	Làm bài tập 5, 6, 10, 11 phần workbook Unit 10		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần			
11 (3 giờ tín chỉ)	Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	1. Exclamations with so and such	Độc quyền: - New Headway (Pre) Trang 85 - A practical English grammar Trang 299 - Enter the world of grammar Trang 159 - English grammar in use Trang 319 Chuẩn bị câu hỏi: - When do we use <i>so, such a(n), such, so many and so much</i> ? How can “so and such” be used to express exclamations?	Theo sự sắp xếp của trường	
		2. Formal and informal letters 1 Xem bài tập 12 phần workbook Unit 10	Chuẩn bị câu hỏi: - What are formal and informal letters? - What are the differences between them?		
	Bài tập (0,5 giờ tín chỉ x 2 nhóm = 1 giờ tín chỉ)	Reading and speaking: Into the wild	Độc quyền: New Headway (Pre) Trang 82- 83 Trả lời các câu hỏi cho bài khoá		
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm		
	Tự học (5 giờ tín chỉ)	1. - Listening and speaking: It was just a joke - Listen: tapescripts 10.7, 10.8	- Nghe và tham khảo Tapescripts 10.6, 10.7, 10.8 New Headway (Pre) Trang 125 và trả lời câu hỏi trang 84- 85.		

		2. Everyday English:	Làm bài tập phần Everyday English		
		3.Homework: 4, 9, 12	Làm bài tập 4, 9, 12 phần workbook Unit 10		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần			
12	Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	Review	Ôn lại kiến thức từ bài 7 đến bài 10	Theo sự sắp xếp của trường	
	Bài tập				
	Thảo luận		Theo phân công của nhóm		
	Tự học	(5 giờ tín chỉ)	Làm bài tập phần Review		
	Tư vấn	Tư vấn về học phần			
13	Dự trữ				

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các giờ lý thuyết, bài tập trên lớp, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài; đồng thời nghiêm túc, tự giác trong việc tự học và làm bài tập ở nhà.
- Thực hiện đúng các quy định về đánh giá chuyên cần, thái độ học tập, kiểm tra giữa kỳ cũng như thi hết môn.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

- Tham gia đầy đủ các giờ Lý thuyết, bài tập trên lớp, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài: 10% (đạt tối đa 1 điểm)
- Kiểm tra bài cũ + kiểm tra giữa kì: 20% (đạt tối đa 2 điểm)
- Kiểm tra kết thúc học phần bằng một bài kiểm tra viết: 70% (đạt tối đa 7 điểm)

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

HỌC PHẦN TỰ CHỌN 1
(Chọn 1 trong 3 học phần sau)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH VĂN BẢN TIẾNG VIỆT

1. Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hoài Nguyên Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS.

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ âm tiếng Việt, Ngôn ngữ học và Việt ngữ học, Phương ngữ tiếng Việt
Địa chỉ, điện thoại: SN 17, ngõ 87, đường Nguyễn Đình Chiểu, khối 16, Lê Lợi, thành phố Vinh, Nghệ An, Tel: 0383854578, 0912922305.

2. Tên học phần: Thực hành văn bản tiếng Việt

3. Mã học phần: NV10003

4. Số tín chỉ: 02

5. Loại học phần: tự chọn

Tiền quyết: không

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập trên lớp: 10 tiết
- Tự học: 60 tiết

7. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Tích lũy được những kiến thức cơ bản có hệ thống về tiếng Việt; hiểu đầy đủ về nội dung và phương pháp tạo lập và phân tích các đơn vị giao tiếp, biết tổ chức văn bản theo đặc trưng chuyên ngành; nắm được các hướng rèn luyện tiếng Việt trên các bình diện chính tả, từ ngữ, câu và văn bản.

- Kỹ năng: Nâng cao kỹ năng sử dụng, phân tích tiếng Việt; sử dụng đúng các quy tắc tiếng Việt, phát hiện và sửa chữa các lỗi trong sử dụng ngôn ngữ, thực hành soạn thảo các văn bản thông dụng.

- Thái độ, chuyên cần: Có thái độ coi trọng tiếng Việt, tích cực rèn luyện, trau dồi tiếng Việt trong giao tiếp nói chung và ứng dụng vào trong chuyên môn cụ thể ngày càng tốt hơn.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Những kiến thức cơ bản của *Thực hành phân tích văn bản tiếng Việt* gồm: khái quát các đặc điểm của tiếng Việt, vai trò của tiếng Việt, mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của bộ môn *Thực hành văn bản tiếng Việt*; khái quát văn bản, các loại văn bản thông dụng, quy trình tạo lập và tiếp nhận văn bản; rèn luyện về đoạn văn; rèn luyện viết câu trong văn bản; sử dụng từ ngữ và chính tả trong văn bản; các loại lỗi về văn bản và cách sửa chữa lỗi.

9. Nội dung chi tiết của môn học

Chương 1. Khái quát về tiếng Việt và bộ môn *Thực hành văn bản tiếng Việt*

1. Khái quát về tiếng Việt

- 1.1. Tiếng Việt và vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt
- 1.2. Vai trò của tiếng Việt
- 1.3. Đặc điểm của tiếng Việt

2. Bộ môn *Thực hành văn bản tiếng Việt*

- 2.1. Mục đích, yêu cầu
- 2.2. Nội dung của bộ môn *Thực hành văn bản tiếng Việt*

Chương 2. Thực hành phân tích và tạo lập văn bản

1. Khái quát về văn bản
 - 1.1. Khái niệm và các đặc điểm chính của văn bản
 - 1.2. Đơn vị văn bản và các loại quan hệ trong văn bản
 - 1.3. Phân loại văn bản
2. Thực hành phân tích văn bản khoa học
 - 2.1. Một số vấn đề về phân tích văn bản
 - 2.2. Thực hành phân tích văn bản khoa học
3. Thực hành tạo lập văn bản thông dụng
 - 3.1. Một số vấn đề chung
 - 3.2. Thực hành tạo lập văn bản thông dụng

Chương 3. Thực hành phân tích và tạo lập đoạn văn

1. Giải yếu về đoạn văn
 - 1.1. Khái niệm, đặc điểm
 - 1.2. Câu chủ đề của đoạn văn
 - 1.3. Cấu trúc của đoạn văn
 - 1.4. Lập luận trong đoạn văn
2. Thực hành phân tích đoạn văn
 - 2.1. Lưu ý khi phân tích đoạn văn
 - 2.2. Thực hành phân tích đoạn văn
3. Thực hành tạo lập đoạn văn
 - 3.1. Mục đích, yêu cầu viết đoạn văn
 - 3.2. Các bước viết đoạn văn
 - 3.3. Thực hành tách đoạn, chuyển đoạn, liên kết đoạn

Chương 4. Thực hành viết câu trong văn bản

1. Một số vấn đề chung
 - 1.1. Giải yếu về câu
 - 1.2. Yêu cầu viết câu trong văn bản
2. Luyện viết câu trong văn bản
 - 2.1. Các thao tác viết câu trong văn bản
 - 2.2. Biến đổi câu trong văn bản
3. Các loại lỗi thường gặp về câu
 - 3.1. Lỗi về cấu tạo ngữ pháp
 - 3.2. Lỗi về quan hệ ngữ nghĩa
 - 3.3. Lỗi về dấu câu
 - 3.4. Lỗi về phong cách

Chương 5. Dùng từ và chính tả trong văn bản

1. Dùng từ trong văn bản
 - 1.1. Yêu cầu về dùng từ trong văn bản
 - 1.2. Các thao tác dùng từ trong văn bản
 - 1.3. Các loại lỗi dùng từ trong văn bản
2. Chính tả tiếng Việt
 - 2.1. Một số vấn đề chung
 - 2.2. Luyện tập chính tả tiếng Việt

10. Học liệu

- Giáo trình chính

1. Phan Mậu Cảnh, Hoàng Trọng Canh, Nguyễn Văn Nguyên, *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Nghệ An, 2009.

2. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1996.

3. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng, *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.

- Tài liệu tham khảo

1. Lê A (chủ biên), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996.
2. Phan Mậu Cảnh, *Lý thuyết và thực hành văn bản tiếng Việt*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2008.
3. Vương Hữu Lễ, Đinh Xuân Quỳnh, *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1998.
4. Phan Thiều, *Rèn luyện ngôn ngữ*, tập 1, 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.
5. Bùi Minh Toán, *Từ trong hoạt động giao tiếp*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

11. Hình thức tổ chức dạy học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	1. Khái quát về tiếng Việt và bộ môn <i>Thực hành văn bản tiếng Việt</i>	Đọc quyển <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Phan Mậu Cảnh,...) từ trang 7 đến 13. <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Bùi Minh Toán,...) từ trang 8 đến trang 21.	Tuần 1, 2 (2 tiết) Trên giảng đường	
	2. Thực hành phân tích và tạo lập văn bản	Đọc <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Phan Mậu Cảnh,...) từ trang 14 đến trang 96. <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Nguyễn Minh Thuyết) từ trang 47 đến 61, từ trang 118 đến tr.171. <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Bùi Minh Toán,...) từ trang 22 đến tr. 36, từ tr. 73 đến tr. 140	Tuần 3, 4, 4, 5, 6 (8 tiết) Trên giảng đường	
	3. Thực hành phân tích và tạo lập đoạn văn	Đọc <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Phan Mậu Cảnh) từ tr. 97 đến tr. 146. <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Nguyễn Minh Thuyết) từ tr. 68 đến tr. 88	Tuần 7, 8, 9 (6 tiết) Trên giảng đường	
	4. Thực hành viết câu trong văn bản	Đọc <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Phan Mậu Cảnh) từ tr. 147 đến tr. 162. <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Nguyễn Minh Thuyết) từ tr. 172 đến tr. 230. <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Bùi Minh Toán,...) từ tr. 148 đến tr. 157.	Tuần 10, 11, 12 (2 tiết)	
	5. Thực hành dùng từ và chính tả trong văn bản	Đọc <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Phan Mậu Cảnh) từ tr. 163 đến tr. 178. <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Nguyễn Minh Thuyết) từ tr. 231 đến tr. 237. <i>Tiếng Việt thực hành</i> (Bùi Minh Toán) từ tr. 188 đến tr. 252.	Tuần 13, 14, 15 (2 tiết) Trên giảng đường	

Bài tập	1. Phân tích vẻ đẹp của tiếng Việt trong một số văn bản thơ. 2. Phân tích cấu trúc văn bản. 3. Phân tích cấu trúc đoạn văn. Chữa lỗi đoạn văn 4. Lỗi về câu, lỗi dùng từ và lỗi chính tả.	- Sinh viên làm các bài tập ở nhà. - Thực hiện các bài tập trên giảng đường ở những giờ thực hành.	Từ tuần 2 đến tuần 15. Ở nhà và trên giảng đường.	
Thực hành, thí nghiệm	Thực hiện các loại bài tập trên	Sinh viên lên bảng làm các loại bài tập 1, 2, 3, 4.	Từ tuần 2 đến tuần 15. Ở trên giảng đường.	
Thảo luận	1. Vai trò của tiếng Việt. 2. Các bước phân tích và tạo lập văn bản khoa học. 3. Các bước phân tích và tạo lập đoạn văn. 4. Vấn đề chuyển đổi câu trong văn bản. 5. Các thao tác dùng từ và vấn đề chính tả trong văn bản.	- Sinh viên chuẩn bị ở nhà (xây dựng đề cương các nội dung thảo luận). - Thực hiện thảo luận nhóm các vấn đề 1, 2, 3, 4, 5.	Từ tuần 2 đến tuần 15. Ở nhà và trên giảng đường.	
Tự học	Tự học một số nội dung theo hướng dẫn của giảng viên	Sinh viên đọc các giáo trình và tài liệu tham khảo.	Trong 15 tuần, (60 tiết). Ở thư viện và ở nhà.	
Tư vấn				

12. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên

- Ngoài tập bài giảng, cần có các giáo trình và tài liệu tham khảo.
- Dự các buổi lý thuyết, các xêmina, làm các loại bài tập, tham gia thảo luận theo từng nội dung.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá
Thảo luận, trắc nghiệm
Điểm chuyên cần, thái độ: 10%
Điểm kiểm tra giữa kì: 20%
Điểm kiểm tra cuối kì: 70%
- Thang điểm: 10/10.

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Họ và tên giảng viên:

- **Phạm Hồng Ban**

Học hàm, Học vị: GVC - Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: *Thực vật và Môi trường*

Điện thoại: 0915445545

- **Đào Khang**

Học hàm, Học vị: GVC - Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: *Địa lý tự nhiên*

Điện thoại: 0912627198

2. Tên học phần: Môi trường và Con người

3. Mã học phần: MT11003

4. Số tín chỉ: 2

5. Loại học phần: Bắt buộc (thuộc Kiến thức đại cương chung)

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 24/6/60

- *Giảng lý thuyết:* 24 tiết

- *Seminar:* 6 tiết

- *Tự học:* 60 tiết

7. Mục tiêu của học phần:

7.1. Kiến thức:

+ Đào tạo người học nắm vững kiến thức sâu rộng về khoa học môi trường và mối quan hệ giữa con người với môi trường, hoạt động của con người trong khai thác tài nguyên thiên nhiên, trách nhiệm của con người đối với môi trường thông qua giáo dục bảo vệ môi trường.

+ Từ kiến thức của học phần, giúp người học nắm được kiến thức của các ngành học khác, từ đó hiểu và bổ sung cho ngành học và tiếp tục học, nghiên cứu ở bậc cao hơn.

+ Trên cơ sở kiến thức đã học, người học có khả năng phân tích, tổng hợp, bình luận về các kiến thức liên quan đến vấn đề bức xúc hiện nay về môi trường đang diễn ra trên bề mặt trái đất.

7.2. Kỹ năng:

+ Hình thành và rèn luyện kỹ năng thực tiễn nghề nghiệp, nghiên cứu, thực hành quan sát, mô tả và phân tích các vấn đề môi trường, giáo dục bảo vệ môi trường.

+ Nội dung và thời lượng thảo luận nhóm trên lớp có khả năng hình thành cho người học kỹ năng làm việc theo nhóm.

+ Bố cục nội dung hợp lý, sắp xếp khoa học có khả năng hình thành cho người học kỹ năng phát triển tư duy, phát hiện, phân tích, giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường và phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.

+ Chương trình biên soạn theo yêu cầu đào tạo học chế tín chỉ, có thể đánh giá cách học - dạy và nghiên cứu.

7.3. Thái độ:

+ Chương trình có nội dung mang tính thời đại, có tính hấp dẫn cao làm cho người học yêu thích học phần, giáo dục người học có tình yêu đối với môi trường thiên nhiên, có trách nhiệm đối với môi trường và phát triển bền vững nói chung, môi trường và phát triển bền vững của quê hương nói riêng.

+ Giúp người học yêu quý, tôn trọng môi trường tự nhiên. Đặt người học vào vị trí một công dân của trái đất, có trách nhiệm đối với cộng đồng, với hành tinh.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản về môi trường, ảnh hưởng hoạt động của con người lên môi trường:

- Các vấn đề chung về môi trường: khái niệm môi trường, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu, chức năng của môi trường.

- Tác động của con người đến môi trường: Lịch sử tác động của con người đến môi trường, mối quan hệ giữa môi trường và con người, ảnh hưởng của phát triển khoa học và công nghệ lên môi trường, gia tăng dân số và hậu quả.

- Vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường.

- Những vấn đề môi trường toàn cầu, phát triển bền vững.

- Giáo dục bảo vệ môi trường

9. Nội dung chi tiết học phần và hình thức tổ chức dạy học:

Số giờ tín chỉ phải thực hiện: 2 tiết/tuần

Hình thức tổ chức DH	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian, địa điểm
Tín chỉ 1: Khái quát chung về Môi trường và Tác động của con người đến môi trường				
Lý thuyết	Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường 1.1. Khái niệm, phân loại môi trường 1.1.1. Khái niệm về môi trường 1.1.2. Phân loại môi trường 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nhiệm vụ 1.3. Chức năng của môi trường 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên 1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật 1.3.4. Chức năng làm giảm nhẹ các tác động có hại tới con người và sinh vật 1.3.5. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin	3	- Đọc tài liệu số 1.	Lớp học
	Chương 2. Tác động của con người đối với môi trường 2.1. Lịch sử tác động của con người đến môi trường 2.1.1. Thời kỳ hái lượm 2.1.2. Thời kỳ săn bắt và đánh cá 2.1.3. Thời kỳ chăn thả 2.1.4. Thời kỳ nông nghiệp 2.1.5. Thời kỳ công nghiệp hoá 2.1.6. Thời kỳ đô thị hoá 2.1.7. Thời kỳ siêu công nghiệp hoá 2.2. Tác động của con người đến các thành phần môi trường	5	- Đọc tài liệu số 1 & 2.	Lớp học

	2.2.1. Tác động của con người đến đất - rừng trên lục địa 2.2.2. Tác động của con người đến biển và đại dương 2.3. Mối quan hệ giữa con người và môi trường 2.3.1. Vị trí của con người trong sinh quyển 2.3.2. Tác động của con người đến môi trường 2.3.3. Tác động của môi trường đến con người 2.4. Ảnh hưởng của khoa học và công nghệ lên môi trường 2.4.1. Ảnh hưởng của hoạt động công nghiệp đến môi trường - Công nghiệp năng lượng - Công nghiệp hoá chất - Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng - Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến Nông - Lâm - Thủy sản - Các ngành công nghiệp khác 2.4.2. ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp đến môi trường - Các cuộc cách mạng trong nông nghiệp - Lạm dụng thuốc trừ sâu, phân bón, thuốc kích thích tăng trưởng - Các hình thức canh tác, tưới tiêu không hợp lý 2.4.3. ảnh hưởng của các hoạt động kinh tế khác đến môi trường			
	Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên 3.1. Gia tăng dân số 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số - Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển - Dự báo phát triển dân số trên thế giới 3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam 3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh 3.2. Vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Phân loại tài nguyên 3.2.3. Tình hình sử dụng tài nguyên thiên nhiên trên thế giới - Tình hình sử dụng tài nguyên đất - Tình hình sử dụng tài nguyên nước - Tình hình sử dụng tài nguyên sinh vật - Tình hình sử dụng tài nguyên khoáng sản - Tình hình sử dụng tài nguyên nhiên liệu - năng lượng 3.2.4. Tình hình sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam	4	- Đọc tài liệu số 1 & 2	Lớp học
Thảo luận	1. Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên đất,	3	- Đọc tài liệu	Lớp học

	nước, sinh vật, khoáng sản ở Việt Nam và ở địa phương bạn 2. Tác động của gia tăng dân số đến môi trường ở Việt Nam và địa phương bạn		số 1 & 7 & 8 & 9 & 10	
Tự học	- Ảnh hưởng của các hoạt động kinh tế khác lên môi trường - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số - Tình hình sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở VN - Tài nguyên khoáng sản biển - Quản lý tài nguyên và môi trường biển	30	- Đọc tài liệu số 1 & 7 & 8 & 9 & 10	ở nhà, Thư viện
Tín chỉ 2: Ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững				
Lý thuyết	Chương 4. Ô nhiễm môi trường 4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường 4.2. Ô nhiễm môi trường nước 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước 4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới 4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục 4.3. Ô nhiễm môi trường không khí 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí 4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí 4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục 4.4. Ô nhiễm môi trường đất 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất 4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục 4.5. Các ô nhiễm khác	5	- Đọc tài liệu số 1 & 6 & 8	Lớp học
	Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững 5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu 5.1.1. Lắng đọng axit 5.1.2. Hiệu ứng nhà kính 5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn 5.2. Phát triển bền vững 5.2.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV 5.2.2. Nguyên tắc của PTBV 5.2.3. Các chỉ tiêu lượng hoá của PTBV	4	- Đọc tài liệu số 1 & 7 & 9	Lớp học
	Chương 6. Giáo dục môi trường 6.1. Các vấn đề chung về giáo dục bảo vệ môi trường 6.1.1. Mục tiêu và đối tượng của GDMT 6.1.2. Nội dung của GDMT	3	- Đọc tài liệu số 1 & 2	Lớp học

	6.2. Phương pháp và phương thức giáo dục bảo vệ môi trường 6.2.1. Phương pháp tiếp cận trong giáo dục bảo vệ môi trường 6.2.2. Các phương thức giáo dục bảo vệ môi trường 6.2.3. Thực trạng môi trường và bảo vệ môi trường ở Việt Nam			
Thảo luận	1. Thực trạng ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí ở Việt Nam và địa phương bạn. Đề ra các giải pháp hạn chế 2. Vấn đề PTBV ở Việt Nam 3. Xây dựng một bài thuyết trình về Giáo dục môi trường cho học sinh - THPT	3	- Đọc tài liệu số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	Lớp học
Tự học	- Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục - Hậu quả của ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục - Tác động của hiệu ứng nhà kính - Thực trạng môi trường và bảo vệ môi trường ở Việt Nam	30	- Đọc tài liệu số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.	ở nhà, Thư viện

10. Học liệu:

10.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Văn Khoa - *Khoa học môi trường*. Nxb Giáo dục, 2001.
2. Lê Thông - *Dân số, môi trường, tài nguyên*. Nxb Giáo dục, 2001.
3. Trần Kiên - *Sinh thái học và môi trường*. Nxb Giáo dục, 1999.

10.2. Tài liệu tham khảo:

4. Lưu Đức Hải - *Cơ sở khoa học môi trường*. Nxb ĐHQG Hà Nội, 2000.
5. Lê Văn Khoa - *Môi trường và phát triển bền vững miền núi*. NXB Giáo dục, 1997.
6. Nguyễn Văn Tuyên - *Sinh thái học và môi trường*. Nxb Giáo dục, 1998.
7. Nguyễn Chu Hồi - *Cơ sở tài nguyên và môi trường biển*. Nxb ĐHQG, 2005.
8. Trần Kông Tấu - *Tài nguyên đất*. Nxb ĐHQG, 2005.
9. Lê Thanh Vân - *Con người và Môi trường*. Nxb ĐHSP Hà Nội, 2004.
10. UNEP - *Sa mạc và hoang mạc hoá*. Ngày Môi trường Thế giới 5/6/2006.

11. Phân phối chương trình học phần:

Nội dung	Phân phối chương trình học phần					
	Lên lớp			TH, TN, Tham quan	Tự học, tự NC	Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
<i>Chương 1</i>	3	0	0	0	6	9
<i>Chương 2</i>	5	0	0	0	4	9
<i>Chương 3</i>	4	0	3	0	6	13
<i>Chương 4</i>	5	0	3	0	14	20
<i>Chương 5</i>	4	0	1	0	10	15
<i>Chương 6</i>	3	0	2	0	12	16

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Nghe giảng, dự giờ giảng đầy đủ trên lớp
- Chuẩn bị bài tập ở nhà
- Seminar thảo luận trên lớp

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- + Các phương thức kiểm tra đánh giá
 - Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận 1/10
 - Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, kiểm tra giữa kỳ: 2/10
 - Kiểm tra kết thúc học phần 7/10
- + Thang điểm: 10

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Họ và tên giảng viên:

-Phan Thị Cẩm Vân

Chức danh, học hàm, học vị: GV, Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu: - Xã hội học
- Công tác xã hội

Địa chỉ: Số 8 ngõ 6, Đ. Nguyễn Văn Cừ, TP Vinh - NA: ĐTDĐ 0988747477

- Đặng Thị Minh Lý

Chức danh, học hàm, học vị: GV, Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu: - Xã hội học
- Công tác xã hội

Địa chỉ: P. Hưng Bình, TP. Vinh, ĐTDĐ: 0976249014

2. Tên môn học: XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

3. Mã môn học: LS10003

4. Số tín chỉ: 02

5. Loại môn học: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết:	20 giờ
- Bài tập trên lớp, thực hành, hoạt động nhóm:	10 giờ
- Tự học:	60 giờ

7. Mục tiêu của môn học:

- Kiến thức:

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Xã hội học và phương pháp nghiên cứu xã hội học. Người học sẽ được tiếp cận với các khái niệm của xã hội học như: hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội, cơ cấu xã hội, xã hội hoá, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội...để nắm bắt và vận dụng vào nghiên cứu các vấn đề xã hội ở nước ta hiện nay.

- Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng tự tiếp cận tài liệu, các thông tin khoa học, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp, ứng xử và nhận thức xã hội. Làm quen với các kỹ năng cơ bản để tiến hành một đề tài nghiên cứu xã hội học

- Thái độ:

Sinh viên thấy được mối quan hệ giữa cá nhân, nhóm và xã hội, trên cơ sở đó đưa ra các nhận định đánh giá hoặc bình luận về các mối quan hệ xã hội. Rèn luyện cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp nhà xã hội học trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước.

8. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học Xã hội học đại cương nhằm cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất của Xã hội học: đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ, sự ra đời và phát triển xã hội học trên thế giới và ở Việt Nam. Giới thiệu một số khái niệm cơ bản được sử dụng trong nghiên cứu xã hội học và những kiến thức về phương pháp nghiên cứu xã hội học thực nghiệm.

9. Nội dung chi tiết môn học:

Tín chỉ 1: NHẬP MÔN XÃ HỘI HỌC

Chương 1:

ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA XÃ HỘI HỌC

- 1.1. Khái niệm.
- 1.2. Đối tượng nghiên cứu xã hội học
- 1.3. Quan hệ giữa xã hội và các ngành khoa học xã hội khác.
 - 1.3.1. Quan hệ giữa Xã hội học với Triết học
 - 1.3.2. Quan hệ giữa Xã hội học với Tâm lí học
- 1.4. Chức năng, nhiệm vụ của xã hội học
 - 1.4.1. Chức năng
 - 1.4.2. Nhiệm vụ

Chương 2

SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI HỌC

- 2.1. Các tiền đề cho sự ra đời của xã hội học
 - 2.1.1. Tiền đề kinh tế – xã hội
 - 2.1.2. Tiền đề chính trị – tư tưởng
 - 2.1.3. Tiền đề khoa học lí luận
- 2.2. Đóng góp của một số nhà xã hội học tiền bối
 - 2.2.1. Auguste Comte (1798 1857)
 - 2.2.2. Karl Marx (1818 – 1883)
 - 2.2.3. Emile Durkheim (1858 – 1917)
 - 2.2.4. Max Werber (1864 – 1920)
- 2.3. Sự phát triển của Xã hội học ở Việt Nam

Tín chỉ 2: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC

Chương 3

MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI HỌC

- 3.1. Cá nhân, Xã hội và Xã hội hoá
 - 3.1.1. Cá nhân
 - 3.1.2. Xã hội hoá
- 3.2. Hành động xã hội, Tương tác xã hội và Quan hệ xã hội
 - 3.2.1. Hành động xã hội
 - 3.2.2. Tương tác xã hội
 - 3.2.3. Quan hệ xã hội
- 3.3. Nhóm xã hội, Tổ chức xã hội,
 - 3.3.1. Nhóm xã hội
 - 3.3.2. Tổ chức xã hội
- 3.4. Cơ cấu xã hội, thiết chế xã hội
 - 3.4.1. Cơ cấu xã hội
 - 3.4.2. Thiết chế xã hội
- 3.5. Bất bình đẳng xã hội, Phân tầng xã hội, Di động xã hội
 - 3.5.1. Bất bình đẳng xã hội
 - 3.5.2. Phân tầng xã hội,
 - 3.5.3. Di động xã hội

Chương 4

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC

- 4.1. Các quy tắc của nghiên cứu Xã hội học
 - 4.1.1. Khái niệm nghiên cứu Xã hội học
 - 4.1.2. Khái niệm điều tra Xã hội học
 - 4.1.3. Các quy tắc chung của nghiên cứu Xã hội học
- 4.2. Các giai đoạn của một cuộc nghiên cứu Xã hội học

- 4.2.1. Giai đoạn chuẩn bị
 4.2.2. Giai đoạn thu thập thông tin
 4.2.3. Giai đoạn xử lý và phân tích thông tin, báo cáo kết quả

10. Học liệu:

1. Chung Á - Nguyễn Đình Tấn (chủ biên), *Nghiên cứu Xã hội học*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1997.
2. Phạm Tất Dong - Đỗ Nguyên Phương - Nguyễn Sinh Huy, *Xã hội học đại cương*, Viện đại học mở Hà Nội, 1997
3. Phạm Tất Dong – Lê Ngọc Hùng (chủ biên), *Xã hội học*, Nxb ĐHQG. Hà Nội 1997.
4. Tony Bilton và những người khác , *Nhập môn Xã hội học*, Nxb KHXH 1993
5. Nguyễn Sinh Huy (chủ biên), *Xã hội học đại cương*, Nxb ĐHQG, Hà Nội, 1996.
6. Phan Trọng Ngọ (chủ biên), *Xã hội học đại cương*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1997.
7. Phạm Văn Quyết , *Phương pháp nghiên cứu xã hội học* , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997

11. Hình thức tổ chức dạy học: Lý thuyết kết hợp với thực hành và tự học

Nội dung môn học	Hình thức tổ chức dạy học			
	Lên lớp		Tự học	Ghi chú
	Lý thuyết	Thảo luận		
Chương 1	5	3	15	
Chương 2	5	2	15	
Chương 3	5	2	20	
Chương 4	5	3	10	

Lịch trình dạy học cụ thể

Hình thức TCDH	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Địa điểm	Thời gian
Lý thuyết	Chương 1: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của Xã hội học 1.1. Khái niệm. 1.2. Đối tượng nghiên cứu xã hội học	- Đọc các tài liệu: 2,3,5,6 ở phần học liệu.	Lớp học	Tuần1
Tự học	<i>Tại sao nói: Xã hội học là một khoa học</i>		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	1.3. Quan hệ giữa xã hội và các ngành khoa học xã hội khác. 1.3.1. Quan hệ giữa Xã hội học với Triết học 1.3.2. Quan hệ giữa Xã hội học với Tâm lí học	- Đọc các tài liệu: 2,3,5,6 ở phần học liệu.	Lớp học	Tuần2
Tự học	<i>Mối quan hệ giữa Xã hội học với Kinh tế học</i>		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	1.4. Chức năng, nhiệm vụ của xã hội học 1.4.1. Chức năng 1.4.2. Nhiệm vụ	Đọc các tài liệu 2,3,5,6: ở phần học liệu.	Lớp học	Tuần3
Tự học	<i>Cơ cấu của Xã hội học</i>		Thư viện ở nhà	

Lý thuyết	Chương 2: Sự ra đời và phát triển của Xã hội học trên thế giới và ở Việt Nam 2.1. Các tiền đề cho sự ra đời của xã hội học 2.1.1. Tiền đề kinh tế – xã hội	- Đọc tài liệu 1,3,5,6 phần học liệu	Lớp học	Tuần 4
Tự học	- <i>Cách mạng công nghiệp</i>		Thư iện, ở nhà	
Lý thuyết	2.1.2. Tiền đề chính trị – tư tưởng 2.1.3. Tiền đề khoa học lí luận	- Đọc tài liệu 1,3,5,6 phần học liệu.	Lớp học	Tuần 5
Tự học	- <i>Văn hoá Phục Hưng</i> - <i>Những điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu</i>	.	Thư iện, ở nhà	
Thảo luận	2.2. Đóng góp của một số nhà xã hội học tiền bối 2.2.1. Auguste Comte (1798 1857) 2.2.2. Karl Marx (1818 – 1883) 2.2.3. Emile Durkheim (1858 – 1917)	- Đọc các tài liệu: 1,3,5,6 ở phần học liệu - Lập đề cương thảo luận	Lớp học	Tuần 6
Tự học	2.2.4. Max Werber (1864 – 1920)		Thư iện, ở nhà	
Lý thuyết	2.3. Sự phát triển của Xã hội học ở Việt Nam	- Đọc các tài liệu: 1,3,5,6, ở phần học liệu	Lớp học	Tuần 7
Kiểm tra giữa kỳ	Giáo viên chủ động ra đề thi			
Tự học	<i>Vận dụng các nghiên cứu xã hội học vào công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay</i>		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	Chương 3 : Một số khái niệm cơ bản của Xã hội học 3.1. Cá nhân, Xã hội và Xã hội hoá 3.1.1. Cá nhân 3.1.2 Xã hội 3.1.3. Xã hội hoá	- Đọc các tài liệu: 1,3,4,5 ở phần học liệu.		Tuần 8
Tự học	- Các giai đoạn của quá trình xã hội hoá		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	Chương 3: (tiếp) 3.2. Hành động xã hội, Tương tác xã hội và Quan hệ xã hội 3.2.1. Hành động xã hội 3.2.2. Tương tác xã hội 3.2.3. Quan hệ xã hội	- Đọc các tài liệu: 1,2,3 ở phần học liệu.	Lớp học	Tuần 9
Tự học	- <i>Phân loại hành động xã hội</i> - <i>Phân loại Tương tác xã hội</i> - <i>Phân loại Quan hệ xã hội</i>		Thư iện, ở nhà	
Lý thuyết	3.3. Nhóm xã hội, Tổ chức xã hội, 3.3.1. Nhóm xã hội 3.3.2. Tổ chức xã hội	- Đọc các tài liệu: 1, 2, 3 ở phần học liệu.	Lớp học	Tuần10

Tự học	- <i>Phân loại nhóm</i> - <i>Phân biệt nhóm xã hội và đám đông</i>		Thư iện, ở nhà	
Lý thuyết	3.4. Cơ cấu xã hội, thiết chế xã hội 3.4.1. Cơ cấu xã hội 3.4.2. Thiết chế xã hội	- Đọc các tài liệu: 1,2,3,5 ở phần học liệu.	Lớp học	Tuần11
Tự học	- <i>Phân loại thiết chế xã hội</i>		Thư viện, ở nhà	
Thảo luận	3.5. <i>Bất bình đẳng xã hội, Phân tầng xã hội, Di động xã hội</i> 3.5.1. <i>Bất bình đẳng xã hội</i> 3.5.2. <i>Phân tầng xã hội,</i> 3.5.3. <i>Di động xã hội</i>	- Đọc các tài liệu: 1,2,3 ở phần học liệu. - Lập đề cương vấn đề thảo luận	Lớp học	Tuần12
Tự học	- <i>Các loại phân tầng xã hội</i> - <i>Các loại di động xã hội</i>		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	Chương 4: Phương pháp nghiên cứu xã hội học 4.1. Các quy tắc của nghiên cứu XHH 4.1.1. Khái niệm nghiên cứu XHH 4.1.2. Khái niệm điều tra XHH 4.1.3. Các quy tắc chung của nghiên cứu XHH	- Đọc các tài liệu: 3, 7 ở phần học liệu.	Lớp học,	Tuần13
Tự học	- <i>Khái niệm phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu</i>		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	Chương 4 (tiếp) 4.2. Các giai đoạn của một cuộc nghiên cứu Xã hội học 4.2.1. Giai đoạn chuẩn bị	- Đọc các tài liệu: 2, 3, 5, 7 ở phần học liệu.	Lớp học	Tuần14
Tự học	Xác định mẫu điều tra (Khái niệm chọn mẫu điều tra, ý nghĩa của điều tra chọn mẫu, dung lượng mẫu, yêu cầu chung của phương pháp chọn mẫu)		Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	4.2.2. Giai đoạn thu thập thông tin 4.2.3. Giai đoạn xử lý và phân tích thông tin, báo cáo kết quả nghiên cứu	- Đọc các tài liệu: 3, 7 ở phần học liệu.	Lớp học	Tuần15
Tự học	- Một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản của Xã hội học - Ôn tập lại các kiến thức đã học về đối tượng, chức năng, các khái niệm cơ bản... của Xã hội học đại cương		Thư viện, ở nhà	

12. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên:

- Người học phải tham gia nghe giảng và thảo luận ít nhất 80% số tiết quy định của môn học.

- Người học phải đi học đúng giờ, hoàn thành các bài tập theo quy định.
- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo nội dung của môn học đã nêu trên, có thức học tập và tinh thần xây dựng bài trên lớp.
- Hoàn thành tốt bài kiểm tra giữa môn học: 1 bài (nếu thiếu không được thi kết thúc môn)
- Dự thi kết thúc môn học: 1 bài.

13. Phương thức kiểm tra, đánh giá môn học

- Có điểm danh (sinh viên không được nghỉ quá 20 % số tiết), điểm chuyên cần, thái độ chiếm 1/10.
- Bài kiểm tra giữa môn học: 1 bài, phải đạt điểm tối thiểu 5 điểm, điểm chiếm tỷ lệ 5/10.
- Bài thi kết thúc môn học: 1 bài, phải đạt điểm tối thiểu 5 điểm, điểm chiếm tỷ lệ 7/10.
- Điểm môn học là trung bình chung của điểm chuyên cần + điểm kiểm tra giữa kỳ + điểm thi kết thúc môn học và phải đạt tối thiểu 5 điểm mới hoàn thành môn học.
- Thang điểm: 10

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỐNG KÊ XÃ HỘI HỌC

1. Cán bộ biên soạn chương trình và giảng dạy

1.1 Cán bộ biên soạn chương trình: Nguyễn Văn Quảng

- Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS.

- Hướng nghiên cứu chính: Lý thuyết xác suất và thống kê.

- Địa chỉ: Bộ môn XSTK & Toán ứng dụng - Khoa Toán - Trường Đại học Vinh

- Điện thoại: 038.3847421

1.2 Cán bộ tham gia giảng dạy : TS. Chu Trọng Thanh, ThS Nguyễn Thị Mỹ Hằng,
ThS Nguyễn Chiến Thắng.

2. Tên môn học: Thống kê xã hội học

3. Mã môn học: TN10008

4. Số tín chỉ: 2

5. Loại môn học: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Số giờ giảng lý thuyết: 24

- Số giờ bài tập trên lớp: 6

- Số giờ tự học: 60

7. Mục tiêu của môn học

7.1 Kiến thức: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về thống kê xã hội học, dùng làm công cụ để xử lý các số liệu trong các ngành khoa học xã hội.

7.2 Kỹ năng: Sinh viên phải biết vận dụng các kiến thức đã học trong giáo trình để giải được các bài tập đơn giản về xác suất và thống kê ứng dụng.

7.3 Thái độ: Qua môn học bồi dưỡng cho sinh viên năng lực tư duy khoa học, thái độ cần cù, nghiêm túc, ham học hỏi trong học tập và nghiên cứu.

8. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

Môn học này gồm có 3 chương hợp thành

Chương I nhằm hệ thống hoá lại và bổ sung một số kiến thức của Giải tích toán học dùng làm công cụ cho các chương sau

Chương II nhằm nghiên cứu một số vấn đề của lý thuyết xác suất có liên quan đến phân phối thống kê: các biến cố ngẫu nhiên và xác suất của chúng; các quy luật phân bố chi phối các đại lượng ngẫu nhiên (chủ yếu là đại lượng ngẫu nhiên rời rạc).

Chương III trình bày một số bài toán thống kê liên quan đến việc nghiên cứu các phương pháp thu thập và xử lý các số liệu thống kê nhằm rút ra các kết luận hoặc các quyết định cần thiết.

9. Nội dung chi tiết môn học

Chương I. Bổ túc về Giải tích toán học

1.1 . Giới hạn và tính liên tục của hàm số

1.2 . Đạo hàm và vi phân của hàm số.

1.3 . Tích phân bất định và tích phân xác định của hàm số; tích phân với cận vô hạn

1.4 . Chuỗi số: Định nghĩa, ví dụ và các tính chất cơ bản (Không chứng minh)

Chương II. Một số kết quả về xác suất

- 2.1. Chinh hợp, tổ hợp, hoán vị.
- 2.2. Biến cố và quan hệ giữa các biến cố.
 - 2.2.1. Biến cố không thể có, chắc chắn, ngẫu nhiên.
 - 2.2.2. Tổng, tích, hiệu các biến cố. Biến cố xung khắc, đối lập.
- 2.3. Xác suất.
 - 2.3.1. Định nghĩa xác suất cổ điển và định nghĩa xác suất theo tần suất.
 - 2.3.2. Các tính chất của xác suất.
- 2.4. Xác suất có điều kiện.
 - 2.4.1. Định nghĩa và ví dụ
 - 2.4.2. Tính chất.
 - 2.4.3. Tính độc lập của các biến cố.
- 2.5. Dãy phép thử Bécnu-li. Giới thiệu xác suất $P_n(m,p)$. Số có khả năng nhất.
- 2.6. Đại lượng ngẫu nhiên.
 - 2.6.1. Định nghĩa. Phân loại: Rời rạc, Liên tục.
 - 2.6.2. Bảng phân phối. Hàm mật độ.
- 2.7. Hàm phân phối.
 - 2.7.1. Định nghĩa. Các tính chất.
 - 2.7.2. Liên hệ giữa hàm phân phối và hàm mật độ.
- 2.8. Giới thiệu một số phân phối thường gặp (nhị thức, Poisson, đều, chuẩn...).
- 2.9. Các số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên
 - 2.9.1. Kỳ vọng
 - 2.9.2. Phương sai, độ lệch chuẩn.
 - 2.9.3. Các số đặc trưng khác

Chương III. Một số bài toán thống kê

- 3.1. Lý thuyết mẫu
 - 3.1.1. Mẫu đơn giản và phương pháp chọn mẫu
 - 3.1.2. Hàm phân bố thực nghiệm. Đa giác tần suất. Tổ chức đồ.
 - 3.1.3. Các đặc trưng mẫu: Kỳ vọng mẫu, phương sai mẫu và phương sai mẫu hiệu chỉnh.
- 3.2. Ước lượng
 - 3.2.1. Ước lượng điểm
 - 3.2.2. Ước lượng khoảng đối với kỳ vọng
 - 3.2.4. Ước lượng khoảng đối với xác suất
- 3.3. Vài bài toán kiểm định giả thiết đơn giản
 - 3.3.1. Đặt bài toán.
 - 3.3.2. Kiểm định giả thiết $\mu = \mu_0$.
 - 3.3.3. Kiểm định giả thiết $p = p_0$.
- 3.4. Tương quan và hồi quy
 - 3.4.1. Mẫu hai chiều
 - 3.4.2. Hệ số tương quan mẫu.
 - 3.4.3. Đường hồi quy tuyến tính thực nghiệm.

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

- [1] Đào Hữu Hồ, *Thống kê xã hội học*, NXB đại học quốc gia Hà Nội, 1996
- [2] L.Rumshiski. *Phương pháp toán học xử lý các kết quả thực nghiệm*, NXB KHKT 1972.
- [3] Đặng Hùng Thắng, *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, 1999.

10.2. Tài liệu tham khảo khác

- [1] Đào Hữu Hồ, *Xác suất thống kê*, NXB đại học quốc gia Hà Nội, 1996.
- [2] Đặng Hùng Thắng, *Mở đầu lý thuyết xác suất và các ứng dụng*, NXB Giáo dục, 1997.
- [3] L.Rumshiski. *Cơ sở lý thuyết xác suất M.* 1976 (Tiếng Nga).

11. Hình thức tổ chức dạy học.

- *Giảng viên*: Do thời gian quy định có hạn nên việc thực hiện chương trình cần tiến hành theo nguyên tắc sau: Cần làm cho học viên nắm vững các khái niệm, các định nghĩa cơ bản và các tính chất quan trọng của các khái niệm đó cũng như nêu lên mối liên hệ giữa các khái niệm. Chú ý cho nhiều thí dụ minh họa và các bài tập thực hành tương ứng. Lược bỏ các chứng minh khó, phức tạp.

- *Sinh viên*: Tự đọc tài liệu một số phần, dưới sự hướng dẫn của giảng viên; làm bài tập ở nhà; tự trao đổi thảo luận tại Seminar ở lớp, nhóm; đề xuất câu hỏi với giáo viên hoặc với các bạn học cùng lớp, nhóm.

- Kiểm tra thường xuyên giữa học kì: 1 lần.

- Thi kết thúc học phần (90 phút).

LỊCH TRÌNH CHUNG

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					
	Lên lớp			Thực hành, TN, Th. quan	Tự học, Tự NC	Tổng số
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Chương 1	3	1			8	12
Chương 2	9	2			22	33
Chương 3	12	3			30	45
Tổng	24	6			60	90

LỊCH TRÌNH DẠY HỌC CỤ THỂ

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, Địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết Bài tập Tự học Tư vấn	<i>Chương I</i> Bỏ túc về Giải tích toán học 1.5 . Giới hạn và tính liên tục của hàm số 1.6 . Đạo hàm và vi phân của hàm số. 1.7 . Tích phân bất định và tích phân xác định của hàm số; tích phân với cận vô hạn 1.8 . Chuỗi số: Định nghĩa, ví dụ và các tính chất cơ bản (Không chứng minh)	Đọc trước phần giáo trình sẽ dạy và làm bài tập ở mục trước	Tuần 1, 2	
Lý thuyết Bài tập Tự học Tư vấn	<i>Chương II</i> : Một số kết quả về xác suất 2.1 Chỉnh hợp, tổ hợp, hoán vị. 2.2 Biến cố và quan hệ giữa các biến cố. 2.3 Xác suất. 2.4 Xác suất có điều kiện. 2.5 Dãy phép thử Bécnuili. Giới thiệu xác suất $P_n(m,p)$. Số có khả năng nhất.	Đọc trước phần giáo trình sẽ dạy và làm bài tập ở mục trước	Tuần 5, 6, 7, 8	

	2.6 Đại lượng ngẫu nhiên. 2.7 Hàm phân phối. 2.8 Giới thiệu một số phân phối thường gặp (nhị thức, Poisson, đều, chuẩn...). 2.9 Các số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên			
Lý thuyết Bài tập Tự học Tư vấn	Chương III: Một số bài toán thống kê 3.1 Lý thuyết mẫu 3.2 Ước lượng 3.3 Vài bài toán kiểm định giả thiết đơn giản 3.4 Tương quan và hồi quy	Đọc trước phần giáo trình sẽ dạy và làm bài tập ở mục trước	Tuần 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15	

12. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 80% số giờ của môn học.
- Sinh viên phải có đủ 2 tài liệu chính [1] và [2] để học tập.
- Sinh viên phải tự đọc những nội dung môn học mà giảng viên đưa ra.
- Sinh viên cần phải chuẩn bị đầy đủ các bài tập.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:

- Giảng viên đánh giá thái độ chuyên cần trong học tập của sinh viên;
- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra thường xuyên, thời gian bài kiểm tra: 30 phút;
- Giảng viên kiểm tra kiến thức môn học của sinh viên bằng vấn đáp tại lớp;
- Kiểm tra sinh viên tự đọc các nội dung môn học mà giảng viên đưa ra;
- Giảng viên đánh giá việc chuẩn bị bài tập ở nhà của sinh viên;
- Giảng viên đánh giá kiến thức của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận;
- Sinh viên làm 1 bài thi kết thúc học phần với thời gian 90 phút;
- Điểm môn học (Thực hiện theo Quy chế đào tạo).

- Thang điểm: 10

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÔ GIC HỌC VÀ NGŨ NGHĨA TIẾNG VIỆT

Họ và tên giảng viên: Đặng Lưu

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Phong cách văn học, Ngôn ngữ nghệ thuật, Phép lập luận văn học và văn

Địa chỉ: 20 Ngõ 5, đường Đặng Nguyên Cẩn Điện thoại: 01689231585

2. Tên học phần: Lô gic học và ngữ nghĩa tiếng Việt

3. Mã học phần: NV20007

4. Số tín chỉ : 2

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

- Số giờ lý thuyết: 22
- Số giờ thực hành: 08
- Số giờ tự học: 60

7. Mục tiêu của học phần

7.1. Kiến thức

Sinh viên nắm được:

- Những kiến thức cơ bản về lô gic học đại cương
- Những vấn đề về lô gic ngữ nghĩa tiếng Việt ở các cấp độ: từ ngữ, câu, đoạn văn, văn bản.

7.2. Kỹ năng

- Phân tích tính lô gic của các hiện tượng ngôn ngữ trong đời sống và trong các văn bản.
- Chữa lỗi về lô gic thường gặp trong thực tế sử dụng tiếng Việt.

7.3. Thái độ, chuyên cần

- SV phải đọc những tài liệu tham khảo cơ bản về học phần có hướng dẫn trong mục *Học liệu*.

- Sinh viên phải có ý thức rèn luyện khả năng tư duy và sử dụng ngôn ngữ trong đời sống hằng ngày cũng như trong việc tạo lập văn bản theo những yêu cầu cụ thể.

- Bồi dưỡng thái độ nghiêm túc, chính xác, chặt chẽ trong khi học tập, nghiên cứu; đảm bảo sự chuyên cần trong học tập, kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về Lô gic học - một bộ môn có tác dụng thiết thực trong việc rèn luyện tư duy. Môn khoa học này có đối tượng riêng, có lịch sử phát triển lâu dài, có nội dung hết sức phong phú, liên quan mật thiết với nhiều lĩnh vực đời sống và mọi ngành khoa học. Là khoa học của tư duy, Lô gic học đặc biệt có mối liên hệ hữu cơ với Ngôn ngữ học, trong đó có Việt ngữ học. Nó cho thấy, bản thân tiếng Việt là một hệ thống chặt chẽ, đầy tính lô gic. Cho nên, học phần sẽ làm sáng tỏ vấn đề lô gic ngữ nghĩa của tiếng Việt ở

các cấp độ – một tiền đề thiết yếu đối với SV ngành Ngữ văn trước yêu cầu không ngừng nâng cao khả năng tư duy độc lập, sử dụng, nghiên cứu và dạy học tiếng Việt.

9. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN I: LÔ GÍC HỌC ĐẠI CƯƠNG

Chương 1: LÔ GÍC HỌC LÀ GÌ?

- 1.1. Định nghĩa về lô gíc học
 - 1.1.1. Từ nguyên
 - 1.1.2. Ý nghĩa
 - 1.1.3. Định nghĩa
- 1.2. Lịch sử lô gíc học
 - 1.2.1. Ở phương đông
 - 1.2.2. Ở phương tây
- 1.3. Phân loại lô gíc học
 - 1.3.1. Lô gíc kinh nghiệm và lô gíc khoa học
 - 1.3.2. Lô gíc hình thức và lô gíc biện chứng
- 1.4. Quan hệ giữa lô gíc học với các khoa học khác
- 1.5. Ý nghĩa, tác dụng của lô gíc học

Chương 2: NHỮNG QUI LUẬT CƠ BẢN CỦA HÌNH THỨC TƯ DUY

- 2.1. Đặc trưng của qui luật hình thức tư duy
 - 2.1.1. Qui luật là gì?
 - 2.1.2. Thế nào là qui luật hình thức tư duy?
 - 2.1.3. Những đặc trưng của qui luật hình thức tư duy
- 2.2. Các qui luật hình thức tư duy
 - 2.2.1. Qui luật đồng nhất
 - 2.2.2. Qui luật cấm mâu thuẫn
 - 2.2.3. Qui luật bài trung
 - 2.2.4. Qui luật lí do đầy đủ
 - 2.2.5. Mối quan hệ giữa các qui luật hình thức tư duy

Chương 3: NHỮNG HÌNH THỨC CƠ BẢN CỦA TƯ DUY

- 3.1. Khái niệm
 - 3.1.1. Khái niệm là gì?
 - 3.1.2. Hình thức ngôn ngữ biểu thị khái niệm
 - 3.1.3. Kết cấu lô gíc của khái niệm
 - 3.1.4. Quan hệ giữa các khái niệm
 - 3.1.5. Các kiểu lỗi trong sử dụng khái niệm
- 3.2. Phán đoán
 - 3.2.1. Phán đoán là gì?
 - 3.2.2. Hình thức ngôn ngữ biểu thị phán đoán
 - 3.2.3. Kết cấu lô gíc của phán đoán
 - 3.2.4. Phân loại phán đoán
 - 3.2.5. Một số kiểu lỗi trong xây dựng phán đoán
- 3.3. Suy luận
 - 3.3.1. Suy luận là gì?
 - 3.3.2. Những cơ sở để suy luận
 - 3.3.3. Các loại suy luận
 - 3.3.4. Một số kiểu sai lầm trong suy luận cần tránh

PHẦN II: LÔ GÍC NGŨ NGHĨA TIẾNG VIỆT

Chương 4: LÔ GÍC TRẬT TỰ TRONG TIẾNG VIỆT

- 4.1. Tính hình tuyến của ngôn ngữ và vấn đề lô gích trật tự trong ngôn ngữ
 - 4.1.1. Tính hình tuyến của ngôn ngữ
 - 4.1.2. Trật tự lô gích trong ngôn ngữ
 - 4.1.3. Vai trò của trật tự trong tiếng Việt
- 4.2. Vấn đề trật tự trong các cấp độ tiếng Việt
 - 4.2.1. Trật tự trong cấp độ từ
 - 4.2.2. Trật tự các thành phần câu và ngữ nghĩa của câu
 - 4.2.3. Trật tự giữa các câu và vấn đề liên kết lô gíc trong đoạn văn
 - 4.2.4. Quan hệ giữa các phần và tính chỉnh thể của văn bản

Chương 5: LÔ GÍC CỦA TIỀN GIẢ ĐỊNH VÀ HÀM NGÔN TRONG TIẾNG VIỆT

- 5.1. Tiền giả định
 - 5.1.1. Khái niệm tiền giả định
 - 5.1.2. Vấn đề lô gíc của tiền giả định trong tiếng Việt
- 5.2. Hàm ngôn
 - 5.2.1. Khái niệm
 - 5.2.2. Phân biệt hàm ngôn với tiền giả định
 - 5.2.3. Vấn đề lô gíc của hàm ngôn trong tiếng Việt

Chương 6: LÔ GÍC CỦA NHỮNG HIỆN TƯỢNG “PHI LÔ GÍC” TRONG TIẾNG VIỆT. LỖI VỀ LÔ GÍC TRONG SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT

- 6.1. Lô gíc của những hiện tượng “phi lô gíc”
 - 6.1.1. Cái lí của những thành ngữ, tục ngữ “phi lô gíc”
 - 6.1.2. Lô gích của những hiện tượng “phi lô gíc” trong thực tế sử dụng tiếng Việt
- 6.2. Lỗi về lô gíc trong sử dụng tiếng Việt, nguyên nhân, cách chữa
 - 6.2.1. Lỗi về lô gíc trong dùng từ
 - 6.2.2. Lỗi về lô gíc trong câu
 - 6.2.3. Lỗi về lô gíc trong đoạn văn và văn bản

10. Học liệu

10.1. Giáo trình chính

1. *Giáo trình Logic học* (2004) Lê Doãn Tá, Tô Duy Hợp, Vũ Trọng Dung (đồng chủ biên), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. *Logic và tiếng Việt* (1995), Nguyễn Đức Dân, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. *Logic – Ngôn ngữ học* (2003), Hoàng Phê, Nxb Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. *Tìm hiểu logic học* (1996), Lê Tử Thành, Nxb Trẻ.
2. Lý Toàn Thắng (2004), *Lý thuyết trật tự từ trong cú pháp*, Nxb KHXH, Hà Nội.
3. Nguyễn Đức Dân (1987), *Lô gích – ngữ nghĩa – cú pháp*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
4. Hoàng Phê (1985), “Thử vận dụng lô gíc mờ nghiên cứu một số vấn đề ngữ nghĩa”, *Ngôn ngữ*, số 1/1985, Hà Nội.
5. Đào Thản (1998), “Chuyển đổi trật tự âm tiết để tạo nên biến thể của từ trong các đơn vị từ vựng song tiết”, sách *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*, Nxb KHXH, Hà Nội, tr.76-84.

11. Hình thức tổ chức dạy học

11.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					
	Lên lớp			Thực hành	Tự học	Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Chương 1	2				10	12
Chương 2	2		2		10	15
Chương 3	2	1	1	2	10	16
Chương 4	2	1	1	2	12	18
Chương 5	2	1	1	2	8	14
Chương 6	1	1	1	2	10	15

11.2. Lịch trình dạy học cụ thể

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian Địa điểm
Lý thuyết	- Chương 1	- Đọc từ tr.7 đến tr.47 của giáo trình số 1; từ tr. 5 đến tr.23 của giáo trình số 2.	Tuần 1-2
	- Chương 2	- Đọc từ tr.102 đến tr.114 của giáo trình số 1.	Tuần 3-5
	- Chương 3	- Đọc từ tr.48 đến tr.157 của giáo trình số 1.	Tuần 6-8
	- Chương 4	- Đọc từ tr.7 đến tr.69 tài liệu tham khảo số 2.	Tuần 9-11
	- Chương 5	- Đọc từ tr.89-134 giáo trình số 3.	Tuần 12-13
	- Chương 6	- Đọc từ tr.214-247 của giáo trình số 2.	Tuần 14-15
Bài tập	- Thực hiện các thao tác lô gíc đối với khái niệm như: định nghĩa khái niệm, mở rộng và thu hẹp khái niệm, phân chia khái niệm. Tạo lập phán đoán theo mô hình. Từ tiền đề cho trước, trình bày suy luận theo yêu cầu	- Đọc các phần viết có liên quan trong các học liệu	Tuần 6-8
	- Phân tích lô gíc trật tự của những ngữ liệu ở các cấp độ: từ ngữ, câu, đoạn văn	- Nắm vững bài giảng của GV	Tuần 9-11
	- Từ những ngữ liệu cụ thể, phân tích và so sánh tiền giả định và hàm ngôn	- Đọc các mục có liên quan trong giáo trình số 2 và số 3.	Tuần 12-13

	- Phân tích tính hợp lí của những hiện tượng ngữ là phi lô gíc trong tiếng Việt; nhận diện và chữa các lỗi trong sử dụng tiếng Việt ở các cấp độ		Tuần 14-15
Thảo luận	- Cơ sở khách quan của các qui luật hình thức tư duy - Phân biệt nội hàm của khái niệm và nghĩa của từ ngữ biểu thị khái niệm; so sánh suy luận diễn dịch và suy luận qui nạp - Trật tự lô gíc và trật tự phi lô gíc trong tiếng Việt; quan hệ giữa trật tự lô gíc và ngữ nghĩa trong câu, đoạn. - Xác định tiền giả định và hàm ngôn trong một số trường hợp cụ thể; phân biệt hai vấn đề ở mỗi trường hợp - Phân biệt lỗi về lô gíc với những hiện tượng ngữ là phi lô gíc nhưng thực chất lại hợp lí tồn tại trong thực tế sử dụng tiếng Việt	- Tìm đọc các mục có liên quan trong những tài liệu đã giới thiệu - Đọc chương III, chương VI của giáo trình số 1 - Nắm vững bài giảng của GV - Đọc các mục có liên quan trong tài liệu số 3. - Đọc chương XV của giáo trình số 2	Tuần 3-5 Tuần 6-8 Tuần 9-11 Tuần 12-13 Tuần 14-15
Thực hành	- Nhận diện và phân tích lỗi về lô gíc qua thực tế giao tiếp và qua các văn bản từng đọc - Phân tích tính lô gíc trong đoạn đầu <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của Hồ Chí Minh - Tự phân tích và nhận xét tính lô gíc của một văn bản mà bản thân đã tạo lập (về cách sử dụng khái niệm, tạo câu, xây dựng đoạn và tổ chức văn bản)	- Tiếp xúc với các loại văn bản, bằng ngữ cảm của mình, nhận diện các lỗi về mặt lô gíc - Tìm đọc <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của Hồ Chí Minh - Đọc lại các bài tập làm văn mà bản thân từng viết thời học phổ thông hoặc những văn bản được viết trong quá trình học ở đại học	Tuần 6-10 Tuần 11-12 Tuần 13-15
Tự học	Đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo. Tìm hiểu thêm một số tài liệu mới liên quan đến nội dung môn học		Thực hiện đều đặn trong thời gian qui định đối với môn học

12. Qui định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- a) Nghe giảng đầy đủ tất cả các tiết lên lớp của giảng viên (số giờ xem bảng 1).
- b) Tham dự đầy đủ và có chất lượng các tiết thảo luận ở nhóm (số giờ xem bảng 1).
- c) Đọc đầy đủ (có ghi chép thu hoạch) các tài liệu tham khảo bắt buộc của môn học.
- d) Hai bài kiểm tra định kỳ của môn học: đạt từ điểm 5 trở lên.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

13.1. Các phương thức kiểm tra đánh giá

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Kiểm tra đánh giá định kỳ.

13.2. Thang điểm

- Điểm chuyên cần và thái độ tham gia học trên lớp: 10%.
- Điểm thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học: 20%.
- Điểm bài thi kết thúc môn học: 70% (Đề thi được rút ra từ bộ đề do nhóm giảng viên biên soạn).

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NHẬP MÔN LÝ LUẬN VĂN HỌC VÀ MỸ HỌC

1. Họ và tên giảng viên: Phan Huy Dũng, GVC, Tiến sĩ.

Hướng nghiên cứu chính: Thi pháp học, Văn học Việt Nam hiện đại..

Địa chỉ: Khối 9, Phường Trường Thi, TP Vinh.

Điện thoại: 0383.855793, 0914565912

2. Tên học phần: Nguyên lý lý luận văn học & Mỹ học

3. Mã học phần: NV20008

4. Số tín chỉ: 4

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Số giờ lý thuyết: 50
- Số giờ thực hành: 10
- Số giờ tự học: 120

7. Mục tiêu học phần:

3.1. *Kiến thức*: Trang bị cho sinh viên khoa Ngữ văn những kiến thức cơ bản, hiện đại, hệ thống và tương đối toàn diện về văn học và mỹ học để thực hiện mục tiêu đào tạo họ thành giáo viên dạy môn văn học và tiếng Việt ở trường phổ thông trung học.

3.2. *Kỹ năng*: Giúp cho sinh viên biết sử dụng những tri thức về lý luận văn học và mỹ học đã được học để học tập, nghiên cứu các bộ môn khác của khoa học văn học (Lịch sử văn học, Phê bình văn học), để cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân, và cho nghệ thuật, góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ phong phú, lành mạnh.

3.3. *Thái độ*: Có ý thức đọc những tài liệu đã được hướng dẫn trong mục *Học liệu*.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Phần *Nguyên lý lý luận văn học và Mỹ học* trình bày những nguyên lý tổng quát về văn học và mỹ học qua các vấn đề: Văn học là hình thái ý thức xã hội thẩm mỹ đồng thời là bộ môn nghệ thuật ngôn từ; ý thức xã hội trong văn học; Chức năng của văn học; Nhà văn- chủ thể sáng tạo văn học; Quá trình sáng tạo của nhà văn; Bạn đọc - chủ thể tiếp nhận của văn học; Phê bình văn học - một dạng đặc biệt của tiếp nhận văn học; Mỹ học là gì? Quá trình xác định đối tượng của mỹ học trong lịch sử. Đối tượng của mỹ học theo quan điểm hiện đại; Quan hệ thẩm mỹ; Chủ thể thẩm mỹ; Khách thể thẩm mỹ; Nghệ thuật; Đối tượng của nghệ thuật; Nội dung và hình thức của nghệ thuật; Nghệ thuật - hình thái biểu hiện cao nhất của quan hệ thẩm mỹ; Các loại hình nghệ thuật; Giáo dục thẩm mỹ; Các hình thức giáo dục thẩm mỹ.

9. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Nhập môn

1.1. Khoa học văn học với một số khoa học khác

1.1.1. Khoa học văn học với Mỹ học và Nghệ thuật học

1.1.2. Khoa học văn học với Ngôn ngữ học

1.1.3. Khoa học văn học với Sử học

1.2. Các bộ môn của khoa học văn học

- 1.2.1. Các bộ môn chủ yếu
 - 1.2.1.1. Lịch sử văn học
 - 1.2.1.2. Lý luận văn học
 - 1.2.1.3. Phê bình văn học
 - 1.2.2. Các bộ môn hỗ trợ
 - 1.2.2.1. Sử liệu học
 - 1.2.2.2. Thư mục học
 - 1.2.2.3. Văn bản học
 - 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ của Lý luận văn học
 - 1.3.1. Đối tượng của Lý luận văn học
 - 1.3.2. Nhiệm vụ của Lý luận văn học
 - 1.4. Khái quát lịch sử bộ môn Lý luận văn học
 - 1.5. Việc giảng dạy, học tập bộ môn Lý luận văn học ở Đại học sư phạm
- Chương 2. Văn học, hình thái ý thức xã hội đặc thù**
- 2.1. Đối tượng đặc thù của văn học
 - 2.2. Nội dung đặc thù của văn học
 - 2.3. Phương thức thể hiện đời sống đặc thù của văn học
- Chương 3. Tính giai cấp, tính nhân dân trong văn học**
- 3.1. Tính giai cấp của văn học
 - 3.1.1. Khái niệm tính giai cấp của văn học
 - 3.1.2. Tính giai cấp, thuộc tính tất yếu của văn học trong xã hội có giai cấp
 - 3.2. Tính nhân dân của văn học
 - 3.2.1. Khái niệm tính nhân dân của văn học
 - 3.2.2. Tiêu chuẩn xác định tính nhân dân trong tác phẩm văn học
- Chương 4. Bản sắc dân tộc của văn học**
- 4.1. Khái niệm bản sắc dân tộc của văn học.
 - 4.2. Biểu hiện bản sắc dân tộc trong tác phẩm văn học
 - 4.2.1. Biểu hiện ở nội dung
 - 4.2.2. Biểu hiện ở hình thức
 - 4.3. Quan hệ giữa bản sắc dân tộc và tính nhân loại, giữa bản sắc dân tộc và tính hiện đại
- Chương 5. Văn học, nghệ thuật ngôn từ**
- 5.1. Đặc trưng của nghệ thuật ngôn từ
 - 5.1.1. Tính hình tượng gián tiếp
 - 5.1.2. Tính tư duy trực tiếp
 - 5.1.3. Tính linh hoạt và khả năng biến hoá trong việc thể hiện không gian thời gian
 - 5.1.4. Tính dân chủ trong sáng tác và tiếp nhận
 - 5.2. Văn học với các loại hình nghệ thuật
 - 5.2.1. Một số vấn đề chung
 - 5.2.2. Văn học với âm nhạc
 - 5.2.3. Văn học với hội hoạ
- Chương 6. Nhà văn và quá trình sáng tác**
- 6.1. Nhà văn, chủ thể sáng tạo văn học
 - 6.1.1. Tư chất nghệ sĩ của nhà văn
 - 6.1.2. Con đường trau dồi tư chất nghệ sĩ của nhà văn
 - 6.1.3. Tư duy nghệ thuật của nhà văn
 - 6.1.4. Đặc điểm giới tính của nhà văn
 - 6.2. Quá trình sáng tác
 - 6.2.1. Từ rung động đến sáng tác
 - 6.2.2. Các giai đoạn của quá trình sáng tác
- Chương 7. Bạn đọc và quá trình tiếp nhận văn học**
- 7.1. Bạn đọc, chủ thể tiếp nhận văn học
 - 7.1.1. Khái niệm tiếp nhận văn học

7.1.2. Tính khả biến trong tiếp nhận văn học và vai trò của người đọc trong hoạt động tiếp nhận văn học

7.1.3. Hai hình thái người đọc

7.2. Quá trình tiếp nhận văn học

7.2.1. Khởi đầu tiếp nhận văn học

7.2.2. Diễn biến của tiếp nhận văn học

7.2.3. Hiệu quả của tiếp nhận văn học

Chương 8. Phê bình văn học, một dạng đặc biệt của tiếp nhận văn học

8.1. Khái niệm phê bình văn học.

8.2. Vai trò của hoạt động phê bình đối với đời sống văn học

8.2.1. Khám phá các giá trị tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm

8.2.2. Kêu gọi nhà văn sáng tạo ra những giá trị nghệ thuật mới theo hệ thống quan điểm xã hội- thẩm mỹ do phê bình thiết lập

8.2.3. Tác động đến độc giả, hình thành thị hiếu thẩm mỹ cho công chúng

8.3. Một số khuynh hướng phê bình văn học

8.3.1. Phê bình xã hội học

8.3.2. Phê bình thẩm mỹ

8.3.3. Phê bình đạo đức

8.3.4. Phê bình tâm lý

Chương 9. Đối tượng nghiên cứu của mỹ học

9.1. Quá trình xác định đối tượng của mỹ học trong lịch sử

9.1.1. Mỹ học là khoa học về cái đẹp

9.1.2. Mỹ học là triết học về nghệ thuật

9.2. Đối tượng mỹ học theo quan điểm hiện đại

9.2.1. Mỹ học nghiên cứu mối quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực

9.2.2. Mỹ học nghiên cứu nghệ thuật như là hình thái biểu hiện tập trung mỗi quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực

Chương 10. Khái quát về quan hệ thẩm mỹ

10.1. Khái niệm quan hệ thẩm mỹ và các bộ phận hợp thành quan hệ thẩm mỹ

10.1.1. Khái niệm quan hệ thẩm mỹ

10.1.2. Các bộ phận hợp thành quan hệ thẩm mỹ

10.2. Tính chất của quan hệ thẩm mỹ

10.2.1. Tính chất tinh thần

10.2.2. Tính chất xã hội

10.2.3. Tính chất cảm tính

10.2.4. Tính chất tình cảm

Chương 11. Chủ thể thẩm mỹ

11.1. Khái niệm chủ thể thẩm mỹ và các hình thức tồn tại của chủ thể thẩm mỹ

11.1.1. Khái niệm chủ thể thẩm mỹ

11.1.2. Các hình thức tồn tại của chủ thể thẩm mỹ

11.2. Ý thức thẩm mỹ- phạm trù biểu thị chủ thể thẩm mỹ

11.2.1. Bản chất của ý thức thẩm mỹ

11.2.2. Các thành tố cơ bản của ý thức thẩm mỹ

Chương 12. Khách thể thẩm mỹ

12.1. Khái niệm khách thể thẩm mỹ

12.2. Phạm trù biểu thị của khách thể thẩm mỹ

12.2.1. Cái đẹp

12.2.2. Cái cao cả

12.2.3. Cái bi

12.2.3. Cái hài

Chương 13. Nghệ thuật

- 13.1. Khái niệm nghệ thuật
 - 13.1.1. Tính nhiều nghĩa của khái niệm nghệ thuật
 - 13.1.2. Phân biệt hai khái niệm: cái thẩm mỹ và nghệ thuật
- 13.2. Đối tượng nghệ thuật
- 13.3. Nội dung và hình thức của nghệ thuật
 - 13.3.1. Nội dung của nghệ thuật
 - 13.3.2. Hình thức của nghệ thuật
 - 13.3.3. Quan hệ nội dung- hình thức của nghệ thuật
- 13.4. Nghệ thuật- lĩnh vực biểu hiện tập trung nhất quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực
 - 13.4.1. Vai trò của nghệ thuật trong việc sáng tạo ra cái đẹp
 - 13.4.2. Biểu hiện của cái đẹp trong nghệ thuật

Chương 14. Các loại hình nghệ thuật

- 14.1. Những quan điểm khác nhau trong việc phân chia các loại hình nghệ thuật
 - 14.1.1. Quan điểm của mỹ học duy tâm
 - 14.1.2. Quan điểm của mỹ học duy vật
- 14.2. Một số loại hình nghệ thuật cơ bản
 - 14.2.1. Nhóm nghệ thuật ứng dụng
 - 14.2.2. Nhóm nghệ thuật tạo hình
 - 14.2.3. Nhóm nghệ thuật biểu hiện
 - 14.2.4. Nhóm nghệ thuật tổng hợp
 - 14.2.5. Nghệ thuật ngôn từ

Chương 15. Giáo dục thẩm mỹ

- 15.1. Mục tiêu của giáo dục thẩm mỹ
 - 15.1.1. Mục tiêu chung
 - 15.1.2. Mục tiêu trực tiếp
- 15.2. Các hình thức cơ bản của giáo dục thẩm mỹ
 - 15.2.1. Giáo dục bằng lao động
 - 15.2.2. Giáo dục bằng những tấm gương sáng
- 15.2.3. Giáo dục bằng nghệ thuật
- 15.2.4. Giáo dục bằng hệ thống quan điểm thẩm mỹ tiên tiến, hiện đại

10. Học liệu

10.1. Giáo trình chính

- 1. Phương Lựu (chủ biên, 2002), *Lý luận văn học*, tập 1, *Văn học, Nhà văn, Bạn đọc*, Nxb ĐH Sư phạm.
- 2. Phương Lựu (chủ biên, 2004), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục.
- 3. Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân (1999, 2002,2007), *Mỹ học đại cương*, Nxb Giáo dục.

10.2. Tài liệu tham khảo

- 1. Hà Minh Đức (chủ biên, 2003), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục.
- 2. Lê Bá Hán- Trần Đình Sử- Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên, 2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục.
- 3. Nguyễn Văn Hạnh- Huỳnh Như Phương (1995), *Lý luận văn học- Vấn đề và suy nghĩ*, Nxb Giáo dục.
- 4. G.N.Pôxpêlôp (chủ biên, 1998), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, Nxb Giáo dục.
- 5. Lê Ngọc Trà, Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương (1994), *Mỹ học đại cương*, Nxb Thông tin, Hà Nội.

11. Hình thức tổ chức dạy học

NỘI DUNG HỌC PHẦN CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ/ TUẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sv chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lí thuyết	-Chương 1: Khoa Văn học với một số khoa học khác; Các bộ môn của khoa học văn học; Đối tượng nhiệm vụ của lí luận văn học -Chương 2: Văn học, hình thái ý thức xã hội đặc thù -Chương 3: Tính giai cấp, tính nhân dân trong văn học -Chương 4: Bản sắc dân tộc của văn học -Chương 5: Văn học, nghệ thuật ngôn từ -Chương 6: Nhà văn và quá trình sáng tác -Chương 7: Bạn đọc và tiếp nhận văn học -Chương 8: Phê bình văn học, một loại tiếp nhận đặc biệt -Chương 9: Đối tượng nghiên cứu của Mỹ học -Chương 10: Khái quát về quan hệ thẩm mỹ -Chương 11: Chủ thể thẩm mỹ -Chương 12: Khách thể thẩm mỹ -Chương 13 và 14: Nghệ thuật và các loại hình nghệ thuật -Chương 15: Giáo dục thẩm mỹ	-Độc tài liệu số 1, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.11 – 54, Tài liệu 2 (Giới thiệu ở mục 10.1), tr 11 - 40. -Độc tài liệu số 1, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.54 – 79 -Độc tài liệu số 1, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.102 – 136 -Độc tài liệu số 1, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.137 – 183 -Độc tài liệu số 1, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.184 – 205 -Độc tài liệu số 1, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.232 – 293 -Độc tài liệu số 1, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.324 – 373 -Độc tài liệu số 1, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.374 – 399 -Độc tài liệu số 3, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.2 – 17 -Độc tài liệu số 3, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.18 – 33 -Độc tài liệu số 3, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.34 – 67 -Độc tài liệu số 3, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.68 – 135 -Độc tài liệu số 3, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.135 – 194 -Độc tài liệu số 3, (Giới thiệu ở mục 10.1), tr.214 – 240	Tuần 1, Trường bố trí Tuần 2, Trường bố trí Tuần 3, Trường bố trí Tuần 4, Trường bố trí Tuần 5, Trường bố trí Tuần 6, Trường bố trí Tuần 7, Trường bố trí Tuần 8, Trường bố trí Tuần 9, Trường bố trí Tuần 10, Trường bố trí Tuần 11, Trường bố trí Tuần 12, Trường bố trí Tuần 13, Trường bố trí Tuần 14, Trường bố trí	

Bài tập	1. Quan niệm của Mỹ học cổ điển phương Đông và lý luận văn học hiện đại phương Tây về sự tiếp nhận của người đọc 2. Thuyết minh các khái niệm <i>người đọc tiềm ẩn, người đọc thực tế</i> . 3. Phân biệt hai khái niệm: <i>cái đẹp</i> và <i>nghệ thuật</i> .	Làm bài tập theo hình thức giáo viên yêu cầu.	Tuần 13, Trường bố trí Tuần 14, Trường bố trí Tuần 15, Trường bố trí	
Thảo luận	1. Tính đặc thù của văn học ở tư cách một hình thái ý thức 2. Tính đặc thù của văn học ở tư cách một loại hình nghệ thuật 3. Cảm xúc thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ, lý tưởng thẩm mỹ, cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài	Soạn đề cương thảo luận theo yêu cầu của cán bộ giảng dạy	Tuần 7, Trường bố trí Tuần 13, Trường bố trí	
Tự học	1. Tất cả các nội dung lý thuyết 2. Các câu hỏi thảo luận	Đọc tài liệu giáo viên hướng dẫn. Soạn các câu hỏi để thảo luận.		
Tư vấn	Giáo viên hướng dẫn về phương pháp học tập bộ môn	Yêu cầu sinh viên nêu ý kiến, câu hỏi đề xuất	Tuần 1	

12. Các quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

Để học tốt môn Nguyên lý lý luận văn học & mỹ học sinh viên cần phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu sau:

- Phải có và đọc các tài liệu đã ghi ở mục 6
- Làm đề cương khi tham gia thảo luận
- Đảm bảo số giờ học lý thuyết như quy định

13. Phương thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về giờ học trên lớp (số giờ học, thái độ học tập, tinh thần tham gia xây dựng bài,...): 10%
- Kiểm tra việc thực hiện các bài tập tự nghiên cứu theo yêu cầu và hướng dẫn của giáo viên: 20%
- Kiểm tra kết thúc học phần: 70%

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

PHẦN I: ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG

1- Thông tin về giảng viên

- 1.1. Họ và tên:** Trương Xuân Dũng
- Cấp bậc: Thượng tá - Phó giám đốc Trung tâm GDQP- Trường khoa GDQP.
- Điện thoại: 0912 445 914
1.2. Họ và tên: Trần Đường
- Cấp bậc: Trung tá - Giảng viên.
- Điện thoại: 0912 627 038
1.3. Họ và tên: Phùng Đình Cẩn
- Cấp bậc: Thượng tá - Giảng viên.
- Điện thoại: 0983 893 197

2. Thông tin chung

- **Số tín chỉ:** 02
- **Loại học phần:** Bắt buộc
- **Yêu cầu đối với học phần:** Sinh viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản về đường lối

quân sự của Đảng, phải cập nhật thông tin hàng ngày. Nghiên cứu các tài liệu, Nghị quyết của Đảng và các văn bản của Nhà nước về quốc phòng, an ninh.

- **Các hoạt động của học phần:** Nghe giảng tại lớp (có máy chiếu những tư liệu về chiến tranh). Thảo luận theo nhóm. Nghiên cứu tài liệu ở nhà (có hoạt động ngoại khoá như thăm quan bảo tàng, nhà truyền thống...).

3. Mục tiêu của học phần

*** Kiến thức:**

Học phần này giới thiệu cho người học những nội dung cơ bản về đường lối quân sự của Đảng, nhằm nâng cao kiến thức về chính trị, giúp người học nhận thức rõ những quan điểm cơ bản nhất của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua nội dung học tập và nghiên cứu để người học tự rèn luyện, trau dồi phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, góp phần xây dựng con người mới Việt Nam XHCN.

*** Kỹ năng:**

Trang bị cho người học kiến thức lý luận về đường lối quân sự của Đảng. Thông qua học tập, sinh viên được bồi dưỡng kỹ năng phân tích, xem xét và đánh giá các vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh của đất nước.

*** Thái độ:**

Bồi dưỡng cho người học phẩm chất chính trị, khả năng xem xét và đánh giá những vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh của đất nước. Nâng cao giác ngộ chính trị, tình yêu Tổ quốc, yêu quê hương, có lòng tin vững chắc đối với Đảng và chế độ XHCN.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Đường lối quân sự của Đảng* là học phần quan trọng trong chương trình GDQP cho sinh viên để cấp chứng chỉ GDQP, là điều kiện để công nhận tốt nghiệp đối với sinh

viên, bao gồm: Những quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc XHCN; xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Kết hợp kinh tế với củng cố quốc phòng an ninh. Đồng thời giới thiệu những nội dung cơ bản về truyền thống, nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc ta.

Phương hướng nghiên cứu: Nghiên cứu lịch sử Việt Nam, Lịch sử ĐCSVN..., tìm hiểu và nghiên cứu các chỉ thị và nghị quyết của Đảng về lĩnh vực quốc phòng, an ninh trước khi vào học những nội dung của học phần. Vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn.

5. Nội dung chi tiết

Tín chỉ 1:

QUAN ĐIỂM CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XHCN.

Chương 1: Một số quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh và quân đội

1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc

XHCN

2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê- Nin về bảo vệ Tổ quốc XHCN

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN

Chương 2: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt nam XHCN

1. Mục đích, đối tượng, tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc XHCN

1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

1.2. Tính chất, đặc điểm của CTND bảo vệ Tổ quốc

2. Những quan điểm của Đảng về CTND bảo vệ Tổ quốc

3. Một số nội dung chủ yếu của CTND bảo vệ Tổ quốc

3.1. Tổ chức thế trận CTND

3.2. Tổ chức lực lượng CTND

3.3. Phối hợp chặt chẽ giữa chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào với bạo loạn lật đổ từ bên trong.

Chương 3: Nghệ thuật quân sự Việt Nam

1. Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của tổ tiên

1.1. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc

1.2. Nội dung nghệ thuật đánh giặc

2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

2.1. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam

2.2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

Tín chỉ 2:

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN.

Chương 1: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh

1. Mục đích, tính chất, quan điểm xây dựng nền quốc phòng toàn dân

1.1. Khái niệm nền quốc phòng toàn dân

1.2. Mục đích xây dựng nền QPTD

1.3. Tính chất của nền QPTD

1.4. Những quan điểm cơ bản xây dựng nền quốc phòng toàn dân

2. Nội dung và biện pháp chủ yếu xây dựng nền quốc phòng toàn dân

2.1. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân

2.2. Một số biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Chương 2: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVT nhân dân trong thời kỳ mới

1.1. Khái niệm

1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng LLVT nhân dân

1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVT nhân dân trong thời kỳ mới.

2. Phương hướng và những biện pháp chủ yếu xây dựng LLVT nhân dân

2.1. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

2.2. Biện pháp chủ yếu xây dựng LLVT nhân dân

Chương 3: Kết hợp kinh tế với củng cố quốc phòng.

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng

1.1. Cơ sở lý luận

1.2. Thực tiễn kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Việt Nam

2. Nội dung và biện pháp kết hợp xây dựng kinh tế với quốc phòng

2.1. Quan điểm kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh của Đảng trong giai đoạn hiện nay

2.2. Một số nội dung kết hợp kinh tế với quốc phòng trong giai đoạn mới

2.3. Một số biện pháp kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh

6. Học liệu

- Giáo trình GDQP (dùng cho đào tạo giáo viên GDQP), Tập 2. NXBQĐND 2006 (bắt buộc phải có).

- Giáo trình GDQP. NXBQĐND 1992 (bắt buộc phải có).

- Giáo trình GDQP dùng trong các trường chính trị, hành chính, đoàn thể. NXB. QĐND 1998 (đọc thêm).

- Giáo trình GDQP. Tập 1. NXBGD 2002 (bắt buộc phải có).

- Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam. NXBQĐND 1996 (đọc thêm).

- Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, X (đọc thêm).

7. Hình thức tổ chức dạy học

TT	Nội dung tín chỉ	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hoạt động dạy học		Yêu cầu
				Người dạy	Người học	
1	Quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN	LT = 12 T.Luận = 3 Tự học = 30 tiết	Phòng học	Lên lớp theo phương pháp diễn giảng. Sử dụng máy chiếu, thiết bị để trình chiếu các tư liệu, phim ảnh..	Nghiên cứu tài liệu giáo trình tại nhà. - Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm	Mang mặc quân phục nghiêm túc, thực hiện theo quy định điều lệnh tại lớp học.
2	Một số quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng	LT = 12 T.Luận = 3 Tự học = 30 tiết	Phòng học	Lên lớp theo phương pháp diễn giảng. Sử dụng máy chiếu, thiết bị để trình chiếu các tư liệu, phim ảnh..	Nghiên cứu tài liệu giáo trình tại nhà. - Nghe giảng, ghi chép, thảo luận the nhóm	Mang mặc quân phục nghiêm túc, thực hiện theo quy định điều lệnh tại lớp học.

8. Các quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Giảng viên chuẩn bị bài giảng chu đáo.
- Sinh viên nghiên cứu giáo trình trước khi học tại lớp.
- Tham gia học tập đầy đủ, chấp hành nghiêm kỷ luật.
- Trang phục thống nhất theo quy định.

9. Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên: Việc tham gia học tập trên lớp chuyên cần, tích cực học tập, ghi chép bài nghiêm túc, phát biểu xây dựng bài.
- Kiểm tra đánh giá kết quả làm bài tập, thảo luận.
- Thi kết thúc học phần: Phương pháp tự luận.

PHẦN II: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Thông tin về giảng viên

- 1.1. *Họ và tên: Trương Xuân Dũng*
 - *Cấp bậc: Thượng tá - Phó giám đốc Trung tâm GDQP- Trưởng khoa GDQP.*
 - *Điện thoại: 0912 445 914*
 - *NR: 0383 274 303*
- 1.2. *Họ và tên: Phùng Đình Cẩn*
 - *Cấp bậc: Thượng tá - Giảng viên.*
 - *Điện thoại: 0983 893 197*
- 1.3. *Họ và tên: Trần Văn Thông*
 - *Cấp bậc: Đại úy - Giảng viên.*
 - *Điện thoại: 0989 640 989*
- 1.4. *Họ và tên: Trần Đường*
 - *Cấp bậc: Trung tá - Giảng viên.*
 - *Điện thoại: 0912 627 038*

2. Thông tin chung:

- **Số tín chỉ:** 02
- **Loại học phần:** Bắt buộc
- **Yêu cầu đối với học phần:** Sinh viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước, phải cập nhật thông tin hàng ngày. Nghiên cứu các tài liệu, nghị quyết của Đảng và các văn bản của Nhà nước về quốc phòng, an ninh.
- **Các hoạt động của học phần:** Nghe giảng tại lớp (sử dụng máy chiếu những tư liệu về công tác quốc phòng và an ninh). Thảo luận theo nhóm. Nghiên cứu tài liệu ở nhà (có hoạt động ngoại khoá như thăm quan bảo tàng, nhà truyền thống...).

3. Mục tiêu của học phần

* Kiến thức:

Học phần này nhằm giới thiệu cho người học những nội dung, nhiệm vụ cơ bản về công tác quốc phòng, an ninh trong giai đoạn hiện nay. Nhằm nâng cao kiến thức về chính trị, giúp người học nhận thức rõ những quan điểm cơ bản nhất của Đảng và Nhà nước ta đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh. Giúp cho sinh viên xác định đúng đắn trách nhiệm của mình trong việc thực hiện công tác quốc phòng, an ninh.

* Kỹ năng:

Trang bị cho người học kiến thức lý luận về đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác quốc phòng, an ninh. Thông qua học tập, sinh viên được bồi dưỡng kỹ năng phân tích, xem xét và đánh giá các vấn đề về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước.

*** Thái độ:**

Thông qua nội dung học tập và nghiên cứu, người học tự rèn luyện, bồi dưỡng tình cảm cách mạng, bản lĩnh chính trị của mình. Có lòng tin vững chắc đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần **Công tác quốc phòng - an ninh** là học phần lý luận cơ bản trong chương trình GDQP cho sinh viên, bao gồm 2 tín chỉ, nhằm giới thiệu cho người học các nội dung chủ yếu về: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; kết hợp kinh tế với củng cố quốc phòng; hiểu biết chung về biển, đảo của Tổ quốc; công tác quốc phòng ở các Bộ, ngành, địa phương. Đồng thời giới thiệu những nội dung và nguyên tắc cơ bản trong xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, lực lượng DBĐV và động viên công nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN trong giai đoạn mới.

Phương hướng nghiên cứu: Tìm hiểu và nghiên cứu các chỉ thị và nghị quyết của Đảng, các văn bản pháp luật về lĩnh vực quốc phòng, an ninh của Nhà nước trước khi vào học những nội dung của học phần.

5. Nội dung chi tiết

Tín chỉ 3:

NHỮNG QUAN ĐIỂM VÀ NHIỆM VỤ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG

Chương 1: Công tác quốc phòng ở Bộ, ngành, địa phương

1. Những vấn đề chung về công tác quốc phòng ở Bộ, ngành, địa phương

1.1. Đặc điểm liên quan công tác quốc phòng ở Bộ, ngành, địa phương

1.2. Vai trò của Bộ, ngành, địa phương đối với công tác quốc phòng

2. Nhiệm vụ cơ bản về công tác quốc phòng ở Bộ, ngành, địa phương

2.1. Nhiệm vụ của Bộ, ngành về công tác quốc phòng

2.2. Nhiệm vụ của địa phương về công tác quốc phòng

2.3. Một số biện pháp để thực hiện công tác quốc phòng ở Bộ, ngành, địa phương.

Chương 3: Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ

1. Những vấn đề chung về xây dựng DQTV

1.1. Khái niệm DQTV

1.2. Vị trí chức năng, đặc điểm của DQTV

1.2. Nhiệm vụ của Dân quân tự vệ

1.4. Quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2. Nội dung, biện pháp xây dựng lực lượng DQTV trong thời kỳ mới

2.1. Nội dung xây dựng lực lượng DQTV

2.2. Một số biện pháp xây dựng lực lượng DQTV trong giai đoạn hiện nay

Chương 4: Xây dựng lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp

1. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

1.1. Khái niệm, vị trí công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên

1.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

1.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2. Động viên công nghiệp

2.1. Vị trí động viên công nghiệp

2.2. Nội dung động viên công nghiệp

2.3. Nhiệm vụ động viên công nghiệp

2.4. Những biện pháp chủ yếu động viên công nghiệp

Tín chỉ 4:

NHỮNG QUAN ĐIỂM VÀ NHIỆM VỤ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC AN NINH

Chương 1: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam

1. Chiến lược "DBHB", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá CNXH.

1.1 Khái niệm.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển của chiến lược "DBHB", BLLĐ.

1. Chiến lược "DBHB", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam

1.1. Những hiểu biết chung về "DBHB", bạo loạn lật đổ

1.2. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch thực hiện chiến lược "DBHB", bạo loạn lật đổ chống phá cách mạng Việt Nam

2. Những biện pháp chủ yếu góp phần làm thất bại chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN

2.1. Luôn nắm vững mục tiêu, quan điểm, phương châm, nhiệm vụ

2.2. Tăng cường xây dựng và củng cố trận địa chính trị tư tưởng, văn hoá, giữ vững ổn định chính trị và an ninh xã hội

2.3. Nâng cao cảnh giác trước mọi luận điệu xuyên tạc của địch trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hoạt động khác

2.4. Trách nhiệm của sinh viên trong cuộc đấu tranh chống "DBHB", bạo loạn lật đổ

Chương 2: Một số hiểu biết cơ bản về biển, đảo của Tổ quốc

1. Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc

2. Biển, đảo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

2.1. Ý nghĩa chiến lược về kinh tế

2.2. Ý nghĩa chiến lược về quân sự

3. Chủ quyền biển, đảo của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam

3.1. Tình hình thực hiện chủ quyền biển, đảo của nước ta qua các thời kỳ

3.1.1. Thời kỳ trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam.

3.1.2. Thời kỳ thực dân Pháp xâm lược (1858 - 1954)

3.1.3. Thời kỳ đất nước bị chia cắt (1954 - 1975)

3.1.4. Thời kỳ đất nước thống nhất (từ năm 1975 đến nay)

3.2. Phạm vi, chủ quyền các vùng biển Việt Nam

3.3. Chủ quyền đảo, quần đảo

4. Quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về bảo vệ chủ quyền biển, đảo

4.2. Quá trình phân định các vùng biển giữa nước CHXHCN Việt Nam với các nước trong khu vực

6. Học liệu

- Giáo trình GDQP (dùng cho đào tạo giáo viên GDQP), Tập 2. NXBQĐND 2006 (bắt buộc phải có).

- Những vấn đề chung về biển, đảo Việt Nam. NXBQĐND 2004.

- Giáo trình GDQP. Tập 1. NXBGD 2002 (bắt buộc phải có)

- Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam. NXBQĐND, 1996 (đọc thêm)

- Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, X (đọc thêm)

7- Hình thức tổ chức dạy học

TT	Nội dung tín chỉ	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hoạt động dạy học		Yêu cầu
				Người dạy	Người học	
1	Quan điểm cơ bản về công tác quốc phòng	LT=12 T.Luận=3 T.học=30 tiết	Phòng học	Lên lớp theo phương pháp diễn giảng. Sử dụng máy chiếu, thiết bị để trình chiếu các tư liệu, phim ảnh..	Nghiên cứu tài liệu giáo trình tại nhà. - Nghe giảng, ghi chép, thảo luận	Mang mặc quân phục, nghiêm túc, thực hiện theo quy định điều lệnh tại lớp học.

2	Nội dung và nhiệm vụ cơ bản về công tác quốc phòng	LT=12 T.Luận=3 T.học= 30 tiết	Phòng học	Lên lớp theo phương pháp diễn giảng. Sử dụng máy chiếu, thiết bị để trình chiếu các tư liệu, phim ảnh..	Nghiên cứu tài liệu giáo trình tại nhà. - Nghe giảng, ghi chép, thảo luận.	Mang mặc quân phục, nghiêm túc, thực hiện theo quy định điều lệnh tại lớp học.
---	--	-------------------------------------	-----------	---	---	--

8. Các quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Giảng viên chuẩn bị bài giảng chu đáo.
- Sinh viên nghiên cứu giáo trình, tài liệu trước khi học tại lớp.
- Tham gia học tập đầy đủ, chấp hành kỷ luật học tập nghiêm túc.
- Trang phục thống nhất theo quy định.

9. Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên: Việc tham gia học tập trên lớp chuyên cần, tích cực học tập, ghi chép bài nghiêm túc, phát biểu xây dựng bài.
- Kiểm tra đánh giá kết quả thảo luận, làm bài tập.
- Thi kết thúc học phần: Phương pháp tự luận.

PHẦN III: KỸ - CHIẾN THUẬT BỘ BINH

1. Thông tin về giảng viên

1.1 Họ và tên: Nguyễn Đình Mỹ

- Cấp bậc : Trung tá
- Chức danh : Tổ trưởng
- Điện thoại : 0989 532 296

1.2 Họ và tên: Hoàng Hữu Tân

- Cấp bậc : Trung tá
- Chức danh : Giảng viên
- Điện thoại : 0989 889 297

1.3 Họ và tên: Lê Văn Duyên

- Cấp bậc : Trung tá
- Chức danh : Trợ lý đào tạo - Giảng viên
- Điện thoại : 0983 233 977

1.4 Họ và tên: Nguyễn Đức Minh

- Cấp bậc : Trung tá
- Chức danh : Giảng viên
- Điện thoại : 0915 009 295

1.5 Họ và tên: Nguyễn Hữu Bình

- Cấp bậc : Trung tá
- Chức danh : Tổ trưởng
- Điện thoại : 0916.946 001

2. Thông tin chung

- **Số tín chỉ** : 03
- **Loại học phần**: Bắt buộc.
- **Yêu cầu đối với học phần**: Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về tính năng, cấu tạo một số loại vũ khí bộ binh, về quân sự chung, thành thạo động tác bắn bài 1 súng AK và CKC, các động tác chiến thuật cá nhân làm cơ sở vận dụng vào học các nội dung khác. Sinh viên phải nghiêm chỉnh chấp hành các qui tắc an toàn khi sử dụng vũ khí, trang bị.
- **Các hoạt động của học phần**: Nghe giảng lý thuyết trên lớp học (có sử dụng máy chiếu các hình ảnh về vũ khí), luyện tập thực hành ở nhà học chuyên dùng và bãi tập. Nghiên cứu tài liệu và tự học ở nhà.

3. Mục tiêu học phần

- **Kiến thức:** Đây là học phần có vị trí quan trọng trong chương trình GDQP, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tác dụng, tính năng, cấu tạo các loại vũ khí thông thường, một số nội dung về quân sự chung, kỹ năng dùng súng và các động tác chiến thuật cá nhân.

- **Kỹ năng:** Trang bị cho người học một số kỹ năng về sử dụng súng bộ binh và kỹ năng vận động trên chiến trường.

- **Thái độ:** Bồi dưỡng cho người học có thái độ nghiêm túc trong học tập, rèn luyện đức tính cần cù chịu khó, tinh thần đồng đội, có trách nhiệm trong việc giữ gìn bảo quản vũ khí trang bị kỹ thuật.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thuộc lĩnh vực kỹ thuật, chiến thuật bao gồm: Giới thiệu tính năng chiến đấu, cấu tạo tác dụng các bộ phận chính và tháo lắp thông thường của súng CKC, AK, RPĐ, B40, B41; tính năng, đặc điểm, cấu tạo cách dùng thuốc nổ; giới thiệu một số loại vũ khí huỷ diệt lớn và cách phòng chống; cấu tạo và cách sử dụng bản đồ quân sự; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; tập và bắn đạn thật bài 1 súng AK, CKC; thực hành các động tác chiến thuật cá nhân trong chiến đấu tiến công và phòng ngự.

Phương pháp nghiên cứu: Theo dõi lên lớp lý thuyết, tích cực luyện tập động tác và thực hành sử dụng súng, nghiên cứu tài liệu và tự học để nắm kiến thức.

5. Nội dung chi tiết

Tín chỉ 5:

GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

Chương 1. Binh khí một số loại súng bộ binh

1. Binh khí súng trường bán tự động SKS

1.1. Tác dụng, tính năng kỹ chiến thuật

1.1.1. Tác dụng

1.1.2. Tính năng kỹ, chiến thuật

1.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn

1.2.1. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng

1.2.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của đạn

1.3. Tháo và lắp súng thông thường

1.3.1. Quy tắc tháo lắp súng

1.3.2. Động tác tháo súng

1.3.3. Động tác lắp và tháo đạn ra khỏi hộp tiếp đạn

1.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng

1.5. Quy tắc giữ gìn, bảo quản súng

1.5.1. Quy định chung

1.5.2. Lau chùi và bôi dầu cho súng

1.5.3. Giữ gìn súng và đạn

2. Binh khí súng tiểu liên AK

2.1. Tác dụng, tính năng kỹ chiến thuật

2.1.1. Tác dụng

2.1.2. Tính năng kỹ, chiến thuật

2.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn

2.2.1. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng

2.2.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của đạn

2.3. Tháo và lắp súng thông thường

2.3.1. Quy tắc tháo lắp súng

2.3.2. Động tác tháo súng

2.3.3. Động tác lắp và tháo đạn ra khỏi hộp tiếp đạn

2.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng

2.5. Quy tắc giữ gìn, bảo quản súng

2.5.1. Quy định chung

- 2.5.2. Lau chùi và bôi dầu cho súng
- 2.5.3. Giữ gìn súng và đạn
- 3. Binh khí súng trung liên RPD
 - 3.1. Tác dụng, tính năng kỹ, chiến thuật
 - 3.1.1. Tác dụng
 - 3.1.2. Tính năng kỹ, chiến thuật
 - 3.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn
 - 3.2.1. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng
 - 3.2.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của đạn
 - 3.3. Tháo và lắp súng thông thường
 - 3.3.1. Qui tắc tháo lắp súng
 - 3.3.2. Động tác tháo súng
 - 3.3.3. Động tác lắp súng
 - 3.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng
 - 3.5. Qui tắc giữ gìn, bảo quản súng
- 4. Binh khí súng chống tăng B40.
 - 4.1. Tác dụng, tính năng kỹ chiến thuật
 - 4.1.1. Tác dụng
 - 4.1.2. Tính năng kỹ, chiến thuật
 - 4.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo các bộ phận
 - 4.2.1. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng
 - 4.2.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của đạn
 - 4.3. Tháo và lắp súng thông thường
 - 4.3.1. Qui tắc tháo lắp súng
 - 4.3.2. Động tác tháo súng
 - 4.3.3. Động tác lắp súng
 - 4.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng
 - 4.4.1. Chuyển động của súng
 - 4.4.2. Chuyển động của đạn
 - 4.5. Qui tắc an toàn khi sử dụng súng
- 5. Binh khí súng chống tăng B41.
 - 5.1. Tác dụng, tính năng kỹ chiến thuật
 - 5.1.1. Tác dụng
 - 5.1.2. Tính năng kỹ, chiến thuật
 - 5.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo các bộ phận
 - 5.2.1. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng
 - 5.2.2. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của đạn
 - 5.3. Tháo và lắp súng thông thường
 - 5.3.1. Qui tắc tháo lắp súng
 - 5.3.2. Động tác tháo súng
 - 5.3.3. Động tác lắp súng
 - 5.4. Sơ lược chuyển động khi bắn của súng
 - 5.4.1. Chuyển động của súng
 - 5.4.2. Chuyển động của đạn
 - 5.5. Qui tắc an toàn khi sử dụng súng

Chương 2: Kỹ thuật sử dụng thuốc nổ.

- 1. Thuốc nổ và đồ dùng gây nổ
 - 1.1. Tính năng, đặc điểm thuốc nổ
 - 1.2. Tính năng, cấu tạo đồ dùng gây nổ
 - 1.3. Giữ gìn, vận chuyển thuốc nổ và đồ dùng gây nổ
- 2. Chắp nối, gói buộc lượng nổ
 - 2.1. Chắp nối đồ dùng gây nổ

- 2.2. Gói buộc thuốc nổ
- 3. Các phương pháp gây nổ
 - 3.1. Gây nổ bằng kíp nổ thường
 - 3.2. Gây nổ bằng kíp điện
- 4. Sử dụng thuốc nổ trong chiến đấu
 - 4.1. Mang, vác lượng nổ
 - 4.2. Điểm đặt lượng nổ để đánh phá một số mục tiêu

Tín chỉ 6:

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUÂN SỰ CHUNG

Chương 1: Sử dụng bản đồ địa hình quân sự.

- 1. Bản đồ địa hình quân sự
 - 1.1. Khái niệm và tác dụng của bản đồ
 - 1.2. Cấu tạo bản đồ
 - 1.3. Cách thể hiện nội dung bản đồ
 - 1.4. Sử dụng bản đồ
 - 1.4.1. Một số kí hiệu trên bản đồ quân sự
- 2. Bản đồ số
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Tính chất của bản đồ số
 - 2.3. Cơ sở dữ liệu bản đồ số và khả năng ứng dụng

Chương 2: Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.

- 1. Hệ thống những kiến thức cơ bản về băng bó chuyển thương
 - 1.1. Nguyên tắc băng
 - 1.2. Các kiểu băng cơ bản
 - 1.3. Thực hành băng vết thương ở một số vị trí trên thân thể
 - 1.4. Chuyển thương
- 2. Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh
 - 2.1. Đặc điểm của vết thương chiến tranh
 - 2.2. Cấp cứu ban đầu vết thương do vũ khí nổ

Chương 3: Phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn.

- 1. Vũ khí hạt nhân
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Phân loại
 - 1.3. Phương tiện sử dụng và phương thức nổ của vũ khí hạt nhân
- 2. Vũ khí hoá học
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Phân loại chất độc
 - 2.3. Đặc điểm chiến đấu của vũ khí hoá học
 - 2.4. Tính chất tác hại và cách phòng chống một số chất độc chủ yếu
- 3. Vũ khí sinh học
 - 3.1. Khái niệm
 - 3.2. Phương tiện và phương pháp sử dụng
 - 3.3. Một số bệnh và cách phòng chống
 - 3.4. Biện pháp phòng chống vũ khí sinh học
- 4. Vũ khí lửa
 - 4.1. Khái niệm
 - 4.2. Phân loại
 - 4.3. Đặc điểm tác hại của vũ khí lửa
 - 4.4. Một số chất cháy, phương tiện sử dụng và biện pháp phòng chống

Tín chỉ 7:

CHIẾN THUẬT VÀ KỸ THUẬT BẮN SÚNG BỘ BINH

Chương 1: Chiến thuật bộ binh.

- I. Từng người trong chiến đấu tiên công
 - 1.1. *Nhiệm vụ yêu cầu chiến thuật*
 - 1.1.1. *Nhiệm vụ*
 - 1.1.2. *Yêu cầu chiến thuật*
 - 1.2. *Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ*
 - 1.2.1. *Hiểu rõ nhiệm vụ*
 - 1.2.2. *Làm công tác chuẩn bị, báo cáo*
 - 1.3. *Thực hành đánh chiếm mục tiêu*
 - 1.3.1. *Vận động đến gần địch*
 - 1.3.2. *Cách đánh từng loại mục tiêu*
 - 1.4. *Hành động của từng người khi chiếm được mục tiêu*
2. Từng người trong chiến đấu phòng ngự
 - 2.1. *Đặc điểm tiến công của địch, nhiệm vụ yêu cầu chiến thuật*
 - 2.1.1. *Đặc điểm tiến công của địch*
 - 2.1.2. *Yêu cầu*
 - 2.1.3. *Nhiệm vụ của chiến thuật*
 - 2.2. *Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ*
 - 2.2.1. *Hiểu rõ nhiệm vụ*
 - 2.2.2. *Chuẩn bị chuẩn đấu*
 - 2.3. *Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu*

Chương 2: Kỹ thuật bắn súng bộ binh

- I. Một số nội dung về lý thuyết bắn súng.
 - 1.1. *Hiện tượng bắn, góc nảy và nguyên nhân gây ra góc nảy*
 - 1.1.1. *Hiện tượng bắn*
 - 1.1.2. *Góc nảy và nguyên nhân gây ra góc nảy*
 - 1.2. *Các thời kì giạt của súng khi bắn và ảnh hưởng tới kết quả bắn*
 - 1.2.1. *Thời kì giạt thứ nhất*
 - 1.2.2. *Thời kì giạt thứ 2*
 - 1.2.3. *Thời kì giạt thứ 3*
 - 1.3. *Hình dáng đường đạn trong không gian và ý nghĩa thực tiễn của nó*
 - 1.3.1. *Đường đạn*
 - 1.3.2. *Ý nghĩa thực tiễn của đường đạn*
 - 1.4. *Ngắm bắn*
 - 1.4.1. *Khái niệm về ngắm bắn*
 - 1.4.2. *Thứ tự thực hành ngắm*
 - 1.4.3. *Ảnh hưởng của ngắm sai tới kết quả bắn*
2. Tập bắn bài 1 súng AK và CKC
 - 2.1. *Ngắm trúng, ngắm chụm*
 - 2.1.1. *Ý nghĩa*
 - 2.1.2. *Yêu cầu*
 - 2.1.3. *Nội dung*
 - 2.2. *Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày*
 - 2.2.1. *Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu*
 - 2.2.2. *Điều kiện bắn*
 - 2.2.3. *Động tác thực hành*

6. Học liệu

- Giáo trình Giáo dục quốc phòng đại học, cao đẳng. Tập 3 – Vụ giáo dục quốc phòng. NXBQĐND. 2004
- Giáo trình Giáo dục quốc phòng dành cho sinh viên đại học, cao đẳng. NXBGD. 2002
- Sách dạy sử dụng thuốc nổ – Cục quân huấn. NXBQĐND. 2004
- Sách dạy sử dụng súng tiểu liên AK. NXBQĐND. 2004
- Sách dạy sử dụng súng B41. NXBQĐND. 2005

- Sách dạy sử dụng súng trung liên RPD. NXBQĐND. 2005

7. Hình thức tổ chức dạy học

TT	Nội dung tín chỉ	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hoạt động dạy học		Yêu cầu
				Người dạy	Người học	
1	Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh	- LT = 6 - TH = 9 - T. học = 30	- Lớp học - Nhà học TH - Bãi tập	Lên lớp theo PP diễn giảng kết hợp trực quan chỉ trên súng thật	Nghiên cứu tài liệu, nghe, nhìn, ghi chép, học thực hành trao đổi trên súng thật để nắm bài	Mang mặc đúng qui định, học tập nghiêm túc, bảo quản tốt vũ khí
2	Một số nội dung về quân sự chung	- LT = 6 - TH = 9 - T. học = 30	- Lớp học - Nhà học TH - Bãi tập	Lên lớp theo PP diễn giảng kết hợp trực quan chỉ trên vật thật, mô hình, tranh vẽ	Nghiên cứu tài liệu, nghe, nhìn, ghi chép, học thực hành theo hướng dẫn của giáo viên.	Mang mặc đúng qui định, học tập nghiêm túc, bảo quản tốt vũ khí trang bị
3	Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng	- LT = 3 - TH = 12 - T. học = 30	- Lớp học - Nhà học TH - Bãi tập	Lên lớp theo PP diễn giảng kết hợp trực quan chỉ trên súng thật	Nghiên cứu tài liệu, nghe, nhìn, ghi chép, học thực hành theo hướng dẫn của giáo viên.	Mang mặc đúng qui định, học tập nghiêm túc, bảo quản tốt vũ khí trang bị

8. Các qui định đối với học phần và yêu cầu khác của giảng viên

- Tham gia học tập đầy đủ, nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo để nắm nội dung bài giảng.

- Trong học thực hành, luyện tập phải chấp hành nghiêm kỷ luật học tập, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và vũ khí.

- Phải có tinh thần giữ gìn, bảo quản vũ khí trang bị, không được làm hư hỏng, mất mát.

- Phải có tinh thần tự giác cao trong học tập, không ngại khó, ngại khổ.

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học phần

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên:

Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, tích cực luyện tập thực hành, thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức xây dựng bài.

- Kiểm tra đánh giá định kỳ:

Kiểm tra bài cũ, thực hiện nội dung thực hành.

- Thi kết thúc học phần:

Thi bắn bằng súng điện tử.

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Họ và tên giảng viên:

1. GVC.Ths : Hoàng Thị Hằng

Điện thoại: 038.3856471. Di động: 0915039897. Email: hoanghangdhv@yahoo.com.vn

Hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CSVN, Đường lối cách mạng của Đảng CSVN

2. GVC.Ths : Phan Quốc Huy

Điện thoại: 038.3566508. Di động: 0912376524. Email: quochuydhv2005@yahoo.com.vn

Hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CSVN, Đường lối cách mạng của Đảng CSVN

3. GV.Ths : Nguyễn Văn Trung

Di động: 0983577166. Email: trungnv2008@yahoo.com.vn

Hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CSVN, Đường lối cách mạng của Đảng CSVN

4. GV.Ths: Phạm Thị Bình

Điện thoại: 038.3551387. Di động: 0983551387. Email: trinhtainguyen@yahoo.com.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin, CNXH khoa học, Đường lối cách mạng của Đảng CSVN.

5. GV.Ths: Nguyễn Thị Hải Yến

Điện thoại: 038.3845102. Di động: 0904916767. Email: haiyen.na@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng CSVN.

6. GV.Ths: Lê Thị Nam An

Điện thoại: 038.3210289. Di động: 0953570357.

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng CSVN.

7. GV. CN: Trương Thị Phương Thảo

Điện thoại: 0393826656. Di động: 0912488444. Email: truongphuongthao82@yahoo.com

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin, CNXH khoa học, Đường lối cách mạng của Đảng CSVN.

2. Tên học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3. Mã học phần: CT10004

4. Số tín chỉ: 3

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

Giảng lý thuyết: 33 tiết. Thảo luận: 12 tiết. Tự học: 90 tiết.

- **Học phần tiên quyết:** Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

7. Mục tiêu học phần:

7.1. Kiến thức:

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống những quan điểm chủ trương chính sách của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối

của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội, phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

7.2. Kỹ năng: Giúp người học có kỹ năng:

- Vận dụng lý luận vào thực tiễn để nhận thức đúng đắn Đường lối cách mạng của Đảng..
- Rèn luyện năng lực tư duy logic, có khả năng phân tích, tổng hợp, khái quát để làm rõ sự phát triển về nhân thức của Đảng trong quá trình xây dựng đường lối cách mạng.
- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

7.3. Thái độ:

- Giúp người học có thái độ đúng đắn, tích cực trong học tập, nghiên cứu, có ý thức tu dưỡng, rèn luyện về lý tưởng, đạo đức cách mạng, niềm tự hào về Đảng, về dân tộc, niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

- Có thái độ trân trọng quá khứ, có ý thức tu dưỡng, rèn luyện về lý tưởng, đạo đức cách mạng, niềm tự hào về Đảng, về dân tộc.

8. Mô tả vắn tắt học phần:

Nội dung chủ yếu của học phần là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

Ngoài bài mở đầu, nội dung học phần gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945).

Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975).

Chương IV: Đường lối công nghiệp hoá.

Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị.

Chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội.

Chương VIII: Đường lối đối ngoại.

9. Nội dung chi tiết học phần.

9.1 Cấu trúc chương trình:

Chương	Tên chương	LT	TL	TH
Tín chỉ I				
Bài mở đầu	Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	1		5
Chương I	Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	5	3	15
Chương II	Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945).	4		10
Tín chỉ II				
Chương I	Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975)	8		20
Chương II	Đường lối công nghiệp hoá	3	3	10
Tín chỉ III				
Chương I	Đường lối xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	3	3	8
Chương II	Đường lối xây dựng hệ thống chính trị	3		8
Chương III	Đường lối xây dựng, phát triển văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội	3	3	8
Chương IV	Đường lối đối ngoại.	3		6

9.2. Nội dung chi tiết của học phần:

TÍN CHỈ I

(Lý thuyết: 10, Thảo luận: 3, Tự học: 30)

Bài mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ, và phương pháp nghiên cứu học phần đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

(Lý thuyết: 1, Tự học: 5)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp sinh viên hiểu được đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của học phần Đường lối cách mạng của Đảng CSVN

B. YÊU CẦU:

- Hiểu rõ khái niệm “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam”
- Nhận thức được đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của học phần..
- Nhận thức được yêu cầu nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của học phần.

C. NỘI DUNG BÀI GIẢNG:

I. đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.1.1. Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.2. Đối tượng học phần

1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

1.2.1. Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.

1.2.2. Làm rõ quá trình hình thành, phát triển và kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trong đó đặc biệt chú trọng thời kỳ đổi mới.

1.2.3. Đánh giá kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng.

II. phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập học phần

2. 1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Cơ sở phương pháp luận

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2. Ý nghĩa của học tập học phần

2.2.1. Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2.2.2. Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

2.2.3. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng.

D. NỘI DUNG TỰ HỌC:

Ý nghĩa của học tập học phần.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của học phần Đường lối cách mạng của ĐCSVN.

Chương I: Sự ra đời của đảng cộng sản việt nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

(Lý thuyết: 5, Thảo luận: 3, Tự học: 15)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp sinh viên hiểu được con đường cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn của lịch sử dân tộc Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, sự ra đời của Đảng là một tất yếu lịch sử. Đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng đã đưa cách mạng nước ta thoát khỏi thời kỳ khủng hoảng về đường lối, mở đường cho cách mạng nước ta bước sang trang sử mới.

B. YÊU CẦU: Bằng những tư liệu lịch sử xác thực, phong phú, có chọn lọc làm rõ:

- Hoàn cảnh lịch sử thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX và sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản của Nguyễn Ái Quốc.
- Đảng CSVN ra đời là kết quả của sự kết hợp 3 yếu tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930) và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng CSVN.

C. NỘI DUNG BÀI GIẢNG:

I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam

1.1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

- 1.1.1. Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó.
- 1.1.2. Chủ nghĩa Mác- Lênin
- 1.1.3. Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản

1.2. Hoàn cảnh trong nước

- 1.2.1. Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp.
- 1.2.2. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.
- 1.2.3. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

II. Hội nghị thành lập Đảng và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

2.1. Hội nghị thành lập Đảng

- 2.1.1. Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam
- 2.1.2 Thảo luận xác định và thông qua các văn kiện của Đảng

2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)

- 2.2.1. Phương hướng chiến lược và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam
- 2.2.2. Lực lượng cách mạng
- 2.2.3. Lãnh đạo cách mạng
- 2.2.4. Quan hệ với phong trào cách mạng thế giới

2.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- 2.3.1. Xác lập sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam; chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng; thống nhất tư tưởng, chính trị và tổ chức phong trào cộng sản Việt Nam.
- 2.3.2. Xác định đúng đắn con đường giải phóng dân tộc và phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam; giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam; nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- 2.3.3. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới, tranh thủ được sự ủng hộ của cách mạng thế giới.

D. NỘI DUNG TỰ HỌC:

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản và phong kiến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.
- Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

E. NỘI DUNG THẢO LUẬN:

Phân tích quy luật hình thành Đảng Cộng sản ở Việt Nam.

F. CÂU HỎI ÔN TẬP:

- 1. Những chuyển biến của tình hình thế giới và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.
- 2. Nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước ở nước ta theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX?
- 3. Tại sao trong quá trình tìm đường cứu nước (1911- 1920) Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường cách mạng vô sản?
- 4. Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

(Lý thuyết: 4, Tự học: 10)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp sinh viên nắm vững Đường lối cách mạng Việt Nam thời kỳ 1930- 1945. Thời kỳ Đảng nhận thức và phát triển con đường cách mạng giải phóng dân tộc ngày càng đúng đắn, phù hợp hơn với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Với đường lối cách mạng đúng đắn Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta làm cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công- một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn.

B. YÊU CẦU: Bằng những tư liệu lịch sử xác thực, phong phú, có chọn lọc làm rõ:

- Quá trình nhận thức, phát triển về đường lối cách mạng Việt Nam và sự chỉ đạo thực tiễn cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Đảng thời kỳ 1930- 1945.
- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là kết quả của cuộc đấu tranh gian khổ, quyết liệt của dân tộc ta, trải qua 3 cuộc tổng diễn tập dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

C. NỘI DUNG BÀI GIẢNG:

I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939

1.1. Trong những năm 1930- 1935

- 1.1.1. Luận cương Chính trị tháng 10- 1930
- 1.1.2. Chủ trương khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng

1.2. Trong những năm 1936- 1939

- 1.2.1. Hoàn cảnh lịch sử
- 1.2.2. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng

II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945

2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

- 2.1.1. Tình hình thế giới và trong nước
- 2.1.2. Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược
- 2.1.3. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược

2.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

- 2.2.1. Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần
- 2.2.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa
- 2.2.3. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám

D. NỘI DUNG TỰ HỌC:

- Chủ trương khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng những năm 1930- 1935
- Chủ trương đấu tranh thời kỳ 1936- 1939.
- Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám

E. CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Nội dung Luận cương chính trị của Đảng (10/1930)
2. Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược (1939- 1945)
3. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám

TÍN CHỈ II

Chương I: Đường lối kháng chiến chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975)

(Lý thuyết: 8, Tự học: 20)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp sinh viên nhận thức được quá trình xây dựng và phát triển Đường lối kháng chiến của Đảng trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Quá trình kháng chiến đầy hy sinh gian khổ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Từ đó giáo dục cho sinh viên niềm tự hào về Đảng, về dân tộc, tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm với Tổ Quốc.

B. YÊU CẦU: Bằng những tư liệu lịch sử xác thực, phong phú, có chọn lọc làm rõ:

- Hoàn cảnh lịch sử và nội dung các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong 2 cuộc kháng chiến.
- Quá trình tổ chức, lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến kiên cường, bền bỉ của Đảng để quét sạch bọn đế quốc xâm lược, bảo vệ nền độc lập, thống nhất cho Tổ Quốc.
- Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, can thiệp Mỹ.

C. NỘI DUNG BÀI GIẢNG:

I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược (1945- 1954)

1.1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945- 1946)

- 1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám
- 1.1.2. Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của Đảng
- 1.1.3. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946- 1954)

- 1.2.1. Hoàn cảnh lịch sử
- 1.2.2. Quá trình hình thành và nội dung đường lối

1.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

- 1.3.1. Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối
- 1.3.2. Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954- 1975)

2.1. Giai đoạn 1954- 1964

- 2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7- 1954
- 2.1.2. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

2.2. Giai đoạn 1965- 1975

- 2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử
- 2.2.2. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

2.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

- 2.3.1. Kết quả và ý nghĩa thắng lợi
- 2.3.2. Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

D. NỘI DUNG TỰ HỌC:

- Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945- 1946)
- Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946- 1954)
- Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954- 1975)

E. CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Nội dung bản chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” (25/11/1945) của BCHTW Đảng.
2. Quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1946- 1954).
3. Quá trình hình thành, nội dung, ý nghĩa đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954- 1975).
4. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của 2 cuộc kháng chiến.

Chương II: Đường lối công nghiệp hoá

(Lý thuyết: 3, Thảo luận: 3, Tự học: 10)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp sinh viên hiểu rõ sự phát triển về nhận thức của Đảng trong quá trình xây dựng đường lối công nghiệp hoá, đặc biệt là quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá trong thời kỳ đổi mới. Nhận thức được mục tiêu, quan điểm, nội dung và định hướng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện nền kinh tế tri thức. Từ đó xác định trách nhiệm của sinh viên đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong giai đoạn hiện nay.

B. YÊU CẦU: Làm rõ những nội dung sau:

- Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới
- Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá của Đảng trong thời kỳ đổi mới.
- Mục tiêu, quan điểm về công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới và nội dung, định hướng, của công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với nền kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay.

C. NỘI DUNG BÀI GIẢNG:

I. Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới

1.1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá

- 1.1.1. Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa
- 1.1.2. Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới

1.2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- 1.2.1. Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa
- 1.2.2. Hạn chế và nguyên nhân

II. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới

2.1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá

- 2.1.1. Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá thời kỳ 1960- 1986
- 2.1.2. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá từ Đại hội VI đến Đại hội X

2. 2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

- 2.2.1. Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá
- 2.2.2. Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

2. 3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

- 2.3.1. Nội dung
- 2.3.2. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

2. 4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- 2.4.1. Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa
- 2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

D. NỘI DUNG TỰ HỌC:

- Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới.
- Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

E. NỘI DUNG THẢO LUẬN:

Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về công nghiệp hoá thời kỳ đổi mới

F. CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới
2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới.
3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.
4. Những tồn tại hạn chế của sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta hiện nay? Nguyên nhân?

TÍN CHỈ III

Chương I: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

(Lý thuyết: 3, Thảo luận: 3, Tự học: 8)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp sinh viên hiểu được quá trình đổi mới nhận thức của Đảng về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhận thức đúng đắn mục tiêu, quan điểm và chủ trương của Đảng nhằm tiếp tục phát triển, hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Góp phần định hướng đúng đắn cho học tập, rèn luyện và công tác của sinh viên phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.

B. YÊU CẦU: Làm rõ những nội dung cơ bản sau:

- Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường trước nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ đổi mới.

- Mục tiêu, quan điểm, chủ trương của Đảng nhằm phát triển hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.

C. NỘI DUNG BÀI GIẢNG:

I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

1.1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

1.1.1. Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.

1.1.2. Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

1.2.1. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII

1.2.2. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X

II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

2.1.1. Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường

2.1.2. Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.1.3. Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.1. Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

2.2.2. Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh

2.2.3. Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường.

2.2.4. Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường

2.2.5. Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội

2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

2.3.1. Kết quả và ý nghĩa

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

D. NỘI DUNG TỰ HỌC:

- Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

- Kết quả và ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

E. NỘI DUNG THẢO LUẬN:

Những hạn chế của thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay?
Nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

F. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quá trình hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

2. Mục tiêu, quan điểm và một số chủ trương của Đảng nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Chương II: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

(Lý thuyết: 3, Tự học: 8)

A. MỤC ĐÍCH:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, cơ cấu vận hành của hệ thống chính trị ở nước ta và đường lối xây dựng hệ thống chính trị của Đảng qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là thời kỳ đổi mới. Từ đó giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc đổi mới hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay.

B. YÊU CẦU: Làm rõ những nội dung cơ bản sau:

- Quá trình hình thành, cơ cấu vận hành của hệ thống chính trị.

- Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị.

- Mục tiêu, quan điểm, chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng thời kỳ đổi mới.

- Kết quả, ý nghĩa của việc xây dựng hoàn thiện hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.

- Hạn chế và nguyên nhân của việc xây dựng hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay.

C. NỘI DUNG BÀI GIẢNG:

I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1975- 1986)

1.1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng

1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử

1.1.2. Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

1.2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

1.2.1. Kết quả và ý nghĩa

1.2.2. Hạn chế và nguyên nhân.

II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

2.1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị

2.1.1. Cơ sở hình thành đường lối

2.1.2. Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị

2.2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

2.2.1. Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị

2.2.2. Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

2.3.1. Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

D. NỘI DUNG TỰ HỌC:

- Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới.

- Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

E. CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.

2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.

3. Những tồn tại hạn chế của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay? Nguyên nhân?

Chương III: Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá; giải quyết các vấn đề xã hội

(Lý thuyết: 3, Thảo luận: 3, Tự học: 8)

A. MỤC ĐÍCH:

Giúp sinh viên hiểu rõ quá trình đổi mới tư duy của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hoá, về giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới, hướng tới mục tiêu xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và lành mạnh hoá môi trường xã hội, tạo động lực cho sự phát triển. Từ đó ý thức được trách nhiệm của sinh viên trong công cuộc xây dựng nền văn hoá mới và giải quyết các vấn đề xã hội trong giai đoạn hiện nay.

B. YÊU CẦU: Cần làm rõ những nội dung sau:

- Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội.

- Quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng, phát triển nền văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội.

- Kết quả, ý nghĩa, hạn chế của việc xây dựng nền văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội trong giai đoạn hiện nay.

- Nguyên nhân của hạn chế và những vấn đề đặt ra?

C. NỘI DUNG BÀI GIẢNG:

I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá

1.1. Thời kỳ trước đổi mới

1.1.1. Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới

1.1.2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

1.2. Trong thời kỳ đổi mới

1.2.1. Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá

1.2.2. Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hoá

1.2.3. Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hoá

1.2.4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

2.1. Thời kỳ trước đổi mới

2.1.1. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội

2.1.2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

2.2. Trong thời kỳ đổi mới

2.2.1. Quá trình đổi mới nhận thức của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội

2.2.2. Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội

2.2.3. Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

2.2.4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

D. NỘI DUNG TỰ HỌC:

- Nhận thức và đường lối xây dựng, phát triển văn hoá của Đảng thời kỳ trước đổi mới.

- Nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội của Đảng thời kỳ trước đổi mới.

- Kết quả, ý nghĩa, hạn chế của việc thực hiện đường lối xây dựng, phát triển văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội. nguyên nhân?

E. NỘI DUNG THẢO LUẬN:

Những vấn đề văn hoá xã hội bức xúc đặt ra hiện nay, phương hướng giải quyết?

D. CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hoá thời kỳ đổi mới

2. Quan điểm và chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hoá thời kỳ đổi mới.

3. Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về giải quyết những vấn đề xã hội thời kỳ đổi mới

4. Quan điểm và chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ đổi mới.

Chương IV: Đường lối đối ngoại

(Lý thuyết: 3, Tự học: 6)

A. MỤC ĐÍCH.

Giúp sinh viên hiểu rõ quá trình xây dựng và phát triển đường lối đối ngoại của Đảng từ năm 1975 đến nay, đặc biệt là đường lối đối ngoại hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kỳ đổi mới. Những thành công, hạn chế của công tác đối ngoại và yêu cầu của công tác đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế đang đặt ra hiện nay.

B. YÊU CẦU: Cần làm rõ những nội dung sau:

- Chủ trương đối ngoại của Đảng thời kỳ trước đổi mới.

- Đặc điểm tình hình thế giới từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX đến nay và những yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam đặt ra cho công tác đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng thời kỳ đổi mới.

- Những thành công và hạn chế của công tác đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kỳ đổi mới.

C. NỘI DUNG BÀI GIẢNG:

I. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới (1975- 1986)

1.1. Hoàn cảnh lịch sử

1.1.1. Tình hình thế giới

1.1.2. Tình hình trong nước

1.2. Chủ trương đối ngoại của Đảng

1.2.1. Nhiệm vụ đối ngoại

1.2.2. Chủ trương đối ngoại với các nước

1.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

1.3.1. Kết quả và ý nghĩa

1.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

II. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.

2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử

2.1.2. Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối

2. 2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo.

2.2.2. Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

2.3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

2.3.1. Thành tựu và ý nghĩa

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

D. NỘI DUNG TỰ HỌC:

Đường lối đối ngoại của Đảng thời kỳ trước đổi mới.

E. CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Chủ trương đối ngoại của Đảng thời kỳ trước đổi mới.

2. Đặc điểm tình hình thế giới từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX đến nay

3. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng thời kỳ đổi mới.

4. Những thành công và hạn chế của công tác đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kỳ đổi mới

10. Học liệu:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb CTQG, HN 2009.

2. Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb CTQG, HN, 2006.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, năm 2002.

4. Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ. Đại cương Lịch sử Việt Nam.Tập2. NXB Giáo dục 2001.

5. Lê Mậu Hãn, Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư.Đại cương Lịch sử Việt Nam.Tập 3. NXB Giáo dục 2001.

6 Đại học quốc gia Hà Nội, Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Lý luận chính trị, HN 2008.

11. Hình thức tổ chức dạy học

Hình thức tổ chức DH	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian, địa điểm
Tuần I			
Lý thuyết (3 tiết)	1.Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp học phần 2.Hoàn cảnh quốc tế và xã hội Việt nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX	Đọc: Tài liệu 6, Chuyên đề 1 Đọc: Tài liệu 4 (Tr: 97- 130) - Phân tích sự chuyển biến của xã hội VN dưới chính sách thống trị của thực dân Pháp	Theo sự sắp xếp của nhà trường
Tự học	- Ý nghĩa học phần - Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản	Đọc giáo trình (Tr: 11 - 32) Đọc: Tài liệu 4 (Tr: 131- 260). - Nguyên nhân thất bại của PT yêu nước theo khuynh hướng PK và TS?	
Tuần II			
Lý thuyết (3 tiết)	1. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản 2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	Đọc giáo trình (Tr:32- 45) Đọc: Tài liệu 4 (Tr: 261- 290). - Tại sao trong quá trình tìm đường cứu nước (1911- 1920) NAQ lựa chọn con đường cách mạng vô sản? - Phân tích làm rõ tính khoa học của Cương lĩnh chính trị đầu tiên.	

Tự học	Ý nghĩa của việc thành lập Đảng CSVN	Đọc giáo trình (Tr: 45 - 47)	
Tuần III			
Lý thuyết (3 tiết)	- Luận cương Chính trị tháng 10/1930 - Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng thời kỳ 1939 - 1945	Đọc: Tài liệu 6, Chuyên đề 2 - So sánh Luận cương chính trị (10/1930) và Chính cương sách lược vắn tắt. - Nội dung chuyển hướng chỉ đạo chiến lược tại Hội nghị BCHTW 6,7,8.	
Tự học	- Chủ trương khôi phục Đảng và phong trào cách mạng thời kỳ 1930- 1935. - Chủ trương đấu tranh thời kỳ 1936- 1939	Đọc giáo trình (Tr: 52 - 62) - Kết quả, ý nghĩa của cuộc DT khôi phục Đảng và PT cách mạng. - Sự chuyển biến trong nhận thức của Đảng về vấn đề dân tộc và giai cấp thời kỳ 1936- 1939	
Thảo luận (3 tiết)	Phân tích quy luật hình thành Đảng ở nước ta	Thảo luận theo nhóm (30- 40 SV)	
Tư vấn	- Quy luật hình thành Đảng ở nước ta là sự kết hợp lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin với PT công nhân và PT yêu nước	Đọc tài liệu 6, chuyên đề I - Làm rõ quá trình chuyển biến của PT công nhân và PT yêu nước khi tiếp thu lý luận CN Mác - Lênin và kết quả sự chuyển biến đó?	
Tuần IV			
Lý thuyết (3 tiết)	- Chủ trương phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền (8/1945). - Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng thời kỳ 1945 - 1946	Đọc: tài liệu 4 (Tr: 339 - 370)- - Chủ trương của Hội nghị toàn Đảng (13- 15/8/1945)? - Nội dung chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” (25/11/1945)?	
Tự học	- Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi của CM T8/1945, - Kết quả, ý nghĩa của cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền CM (1945- 1946)	Đọc Giáo trình (Tr: 75 - 80; 84- 86) Đọc: Tài liệu 5 (Tr: 8- 44)	
Tuần V			
Lý thuyết (3 tiết)	- Quá trình hình thành đường lối kháng chiến chống Pháp và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946- 1954) - Bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Pháp	Đọc: Tài liệu 6, Chuyên đề 3 - Nội dung, cơ sở khoa học của Đường lối kháng chiến? - Phân tích bài học kinh nghiệm của kháng chiến chống Pháp?	
Tự học	Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Pháp	Đọc: Tài liệu 5 (Tr: 44- 132)	
Tuần VI			
Lý thuyết (3 tiết)	Quá trình hình thành đường lối kháng chiến chống Mỹ giai đoạn 1954- 1975	Đọc: Tài liệu 6, Chuyên đề 3 Nắm vững nội dung của các NQ: + Đường lối CMMN (8/1956) + NQ BCHTW lần thứ 15 (1/1959) + NQ Đại hội III (9/1960) + NQ Bộ Chính trị (1/1961, 2/1962) + HN BCHTW (3/1965)	

		+ HNBCHTW (12/1965)	
Tự học	Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ cứu nước	Đọc: Tài liệu 5 (Tr:200 – 272).	
Tuần VII			
Lý thuyết (3 tiết)	Đường lối CNH, HĐH thời kỳ đổi mới	Đọc: Tài liệu 6, Chuyên đề 5 - Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về CNH từ Đại hội IX - Đại hội X? - Mục tiêu, quan điểm CNH ? - Nội dung, định hướng CNH, HĐH gắn với PT kinh tế tri thức?	
Tự học	- Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới. - Kết quả, ý nghĩa, hạn chế, nguyên nhân của CNH thời kỳ đổi mới	Đọc: Tài liệu 6, Chuyên đề 5 - Đặc trưng chủ yếu của CNH thời kỳ trước đổi mới? - Những tồn tại yếu kém của CNH ở nước ta hiện nay, nguyên nhân?	
Tư vấn	So sánh làm rõ quá trình phát triển trong nhận thức của Đảng về CNH trước và trong thời kỳ đổi mới	- Quan điểm CNH, HĐH của Đảng trong thời kỳ đổi mới khắc phục được hạn chế gì của thời kỳ trước đổi mới?	
Tuần VIII			
Lý thuyết (3 tiết)	- Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới - Tiếp tục hoàn thiện thể chế KT thị trường định hướng XHCN ở nước ta	Đọc: Tài liệu 6, Chuyên đề 6 - Tư duy của Đảng về KT thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội X? - Mục tiêu, quan điểm và một số chủ trương của Đảng nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế KT thị trường định hướng XHCN	
Tự học	- Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới. - Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân của KT thị trường thời kỳ đổi mới	Đọc: Tài liệu 6, Chuyên đề 6 - Đặc điểm của cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp và nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế?	
Thảo luận (3tiết)	Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về CNH, HĐH thời kỳ đổi mới	Thảo luận theo nhóm (30- 40SV) - Sự phát triển trong nhận thức của Đảng về CNH từ ĐH VI đến ĐH X	
Tuần IX			
Lý thuyết (3 tiết)	Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới	Đọc: Tài liệu 6, Chuyên đề 7 - Quá trình đổi mới nhận thức của Đảng về Hệ thống chính trị? - Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng Hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới ?	
Tự học	- Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới. - Kết quả, ý nghĩa, hạn chế của hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới, nguyên nhân.	Đọc: Tài liệu 6. Chuyên đề 7 - Cơ sở hình thành hệ thống chuyên chính vô sản ở VN thời kỳ trước đổi mới? - Chủ trương xây dựng hệ thống CCVS mang đặc điểm Việt nam. - Những hạn chế chủ yếu của hệ thống	

		chính trị ở nước ta hiện nay, nguyên nhân?	
Thảo luận (3 tiết)	Những hạn chế cơ bản của thể chế kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, nguyên nhân và biện pháp khắc phục?	Thảo luận theo nhóm (30- 40SV) Làm rõ những hạn chế của thể chế kinh tế TT trên các lĩnh vực sau: - Xây dựng, hoàn thiện thể chế. - Giải quyết những vấn đề về sở hữu, quản lý và phân phối. - Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy Nhà nước. - Cơ chế chính sách phát triển...	
Tuần X			
Lý thuyết (3 tiết)	- Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá thời kỳ đổi mới. - Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ đổi mới.	Đọc Tài liệu 6, Chuyên đề 8 - Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hoá từ Đại hội VI đến Đại hội X? - Quá trình đổi mới nhận thức của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ đổi mới? Quan điểm chỉ đạo và chủ trương cụ thể?	
Tự học	- Quá trình nhận thức của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ trước đổi mới. - Kết quả, ý nghĩa, hạn chế của việc xây dựng phát triển văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ đổi mới, nguyên nhân.?	Đọc: Tài liệu 6 Chuyên đề 8 - Quan điểm, chủ trương xây dựng nền văn hoá mới và giải quyết các vấn đề xã hội trước đổi mới. - Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân?	
Tuần XI			
Lý thuyết (3 tiết)	- Đường lối đối ngoại hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới - Những hạn chế của công tác đối ngoại hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới, nguyên nhân.	Đọc :Tài liệu 6 Chuyên đề 10 - Tình hình thế giới từ giữa thập kỷ 80 thế kỷ XX? - Quá trình hình thành, phát triển đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới? - Nội dung đường lối đối ngoại hội nhập kinh tế quốc tế? - Những vấn đề đặt ra hiện nay?	
Tự học	Đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới	Đọc: Tài liệu 6, Chuyên đề 10 - Tình hình thế giới và trong nước từ thập kỷ 70, thế kỷ XX? - Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng (1975- 1986), Kết quả, hạn chế, nguyên nhân?	
Thảo luận (3 tiết)	- Những vấn đề văn hoá xã hội bức xúc đặt ra hiện nay, phương hướng giải quyết?	Thảo luận theo nhóm (30- 40 SV)	

12. Các quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, đảm bảo giảng dạy đầy đủ những phần kiến thức đã quy định.

- Nội dung thảo luận phải hướng vào kiến thức cơ bản của học phần và liên hệ với thực tiễn. Căn cứ vào nội dung, giảng viên có thể sử dụng kết hợp nhiều hình thức và phương pháp tổ chức thảo luận phù hợp.
- Hướng dẫn sinh viên thực hiện nghiêm túc việc tự học, nghiên cứu tài liệu. Yêu cầu sinh viên tóm tắt những nội dung tự học.
- Giải đáp những thắc mắc sinh viên đặt ra trong quá trình học tập.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

Kiểm tra, thi kết thúc học phần thực hiện theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ- BGD&ĐT.

Hình thức thi: Tự luận, vấn đáp, kết hợp tự luận với trắc nghiệm khách quan.

Nội dung thi:

- Bao quát toàn bộ giáo trình: bao gồm phần nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên.
- Nội dung thi cần đảm bảo 50% kiến thức cơ bản và 50% kiến thức liên hệ, vận dụng thực tiễn.
- Khuyến khích ra đề thi theo hướng mở và cho sinh viên sử dụng tài liệu khi làm bài.

Thang điểm: 10

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Họ và tên giảng viên:

a. GVC. ThS. Thái Bình Dương, Trưởng bộ môn,

Hướng nghiên cứu chính: - Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Các chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Địa chỉ: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh.

Điện thoại: CQ 0383.855624. NR: 0383834309. DD 0912657125

b. GV. ThS. Bùi Thị Cần

Hướng nghiên cứu chính: - Tư tưởng Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh.

Điện thoại: CQ 0383.855624.

c. GV. ThS. Hoàng Thị Nga

Hướng nghiên cứu chính: - Phương pháp giảng dạy

- Tư tưởng Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh.

Điện thoại: CQ 0383.855624.

d. GV. Phan Văn Tuấn

Hướng nghiên cứu chính: - Tư tưởng Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh.

Điện thoại: CQ 0383.855624

2. Tên Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Mã học phần: CT 10003

4. Số tín chỉ: 02

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 22

- Thảo luận: 08

- Tự học: 60

7. Mục tiêu của học phần:

- **Kiến thức:** Sinh viên cần nắm vững nội dung cơ bản hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, thấy được tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của mỗi người.

- **Kỹ năng:** Trên cơ sở nắm vững hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên phải biết vận dụng để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống, học tập và công tác đặt ra.

- **Thái độ, chuyên cần:** Học phần nhằm bồi dưỡng cho sinh viên các thái độ: học tập nghiêm túc, hiểu biết đúng đắn, kính yêu, sống, chiến đấu lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn

Đi học chuyên cần, lên lớp và dự thảo luận đầy đủ, bài học có chất lượng; chuẩn bị tốt, đầy đủ câu hỏi thảo luận, có đủ bài kiểm tra, thực hiện tốt nội quy học tập.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam; là sự kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại nhằm giải phóng giai cấp, xã hội và con người

9. Nội dung chi tiết học phần: Gồm 2 tín chỉ

9.1 Cấu trúc chương trình

T T	Tên tín chỉ	Nội dung tín chỉ	LT	TL	TH
1	Tín chỉ 1: Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc	<i>Chương mở đầu : Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	1		6
		<i>Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	4	2	8
		<i>Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc</i>	3	1	8
		<i>Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	3	1	8
		Cộng	11	04	30
2	Tín chỉ 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đất nước	<i>Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân</i>	2	1	7
		<i>Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	3	1	9
		<i>Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế</i>	2	0	7
		<i>Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới</i>	4	2	7
		Cộng	11	04	30
	Tổng		22	08	60

9.2 Nội dung chi tiết của học phần

Tín chỉ 1: Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc

Chương mở đầu

Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

(Lý thuyết: 1 tiết, Thảo luận, bài tập: 0 tiết, Tự học: 6 tiết)

A. Mục đích:

Làm cho người học nắm được khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, ý nghĩa học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh.

B. Yêu cầu:

Làm rõ khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ của học phần và phương pháp, ý nghĩa học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh.

C. Nội dung giảng

1. Đối tượng nghiên cứu

1.1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở phương pháp luận

D. Nội dung tự học

1. Đối tượng nghiên cứu

1.3. Mối quan hệ giữa Tư tưởng Hồ Chí Minh với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Phương pháp nghiên cứu

2.2. Các phương pháp cụ thể

3. Ý nghĩa của việc học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

3.1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác.

3.2. Bồi dưỡng phẩm chất cách mạng và bản lĩnh chính trị

E. Câu hỏi ôn tập và thảo luận

1. Trình bày đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh

(Lý thuyết: 3 tiết, Thảo luận, bài tập: 2 tiết, Tự học: 8 tiết)

A. Mục đích:

Làm cho người học nắm được cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

B. Yêu cầu:

Làm rõ cơ sở và các thời kỳ hình thành, phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh

C. Nội dung giảng:

1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1. Cơ sở khách quan

1.1.2. Những tiền đề tư tưởng – lý luận

2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1. Thời kỳ 1890 – 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng

2.2. Thời kỳ 1911 – 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc

2.3. Thời kỳ 1921 – 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam

2.4. Thời kỳ 1930 – 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng

2.5. Thời kỳ 1945 – 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện

D. Nội dung tự học:

1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1. Cơ sở khách quan

1.1.1. Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2. Nhân tố chủ quan

3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc

3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới

E. Câu hỏi ôn tập và thảo luận:

1. Phân tích những tiền đề tư tưởng – lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Trình bày các thời kỳ hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc

(Lý thuyết: 3 tiết, Thảo luận, bài tập: 1 tiết, Tự học: 8 tiết)

A. Mục đích:

Làm cho người học nắm vững những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; thấy được tư tưởng của Người đã soi sáng cho cách mạng Việt Nam đi tới giành thắng lợi

B. Yêu cầu:

Làm rõ nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng đó đã soi đường cho cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam

C. Nội dung giảng

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

1.1.2. Độc lập dân tộc - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa

1.1.3. Chủ nghĩa dân tộc - một động lực lớn của đất nước

1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

- 1.2.1. Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau
- 1.2.2. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội
- 1.2.3. Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc
- 2.1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc
- 2.2.1. Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa
- 2.2.2. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc
- 2.4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc
- 2.4.1. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng bị áp bức
- 2.4.2. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc
- 2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc
- 2.5.1. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo.
- 2.5.2. Quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc

D. Nội dung tự học

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc
- 1.1.1. Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa
- 1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp
- 1.2.4. Giữ vững độc lập dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc
- 2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản
- 2.2.1. Bài học từ các con đường cứu nước đầu thế kỷ XX
- 2.2.2. Con đường cách mạng tư sản là không triệt để
- 2.2.3. Con đường cách mạng vô sản
- 2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo
- 2.3.1. Cách mạng trước hết phải có Đảng
- 2.3.2. Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất
- 2.6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực
- 2.6.1. Tính tất yếu của bạo lực cách mạng
- 2.6.2. Tư tưởng bạo lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hòa bình
3. Ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc
- 3.1. Làm phong phú học thuyết Mác – Lênin về cách mạng thuộc địa
- 3.2. Soi đường thắng lợi cho cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam

E. Câu hỏi ôn tập và thảo luận

1. Trình bày những luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc thuộc địa
2. Phân tích mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp
3. Phân tích những luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

(Lý thuyết: 3 tiết, Thảo luận, bài tập: 1 tiết, Tự học: 8 tiết)

A. Mục đích

Làm cho người học nắm được những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và thấy được những sáng tạo của Hồ Chí Minh trên lĩnh vực này.

Củng cố niềm tin khoa học vào Đảng, vào chế độ để họ vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

B. Yêu cầu

Làm rõ cơ sở khoa học và nội dung những quan điểm của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam. Làm rõ được yêu cầu khách quan và những nội dung cơ bản của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

C. Nội dung giảng

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

- 1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam
- 1.4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền
 - 1.4.1. Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền trở thành Đảng cầm quyền
 - 1.4.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh
 - 2.1. Xây dựng Đảng – Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng
 - 2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 2.2.3. Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ

D. Nội dung tự học

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh
 - 2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 2.2.1. Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận
 - 2.2.2. Xây dựng Đảng về chính trị
 - 2.2.4. Xây dựng Đảng về đạo đức
3. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong công cuộc đổi mới
 - 3.1. Về chính trị
 - 3.2. Về tư tưởng
 - 3.3. Về tổ chức
 - 3.4. Về đạo đức, lối sống

E. Câu hỏi ôn tập và thảo luận

1. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp công nhân của Đảng CS Việt Nam
3. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng.

Tín chỉ 2

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đất nước

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân

(Lý thuyết: 2 tiết, Thảo luận, bài tập: 1 tiết, Tự học: 7 tiết)

A. Mục đích

Làm cho người học nắm được quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ; về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Thấy được sự sáng tạo của Hồ Chí Minh ở các lĩnh vực này. Cùng cố niềm tin cho người học vào chế độ, để họ vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng và hoàn thiện Nhà nước hiện nay

B. Yêu cầu

Làm rõ cơ sở khoa học và nội dung những quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Làm rõ được những yêu cầu khách quan của việc vận dụng tư tưởng đó của Người trong công cuộc đổi mới

C. Nội dung giảng

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ
 - 1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ
 - 1.2. Thực hành dân chủ
 - 1.3. Xây dựng và hoàn thiện chế độ dân chủ rộng rãi
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân
 - 2.1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân
 - 2.1.1. Nhà nước của dân
 - 2.1.2. Nhà nước do dân

- 2.1.3. Nhà nước vì dân
- 2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước
 - 2.2.1. Về bản chất giai cấp của Nhà nước
 - 2.2.2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước
- 2.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ
 - 2.3.2. Hoạt động quản lý Nhà nước bằng Hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống
- 2.4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả
 - 2.4.1. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước
 - 2.4.2. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng

D. Nội dung tự học

- 1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ
 - 1.2. Dân chủ trong các lĩnh vực đời sống xã hội
 - 1.3. Thực hành dân chủ
 - 1.3.2. Xây dựng các tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh để bảo đảm dân chủ trong xã hội
- 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân
- 2.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ
 - 2.3.1. Xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến
 - 2.3.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài
- 3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước trong công cuộc đổi mới
 - 3.1. Nhà nước bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân
 - 3.2. Kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước
 - 3.3. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

E. Câu hỏi ôn tập và thảo luận

- 1. Trình bày những quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ
- 2. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

(Lý thuyết: 3 tiết, Thảo luận, bài tập: 1 tiết, Tự học: 7 tiết)

A. Mục đích

Làm cho người học thấy được quan điểm của Hồ Chí Minh về tính tất yếu hợp quy luật của quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nắm được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

B. Yêu cầu

Làm rõ được những quan điểm của Hồ Chí Minh về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội; về những đặc trưng bản chất, mục tiêu, động lực, nhiệm vụ, bước đi, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

C. Nội dung giảng

- 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 1.2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 1.2.2. Bản chất và đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội
 - 1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 1.3.1. Mục tiêu
 - 1.3.2. Động lực
- 2. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 2.1. Con đường
 - 2.1.1. Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ

- 2.1.2. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- 2.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ
- 2.2. Biện pháp
 - 2.2.1. Phương châm
 - 2.2.2 Biện pháp

D. Nội dung tự học

- 1.2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - 1.2.1. Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội
- 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội soi sáng cho công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa
 - 3.1. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
 - 3.2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nguồn nội lực để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức
 - 3.3. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại
 - 3.4. Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy Nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư để xây dựng chủ nghĩa xã hội

E. Câu hỏi ôn tập và thảo luận

- 1. Làm rõ tính tất yếu khách quan, hợp quy luật của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh
- 2. Trình bày quan điểm đặc trưng, bản chất, bước đi, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế

(Lý thuyết: 2 tiết, Thảo luận, bài tập: 0 tiết, Tự học: 7 tiết)

A. Mục đích

Làm cho người học nắm được cơ sở khoa học, nội dung cơ bản những luận điểm của Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế

B. Yêu cầu

Làm rõ cơ sở khoa học và nội dung những quan điểm của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế và sự vận dụng tư tưởng đó vào công cuộc đổi mới hiện nay

C. Nội dung giảng

- 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc
 - 1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng
 - 1.1.1. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng
 - 1.1.2. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của dân tộc
 - 1.2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc
 - 1.2.1. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân
 - 1.3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc
 - 1.3.1. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất.
 - 1.3.2 .Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất
- 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế
 - 2.2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế
 - 2.2.1. Các lực lượng cần đoàn kết
 - 2.2.2. Hình thức đoàn kết
 - 2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế
 - 2.3.1. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình
 - 2.3.2. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường

D. Nội dung tự học

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc
 - 1.2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc
 - 1.2.2. Thực hiện đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước – nhân nghĩa – đoàn kết của dân tộc; đồng thời, phải có tấm lòng khoan dung độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế
 - 2.1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế
 - 2.1.1. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng
 - 2.1.2. Thực hiện đoàn kết quốc tế, nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng
3. Kết luận

E. Câu hỏi ôn tập và thảo luận

1. Phân tích nội dung và hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc
2. Phân tích nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế

Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới

(Lý thuyết: 4 tiết, Thảo luận, bài tập: 2 tiết, Tự học: 9 tiết)

A. Mục đích

Làm cho người học nắm được những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Thấy được những nguyên tắc cơ bản trong việc xây dựng một nền văn hóa mới, đạo đức mới và yêu cầu cấp bách của việc xây dựng nền văn hóa mới, đạo đức mới, con người mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh

B. Yêu cầu

Làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đạo đức; những chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người Việt Nam và những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới. Làm rõ tư tưởng văn hóa và những nội dung xây dựng nền văn hóa mới, con người mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh

C. Nội dung giảng

1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa
 - 1.1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh
 - 1.1.1. Định nghĩa về văn hóa
 - 1.1.2. Quan điểm về xây dựng một nền văn hóa mới
 - 1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa
 - 1.2.1. Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội
 - 1.2.2. Quan điểm về tính chất của nền văn hóa
 - 1.2.3. Quan điểm về chức năng của văn hóa
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
 - 2.1. Nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
 - 2.1.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng
 - 2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
 - 2.2.2. Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới
 - 3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”
 - 3.2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người
 - 3.2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”

D. Nội dung tự học

1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa
 - 1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa
 - 1.3.1. Văn hóa giáo dục
 - 1.3.2. Văn hóa văn nghệ
 - 1.3.3. Văn hóa đời sống

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
 - 2.1. Nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
 - 2.1.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức
 - 2.1.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới
 - 2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
 - 2.2.1. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới
 - 3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người
 - 3.1.1. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể
 - 3.1.2. Con người cụ thể, lịch sử
 - 3.1.3. Bản chất con người mang tính xã hội
4. Kết luận

E. Câu hỏi ôn tập và thảo luận

1. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa
2. Trình bày những quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa
3. Trình bày nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
4. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

10. Học liệu

- Giáo trình

- + Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho sinh viên đại học cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh) NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội – 2009
- + Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. NXB CTQG, Hà Nội – 2003

- Tài liệu tham khảo:

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập (12 tập) NXBCTQG, Hà nội 2000
2. Hồ Chí Minh, Biên niên tiểu sử (10 tập) NXBCTQG, Hà nội 1993 – 1996
3. PTS Nguyễn Khánh Bật: Những bài giảng học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh NXBCTQG, Hà Nội 2000
4. Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh: Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXBCTQG, Hà Nội 2002
5. PTS Hoàng Trang – PTS Nguyễn Khánh Bật: Tìm hiểu thân thế- Sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh (Hỏi đáp) NXBCTQG, Hà Nội 1999
6. Võ Nguyên Giáp: Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam NXBCTQG, Hà Nội 2003
7. PGS, TS Mạch Quang Thắng: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam, NXBCTQG, Hà Nội 1995
8. PGS Song Thành: Hồ Chí Minh nhà văn hóa kiệt xuất, NXBCTQG, Hà Nội 1999
9. GS Đinh Xuân Lâm: Góp phần tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh, NXBCTQG, Hà Nội 2005
10. PGS, TS Thành Dục: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức NXBCTQG, Hà Nội 1996
11. Học viện Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dựng nước và giữ nước, NXBQĐND, 2003
12. Danh nhân Hồ Chí Minh, tập 1&2, NXB Lao động, 2000
13. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X

11. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh được thực hiện:

- Số giờ tín chỉ phải thực hiện: Lý thuyết 22, thảo luận 8 Tự học 60

- Thời gian học: rải ra trong một học kỳ trên cơ sở đơn vị thời gian tuần lễ
- Nội dung chính của hoạt động dạy và học: lên lớp lý thuyết và thảo luận theo nhóm
- Yêu cầu công việc đối với sinh viên: đọc nghiên cứu giáo trình trước khi lên lớp nghe giảng. Chuẩn bị đầy đủ đề cương câu hỏi thảo luận trước khi thảo luận

Kết hợp linh hoạt giữa giảng lý thuyết làm bài tập và thảo luận; phát huy hiệu quả thời gian tự học, tự nghiên cứu của sinh viên (trong đó, bố trí lớp học lý thuyết không quá 80 sinh viên; làm bài tập, thảo luận theo nhóm không quá 40 sinh viên).

Nội dung học phần chia ra các vấn đề/tuần

Hình thức TCDH	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tuần 1 : Lý thuyết	<u>Tín chỉ 1</u> <u>Chương mở đầu</u> - Mục I: 1.1.Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2.Đối tượng và nhiệm vụ của học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh - Mục 2.. 2.1.Cơ sở phương pháp luận <u>Chương 1:</u> - Mục 1. 1.1.Cơ sở khách quan	- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5; 6 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng	Theo sự sắp xếp của trường	
Tự học	<u>Chương mở đầu</u> - Mục 1 : 1.3. Mối quan hệ giữa Tư tưởng HCM với học phần NNL cơ bản của CN Mác – Lênin và Đường lối CMVN của Đảng CSVN - Mục2. 2.2. Các phương pháp cụ thể 3. Ý nghĩa của việc học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh 3.1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác. 3.2. Bồi dưỡng phẩm chất cách mạng và bản lĩnh chính trị	Nghiên cứu giáo trình tài liệu, ghi chú những nội dung và những vấn đề chưa rõ		
Tuần 2 Lý thuyết	<u>Chương1(tiếp)</u> - Mục 1: 1.1.2. Những tiền đề tư tưởng – lý luận Mục2 : 2.1. Thời kỳ 1890 – 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng CM 2.2. Thời kỳ 1911 – 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, GPDT 2.3. Thời kỳ 1921 – 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam	- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5; 6 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng	Theo sự sắp xếp của trường	
Tự học	<u>Chương1</u> - Mục 1	- Nghiên cứu giáo trình tài liệu, ghi chú		

	1.1. Cơ sở khách quan 1.1.1. Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh .	những nội dung và những vấn đề chưa rõ của chương - Chuẩn bị nội dung thảo luận của chương		
Tuần 3 Lý thuyết	Chương 1(Tiếp) - Mục 2 : 2.4. Thời kỳ 1930 – 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng 2.5. Thời kỳ 1945 – 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện Chương 2 - Mục 1 1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa 1.1.2. ĐLDT - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa 1.1.3. CNDT - một động lực lớn của đất nước 1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề DT & GC 1.2.1. Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau 1.2.2. GPDT là vấn đề trên hết, trước hết; ĐLDT gắn liền với CNXH 1.2.3. Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp	- SV tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5; 6 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5;6 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng	Theo sự sắp xếp của trường	
Tự học	Chương 1 - Mục 2 1.2. Nhân tố chủ quan 3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh 3.1. Tư tưởng HCM soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc 3.2. Tư tưởng HCM đối với sự phát triển thế giới Chương 2 ; Mục 1 1.1. Thực chất của vấn đề DT thuộc địa 1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp 1.2.4. Giữ vững ĐLDT mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác	- Nghiên cứu giáo trình tài liệu, ghi chú những nội dung và những vấn đề chưa rõ của chương - Chuẩn bị nội dung thảo luận của chương 1		
Tuần 4 Lý thuyết	Chương 2 (Tiếp) - Mục 2: 2.1. Mục tiêu của CMGPDT 2.2.1. Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa 2.2.2. Mục tiêu của CMGPDT 2.4. Lực lượng của CMGPDT bao gồm toàn dân tộc 2.4.1. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng bị áp bức 2.4.2. Lực lượng của CMGPDT	- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5; 6 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng	Theo sự sắp xếp của trường	

	2.5. CMGPDT cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước CMVS ở chính quốc 2.5.1. CMGPDT cần được tiến hành chủ động, sáng tạo. 2.5.2. Quan hệ giữa CM thuộc địa với CMVS ở chính quốc			
Thảo luận	1. Phân tích những tiền đề tư tưởng – lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Trình bày các thời kỳ hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ, chu đáo phần nội dung câu hỏi thảo luận	Theo sự sắp xếp của trường	
Tự học	<u>Chương 2</u> - Mục 2 2.2. CMGPDT muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản 2.2.1. Bài học từ các con đường cứu nước đầu thế kỷ XX 2.2.2. Con đường CMTS là không triệt để 2.2.3. Con đường cách mạng vô sản 2.3. CMGPDT trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo 2.3.1. CM trước hết phải có Đảng 2.3.2. Đảng CSVN là người lãnh đạo duy nhất 2.6. CMGPDT phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực 2.6.1. Tính tất yếu của BLCM 2.6.2. Tư tưởng BLCM gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hòa bình 3. Ý nghĩa tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc, CMGPDT 3.1. Làm phong phú học thuyết Mác – Lênin về cách mạng thuộc địa 3.2. Soi đường thắng lợi cho cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam	- Nghiên cứu giáo trình tài liệu, ghi chú những nội dung và những vấn đề chưa rõ của chương - Chuẩn bị nội dung thảo luận của chương 2		
Tuần 5 Lý thuyết	<u>Chương 3</u> ; - Mục 1. 1.3. Bản chất của Đảng CSVN 1.4. Quan niệm về Đảng CSVN cầm quyền 1.4.1. Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền trở thành Đảng cầm quyền 1.4.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền - Mục 2. 2.1. Xây dựng Đảng – Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng	- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5; 6;7 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng	Theo sự sắp xếp của trường	
Thảo luận	1. Phân tích mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp 2. Phân tích những luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về CMGPDT	Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ, chu đáo phần nội dung câu hỏi thảo luận	Theo sự sắp xếp của trường	

	3. Phân tích quan điểm của HCM về bản chất giai cấp công nhân của Đảng CSVN 4. Phân tích quan điểm của HCM về những nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng.			
Tự học	Chương 3 - Mục 1 1.1. Về sự ra đời của Đảng CSVN 1.2. Vai trò của Đảng CSVN. - Mục 2. 2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam 2.2.1. Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận 2.2.2. Xây dựng Đảng về chính trị 2.2.4. Xây dựng Đảng về đạo đức - Mục 3. 3.1. Về chính trị 3.2. Về tư tưởng 3.3. Về tổ chức 3.4. Về đạo đức, lối sống	- Nghiên cứu giáo trình tài liệu, ghi chú những nội dung và những vấn đề chưa rõ của chương		
Tuần 6 Lý thuyết	Chương 3. (Tiếp) - Mục 2. 2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng CSVN 2.2.3. Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ Tín chỉ 2 Chương 4 - Mục 1. 1.1. Quan niệm của HCM về dân chủ 1.3. Thực hành dân chủ 1.3.1. Xây dựng và hoàn thiện chế độ dân chủ rộng rãi - Mục 2. 2.1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân 2.1.1. Nhà nước của dân 2.1.2. Nhà nước do dân 2.1.3. Nhà nước vì dân 2.2. Quan điểm của HCM về sự thống nhất giữa bản chất GCCN với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước 2.2.1. Về bản chất GC của Nhà nước 2.2.2. Bản chất GCCN thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước	- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5; 6;7 trước khi lên lớp - Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;3 ;4;5; 6;12 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng	Theo sự sắp xếp của trường	
Tự học	Chương 4 Mục 1. 1.2. Dân chủ trong các lĩnh vực đời sống xã hội 1.3. Thực hành dân chủ	- Nghiên cứu giáo trình tài liệu, ghi chú những nội dung và những vấn đề chưa rõ		

	1.3.2. Xây dựng các tổ chức Đảng, NN, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh để bảo đảm dân chủ trong xã hội Mục 2. 2.3. Xây dựng NN có hiệu lực PL mạnh mẽ 2.3.1. Xây dựng NN hợp pháp, hợp hiến 2.3.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài	của chương - Chuẩn bị nội dung thảo luận của chương		
Tuần 7 Lý thuyết	Chương 4 (Tiếp) - Mục 2 2.3. Xây dựng NN có hiệu lực PL mạnh mẽ 2.3.2. Hoạt động quản lý NN bằng Hiến pháp, PL và chú trọng đưa PL vào cuộc sống 2.4. Xây dựng NN trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả 2.4.1. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của NN 2.4.2. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng Chương 5 - Mục 1. 1.1. Tính tất yếu của CNXH ở Việt Nam 1.2. Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam 1.2.2. Bản chất và đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội	- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;3 ;4;5; 6;12 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5; 6 ;12 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng	Theo sự sắp xếp của trường	
Tự học	Chương 4. Mục 3. 3.1. Nhà nước bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân 3.2. Kiến toàn bộ máy hành chính NN 3.3. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước Chương 5. - Mục 1 1.2. Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam 1.2.1. Cách tiếp cận của HCM về chủ nghĩa xã hội	- Nghiên cứu giáo trình tài liệu, ghi chú những nội dung và những vấn đề chưa rõ của chương - Chuẩn bị nội dung thảo luận của chương		
Tuần 8 Lý thuyết	Chương 5 (Tiếp) 1.3. Quan điểm của HCM mục tiêu, động lực của CNXH ở Việt Nam 1.3.1. Mục tiêu 1.3.2. Động lực - Mục 2. 2.1. Con đường 2.1.1. Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ	- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5; 6 ;12 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng	Theo sự sắp xếp của trường	

	2.1.2. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam 2.1.3. Quan điểm của HCM về nội dung xây dựng CNXH ở nước ta trong thời kỳ quá độ 2.2. Biện pháp 2.2.1. Phương châm 2.2.2 Biện pháp			
Thảo luận	1. Làm rõ tính tất yếu khách quan, hợp quy luật của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Trình bày quan điểm đặc trưng, bản chất, bước đi, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh	Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ, chu đáo phần nội dung câu hỏi thảo luận	Theo sự sắp xếp của trường	
Tự học	Chương 5 - Mục 3. 3.1. Kiên trì mục tiêu ĐLDT và CNXH 3.2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nguồn nội lực để đẩy mạnh CNH, H ĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức 3.3. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại 3.4. Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy NN, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng lãng phí, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư để xây dựng CNXH	- Nghiên cứu giáo trình tài liệu, ghi chú những nội dung và những vấn đề chưa rõ của chương - Chuẩn bị nội dung thảo luận của chương		
Tuần 9 Lý thuyết	Chương 6 - Mục 1. 1.1. Vai trò của ĐĐKDT trong sự nghiệp cách mạng 1.1.1. ĐĐKDT vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của CM 1.1.2. ĐĐKDT là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của dân tộc 1.2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc 1.2.1. ĐĐKDT là đại đoàn kết toàn dân 1.3. Hình thức tổ chức khối ĐĐKDT 1.3.1. Hình thức tổ chức của khối ĐĐKDT là MTDTTN. 1.3.2 .Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của MTDTTN 2. Tư tưởng HCM về đoàn kết quốc tế 2.2. Nội dung và hình thức Đ KQT 2.2.1. Các lực lượng cần đoàn kết 2.2.2. Hình thức đoàn kết 2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế 2.3.1. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình	- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5;6 ;12 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng	Theo sự sắp xếp của trường	

	2.3.2. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường			
Tự học	Chương 6 Mục 1. 1.2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc 1.2.2. Thực hiện ĐĐKTD phải kế thừa truyền thống yêu nước – nhân nghĩa – ĐK của dân tộc; đồng thời, phải có tấm lòng khoan dung độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người Mục 2. 2.1. Sự cần thiết xây dựng ĐKQT 2.1.1. Thực hiện ĐKQT nhằm kết hợp SMDT với SMTĐ tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng 2.1.2. Thực hiện ĐKQT, nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng 3. Kết luận	- Nghiên cứu giáo trình tài liệu, ghi chú những nội dung và những vấn đề chưa rõ của chương - Chuẩn bị nội dung thảo luận của chương		
Tuần 10 Lý thuyết	Chương 7 - Mục 1. 1.1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1.1. Định nghĩa về văn hóa 1.1.2. Quan điểm về xây dựng một nền văn hóa mới 1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa 1.2.1. Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội 1.2.2. Quan điểm về tính chất của nền văn hóa 1.2.3. Quan điểm về chức năng của văn hóa	- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5; 6 ;8 ;12 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng	Theo sự sắp xếp của trường	
Tự học	Chương 7 - Mục 1. 1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa 1.3.1. Văn hóa giáo dục 1.3.2. Văn hóa văn nghệ 1.3.3. Văn hóa đời sống	SV nghiên cứu giáo trình tài liệu, ghi chú những nội dung và những vấn đề chưa rõ của chương - Chuẩn bị ND thảo luận của chương	Theo sự sắp xếp của trường	
Tuần 11 Lý thuyết	Chương 7(Tiếp) - Mục 2 2.1. Nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 2.1.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh 2.2.2. Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu 1;4;5; 6 ;8 ;10 ;12 trước khi lên lớp - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng	Theo sự sắp xếp của trường	

	- Mục 3. 3.2. Quan điểm của HCM về vai trò của con người và chiến lược “trồng người” 3.2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 3.2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”			
Thảo luận	1. Trình bày quan điểm của HCM về các vấn đề chung của văn hóa 2. Trình bày những quan điểm của HCM về một số lĩnh vực chính của văn hóa 3. Trình bày nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 4. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới	Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ, chu đáo phần nội dung câu hỏi thảo luận	Theo sự sắp xếp của trường	
Tự học	<u>Chương 7</u> - Mục 2. 2.1. Nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 2.1.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức 2.1.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới 2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh 2.2.1. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh - Mục 3. 3.1. Quan niệm của HCM về con người 3.1.1. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể 3.1.2. Con người cụ thể, lịch sử 3.1.3. Bản chất con người mang tính xã hội - Mục 4. Kết luận	SV nghiên cứu giáo trình tài liệu, ghi chú những nội dung và những vấn đề chưa rõ của chương - Chuẩn bị nội dung thảo luận của chương	Theo sự sắp xếp của trường	

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải có đủ giáo trình và tài liệu học tập

- Đối với giảng viên :

+ Lý thuyết: Giảng viên chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, bảo đảm giảng đầy đủ những phần kiến thức quy định, hướng dẫn sinh viên những mục tự học. Trong quá trình giảng bài cần lồng ghép kiến thức lý thuyết với các vấn đề trong thực tiễn.

+ Thảo luận giảng viên hướng dẫn sinh viên thảo luận và giải đáp những thắc mắc mà sinh viên đặt ra. Nội dung thảo luận hướng vào những nội dung cơ bản của học phần và liên hệ với thực tiễn.

+ Tự học: Giảng viên chú trọng việc hướng dẫn sinh viên tự đọc tài liệu, làm bài tập, khuyến khích sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào việc lý giải những vấn đề trong thực tiễn.

- Đối với sinh viên : Sinh viên thực hiện nghiêm túc thời gian tự học, nghiên cứu tài liệu tham khảo, chuẩn bị nội dung ôn tập, thảo luận và các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

Kiểm tra, thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ - BGD & ĐT

- *Hình thức thi*: Trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan theo tỷ lệ: 60% tự luận, 40% trắc nghiệm khách quan

- *Nội dung thi*:

+ Bao gồm toàn bộ phần nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên

+ Nội dung thi cần đảm bảo 50% kiến thức cơ bản và 50% kiến thức liên hệ, vận dụng thực tiễn.

+ Khuyến khích ra đề thi theo hướng "mở"

- *Thang điểm*: 10 (Quy đổi theo thang điểm: A,B,C,D,F theo quy định của Bộ), trong đó:

+ Kiểm tra thường xuyên (*Trọng số 10%*): Đánh giá việc chuyên cần đến lớp, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, khối lượng bài soạn đã được giao phải hoàn thành,...

+ Kiểm tra định kỳ (*Trọng số 20%*): (ít nhất 1 lần kiểm tra). Hình thức thi: Trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan (tỷ lệ: 60% tự luận, 40% trắc nghiệm khách quan)

+ Thi kết thúc học phần (*Trọng số 70%*), Hình thức thi: Trắc nghiệm tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan (tỷ lệ: 60% tự luận, 40% trắc nghiệm khách quan).

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HÁN NÔM CƠ SỞ

1. Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Hoa Lê

- Chức danh : Giảng viên
- Học hàm: Thạc sĩ
- Hướng nghiên cứu chính: Hán văn Việt Nam thế kỉ XVIII- XIX
- Địa chỉ: Số nhà 302A ngõ 302A đường Ngô Thì Nhậm, tổ 2, khối 10, phường Trung Đô, thành phố Vinh.
- Điện thoại: 0383552246, Dđ: 0988440067

2. Tên học phần : Hán Nôm cơ sở

3. Mã học phần: NV10005

4. Số tín chỉ: 3

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lí thuyết: 40 tiết
- Bài tập trên lớp: 5 tiết.
- Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết.

7. Mục tiêu học phần:

Kiến thức: Môn học cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ sở về chữ Hán và chữ Nôm như cách viết chữ Hán, nguyên tắc cấu tạo của chữ Hán, chữ Nôm, những đặc điểm về hình âm nghĩa của chữ Hán; cách tiếp cận, lí giải và đối chiếu giữa văn bản bằng chữ Hán chữ Nôm với bản dịch thơ và bản dịch nghĩa; cách cấu tạo của từ ghép Hán Việt.

Kĩ năng: Môn học nhằm giúp cho sinh viên cách viết cách ghi nhận, ghi nhớ chữ Hán về cả ba mặt hình-âm-ngĩa, giúp sinh viên có những kĩ năng, thao tác khi tiếp xúc với chữ Hán chữ Nôm cũng như các văn bản viết bằng chữ Hán chữ Nôm; Có thể hiểu và lí giải được từ *nguyên, từ nghĩa* của bộ phận từ Việt gốc Hán.

Thái độ, chuyên cần: Đánh giá đúng vị trí và vai trò của chữ Hán và chữ Nôm cũng như dòng văn học bằng chữ Hán và chữ Nôm đối với quá khứ của dân tộc.

8. Tóm tắt nội dung môn học:

Nội dung môn học bao gồm hai phần lớn, lí thuyết và văn bản thực hành.

Phần lí thuyết: gồm bốn 3 chương .

Chương I: Những tri thức chung về chữ Hán

Chương II: Sơ lược về ngữ pháp Hán văn - Văn ngôn

Chương III: Những tri thức chung về chữ Nôm

Phần văn bản thực hành là những bài thơ bài văn tiêu biểu mà sinh viên đã được học phần bản dịch thời kì phổ thông. Những văn bản này dùng để minh họa và làm tư liệu cho người học thực hành một số phần ở lí thuyết. Vì vậy, phần văn bản này sẽ thực hiện xen kẽ sau các chương mục của phần lí thuyết.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Bài mở đầu (1tiết)

1. Vị trí, mục đích môn học
2. Yêu cầu
3. Nội dung môn học.
4. Phương pháp học tập, giáo trình và sách tham khảo

Chương I: Những tri thức chung về chữ Hán (24 tiết)

Phần lí thuyết

I. Đôi nét về quốc văn Việt Nam (tự tìm hiểu)

II. Nét viết của chữ Hán

1. Các nét tạo thành chữ Hán
 2. Quy tắc viết chữ Hán
 3. Cách đếm nét chữ Hán
 4. Các yêu cầu khi viết chữ Hán
 5. Luyện tập
- Viết khai triển các nét của các chữ trong bài thơ theo quy tắc bút thuận.
 - Dịch nghĩa bài thơ ra Việt văn.
 - Đối chiếu giữa bản dịch nghĩa và bản dịch thơ được học trong sách giáo khoa phổ thông.

III. Lịch sử và diễn biến về hình thể của chữ Hán

1. Lịch sử chữ Hán
2. Diễn biến về hình thể chữ Hán

IV. Bộ thủ chữ Hán

1. Khái niệm về Bộ Thủ
2. Quá trình hình thành hệ thống Bộ Thủ
3. Luyện tập

- Liệt kê các bộ chỉ bộ phận của thân thể, cơ thể.
- Liệt kê các bộ chỉ quan hệ thân thuộc.
- Liệt kê các bộ chỉ các hiện tượng và sự vật trong thiên nhiên.
- Liệt kê các bộ chỉ động thực vật.
- Liệt kê các bộ chỉ các đồ vật thông dụng.
- Liệt kê các bộ chỉ tính chất.

V. Sự tạo thành chữ Hán – Lục thư

1. Tượng hình
2. Chỉ sự
3. Hội ý
4. Hình thanh
5. Chuyển chú
6. Giả tá

Luyện tập

Phân tích cấu tạo chữ Hán

VI. Cách tra từ điển, tự điển Hán Nôm

Phần văn bản thực hành

1. Nam quốc sơn hà
2. Cáo tật thị chúng
3. Thuật hoài
4. Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng
5. Hoàng Hạc lâu
6. Nguyên tiêu
7. Tảo giải

Chương II: Sơ lược về ngữ pháp Hán văn - Văn ngôn

Phần lí thuyết

I. Giải thích một số khái niệm

II. Tự (chữ) và từ trong văn ngôn

1. CHỮ (nêu khái niệm về chữ trong Hán văn)
2. TỪ (nêu khái niệm về từ trong Hán văn)
3. Từ loại
4. Việc sử dụng linh hoạt của từ loại trong Văn ngôn

III. Cụm từ và cấu trúc cụm từ trong Hán văn - Văn ngôn

1. Khái niệm cụm từ

2. Các dạng và loại cụm từ

Phần văn bản

1. Thiên đô chiếu” của Lí Công Uẩn
2. Dụ chư tỳ tướng hịch văn của Trần Quốc Tuấn (trích)
3. Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi (trích)

Chương III: Những tri thức chung về chữ Nôm (6 tiết)

Phần lí thuyết

I. Khái niệm về chữ Nôm.

II. Thời kì chữ Nôm ra đời

III. Ý nghĩa của chữ Nôm trong nền văn hóa dân tộc

IV. Cấu trúc của chữ Nôm (Phương pháp cấu tạo chữ Nôm)

Phần văn bản

Truyện Kiều (trích đọc đoạn đầu)

Chinh phụ ngâm diễn Nôm (trích đoạn đầu)

Tự học, tự nghiên cứu:

1. Phiên âm các đoạn thực hành bằng chữ Nôm trên ra chữ quốc ngữ.
2. Chỉ ra phương pháp cấu tạo của các chữ Nôm có trong hai đoạn thực hành.

10. Học liệu:

Giáo trình

1. Đặng Đức Siêu, *Ngữ văn Hán Nôm*, Tập I, NXB. Giáo dục, 1995.
2. Đặng Đức Siêu - Nguyễn Ngọc San, *Ngữ văn Hán Nôm*, Tập II, NXB. Giáo dục, 1995.
3. *Giáo trình Hán Nôm*, tập II, phần chữ Nôm, do Bộ môn Hán Nôm Trường đại học Tổng hợp Hà Nội biên soạn, NXB Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội - 1990

Sách tham khảo

4. Lê Văn Quán, *Nghiên cứu về chữ Nôm*, NXB. KHXH, 1981.
5. Đào Duy Anh, *Chữ Nôm nguồn gốc cấu tạo*.
6. Phạm Văn Khoái, *Giáo trình Hán văn Lí Trần*, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội, 2001.

Sách công cụ:

7. Đào Duy Anh, *Từ điển Hán Việt*, NXB KHXH, Hà Nội, 2000.

11. Hình thức tổ chức dạy học :

NỘI DUNG MÔN HỌC CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ/TUẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm
Lí thuyết	TUẦN 1,2 Bài mở đầu Chương I. Những tri thức chung về chữ Hán I. Đôi nét về quốc văn Việt Nam II. Nét viết chữ Hán	TUẦN 1,2 Đọc bài “Lời nói đầu” cuốn 1 trang 3-8 Đọc cuốn 1 trang 9-40 Đọc cuốn 1 trang 58-66	
	TUẦN 3 III. Nguồn gốc và diễn biến về hình thể chữ Hán IV. Bộ thủ chữ Hán TUẦN 4, 5 Luyện tập ghi nhớ Bộ thủ TUẦN 6, 7 V. Cách tạo thành chữ Hán – Lục thư VI. Cách tra cứu từ điển, tự điển TUẦN 8,9 Kiểm tra Chương II. Sơ lược về ngữ pháp Hán văn – Văn ngôn I. Giải thích một số khái niệm II. Chữ và từ trong Văn ngôn III. Việc phân loại từ trong Văn ngôn IV. Cụm từ và cấu trúc của cụm từ.	TUẦN 3 Đọc cuốn 1 trang 66-81 TUẦN 4,5 Luyện tập ghi nhớ Bộ thủ, tham khảo bài: http://tiengtrung.vn/diendan/showthread.php/10302-Bo-Thu-dien-ca-Cach-hoc-nhanh-214-bo-thu-trong-1-ngay.html TUẦN 6,7 Đọc cuốn 1 trang 66-81 ra cứu âm đọc và trường nghĩa của Bộ thủ trong các chữ Hán ở văn bản 1,2,3,4,5,6,7 phần Văn bản. Tra cứu chữ Hán ở văn bản thực hành TUẦN 8,9 Đọc cuốn 1 trang 82-140 1. So sánh việc phân chia từ loại trong tiếng Việt và Hán văn	

	TUẦN 10,11,12,13 Luyện tập xác định từ loại và cụm từ TUẦN 14,15 Chương III. Những tri thức chung về chữ Nôm I. Khái niệm về chữ Nôm II. Thời kì xuất hiện chữ Nôm III. Ý nghĩa của chữ Nôm trong nền văn hóa dân tộc. IV. Cấu trúc của chữ Nôm	2. Xác định từ loại của các chữ trong văn bản thực hành TUẦN 10,11,12,13 - Xác định các loại thực từ có trong văn bản trích từ các bài <i>Thiên đô chiếu</i>, <i>Dụ chư tì tướng hịch văn</i>, <i>Bình Ngô đại cáo</i> TUẦN 14,15 - Đọc cuốn 3, từ trang 6 -24 - Phân tích cấu tạo của các chữ Nôm xuất hiện trong hai đoạn trích ở bài <i>Truyện Kiều</i> và <i>Chinh phụ ngâm diễn âm</i>	
Bài tập	TUẦN 2 1. Luyện viết nét chữ Hán. 2. Luyện viết chữ Hán theo quy tắc bút thuận 3. Luyện đếm nét chữ Hán 4. Phân tích cấu tạo chữ Nôm	- Tìm các tài liệu có phần viết chữ Hán theo quy tắc bút thuận hoặc luyện các chữ trong phần văn bản thực hành bài “Nam quốc sơn hà”	
Tự học		- Đọc kĩ lí thuyết - Tự tra cứu nghĩa của chữ trong các bài thực hành - Học chữ và từ mới trước	
Tư vấn	Viết chữ Hán và nhớ chữ Hán về cả ba mặt hình-âm-nghĩa là một vấn đề rất khó, vì vậy cần phải đầu tư thời gian nhiều và phải tích lũy dần dần từng ngày từng ngày một ít thì mới đạt hiệu quả đối với việc học môn này.		

12. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết lý thuyết, bài tập trên lớp. Nếu nghỉ quá 20% tổng số tiết của 45 tiết và không có điểm kiểm tra thường xuyên thì không được dự thi kết thúc môn học.
- Đảm bảo thời gian tự học và có kế hoạch về môn học cho bản thân. Đọc tài liệu có ghi chép và xử lý nguồn thông tin tài liệu có khoa học. Xuất trình kết quả tự học, tự nghiên cứu để giáo viên đánh giá nếu giáo viên yêu cầu. Nếu đạt kết quả tốt thì có thể thay điểm kiểm tra thường xuyên.

13. Phương thức kiểm tra và đánh giá kết quả môn học.

- Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Đi học chuyên cần, thái độ học tập tốt. 1/10 điểm.
- Điểm kiểm tra thường xuyên: 2/ 10 điểm.
- Điểm thi hết học phần: 3/10 điểm

Hình thức kiểm tra và thi: Tự luận.

Thang điểm 10.

14. Ngày phê duyệt:**15. Cấp phê duyệt:**

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÁC PHẨM VĂN HỌC, THỂ LOẠI VĂN HỌC VÀ TIẾN TRÌNH VĂN HỌC

1. Họ và tên: Phan Huy Dũng, Phó giáo sư, Tiến sĩ.

Hướng nghiên cứu chính: Thi pháp học, Văn học Việt Nam hiện đại..

Địa chỉ nhà riêng: Khối 9, Phường Trường Thi, TP Vinh.

Điện thoại: 0383.855793.

2. Tên học phần: Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học

3. Mã học phần: NV20010

4. Số tín chỉ: 4

5. Loại học phần: bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 50

- Bài tập trên lớp: 10

- Tự học: 120

7. Mục tiêu của học phần:

- *Kiến thức*: cung cấp kiến thức toàn diện về tác phẩm văn học, thể loại văn học và tiến trình văn học.

- *Kỹ năng*: giúp SV biết vận dụng nhuần nhuyễn các khái niệm lý luận văn học để nghiên cứu những vấn đề của văn học.

- *Thái độ*: SV phải đọc những tài liệu tham khảo cơ bản về môn học có hướng dẫn trong mục *Học liệu*.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần: Môn học được chia thành 3 phần chính: tác phẩm văn học, thể loại văn học và tiến trình văn học. Phần tác phẩm văn học đưa đến những tri thức cập nhật về văn bản văn học, tác phẩm văn học, tính quá trình của tác phẩm văn học, nội dung và ý nghĩa của tác phẩm văn học, thể giới nghệ thuật, sự kiện, cốt truyện, nhân vật, kết cấu... Phần thể loại văn học sẽ đi sâu tìm hiểu sự phân loại văn học, đời sống lịch sử của thể loại văn học, đặc trưng của thơ, tiểu thuyết, kịch, ký, văn chính luận... Phần tiến trình văn học sẽ trình bày một cách có hệ thống về các vấn đề tiến trình văn học, trào lưu, trường phái văn học và đặc điểm của một số “phương pháp sáng tác” đã hình thành trong lịch sử...

9. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. Văn bản và tác phẩm như là phương thức tồn tại của văn học

1.1. Một số quan niệm về tác phẩm văn học

1.2. Văn bản văn học với tư cách là cơ sở tồn tại của tác phẩm văn học

1.3. Cấu trúc của văn bản văn học và tính quá trình của tác phẩm văn học

Chương 2. Ngôn từ trong văn bản văn học

2.1. Khái niệm ngôn từ văn học

2.2. Đặc trưng ngữ âm, ngữ nghĩa của ngôn từ văn học

2.3. Đặc trưng của từ ngữ, câu văn và văn bản ngôn từ văn học với tư cách là các cấp độ chỉnh thể của ngôn từ văn học

2.4. Các biện pháp chính để tạo dựng hình tượng trong văn bản văn học

Chương 3. Thế giới nghệ thuật, sự kiện, cốt truyện và trần thuật của tác phẩm văn học

- 3.1. Thế giới nghệ thuật trong tác phẩm văn học
- 3.2. Sự kiện (biến cố), cốt truyện và truyện (bản kể)
- 3.3. Trần thuật và các yếu tố của trần thuật

Chương 4. Nhân vật văn học

- 4.1. Nhân vật – hình thức thể hiện con người trong văn học
- 4.2. Các yếu tố của nhân vật
- 4.3. Phân loại nhân vật

Chương 5. Kết cấu tác phẩm văn học

- 5.1. Khái niệm kết cấu tác phẩm văn học
- 5.2. Kết cấu bề mặt của tác phẩm văn học
- 5.3. Kết cấu bề sâu của tác phẩm văn học

Chương 6. Nội dung và ý nghĩa của tác phẩm văn học

- 6.1. Vấn đề nội dung và ý nghĩa của tác phẩm văn học
- 6.2. Đề tài, chủ đề và tư tưởng của tác phẩm văn học
- 6.3. Ý nghĩa thẩm mỹ của tác phẩm văn học

Chương 7. Thể loại tác phẩm văn học

- 7.1. Thể loại văn học và tính quy luật loại hình của nó
- 7.2. Sự phân chia loại hình và thể loại tác phẩm văn học
- 7.3. Ý nghĩa của thể loại văn học

Chương 8. Thơ

- 8.1. Khái niệm thơ
- 8.2. Phân loại thơ
- 8.3. Đặc trưng của thơ trữ tình
- 8.4. Tổ chức của một bài thơ trữ tình

Chương 9. Truyện và tiểu thuyết

- 9.1. Khái niệm chung về truyện và tiểu thuyết
- 9.2. Đặc trưng của tiểu thuyết
- 9.3. Các thể loại của truyện và tiểu thuyết

Chương 10. Kịch bản văn học

- 10.1. Khái niệm chung về kịch
- 10.2. Đặc trưng của kịch bản văn học.
- 10.3. Phân loại kịch

Chương 11. Ký văn học

- 11.1. Khái niệm chung về ký
- 11.2. Đặc trưng của ký văn học
- 11.3. Phân loại ký văn học

Chương 12. Tác phẩm chính luận

- 12.1. Khái niệm tác phẩm chính luận
- 12.2. Đặc điểm của tác phẩm chính luận

Chương 13. Tiến trình văn học

- 13.1. Khái niệm tiến trình văn học
- 13.2. Tiến trình văn học – một bộ phận của tiến trình lịch sử xã hội
- 13.3. Các quy luật vận động riêng của tiến trình văn học

Chương 14. Thời đại, trào lưu và phong cách văn học

- 14.1. Thời đại văn học
- 14.2. Trào lưu, khuynh hướng và trường phái văn học
- 14.3. Phong cách văn học

10. Học liệu

10.1. Giáo trình chính

1. Trần Đình Sử, Phương Lưu, Nguyễn Xuân Nam (1987), *Lý luận văn học tập II Tác phẩm văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Trần Đình Sử chủ biên (2008), *Lý luận văn học tập 2 Tác phẩm và thể loại văn học*, NXB đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Phương Lưu chủ biên (2006), *Lý luận văn học tập 3 Tiến trình văn học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. M.M. Bakhtin (1992), *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, NXB Văn học, Trường Viết văn Nguyễn Du xuất bản.
2. Trương Đăng Dung (2004), *Tác phẩm văn học như là quá trình*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. G. N. Pospelov chủ biên (1998), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Trần Đình Sử chủ biên (2004), *Tự sự học Một số vấn đề lý luận và lịch sử*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Trần Đình Sử chủ biên (2008), *Tự sự học Một số vấn đề lý luận và lịch sử Phần 2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

11. Hình thức tổ chức dạy học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian Địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	- Chương 1	- Đọc các trang từ 9 đến 45 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 1 -2	
	- Chương 2	- Đọc các trang từ 48 đến 78 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 3-4	
	- Chương 3	- Đọc các trang từ 81 đến 111 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 5-6	
	- Chương 5	- Đọc các trang từ 152 đến 181 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 7	
	- Chương 8	- Đọc các trang từ 254 đến 287 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 8-9	
	- Chương 9	- Đọc các trang từ 290 đến 320 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 10-11	
	- Chương 10	- Đọc các trang từ 323 đến 353 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 12	
	- Chương 13	- Đọc các trang từ 13 đến 59 của <i>Giáo trình số 3</i>	Tuần 13	
	- Chương 14	- Đọc các trang từ 61 đến 104 của <i>Giáo trình số 3</i>	Tuần 14-15	
Thảo luận	- Thảo luận về các vấn đề của chương 4	- Đọc các trang từ 114 đến 148 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 6	
	- Thảo luận về các vấn đề của chương 5	- Đọc các trang từ 152 đến 181 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 7	
	- Thảo luận về các vấn đề của chương 6,7	- Đọc các trang từ 184 đến 252 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 8	
	- Thảo luận về các	- Đọc các trang từ 254 đến 320 của <i>Giáo</i>	Tuần 9,10	

	vấn đề của chương 8, 9 - Thảo luận về các vấn đề của chương 10,11,12 - Thảo luận về các vấn đề của chương 13 trong <i>Giáo trình số 3</i> - Thảo luận về các vấn đề của chương 13,14	<i>trình số 2</i> - Đọc các trang từ 323 đến 409 của <i>Giáo trình số 2</i> - Đọc các trang từ 13 đến 59 của <i>Giáo trình số 3</i> - Đọc các trang từ 13 đến 104 của <i>Giáo trình số 3</i>	Tuần 11,12 Tuần 13 Tuần 14,15	
Tù học	- Đọc các tài liệu lý luận văn học mới			

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- SV tham dự đầy đủ các buổi học lý thuyết, làm chu đáo các bài tập và nhiệt tình đóng góp ý kiến trong những buổi thảo luận.
- Cập nhật những tài liệu mới về văn bản văn học, tác phẩm văn học, thể loại văn học, tiến trình văn học chưa được giới thiệu trong mục Học liệu.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- *Các phương thức kiểm tra - đánh giá:* kiểm tra - đánh giá thường xuyên; kiểm tra - đánh giá định kỳ.
- *Thang điểm:* điểm chuyên cần và thái độ tham gia học trên lớp: 10%; điểm thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học: 20%; điểm bài thi kết thúc môn học: 70% (đề thi được rút ra từ bộ đề do nhóm giảng viên biên soạn).

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1945

1. Giảng viên:

- **Đinh Trí Dũng** Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS
Hướng nghiên cứu chính: Văn học Việt Nam hiện đại
Địa chỉ, điện thoại: Khối 6, phường Bến Thủy, thành phố Vinh; ĐT: 0383.855097
- **Ngô Thị Quỳnh Nga** Chức danh, học hàm, học vị: GV, Tiến sĩ
Hướng nghiên cứu chính: Văn học Việt Nam hiện đại
Địa chỉ, điện thoại: K.11, P.Trường Thi, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An; ĐT: 038.3566824
- **Biện Thị Quỳnh Nga** Chức danh, học hàm, học vị: GV, Tiến sĩ
Hướng nghiên cứu chính: Văn học Việt Nam hiện đại
Địa chỉ, điện thoại: K.6, P.Bến Thủy, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An; ĐT: 0949306570
- **Một số giảng viên khác của Bộ môn VHVN II**

2. Tên học phần: Văn học VN từ đầu thế kỷ XX đến 1945

3. Mã học phần: NV21011

4. Số tín chỉ: 4

- 5. Loại học phần:** - Bắt buộc
- Môn tiên quyết: Học sau các học phần VHVN trung đại

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết:	50
- Bài tập trên lớp:	0
- Thực hành (Xê mi na tại lớp):	10
- Hoạt động nhóm:	0
- Tự học:	120

7. Mục tiêu của môn học:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui luật vận động, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học VN giai đoạn 1900 -1945.
- Kỹ năng: Kỹ năng nắm các kiến thức văn học sử, kỹ năng cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học theo thể loại. Góp phần rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ (lên lớp dạy học) đối với các tác phẩm trong nhà trường phổ thông ở phần văn học 1900 - 1945.
- Thái độ, chuyên cần: đảm bảo thời gian học trên lớp và tự học ở nhà

8. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Ngoài bài khái quát chung về văn học VN giai đoạn 1900 -1945, học phần đi sâu trang bị kiến thức về các tác giả và các hiện tượng văn học tiêu biểu: Phan Bội Châu, Tản Đà, Hồ Biểu Chánh, Tiểu thuyết Tự lực văn đoàn, Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Phong trào thơ mới, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Tố Hữu, Hồ Chí Minh.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1
KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM
TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN 1945
(4 tiết lý thuyết, 1 tiết xêmina)

1. Bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa

- 1.1. Sự khủng hoảng xã hội những năm đầu thế kỷ XX và sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương
- 1.2. Sự phân hóa gia cấp sâu sắc ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống văn học
- 1.3. Tình hình văn hóa, tư tưởng
 - Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra quyết liệt trên lĩnh vực văn hóa
 - Sự đấu tranh và ảnh hưởng lẫn nhau giữa hai nền văn hóa phương Đông và phương Tây
 - Tiếp thu văn hóa nước ngoài trên cơ sở truyền thống

2. Quá trình vận động của văn học

2.1. Từ đầu thế kỷ XX đến 1930

- Từ đầu thế kỷ XX đến 1920
- Từ 1920 đến 1930

2.2. Giai đoạn 1930 đến 1945

3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945

3.1. Nền văn học được hiện đại hóa

- Khái niệm hiện đại hóa
- Các chặng đường của hiện đại hóa
- Thành tựu hiện đại hóa

3.2. Văn học phát triển với nhịp độ nhanh chóng, khẩn trương

3.3. Văn học phân hóa thành nhiều bộ phận và nhiều khuynh hướng

4. Thành tựu chủ yếu của văn học

4.1. Đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người

4.2. Thành tựu chủ yếu của các thể loại văn học

- Cách tân các thể loại cũ và sáng tạo các thể loại mới
- Các thể loại văn xuôi
- Thơ
- Kịch

5. Kết luận

Xêmina: Đặc điểm của hiện đại hóa văn học Việt Nam từ đầu TK XX đến 1945 (1 tiết)

Chương 2
NHỮNG TÁC GIA TIÊU BIỂU (TỪ 1900 ĐẾN 1932)
(13 tiết lý thuyết, 2 tiết xêmina)

2.1. PHAN BỘI CHÂU (5 tiết)

2.1.1. Cuộc đời và con người Phan Bội Châu

2.1.2. Sự nghiệp văn học

2.1.3. Đặc trưng loại hình tác giả, tác phẩm thơ văn Phan Bội Châu

2.1.4. Đóng góp của Phan Bội Châu cho lịch sử văn học dân tộc

2.1.5. Hướng dẫn tìm hiểu các tác phẩm tiêu biểu trong sáng tác của Phan Bội Châu (Bài thơ *Chơi xuân*, *Xuất dương lưu biệt*, *Bài ca chúc tết thanh niên*; một số truyện ngắn, tiểu thuyết *Trùng Quang tâm sử*)...

2.2. TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU (4 tiết)

2.2.1. Cuộc đời và cá tính Tản Đà

- Một cuộc đời đầy chất thơ, chất tiểu thuyết nhưng cũng đầy bi kịch
- Cá tính độc đáo, phức tạp
- Vị trí của Tản Đà trong lịch sử văn học dân tộc

2.2.2. Sự nghiệp văn học của Tản Đà

- Văn xuôi của Tản Đà
- Thơ Tản Đà

2.2.3. Tư tưởng nghệ thuật của tản Đà

- Tản Đà với tình yêu, với đời
- Tản Đà với những số phận hẩm hiu, những kiếp người phận bạc
- Lòng yêu nước và tinh thần dân tộc ở Tản Đà
- Vấn đề thực và mộng, hiện thực và lãng mạn trong thơ văn Tản Đà

2.3. HỒ BIỂU CHÁNH (4 tiết)

2.3.1. Tiểu sử và sự nghiệp sáng tác

- Tiểu sử
- Sự nghiệp sáng tác

2.3.2. Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh

- Nhà văn mở đầu cho khuynh hướng tiểu thuyết hiện thực
- Màu sắc hiện thực – đạo lý

Xêmina: về bài thơ *Thề non nước* của Tản Đà hoặc tiểu thuyết *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (2tiết)

Chương 3 CÁC TÁC GIA, CÁC HIỆN TƯỢNG TIÊU BIỂU CỦA VĂN HỌC VN GIAI ĐOẠN 1930 -1945 (34 tiết lý thuyết, 6 tiết thực hành)

3.1. PHONG TRÀO THƠ MỚI (5 tiết)

3.3.1. Khái niệm phong trào Thơ mới

3.3.2. Nguyên nhân xuất hiện phong trào Thơ mới

- Nhu cầu khẳng định cái “tôi” cá nhân
- Nhu cầu thoát ly thực tại của cái “tôi” cá nhân
- Yêu cầu đổi mới thơ ca

3.3.3. Quan điểm nghệ thuật của các nhà Thơ mới

- Chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật, đặt nghệ thuật lên trên cuộc sống, lên trên chính trị
- Một quan niệm siêu hình, huyền bí về cái đẹp và về bản chất của quá trình sáng tạo

3.3.4. Các giai đoạn phát triển và những tác giả tiêu biểu

- Giai đoạn 1932-1935 (Nội dung Thơ mới giai đoạn này; Nhà thơ tiêu biểu: Thế Lữ)
- Giai đoạn 1936-1939 (Nội dung Thơ mới giai đoạn này; Nhà thơ tiêu biểu: Xuân Diệu)
- Giai đoạn 1940-1945 (Nội dung Thơ mới giai đoạn này; Nhà thơ tiêu biểu: Nguyễn Bính)

3.3.5. Đóng góp lịch sử của phong trào Thơ mới

Xêmina: Phong cách thơ Xuân Diệu hoặc thơ Hàn Mặc Tử (2 tiết)

3.2. THẠCH LAM (4 tiết)

3.2.1. Con người và quan điểm về văn học của Thạch Lam

- Con người Thạch Lam
- Quan điểm văn học

3.2.2. Đặc sắc của truyện ngắn Thạch Lam

- Một ngòi bút quan tâm sâu sắc đến số phận người bình dân
- Thế giới nhân vật bình dân trong truyện ngắn Thạch Lam
- Nhà văn của phụ nữ và trẻ em

3.2.3. Một tình cảm nhân đạo kiểu Thạch Lam

- Tư tưởng “điều hoà xã hội”
- Một thái độ, tình cảm chân thành đối với con người

3.2.4. Nghệ thuật truyện ngắn Thạch Lam

3.1. Kiểu truyện ngắn trữ tình

3.2. Đi sâu thể hiện cảm giác

3.3. Ngôn ngữ đầy chất thơ

* **Giảng văn** (Tự nghiên cứu) : *Hai đứa trẻ* hoặc *Gió lạnh đầu mùa*

Tự nghiên cứu: Một số tác giả khác trong dòng truyện ngắn trữ tình: Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh, Xuân Diệu

3.3. NGUYỄN TUÂN (4 tiết)

3.3.1. Tiểu sử Nguyễn Tuân

3.3.2. Sáng tác của Nguyễn Tuân (trước 1945)

- “Vang bóng một thời”
- Đề tài giang hồ xê dịch
- Đề tài hành lạc
- Các tác phẩm “yêu ngôn”

3.3.3. Phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân

- Tính độc đáo
- Cách nhìn con người, sự vật nghiêng về phương diện thẩm mỹ
- Ngôn ngữ tài hoa, uyên bác

3.3.4. Giảng văn: Truyện ngắn *Chữ người tử tù*

3.4. NGUYỄN CÔNG HOAN (4 tiết)

3.4.1. Vài nét về tiểu sử và ý thức sáng tác

- Tiểu sử
- Ý thức sáng tác
- Quan điểm giàu nghèo và quan điểm đạo đức phong kiến

3.4.2. Vài nét về quá trình sáng tác

- Từ 1929 đến 1935
- Từ 1936 đến 1939
- Từ 1940 đến 1945

3.4.3. Nghệ thuật truyện ngắn Nguyễn Công Hoan

- Quan niệm nghệ thuật
- Nghệ thuật viết truyện (Xây dựng tình huống; Kết cấu truyện; Nghệ thuật trần thuật; Ngôn ngữ trào phúng)...

3.4.4. Giảng văn : *Đồng hào có ma* hoặc *Ngựa người người ngựa*

3.5. VŨ TRỌNG PHỤNG (4 tiết)

3.5.1. Lịch sử vấn đề Vũ Trọng Phụng (sinh viên tự nghiên cứu)

- Trước cách mạng tháng Tám
- Từ 1945 đến 1957
- Từ 1958 đến 1987
- Từ 1987 đến nay

3.5.2. Vài nét về cuộc đời và con người Vũ Trọng Phụng

- Tiểu sử

- Bản chất con người Vũ Trọng Phụng
- 3.5.3. Quá trình sáng tác và những tác phẩm tiêu biểu
 - Từ 1930 đến 1935
 - Từ cuối 1935 đến hết 1936
 - Từ 1937 đến 10/1939

3.5.4. Đặc điểm phong cách nghệ thuật Vũ Trọng Phụng

- Xu hướng khái quát những bức tranh toàn cảnh
- Tái hiện cuộc sống trong trạng thái biến động
- Xu hướng khái quát triết lý
- Chất trào phúng

Xêmina: Nguyên nhân dẫn đến “vụ án” Vũ Trọng Phụng và bài học cho nghiên cứu, giảng dạy văn học (1 tiết)

3.6. NAM CAO (4 tiết)

3.6.1. Vài nét về con người và quan điểm nghệ thuật

- Vài nét về con người Nam Cao
- Quan điểm nghệ thuật của Nam Cao

3.6.2. Hai loại đề tài trong sáng tác của Nam Cao

- Đề tài tiểu tư sản (ở truyện ngắn, ở tiểu thuyết *Sống mòn*)
- Đề tài nông dân và cuộc sống nông thôn
- Thế giới nhân vật nông dân của Nam Cao

3.6.3. Nghệ thuật tác phẩm Nam Cao

- Nghệ thuật miêu tả, phân tích tâm lý
- Độc thoại nội tâm
- Chất triết lý và chất trữ tình

3.6.4 Giảng văn: *Chí Phèo* hoặc *Lão Hạc*

Xêmina: Vai trò của Nam Cao đối với trào lưu văn học Hiện thực phê phán thời kỳ cuối (1 tiết)

3.7. NGUYỄN HỒNG (1 tiết – hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu)

3.7.1. Tiểu sử và con người Nguyễn Hồng

- Tiểu sử
- Con người Nguyễn Hồng

3.7.2. Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Hồng trước cách mạng tháng Tám

- Nhà văn của những người khốn khổ
- Nhà văn HTPP gần gũi nhất với lý tưởng vô sản
- Phong cách hiện thực giàu chất trữ tình và chất thơ

3.7.3. Bỉ vỏ và Những ngày thơ ấu

- Tiểu thuyết *Bỉ vỏ*
- Tiểu thuyết tự truyện: *Những ngày thơ ấu*

3.8. TỔ HỮU VÀ TẬP THƠ TỪ ẤY (4 tiết)

3.8.1. Vài nét về tác giả

- Quê hương, gia đình, bản thân
- Nhà thơ - nhà cách mạng
- Con đường riêng đến với lý tưởng cộng sản

3.8.2. Về tập thơ *Từ ấy*

- Hoàn cảnh ra đời - ba phần của tập thơ (*Máu lửa*, *Xiềng xích*, *Giải phóng*)
- Đặc sắc của tập thơ *Từ ấy*
 - + Một tập thơ hướng về lý tưởng
 - + Một tâm hồn tha thiết yêu thương
 - + Một tinh thần, ý chí chiến đấu và chiến thắng

- Nghệ thuật *Từ ấy*

3.8.3. Giảng văn: *Tâm tư trong tù* hoặc *Từ ấy*

Tự nghiên cứu: Ý nghĩa mở đầu của tập thơ *Từ ấy* đối với cuộc đời thơ Tố Hữu

3.9. HỒ CHÍ MINH VÀ TẬP NHẬT KÝ TRONG TÙ (4 tiết)

3.9.1. Tiểu sử và sự nghiệp (tự nghiên cứu)

3.9.2. Quan điểm sáng tác văn học của Hồ Chí Minh (tự nghiên cứu)

- Đề cao vai trò, chức năng xã hội của văn học
- Chú ý đặc biệt đến đời sống tiếp nhận
- Đề cao tính hiện thực
- Hình thức ngắn gọn, cách viết giản dị

3.9.3. Tác phẩm văn của Nguyễn Ái Quốc những năm 20

(Giới thiệu khái quát – tự nghiên cứu)

3.9.4. Tác phẩm *Nhật ký trong tù*

- Hoàn cảnh ra đời của tập nhật ký
- Đặc sắc của *Nhật ký trong tù*
- + Một tập nhật ký - trữ tình thể hiện chân dung tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh
- + Một tập thơ giàu chất thép
- + Một chủ nghĩa nhân văn cao cả - chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh
- + Nghệ thuật độc đáo của tập thơ

3.9.5. Giảng văn: *Giải đi sớm, Ngắm trăng, Chiều tối, Cảnh chiều hôm*

Xêmina: Tính chất cổ điển và tinh thần hiện đại của *Nhật ký trong tù* (2 tiết)

10. Học liệu:

*** Giáo trình chính:**

1. Nhiều tác giả, *Văn học Việt Nam 1900 - 1945*, NXB Giáo dục, 1998.
2. Nhiều tác giả, *Văn học Việt Nam hiện đại (từ đầu TK XX đến 1945)*, NXB Đại học Sư phạm, 2008
3. Nguyễn Đăng Mạnh, *Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam 1930-1945*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.

*** Tài liệu tham khảo:**

4. Bộ sách tác gia văn học Việt Nam (*Hồ Chí Minh tác gia tác phẩm – nghệ thuật ngôn từ, Tố Hữu tác gia tác phẩm, Tản Đà tác gia tác phẩm, Xuân Diệu tác gia tác phẩm, Thạch Lam, tác gia và tác phẩm, Nguyễn Công Hoan tác gia tác phẩm, Nam Cao tác gia tác phẩm, Nguyễn Tuân tác gia tác phẩm* ..., NXB GD in trong các năm 1998, 1999, 2000, 2001).
5. *Văn thơ Phan Bội Châu*, NXB Văn học, 1967
6. *Tuyển tập Tản Đà*, NXB Văn học, 1986
7. Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, 1988
8. Nhiều tác giả, *Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thơ ca*, NXB Giáo dục, 1997
9. *Tuyển tập Nguyễn Công Hoan*, NXB VH, 1983, 1984
10. *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, NXB VH, 1987
11. *Tuyển tập Nam Cao*, NXB VH, 1976, 1977.
12. *Tuyển tập Nguyên Hồng*, NXB VH, 1997
13. *Tuyển tập Thạch Lam*, NXB VH, 1988
14. *Tuyển tập Xuân Diệu*, NXB VH, 1983, 1984.
15. Tố Hữu tác phẩm thơ, NXB Văn học, 1979
16. Nhiều tác giả, *Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù*, NXB GD, 1993.

11. Hình thức tổ chức dạy học:

NỘI DUNG MÔN HỌC CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ/ TUẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	
Lý thuyết	Chương 1	- Đọc tài liệu số 1 (tr. 9-34;303-342), số 2 (tr.11-33), số 3 (tr. 7-28) trong phần <i>Học liệu</i> .	- Tuần 1, ½ tuần 2	Tại lớp học theo sự sắp xếp của trường
	Chương 2	- Đọc các TL số 1(tr.35- 287), số 2 (tr. 55-78), các TL 4,5,6 trong phần <i>Học liệu</i>	- ½ Tuần 2,3, 4,5	
	Chương 3	- Đọc các TL số 1 (tr. 357-651), số 2 (tr. 80 – 333), số 3 (tr. 29-186), các TL 7,8,9,10,11,12,13,14,15,16 trong phần <i>Học liệu</i>	-Tuần ½ tuần 5,6,7, 8,9, 10,11,12,13, 14,15 (theo phân phối thời gian từng bài trong đề cương)	
Bài tập	1.Tính chất giao thời của văn thơ Phan Bội Châu (hoặc Tản Đà, Hồ Biểu Chánh) 2. Đặc điểm của dòng truyện ngắn trữ tình (Thạch Lam, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh). 3. Nghệ thuật trào phúng của tiểu thuyết <i>Số đỏ</i> 4. Vai trò của <i>Từ ấy</i> đối với sự nghiệp thơ Tố Hữu	-Đọc tác phẩm, xây dựng đề cương trả lời theo v/d -Phân tích một số tác phẩm cụ thể để minh chứng -Đọc tác phẩm, phân tích đặc điểm qua một tác giả cụ thể của dòng truyện ngắn trữ tình. - Đọc tiểu thuyết <i>Số đỏ</i> , xây dựng đề cương trả lời theo vấn đề - Đọc tập thơ <i>Từ ấy</i> , xây dựng đề cương trả lời theo vấn đề	- Tuần 5 - Tuần 8 - Tuần 12	Tại lớp học theo sự sắp xếp của trường
Thảo luận	1.Đặc điểm của hiện đại hóa trong VHVN 1900-1945 2- Tính đa nghĩa của bài thơ <i>Thề non nước</i> (TĐ) hoặc cái tôi lãng mạn của Tản Đà 3- Tính độc đáo của thơ Hàn Mặc Tử (hoặc Xuân Diệu) 4. Nguyên nhân dẫn đến “vụ án” Vũ	- Đọc tư liệu và xây dựng đề cương theo vấn đề giáo viên đề ra. - Đọc tác phẩm, sưu tầm tư liệu và xây dựng đề cương theo vấn đề giáo viên đề ra. - Đọc và tìm hiểu, phân tích một số tác phẩm thơ tiêu biểu - Đọc thơ Hàn Mặc Tử và Xuân Diệu - Phân tích tính độc đáo của hai nhà thơ (soạn đề cương) - Đọc tài liệu, soạn đề cương để thảo luận	Tuần 4 Tuần 5 + 6 Tuần 7 + 8	Tại lớp học theo sự sắp xếp của trường

	Trọng Phụng 5. Vị trí của Nam Cao đối với CNHT thời kỳ cuối 6. Cổ điển và hiện đại của thơ Hồ Chí Minh	-Đọc tác phẩm. Chuẩn bị đề cương thảo luận - Xây dựng đề cương thảo luận. Đọc và tìm hiểu, phân tích một số tác phẩm thơ: <i>Chiều tối</i> , <i>Cảnh chiều hôm</i> , <i>Giải đi sớm</i>	Tuần 11 Tuần 12 +13 Tuần 15	
Tự học	1.Tìm hiểu sâu hơn ba trào lưu văn học (lãng mạn, hiện thực phê phán, cách mạng vô sản) 2. <i>Tổ Tâm</i> của Hoàng Ngọc Phách 3. Tiểu thuyết Tự lực văn đoàn, sáng tác của Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng. 4. Sự nghiệp văn học của Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Công Hoan, Tố Hữu, Hồ Chí Minh sau cách mạng tháng Tám.	- Đọc các tài liệu nêu ở phần <i>Học liệu</i> - Đọc tác phẩm, soạn giảng hoặc phân tích tác phẩm - Làm một số bài tập nghiên cứu nhỏ theo hệ thống vấn đề giáo viên gợi ý sau các chương - Rèn luyện kỹ năng phân tích tác phẩm theo thể loại	Từ tuần 1 đến 15	Ở nhà và tại thư viện
Tư vấn	1- Giới thiệu chương trình, tài liệu tham khảo 2- Phổ biến yêu cầu và phương pháp học tập, nghiên cứu		- Tuần 1 - Tuần 2	Lớp học

12. Qui định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Lên lớp nghe giảng lý thuyết đầy đủ
- Chuẩn bị nội dung cho các buổi thảo luận
- Tích cực tự học, tự nghiên cứu
- Phải dành thời gian đọc tác phẩm

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:
 - + Học chuyên cần, tích cực thảo luận, tự nghiên cứu (tỉ trọng 1/10)
 - + Kiểm tra giữa kỳ (tỉ trọng 2/10)
 - + Kiểm tra kết thúc học phần: tỉ trọng 7/10
- Thang điểm: thang điểm 10

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGŨ PHÁP TIẾNG VIỆT VÀ NGŨ DỤNG HỌC

1. Họ và tên giảng viên: Trịnh Thị Mai

Chức danh, học hàm học vị: TS. GVC

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp - ngữ dụng

Địa chỉ: Khoa Ngữ văn, ĐH Vinh. ĐT: 0914825691

2. Tên học phần: Ngữ pháp tiếng Việt và Ngữ dụng học

3. Mã học phần: NV 20012

4. Số tín chỉ: 05

5. Loại học phần: bắt buộc.

Yêu cầu đối với môn học: đã học các tín chỉ ngữ âm, từ vựng (STT:5); tiếp sau học phần *Ngữ pháp văn bản*.

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

Giảng dạy lý thuyết: 60

Bài tập trên lớp: 15

Tự học: 150

7. Mục tiêu của học phần:

Kiến thức: Sinh viên cần nắm vững kiến thức sau:

- Về ngữ pháp học, sinh viên cần nắm vững hai phần chính:

Phần I- **Từ pháp:** cấu tạo từ, các từ loại tiếng Việt

Phần II - **Cú pháp:** a) cụm từ (cụm danh, cụm động từ và cụm tính từ), b) Câu, gồm các trường pháp nghiên cứu về câu hiện nay; Các thành phần cấu tạo câu; Sự phân loại câu đơn, câu ghép; các loại lỗi câu sai ngữ pháp.

- Về ngữ dụng học: sinh viên cần nắm được lý thuyết hội thoại, các hành vi ngôn ngữ.

Kỹ năng

Môn học hướng cho sinh viên các kỹ năng:

- Phân tích được các hiện tượng ngữ pháp khi đọc văn bản và sử dụng thành thạo trong giao tiếp.

- Làm việc với nhóm

Thái độ

Môn học hướng cho sinh viên có thái độ khoa học, cẩn trọng khi tiếp nhận hệ thống lý thuyết về ngữ pháp- ngữ dụng, có thao tác phân tích, tạo lập các câu để tạo thành văn bản (trong hệ thống); biết vận dụng để phân tích, tạo lập các phát ngôn trong lời nói phù hợp với các hoàn cảnh giao tiếp.

8. Mô tả nội dung học phần:

Môn học: *Ngữ pháp học- ngữ dụng học* là phân môn cung cấp lý thuyết về câu trong ngôn ngữ và việc sử dụng câu trong hành chức, từ đó vận dụng chúng thành thạo trong nói và viết tiếng Việt. Chúng gồm các bộ phận sau:

Từ pháp học nghiên cứu về từ loại tiếng Việt: gồm danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ, phụ từ, quan hệ từ, trợ từ, tình thái từ;

Cú pháp học gồm cụm từ và câu, nghiên cứu quy tắc tạo nên cụm từ và câu trong hoạt động giao tiếp.

Ngữ dụng học nghiên cứu lí thuyết hội thoại, gồm các nhân tố chi phối hội thoại, cấu trúc của cuộc thoại, các hành động ngôn ngữ, lập luận khi hội thoại.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung cốt lõi

PHẦN 1: NGỮ PHÁP HỌC

Phần thứ nhất: Ngữ pháp đại cương

Bài 1: Một số khái niệm cơ bản về ngữ pháp học

1.1. Ngữ pháp và ngữ pháp học

1.1.1. Ngữ pháp

1.1.2. Ngữ pháp học

1.2. Đặc điểm của ngữ pháp

1.2.1. Tính khái quát

1.2.2. Tính hệ thống

1.2.3. Tính bền vững

1.3. Ý nghĩa ngữ pháp và hình thức ngữ pháp

1.3.1. Ý nghĩa ngữ pháp

1.3.2. Hình thức ngữ pháp

1.4. Phương thức ngữ pháp và phạm trù ngữ pháp

1.4.1. Phương thức ngữ pháp

1.4.2. Phạm trù ngữ pháp

Phần Thứ hai : Ngữ pháp tiếng Việt

A. Từ pháp học

Chương 1: Từ và cấu tạo của từ

Bài 2: Từ và cấu tạo từ tiếng Việt

2.1. Từ - đặc điểm của từ

2.2.1. Định nghĩa từ

2.2.2. Đặc điểm của từ

2.2. Mặt ngữ pháp trong từ

2.2.1. Tính khái quát

2.2.2. Tính hệ thống

2.2.3. Tính bền vững

2.3. Cấu tạo của từ

2.3.1. Phân biệt cấu tạo từ và cấu tạo dạng tức của từ

2.3.2. Hình vị - đơn vị cấu tạo từ

2.3.3. Phân định hình vị

2.3.4. Phong thức cấu tạo từ

2.4. Phân loại từ về cấu tạo

2.4.1. Từ đơn

2.4.2. Từ phức

Chương 2: Từ loại

Bài 3: Từ loại – Lược sử nghiên cứu từ loại

3.1. ý nghĩa của việc nghiên cứu từ loại

3.2. Lược sử nghiên cứu từ loại

3.3. Vấn đề phân định từ loại

3.3.1. Những ý kiến bàn về từ loại trong tiếng Việt

3.3.2. Đánh giá chung về những hướng quan niệm trên

3.3.3. Những tiêu chí phân chia từ loại trong tiếng Việt

3.4. Những từ loại trong tiếng Việt.

3.4.1. Thực từ

3.4.2. Hư từ.

B. Cú pháp học

Chương 3: Cụm từ

Bài 4: Khái quát về cụm từ

- 4.1. Khái niệm cụm từ
- 4.2. ý nghĩa của việc nghiên cứu cụm từ
- 4.3. Lịch sử của việc nghiên cứu cụm từ
- 4.4. Các loại cụm từ
 - 4.4.1. Cụm từ đẳng lập
 - 4.4.2. Cụm từ chính phụ
 - 4.4.3. Cụm từ chủ-vị
- 4.5. Các cụm từ chính phụ
 - 4.5.1. Cụm danh từ
 - 4.5.2. Cụm động từ
 - 4.5.3. Cụm tính từ

Chương 4: Câu tiếng Việt

Bài 5: Câu – Phân loại câu về cấu trúc

- 5.1. Các khuynh hướng phân loại câu hiện nay
 - 5.1.1. Phân loại câu theo cấu trúc đề-thuyết
 - 5.2. Phân loại câu theo chức năng
 - 5.3. Phân loại câu theo truyền thông C-V
- 5.2. Định nghĩa và đặc điểm của câu
- 5.3. Thành phần câu tiếng Việt
 - 5.3.1. Lịch sử nghiên cứu thành phần câu
 - 5.3.2. Căn cứ phân chia thành phần câu
 - 5.3.3. Các thành phần chính của câu
 - 5.3.4. Các thành phần phụ của câu

Bài 6: Phân loại câu trong tiếng Việt

- 6.1. Vấn đề phân loại câu đơn, câu ghép hiện nay
- 6.2. Cách phân loại câu đơn
 - 6.2.1. Câu đơn bình thường
 - 6.2.2. Câu đơn đặc biệt
- 6.3. Câu ghép
 - 6.3.1. Giới thiệu
 - 6.3.2. Định nghĩa câu ghép
 - 6.3.3. Đặc điểm câu ghép
 - 6.3.4. Các kiểu câu ghép

Chương 5: Câu – phân loại theo mục đích nói

Bài 7: Phân loại câu theo mục đích nói

- 7.1. Câu tường thuật
 - 7.1.1. Câu tường thuật khẳng định
 - 7.1.2. Câu tường thuật phủ định
- 7.2. Câu hỏi
 - 7.2.1. Định nghĩa
 - 7.2.2. Những phương tiện biểu thị câu hỏi
 - 7.2.3. Một số tiểu nhóm ý nghĩa của câu hỏi
- 7.3. Câu cầu khiến
 - 7.3.1. Định nghĩa
 - 7.3.2. Những phương tiện biểu thị câu cầu khiến
 - 7.3.3. Một số tiểu nhóm ý nghĩa của câu cầu khiến
- 7.4. Câu cảm thán
 - 7.4.1. Định nghĩa
 - 7.4.2. Những phương tiện biểu thị câu cảm thán

7.4.3. Một số tiểu nhóm ý nghĩa của câu cảm thán

Phần B: Ngữ dụng học

Chương 1: Khái quát về ngữ dụng học

- 1.1. Những quan điểm của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ truyền thống
 - 1.1.1. Sự ra đời lý thuyết ngôn ngữ của F.de. Saussure
 - 1.1.2. Trường phái ngôn ngữ học Praha
 - 1.1.3. Trường phái Copenhagơ và Ngữ vị học
 - 1.1.4. Trường phái miêu tả Mĩ và phương pháp phân bố
- 1.2. Những ưu điểm, hạn chế của ngôn ngữ học truyền thống và sự ra đời của ngữ dụng học
 - 1.2.1. Những ưu điểm, hạn chế của ngôn ngữ học truyền thống
 - 1.2.2. Sự ra đời của ngữ dụng học
 - 1.2.3. Định nghĩa ngữ dụng học
 - 1.2.4. Đối tượng của ngữ dụng học
- 1.3. Những nội dung cơ bản mà ngữ dụng học quan tâm

Chương 2: Chiều vật và chỉ xuất

- 2.1. Khái niệm chiều vật
- 2.2. Chỉ xuất
 - 2.2.1. Khái niệm chỉ xuất
 - 2.2.2. Các yếu tố chỉ xuất
 - 2.2.3. Các phương tiện ngôn ngữ thể hiện tính chiều vật

Chương 3: Các hành động ngôn ngữ

- 3.1. Khái niệm hành động ngôn ngữ
- 3.2. Các hành vi ngôn ngữ
 - 3.2.1. Hành vi tạo lời
 - 3.2.2. Hành vi mượn lời
 - 3.2.3. Hành vi ở lời
- 3.3. Phát ngôn khảo nghiệm và phát ngôn ngữ vi
- 3.4. Biểu thức ngữ vi và động từ ngữ vi
- 3.5. Điều kiện thực hiện hành vi ở lời

Chương 4: Lý thuyết lập luận

- 4.1. Vai trò của lập luận
- 4.2. Khái niệm lập luận
- 4.3. Đặc điểm của quan hệ lập luận
- 4.4. Các tác tử, kết tử lập luận
- 4.5. Lập luận và lễ thường

Chương 5: Lý thuyết hội thoại

- 5.1. Khái niệm vận động hội thoại
- 5.2. Các nhân tố chi phối vận động hội thoại
- 5.3. Các quy tắc hội thoại
 - 5.3.1. Khái niệm quy tắc hội thoại
 - 5.3.2. Các quy tắc hội thoại thường gặp
 - 5.3.3. Cấu trúc hội thoại

Chương 6: Nghĩa tường minh và hàm ẩn

- 6.1. Khái niệm nghĩa tường minh
- 6.2. Nghĩa hàm ẩn
 - 6.2.1. Tiên giả định
 - 6.2.2. Hàm ngôn

Chương 7 ; Nghĩa tình thái

- 7.1. Khái niệm nghĩa tình thái
- 7.2. Phân loại nghĩa tình thái
 - 7.2.1. Toán tử tình thái

7.2.2. Các phương tiện biểu thị nghĩa tình thái

7.2.3. Các nhóm nghĩa tình thái

10. Học liệu

A. Ngữ pháp tiếng Việt

Giáo trình chính:

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt* (tập 1&2), NXB Giáo dục, T. I & II, Hà Nội, 1992.
2. Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Tiếng- Từ ghép - Đoản ngữ, NXB ĐH & THCN, Hà Nội, 1975 (tái bản lần hai)
3. Đỗ Thị Kim Liên, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999 + *Bài tập ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 2002.

Tài liệu tham khảo:

4. Lê A, Hoàng Văn Thung, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục 1999
5. Lê Biên, *Từ loại tiếng Việt*, NXB
6. Nguyễn Tài Cẩn, *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB ĐH & THCN Hà Nội, 1975
7. Lê Cận, Phan Thiều, Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung, *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1983.
8. Đinh Văn Đức, *Ngữ pháp tiếng Việt* (Từ loại), NXB ĐH & THCN, Hà Nội, 1978.

B. Ngữ dụng học

Giáo trình chính:

1. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, T.II, NXB Giáo dục, 1993 (lần thứ nhất); 2002 (lần thứ hai).
2. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ dụng học*, NXB ĐH S phạm, 2003.
3. Đỗ Thị Kim Liên, *Giáo trình ngữ dụng học*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2005

Tài liệu tham khảo:

4. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, T.I, NXB Giáo dục, 1995.
5. G.Jule, *Dụng học*, (Diệp Quang Ban hiệu đính chuyên môn và nhóm dịch giả), NXB ĐHQG Hà Nội, 2002.
6. Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2001.
7. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB KHXH, Hà Nội, 1991 (Quyển 1).
8. Đỗ Thị Kim Liên, *Ngữ nghĩa lời hội thoại*, NXB Giáo dục 1999.

11. Hình thức tổ chức dạy học

NỘI DUNG MÔN HỌC CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ/TUẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian địa điểm	Ghi chú
Lí thuyết	- Ngữ pháp và ngữ pháp học - Ý nghĩa ngữ pháp và hình thức pháp - Phương thức ngữ pháp và phạm trù ngữ pháp	Đọc các quyển: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang 4 – 13). 2/Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang 2- 18) Chuẩn bị câu hỏi: Đối tượng nghiên cứu của ngữ pháp? Ý nghĩa ngữ pháp, hình thức ngữ pháp là gì?	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 1
Bài tập	- Nhận diện các phương thức ngữ pháp. - Phân tích ý nghĩa ngữ pháp	Làm các bài tập ở phần <i>ngữ pháp đại cương</i> , trang 7 trong quyển <i>Bài tập ngữ pháp tiếng Việt</i> (Đỗ Thị Kim Liên).		
Thảo luận	Thảo luận về các phương thức ngữ pháp được sử dụng trong tiếng Việt và trong ngôn ngữ biến hình.	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	Phần: Đặc điểm của ngữ pháp.	Cá nhân tự học		
Tư vấn	Tư vấn về môn học	Chuẩn bị các câu hỏi về phương thức ngữ pháp và phạm trù ngữ pháp: Các phương thức ngữ pháp phổ biến? Tiếng Việt dùng những phương thức chủ yếu nào? Phân biệt ý nghĩa ngữ pháp và ý nghĩa từ vựng?		
Lí thuyết	- Từ và đặc điểm của từ - Cấu tạo của từ	Đọc quyển: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang14- 30) 2/Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang 19 – 36) Chuẩn bị câu hỏi: nêu khái niệm và đặc điểm của từ? Phân biệt từ đơn, từ ghép?	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 2
Bài tập	- Phân chia ranh giới từ - Xác định từ đơn, từ ghép (ĐL-CP), từ láy	Làm các bài tập thuộc phần <i>cấu tạo từ</i> ở chương 2 trong quyển <i>Bài tập ngữ pháp tiếng</i>		

		<i>Việt</i> (Đỗ Thị Lim Liên)		
Thảo luận	Phân: Nhận diện ranh giới từ	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	- Mặt ngữ pháp trong từ; - Phân định hình vị	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi về cấu tạo từ tiếng Việt.: Phân biệt từ ghép và từ láy? Phân biệt từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ?		
Lí thuyết	Từ loại: - Những ý kiến bàn về tiêu chí phân chia từ loại. - Các từ loại cụ thể - Hiện tượng chuyển hóa từ loại	Đọc quyền: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang 32 – 64) 2/Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang 37-69) 3. Nguyễn Tài Cẩn, <i>Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại</i> .(đọc cả) 4. Lê Biên, <i>Từ loại tiếng Việt hiện đại</i> (trang 13 đến hết). Chuẩn bị câu hỏi: Các tiêu chí phân chia từ loại ? Hiện tượng chuyển hóa từ loại là gì?	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 3
Bài tập	Xác định các từ loại: Danh từ, động từ, tính từ, đại từ, số từ, phụ từ, quan hệ từ, trợ từ, tình thái từ.	Làm các bài tập thực hành ở phần từ loại, chương 3, trong quyền <i>Bài tập ngữ pháp tiếng Việt</i> .		
Thảo luận	Thảo luận nhận diện các tiểu nhóm từ loại	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	ý kiến của những tác giả đi trước về tiêu chí phân chia từ loại	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi về hệ thống từ loại tiếng Việt và hiện tượng chuyển hóa từ loại.: Phân biệt danh từ, động từ, tính từ? Đại từ và số từ có những nét tương đồng nào? Phân biệt phó từ và định từ?		
Lí thuyết	Cụm từ: - Khái quát về cụm từ - Các loại cụm từ (C-V; ĐL; C-P)	Đọc quyền: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang 67-70)	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 4

		2/Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang 70- 97) 3/ Nguyễn Tài Cẩn, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang 147- 151) Chuẩn bị câu hỏi: khái niệm cụm từ? Nêu các loại cụm từ?		
Bài tập	- xác định cụm từ trong câu	Làm các bài tập ở phần <i>cụm từ</i> trong quyển <i>bài tập ngữ pháp tiếng Việt</i> .		
Thảo luận	Các ý kiến bàn về cụm từ	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	Lịch sử nghiên cứu cụm từ	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi: phân biệt cụm từ với câu? phân biệt cụm từ và từ ghép?		
Lí thuyết	Các loại cụm từ chính phụ Cụm danh từ: - Định nghĩa - cấu tạo	Đọc quyển: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang 71-83) 2/Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang 98-104) 3/ Nguyễn Tài Cẩn, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> ,(trang 152-161) Chuẩn bị câu hỏi: khái niệm cụm từ chính phụ? Khái niệm cụm danh từ?	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 5
Bài tập	Nhận diện cụm danh từ trong câu	Làm các bài tập thực hành ở phần <i>cụm danh từ</i> , chương 4 trong quyển <i>Bài tập ngữ pháp tiếng Việt</i>		
Thảo luận	Phân biệt sự giống và khác nhau giữa phần phụ trước và phần phụ sau của cụm danh từ	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	ý kiến của những tác giả đi trước về cụm danh từ.	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi về cụm danh từ: cách nhận diện, phân biệt cụm danh từ với câu có danh từ làm thành phần câu? Các dạng cấu tạo của cụm danh từ?		
Lí thuyết	- Cụm động từ - Cụm tính từ	Đọc quyển: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ pháp tiếng</i>	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 6

		<i>Việt</i> (trang84-91) 2/Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang105-116) 3/ Nguyễn Tài Cẩn, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang162-180)		
Bài tập	-Phân biệt sự giống và khác nhau của cụm động từ và cụm tính từ - Nhận diện cụm động từ, cụm tính từ trong câu	Làm các bài tập thực hành ở phần <i>cụm động từ, cụm tính từ</i> , chương4 trong quyển <i>Bài tập ngữ pháp tiếng Việt</i> .		
Thảo luận	Về sự hành chức của ba cụm danh từ, động từ, tính từ trong câu, mối quan hệ của chúng với từ loại trung tâm	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	Lịch sử nghiên cứu cụm từ	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi về cụm động từ, cụm tính từ: cách nhận diện, làm thế nào để phân biệt cụm động từ, cụm tính từ với kết cấu c-v có động từ hay tính từ làm thành phần câu? Các dạng cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ?		
Lí thuyết	Câu: -Định nghĩa và đặc điểm của câu - Một số hướng phân loại cấu trúc câu hiện nay	Đọc quyển: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang92-99)) 2/Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang117-122)	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 7
Bài tập	- Phân tích cấu trúc câu theo các hướng khác nhau. - Phân biệt câu và cụm từ - Phân biệt thành phần chính và thành phần phụ của câu	Làm các bài tập thực hành ở phần <i>các hướng phân tích cấu trúc câu hiện nay</i> , chương5 trong quyển <i>Bài tập ngữ pháp tiếng Việt</i> .		
Thảo luận	Phân loại câu theo <i>chức năng</i> và theo <i>Đề -Thuyết</i>	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	Lịch sử nghiên cứu thành phần câu	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi về phân loại cấu trúc câu hiện nay và thành phần câu: Sự khác nhau giữa các cách phân tích cấu trúc câu hiện nay?		

		Cách để nhận diện các thành phần phụ của câu?		
Lí thuyết	Các quan niệm về câu đơn và câu ghép hiện nay	Đọc quyền: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang114-115)) 2/Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang123-124)	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 8
Bài tập	Bài tập về câu có hai kết cấu c-v.	Làm bài tập thực hành ở phần <i>các quan niệm về câu đơn và câu ghép</i> , chương5 trong quyền <i>Bài tập ngữ pháp tiếng Việt</i> .		
Thảo luận	Các quan niệm của các tác giả đi trước về câu đơn - câu ghép	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học		Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi về các quan niệm câu đơn câu ghép: Sự giống nhau và khác nhau giữa các quan niệm? Phân loại câu trong sách giáo khoa hiện hành ở trường phổ thông theo hướng nào?		
Lí thuyết	Phân loại câu đơn	Đọc quyền: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang115-119)) 2/Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang125-130)	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 9
Bài tập	Nhận diện câu đơnbình thường và các kiểu câu đơn đặc biệt	Làm các bài tập thực hành ở phần <i>câu đơn</i> , chương5 trong quyền <i>Bài tập ngữ pháp tiếng Việt</i>		
Thảo luận	Các quan niệm về câu đơn đặc biệt hiện nay	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	So sánh câu tiếp cận theo truyền thống với câu theo chức năng	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi về câu đơn: Cách nhận diện câu đơn? Phân biệt câu đơn bình thường và câu đơn đặc biệt?		
Lí thuyết	Phân loại câu ghép	Đọc quyền: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i>	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 10

		(trang119-126) 2/Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang131-138)		
Bài tập	Thực hành nhận diện và phân tích câu ghép	Làm các bài tập thực hành ở phần <i>câu ghép</i> , chương5 trong quyển <i>Bài tập ngữ pháp tiếng Việt</i>		
Thảo luận	Các quan niệm về câu ghép hiện nay- ưu điểm và hạn chế	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	Phân: Câu ghép theo quan niệm của Diệp Quang Ban, Hữu Quỳnh, UBKHXXH	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi về câu ghép: cách nhận diện câu ghép? Sự giống nhau và khác nhau giữa các loại câu ghép?		
Lí thuyết	Câu phân loại theo mục đích nói	Đọc quyển: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang127-139) 2/Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> (trang139-147)	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 11
Bài tập	Nhận diện các loại câu: hỏi, trần thuật, cầu khiến	Làm các bài tập thực hành ở phần <i>câu phân loại theo mục đích nói</i> , chương6 trong quyển <i>Bài tập ngữ pháp tiếng Việt</i> .		
Thảo luận	Các phương tiện biểu thị các loại câu trên	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	Tìm các kiểu câu trên trong văn bản nghệ thuật và phân tích, đánh giá	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi về câu phân loại theo mục đích nói: cách nhận diện mỗi loại câu? Phân biệt câu hỏi chính danh và không chính danh?		
Lí thuyết	Ngữ dụng học - Khái quát về ngữ dụng học - Chiều vật và chỉ xuất	Đọc quyển: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Giáo trình ngữ dụng học</i> (trang9-50) 2/Đỗ Hữu Châu, <i>Đại cương ngôn ngữ học</i> (trang5-60)	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 12

Bài tập	- Xác định các nhân tố giao tiếp trong câu. - Xác định các yếu tố chỉ xuất trong văn bản nghệ thuật.	Làm các bài tập ở chương 1 trong cuốn <i>Giáo trình ngữ dụng học</i> (Đỗ Thị Kim Liên).		
Thảo luận	- Các định nghĩa về ngữ dụng học. - Chiều vật và chỉ xuất	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	Những quan điểm của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học truyền thống	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị câu hỏi: vì sao ngữ dụng học ra đời? Sự khác nhau giữa ngôn ngữ học truyền thống và ngữ dụng học?		
Lý thuyết	Các hành động ngôn ngữ	Đọc quyển: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ dụng học</i> (trang 67-136) 2/Đỗ Hữu Châu, <i>Đại cương ngôn ngữ học</i> (trang 87-153)	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 13
Bài tập	- xác định phát ngôn miêu tả và phát ngôn ngữ vi - xác định phát ngôn ngữ vi tường minh và hàm ẩn. - Xác định động từ ngữ vi	Làm các bài tập ở phần <i>hành động ngôn ngữ</i> , chương 1 trong cuốn <i>Giáo trình ngữ dụng học</i> (Đỗ Thị Kim Liên)		
Thảo luận	Các hành động ngôn ngữ theo cách phân loại của Searle	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	Thực trạng và định hướng hiện nay trong việc phân loại hành động ở lời.	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi: Các căn cứ để nhận diện các hành động ở lời? Các căn cứ để nhận diện phát ngôn ngữ vi?		Tuần 14
Lý thuyết	Lý thuyết lập luận: - Định nghĩa và đặc điểm của lập luận - Các chỉ dẫn lập luận	Đọc quyển: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ dụng học</i> (trang 137-172) 2/Đỗ Hữu Châu, <i>Đại cương ngôn ngữ học</i> (trang 154-198)	Theo sự sắp xếp của trường	
Bài tập	- Xác định tác tử và kết tử lập luận	Làm các bài tập ở phần <i>lập luận</i> trong cuốn		

	- Xác định các kiểu lập luận.	<i>Giáo trình ngữ dụng học</i> (Đỗ Thị Kim Liên)		
Thảo luận	Các ý kiến của các tác giả trong và ngoài nước về vấn đề lập luận	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	Phân biệt lập luận và thuyết phục	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi: cách nhận biết một lập luận? Vai trò của tác giả và kết tử lập luận?		
Lí thuyết	1. Lí thuyết hội thoại: - Vận động hội thoại - Các qui tắc hội thoại - Cấu trúc hội thoại 2. Nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn, nghĩa tình thái.	Đọc quyển: 1/Đỗ Thị Kim Liên, <i>Ngữ dụng học</i> (trang173-280) 2/Đỗ Hữu Châu, <i>Đại cương ngôn ngữ học</i> (trang201-415)	Theo sự sắp xếp của trường	Tuần 15
Bài tập	- Phân tích các phương châm hội thoại trong các đoạn hội thoại - Phân tích cách liên kết hội thoại trong đoạn hội thoại - Phân tích nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn, nghĩa tình thái trong phát ngôn và trong văn bản.	Làm các bài tập ở phần <i>lý thuyết hội thoại</i> và phần <i>nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn, nghĩa tình thái</i> trong cuốn <i>Giáo trình ngữ dụng học</i> (Đỗ Thị Kim Liên)		
Thảo luận	- Các phương châm hội thoại trong giao tiếp của người Việt - Tác dụng của hàm ngôn	Chia nhóm theo kế hoạch chung		
Tự học	Cấu trúc hội thoại theo trường phái phân tích hội thoại và phân tích diễn ngôn	Cá nhân tự học ở nhà		
Tư vấn		Chuẩn bị các câu hỏi: trong các nhân tố chi phối lời trao và lời đáp, nhân tố nào quan trọng nhất? Các phương châm hội thoại có đúng ví tất cả các loại hội thoại hay không? Phân biệt hàm ngôn và tiền giả định?		

12. Các quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên:

- Yêu cầu sinh viên đi học đầy đủ các buổi giảng lí thuyết và thảo luận, chữa bài tập trên lớp, chuẩn bị đầy đủ các phần tự nghiên cứu và bài tập.
- Đọc tài liệu tham khảo đầy đủ, có ý thức thảo luận, xây dựng bài.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần:

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:

Bài kiểm tra điều kiện: 2 bài (1 bài kiểm tra bằng hình thức làm bài tập thực hành trên lớp để lấy điểm, 1 bài kiểm tra bằng hình thức vấn đáp).

Bài thi kết thúc học phần: bằng hình thức tự luận.

- Thang điểm:

Điểm chuyên cần và thái độ chiếm 10%

Điểm bài kiểm tra điều kiện chiếm 20%

Điểm kiểm tra cuối học kì 70%. Bài kiểm tra kết thúc học phần được giáo viên bộ môn trực tiếp ra đề.

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

**Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VĂN HỌC TRUNG QUỐC**

1. Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Hoài Thu

Chức danh: Giảng viên, học vị: Thạc sĩ.

Hướng nghiên cứu chính: Văn học Trung Quốc

Địa chỉ: phường Bến Thủy

Điện thoại: 0988402040

2. Tên học phần : Văn học Trung Quốc

3. Mã học phần : NV20013

4. Số tín chỉ: 3

5. Loại học phần : bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

Giảng lý thuyết: 40

Bài tập trên lớp: 05

Tự học: 90

7. Mục tiêu của môn học : Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nền văn học Trung Quốc qua các thời kì từ cổ trung đại đến cận hiện đại, đương đại, nắm được những đặc điểm cơ bản của từng thời kì, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở thời kì ấy. Giúp sinh viên nắm được phương pháp, định hướng tìm hiểu một số hiện tượng văn học Trung Quốc tiêu biểu, từ đó hiểu sâu hơn một số hiện tượng, tác giả trong văn học Việt Nam. Biết trân trọng những thành tựu xuất sắc của nền văn học Trung Quốc, sự ảnh hưởng, tác động sâu sắc của chúng đến văn học Việt Nam.

8. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

Phần 1: Văn học từ trước Tần đến đời Hán

Phần 2: Văn học Đường

Phần 3: Văn học Minh Thanh

Phần 4: Văn học cận đại đến đương đại

9. Nội dung chi tiết học phần:

Phần 1: Khái quát về văn học Trung Quốc từ trước Tần đến Hán

1.1. Xã hội Trung Quốc thời kì từ trước Tần đến Hán

1.2. Địa vị của văn học từ trước Tần đến Hán

1.3. Kinh thi

1.3.1. Giá trị nội dung của Kinh thi

1.3.2. Giá trị nghệ thuật của Kinh thi

1.4. Khuất Nguyên

1.4.1. Thời đại và thân thế Khuất Nguyên

1.4.2. Giá trị nội dung và nghệ thuật của Li tao

1.5. Văn học Tần-Hán

1.5.1. Khái quát tình hình xã hội – văn học Tần-Hán

1.5.2. Sử kí (Tư Mã Thiên)

Phần 2: Văn học Đường

2.1. Bài khái quát

- 2.1.1. Tình hình xã hội đời Đường
- 2.1.2. Các thể loại văn học Đường
- 2.2. Lý Bạch
 - 2.2.1. Thời đại và thân thế Lý Bạch
 - 2.2.2. Nội dung thơ Lý Bạch
 - 2.2.3. Nghệ thuật thơ Lý Bạch
- 2.3. Đỗ Phủ
 - 2.3.1. Thời đại và thân thế Đỗ Phủ
 - 2.3.2. Nội dung tư tưởng thơ Đỗ Phủ
 - 2.3.3. Nghệ thuật thơ Đỗ Phủ
- 2.4. Bạch Cư Dị
 - 2.4.1. Sự thống nhất giữa lí tưởng chính trị, quan điểm văn chương và thực tiễn sáng tác ở Bạch Cư Dị
 - 2.4.2. Thơ phóng dụ, thơ cảm thương của Bạch Cư Dị

Phần 3: Văn học Minh Thanh

- 3.1. Bài khái quát
 - 3.1.1. Tình hình lịch sử – xã hội thời Minh Thanh
 - 3.1.2. Các giai đoạn phát triển của tiểu thuyết Minh Thanh
 - 3.1.3. Nội dung tiểu thuyết Minh Thanh
 - 3.1.4. Nghệ thuật tiểu thuyết Minh Thanh
- 3.2. Tam quốc diễn nghĩa (La Quán Trung)
 - 3.2.1. Sơ lược về tác giả và quá trình hình thành tác phẩm
 - 3.2.2. Giá trị nội dung của Tam quốc diễn nghĩa
 - 3.2.3. Giá trị nghệ thuật của Tam quốc diễn nghĩa
- 3.3. Hồng lâu mộng (Tào Tuyết Cần và Cao Ngạc)
 - 3.3.1. Sơ lược về tác giả và quá trình hình thành tác phẩm
 - 3.3.2. Giá trị nội dung của Hồng lâu mộng
 - 3.3.3. Giá trị nghệ thuật của Hồng lâu mộng

Phần 4: Văn học Trung Quốc thời kì cận - hiện - đương đại

- 4.1. Khái quát văn học Trung Quốc cận – hiện đại
 - 4.1.1. Tình hình xã hội Trung Quốc thời kì cận hiện đại
 - 4.1.2. Những thành tựu của văn học Trung Quốc cận - hiện đại
- 4.2. Lỗ Tấn
 - 4.2.1. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Lỗ Tấn
 - 4.2.2. Truyện ngắn Lỗ Tấn: các chủ đề chính, nghệ thuật truyện ngắn Lỗ Tấn
 - 4.2.3. Tập văn Lỗ Tấn: các chủ đề chính, nghệ thuật tập văn Lỗ Tấn
- 4.3. Quách Mạt Nhược
 - 4.3.1. Cuộc đời, tư tưởng và sự nghiệp sáng tác
 - 4.3.2. Các tác phẩm tiêu biểu: *Nữ thần*, kịch *Khuất Nguyên*
- 4.4. Tào Ngụ
 - 4.4.1. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác
 - 4.4.2. Những tác phẩm tiêu biểu: Kịch *Lôi vũ* và *Nhật xuất*
- 4.5. Các chặng đường phát triển, các thể loại văn học Trung Quốc thời kì xã hội chủ nghĩa, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu
- 4.6. Văn học Trung Quốc đương đại: Một số hiện tượng tiêu biểu của văn học Trung Quốc đương đại.

10. Học liệu.

Giáo trình:

- Dư Quan Anh, Tiền Chung Thư, Phạm Ninh, *Lịch sử văn học Trung Quốc*, Nxb Giáo dục, H, 1997.
- Chương Bồi Hoàn, Lạc Ngọc Minh, *Văn học sử Trung Quốc* (Tập 1, 2, 3), Nxb Phụ nữ, 2000.
- Nguyễn Khắc Phi, Trương Chính, *Văn học Trung Quốc* (2 tập), Nxb Giáo dục, H, 1988.

Sách tham khảo:

- Trần Xuân Đề, *Tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc*, Nxb Giáo dục, H, 1998.
- Nguyễn Thị Bích Hải, *Thi pháp thơ Đường*, Nxb Thuận Hóa, 1997.
- Nguyễn Khắc Phi, *Thơ văn cổ Trung Hoa, mảnh đất quen mà lạ*, Nxb Giáo dục, H, 1999.
- Đường Thao (chủ biên), *Lịch sử hiện đại Trung Quốc*, (tập 2), Nxb Giáo dục, 2002.
- Lương Duy Thứ, *Để hiểu 8 bộ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc*, Nxb Giáo dục, H, 1998.
- Lương Duy Thứ, *Lỗ Tấn phân tích tác phẩm*, Nxb giáo dục, H, 2004.

11. Hình thức tổ chức dạy học

NỘI DUNG MÔN HỌC CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ/TUẦN

Hình thức tổ chức DH	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian, địa điểm		Ghi chú
Lý thuyết	1. Khái quát về văn học Trung Quốc từ trước Tần đến Hán 2. Văn học Đường 3. Văn học Minh Thanh 4. Văn học Trung Quốc thời kì cận – hiện – đương đại	1- Đọc giáo trình <i>Văn học Trung Quốc</i> tập 1(từ trang 7 – 21), giáo trình <i>Văn học sử Trung Quốc</i> tập 1 (từ trang 192 – 222). 2- Đọc giáo trình <i>Văn học Trung Quốc</i> tập 1 (từ trang 131 – 217). 3- Đọc giáo trình <i>Văn học Trung Quốc</i> tập 2 (từ trang 3 – 55), giáo trình <i>Văn học sử Trung Quốc</i> tập 3 (từ trang 739 – 761). 4- Đọc giáo trình <i>Văn học Trung Quốc</i> tập 2 (từ trang 159 – 255).	- Tuần 1, 2, 3. - Tuần 4, 5, 6. - Tuần 7, 8, 9, 10, 11. -Tuần 12,13, 14, 15.	Tại lớp học do trường bố trí	
Bài tập	Các câu hỏi trong giáo trình <i>Văn học Trung Quốc</i> tập 1 và 2, Nxb Giáo dục, H.1988		- Tuần 1 đến 15	Tại lớp học do trường bố trí	
Thảo luận	1. Những trào lưu tư tưởng lớn chi phối sự phát triển của văn học Trung Quốc cổ - trung đại. 2. Những thành tựu cơ bản của văn học Trung Quốc cổ - trung đại. 3. Những đóng góp của Lỗ Tấn cho văn học Trung Quốc hiện đại.	- Thảo luận theo nhóm. Nhóm phân công cho mỗi cá nhân chuẩn bị tài liệu và đề tài cụ thể để viết và tóm tắt văn bản... - Thu thập các nguồn tư liệu và tự xử lý - Soạn đề cương thảo luận	- Tuần 10 - Tuần 12 - Tuần 15	Tại các phòng học nhỏ do nhà trường bố trí	Phân nhóm
Tự học	1. Khái quát về văn học Trung Quốc từ trước Tần đến Hán: Tư Mã Thiên	- Đọc giáo trình <i>Văn học Trung Quốc</i> tập 1 (từ trang 77 – 100). + Những nhân tố đã tạo nên tư tưởng tiên bộ và	Từ tuần 1 đến 15	Ở nhà và trung tâm thư viện	

	2. Văn học Đường: Bạch Cư Dị 3. Văn học Minh Thanh: Tây du ký, Liêu trai chí dị, Nho lâm ngoại sử 4. Văn học Trung Quốc thời kì cận – hiện – đương đại: Tào Ngưu	tài năng của Tư Mã Thiên + Phân tích truyện Kinh Kha - Đọc giáo trình <i>Văn học Trung Quốc</i> tập 1 (từ trang 218 – 242) + Nội dung cơ bản của thơ ca Bạch Cư Dị + Ý nghĩa xã hội và tinh thần nhân đạo trong Tỳ bà hành. - Đọc giáo trình <i>Văn học Trung Quốc</i> tập 2 (từ trang 56 – 103) + Tư tưởng chủ đề của Tây du ký + Giá trị nội dung của Liêu trai chí dị và Nho lâm ngoại sử + Đặc điểm kết cấu của Nho lâm ngoại sử - Đọc bài giảng <i>Văn học Trung Quốc</i> (từ trang 357 – 377). + Nội dung tư tưởng của Nhật xuất và Lôi vũ.			
Tư vấn	1. Giới thiệu các tài liệu tham khảo. 2. Giải đáp, hướng dẫn các nội dung chính (câu hỏi và bài tập đã được soạn trong giáo trình)	- Sinh viên tìm hiểu chương trình - Đề xuất những băn khoăn, thắc mắc (nếu có)	- Tuần 1 đến 15	Tại lớp học do trường bố trí	

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải tham dự đủ các giờ học lý thuyết, thảo luận tại lớp, tự học ở nhà
- Có đủ các bài kiểm tra, bài thi theo quy định

13. Phương thức kiểm tra, đánh giá

- Kiểm tra đánh giá thái độ chuyên cần học tập của sinh viên
- Kiểm tra đánh giá thường xuyên định kì
- Thang điểm: 10

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

Học phần tự chọn 2
(Chọn 1 trong 2 học phần sau)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THI PHÁP HỌC

- 1. Họ và tên giảng viên:** Lê Thanh Nga – Chức danh: Giảng viên
- Học hàm, học vị: GV, Tiến sĩ
- Hướng nghiên cứu chính: Thi pháp học và văn học Việt Nam hiện đại
- Địa chỉ: Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Vinh
- Điện thoại: 0914 342 088
- 2. Tên học phần:** Thi pháp học
- 3. Mã học phần:** NV20025
- 4. Số tín chỉ:** 02 (hai)
- 5. Loại học phần:** Tự chọn
- 6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:**
- | | |
|-----------------------|---------|
| - Giảng lý thuyết: | 26 tiết |
| - Thực hành (Semina): | 04 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |

+ Kỹ năng: Sinh viên sẽ được trang bị phương pháp tiếp nhận văn học chính xác, khoa học.
+ Thái độ: Thái độ khách quan, khoa học khi đánh giá cống hiến nghệ thuật của nhà văn.

8. Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên các khái niệm: Thi pháp, Thi pháp học, Hình thức và Hình thức nghệ thuật; các phạm trù thi pháp: Quan niệm nghệ thuật về con người, Không gian nghệ thuật, Thời gian nghệ thuật, Kết cấu, Cốt truyện, Thể loại như một hình thức nghệ thuật, Hình tượng tác giả v.v... Cấp cho sinh viên một phương pháp khoa học, khách quan để làm việc với tác phẩm văn học, sự vận động của thi pháp văn học Việt Nam.

9. Nội dung chi tiết của học phần: gồm 3 chương:

Chương 1
KHÁI QUÁT VỀ THI PHÁP VÀ THI PHÁP HỌC (11 tiết)

1.1. Khái niệm thi pháp, thi pháp học

- 1.1.1. Khái niệm thi pháp
1.1.2. Khái niệm thi pháp học

1.2. Phác thảo lịch sử thi pháp học

- 1.2.1. Thi pháp học truyền thống
1.2.2. Thi pháp học hiện đại

1.3. Ý nghĩa của bộ môn thi pháp học

- 1.3.1. Ý nghĩa của thi pháp học đối với nghiên cứu văn học nói chung
1.3.2. Ý nghĩa của bộ môn thi pháp học đối với nhà trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp.

1.4. Lược sử thi pháp học ở Việt Nam

- 1.4.1. Thi pháp học ở Việt Nam thời trung đại
- 1.4.2. Thi pháp học Việt Nam thời hiện đại

1. 5. Một số khái niệm cơ bản

- 1. 5.1. Tác phẩm văn học là một thể giới ý nghĩa
- 1.5.2. Các phạm trù ý nghĩa của tác phẩm văn học
- 1.5.3. Hình thức của tác phẩm văn học là hình thức mang nghĩa
- 1.5.4. Tính chất lịch sử, cụ thể của hình thức nghệ thuật

1. 6. Các chỉnh thể văn học, các phạm trù và phương pháp nghiên cứu thi pháp học

- 1.6.1. Các chỉnh thể văn học
- 1.6.2. Các phạm trù thi pháp học
- 1.6.3. Phương pháp nghiên cứu thi pháp học

Chương 2

QUAN NIỆM VỀ CON NGƯỜI KHÔNG GIAN, THỜI GIAN NGHỆ THUẬT (10 tiết)

2.1. Quan niệm nghệ thuật về con người

- 2.1.1. Khái niệm quan niệm nghệ thuật về con người
- 2.1.2. Cơ sở xã hội, lịch sử và văn hóa của quan niệm nghệ thuật về con người
- 2.1.3. Ý nghĩa của quan niệm nghệ thuật về con người
- 2.1.4. Những biểu hiện của quan niệm nghệ thuật về con người
 - 2.4.1.1. Tương quan nhân vật văn học và quan niệm nghệ thuật về con người
 - 2.1.4.2. Những biểu hiện của quan niệm nghệ thuật về con người
- 2.1.5.. Sự vận động và phát triển của quan niệm nghệ thuật về con người
 - 2.1.5.1. Con người trong thần thoại
 - 2.1.5.2. Con người trong sử thi
 - 2.1.5.3. Con người trong cổ tích
 - 2.1.5.4. Con người trong văn học viết trung đại
 - 2.1.5.5. Con người trong văn học cận hiện đại

2.2. Không gian nghệ thuật

- 2.2.1. Khái niệm không gian nghệ thuật
- 2.2.2. Mô hình không gian và ngôn ngữ không gian nghệ thuật
- 2.2.3. Tính tượng trưng, quan niệm của không gian nghệ thuật
- 2.2.5. Các hình thức không gian trong văn học

2.3. Thời gian nghệ thuật

- 2.3.1. Khái niệm thời gian nghệ thuật
- 1.3.2. Cấu trúc và biểu hiện của thời gian nghệ thuật
- 2.3.3. Các hình thức thời gian trong văn học
 - 2.3.3.4. Thời gian trong văn học viết trung đại
 - 2.3.3.5. *Thời gian trong tiểu thuyết*

- Thảo luận: KGNT hoặc TGNT của 1 hiện tượng văn học.

Chương 3

MỘT SỐ PHẠM TRÙ THI PHÁP KHÁC (9 tiết)

3.1. Thi pháp chi tiết nghệ thuật

- 3.1.1. Khái niệm chi tiết và chi tiết nghệ thuật
- 3.1.2. Một số dạng chi tiết nghệ thuật
 - + Chi tiết màu sắc
 - + Chi tiết đồ vật
 - + Chi tiết âm thanh
 - + Chi tiết đường nét, chất liệu...

3.2. Thi pháp cốt truyện

3.2.1. Khái niệm cốt truyện.

3.2.2. Thi pháp cốt truyện

3.3. Thi pháp kết cấu

3.3.1. Khái niệm kết cấu tác phẩm nghệ thuật

3.3.2. Các phương diện cơ bản của kết cấu

3.4. Thi pháp ngôn từ nghệ thuật

3.4.1. Khái niệm ngôn từ

3.4.2. Thi pháp ngôn từ

10. Học liệu:

10.1. Các học liệu bắt buộc:

1. Lại Nguyên Ân (1999), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb. ĐHQG, Hà Nội.
2. Trần Đình Sử: Một số vấn đề thi pháp hiện đại – Vụ Giáo viên, Hà Nội, 1993.
3. Trần Đình Sử: Dẫn luận thi pháp học - Đại học Huế, 2002.
4. Đỗ Đức Hiếu: Thi pháp hiện đại – NXB Hội nhà văn, 2000.

10.2. Các tài liệu tham khảo chung:

1. Arixtôt: Nghệ thuật thi ca – Tạp chí Văn học nước ngoài số 1 – 1997
2. M. Bakhtin: Lí luận và thi pháp tiểu thuyết – Trường viết văn Nguyễn Du, 1992
3. Phan Ngọc: Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong truyện Kiều. NXB Khoa học xã hội, 1985.
4. Nguyễn Xuân Kính (2004), *Thi pháp ca dao*, Nxb. ĐHQG, Hà Nội.
5. Melentinski.E.M (2004), *Thi pháp của huyền thoại*, Trần Nho Thìn, Song Mộc dịch, Nxb. ĐHQG, Hà Nội.
6. Trần Đình Sử (1995), *Thi pháp thơ Tố Hữu*, Nxb. GD, Hà Nội.
7. Trần Đình Sử (2005), *Thi Pháp Truyện Kiều*, Nxb. GD, Hà Nội.
8. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề thi pháp văn học Việt Nam trung đại*, Nxb.GD, Hà Nội.

11. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung học phần chia ra các vấn đề \tuần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	Chương 1: Các khái niệm: Thi pháp, Thi pháp học, đối tượng và phương pháp nghiên cứu thi pháp, lịch sử thi pháp học, thi pháp học ở Việt Nam	Đọc tài liệu 10. 1 (tr.307–312), 2 (tr.3-27), 3 (tr.4-39), 4 (tr.7-55).	Tuần 1: 2 tiết Tuần 2: 2 tiết Tuần 3: 2 tiết Tuần 4: 2 tiết Tuần 5: 2 tiết Tuần 6: 1 tiết	Do nhà trường bố trí, quy định
Lý thuyết	Chương 2: Quan niệm nghệ thuật về con người, không gian, thời gian nghệ thuật	Đọc tài liệu 10.1. 2 (tr.3-192), 3 (tr.1-28), 10.2. 6 (tr.3-190), 7	Tuần 6: 1 tiết Tuần 7: 2 tiết Tuần 8: 2 tiết Tuần 9: 2 tiết	

		(tr.107-156), 8 (tr.167-437)	Tuần 10: 2 tiết Tuần 11: 1 tiết	
Lý thuyết	Chương 3: Một số phạm trù thi pháp khác	Đọc, tóm tắt toàn bộ tài liệu 10.1. 4,10.2. 2,3,4,5	Tuần 11: 1 tiết Tuần 12: 2 tiết Tuần 12: 2 tiết Tuần 14: 2 tiết Tuần 15: 2 tiết	
Tự học, tự nghiên cứu	Theo các chương, mục trong nội dung chi tiết	Theo hướng dẫn của giáo viên		

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên: Tập trung nghe giảng, thảo luận tích cực trên lớp qua đó đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên.

13. Phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả:

- Kiểm tra thường xuyên qua thảo luận tại lớp, đánh giá điểm ý thức, thái độ (tỷ trọng 1/10).
- Kiểm tra định kỳ tại lớp hoặc ở nhà (tỷ trọng 2/10)
- Kiểm tra kết thúc học phần (tự luận) (tỷ trọng 7/10)
- Thang điểm 10

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

Học phần tự chọn 2
(Chọn 1 trong 2 học phần sau)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THI PHÁP VĂN HỌC DÂN GIAN

1- Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Thị Thanh Trâm*

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ.

- Hướng nghiên cứu chính: Một số vấn đề thi pháp thể loại văn học dân gian Việt Nam.
Văn học dân gian trong nhà trường nhìn từ góc độ thi pháp.

- Địa chỉ: CBGD khoa Ngữ văn trường Đại học Vinh

- Số điện thoại: NR. 038.3855003; ĐD. 01234300982

2- Tên học phần : *Thi pháp văn học dân gian*

3- Mã học phần : NV20026

4- Số tín chỉ : 02

5- Loại học phần: Tự chọn và kế tiếp

6- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 26 tiết

- Bài tập + thảo luận 04 tiết

- Tự học: 60 tiết

7- Mục tiêu của học phần:

- **Kiến thức:** Nhằm cung cấp những tri thức có tính chuyên sâu về một bộ phận văn học có tính đặc thù – văn học dân gian. Giúp cho sinh viên nắm vững hệ thống thi pháp của bộ phận văn học này qua một số thể loại.

- **Kỹ năng:** Biết cách phân tích tác phẩm văn học dân gian từ góc độ thi pháp học. Có khả năng giải quyết một số vấn đề nảy sinh từ thực tiễn sáng tác văn học dân gian Việt Nam trên bình diện thi pháp.

- **Thái độ:** Tiếp thu tri thức mới về lĩnh vực thi pháp học với tinh thần khen, chê đúng mực. Bằng sự nỗ lực của bản thân, sinh viên cần nắm bắt những thành tựu mới nhất trong việc nghiên cứu thi pháp VHDG ở nước ta và trên thế giới.

8- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm hai phần: Lý thuyết và thực hành. Phần thực hành nằm trong số tiết tự học của sinh viên.

Phần lý thuyết: Đề cập các khái niệm cơ bản về thi pháp nói chung và thi pháp VHDG nói riêng; lịch sử vấn đề nghiên cứu thi pháp VHDG trên thế giới và ở Việt Nam. Đi sâu tìm hiểu một số phương diện thi pháp VHDG thuộc ba loại hình: tự sự, trữ tình và kịch (chèo).

Phần thực hành: Tổ chức câu lạc bộ văn học dân gian dưới hình thức biểu diễn các tiết mục văn nghệ dân gian ở cả ba miền Bắc – Trung – Nam.

- Xemina một số vấn đề có liên quan.

9- Nội dung chi tiết học phần:

I- Phần lý thuyết

Chương 1. THI PHÁP, THI PHÁP HỌC, ĐỐI TƯỢNG VÀ CÁC PHẠM TRÙ THI PHÁP

1. Khái niệm thi pháp, thi pháp học
2. Hình thức nghệ thuật là đối tượng chủ yếu của thi pháp học
3. Các phạm trù thi pháp cơ bản

Chương 2. THI PHÁP VĂN HỌC DÂN GIAN, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM TRÙ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Khái niệm Thi pháp văn học dân gian
2. Đối tượng của thi pháp văn học dân gian
3. Thi pháp văn học dân gian là thi pháp thể loại
4. Các phạm trù thi pháp văn học dân gian
5. Phương pháp nghiên cứu thi pháp văn học dân gian

Chương 3. QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VỀ CON NGƯỜI TRONG CÁC THỂ LOẠI TỰ SỰ DÂN GIAN

1. Khái niệm Quan niệm nghệ thuật về con người
2. Con người trong thần thoại
3. Con người trong sử thi, truyền thuyết
4. Con người trong cổ tích
5. Con người trong truyện cười, truyện trạng

Chương 4. CÔNG THỨC TRUYỀN THỐNG TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Khái niệm công thức truyền thống
2. Một số công thức truyền thống trong VHDG
 - 2.1. *Type và Motif trong truyện kể dân gian*
 - 2.2. *Công thức truyền thống trong ca dao*

Chương 5. THỜI GIAN NGHỆ THUẬT

1. Khái niệm thời gian nghệ thuật
2. Các hình thức thời gian trong văn học dân gian
 - 2.1. *Thời gian trong thần thoại*
 - 2.2. *Thời gian trong sử thi, truyền thuyết*
 - 2.3. *Thời gian trong cổ tích*

Chương 6. KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT

1. Khái niệm không gian nghệ thuật
2. Các hình thức không gian trong văn học dân gian
 - 2.1. Không gian trong thần thoại
 - 2.2. Không gian trong sử thi, truyền thuyết
 - 2.3. Không gian trong truyện cổ tích

Chương 7. MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT CỦA CHÈO CỔ

1. Chèo - nghệ thuật sân khấu dân gian mang tính tổng hợp
2. Chèo là hình thức sân khấu tự sự
3. Tính chất ước lệ, tượng trưng của chèo
4. Lối diễn ngẫu hứng của chèo sân đình

II- Phần thực hành

1- Sinh hoạt câu lạc bộ văn học dân gian

1.1: Biểu diễn một số tiết mục văn nghệ dân gian Việt Nam

1.2: Kể truyện dân gian, thi sáng tác ca dao, trình bày một số vấn đề nhỏ về VHDG có kèm theo minh họa

2 - Xêmina

2.1: Phân tích, đánh giá một số nhân vật trong truyện cổ tích từ góc độ thi pháp học (như Sọ Dừa, Trương Chi, mù dì ghẻ và con Cám, v.v...)

2.2: Phân tích, đánh giá một vài nhân vật trong chèo cổ dưới góc độ thi pháp học (như Thị Mầu, Suý Vân, Dương Lễ v.v...)

10- Học liệu:

10.1: Giáo trình chính

1. Đỗ Bình Trị, *Thi pháp các thể loại văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, H.1999, hoặc:

2. Lê Trường Phát, *Thi pháp văn học dân gian*, Nxb Giáo dục, H.2001.

3. Nguyễn Xuân Kính, *Thi pháp ca dao*, NXB Khoa học xã hội, H.2006

4. Nguyễn Thị Thanh Trâm, *Thi pháp văn học dân gian* (Trường Đại học Vinh, Bài giảng lưu hành nội bộ)

10.2. Tài liệu tham khảo

5. Nguyễn Xuân Đức: *Những vấn đề thi pháp văn học dân gian*, NXB Khoa học xã hội, H.2003.

6. Trần Đình Sử. *Dẫn luận thi pháp học*, In trong *Trần Đình Sử tuyển tập*, tập 2. Nxb Giáo dục, H.2005.

7. Trần Đức Thịnh: *Chèo cổ truyền làng Thắt Gian*, NXB Văn hoá thông tin, H.2007

10.3: Các bài báo của các tác giả: Chu Xuân Diên, Lê Kinh Khiên, Đinh Gia Khánh, Trần Đình Sử, Hoàng Tiến Tựu v.v... đăng trên *Tạp chí văn học*, *Văn hoá dân gian* và *Nguồn sáng dân gian* từ trước tới nay.

11- Hình thức tổ chức dạy học:

NỘI DUNG HỌC PHẦN CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ \TUẦN

	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	Chương 1. THI PHÁP, THI PHÁP HỌC, ĐỐI TƯỢNG VÀ CÁC PHẠM TRÙ THI PHÁP	- Chương 1: Đọc TL2(tr.514), TL4(tr.3-9), 6.	Tuần 1+2	Tại lớp học do trường bố trí
	Chương 2. THI PHÁP VĂN HỌC DÂN GIAN, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM TRÙ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	- chương 2: đọc TL 4 (tr.9-14), TL2 (tr.5-14), 5.	- Tuần 3,4	
	Chương 3. QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VỀ CON NGƯỜI TRONG CÁC THỂ LOẠI TỰ SỰ DÂN GIAN	- Chương 3: đọc TL 2 (tr.15-87), 3, 4(tr.15-22), 6.	-Tuần 5,6	
	Chương 4. CÔNG THỨC TRUYỀN THỐNG TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN	- chương 4: TL 4 (tr.22-33), TL3,5, TL2(121-146).	- Tuần 8,9.	
	Chương 5. THỜI GIAN NGHỆ THUẬT	-Chương 5,6: Đọc TL 4 (tr.34-44), TL 6.	-Tuần 11,12,13	
	Chương 6. KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT	- chương 7: đọc TL 4(tr.44-50), TL 7	- Tuần 14	
	Chương 7. MỘT SỐ ĐẶC			

	TRUNG NGHỆ THUẬT CỦA CHÈO CỎ			
Bài tập	1- Kiểm tra thường xuyên lần một	- Ôn tập các phần lý thuyết đã học - Chuẩn bị cho các vấn đề tự học	Tuần 7(2 tiết)	Tại lớp học do trường bố trí
Thảo luận	1- Quan niệm nghệ thuật về con người 2- Phân tích, diễn xướng một số vở chèo cổ	1- Soạn đề cương chi tiết 2- Đọc kỹ các tác phẩm có liên quan	- Tuần 10 - Tuần 15	Tại lớp học do trường bố trí
Tự học	1- Đọc các học liệu ở các chương 2- Sinh hoạt câu lạc bộ VHĐG	- Đọc tài liệu tham khảo có ghi chép, nhận xét - Tập các tiết mục VNDG	- Từ tuần 1 → 1 3 - Tuần 1 4 + 1 5	ở nhà và các trung tâm tư liệu
Tư vấn	1- Giới thiệu chương trình, tài liệu tham khảo 2- Mời người tập các tiết mục VNDG	- Tự tìm người để tham khảo một số vấn đề khó về thi pháp	- Tuần 1 - Tuần 13	Tại lớp học và ở nhà

12- Qui định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các tiết lý thuyết, bài tập và thảo luận trên lớp học. Nếu nghỉ quá 20% tổng số tiết (30 tiết) và không có điểm kiểm tra thường xuyên thì không được dự thi kết thúc học phần.

- Đảm bảo thời gian tự học và có kế hoạch tự học cho bản thân. Đọc tài liệu có ghi chép và tự xử lý nguồn thông tin cần thiết. Xuất trình kết quả tự học, tự nghiên cứu để giảng viên kiểm tra, đánh giá. Nếu đạt kết quả tốt thì được thay kiểm tra thường xuyên.

- Tham gia câu lạc bộ VHĐG bằng khả năng thực tế của bản thân. Nếu không tham gia biểu diễn thì phải có mặt trong lần sinh hoạt đó.

13- Phương thức kiểm tra và đánh giá kết quả học phần:

- Các phương thức kiểm tra đánh giá:

- + Điểm chuyên cần, tinh thần, thái độ chiếm tỷ lệ: 1/10 điểm.
 - + Điểm kiểm tra thường xuyên chiếm tỷ lệ : 2/10 điểm.
 - + Điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ lệ : 7/10 điểm.
 - + Hình thức kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần : Tự luận.
- (riêng kiểm tra thường xuyên có thể dùng cả hình thức vấn đáp).

- Thang điểm : 10

14- Ngày phê duyệt:

15- Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY VÀ THỰC TẾ CHUYÊN MÔN VHVNHĐ

1. Họ và tên giảng viên:

- **Lê Thanh Nga** Chức danh, học hàm, học vị: **GV, TS**

Hướng nghiên cứu chính: Văn học Việt Nam hiện đại

Địa chỉ: Khoa Ngữ Văn Đại học Vinh Mobile: 0914342088

- **Ngô Thị Quỳnh Nga** Chức danh, học hàm, học vị: **GV, TS**

Hướng nghiên cứu chính: Văn học Việt Nam

Địa chỉ: Khoa Ngữ Văn Đại học Vinh. Mobile: 0944368767

2. Tên học phần: Văn học Việt Nam 1945 đến nay và Thực tế chuyên môn VHVNHĐ

3. Mã học phần: NV20014

4. Số tín chỉ: 5

5. Loại học phần:

- Bắt buộc

- Điều kiện tiên quyết: SV phải học xong môn văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 60

- Thực tế chuyên môn: 15

- Tự học: 120

7. Mục tiêu học phần:

- Kiến thức: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về tình hình văn học Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như văn học đô thị miền Nam trong 30 năm chiến tranh và văn học Việt Nam thống nhất sau 1975, đặc biệt là văn học trong công cuộc đổi mới.

- Kỹ năng: Tạo cho người học một cách nhìn và phương pháp tiếp cận phù hợp với đặc điểm của văn học từng giai đoạn lịch sử.

- Thái độ, chuyên cần: Nghiêm túc, có ý thức tôn trọng các giá trị văn học dân tộc. Tham gia nghe giảng đầy đủ.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Tổng quan về lịch sử, xã hội Việt Nam 1945 -1975 và 1975 đến nay với tư cách là tiền đề xã hội – thẩm mĩ qui định bản chất của văn học dân tộc từng giai đoạn.

- Những đặc điểm chủ yếu của Văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 (Tập trung phục vụ kháng chiến, được viết theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, hướng về đại chúng, thành tựu và hạn chế v.v.). Các chặng đường phát triển chính (1945 -1954;1954 -1975 và 1975 đến nay); những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam 1975 đến nay (văn học vận động theo hướng dân chủ hóa; tinh thần nhân bản và ý thức cá nhân là nền tảng tư tưởng và cảm hứng chủ đạo, bao trùm; văn học phát triển phong phú, đa dạng, hướng tới tính hiện đại...); các chặng đường phát triển chính (từ sau tháng 4 năm 1975 đến 1985; 1986 đến đầu những năm chín mươi; từ giữa những năm chín mươi đến nay)

- Đóng góp nổi bật của các nhà văn tiêu biểu (Tô Hữu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Tô Hoài, Nguyên Ngọc, Nguyễn Minh Châu và một số cây bút đương đại)

9. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

Văn học Việt Nam 1945 đến 1975

(12 tiết)

1.1. Bối cảnh lịch sử, xã hội và những sự kiện chính tác động đến văn học

1.1.1. Cách mạng tháng Tám khai sinh nền văn học cách mạng

1.1.2. Hai cuộc kháng chiến (chống Pháp, chống Mỹ); công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và nền văn học Cách mạng.

1.1.3. Hoàn cảnh đất nước bị chia cắt và văn học hai miền...

1.2. Các giai đoạn phát triển và thành tựu

1.2.1. Giai đoạn 1945 -1954

1.2.2. Giai đoạn 1955-1964

1.2.3. Giai đoạn 1964 - 1975

1.3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 -1975

1.2.1. Văn học tập trung phục vụ cho hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc

1.2.2. Văn học chủ yếu được viết theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn

1.2.3. Văn học cơ bản hướng về đại chúng công - nông - binh

1.2.4. Văn học có nhiều thành tựu nhưng không tránh khỏi một số hạn chế

1.2.5. Vấn đề văn học miền Nam thời đất nước bị chia cắt

Thực hành 2 tiết (thảo luận tại lớp theo hướng dẫn của giáo viên)

Chương 2

Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay

(15 tiết)

2.1. Những tiền đề xã hội – thẩm mỹ của văn học Việt Nam từ 1975 đến nay

2.1.1. Đất nước thống nhất và một thời kì mới của lịch sử dân tộc, lịch sử văn học

2.1.2. Thời kỳ đổi mới, hội nhập... và cơ hội mới của văn học Việt Nam

2.2. Các chặng đường vận động của văn học sau 1975

2.2.1. Chặng đường 10 năm sau chiến tranh (1975 - 1985) của văn học

2.2.2. Chặng đường đổi mới và hội nhập (từ 1986 đến nay) của văn học

2.3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1975 đến nay

2.3.1. Văn học tiếp tục khám phá, bổ sung, “nhận thức lại” quá khứ...

2.3.2. Đổi mới cách nhìn nhận và thể hiện con người, thế giới trong nhiều mối quan hệ phức tạp, đa chiều...

2.3.3. Nỗ lực tìm tòi về cá tính và phong cách nghệ thuật...

2.3.4. Những thành công và hạn chế của văn học sau 1975...

2.3. Thực hành 5 tiết

- Thảo luận tại lớp 3 tiết theo hướng dẫn của giáo viên

- Bài tập (chung cho chương 1 và chương 2) trên lớp theo chỉ định của giáo viên

Chương 3

Một số tác gia tiêu biểu

(33 tiết)

3.1. Tô Hữu

- 3.1.1. Sáng tác của Tô Hữu sau 1945
- 3.1.2. Phong cách nghệ thuật thơ Tô Hữu
- 3.1.3. Giới thiệu các tập thơ: *Việt bắc, Gió lộng, Ra trận.*

3.2. Chế Lan Viên

- 3.2.1. Sự nghiệp sáng tác
- 3.2.2. Phong cách nghệ thuật thơ Chế Lan Viên
- 3.2.3. Giới thiệu một số tập thơ tiêu biểu của Chế Lan Viên ở hai thời kỳ trước và sau Cách mạng 1945 (*Ánh sáng và phù sa, Những bài thơ đánh giặc,...*).

3.3. Tô Hoài

- 3.3.1. Sự nghiệp sáng tác
- 3.3.2. Phong cách nghệ thuật văn xuôi Tô Hoài
- 3.3.3. Giới thiệu *Truyện Tây Bắc*

3.4. Nguyên Ngọc

- 3.4.1. Sự nghiệp sáng tác
- 3.4.2. Phong cách nghệ thuật văn xuôi Nguyên Ngọc
- 3.4.3. Giới thiệu *Đất nước đứng lên*

3.5. Nguyễn Khải

- 3.5.1. Sự nghiệp sáng tác
- 3.5.2. Phong cách nghệ thuật văn xuôi
- 3.5.3. Giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu

3.5. Nguyễn Minh Châu

- 3.5.1. Sự nghiệp sáng tác
- 3.5.2. Phong cách nghệ thuật văn xuôi Nguyễn Minh Châu
- 3.5.3. Giới thiệu các truyện ngắn: *Mùa trái cóc ở Miền Nam, Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Phiên chợ Giát.*

3.6. Một số nhà văn Việt Nam đương đại tiêu biểu

(Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Nguyễn Quang Thiều, Hồ Anh Thái,...).

Thực hành (3 tiết): Thảo luận trên lớp (Nội dung do giáo viên giảng dạy xác định)

10. Học liệu

10.1 - Giáo trình, bài giảng của người dạy

- 10.1.1. Phan Cự Đệ (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX*, Nxb Giáo dục, 2002
- 10.1.2. Nguyễn Văn Long (chủ biên), *Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại 1945 đến nay*, tập 2, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- 10.1.3. Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên), *Văn học Việt Nam 1945 – 1975*, tập 1, 2, Nxb Giáo dục, 1988,1990.

10.2. Tài liệu tham khảo:

- 10.2.1. Phan Cự Đệ, Hà Minh Đức, *Nhà văn Việt Nam 1945 -1975*, nxb ĐH và THCN, 1978- 1981.
- 10.2.2. Nhiều tác giả, *Một thời đại mới trong văn học*, nxb Văn học, Hà Nội 1995.
- 10.2.3. Nhiều tác giả, *Cách mạng, kháng chiến và đời sống văn học (1945 -1975)*, nxb KHXH, Hà Nội 1995.
- 4. Nhiều tác giả, *Truyện ngắn Việt Nam 1945-1975*, nxb Văn học Hà Nội, 1985
- 5. Nhiều tác giả, *Thơ Việt Nam 1945-1975*, nxb Văn học, Hà Nội 1985
- 6. Nguyễn Văn Long, *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục, H. 2002
- 7. Nhiều tác giả, *Năm mươi năm văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1996

11. Hình thức tổ chức dạy học**Nội dung học phần chia ra các vấn đề / tuần**

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	Chương 1: Tổng quan VHVN 1945 đến nay	Đọc giáo trình quyển 1 (mục 10.1) từ tr.1 đến tr.997 quyển 2 từ tr.1 đến tr.234 quyển 3 từ tr.1 đến tr.390	(10 tiết) -Tuần 1,2 và 2 tiết đầu tuần 3 -Tại trường (do trường quy định)	
Thảo luận	Chương 1	Theo hướng dẫn của GV	(02 tiết) -2 tiết sau tuần 3	
Thực tế chuyên môn	Thực tế chuyên môn	-Quản triệт quy chế - Tài chính và các vật dụng cá nhân - Đọc các tài liệu liên quan	(15 tiết) -Trộn trong cả tuần 4 -Ngoài trường (do khoa chọn tại Hà Nội hoặc Huế)	Xem ở cuối bảng nội dung
Lý thuyết (học tiếp phần VHVN)	Chương 2 Những đặc điểm cơ bản của VHVN 1945 đến nay	- Đọc toàn bộ 3 cuốn giáo trình	(10 tiết) -Tuần 5, 6 và 2 tiết đầu tuần 7. -Tại trường	
Thảo luận	chương 2	Theo hướng dẫn của GV	(02 tiết) -2 tiết sau tuần 7 -Tại trường	
Bài tập	Chương 1+ 2	Theo chỉ định của GV	(02 tiết) -2 tiết đầu tuần 8 -Tại trường	
Lý thuyết	Chương 3 Những tác gia tiêu biểu	Đọc toàn bộ giáo trình và các tài liệu tác gia và tác phẩm	(33 tiết) -2 tiết sau tuần 8 và các tuần 9 đến 15 -Tại trường	
Thảo luận	Chương 3	Theo hướng dẫn của GV	(03 tiết) -2 tiết đầu tuần 16 -Tại trường	
Bài tập	Chương 3	Theo chỉ định của GV	(02 tiết) -2 tiết sau tuần 16 -Tại trường	

Ghi chú: Mục thực tế chuyên môn

1. Từ K48 đến K51 đây là một học phần riêng, trường để thực hiện vào tuần 16 (tuần dự trữ). CB hướng dẫn và SV các khóa đó đã có ý kiến đề nghị thay đổi lịch, vì, thứ nhất: Tuần 16 vào khoảng tháng 5 - mùa du lịch nên việc thuê xe, phòng trọ thường giá đắt; thứ hai: đi thực tế sát với lịch thi học kỳ, ảnh hưởng không tốt đến việc ôn thi của SV

2. Từ K52, phần TTCM gộp với phần VHVN 1945 đến nay, đề nghị Trường cho tổ chức thực hiện vào dịp tháng 3 (sau khi sinh viên học xong 3 tuần đầu thì cho đi thực tế) để tránh những bất lợi đã nêu ở trên.

12. Qui định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Giảng viên: tham gia đầy đủ số tiết lý thuyết và chuẩn bị tốt các tiết thảo luận và bài tập trên lớp.
- Sinh viên: phải tham gia đầy đủ các tiết học lý thuyết và thực hành, tích cực tự học, tự nghiên cứu, bắt buộc đọc các tác phẩm trước khi nghe giảng.

13. Phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học phần:

- Các phương thức kiểm tra đánh giá: Vì đây là học phần ghép nên phương thức kiểm tra đánh giá theo 2 phương án.

- Phương án 1: Phần VHVN (4 tín chỉ) thi riêng. (Lấy điểm tổng hợp của 3 thành phần: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi viết (120 phút))

- Phần thực tế chuyên môn (1 tín chỉ) làm tiểu luận, chấm lấy điểm riêng.

- Phương án 2: - Tổ chức thi phần VHVN (4 tín chỉ), tổ chức cho SV làm tiểu luận. Cộng điểm thi và điểm tiểu luận tính theo tỉ lệ VHVN 80% và TTCM 20%.

14. Ngày phê duyệt:.

15.Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT

1. Họ và tên giảng viên: Trần Anh Hào

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, thạc sĩ
Hướng nghiên cứu chính: Phong cách học - Ngôn ngữ học
Địa chỉ, điện thoại: Khoa Ngữ Văn, trường Đại học Vinh
NR: 0383.856668 - DD: 0982.341834

2. Tên học phần: *Phong cách học tiếng Việt*

3. Mã học phần: NV21015

4. Số tín chỉ: 03

5. Loại học phần: Bắt buộc

Yêu cầu đối với học phần: Người học đã học các tín chỉ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng.

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 35
- Bài tập trên lớp: 10
- Tự học: 90

7. Mục tiêu của học phần:

7.1. Kiến thức: Sinh viên cần nắm vững các kiến thức:

- Kiến thức chuyên ngành phong cách học và phong cách học tiếng Việt.
- Kiến thức phân tích, thảo luận về những vấn đề phong cách học.

7.2. Kỹ năng: Học phần hướng cho sinh viên các kỹ năng:

- Kỹ năng phân tích các hiện tượng phong cách khi tiếp xúc với văn bản và sử dụng khi giao tiếp.
- Kỹ năng tự học, tự làm việc.

7.3. Thái độ, chuyên cần: Học phần bồi dưỡng cho sinh viên các thái độ:

- Thái độ khoa học khi tiếp nhận hệ thống lý thuyết về phong cách học.
- Thái độ cầu thị vận dụng kiến thức học phần vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học.
- Học tập chuyên cần.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Những vấn đề chung về phong cách học.
- Phân loại và phân tích các phong cách chức năng trong tiếng Việt.
- Phân loại và phân tích các phương tiện tu từ, biện pháp tu từ trong tiếng Việt.
- Phương pháp nghiên cứu: logic học, thống kê toán học, đối sánh phong cách học và các phương pháp khác.
- Triển vọng học phần: phát triển tốt.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. Dẫn luận phong cách học

- 1.1. Phong cách học và phong cách học tiếng Việt
- 1.1.1. Phong cách học

- 1.1.2. Phong cách học tiếng Việt
- 1.2. Đối tượng của phong cách học
 - 1.2.1. Phong cách chức năng ngôn ngữ
 - 1.2.2. Phương tiện tu từ và biện pháp tu từ
- 1.3. Các bình diện nghiên cứu của phong cách học
 - 1.3.1. Phong cách học đại cương và phong cách học cụ thể
 - 1.3.2. Phong cách học tổng quát và phong cách học bộ phận
 - 1.3.3. Phong cách học ngôn ngữ và phong cách học lời nói
 - 1.3.4. Phong cách học lịch đại và phong cách học đồng đại
- 1.4. Quan hệ giữa phong cách học với các học phần khác của ngôn ngữ học
 - 1.4.1. Với ngữ âm học
 - 1.4.2. Với từ vựng - ngữ nghĩa học
 - 1.4.3. Với ngữ pháp học
 - 1.4.4. Với văn bản học
- 1.5. Phương pháp nghiên cứu phong cách học
 - 1.5.1. Phương pháp logic học
 - 1.5.2. Phương pháp thống kê toán học
 - 1.5.3. Phương pháp đối sánh phong cách học

Chương 2. Phong cách chức năng tiếng Việt

- 2.1. Phong cách hành chính
 - 2.1.1. Khái quát về phong cách hành chính
 - 2.1.2. Đặc trưng chung của phong cách hành chính
 - 2.1.3. Đặc điểm ngôn ngữ trong phong cách hành chính
- 2.2. Phong cách khoa học
 - 2.2.1. Khái quát về phong cách khoa học
 - 2.2.2. Đặc trưng chung của phong cách khoa học
 - 2.2.3. Đặc điểm ngôn ngữ trong phong cách khoa học
- 2.3. Phong cách báo chí
 - 2.3.1. Khái quát về phong cách báo chí
 - 2.3.2. Đặc trưng chung của phong cách báo chí
 - 2.3.3. Đặc điểm ngôn ngữ trong phong cách báo chí
- 2.4. Phong cách chính luận
 - 2.4.1. Khái quát về phong cách chính luận
 - 2.4.2. Đặc trưng chung của phong cách chính luận
 - 2.4.3. Đặc điểm ngôn ngữ trong phong cách chính luận
- 2.5. Phong cách sinh hoạt
 - 2.5.1. Khái quát về phong cách sinh hoạt
 - 2.5.2. Đặc trưng chung của phong cách sinh hoạt
 - 2.5.3. Đặc điểm ngôn ngữ trong phong cách sinh hoạt
- 2.6. Phong cách nghệ thuật
 - 2.6.1. Phong cách nghệ thuật và ngôn ngữ nghệ thuật
 - 2.6.2. Ngôn ngữ nghệ thuật và ngôn ngữ phi nghệ thuật
 - 2.6.3. Đặc trưng chung của ngôn ngữ nghệ thuật

Chương 3. Tu từ tiếng Việt

- 3.1. Tu từ ngữ âm
 - 3.1.1. Phương tiện ngữ âm với khả năng tu từ
 - 3.1.2. Biện pháp tu từ ngữ âm
- 3.2. Tu từ từ vựng - ngữ nghĩa
 - 3.2.1. Phương tiện tu từ từ vựng - ngữ nghĩa
 - 3.2.2. Biện pháp tu từ từ vựng - ngữ nghĩa
- 3.3. Tu từ cú pháp
 - 3.3.1. Phương tiện tu từ cú pháp

- 3.3.2. Biện pháp tu từ cú pháp
 3.4. Tu từ văn bản
 3.4.1. Phương tiện tu từ văn bản
 3.4.2. Biện pháp tu từ văn bản

10. Học liệu:

1. Nguyễn Thái Hòa. *Dẫn luận phong cách học*. NXB Giáo dục, 1997.
2. Đinh Trọng Lạc. *Phong cách học tiếng Việt*. NXB Giáo dục, 1999.
3. Đinh Trọng Lạc. *300 bài tập phong cách học tiếng Việt*. NXB Giáo dục, 1999.
4. Đinh Trọng Lạc. *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*. NXB Giáo dục, 2008.
5. Đinh Trọng Lạc. *Phong cách học văn bản*. NXB Giáo dục, 1994.
6. Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hòa. *Phong cách học tiếng Việt*. NXB Giáo dục, 1993.
7. Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hòa. *Thực hành phong cách học tiếng Việt*. NXB Giáo dục, 1993.

11. Hình thức tổ chức dạy học:

NỘI DUNG MÔN HỌC CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ /TUẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm
Lý thuyết	1. Định hướng lý thuyết chung về phong cách học tiếng Việt 2. Thuyết trình một số vấn đề lý thuyết cụ thể về phong cách học tiếng Việt	Đọc sách theo mục 10. Học liệu 1.Chương 1 -Đọc quyển 1.,trang 5 đến 130 -Đọc quyển 2.,trang 3 đến 34 -Đọc quyển 6.,trang 6 đến 64 2.Chương 2 -Đọc quyển 2.,trang 35 đến 197 -Đọc quyển 6.,trang 65 đến 159 3.Chương 3 -Đọc quyển 2.,trang 198 đến 322 -Đọc quyển 6.,trang 159 đến 274 -Đọc quyển 4.,trang 4 đến 241 -Đọc quyển 5.,trang 3 đến 200 Chuẩn bị câu hỏi tương thích với các vấn đề về phong cách học và phong cách học tiếng Việt	Theo sự sắp xếp của trường
Bài tập	1. Bài tập lý thuyết phong cách học tiếng Việt 2. Bài tập thực hành phong cách học tiếng Việt	Làm bài tập theo mục 10.Học liệu 1.Chương 1 -Bài tập quyển 3.,trang 5 đến 33 -Bài tập quyển 7.,trang 5 đến 46 2.Chương 2 -Bài tập quyển 3.,trang 57 đến 171 -Bài tập quyển 7.,trang 69 đến 168 3.Chương 3 -Bài tập quyển 3.,trang 207 đến 278 -Bài tập quyển 7.,trang 185 đến 238	Theo sự sắp xếp của trường
Thảo luận	1.Những vấn đề chung về phong cách học tiếng Việt 2.Những vấn đề cụ thể về phong cách học tiếng Việt	Theo phân công của nhóm	Theo sự sắp xếp của trường
Tự học	Theo nội dung chi tiết môn	Hướng dẫn	Theo sự

	học ở mục 9. đề cương này		sắp xếp của trường
Tư vấn	Tư vấn về môn học	Chuẩn bị câu hỏi	

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên:

- Sinh viên dự học đầy đủ các buổi giảng lý thuyết, làm bài tập, thảo luận trên lớp.
- Sinh viên chuẩn bị các nội dung thảo luận, chuẩn bị bài tập đúng thời hạn.

13. Phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học phần:

- Các phương thức kiểm tra, đánh giá:
Kiểm tra chuyên cần, thái độ học tập: thường xuyên
Kiểm tra kiến thức học phần: định kỳ
- Thang điểm:
Điểm chuyên cần, thái độ chiếm tỷ trọng 1/10
Điểm kiểm tra giữa kỳ chiếm tỷ trọng 2/10
Điểm kiểm tra kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 7/10

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

Đề cương chi tiết học phần
VĂN HỌC ÁN ĐỘ – NHẬT BẢN - ĐÔNG NAM Á

1. Họ và tên giảng viên: Nguyễn Văn Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Hướng nghiên cứu chính:

- Lịch sử văn học một số nước phương Đông (Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á) trong quá trình tiếp xúc Đông – Tây.

- Văn học so sánh

- Tiếp cận văn học từ văn hoá học

Địa chỉ: Khoa Ngữ Văn, Đại học Vinh. Điện thoại: 038. 3846455; 0912 286549; email: nguyenvanhankv@gmail.com. Hanhvan92@yahoo.com

2. Tên học phần: Văn học Ấn Độ - Nhật Bản - Đông Nam Á

3. Mã học phần: NV20016

4. Số tín chỉ: 3

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giờ giảng lý thuyết: 39

- Giờ thảo luận trên lớp: 06

- Giờ tự nghiên cứu ở nhà: 90

7. Mục tiêu của học phần:

7.1. Kiến thức:

- Nắm được một cách hệ thống những đặc điểm nổi bật và quá trình hình thành, phát triển của văn học các nước Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á.

- Nắm được một số hiện tượng nổi bật trong văn học các nước Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á (Basho, Kawabata, R. Tagore...).

- Có được một cái nhìn so sánh khái lược về văn học các nước trong khu vực Đông Nam Á và văn học Việt Nam; những giao lưu, tiếp xúc giữa các nền văn học trong lịch sử và hiện tại.

7.2. Kỹ năng:

- Trang bị kỹ năng nghiên cứu lịch sử văn học và các hiện tượng văn học cụ thể theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau.

- Giúp sinh viên có kỹ năng phân tích những hiện tượng văn học nước ngoài cụ thể (tác giả, tác phẩm) qua một cái nhìn so sánh với văn học Việt Nam

- Giúp sinh viên có kỹ năng tổ chức những cuộc thảo luận một vấn đề văn học (Phát hiện vấn đề, lựa chọn hướng tiếp cận, trình bày quan điểm).

7.3. Thái độ:

- Hình thành cho sinh viên một thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức về phương pháp tiếp cận văn học nước ngoài trong xu hướng quốc tế hoá.

- Giúp sinh viên có ý thức sâu sắc trong việc gìn giữ và phát triển quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở những kiến thức về văn hoá văn học.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á là những nền văn học có một bề dày truyền thống với những hiện tượng độc đáo, đặc sắc về nghệ thuật, chứa đựng một tinh thần nhân đạo

sâu sắc. Trong đó *Sử thi Ramayana*, Kalidasa, R. Tagore, Bashô, Y. Kawabata là những hiện tượng tiêu biểu, đỉnh cao của văn chương nhân loại (R. Tagore và Y. Kawabata là hai trong số 3 nhà văn châu Á được trao tặng giải Nobel văn học trong thế kỷ XX). Trong xu thế quốc tế hoá ngày nay, việc học tập nghiên cứu các nền văn học ấy không chỉ để hiểu thêm về tinh hoa văn học nước ngoài mà còn góp phần hiểu thêm về văn học Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu lịch sử văn học, thi pháp học, văn học so sánh... là những phương pháp cơ bản mà sinh viên sẽ được trang bị trong quá trình học tập học phần.

9. Nội dung chi tiết học phần:

Lịch trình chung (Số giờ cho từng hoạt động)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần			
	Lên lớp			Tự học, tự nghiên cứu
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	
Nội dung 1	20	3	2	45
Nội dung 2	12	2	2	30
Nội dung 3	08	2	1	15

Nội dung 1: Văn học Ấn Độ

Chương 1: Lược sử văn học Ấn Độ từ khởi thủy đến 1950

- 1.1. Văn học dân gian Ấn Độ
 - 1.1.1. Thần thoại Ấn Độ
 - 1.1.2. Sử thi Ấn Độ
 - 1.1.3. Truyện cổ dân gian Ấn Độ
- 1.2. Văn học viết Ấn Độ
 - 1.2.1. Sự khởi đầu của nền văn học viết Ấn Độ
 - 1.2.2. Văn học cổ điển
 - 1.2.3. Văn học trung đại
 - 1.2.4. Văn học hiện đại Ấn Độ

Chương 2: Sử thi Ramayana

- 2.1. Thời đại sử thi
 - 2.1.1. Sự tan rã của xã hội công xã nguyên thủy
 - 2.1.2. Chiến tranh và khát vọng của cộng đồng
 - 2.1.3. Sự ra đời của thể loại sử thi
- 2.2. Sử thi Ramayana - đỉnh cao của sử thi nhân loại
 - 2.2.1. Nguồn gốc và ảnh hưởng của sử thi Ramayana
 - 2.2.2. Những giá trị nội dung cơ bản của sử thi Ramayana
 - 2.2.3. Một số đặc điểm thi pháp sử thi Ramayana.

Chương 3: Rabindrath Tagore (1861 – 1941)

- 3.1. Thời đại và cuộc đời một tài năng
 - 3.1.1. Vài nét về hoàn cảnh xã hội và những ảnh hưởng của nó đến R. Tagore
 - 3.1.2. Cuộc sống cá nhân, tài năng, cá tính
 - 3.1.3. Tư tưởng nghệ thuật R. Tagore
- 3.2. Thơ R. Tagore
 - 3.2.1. Quá trình sáng tạo thơ của R. Tagore
 - 3.2.2. Ba cảm hứng chủ đạo trong thơ R. Tagore (Triết luận, tình yêu, trẻ thơ)
 - 3.2.3. Một số đặc trưng thi pháp thơ R. Tagore

Nội dung 2: Văn học nhật bản

Chương 1: Khái lược về văn hoá Nhật Bản

- 1.1. Vài nét về đất nước, con người Nhật Bản
 - 1.1.1. Lịch sử Nhật Bản – một cái nhìn khái lược

- 1.1.2. Thiên nhiên và con người Nhật Bản
- 1.2. Văn hoá truyền thống Nhật Bản
 - 1.2.1. Sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn hoá Nhật Bản
 - 1.2.2. Trà đạo, hoa anh đào, thanh kiếm thép – những biểu hiện của vẻ đẹp văn hoá Nhật truyền thống
 - 1.2.3. Mỹ học truyền thống Nhật Bản
- 1.3. Lược sử văn học Nhật Bản
 - 1.3.1. Vài nét về văn học dân gian Nhật Bản
 - 1.3.2. Quá trình hình thành, phát triển của văn học viết Nhật Bản

Chương 2: Matsuo Bashô (1644 – 1694)

- 2.1. Vài nét về cuộc đời và thơ M. Bashô
 - 2.1.1. Những năm tháng tuổi thơ
 - 2.1.2. Cuộc sống của một thiền sư
 - 2.1.3. Thơ M. Bashô (quá trình sáng tạo, đặc điểm)
 - 2.2. Thơ Haiku của M. Bashô
 - 2.2.1. Nguồn gốc thơ Haiku
 - 2.2.2. Đặc điểm thơ Haiku
 - 2.2.3. *Lối lên miền Oku* - đỉnh cao của thơ Haiku
- #### Chương 3: Y. Kawabata (1899 – 1972)
- 3.1. Thời đại và cuộc đời Y. Kawabata
 - 3.1.1. Thời đại Y. Kawabata
 - 3.1.2. Cuộc đời Y. Kawabata
 - 3.1.3. Con đường sáng tạo văn học của Y. Kawabata
 - 3.2. Tiểu thuyết và truyện ngắn Y. Kawabata
 - 3.2.1. Một số vấn đề cơ bản trong tiểu thuyết Y. Kawabata
 - 3.2.2. Một số đặc điểm thi pháp tiểu thuyết Y. Kawabata.
 - 3.2.3. *Truyện trong lòng bàn tay* – những sáng tạo độc đáo của Y. Kawabata

Nội dung 3: Văn học Đông Nam Á

Chương 1: Đông Nam Á - một cái nhìn khái lược

- 1.1. Lược sử Đông Nam Á
 - 1.1.1. Quá trình hình thành, phát triển khu vực ĐNA
 - 1.1.2. Con người và thiên nhiên ĐNA
- 1.2. Văn hoá Đông Nam Á
 - 1.2.1. Lịch sử một khái niệm
 - 1.2.2. Văn hoá ĐNA trong thời cổ - trung đại
 - 1.2.3. Văn hoá ĐNA trong thời hiện đại

Chương 2: Văn học Đông Nam Á

- 2.1. Lược sử quá trình hình thành phát triển văn học ĐNA
 - 2.1.1. Văn học dân gian
 - 2.1.2. Văn học viết
- 2.2. Một số nền văn học tiêu biểu
 - 2.2.1. Văn học Căm Pu Chia
 - 2.2.2. Văn học Thái Lan
 - 2.2.3. Văn học Malaixia (Indônêxia)

10. Học liệu

10.1. Giáo trình chính

- Lưu Đức Trung, Văn học Ấn Độ, Nxb Giáo Dục, 2000
- Phan Nhật Chiêu, Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868, Nxb Giáo Dục, 2003.
- Nguyễn Đức Ninh, Văn học các nước Đông Nam Á, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2003.

10.2. Tài liệu tham khảo

- W. Durant, Lịch sử văn minh Ấn Độ, Nxb Văn hoá thông tin, 1987.

- J. Nehru, Phát hiện Ấn Độ, Nxb Văn học, 1987.
- Cao Huy Đình, Tìm hiểu thần thoại Ấn Độ, NxbKHXH, 1961.
- Nguyễn Văn Hạnh, R. Tagore với thời kỳ phục hưng Ấn Độ, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2006.
- Hồ Hoàng Hoa, Văn hoá Nhật những chặng đường phát triển, NxbKHXH, 2001.
- Phạm Đức Dương, Văn hoá Việt Nam trong bối cảnh văn hoá Đông Nam Á, Nxb KHXH, 2002.

11. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung môn học chia ra các vấn đề /tuần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian địa điểm
Lý thuyết	<u>Nội dung 1</u> : Văn học Ấn Độ	đọc các tài liệu sau: - W Durant, <i>Lịch sử văn minh Ấn Độ</i> . (tr. 10- tr.124) - Lưu Đức Trung, <i>Văn học Ấn Độ</i> .(tr. 7 – tr.210) - Nguyễn Văn Hạnh, <i>R. Tagore với thời kỳ phục hưng Ấn Độ</i> .(tr.12- tr.185)	Tuần 1 đến tuần 5 Địa điểm: giảng đường
	<u>Nội dung 2</u> : Văn học Nhật Bản	Đọc các tài liệu sau: - Phan Ngọc Liên, <i>Lịch sử Nhật Bản</i> . (tr.12 – tr. 120) - Phan Nhật Chiêu, <i>Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868</i> . (tr. 7 – tr.210)	Tuần 6 đến tuần 10. Địa điểm: giảng đường
	<u>Nội dung 3</u> : Văn học Đông Nam Á	Đọc các tài liệu sau: - Phạm Đức Dương, <i>Văn hoá Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á</i> .(tr.30 – tr. 175) - Nguyễn Đức Ninh, <i>Văn học các nước ĐNA</i> .(tr.12 – tr. 230)	Tuần 11 đến tuần 15. Địa điểm: giảng đường
Bài tập	1.Tôn giáo có ảnh hưởng như thế nào đến văn học Ấn Độ? 2.Tiếp xúc Đông Tây đã có ảnh hưởng như thế nào đến tư tưởng nghệ thuật R. Tagore? 3.Đặc điểm thơ tình R. Tagore? 4 Ảnh hưởng của thiên tông trong thơ M.Basho? 5. Tính chất trữ tình trong tiểu thuyết Y. Kawabata? 6.Văn học ĐNA đã tiếp xúc với những nền văn học nào? ảnh hưởng lớn nhất mà văn học phương Tây mang lại cho văn học ĐNA là gì?	- Chuẩn bị giấy nháp, giấy viết để làm bài tập theo hướng dẫn của giáo viên và phân công của nhóm - Soạn đề cương thảo luận theo các vấn đề đã cho	Ở nhà, thư viện
Thảo luận	1.Đặc điểm cơ bản của văn hoá Ấn Độ?	Chuẩn bị đề cương thảo luận theo sự phân công của nhóm.	Tuần 5 Địa điểm:

	2. Tư tưởng nhân văn trong thần thoại Ấn? 3. Đặc sắc của sử thi Ramayana? 4. Những đặc điểm nổi bật của thơ tình R. Tagore? 5. Đặc điểm thơ Haiku của Basho? 6. Đặc điểm tiểu thuyết Kawabata? 7. Vai trò văn học dân gian trong văn học ĐNA? 8. So với văn học các nước ĐNA, văn học Việt Nam có những tương đồng khác biệt nào?		giảng đường Tuần 10 Địa điểm: Giảng đường Tuần 15 Địa điểm: Giảng đường
Tự học, tự nghiên cứu	1. Đặc điểm văn hoá Ấn Độ. 2. Sử thi Mahabharata 3. Truyện ngắn, tiểu thuyết R. Tagore 4. Đặc điểm văn hoá Nhật Bản 5. Ảnh hưởng của thiền tông trong tiểu thuyết Kawabata. 6. Ảnh hưởng của tôn giáo trong văn học ĐNA.	Đọc tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên	Ở nhà, thư viện

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải lên lớp đầy đủ, có ý thức thái độ học tập nghiêm túc.
- Làm đầy đủ bài tập, tham gia thảo luận tích cực.
- Đọc tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần (thang điểm 10)

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên (chiếm 1/10)
- Kiểm tra đánh giá định kỳ (chiếm 2/10)
- Kiểm tra kết thúc học phần: tự luận theo (chiếm 7/10)

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY VÀ MỸ LATINH

1. Họ và tên giảng viên

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh Hiếu**, GV, TS.

Hướng nghiên cứu chính: Một số hiện tượng văn học trong các nền Văn học Anh, Văn học Pháp, văn học Mỹ.

Địa chỉ nhà riêng: Số nhà 3, ngõ 2, đường Nguyễn Đức Đạt, phường Bến Thủy, TP Vinh. Điện thoại: 0383.500778.

2. Tên môn học: Văn học phương Tây và Mỹ Latinh

3. Mã môn học: NV20017

4. Số tín chỉ: 04

5. Loại môn học: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

- Giờ giảng lý thuyết:	50
- Giờ thảo luận trên lớp:	10
- Giờ tự nghiên cứu ở nhà:	120

7. Mục tiêu môn học

7.1. Kiến thức:

- Nắm được một cách hệ thống kiến thức đại cương về nền văn học một số nước phương Tây.

- Tiếp cận một số nền văn học, một số tác gia, tác phẩm tiêu biểu qua các thời kì.

7.2. Kỹ năng:

- Giúp SV biết vận dụng những kiến thức khái quát để tìm hiểu các tác gia, tác phẩm văn học cụ thể.

- Giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh từ các hiện tượng văn học phương Tây với văn học dân tộc.

- Giúp sinh viên có khả năng tổ chức được một cuộc thảo luận với các kỹ năng, thao tác cần thiết.

7.3. Thái độ:

- Hình thành cho sinh viên một thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức về phương pháp tiếp cận văn học nước ngoài trong xu hướng quốc tế hoá.

- Giúp sinh viên có ý thức sâu sắc trong việc gìn giữ và phát triển quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở những kiến thức về văn hoá văn học.

8. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học cung cấp những kiến thức cơ sở về nền văn học của một số nước phương Tây như Hi Lạp, Anh, Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha, Tiệp Khắc và một số nước Mỹ La tinh... từ thời cổ đại đến thế kỉ XX. Trọng tâm là tìm hiểu những tác gia, tác phẩm có ảnh hưởng đến đời sống tinh thần phương Tây nói riêng, thế giới nói chung và ảnh hưởng tới lịch sử phát triển văn học.

9. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Văn học Hi Lạp cổ đại

1.1. Thần thoại Hi Lạp

1.2. Anh hùng ca Homere

1.3. Bi kịch Hi Lạp cổ đại

Chương 2. Văn học Phục hưng

- 2.1. Khái quát văn học Phục hưng
- 2.2. Văn học Phục hưng Anh – Shakespeare
- 2.3. Văn học Phục hưng Tây Ban Nha – Cervantes

Chương 3. Văn học thế kỉ XVII

- 3.1. Khái quát chủ nghĩa cổ điển
- 3.2. Molière – *Tartuffe*

Chương 4. Văn học Ánh sáng

- 4.1. Khái quát văn học thế kỉ XVIII
- 4.2. Văn học Ánh sáng Đức – J. Goethe

Chương 5. Văn học thế kỉ XIX (Văn học Pháp)

- 5.1. Khái quát văn học Pháp thế kỉ XIX
- 5.2. V. Hugo
- 5.3. Balzac

Chương 6. Văn học thế kỉ XX

- 6.1. Văn học Mỹ – Hemingway
- 6.2. Văn học Tiệp Khắc – F. Kafka
- 6.3. Văn học Mỹ - Latinh

10. Học liệu

10.1. Giáo trình chính

- 1. Nhiều tác giả (1999), *Văn học phương Tây*, NXB Giáo dục.
- 2. Phùng Văn Tửu (chủ biên), (2006), *Giáo trình văn học Âu Mỹ*, Nxb Đại học sư phạm.

10.2. Tài liệu tham khảo

- 3. Phan Quý, Đỗ Đức Hiểu (chủ biên) (2005), *Lịch sử văn học Pháp Trung cổ – thế kỉ XVI và XVII*, Tập 1, NXB ĐHQG Hà Nội.
- 4. Phùng Văn Tửu, Lê Hồng Sâm (chủ biên) (2005), *Lịch sử văn học Pháp thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX*, Tập 2, NXB ĐHQG Hà Nội.
- 5. Đặng Thị Hạnh (chủ biên) (2005), *Lịch sử văn học Pháp thế kỉ XX*, Tập 3, NXB ĐHQG Hà Nội.

11. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung môn học chia ra các vấn đề /tuần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian địa điểm
Lý thuyết	<u>Chương 1:</u> Văn học Hy Lạp cổ đại	Đọc các tài liệu sau: - Tài liệu 1, trang 9- 114	Tuần 1 đến tuần 3 Tại giảng đường
	<u>Chương 2:</u> Văn học Phục hưng	- Tài liệu 3, trang 121 - 163	Tuần 4 -tuần 5. Tại giảng đường
	<u>Chương 3:</u> Văn học thế kỷ XVII	- Tài liệu 3, trang 243 - 296 - Tài liệu 2, trang 27 - 43	Tuần 6 đến tuần 7. Tại giảng đường
	<u>Chương 4:</u> Văn học Ánh sáng	- Tài liệu 4, trang 17 – 64	Tuần 8 đến tuần 10. Tại Giảng đường Tuần 11, 12, tại Giảng đường

	<u>Chương 5:</u> Văn học thế kỷ XIX <u>Chương 6:</u> Văn học thế kỷ XX	- Tài liệu 4, trang 280 - 347 - Tài liệu 5, trang 14 - 93	Tuần 13 đến tuần 15. Tại Giảng đường
Bài tập	1. Văn học Hy Lạp giữ vị thế như thế nào trong lịch sử văn minh tinh thần phương Tây? 2. Đặc điểm nghệ thuật bi kịch Shakespeare? 3. Nguyên tắc mỹ học của chủ nghĩa cổ điển? 4. Tính nhị nguyên qua cặp đôi nhân vật Faust - Mephisto? 5. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa hiện thực? 6. Văn học Mỹ Latinh có những bản sắc riêng nào đóng góp vào văn học thế giới?	- Chuẩn bị giấy nháp, giấy viết để làm bài tập theo hướng dẫn của giáo viên và phân công của nhóm - Soạn đề cương thảo luận theo các vấn đề đã cho	Ở nhà, thư viện
Thảo luận	1. Lý tưởng anh hùng trong Iliade của Homere. 2. Giá trị thẩm mỹ của bi kịch Oedipe. 3. Chủ nghĩa nhân văn trong Hamlet của Shakespeare. 4. Hài kịch tính cách của Moliere. 5. Cái phi lý trong sáng tác của Kafka. 6. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo trong văn học Mỹ Latinh.	Chuẩn bị đề cương thảo luận theo sự phân công của nhóm. Chuẩn bị đề cương thảo luận theo sự phân công của nhóm. Chuẩn bị đề cương thảo luận theo sự phân công của nhóm.	Tuần 5 Địa điểm: giảng đường Tuần 10 Địa điểm: Giảng đường Tuần 15 Địa điểm: Giảng đường
Tự học, tự nghiên cứu	1. Văn học Phục hưng Italia 2. Văn học Ánh sáng Anh, Pháp 3. Văn học Pháp thế kỷ XX.	Đọc tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên	Ở nhà, thư viện

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải lên lớp đầy đủ, có ý thức thái độ học tập nghiêm túc.
- Làm đầy đủ bài tập, tham gia thảo luận tích cực.
- Đọc tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giáo viên.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần (thang điểm 10)

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên (chiếm 1/10)
- Kiểm tra đánh giá định kỳ (chiếm 2/10)
- Kiểm tra kết thúc học phần: tự luận theo (chiếm 7/10)

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đặng Hoàng Oanh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Th.S

Thời gian, địa điểm làm việc: 2011 – 2021, Viện SPXH, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Viện SPXH, Trường Đại học Vinh, 182, Lê Duẩn, TP.Vinh

Điện thoại, email: *danghoangoanh86@gmail.com*

Các hướng nghiên cứu chính: Mỹ học, Lý luận văn học.

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phan Huy Dũng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, PGS.TS.

Thời gian, địa điểm làm việc: 1982 – 2018, Viện SPXH, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Viện SPXH, Trường Đại học Vinh, 182, Lê Duẩn, TP.Vinh

Điện thoại 0914565912, email: *phanhuydung@gmail.com*

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận văn học, Văn học Việt Nam hiện đại, Phương pháp dạy học Ngữ văn

1.2. Thông tin về học phần:

- Mã số học phần: LIT30015	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
Kiến thức cơ bản ☐	Kiến thức cơ sở ngành ☐
Kiến thức chuyên ngành ☐	Kiến thức khác ☐
Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐	Học phần đồ án tốt nghiệp ☐
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Đây là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức ngành Sư phạm Ngữ văn. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng nền tảng về phương pháp luận nghiên cứu khoa học (khái niệm, đặc điểm, hệ thống phương pháp, kỹ thuật, quy trình) và cách vận dụng chúng trong việc nghiên cứu đề tài khoa học và tạo lập văn bản khoa học.

3. Nội dung chi tiết

Tuần (1)	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH (3)	Chuẩn bị của SV (4)	CĐR học phần (5)	Bài đánh giá (6)
1 (2 tiết)	Chương 1 TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 1.1. Khái niệm Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 1.2. Các nội dung nghiên cứ cơ bản của Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 1.3. Ý nghĩa của việc nắm vững tri thức phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Thời gian: 4 tiết lý thuyết Hình thức: GV: - Cung cấp đề cương chi tiết môn học; Giới thiệu môn học; phương pháp giảng dạy; phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo... - Giảng bài kết hợp trình chiếu Slide, vấn đáp... SV: - Nghiên cứu tài liệu, bài giảng GV - Trao đổi, nêu ý kiến	- SV tìm và tập hợp các tài liệu, tác giả video clip... về chủ đề Phương pháp luận NCKH.	G1.1, G1.2 G1.4 G2.2.	A1.2.1
2 (4 tiết)	Chương 2: KHOA HỌC, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 2.1. Khoa học	Thời gian: - Lý thuyết: 4 Hình thức: - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide - SV tìm hiểu	SV đọc Tài liệu (1) từ trang 8-28	G1.3 G1.4 G1.5	

		tài liệu, trả lời, thảo luận nội dung bài học			
3 (2 tiết)	2.2. Nghiên cứu khoa học	Thời gian: - Lý thuyết: 4 Hình thức: - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide - SV tìm hiểu tài liệu, trả lời, thảo luận nội dung bài học	- SV đọc Tài liệu	G1.3 G1.5, G2.2 G3.2	
4 (2 tiết)	2.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2.3.1. Phương pháp nghiên cứu khoa học – khái niệm, đặc trưng và phân loại 2.3.2. Các phương pháp nghiên cứu khoa học thông dụng	Thời gian: - Lý thuyết: 4 Hình thức: - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide - SV tìm hiểu tài liệu, trả lời, thảo luận nội dung bài học		G1.2 G.2.2 G3.2	
5 (2 tiết)	Chương 3: ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ TRÌNH TỰ NGHIÊN CỨU MỘT ĐỀ TÀI KHOA HỌC 3.1. Đề tài khoa học 3.1.1. Khái niệm đề tài khoa học 3.1.2. Phân loại đề tài khoa học	Thời gian: Lý thuyết: 4 Hình thức: - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide - SV đọc, trình	- SV đọc Tài liệu	G1.3 G2.2 G3.2	A1.2.2

	3.1.3. Vấn đề chọn đề tài, đặt tên đề tài 3.1.4. Vấn đề xây dựng cơ sở lý thuyết của đề tài	bày về đặc điểm các PPDHĐ			
6 (2 tiết)	3.2. Trình tự nghiên cứu đề tài khoa học 3.2.1. Logic của nghiên cứu khoa học 3.2.2. Trình tự logic của nghiên cứu khoa học 3.2.3. Trình tự thực hiện đề tài khoa học 3.2.4. Đánh giá kết quả nghiên cứu	Thời gian: Lý thuyết: 4 Hình thức: - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide - SV đọc, trình bày, trao đổi về đặc điểm các PPDHĐ		G.1.3 G2.3 G3.2	
7 (2 tiết)	THỰC HÀNH CHỌN ĐỀ TÀI: NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ/ HIỆN TƯỢNG (TÁC GIẢ, TÁC PHẨM) VĂN HỌC	Thời gian: Lý thuyết: 4 Hình thức: - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide - SV đọc, trình bày, trao đổi về đặc điểm các PPDHĐ	- Sinh viên đọc tài liệu.	G.1.3 G2.3 G3.2	
8 (2 tiết)	THỰC HÀNH VIẾT LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	Thời gian: Lý thuyết: 4 Hình thức: - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide - SV đọc, trình bày, trao đổi về đặc điểm		G1.4 G2.2 G3.2	

		các kỹ thuật DHHĐ			
9 (2 tiết)	THỰC HÀNH VIẾT LỊCH SỬ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	Thời gian: Lý thuyết: 4 Hình thức: - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide - SV đọc, trình bày, trao đổi về đặc điểm các kỹ thuật DHHĐ		G1.4 G2.2 G3.2	
10 (2 tiết)	THỰC HÀNH XÂY DỰNG PHẦN MỞ ĐẦU VÀ HỆ THỐNG LUẬN ĐIỂM	Thời gian: - Lý thuyết: 4 Hình thức: - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide - SV tìm hiểu tài liệu, trả lời, thảo luận nội dung bài học	- Sinh viên đọc Tài liệu - Sinh viên sưu tầm một văn bản khoa học (bài báo, Báo cáo, Luận văn...) và mô tả đặc điểm nội dung, hình thức của văn bản.	G1.5 G2.2 G3.2	
11 (2 tiết)	THẢO LUẬN Chủ đề: Chọn trình bày về một đề tài nghiên cứu khoa học của nhóm/ cá nhân			G3.1	
12 (2 tiết)	THỰC HÀNH VIẾT TIỂU LUẬN KHOA HỌC (MỘT SỐ PHẦN/ NỘI DUNG: MỞ ĐẦU, LỊCH SỬ VẤN ĐỀ, TÀI LIỆU THAM KHẢO,...)			G4.1 G4.2 G4.3	
13 (2 tiết)	Chương 4. CÁC LOẠI CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 4.1. Tài liệu khoa học 4.2. Báo cáo kết quả nghiên cứu			G4.1 G4.2 G4.3	A1.2.3

	4.3. Bài báo khoa học 4.4. Luận văn khoa học				
14 (2 tiết)	THỰC HÀNH VIẾT TIỂU LUẬN KHOA HỌC (CÁC LUẬN ĐIỂM CHÍNH)			G4.1 G4.2 G4.3	
15 (2 tiết)	SỬA CHỮA, ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN CỦA SINH VIÊN			G4.1 G4.2 G4.3	

7. Nguồn học liệu:

7.1. Giáo trình:

[1] Phạm Viết Vượng, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, in lần thứ 4, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, tái bản lần thứ 12, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2008.

8. Hình thức tổ chức dạy học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian Địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	- Chương 1 - Chương 2 - Chương 3 - Chương 4	- Đọc các trang từ 17 đến 192 của <i>Giáo trình số 2</i> - Đọc các trang từ 9 đến 47 của <i>Giáo trình số 1</i> - Đọc các trang từ 43 đến 278 của <i>Giáo trình số 3</i> - Đọc các phần viết có liên quan trong hệ thống các học liệu đã giới thiệu	Tuần 1-2 Tuần 3 Tuần 3-8 Tuần 8-15	
Bài tập	- Những cách phân kỳ lịch sử văn học Việt Nam - Những điểm cần chú ý khi nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác gia văn học	- Đọc các tài liệu văn học sử có thực hiện việc phân kỳ văn học - Đọc các tài liệu nghiên cứu về phong cách tác gia, chú ý cuốn <i>Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn</i> (Nguyễn Đăng Mạnh)	Tuần 3-8 Tuần 8-15	
Thảo luận	- Quy trình nghiên cứu khoa học và cách thực hiện các công đoạn của một hoạt động nghiên cứu khoa học cụ thể - Mối quan hệ giữa Phương pháp luận	- Đọc tài liệu bắt buộc số 2, sách tham khảo số 8 và 16 - Đọc phần viết có liên quan trong tài liệu bắt buộc số 3	Tuần 1-2 Tuần 3	

	nghiên cứu văn học và Lý luận văn học - Chức năng của phê bình văn học - Đặc trưng của việc nghiên cứu tác phẩm văn học trên bình diện văn hoá - lịch sử	- Đọc các phần viết có liên quan trong hệ thống học liệu đã được giới thiệu - Đọc các phần viết có liên quan trong hệ thống học liệu đã giới thiệu	Tuần 3-8 Tuần 8-15	
Thực hành	- Xác định một đề tài nghiên cứu và phác hoạ con đường triển khai - Viết tiểu luận đánh giá về một hiện tượng văn học đang được chú ý hiện nay - Viết tiểu luận về phong cách nghệ thuật của một tác gia văn học tự chọn	- Tham khảo ý kiến của giáo viên về tính khả thi của đề tài - Tìm đọc về hiện tượng văn học đó (cả sáng tác lẫn những bài phê bình về nó) - Tìm đọc các bài viết về phong cách nghệ thuật của một tác gia văn học và thâm nhập sâu vào sáng tác của tác gia mình đã chọn lựa	Tuần 1-2 Tuần 3-8 Tuần 8-15	
Tự học	- Đọc hết những sách có giới thiệu trong mục học liệu, ghi chép lại những nội dung cốt lõi - Tập viết các bài nghiên cứu, phê bình văn học			

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- SV tham dự đầy đủ các buổi học lý thuyết, làm chu đáo các bài tập và nhiệt tình đóng góp ý kiến trong những buổi thảo luận.
- Cập nhật những tài liệu mới về Phương pháp luận nghiên cứu văn học chưa được giới thiệu trong mục *Học liệu*

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

- *Các phương thức kiểm tra – đánh giá*: kiểm tra - đánh giá thường xuyên; kiểm tra - đánh giá định kỳ.
- *Thang điểm*: Điểm chuyên cần và thái độ tham gia học trên lớp: 10%; Điểm thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học: 20%; Điểm bài thi kết thúc học phần: 70% (Đề thi được rút ra từ bộ đề do nhóm giảng viên biên soạn).

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGỮ VĂN I

1. Giảng viên

Họ và tên giảng viên: Lê Hồ Quang

Chức danh, học hàm, học vị: GV - thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học ngữ văn, Lý luận văn học

Địa chỉ: 187, đường Phan Đình Phùng, P.Quang Trung, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 038.3566888 (0902.225576); Email: lehoquang1312@gmail.com

2. Tên môn học: *Phương pháp dạy học Ngữ văn I*

3. Mã số môn học: NV20018

4. Số tín chỉ: 5

5. Loại môn học: bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Giảng lý thuyết: 60 tiết
- Bài tập trên lớp: 3 tiết
- Thực hành, thực tập, thực tế: 8 tiết
- Hoạt động nhóm: 4 tiết
- Tự học: 150 tiết

7. Mục tiêu của môn học:

- Kiến thức:

+ Giúp sinh viên nắm vững những vấn đề khái quát về khoa học phương pháp dạy học ngữ văn và nội dung cơ bản về phương pháp dạy học các phân môn cụ thể của môn ngữ văn ở trường THPT. Môn học nhằm cung cấp những hiểu biết về nghề nghiệp cho sinh viên ngành sư phạm ngữ văn. Nó chẳng những trang bị những phương pháp, biện pháp và kỹ thuật dạy học cụ thể mà còn cung cấp những kiến thức cơ sở mang tính lý luận để sinh viên có một cái nhìn tổng thể, bao quát toàn diện và có khả năng độc lập tự phát hiện và giải quyết những vấn đề sản sinh trong thực tiễn dạy học.

- Kỹ năng:

+ Môn học tập trung hình thành những kỹ năng tổ chức dạy học cho người giáo viên trong tương lai(Bao gồm: kỹ năng xác định mục tiêu, nội dung giờ học; thiết kế bài học; vận dụng các phương pháp; hướng dẫn học sinh học tập; đánh giá kết quả học tập của học sinh...).

+ Thông qua việc tổ chức hoạt động nhóm cho sinh viên trong quá trình dạy học, môn học rèn luyện kỹ năng làm việc với nhóm, với người khác cho người học.

+ Phạm vi kiến thức liên quan đến hoạt động thực hành của sinh viên không chỉ giới hạn trong những kiến thức về bộ môn mà bao hàm tất cả những kiến thức mà sinh viên đã được học. Do đó, môn học mài sắc các kỹ năng giải quyết các nhiệm vụ thực hành cho sinh viên.

+ Môn học hình thành cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu khoa học, khả năng vận dụng những kiến thức lý luận vào giải quyết các vấn đề sản sinh từ thực tiễn dạy học môn ngữ văn ở THPT nhằm đề xuất ra các giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học.

- Thái độ:

+ Hướng dẫn sinh viên từ việc ý thức về tầm quan trọng của bộ môn và ý thức về việc thực hiện nghề nghiệp trong tương lai mà có thái độ nghiêm túc, có hứng thú thực sự với môn học. Chẳng những tích cực tiếp thu, nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng mà còn bồi dưỡng

phẩm chất của người giáo viên ngữ văn trong tương lai như sự phong phú của đời sống tâm hồn, lòng tận tụy, nhiệt huyết với nghề, khát vọng cống hiến vì thế hệ trẻ.

8. Mô tả văn bản nội dung môn học

Môn học gồm hai nội dung: thứ nhất, trình bày những vấn đề lí luận chung của bộ môn, bao gồm: luận giải về bản chất khoa học của khoa học phương pháp dạy học ngữ văn (đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu...); làm rõ bản chất, mục tiêu, nhiệm vụ của môn ngữ văn trong nhà trường THPT; xây dựng cơ chế dạy học văn mới và trên cơ sở đó xác định những định hướng đổi mới phương pháp dạy học ngữ văn ở trường THPT. Thứ hai: trình bày phương pháp dạy học từng phân môn cụ thể của môn ngữ văn ở trường THPT.

9. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VĂN

&1. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VĂN LÀ MỘT KHOA HỌC

1. Tình hình nghiên cứu về phương pháp dạy học (PPDH) văn ở Việt Nam

- 1.1. Sơ lược tình hình nghiên cứu về PPDH văn ở một số nước trên thế giới.
- 1.2. Điềm qua các chặng đường nghiên cứu về PPDH văn ở Việt Nam.
- 1.3. Đánh giá tổng quát về những thành tựu và những mặt bất cập của khoa học về PPDH văn ở Việt Nam.

2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của PPDH văn

- 2.1. Về một số ý kiến phủ nhận sự cần thiết của khoa học về PPDH văn.
- 2.2. Đối tượng của khoa học về PPDH văn
- 2.3. Những nhiệm vụ chính của khoa học về PPDH văn.
- 2.4. Hệ thống phương pháp nghiên cứu của khoa học về PPDH văn.

3. Mối quan hệ giữa PPDH văn với một số khoa học gần gũi

- 3.1. Xu thế liên ngành trong sự phát triển của khoa học ngày nay.
- 3.2. Mối quan hệ giữa PPDH văn với Lí luận dạy học.
- 3.3. Mối quan hệ giữa PPDH văn với Tâm lí học.
- 3.4. Mối quan hệ giữa PPDH văn với các ngành của Khoa học văn học.

&2. BỘ MÔN VĂN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Tình hình dạy học văn trong các hệ thống nhà trường cũ và trong nhà trường cách mạng

- 1.1. Dạy học văn thời phong kiến.
- 1.2. Dạy học văn thời thuộc Pháp.
- 1.3. Dạy học văn ở miền Nam dưới chế độ Việt Nam cộng hòa.
- 1.4. Dạy học văn trong nhà trường cách mạng.
- 1.4.1. Dạy học văn thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.
- 1.4.2. Dạy học văn thời kháng chiến chống Mĩ.
- 1.4.3. Dạy học văn sau ngày đất nước thống nhất.
- 1.4.4. Dạy học văn từ sau Đổi mới đến nay.

2. Vai trò, vị trí và các tính chất đặc trưng của môn văn trong nhà trường phổ thông

- 2.1. Vị trí của môn văn trong hệ thống các môn học ở trường phổ thông.
- 2.2. Các tính chất đặc trưng của môn văn trong nhà trường phổ thông.
- 2.2.1. Môn văn - một môn học nghệ thuật.
- 2.2.2. Môn văn - môn học phải đảm bảo yêu cầu "rèn luyện toàn diện".
- 2.3. Ý nghĩa sư phạm của việc nhận thức đúng tính chất đặc thù của môn văn ở trường phổ thông.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ của môn văn trong nhà trường phổ thông

- 3.1. Những yêu cầu khoa học của việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ môn văn trong nhà trường phổ thông.
- 3.2. Những nhiệm vụ của môn văn trong nhà trường phổ thông.
- 3.2.1. Nhiệm vụ giáo dục nhận thức (cung cấp các tri thức văn học, văn hóa).
- 3.2.2. Nhiệm vụ rèn luyện các kĩ năng văn và tiếng Việt.
- 3.2.3. Nhiệm vụ bồi dưỡng năng lực và thái độ.

3.3. Vấn đề hình thành tiêu chí đánh giá chất lượng dạy học văn ở trường phổ thông.

4. Vấn đề xây dựng chương trình môn văn ở trường phổ thông

4.1. Tình hình cải cách, cải tiến, biên soạn chương trình môn văn trong nền giáo dục xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

4.2. Các nguyên tắc xây dựng chương trình môn văn ở nhà trường phổ thông.

4.2.1. Xác lập cái nhìn tổng thể về vấn đề xây dựng chương trình.

4.2.2. Cập nhật các thông tin về khoa học giáo dục, khoa học văn học.

4.2.3. Chú ý mối liên hệ sống động giữa kiến thức và người tiếp nhận, chiếm lĩnh kiến thức.

4.2.4. Đảm bảo sự kết hợp hữu cơ giữa các loại kiến thức.

4.2.5. Quán triệt quan điểm dạy học tích hợp.

4.3. Giới thiệu khái quát về chương trình *Ngữ văn* tích hợp đang được biên soạn và thí điểm.

&3. CƠ CHẾ DẠY HỌC VĂN Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Khái niệm cơ chế dạy học văn

1.1. Khái niệm cơ chế.

1.2. Khái niệm cơ chế dạy học văn.

1.3. Những vấn đề cần nghiên cứu về cơ chế dạy học văn.

2. Về cơ chế dạy học văn cũ

2.1. Miêu tả, nhận diện cơ chế dạy học văn cũ.

2.2. Phê phán những quan niệm sai lầm của cơ chế dạy học văn cũ.

2.2.1. Phê phán quan niệm của cơ chế cũ về bài văn.

2.2.2. Phê phán quan niệm của cơ chế cũ về học sinh.

2.2.3. Phê phán quan niệm của cơ chế cũ về vị thế ông thầy.

2.3. Kiểm điểm những hậu quả mà cơ chế dạy học văn cũ để lại.

3. Vấn đề xây dựng cơ chế dạy học văn mới

3.1. Hình dung khái quát về cơ chế dạy học văn mới.

3.2. Những cơ sở khoa học của việc xây dựng cơ chế dạy học văn mới.

3.2.1. Quan niệm mới về dạy & học cùng cội nguồn lí luận và thực tiễn của quan niệm đó.

3.2.1.1. Quan niệm mới về học: học suốt đời và tự học.

3.2.1.2. Quan niệm mới về dạy: dạy tự học.

3.2.1.3. Mấy điểm cần lưu ý khi tuyên truyền cho phương châm dạy học *Lấy học sinh làm trung tâm*.

3.2.2. Quan niệm về quy luật tác động đặc thù của văn học cùng vai trò của độc giả trong hoạt động tiếp nhận văn học.

3.2.2.1. Quan niệm về quy luật tác động đặc thù của văn học.

3.2.2.2. Quan niệm của Lí luận tiếp nhận văn học hiện đại về vai trò của độc giả.

3.3. Những bài học cụ thể rút ra từ việc tìm hiểu cơ sở khoa học của cơ chế dạy học văn mới.

3.4. Vấn đề trung tâm của cơ chế dạy học văn mới.

3.4.1. Đề cao vai trò chủ thể của học sinh - những việc cần làm sáng tỏ.

3.4.2. Xác định lại vị trí của ông thầy dạy văn.

3.4.2.1. Ông thầy - người cố vấn.

3.4.2.2. Ông thầy - người tham dự.

&4. VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PPDH VĂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Tính bức thiết của vấn đề đổi mới PPDH văn ở trường phổ thông

1.1. Sự xơ cứng, bất cập của hệ thống phương pháp dạy học văn cũ.

1.2. Sự đòi hỏi đổi mới phương pháp từ quan niệm hiện đại về vị thế của học sinh và giáo viên trong cấu trúc hoạt động dạy học văn.

1.3. Sự đòi hỏi đổi mới phương pháp dạy học từ phía chương trình tích hợp.

2. Định hướng đổi mới PPDH văn ở trường phổ thông

2.1. Kế thừa những điểm khả thi của cơ chế dạy học văn cũ.

2.2. Đảm bảo việc tôn trọng đặc trưng của môn học mang tính khoa học nhân văn.

2.3. Chấp nhận tính "đa nguyên" của phương pháp trên cơ sở đảm bảo phương châm dạy học *Hướng vào học sinh*.

Chương 2. DẠY ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN Ở TRƯỜNG THPT

&1. KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG DẠY ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN TRONG NHÀ TRƯỜNG THPT

1. Những cách định danh hoạt động dạy đọc - hiểu văn bản trong nhà trường THPT và những quan niệm - tư tưởng chi phối chúng.

- 1.1. "Giảng văn".
- 1.2. "Dạy học tác phẩm văn chương".
- 1.3. "Đọc - hiểu văn bản".

2. Đọc hiểu văn bản- một bộ phận hợp thành sách giáo khoa ngữ văn

- 2.1. Đặc điểm của phần đọc hiểu văn bản trong chương trình và sách giáo khoa *Ngữ văn* (trong tương quan với phân môn văn học thuộc chương trình và sách giáo khoa CCGD).
- 2.2. Những thuận lợi và khó khăn của giáo viên khi dạy đọc hiểu văn bản cho học sinh THPT.

&2. VỊ TRÍ, NHIỆM VỤ CỦA DẠY ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN TRONG NHÀ TRƯỜNG THPT

1. Vị trí của dạy đọc - hiểu văn bản trong nhà trường THPT.

2. Nhiệm vụ của dạy đọc - hiểu văn bản trong nhà trường THPT.

- 2.1. Cung cấp những kiến thức về các văn bản tiêu biểu trong và ngoài nước
- 2.2. Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản, kĩ năng làm văn, tiếng việt
- 2.3. Giáo dục tư tưởng, tình cảm, bồi dưỡng thẩm mỹ.

&3. CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN Ở TRƯỜNG THPT.

1. Các quan niệm tiếp cận văn bản

- 1.1. Quan niệm tiếp cận lịch sử phát sinh
- 1.2. Quan niệm tiếp cận văn bản
- 1.3. Quan niệm tiếp cận hướng vào đáp ứng của người đọc

2. Hệ thống các phương pháp dạy đọc - hiểu văn bản ở THPT.

- 2.2. Phương pháp đọc diễn cảm
- 2.2. Phương pháp gợi mở
- 2.3. Phương pháp giảng bình
- 2.4. Phương pháp nêu vấn đề
- 2.5. Phương pháp so sánh
- 2.6. Phương pháp tổ chức nhóm

&4. VẤN ĐỀ DẠY ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN THEO ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI

1. Tầm quan trọng của tri thức về kiểu văn bản và thể loại trong dạy đọc - hiểu văn bản ở trường THPT.

2. Phương pháp dạy đọc - hiểu các văn bản thuộc các thể loại cụ thể.

1. Dạy đọc - hiểu tác phẩm tự sự.
2. Dạy đọc - hiểu tác phẩm trữ tình.
3. Dạy đọc - hiểu tác phẩm kịch
4. Dạy đọc - hiểu tác phẩm kí
5. Dạy đọc - hiểu tác nghị luận
6. Dạy đọc - hiểu văn bản nhật dụng.

&5. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC TRONG DẠY ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Kĩ thuật trình bày bảng

- 1.1. Chức năng sự phạm của bảng lớp
- 1.2. Những quy tắc viết bảng lớp

2. Sử dụng các ảnh tĩnh và thiết bị nghe nhìn

- 2.1. Chức năng sự phạm
- 2.2. Vấn đề sử dụng các phương tiện trực quan trong dạy đọc hiểu văn bản

3. Sử dụng công nghệ thông tin

- 3.1. Ưu thế của việc sử dụng công nghệ thông tin vào dạy đọc hiểu văn bản
- 3.2. Thực trạng sử dụng công nghệ thông tin vào dạy đọc hiểu văn bản
- 3.3. Định hướng sử dụng công nghệ thông tin vào dạy đọc hiểu văn bản

&6. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY ĐỌC HIỂU MỘT VĂN BẢN TRÊN LỚP

1. Ổn định lớp
2. Hỏi bài cũ
3. Giới thiệu bài học mới
4. Tổ chức học sinh đọc hiểu văn bản
5. Tổng kết
6. Hướng dẫn học bài ở nhà và chuẩn bị bài học mới

&7. VẤN ĐỀ XÂY DỰNG GIÁO ÁN CHO MỘT TIẾT DẠY ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Quan niệm mới về giáo án dạy học.
2. Hình thức trình bày giáo án.

Chương 3. DẠY HỌC LÍ LUẬN VĂN HỌC Ở TRƯỜNG THPT

1. Vai trò, nhiệm vụ của Lí luận văn học trong nhà trường THPT

- 1.1. Vai trò
- 1.2. Nhiệm vụ

2. Đặc điểm phần Lí luận văn học chương trình Ngữ văn THPT hiện hành

- 2.1. Quan điểm tích hợp trong biên soạn SGK Ngữ văn
- 2.2. Nội dung của phần Lí luận văn học trong chương trình Ngữ văn THPT hiện hành

3. Nguyên tắc và phương pháp dạy học Lí luận văn học ở trường THPT

- 3.1. Cơ sở của việc dạy học Lí luận văn học ở trường THPT
 - 3.1.1. Cơ sở lí luận
 - 3.1.2. Cơ sở thực tiễn
- 3.2. Một số nguyên tắc dạy học Lí luận văn học ở trường THPT
- 3.3. Một số phương pháp và hình thức dạy học Lí luận văn học ở trường THPT

10. Học liệu

10.1. Giáo trình chính

1. Trần Thanh Đạm (chủ biên), *Vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo loại thể*, NXB Giáo dục, 1976
2. Phan Trọng Luận (chủ biên), *Phương pháp dạy học văn*, (giáo trình) NXB ĐHQG Hà Nội, 1996
3. Z.IA. Rez, *Phương pháp luận dạy văn học*, Nxb Giáo dục, 1983

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Duy Bình, *Dạy văn dạy cái hay - cái đẹp*, NXB Giáo dục, 1983.
2. Nguyễn Trọng Hoàn (2001), *Rèn luyện tư duy sáng tạo trong dạy học tác phẩm văn chương*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Thanh Hùng, *Hiểu văn dạy văn*, NXB Giáo dục, 2000.
4. Nguyễn Thị Thanh Hương (2001), *Dạy học văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Phan Trọng Luận, *Xã hội văn học nhà trường*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 1998.

11. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung môn học chia ra các vấn đề/tuần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	- Chương 1	- Đọc các trang từ 1 đến 126 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 1-6	

	- Chương 2 - Chương 3	- Đọc các trang từ 127 đến 258 của <i>Giáo trình số 2</i> - Đọc các trang từ 259 đến 310 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 6-12 Tuần 13-15	
Bài tập	- Phân tích tính chất đặc thù của môn văn - Phân tích tính đặc thù của vai trò người giáo viên trong cơ chế dạy học văn mới - Phân tích nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng cho học sinh trong giờ đọc hiểu văn bản	- Đọc các trang từ 56 đến 64 của <i>Giáo trình số 2</i> - Đọc các trang từ 76 đến 86 của <i>Giáo trình số 2</i> - Đọc các trang từ 200 đến 230 của <i>Giáo trình số 2</i>	Tuần 1-6 Tuần 6-12	
Thảo luận	- Bản chất tiếp nhận văn học và vấn đề phát huy chủ thể của học sinh - Đặc điểm chương trình và sách giáo khoa ngữ văn mới - Đặc trưng của các thể loại tự sự, trữ tình. - Phân lí luận văn học trong chương trình và sách giáo khoa ngữ văn mới	- Đọc các trang từ 67 đến 74 của <i>Giáo trình số 2</i> - Đọc các trang từ 84 đến 100 của <i>Giáo trình số 2</i> - Đọc các trang từ 1 đến 200 <i>Giáo trình số 1</i> - Đọc các trang từ 259 đến 269 của <i>Giáo trình số 2</i>	- Tuần 1-6 -Tuần 6-12 - Tuần 13-15	
Thực hành	Tập giảng	Soạn giáo án và giảng trên lớp	8 tiết	
Tự học, tự Nghiên cứu	-Đọc hết những sách có giới thiệu trong mục học liệu, ghi chép lại những nội dung cốt lõi - Thiết kế giáo án các bài học thuộc sách giáo khoa	- Tìm nguồn tư liệu liên quan - Đọc và xử lí tài liệu - Vận dụng trong thực tiễn soạn giáo án và thực hành ở lớp và ở nhà	Tổng cộng 150 tiết để tự học tự nghiên cứu ở nhà.	

12. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên

-Sinh viên phải có ý thức trách nhiệm cao đối với nghề dạy học ngữ văn ở trường THPT mà mình đã lựa chọn.

- Sinh viên phải đọc các tài liệu tham khảo trong phần *Tài liệu tham khảo* kèm theo.
- Sinh viên phải tìm hiểu nghiêm túc chương trình và sách giáo khoa ngữ văn.
- Sinh viên phải có ý thức quan sát và nghiên cứu mọi hoạt động dạy học diễn ra xung quanh, cả ở đại học cũng như THPT

13. Phương thức kiểm tra - đánh giá môn học

- Điểm chuyên cần, tỷ trọng 1/10
- Điểm kiểm tra giữa kì , tỷ trọng 2/10
- Điểm kết thúc môn học, tỷ trọng 7/10

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

1. Thông tin về giảng viên:

1. Họ và tên: PGS Phạm Minh Hùng
Học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ: Đường Phong Định Cảng, Bến Thủy, Tp Vinh
Điện thoại: 0383.856.357; 0913.509.140
2. Họ và tên: Giảng viên chính Thái Văn Thành
Học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ: Số nhà 37 đường Lương Thế Vinh, Trường Thi, Tp Vinh
Điện thoại: 0383.590.214; 0913.384.618
3. Họ và tên: Giảng viên chính Nguyễn Văn Sơn
Học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ: Thị trấn Hưng Nguyên
Điện thoại: 0383.821.301; 0912.136.570
4. Họ và tên: Giảng viên chính Nguyễn Xuân Bình
Học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ: số nhà 119 đường Hearmaner, Tp Vinh
Điện thoại: 0383.841.733; 0913.312.534
5. Họ và tên: Giảng viên Hà Văn Sơn
Học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ: SN 02, ngõ 5, đường Phạm Kinh Vỹ, Bến Thủy, Tp Vinh
Điện thoại: 0383.856.662; 0912.480.120
6. Họ và tên: Giảng viên Nguyễn Thị Hường
Học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Mao, Tp Vinh
Điện thoại: 0383.849.060; 0915.051.198.
7. Họ và tên: Giảng viên chính Chu Trọng Tuấn
Học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ: Đường Ngô Trí Hòa, khối 5, Bến Thủy, Tp Vinh
Điện thoại: 0383.551.636; 0912.022.174
8. Họ và tên: Giảng viên Nguyễn Như An
Học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ: Khu Tập thể ĐH Vinh, khối 6, Bến Thủy, TP Vinh
Điện thoại: 0383.252.787; 0912.742.787
email: an_nguyennhuvn@yahoo.com
9. Họ và tên: Giảng viên Nguyễn Thị Nhân
Học vị: Cử Nhân
Địa chỉ:
Điện thoại: 0383.527.704; 0988.551.295
email: gdhnhan@yahoo.com
10. Họ và tên: Giảng viên Lê Thị Ngọc Lan
Học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ:

Điện thoại: 0962.447.668

2. Thông tin về học phần:

Tên học phần: **Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo**

Mã học phần: TH20014

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: + Bắt buộc.

+ Lý thuyết kết hợp thực hành.

Các hoạt động của học phần:

- Lý thuyết: 25 giờ.

- Hoạt động nhóm, thực hành: 5 giờ.

- Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

3. Mục tiêu chung của học phần

3.1. Về kiến thức

Người học được trang bị một số vấn đề chung về Nhà nước, bộ máy quản lý Nhà nước; Hệ thống pháp luật, pháp chế XHCN, Quản lý hành chính Nhà nước; văn bản quản lý Nhà nước; Quản lý Nhà nước về Giáo dục - Đào tạo.

3.2. Về kỹ năng

- Người học có kỹ năng vận dụng hiểu biết của mình vào hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông.

3.3. Về thái độ

- Người học có thái độ ứng xử và triển khai tốt các hoạt động trong công tác ở nhà trường phổ thông.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo cung cấp cho người học những tri thức chung về vấn đề quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục & Đào tạo, hình thành những kỹ năng làm việc hành chính cơ bản, thông thường trong ngành giáo dục giúp họ hướng tới hoàn thiện năng lực làm việc trong nhà trường phổ thông.

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Nhà nước, pháp luật, Quản lý hành chính Nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức

1.1. Một số vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1.1. Những quan điểm cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1.2. Cơ cấu, tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1.3. Một số vấn đề cơ bản trong Quản lý hành chính Nhà nước

1.2. Một số vấn đề cơ bản về Hiến pháp, pháp luật và Pháp lệnh Cán bộ công chức

1.2.1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.2. Một số bộ luật cơ bản

1.2.3. Công vụ và những nguyên tắc của công vụ

1.2.4. Hoạt động công vụ

1.2.5. Pháp lệnh Cán bộ Công chức

1.3. Những vấn đề cơ bản của quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường

Chương 2: Đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo

2.1. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay

2.2. Những quan điểm chỉ đạo phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo

2.3. Chiến lược phát triển Giáo dục và Đào tạo 2001 - 2010

Chương 3: Luật Giáo dục 2005

3.1. Cơ sở ban hành Luật Giáo dục 2005

3.2. Các quan điểm cơ bản về nội dung Luật Giáo dục

3.3. Bố cục và nội dung cơ bản của Luật Giáo dục 2005

Chương 4: Điều lệ, Quy chế, Quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông

4.1. Điều lệ trường mầm non

4.2. Điều lệ trường tiểu học

4.3. Điều lệ trường trung học

4.4. Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

4.5. Quy chế công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia

4.6. Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010

4.7. Quy chế đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học

Chương 5: Thực tiễn giáo dục Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21

5.1. Vài nét về thực tiễn nền giáo dục Việt Nam

5.2. Vài nét về thực tiễn giáo dục các tỉnh Bắc Trung bộ

6. Tài liệu tham khảo

1. PGS TS Phạm Minh Hùng (chủ biên) Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo, tủ sách ĐH Vinh, 2006.

2. Luật Giáo dục 2005, Nxb Chính trị Quốc gia, 2005.

3. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 BCH Trung ương Đảng, khoá VIII, 1996.

4. Chiến lược phát triển Giáo dục và Đào tạo 2001- 2010.

5. Điều lệ trường Mầm non

6. Điều lệ trường tiểu học

7. Điều lệ trường trung học

8. Pháp lệnh Cán bộ - Công chức

9. Các văn bản pháp luật hiện hành về giáo dục và Đào tạo, 3 tập, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2001.

7. Hình thức tổ chức dạy học:

- Lý thuyết.

- Thực hành.

- Hoạt động theo nhóm và hoạt động cá nhân.

- Tự học, tự nghiên cứu.

8. Kế hoạch thực hiện.

- Từ tuần 1 đến tuần 13 mỗi tuần lên lớp 2 giờ lý thuyết.

- Từ tuần 14 đến tuần 15 chia nhóm thực hành, mỗi nhóm thực hành 2 giờ cho mỗi tuần.

Tuần 1: 2 giờ lý thuyết, 4 giờ tự học

A. Nội dung chính:

1.1. Một số vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1.1. Những quan điểm cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1.2. Cơ cấu, tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1.3. Một số vấn đề cơ bản trong Quản lý hành chính Nhà nước

B. Yêu cầu tự học:

- Đọc tài liệu, tìm hiểu về quan điểm xây dựng Nhà nước, cơ cấu, tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quản lý hành chính Nhà nước.

- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)

- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)

- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)

- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.

- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 2: 2 giờ lý thuyết, 4 giờ tự học

A. Nội dung chính:

1.2. Một số vấn đề cơ bản về Hiến pháp, pháp luật và Pháp lệnh Cán bộ công chức

1.2.1. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.2. Một số bộ luật cơ bản

1.2.3. Công vụ và những nguyên tắc của công vụ

1.2.4. Hoạt động công vụ

1.2.5. Pháp lệnh Cán bộ Công chức

1.3. Những vấn đề cơ bản của quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường

B. Yêu cầu tự học:

- Đọc tài liệu, tìm hiểu về Hiến pháp, Bộ Luật Dân sự, Luật lao động,...; Pháp lệnh Cán bộ - Công chức

- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)

- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)

- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)

- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.

- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 3: 2 giờ lý thuyết, 4 giờ tự học**A. Nội dung chính:**

2.1. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay

B. Yêu cầu tự học:

- Đọc tài liệu, tìm hiểu về một số vấn đề đặt ra cần giải quyết trong giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay

- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)

- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)

- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)

- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.

- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 4: 2 giờ lý thuyết, 4 giờ tự học**A. Nội dung chính:**

2.2. Những quan điểm chỉ đạo phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo

2.3. Chiến lược phát triển Giáo dục và Đào tạo 2001 - 2010

B. Yêu cầu tự học:

- Đọc tài liệu, tìm hiểu về Quan điểm chỉ đạo phát triển GD&ĐT, Chiến lược phát triển GD&ĐT.

- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)

- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)

- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)

- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.

- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 5: 2 giờ lý thuyết, 4 giờ tự học

A. Nội dung chính:

- 3.1. Cơ sở ban hành Luật Giáo dục 2005
- 3.2. Các quan điểm cơ bản về nội dung Luật Giáo dục

B. Yêu cầu tự học:

- Đọc tài liệu, tìm hiểu về cơ sở ban hành Luật Giáo dục 2005, quan điểm cơ bản của Luật giáo dục 2005
- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 6: 2 giờ lý thuyết, 4 giờ tự học

A. Nội dung chính:

- 3.3. Bố cục và nội dung cơ bản của Luật Giáo dục 2005

B. Yêu cầu tự học:

- Đọc tài liệu, tìm hiểu về bố cục và nội dung cơ bản của Luật Giáo dục 2005.
- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 7: 2 giờ lý thuyết, 4 giờ tự học

A. Nội dung chính:

- 4.1. Điều lệ trường mầm non
- 4.2. Điều lệ trường tiểu học
- 4.3. Điều lệ trường trung học

B. Yêu cầu tự học:

- Đọc tài liệu, tìm hiểu về Điều lệ trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học.
- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 8: 2 giờ lý thuyết, 4 giờ tự học

A. Nội dung chính:

- 4.4. Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia
- 4.5. Quy chế công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia
- 4.6. Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010
- 4.7. Quy chế đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học

B. Yêu cầu tự học:

- Đọc tài liệu, tìm hiểu về Quy chế công nhận trường chuẩn quốc gia và Quy chế đánh giá xếp loại giáo viên.
- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 9: 2 giờ lý thuyết, 4 giờ tự học**A. Nội dung chính:**

5.1. Vài nét về thực tiễn nền giáo dục Việt Nam

B. Yêu cầu tự học:

- Đọc tài liệu, tìm hiểu về thực tiễn nền giáo dục Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21.
- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 10: 2 giờ lý thuyết, 4 giờ tự học**A. Nội dung chính:**

5.2. Vài nét về thực tiễn giáo dục các tỉnh Bắc Trung bộ

B. Yêu cầu tự học:

- Đọc tài liệu, tìm hiểu về thực tiễn giáo dục các tỉnh Bắc Trung bộ: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh
- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Phỏng vấn chuyên gia (tự thực hiện)
- Thảo luận trong nhóm (tự thực hiện)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 11: 2 giờ lý thuyết, 2 giờ tự học**A. Nội dung thảo luận:**

Chương I. Nhà nước, pháp luật, Quản lý hành chính nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức.

B. Yêu cầu tự học:

- Chuẩn bị nội dung thảo luận các vấn đề về: Nhà nước, pháp luật, Quản lý hành chính nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức.
- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên).

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Thảo luận trong nhóm (có sự hướng dẫn của giảng viên)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 12: 2 giờ lý thuyết, 2 giờ tự học

A. Nội dung thảo luận:

Chương II. Đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo

B. Yêu cầu tự học:

- Chuẩn bị nội dung thảo luận về đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo

- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Thảo luận trong nhóm (có sự hướng dẫn của giảng viên)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 13: 1 giờ lý thuyết, 2 giờ tự học

A. Nội dung thảo luận:

Chương III. Luật Giáo dục 2005

B. Yêu cầu tự học:

- Chuẩn bị nội dung thảo luận về bố cục và nội dung cơ bản của Luật Giáo dục 2005

- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên).

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Thảo luận trong nhóm (có sự hướng dẫn của giảng viên)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 14: 3 giờ thảo luận, 2 giờ tự học

A. Nội dung thảo luận:

Chương IV. Điều lệ, Quy chế, Quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông

B. Yêu cầu tự học:

- Chuẩn bị nội dung thảo luận các vấn đề về: Điều lệ, Quy chế, Quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông

- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Thảo luận trong nhóm (có sự hướng dẫn của giảng viên)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

Tuần 15: 2 giờ thảo luận, 2 giờ tự học

A. Nội dung thảo luận:

Chương 5: Thực tiễn giáo dục Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21

B. Yêu cầu tự học:

- Chuẩn bị nội dung thảo luận về thực tiễn giáo dục Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21

- Nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên)

C. Hình thức hoạt động:

- Nghiên cứu tài liệu (tự học)
- Thảo luận trong nhóm (có sự hướng dẫn của giảng viên)
- Phân tích kết quả theo *Yêu cầu tự học*.
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên (trên lớp).

9. Các quy định đối với học phần.

- Thực hiện nghiêm túc yêu cầu tự học, nộp sản phẩm tự học trước khi học mỗi chương. Chưa hoàn thành yêu cầu tự học sẽ không được tham gia giờ học trên lớp.

- Sẵn sàng trình bày kết quả tự học theo yêu cầu của giảng viên. Nếu chứng tỏ chưa chuẩn bị tốt phần tự học sẽ bị trừ điểm chuyên cần, thái độ.

10. Phương thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

- Kiểm tra đánh giá tính chuyên cần và thái độ: việc đánh giá này dựa trên cơ sở: số giờ lên lớp, sản phẩm tự học, tích cực thảo luận, tích cực tham gia hoạt động của lớp; chiếm tỷ trọng 10%.

- Đánh giá giữa kỳ: kết quả đánh giá giữa kỳ phụ thuộc vào bài kiểm tra giữa kỳ hoặc kết quả thực hiện các bài tập thực hành; chiếm tỷ trọng 20%.

- Kiểm tra kết thúc học phần: Thi viết (hình thức tự luận); chiếm tỷ trọng 70%

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VĂN HỌC NGÀ

1. Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Xuân Quỳnh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ.

Địa chỉ: Khoa Sư phạm Ngữ văn, TP. Vinh.

Điện thoại: 01696367363.

Hướng nghiên cứu chính: một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu thế kỉ XIX, XX của nước Nga và Liên bang Xô viết.

2. Tên môn học : Văn học Nga

3. Mã môn học : NV21021

4. Số tín chỉ: 3

5. Loại môn học : bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

Giảng lý thuyết: 40 tiết

Bài tập, thảo luận trên lớp: 05 tiết

Tự học: 90 tiết

7. Mục tiêu của môn học:

7.1. Kiến thức:

Giúp học sinh nắm bắt được một lược đồ văn học sử văn học Nga ở hai giai đoạn cổ điển và hiện đại. Trên tiến trình đó chốt dừng ở những tác gia tiêu biểu, trang bị cho học sinh các tri thức văn học cơ bản liên quan đến văn học Nga (lí luận, tác giả - tác phẩm, phương pháp phân tích, năng lực thẩm bình cụ thể). Giúp học sinh nhìn ra được mối quan hệ giữa văn chương Nga và văn chương Việt Nam hiện đại tạo tiền đề cho một sự liên thông văn học văn hoá. Góp phần hoàn thành bức tranh tri thức văn học sử thế giới mà tổ chuyên môn đảm nhiệm.

7.2. Kỹ năng:

- Trang bị kỹ năng nghiên cứu lịch sử văn học và các hiện tượng văn học cụ thể theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau.

- Giúp sinh viên có kỹ năng phân tích những hiện tượng văn học nước ngoài cụ thể (tác giả, tác phẩm) qua một cái nhìn so sánh với văn học Việt Nam

- Giúp sinh viên có kỹ năng tổ chức những cuộc thảo luận một vấn đề văn học (Phát hiện vấn đề, lựa chọn hướng tiếp cận, trình bày quan điểm).

7.3. Thái độ:

- Hình thành cho sinh viên một thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức về phương pháp tiếp cận văn học nước ngoài trong xu hướng quốc tế hoá.

- Giúp sinh viên có ý thức sâu sắc trong việc gìn giữ và phát triển quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở những kiến thức về văn hoá văn học.

8. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Phần 1: *Văn học Nga cổ điển (thế kỉ XIX)*

Phần 2: *Văn học Nga hiện đại (thế kỉ XX, phần văn học Xô Viết là chính)*

9. Nội dung chi tiết môn học:

Phần 1: Văn học Nga cổ điển (thế kỉ XIX)

Chương 1: Khái quát văn học Nga thế kỉ XIX

1.1. Lịch sử - xã hội Nga thế kỉ XIX.

- 1.2. Đặc điểm văn học Nga thế kỉ XIX
- 1.3. Hiện tượng chủ nghĩa hiện thực Nga thế kỉ XIX
- Chương 2: A. X. Puskin – khởi đầu của mọi khởi đầu
 - 2.1. Thơ trữ tình Puskin – tập đại thành của thơ ca Nga
 - 2.2. Chùm trường ca phương Nam – thành tựu xuất sắc của chủ nghĩa lãng mạn tích cực.
 - 2.3. Tiểu thuyết bằng thơ *Epgêni Ônêgin* – kiệt tác khơi dòng cho chủ nghĩa hiện thực Nga.
 - 2.4. Truyện và tiểu thuyết Puskin – Nền móng của văn xuôi hiện đại Nga.
- Chương 3: L. Tônxtôi – nhà tiểu thuyết Nga vĩ đại
 - 3.1. Tiểu thuyết anh hùng ca *Chiến tranh và hoà bình*
 - 3.2. Tiểu thuyết tâm lí - xã hội xuất sắc *Anna Karênina*
 - 3.3. Đỉnh cao của chủ nghĩa hiện thực phê phán Nga – tiểu thuyết *Phục sinh*
- Chương 4: A. P. Sêkhốp - Thiên tài truyện ngắn Nga, kịch tác gia vĩ đại
 - 4.1. Vị trí, quan điểm và quá trình sáng tác.
 - 4.2. Đặc trưng truyện ngắn trong hai giai đoạn sáng tác.
 - 4.3. Ba kiệt tác sân khấu Nga: *Cậu Vania*, *Ba chị em* và *Vườn anh đào*

Phần 2: Văn học Nga hiện đại (thế kỉ XX)

- Chương 5: Khái quát văn học Nga – Xô Viết
 - 5.1. Tình hình lịch sử - xã hội Nga thế kỉ XX
 - 5.2. Các trường phái và tác gia Nga, Xô Viết tiêu biểu
- Chương 6: A. M. Gorki – bậc thầy của nền văn học Nga hiện thực xã hội chủ nghĩa
 - 6.1. Đặc sắc truyện ngắn thời kì đầu.
 - 6.2. Tiểu thuyết *Người mẹ*
 - 6.3. Bộ ba tiểu thuyết tự thuật
- Chương 7: V. V. Maiacôpxki - Đại thi hào cộng sản
 - 7.1. Thơ trào phúng
 - 7.2. Một số bản trường ca tiêu biểu ở hai giai đoạn sáng tác
 - 7.3. Ba sáng tác kịch thiên tài: *Diệu pháp – trò hề*, *Con rệp*, *Nhà tắm*.
- Chương 8: M. A. Sôlôkhốp - Thiên tài tiểu thuyết Nga hiện đại
 - 8.1. Tác phẩm đề cử giải Nôben văn chương - kiệt tác *Sông Đông êm đềm*
 - 8.2. Thành tựu lớn của tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa – Tiểu thuyết *Đất vỡ hoang*

10. Học liệu.

10.1. Giáo trình chính

- Đỗ Hồng Chung, Nguyễn Kim Đính, Nguyễn Hải Hà, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Trường Lịch, Huy Liên, *Lịch sử văn học Nga*, Nxb Giáo dục, H, 1997.
- Nguyễn Hải Hà, Đỗ Xuân Hà, Nguyễn Ngọc Anh, Từ Đức Trịnh, Nguyễn Văn Giai, *Lịch sử văn học Nga thế kỉ XIX*, Nxb ĐHQG, H, 2002.
- Nguyễn Hải Hà, Đỗ Xuân Hà, *Văn học Xô Viết* (Tập 1, 2), Nxb Giáo dục, 1987.
- 10.2. Tài liệu tham khảo
- Trần Thị Phương Phương, *Tiểu thuyết hiện thực Nga thế kỉ XIX*, Nxb Khoa học xã hội, 2005.
- Đỗ Hồng Chung, *Puskin nhà thơ Nga vĩ đại*, Nxb ĐH và THCN.
- Nguyễn Hải Hà, *Thi pháp tiểu thuyết L. Tônxtôi*, Nxb Giáo dục, 2006.
- Phan Hồng Giang, *An-tôn Sêkhốp*, Nxb Hải Phòng, 2001.
- Đỗ Xuân Hà, *Văn học thế giới thế kỉ XX*, Nxb Giáo dục, 2007.

11. Hình thức tổ chức dạy học

- Giảng dạy lí thuyết (27 tiết)
- Tổ chức cho sinh viên thực hành tại lớp (3 tiết)
- Sinh viên tự học ở nhà (60 tiết)

NỘI DUNG MÔN HỌC CHIA RA CÁC VẤN ĐỀ / TUẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian Địa điểm
Lý thuyết	Chương 1: mục 1.1; 1.2	- Đọc giáo trình 1(tr.15 – tr.55); trong phần tài liệu bắt buộc.	Tuần 1 Giảng đường
Thảo luận	Chủ nghĩa HTPP - thành tựu đỉnh cao của Vh Nga XIX	- Đọc tài liệu số 2 (tr.60 – tr.75)	
Lý thuyết	Chương 1: mục 1.3 Chương 2: mục 2.1	- Đọc tài liệu 1 (tr.75 – tr.120); tài liệu 2.(tr. 55 – tr.90)	Tuần 2 Giảng đường
Tự học	Tìm hiểu vai trò khởi đầu của A.Puskin đối với nền văn học Nga.	- Đọc tài liệu 7 (tr. 150 – tr. 218)	
Lý thuyết	Chương 2: mục 2.2; 2.3	- Đọc tài liệu 1,2, và 7	Tuần 3 Giảng đường
Lý thuyết	Chương 2: mục 2.4 Chương 3: mục 3.1	- Đọc tài liệu 1, 2 và 7 - Đọc tài liệu 1,2, 8 và tác phẩm “Chiến tranh và hoà bình”	Tuần 4 Giảng đường
Lý thuyết	Chương 3: mục 3.2; 3.3	- Đọc tài liệu 1, 2 và 8.	Tuần 5 Giảng đường
Tự học	Tìm hiểu thi pháp tiểu thuyết L.Tônxtôi	- Đọc tác phẩm “Anna Karenina” và “Phục sinh”.	
Lý thuyết	Chương 4: mục 4.1	- Đọc tài liệu 1,2, 6,10	Tuần 6 Giảng đường
Lý thuyết	Chương 4: mục 4.2;	- Đọc tài liệu 1,2, 6,10	Tuần 7 Giảng đường
Bài tập	Đặc trưng thi pháp truyện ngắn A.Sêkhốp	- Đọc tài liệu 1,2,6, 10 và 11	ở nh
Lý thuyết	Chương 4: mục 4.3 Chương 5: mục 5.1	- Đọc tài liệu 11 - Đọc tài liệu 3,4	Tuần 8 Giảng đường
Lý thuyết	Chương 5: mục 5.2	-Đọc tài liệu 3,4,	Tuần 9 Giảng đường
Thảo luận	Quá trình phát triển và thành tựu của nền văn học Xô Viết	- Đọc tài liệu 3,4, và 9	giảng đường
Lý thuyết	Chương 6: mục 6.1 và 6.2	- Đọc tài liệu 3, 4 và 12 và 14.	Tuần 10 Giảng đường
Lý thuyết	Chương 6: mục 6.3	- Đọc tài liệu 3,4, 12 và 14.	Tuần 11 Giảng đường
Tự học	Tìm hiểu một số tác giả, tác phẩm khác đặt nền móng cho nền văn học vô sản,	- Đọc tài liệu 3, 4, 8, 12 và 14.	ở nhà
Lý thuyết	Chương 7: mục 7.1 và 7.2	- Đọc tài liệu 3, 4, 13	Tuần 12 Giảng đường
Lý thuyết	Chương 7: mục 7.3	- Đọc tài liệu 3,4, 13	Tuần 13 Giảng đường
Lý thuyết	Chương 8: mục 8.1 và 8.2	- Đọc tài liệu 3, 4, 9, 12	Tuần 14

			Giảng đường
Lý thuyết	Chương 8: mục 8.2	- Đọc tài liệu 3,4, 9,12	Tuần 15 Giảng đường
Thảo luận	Đặc trưng thi pháp tiểu thuyết M.Sôlôkhốp	- Đọc 2 bộ tiểu thuyết “Sông Đông êm đềm” và “Đất vỡ hoang”.	Giảng đường

12. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải lên lớp đầy đủ, có ý thức thái độ học tập nghiêm túc.
- Làm đầy đủ bài tập, tham gia thảo luận tích cực.
- Đọc tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giáo viên

13. Phương thức kiểm tra, đánh giá

- Kiểm tra đánh giá thái độ chuyên cần học tập của sinh viên
- Kiểm tra đánh giá thường xuyên định kì
- Thang điểm: 10

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGŨ PHÁP VĂN BẢN

1. Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Khánh Chi Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ dụng học, Ngữ pháp văn bản

Địa chỉ, điện thoại: Khối 16, Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Tel: 01664060327

2. Tên học phần: *Ngữ pháp văn bản*

3. Mã học phần: NV20022

4. Số tín chỉ: 02

5. Loại học phần: bắt buộc

Tiên quyết: học sau học phần Ngữ pháp tiếng Việt và Ngữ dụng học

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

- Giảng lý thuyết: 26 tiết

- Bài tập trên lớp: 4 tiết

- Tự học: 60 tiết

7. Mục tiêu của môn học

- Kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản; hiểu đầy đủ về nội dung và phương pháp phân tích các đơn vị giao tiếp; nắm được các hướng rèn luyện văn bản trên các mặt nội dung, hình thức và phong cách văn bản.

- Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng sử dụng, phân tích văn bản; phát hiện và sửa chữa các loại lỗi trong sử dụng ngôn ngữ, thực hành soạn thảo các văn bản thông dụng.

- Thái độ, chuyên cần: Có thái độ coi trọng tiếng Việt, tích cực rèn luyện, trau dồi tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp và ứng dụng vào trong chuyên môn cụ thể ngày càng tốt hơn.

8. Mô tả văn tắt nội dung học phần

Những kiến thức cơ bản của *Ngữ pháp văn bản* gồm: khái quát các đặc điểm cơ bản của văn bản; cấu trúc nội dung và hình thức của văn bản; liên kết văn bản (liên kết nội dung và liên kết hình thức); vai trò và đặc điểm của đoạn văn; câu trong văn bản; các loại lỗi của văn bản và cách sửa chữa lỗi.

9. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Khái quát về văn bản

1. Giao tiếp

1.1. Giao tiếp là gì?

1.2. Các nhân tố giao tiếp

1.3. Giao tiếp và văn bản

2. Văn bản

2.1. Khái niệm

2.2. Đặc trưng của văn bản

2.3. Phân loại văn bản và các phong cách văn bản

Chương 2. Liên kết văn bản: Liên kết nội dung

1. Khái niệm liên kết

1.1. Cái gì làm cho một chuỗi câu trở thành văn bản?

1.2. Vai trò của mạng liên kết các câu trong văn bản

1.3. Các đơn vị liên kết văn bản

1.4. Các phương diện liên kết trong văn bản

2. Liên kết nội dung trong văn bản

- 2.1. Liên kết nội dung là gì?
- 2.2. Biểu hiện của liên kết nội dung trong văn bản
3. Chiều hướng liên kết nội dung trong văn bản
- 3.1. Liên kết hướng nội và liên kết hướng ngoại
- 3.2. Liên kết chiều ngược và liên kết chiều xuôi
- 3.3. Liên kết tiếp giáp và liên kết gián cách

Chương 3. Liên kết văn bản: Liên kết hình thức

1. Liên kết hình thức là gì?
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Phương thức, phương tiện liên kết hình thức
2. Các phương thức liên kết trong văn bản
 - 2.1. Phương thức lặp
 - 2.2. Phương thức thế
 - 2.3. Phương thức liên tưởng
 - 2.4. Phương thức nối
 - 2.5. Phương thức trật tự
 - 2.6. Phương thức đối
 - 2.7. Phương thức tỉnh lược
 - 2.8. Phương thức nêu câu hỏi

Chương 4. Đoạn văn và mối quan hệ liên kết trong văn bản

1. Đoạn văn
 - 1.1. Vị trí của đoạn văn trong văn bản
 - 1.2. Khái niệm đoạn văn
 - 1.3. Câu chủ đề của đoạn văn
 - 1.4. Các kiểu cấu trúc đoạn văn
2. Liên kết đoạn văn trong văn bản
 - 2.1. Các phương thức, phương tiện thông thường liên kết đoạn văn
 - 2.2. Quan hệ liên kết của các đoạn văn trong văn bản
 - 2.3. Cách tách đoạn văn

Chương 5. Kết cấu văn bản

1. Khái niệm kết cấu văn bản
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Kết cấu tổng thể thường gặp của văn bản
2. Một số thủ pháp kết cấu trong văn bản
 - 2.1. Bậc và kiểu kết cấu
 - 2.2. Kết cấu chuỗi
 - 2.3. Kết cấu song song

10. Học liệu

- Giáo trình chính

1. Phan Mậu Cảnh, *Lý thuyết và thực hành văn bản tiếng Việt*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2008.

2. O.I.Moskalskaja, *Ngữ pháp văn bản*, Trần Ngọc Thêm dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996.

3. Trần Ngọc Thêm, *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002.

- Tài liệu tham khảo

1. Diệp Quang Ban, *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.

2. Nguyễn Trọng Báu, Nguyễn Quang Ninh, Trần Ngọc Thêm, *Ngữ pháp văn bản và việc dạy tập làm văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1985.

3. I.R.Galperin, *Văn bản với tư cách đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học*, Vương Lộc dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981.

4. Đinh Trọng Lạc, *Phong cách học văn bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1994.

5. Nguyễn Quang Ninh, *150 bài tập rèn luyện kỹ năng dựng đoạn văn*, Nxb giáo dục, Hà Nội, 1993.

11. Hình thức tổ chức dạy học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	1. Khái quát về văn bản (giao tiếp và các nhân tố giao tiếp, văn bản, đặc trưng văn bản) 2. Liên kết nội dung (khái niệm, các đơn vị liên kết, biểu hiện liên kết nội dung) 3. Liên kết hình thức (khái niệm, phương thức và phương tiện liên kết) 4. Đoạn văn (khái niệm, các kiểu cấu trúc đoạn văn, phân tích và tạo lập đoạn văn) 5. Kết cấu văn bản (khái niệm, các loại kết cấu, thủ pháp kết cấu văn bản)	Đọc quyển <i>Lý thuyết và thực hành văn bản</i> (Phan Mậu Cảnh) từ tr. 9 đến tr. 64. <i>Ngữ pháp văn bản</i> (O.I.Moskaskaja) từ tr. 9 đến tr. 24. Đọc quyển <i>Lý thuyết và thực hành văn bản</i> (Phan Mậu Cảnh) từ tr. 251 đến tr. 285. <i>Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt</i> (Trần Ngọc Thêm) từ tr. 17 đến tr. 24. Đọc quyển <i>Lý thuyết và thực hành văn bản</i> (Phan Mậu Cảnh) từ tr. 286 đến tr. 313. <i>Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt</i> (Trần Ngọc Thêm) từ tr. 86 đến tr. 223. Đọc quyển <i>Lý thuyết và thực hành văn bản</i> (Phan Mậu Cảnh) từ tr. 119 đến tr. 240. <i>Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt</i> (Trần Ngọc Thêm) từ tr. 230 đến tr. 233. Đọc quyển <i>Lý thuyết và thực hành văn bản</i> (Phan Mậu Cảnh) từ tr. 286 đến tr. 292. <i>Ngữ pháp văn bản</i> (O.I.Moskaskaja) từ tr. 112 đến tr. 139.	Tuần 1, 2, 3, 4 (8 tiết). Ở giảng đường. Tuần 5, 6, 7 (5 tiết). Ở giảng đường. Tuần 8, 9, 10 (5 tiết). Ở giảng đường. Tuần 11, 12, 13 (5 tiết). Ở giảng đường. Tuần 14, 15 (3 tiết). Ở giảng đường.	
Bài tập	1. Nhận diện các loại văn bản. 2. Phân tích liên kết nội dung và hình thức trong văn bản. 3. Phân tích cấu trúc đoạn văn. 4. Phân tích kết cấu văn bản.	- Sinh viên chuẩn bị các loại bài tập 1, 2, 3, 4 ở nhà. Sinh viên thực hiện các bài tập trên lớp (giờ thực hành).	Từ tuần 5 đến tuần 15. Ở nhà và trên giảng đường.	
Thực hành, thí nghiệm	Thực hiện các loại bài tập trên.	Sinh viên thực hiện (giờ thực hành).	Từ tuần 5 đến tuần 15 (2 tiết). Ở giảng đường.	
Thảo luận	1. Trình bày các đặc điểm cơ bản của văn bản. 2. Liên kết và vai trò của liên kết trong văn bản. 3. Biểu hiện của liên kết	Sinh viên thảo luận các vấn đề theo nhóm.	Từ tuần 5 đến tuần 15 (2 tiết). Ở giảng đường.	

	nội dung và liên kết hình thức trong văn bản. 4. Các bước viết đoạn văn. 5. Các thủ pháp kết cấu văn bản.			
Tự học	Sinh viên tự học một số nội dung theo hướng dẫn của giảng viên.	Đọc các giáo trình và tài liệu tham khảo.	Từ tuần 1 đến tuần 15 (60 tiết). Ở nhà và thư viện.	
Tư vấn				

12. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Ngoài tập bài giảng, cần có các giáo trình và tài liệu tham khảo.
- Dự các buổi lý thuyết, các xêmina, làm các loại bài tập, tham gia thảo luận theo từng nội dung.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

- Các phương thức kiểm tra đánh giá
Tự luận, trắc nghiệm
Điểm chuyên cần, thái độ: 10%
Điểm kiểm tra giữa kì: 20%
Điểm kiểm tra cuối kì: 70%
- Thang điểm: 10/10.

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGỮ VĂN II

1. Họ và tên giảng viên

- Đặng Lưu

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Phong cách học, Ngôn ngữ nghệ thuật, Phương pháp dạy học Ngữ văn

Địa chỉ: 20 Ngừ 5, đường Đặng Nguyên Cẩn

Điện thoại: 01689231585

- Lờ Thị Hồ Quang,

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ.

Hướng nghiên cứu chính: Thi pháp thơ trữ tình, Phương pháp dạy học Ngữ văn.

Địa chỉ: 23 Tô Hiến Thành, phường Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An

ĐT: 090. 222. 5576

2. Tên học phần: *Phương pháp dạy học Ngữ văn II*

3. Mã học phần: NV20023

4. Số tín chỉ : 4

5. Loại học phần: Bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

- Số giờ lý thuyết: 40
- Số giờ thực hành: 20
- Số giờ tự học: 120

7. Mục tiêu của học phần

7.1. Kiến thức

Sinh viên nắm được các kiến thức sau:

- Những vấn đề lý thuyết về phương pháp dạy học tiếng Việt và Làm văn.
- Phương pháp dạy học những vấn đề lý thuyết chung về ngôn ngữ và tiếng Việt.
- Phương pháp dạy học các hợp phần tiếng Việt (Từ ngữ, Ngữ pháp, Phong cách học)
- Phương pháp dạy học Văn học sử và Làm văn

7.2. Kỹ năng

Môn học hướng cho sinh viên:

Vận dụng các phương pháp thông báo – giải thích, phân tích ngôn ngữ học, phương pháp so sánh đối chiếu để dạy học phần Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn THPT.
Làm việc với nhóm

7.3. Thái độ, chuyên cần

- Yêu cầu sinh viên nhận thức đúng đắn về vai trò của phương pháp trong hoạt động dạy học
- SV phải đọc những tài liệu tham khảo cơ bản về học phần có hướng dẫn trong mục *Học liệu*.
- Bồi dưỡng thái độ nghiêm túc, chính xác, chặt chẽ trong khi học tập, nghiên cứu; đảm bảo sự chuyên cần trong học tập, kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà.

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần có những nội dung cơ bản:

- Những vấn đề chung về đối tượng và phương pháp nghiên cứu bộ môn.

- Phương pháp dạy học những vấn đề chung về ngôn ngữ và tiếng Việt.
- Phương pháp dạy học Từ ngữ tiếng Việt
- Phương pháp dạy học Ngữ pháp tiếng Việt.
- Phương pháp dạy học Phong cách học tiếng Việt.
- Phương pháp dạy học Văn học sử bậc THPT
- Phương pháp dạy học Làm văn bậc THPT

9. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở BẬC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Chương 1: MÔN TIẾNG VIỆT Ở NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

- 1.1. Sơ lược vấn đề dạy tiếng mẹ đẻ ở nhà trường Việt Nam qua các thời kì
 - 1.1.1. Vấn đề dạy tiếng Việt thời phong kiến
 - 1.1.2. Thực trạng dạy học tiếng Việt thời Pháp thuộc
 - 1.1.3. Tình hình dạy học Tiếng Việt trong nhà trường phổ thông từ sau cách mạng tháng Tám
- 1.2. Vị trí và nhiệm vụ của môn Tiếng Việt ở bậc THPT
 - 1.2.1. Vị trí
 - 1.2.2. Nhiệm vụ
- 1.3. Phần Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THPT
 - 1.3.1. Quan điểm tích hợp trong biên soạn SGK Ngữ văn.
 - 1.3.2. Nội dung của phần Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THPT hiện hành

Chương 2: PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC TIẾNG VIỆT LÀ MỘT KHOA HỌC

- 2.1. Một số vấn đề chung
- 2.2. Đối tượng của phương pháp dạy - học tiếng Việt
 - 2.2.1. Nội dung dạy và học tiếng Việt
 - 2.2.2. Hoạt động của thầy giáo
 - 2.2.3. Hoạt động của học sinh
- 2.3. Nhiệm vụ của phương pháp dạy – học tiếng Việt
- 2.4. Những cơ sở lí thuyết và thực tiễn của việc dạy – học tiếng Việt
 - 2.4.1. Ngôn ngữ học và Việt ngữ học
 - 2.4.2. Giáo dục học
 - 2.4.3. Tâm lí học và tâm lí – ngôn ngữ học
 - 2.4.4. Triết học Mác – Lê nin
- 2.5. Các phương pháp nghiên cứu

Chương 3: CÁC NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

- 3.1. Các nguyên tắc dạy học tiếng Việt
 - 3.1.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học tiếng mẹ đẻ
 - 3.1.2. Vận dụng các nguyên tắc giáo dục vào dạy học tiếng Việt
 - 3.1.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính tư tưởng
 - 3.1.2.2. Nguyên tắc trực quan
 - 3.1.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học
 - 3.1.2.4. Nguyên tắc vừa trình độ
 - 3.1.3. Các nguyên tắc đặc thù của dạy học tiếng Việt
 - 3.1.3.1. Nguyên tắc rèn luyện ngôn ngữ gắn với rèn luyện tư duy
 - 3.1.3.2. Nguyên tắc hướng vào hoạt động giao tiếp
 - 3.1.3.3. Nguyên tắc chú ý đến trình độ tiếng Việt vốn có của học sinh
 - 3.1.4. Nguyên tắc hướng tới cả dạng nói và dạng viết
- 3.2. Phương pháp và thủ pháp dạy học tiếng Việt

- 3.2.1. Khái niệm phương pháp dạy học
- 3.2.2. Một số phương pháp thường được sử dụng trong dạy học tiếng Việt
 - 3.2.2.1. *Phương pháp thông báo – giải thích*
 - 3.2.2.2. *Phương pháp giao tiếp*
 - 3.2.2.3. *Phương pháp phân tích ngôn ngữ*
 - 3.2.2.4. *Phương pháp rèn luyện theo mẫu*
- 3.2.3. Một số thủ pháp thường được sử dụng trong dạy học tiếng Việt
 - 3.2.3.1. *Tạo tình huống có vấn đề*
 - 3.2.3.2. *So sánh đối chiếu*
- 3.3. Các hình thức thể hiện của phương pháp
 - 3.3.1. Hình thức diễn giảng
 - 3.3.2. Hình thức đàm thoại
 - 3.3.3. Hình thức đọc sách giáo khoa
 - 3.3.4. Hình thức làm bài tập

PHẦN HAI: DẠY HỌC CÁC HỢP PHẦN TIẾNG VIỆT Ở THPT

Chương 4: DẠY HỌC CÁC VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT CHUNG VỀ NGÔN NGỮ VÀ TIẾNG VIỆT Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

- 4.1. Vị trí, mục đích và nội dung của những vấn đề lý thuyết chung về ngôn ngữ và tiếng Việt Trong chương trình Ngữ văn THPT
 - 4.1.1. Vị trí
 - 4.1.2. Mục đích
 - 4.1.3. Nội dung
- 4.2. Phương pháp dạy học những vấn đề lý thuyết ngôn ngữ và tiếng Việt
 - 4.2.1. Cơ sở xác định phương pháp
 - 4.2.1.1. *Tiềm năng ngôn ngữ và thực tiễn sử dụng ngôn ngữ của học sinh*
 - 4.2.1.2. *Vốn kiến thức tiếng Việt mà học sinh tích lũy được trong nhà trường*
- 4.3. Một số phương pháp
 - 4.3.1. Diễn giảng và đàm thoại
 - 4.3.2. So sánh đối chiếu
 - 4.3.3. Sử dụng đồ dùng dạy học

Chương 5: DẠY HỌC TỪ NGỮ TIẾNG VIỆT Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

- 5.1. Vị trí, mục đích và nội dung chương trình
 - 5.1.1. Vị trí
 - 5.1.2. Mục đích
 - 5.1.3. Nội dung
- 5.2. Những cơ sở của việc dạy học từ ngữ
 - 5.2.1. Cơ sở ngôn ngữ học
 - 5.2.2. Cơ sở tâm lý - ngôn ngữ học
- 5.3. Nguyên tắc dạy học từ ngữ
 - 5.3.1. Nguyên tắc trực quan
 - 5.3.2. Nguyên tắc hệ thống
 - 5.3.3. Nguyên tắc chức năng
 - 5.3.4. Nguyên tắc lịch sử
- 5.4. Phương pháp dạy học từ ngữ

5.4.1. Hình thành kiến thức lí thuyết về từ ngữ

5.4.2. Thực hành về từ ngữ

Chương 6: DẠY HỌC NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

6.1. Khái quát về chương trình ngữ pháp tiếng Việt ở THPT

6.1.1. Vị trí

6.1.2. Mục đích

6.1.3. Nội dung

6.2. Những cơ sở và nguyên tắc của việc dạy học ngữ pháp ở THPT

6.2.1. Cơ sở

6.2.1.1. *Cơ sở lí luận*

6.2.1.2. *Cơ sở thực tiễn*

6.2.2. Nguyên tắc

6.2.2.1. *Nguyên tắc hướng vào hoạt động giao tiếp*

6.2.2.2. *Nguyên tắc gắn lí thuyết với thực hành*

6.2.2.3. *Nguyên tắc trực quan*

6.2.2.4. *Nguyên tắc gắn nội dung ngữ pháp với hình thức ngữ pháp*

6.2.2.5. *Nguyên tắc kết hợp phát triển tư duy và phát triển ngôn ngữ*

6.3. Phương pháp dạy học ngữ pháp

6.3.1. Dạy lí thuyết về ngữ pháp

6.3.1.1. *Hình thành khái niệm ngữ pháp*

6.3.1.2. *Hình thành qui tắc ngữ pháp*

6.3.2. Dạy thực hành ngữ pháp

6.3.2.1. *Thực hành bài tập nhận diện phân tích*

6.3.2.2. *Thực hành bài tập chuyển đổi*

6.3.2.3. *Thực hành bài tập tạo lập*

6.3.2.4. *Thực hành bài tập sửa chữa*

Chương 7: DẠY HỌC PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

7.1. Khái quát về phần phong cách học trong chương trình ngữ văn THPT

7.1.1. Vị trí

7.1.2. Mục đích

7.1.3. Nội dung

7.2. Những cơ sở của việc dạy học phong cách học

7.2.1. Những tri thức về phong cách học

7.2.2. Những hiểu biết về sự phát triển ngôn ngữ của học sinh THPT

7.3. Phương pháp dạy học phong cách học ở trung học phổ thông

7.3.1. Dạy học phần lí thuyết phong cách học

7.3.1.1. *Phương pháp thuyết minh phong cách học*

7.3.1.1. *Phương pháp so sánh đối lập*

7.3.1.2. *Phương pháp thử nghiệm phong cách học*

7.3.1.3. *Xác định các phương tiện ngôn ngữ phù hợp với từng phong cách chức năng*

7.3.2. Dạy thực hành phong cách học

7.3.2.1. *Thực hành nhận diện phong cách*

- 7.3.2.2. *Thực hành phân tích phong cách*
- 7.3.2.3. *Thực hành tạo lập văn bản theo phong cách chức năng*
- 7.3.2.4. *Thực hành chữa lỗi phong cách*

PHẦN 3: DẠY HỌC PHẦN VĂN HỌC SỬ VÀ LÀM VĂN Ở THPT

Chương 8. DẠY HỌC VĂN HỌC SỬ Ở TRƯỜNG THPT

- 8.1. Vai trò, nhiệm vụ của Văn học sử ở trường THPT
 - 8.1.1. Vai trò
 - 8.1.2. Nhiệm vụ
- 8.2. Đặc điểm phần Văn học sử trong chương trình Ngữ văn THPT hiện hành
 - 8.2.1. Quan điểm tích hợp trong biên soạn SGK Ngữ văn
 - 8.2.2. Nội dung của phần Văn học sử trong chương trình Ngữ văn THPT hiện hành
- 8.3. Nguyên tắc và phương pháp dạy học văn học sử ở trường THPT
 - 8.3.1. Cơ sở của việc dạy học Văn học sử ở trường THPT
 - 8.3.1.1. *Cơ sở lý luận*
 - 8.3.1.2. *Cơ sở thực tiễn*
 - 8.3.2. Một số nguyên tắc dạy học Văn học sử ở trường THPT
 - 8.3.3. Một số phương pháp và hình thức dạy học Văn học sử ở trường THPT
- 8.4. Dạy học một số kiểu bài Văn học sử cụ thể ở trường THPT
 - 8.4.1. Giới thiệu mô hình chung của một đơn vị bài Văn học sử trong SGK Ngữ văn
 - 8.4.2. Dạy học kiểu bài tổng quan văn học sử
 - 8.4.3. Dạy học kiểu bài khái quát thời kì văn học sử
 - 8.4.4. Dạy học kiểu bài khái quát về tác giả văn học sử
 - 8.4.5. Dạy học kiểu bài khái quát về tác phẩm văn học sử
 - 8.4.6. Dạy học kiểu bài ôn tập văn học sử

Chương 9. DẠY HỌC LÀM VĂN Ở TRƯỜNG THPT

- 9.1. Vai trò, nhiệm vụ của Làm văn trong nhà trường THPT
 - 9.1.1. Vai trò
 - 9.1.2. Nhiệm vụ
- 9.2. Đặc điểm phần Làm văn trong chương trình Ngữ văn THPT hiện hành
 - 9.2.1. Quan điểm tích hợp trong biên soạn SGK Ngữ văn.
 - 9.2.2. Nội dung của phần Làm văn trong chương trình Ngữ văn THPT hiện hành
- 9.3. Nguyên tắc và phương pháp dạy học Làm văn ở THPT
 - 9.3.1. Cơ sở của việc dạy học Làm văn ở trường THPT
 - 9.3.1.1. *Cơ sở lý luận*
 - 9.3.1.2. *Cơ sở thực tiễn*
 - 9.3.2. Một số nguyên tắc dạy học Làm văn ở trường THPT
 - 9.3.3. Một số phương pháp dạy học Làm văn ở trường THPT
 - 9.3.3.1. *Dạy học lý thuyết Làm văn*
 - 9.3.3.2. *Dạy học thực hành Làm văn*

10. Học liệu

10.1. Giáo trình chính

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (2009 – tái bản lần thứ 12), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Phan Trọng Luận (2001), *Phương pháp dạy học văn*, tập I, II, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3. Đỗ Ngọc Thống (2006), *Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn trung học phổ thông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Thanh Đạm (2001), “Mấy vấn đề về phương pháp dạy Làm văn”, trong sách *Đổi mới phương pháp dạy học văn – Tiếng Việt ở trường phổ thông*, Nguyễn Trí, Nguyễn Trọng Hoàn chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.85-128.

2. Nguyễn Thanh Hùng (chủ biên) – Lê Thị Diệu Hoa (2007), *Phương pháp dạy học Ngữ văn Trung học phổ thông những vấn đề cập nhật*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3. Trường Đại học Vinh, Sở GD&ĐT Nghệ An, Sở GD&ĐT Hà Tĩnh, Sở GD&ĐT Thanh Hóa (2007), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông theo chương trình và sách giáo khoa mới*, Nxb Nghệ An.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

5. Nhiều tác giả (2010), *Ngữ văn 10, 11, 12* cơ bản và nâng cao T1, T2, sách giáo khoa và sách giáo viên, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

11. Hình thức tổ chức dạy học

11.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					
	Lên lớp			Thực hành	Tự học	Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Chương 1	5		2		10	17
Chương 2	3				10	13
Chương 3	5		1	2	15	23
Chương 4	4			2	15	21
Chương 5	4			2	15	21
Chương 6	5		1	2	15	23
Chương 7	4			2	10	16
Chương 8	5		1	2	15	23
Chương 9	5		1	2	15	23

11.2. Lịch trình dạy học cụ thể

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian Địa điểm
Lý thuyết	- Chương 1	- Đọc từ tr.5-29 giáo trình số 1.	Tuần 1-2
	- Chương 2	- Đọc từ tr.30-46 giáo trình số 1.	Tuần 3-4
	- Chương 3	- Đọc từ tr.47-76 giáo trình số 1; từ tr.132-206 giáo trình số 3; từ tr.165-169 tài liệu tham khảo số 3.	Tuần 5-7
	- Chương 4	- Đọc từ tr.77-88 giáo trình số 1.	Tuần 8-10
	- Chương 5	- Đọc từ tr.89-119 giáo trình số 1; từ tr.169-184 tài liệu tham khảo số 3;	Tuần 11-12

	- Chương 6 - Chương 7 - Chương 8 - Chương 9	từ tr.214-247 của giáo trình số 3. - Đọc từ tr.120-158 giáo trình số 1; từ tr.214-247 của giáo trình số 3; từ tr.165-169 tài liệu tham khảo số 3. - Đọc từ tr.159-184 giáo trình số 1; từ tr.79-85 và từ tr.210-213 tài liệu tham khảo số 3. - Đọc từ tr.235-316 giáo trình số 2; tr.17-35 tài liệu tham khảo số 2. - Đọc từ tr.185-238 giáo trình số 1; từ tr.214-247 giáo trình số 3; tr.85-128 của tài liệu tham khảo số 1.	Tuần 13-14 Tuần 15-16 Tuần 17-18 Tuần 19-20
Thảo luận	- Quan điểm tích hợp trong biên soạn chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn và sự chi phối của quan điểm tích hợp đối với việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn ở THPT. - Thảo luận về những mặt khả thi và những hạn chế của những phương pháp dạy học đối với phân môn Tiếng Việt và Làm văn từng được áp dụng trong nhà trường THPT từ trước đến nay.. - Thảo luận về các phương pháp dạy học đối với các hợp phần tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn hiện hành. - Thảo luận về các phương pháp dạy học đối với phần Làm văn trong chương trình Ngữ văn hiện hành.	- Đọc các tài liệu có liên quan đã nêu ở chương 1, chương 2 phần Lý thuyết. - Đọc các tài liệu có liên quan đã nêu ở chương 3 của Lý thuyết. - Đọc các tài liệu có liên quan đã nêu ở chương 4, 5, 6, 7 của phần Lý thuyết. - Đọc các tài liệu có liên quan đã nêu ở chương 8, 9 của phần Lý thuyết..	Tuần 3-5 Tuần 6-8 Tuần 10-16 Tuần 17-18
Thực hành	- Tập giảng và thảo luận về 1 bài thuộc hợp phần Những vấn đề chung về ngôn ngữ và tiếng Việt. - Tập giảng và thảo luận về 2 bài thuộc hợp phần Từ ngữ. - Tập giảng và thảo luận về 1 bài thuộc hợp phần	Soạn giáo án, trao đổi với giáo viên. Soạn giáo án, trao đổi với giáo viên. Soạn giáo án, trao đổi với giáo viên.	Tuần 8-10 Tuần 11-12 Tuần 13-14

	Ngữ pháp. - Tập giảng và thảo luận về 1 bài thuộc hợp phần Phong cách học. - Tập giảng và thảo luận về 1 bài thuộc phần Văn học sử. - Tập giảng và thảo luận 2 bài thuộc phần Làm văn.	Soạn giáo án, trao đổi với giáo viên. Soạn giáo án, trao đổi với giáo viên. Soạn giáo án, trao đổi với giáo viên.	Tuần 15-16 Tuần 17-18 Tuần 19-20
Tự học	Đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo. Tìm hiểu thêm một số tài liệu mới liên quan đến nội dung môn học		Thực hiện điều đặn trong thời gian qui định đối với môn học

12. Qui định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Nghe giảng đầy đủ tất cả các tiết lên lớp của giảng viên (số giờ xem bảng 1).
- Tham dự đầy đủ và có chất lượng các tiết thảo luận ở nhóm (số giờ xem bảng 1).
- Đọc đầy đủ (có ghi chép thu hoạch) các tài liệu tham khảo bắt buộc của môn học.
- Hai bài kiểm tra định kỳ của môn học: đạt từ điểm 5 trở lên.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học phần

13.1. Các phương thức kiểm tra đánh giá

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Kiểm tra đánh giá định kỳ.

13.2. Thang điểm

- Điểm chuyên cần và thái độ tham gia học trên lớp: 10%.
- Điểm thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học: 20%.
- Điểm bài thi kết thúc môn học: 70% (Đề thi được rút ra từ bộ đề do nhóm giảng viên biên soạn).

14. Ngày phê duyệt

15. Cấp phê duyệt

Chương trình đào tạo trình độ Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGỮ VĂN III, THPTDH NGỮ VĂN

1. Họ và tên giảng viên:

1.1. Lê Thị Hồ Quang, GVC, Tiến sĩ.

Hướng nghiên cứu chính: Thi pháp thơ trữ tình, Phương pháp dạy học văn.

Địa chỉ: 187 Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 090. 222. 5576

1.2. Phan Huy Dũng, GVC, PGS. Tiến sĩ.

Hướng nghiên cứu chính: Thi pháp học, Văn học Việt Nam hiện đại...

Địa chỉ nhà riêng: Khối 9, Phường Trường Thi, TP Vinh.

Điện thoại: 0383.855793.

2. Tên môn học: Phương pháp dạy học Ngữ văn III và Thực hành phương pháp dạy học
Ngữ văn

3. Mã môn học: NV20024

4. Số tín chỉ: 03

5. Loại môn học bắt buộc

6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Số giờ lý thuyết: 15

- Số giờ thực hành: 30

- Số giờ tự học: 90.

7. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức:** Giúp SV có được kiến thức cơ bản về bộ môn Làm văn; Giúp SV có được những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ sư phạm.

- **Kỹ năng:** Giúp SV cách tổ chức một văn bản hoặc nói hoặc viết; Giúp SV biết cách soạn giáo án, biết cách tổ chức một giờ dạy học Ngữ văn với các công việc cụ thể như tạo tình huống, nêu câu hỏi, chia nhóm học tập, gây không khí đối thoại giữa học sinh với học sinh, học sinh với giáo viên...

- **Thái độ:** SV phải đọc những tài liệu tham khảo cơ bản về môn học có hướng dẫn trong mục *Học liệu*; SV phải có ý thức thực hành, tự nghiên cứu; SV phải có tinh thần trau dồi năng lực dạy học.

8. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học cung cấp những kiến thức cơ sở về bộ môn Làm văn, trên cơ sở đó giúp SV có được điểm tựa lý thuyết cần thiết để dạy học tốt hơn những nội dung làm văn trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn mới. Môn học cũng trình bày (có tính chất ghép thêm) những vấn đề thuộc kỹ thuật tổ chức một giờ dạy học văn ở trường phổ thông.

9. Nội dung chi tiết môn học:

Chương 1. Đại cương về bộ môn Làm văn

1.1. Khái quát về văn bản và văn bản nghị luận

1.1.1. Khái niệm văn bản

1.1.2. Các loại văn bản

1.2. Văn bản tự sự

1.2.1. Khái niệm văn bản tự sự

- 1.2.2. Đặc điểm của văn bản tự sự
- 1.2.3. Cách tạo lập văn bản tự sự
- 1.3. Văn bản miêu tả
 - 1.3.1. Khái niệm văn bản miêu tả
 - 1.3.2. Đặc điểm của văn bản miêu tả
 - 1.3.3. Cách tạo lập văn bản miêu tả
- 1.4. Văn bản biểu cảm
 - 1.4.1. Khái niệm văn bản biểu cảm
 - 1.4.2. Đặc điểm của văn bản biểu cảm
 - 1.4.3. Cách tạo lập văn bản biểu cảm
- 1.5. Văn bản thuyết minh
 - 1.5.1. Khái niệm văn bản thuyết minh
 - 1.5.2. Đặc điểm của văn bản thuyết minh
 - 1.5.3. Cách tạo lập văn bản thuyết minh
- 1.6. Văn bản nghị luận
 - 1.6.1. Khái niệm văn bản nghị luận
 - 1.6.2. Phân loại văn bản nghị luận
 - 1.6.3. Đặc trưng của văn bản nghị luận xã hội và nghị luận văn học
- 1.7. Văn bản ứng dụng
 - 1.7.1. Khái niệm văn bản ứng dụng
 - 1.7.2. Đặc điểm văn bản ứng dụng
 - 1.7.3. Cách tạo lập văn bản ứng dụng

Chương 2. Hướng dẫn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm

- 2.1. Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn mới (tích hợp)
 - 2.1.1. Về nguyên tắc tích hợp trong việc biên soạn chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn mới
 - 2.1.2. Cấu trúc của chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn mới
 - 2.1.3. Cách tiếp cận những bài học mới đưa vào chương trình
 - 2.2. Các mẫu giáo án
 - 2.2.1. Quan niệm mới về giáo án
 - 2.2.2. Các mẫu giáo án truyền thống và những mẫu giáo án cải tiến
 - 2.2.3. Giáo án điện tử
 - 2.3. Những kỹ thuật tổ chức giờ học
 - 2.3.1. Kỹ thuật nêu vấn đề và đặt câu hỏi
 - 2.3.2. Kỹ thuật tổ chức nhóm học tập tại lớp
 - 2.3.3. Kỹ thuật tổ chức đối thoại, dắt dẫn vấn đề và tổng kết ý kiến

10. Học liệu:

10.1. Giáo trình chính

1. Phan Trọng Luận (2001), *Phương pháp dạy học văn*, tập 1,2, Nxb Giáo dục.
2. Đỗ Ngọc Thống (2006), *Tìm hiểu chương trình và SGK Ngữ văn THPT*, Nxb Giáo dục.
3. Đỗ Ngọc Thống (2007), *Làm văn*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

- Phan Kế Bính (1970), *Việt Hán văn khảo*, NXB Mác Lâm, Sài Gòn
- Nghiêm Toàn (1950), *Luận văn thị phạm*, NXB Thế giới, Hà Nội
- Nhiều tác giả (1981), *Tập làm văn và Ngữ pháp*, NXB Đại học và Trung học CN Hà Nội

11. Hình thức tổ chức dạy học:

	Nội dung chính	Yêu cầu SV chuẩn bị	Thời gian Địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	- Chương 1 - Chương 2	- Đọc các trang 124 - 185 trong Giáo trình chính số 1, tập 2. - Đọc Giáo trình chính số 3. - Đọc các trang 7 – 199 trong Giáo trình chính số 2.	Tuần 1-7 Tuần 7-15	
Bài tập	- Viết đoạn văn theo kiểu diễn dịch hoặc quy nạp - Đánh giá về các mô hình giáo án dạy học Ngữ văn hiện có	- Đọc các phần lý thuyết trong các học liệu và phần làm văn trong sách giáo khoa PT - Xem các cuốn sách loại “thiết kế bài dạy...” và tham khảo giáo án của các giáo viên ở trường phổ thông	Tuần 3 Tuần 7-15	
Thảo luận	- Đặc điểm của văn bản nghị luận - Yêu cầu cấp thiết hiện nay đối với việc đổi mới nội dung và phương pháp dạy học	- Chuẩn bị một số văn bản nghị luận mẫu - Xem lại các tài liệu và bài giảng của giáo viên về Phương pháp dạy học Ngữ văn	Tuần 1-7 Tuần 7-15	
Thực hành	- Thực hành các thao tác nghị luận (giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận) - Dự giờ ở trường phổ thông và tập giảng	- Viết văn bản hoặc trình bày miệng - Liên hệ, đăng ký dự giờ với một trường phổ thông và tập giảng theo chương trình và sách giáo khoa mới	Tuần 1-7 Tuần 7-15	
Tự học	- Đọc hết những sách có giới thiệu trong mục học liệu, ghi chép lại những nội dung cốt lõi - Tự tập giảng ở nhà			

12. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên:

- SV tham dự đầy đủ các buổi học lý thuyết, làm chu đáo các bài tập và nhiệt tình đóng góp ý kiến trong những buổi thảo luận.

- Cập nhật những tài liệu mới về Phương pháp luận nghiên cứu văn học chưa được giới thiệu trong mục Học liệu.

13. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học

- **Các phương thức kiểm tra đánh giá:** kiểm tra - đánh giá thường xuyên; kiểm tra - đánh giá định kỳ.

- **Thang điểm:** điểm chuyên cần và thái độ tham gia học trên lớp: 10%; điểm thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học: 20%; điểm bài thi kết thúc môn học: 70% (Đề thi được rút ra từ bộ đề do nhóm giảng viên biên soạn).

14. Ngày phê duyệt:

15. Cấp phê duyệt:

Chương trình đào tạo trình độ đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm xã hội

ĐỀ CƯƠNG TỔNG QUÁT HỌC PHẦN
ĐỊA LÍ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Hoàng Phan Hải Yến

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Địa lí - Quản lý tài nguyên

Địa chỉ liên hệ: Khoa Địa lí - Quản lý tài nguyên, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0917544789, hoangphanhaiyen@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Địa lý các ngành kinh tế;
Kinh tế biển, dải ven biển
Tổ chức lãnh thổ kinh tế;
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế;
Kinh tế các khu công nghiệp

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phạm Vũ Chung

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Địa lí - Quản lý tài nguyên

Địa chỉ liên hệ: Khoa Địa lí - Quản lý tài nguyên, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0916290678; vuchung@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Địa lý Tài nguyên và Môi trường
Biến đổi khí hậu trong quản lý Tài nguyên và Môi trường
Quy hoạch sử dụng đất đai

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): ĐỊA LÍ HỌC ĐẠI CƯƠNG	
(tiếng Anh): GENERAL GEOGRAPHY	
- Mã số học phần:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	04
+ Số tiết lý thuyết:	50
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10

+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	120
- Học phần tiên quyết:	0
- Học phần song hành:	0

2. Mô tả học phần

Học phần Địa lí học đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của khối ngành Sư phạm xã hội. Học Phần cung cấp những kiến thức cơ bản về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế làm cơ sở cho việc nắm được những kiến thức ở các môn học tiếp theo. Từ nội dung của học phần giúp sinh viên tiếp cận với các cách giải quyết vấn đề liên quan nảy sinh trong thực tiễn cũng như có cái nhìn đúng đắn trong phát triển kinh tế - xã hội.

3. Nội dung giảng dạy

Lý thuyết:

Nội dung (1)	CĐR học phần (Gx.x) (2)	Bài đánh giá (3)
MỞ ĐẦU 1. Lịch sử phát triển của khoa học Địa lí 2. Đối tượng và nội dung nghiên cứu của Địa lí học 3. Phương pháp nghiên cứu của Địa lí học Chương 1. VŨ TRỤ 1.1. Khái quát 1.1.1. Một số quan niệm về Vũ Trụ 1.1.2. Quan niệm về hình dạng và giới hạn của Vũ Trụ 1.1.3. Quan niệm về thành phần trong Vũ Trụ 1.1.4. Thành phần của Hệ Mặt Trời 1.2. Nguồn gốc hình thành vũ trụ 1.2.1. Các truyền thuyết mang yếu tố thần thoại 1.2.2. Các giả thuyết tinh vân 1.2.3. Thuyết Big Bang	G1; G2.1; G2.2; G2.3; G5; G6	A1.1 A1.2 A1.3.1 A2
Chương 2. TRÁI ĐẤT 2.1. Vị trí, hình dạng, kích thước và vận động của Trái Đất trong hệ Mặt Trời 2.1.1. Đặc điểm 2.1.2. Các hệ quả địa lí 2.2. Cấu trúc của Trái Đất 2.2.1. Cấu trúc bề mặt Trái Đất 2.2.2. Các quyển trên bề mặt Trái Đất 2.3. Cấu trúc bên trong Trái Đất 2.3.1. Phương pháp nghiên cứu cấu trúc bên trong Trái Đất 2.3.2. Khái quát cấu trúc bên trong Trái Đất	G2.4; G2.5; G2.6; G3.1; G5; G6	A1.1 A1.2 A1.3.1 A2

Chương 3. CÁC ĐỐI TỰ NHIÊN VÀ QUY LUẬT ĐỊA LÍ CHUNG NHẤT CỦA LỚP VỎ CẢNH QUAN 3.1. Các đối tự nhiên trên Trái Đất 3.1.1 Khái niệm và cách phân loại 3.1.2. Các đối cảnh quan trên Trái Đất 3.2. Quy luật địa lí chung của Lớp vỏ cảnh quan 3.2.1. Lớp vỏ cảnh quan 3.2.2. Quy luật địa lí chung nhất của Lớp vỏ cảnh quan	G2.7; G2.8; G5; G6	A1.1 A1.2 A1.3.2 A2
Chương 4. MÔI TRƯỜNG ĐỊA LÍ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 4.1. Môi trường địa lí 4.1.1. Các khái niệm có liên quan 4.1.2. Các chức năng của môi trường địa lí 4.1.3. Vai trò của môi trường địa lí đối với sự phát triển của xã hội loài người 4.2. Phát triển bền vững 4.2.1. Khái niệm phát triển bền vững 4.2.2. Vai trò phát triển bền vững 4.2.3. Các vấn đề đặt ra trong phát triển bền vững	G2.9; G2.10; G4.1; G3.2; G5; G6	A1.1 A1.2 A2
Chương 5. KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA LÍ DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI 5.1 Một số vấn đề địa lí dân cư 5.1.1. Sự biến động của dân số 5.1.2. Cơ cấu dân số 5.1.3. Phân bố dân cư 5.1.4. Đô thị hóa 5.2. Một số vấn đề về địa lí xã hội 5.2.1. Vấn đề tôn giáo 5.2.2. Vấn đề chủng tộc 5.2.3. Các vấn đề xã hội khác	G2.11; G2.12; G2.13; G2.14; G2.15; G2.16; G5; G6	A1.1 A1.2 A2
Chương 6. KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA LÍ KINH TẾ 6.1. Nguồn lực phát triển kinh tế 6.1.1. Vai trò 6.1.2. Khái niệm 6.1.3. Các loại nguồn lực 6.2. Một số tiêu chí đánh giá nền kinh tế quốc dân 6.2.1. Tốc độ tăng trưởng 6.2.2. GDP, GNI, GDP/người 6.2.3. Cơ cấu kinh tế 6.3 Các ngành kinh tế 6.2.1. Nông, lâm, thủy sản 6.2.2. Công nghiệp - xây dựng 6.2.3. Dịch vụ	G2.17; G2.18; G2.19; G2.20; G5; G6	A1.1 A1.2 A2

6.4. Phân vùng kinh tế		
6.3.1. Lý thuyết về phân vùng		
6.3.2. Tiêu chí phân vùng		
6.3.3. Các loại vùng kinh tế		

Thảo luận:

Nội dung (1)	CĐR học phần (Gx.x) (2)	Bài đánh giá (3)
Bài thảo luận 1: Đưa ra các giả thiết: 1. Nếu hình dạng Trái Đất không phải hình cầu (lấy ví dụ một số hình dạng khác). 2. Kích thước lớn hơn hoặc nhỏ hơn kích thước hiện tại. 3. Không tự quay quanh trục của nó mà chỉ quay quanh Mặt Trời. 4. Tự quay quanh trục nhưng không quay quanh Mặt Trời. 5. Không quay quanh trục và không quay quanh Mặt Trời. 6. Quay quanh trục nhưng vận tốc nhanh hơn hoặc chậm hơn. 7. Đang quay quanh trục bỗng dừng lại ($v=0$) 8. Khoảng cách gần hoặc xa Mặt Trời hơn vị trí hiện tại. 9. Các giả thiết khác.	G2.1; G2.2; G2.3; G2.4; G2.5; G2.6; G3.1; G5; G6	A1.1 A1.2 A1.3.1 A2
Bài thảo luận 2: Mối quan hệ giữa các quyển trong lớp vỏ địa lý của Trái Đất.		
Bài thảo luận 3: Những biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên		
Bài thảo luận 4: Vai trò của tôn giáo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.		
Bài thảo luận 5: Tính tốc độ tăng trưởng và cơ cấu kinh tế từ bảng số liệu		

6. Kế hoạch giảng dạy

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH (3)	Chuẩn bị của SV (4)
1	Mở đầu 1. Khái quát về lịch sử phát triển của khoa học địa lí 2. Đối tượng và nội dung nghiên cứu của Địa lí học 3. Phương pháp nghiên cứu của Địa lí học Chương 1. Vũ trụ 1.1. Khái quát	Sử dụng các hình thức dạy sau: - Viết nhanh - Phát vấn - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide	Đọc TL: - [1] Phần Mở đầu và Chương 1. - [2],[4] Những nội dung liên quan. Câu hỏi: + Nhận xét về

	1.1.1. Một số quan niệm về Vũ Trụ 1.1.1.1. Hệ thống Địa tâm 1.1.1.2. Hệ thống nhật tâm 1.1.2. Quan niệm về hình dạng và giới hạn của Vũ Trụ 1.1.3. Quan niệm về thành phần trong Vũ Trụ 1.1.3.1. Các thiên hà 1.1.3.2. Các hệ mặt trời trong Vũ Trụ 1.1.4. Thành phần của hệ Mặt Trời 1.1.4.1. Mặt Trời 1.1.4.2. Các hành tinh 1.1.4.3. Tiểu hành tinh 1.1.4.4. Vệ tinh 1.1.4.5. Sao chổi 1.1.4.6. Thiên thạch 1.2. Nguồn gốc hình thành Vũ Trụ 1.2.1. Các truyền thuyết mang yếu tố thần thoại 1.2.2. Các giả thuyết tinh vân 1.2.2.1. Giả thuyết Kant - Laplace 1.2.2.3. Giả thuyết của Otho Smith 1.2.3. Thuyết Big Bang		cách phân chia hệ thống các khoa học địa lí của các nhà khoa học: Xô Viết, phương Tây và Việt Nam? + Nhận xét về các giả thuyết: Hình dạng và Giới hạn của Vũ Trụ, Vũ Trụ nhiều chiều, Vật chất trong Vũ Trụ?
2	Chương 2. Trái đất 2.1. Vị trí, hình dạng, kích thước và vận động của Trái Đất trong hệ Mặt Trời 2.1.1. Đặc điểm 2.1.1.1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời 2.1.1.2. Hình dạng của Trái Đất 2.1.1.3. Kích thước của Trái Đất 2.1.1.4. Vận động của Trái Đất trong hệ Mặt Trời 2.1.2. Các hệ quả địa lí 2.2. Cấu trúc của Trái Đất 2.2.1. Cấu trúc bề mặt Trái Đất 2.2.2. Các quyển trên bề mặt Trái Đất 2.2.2.1. Khí quyển 2.2.2.2. Thủy quyển 2.2.2.3. Thạch quyển 2.2.2.4. Thổ nhưỡng quyển	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn - Thảo luận	Độc TL: - [1] Chương 2. - [2],[4] Những nội dung liên quan Câu hỏi + Trình bày quá trình nhận thức về hình dạng Trái Đất? + Trình bày quá trình nhận thức về vận động tự quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời của Trái Đất?

	2.2.2.5. Sinh quyển 2.3. Cấu trúc bên trong Trái Đất 2.3.1. Phương pháp nghiên cứu cấu trúc bên trong Trái Đất 2.3.2. Khái quát cấu trúc bên trong Trái Đất 2.3.2.1. Vỏ Trái Đất 2.3.2.2. Quyển Manti 2.3.2.3. Nhân Trái Đất		+ Phân biệt các tầng khí quyển? + Cách nhận biết một số đá thông dụng? Thảo luận: 1. Đưa ra các giả thiết: Nếu Trái Đất và các vận động của Trái Đất "không như hiện tại" 2. Mối quan hệ giữa các quyển trong lớp vỏ địa lí của Trái Đất?
3	Chương 3. Các đới tự nhiên và quy luật địa lí chung nhất của Lớp vỏ cảnh quan 3.1. Các đới tự nhiên trên Trái Đất 3.1.1 Khái niệm và cách phân loại 3.1.2. Các đới cảnh quan trên Trái Đất 3.1.2.1. Các đới cảnh quan của vòng đai lạnh 3.1.2.2. Các đới cảnh quan của vòng đai ôn hoà 3.1.2. 3. Các đới cảnh quan của vòng đai nóng	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn - Thảo luận	Độc TL: - [1] Chương 3. - [2],[3],[4] Những nội dung liên quan. Câu hỏi Phân biệt và so sánh đặc điểm địa lí tự nhiên của các đới cảnh quan?
4	3.2. Quy luật chung của lớp vỏ địa lí 3.2.1. Quy luật về tính thống nhất và hoàn chỉnh (Khái niệm; Nguyên nhân; Biểu hiện). 3.2.2. Quy luật về sự tuần hoàn vật chất và năng lượng (Khái niệm, các vòng tuần hoàn của Khí quyển; Nước; Đá; Sinh vật; Ý nghĩa khoa học và thực tiễn).	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn	Độc TL: - [1] Mục 3.3. -[2],[3],[4] Những nội dung liên quan). Câu hỏi: Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của các

			quy luật?
5	3.2.3. Quy luật nhịp điệu (Khái niệm; Nhịp điệu ngày - đêm; Nhịp điệu mùa; Nhịp điệu nội thể kỷ; Nhịp điệu ngoại thể kỷ).	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn	Đọc TL: - [1] Chương 4. - [2],[3],[4] Những nội dung liên quan Câu hỏi: Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của quy luật?
6	3.2.4. Quy luật địa đới và phi địa đới (Quy luật địa đới; Quy luật phi địa đới; Mối quan hệ của các quy luật; Ý nghĩa khoa học và thực tiễn).	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn	Đọc TL: - [1] Chương 4. - [2],[3],[4] Những nội dung liên quan Câu hỏi: Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của quy luật?
7.	Chương 4: Môi trường địa lí và phát triển bền vững 4.1. Môi trường địa lí 4.1.1. Các khái niệm có liên quan 4.1.2. Các chức năng của môi trường địa lí 4.1.3. Vai trò của môi trường địa lí đối với sự phát triển của xã hội loài người	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn	Đọc: Bài giảng, Tài liệu [5],[6] Nội dung: Tìm hiểu các nội dung liên quan đến <i>Chương 4</i>
8.	Chương 4: Môi trường địa lí và phát triển bền vững (tiếp) 4.2. Phát triển bền vững 4.2.1. Khái niệm phát triển bền vững 4.2.2. Vai trò phát triển bền vững 4.2.3. Các vấn đề đặt ra trong phát triển bền vững	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn - Thảo luận	Đọc: Bài giảng, Tài liệu [5],[6] Nội dung: Tìm hiểu các nội dung liên quan đến <i>Chương 4</i> Thảo luận làm rõ: Con người cần làm gì để

			bảo vệ tài nguyên thiên nhiên?
9	Chương 5. Khái quát về địa lí dân cư và xã hội. 5.1. Một số vấn đề về địa lí dân cư 5.1.1. Sự biến động của dân số 5.1.2. Cơ cấu dân số	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn	Đọc: Bài giảng, Tài liệu [5],[6] Nội dung: Tìm hiểu các nội dung liên quan đến <i>Chương 5</i>
10	Chương 5. Khái quát về địa lí dân cư và xã hội (tiếp) 5.1.3. Phân bố dân cư 5.1.4. Đô thị hóa	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn	Đọc: Bài giảng, Tài liệu [5],[6] Nội dung: Tìm hiểu các nội dung liên quan đến <i>Chương 5</i>
11	Chương 5. Khái quát về địa lí dân cư và xã hội (tiếp) 5.2. Một số vấn đề về địa lí xã hội 5.2.1. Vấn đề tôn giáo 5.2.2. Vấn đề chủng tộc	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn - Thảo luận	Đọc: Bài giảng, Tài liệu [5],[6] Nội dung: Tìm hiểu các nội dung liên quan đến <i>Chương 5</i> như: Thảo luận làm rõ: Vai trò của tôn giáo trong phát triển kinh tế - xã hội
12	Chương 5. Khái quát về địa lí dân cư và xã hội (tiếp) 5.2.3. Các vấn đề xã hội khác	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn	Đọc: Bài giảng, Tài liệu [5],[6] Nội dung: Tìm hiểu các nội dung liên quan đến <i>Chương 5</i>
13	Chương 6. Khái quát về địa lí kinh tế 6.1. Nguồn lực phát triển kinh tế 6.1.1. Vai trò 6.1.2. Khái niệm 6.1.3. Các loại nguồn lực 6.2. Một số chỉ tiêu đánh giá nền kinh tế quốc dân 6.2.1. Tốc độ tăng trưởng 6.2.2. GDP, GNI, GDP/người	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slile - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn - Thảo luận	Đọc: Bài giảng, Tài liệu [5],[6] Nội dung: Tìm hiểu các nội dung liên quan đến <i>Chương 6</i> Thảo luận: Tính tốc độ tăng trưởng và cơ cấu kinh tế từ bảng

	6.2.3. Cơ cấu kinh tế		số liệu
14	Chương 6. Khái quát về địa lí kinh tế (tiếp) 6.3. Các ngành kinh tế 6.2.1. Nông, lâm, thủy sản 6.2.2. Công nghiệp - xây dựng	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn - Diễn cứu	Độc: Bài giảng, Tài liệu [5],[6] Nội dung: Tìm hiểu các nội dung liên quan đến <i>Chương 6</i>
15	Chương 6. Khái quát về địa lí kinh tế (tiếp) 6.2.3. Dịch vụ 6.3. Phân vùng kinh tế 6.3.1. Lý thuyết về phân vùng 6.3.2. Tiêu chí phân vùng 6.3.3. Các loại vùng kinh tế	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Phát vấn - Phân tích hướng dẫn	Độc: Bài giảng, Tài liệu [5],[6] Nội dung: Tìm hiểu các nội dung liên quan đến <i>Chương 6</i>

7. Nguồn học liệu

Giáo trình:

[1]. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), *Địa lí kinh tế xã hội đại cương*, NXBĐHSP, 2014.

Tài liệu tham khảo:

[2]. Lê Bá Thảo (Chủ biên), *Cơ sở địa lí tự nhiên tập 1, 2, 3*, NXBGD, 1997

[3]. Kalexlik, *Những quy luật địa lí chung của Trái Đất*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1973.

[4]. Nguyễn Thục Nhu, Đặng Duy Lợi, Lê Thị Hợp, *Giáo trình Cơ sở địa lí tự nhiên*, NXBGD, 1997.

[5]. Lê Văn Trường, *Địa lí kinh tế xã hội đại cương*, NXBCTQG, 2005.

[6]. Hoàng Phan Hải Yến, Đào Khang, Phạm Vũ Chung, *Bài giảng Địa lí học đại cương*, Khoa Địa lí - Quản lý tài nguyên, 2017.

8. Quy định của học phần

- Sinh viên nộp hồ sơ môn học theo yêu cầu
- Sinh viên phải nộp bài tập, báo cáo
- Tỷ lệ thời gian sinh viên có mặt trên lớp

9. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Bộ môn Sư phạm Địa lí, khoa Địa lí - QLTN
- Địa chỉ/email

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

1. Thông tin tổng quát:

Học phần Lịch sử văn minh thế giới gồm 3 tín chỉ, thuộc khối kiến thức cơ sở của khối ngành Sư phạm xã hội và Khoa học xã hội và Nhân văn, được bố trí trong giai đoạn 1 chung cho khối ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và thành tựu của văn minh nhân loại qua các thời kỳ lịch sử.

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

TS. Nguyễn Văn Tuấn

Thời gian, địa điểm làm việc: Thứ 2 đến thứ 6; Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lịch sử, Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0986.591.245; nguyenvantuan@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử văn minh thế giới, Lịch sử thế giới

Giảng viên 2:

TS. Hắc Xuân Cảnh

Thời gian, địa điểm làm việc: Thứ 2 đến thứ 6; Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lịch sử, Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0987.099.558; hacxuancanh@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử văn minh thế giới, Lịch sử thế giới

Giảng viên 3:

PGS.TS Nguyễn Công Khanh

Thời gian, địa điểm làm việc: Thứ 2 đến thứ 6; Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lịch sử, Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0983.133.114; nguyencongkhanh@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử văn minh thế giới, Lịch sử thế giới

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử văn minh thế giới (tiếng Anh): History of world civilization	
- Mã số học phần: HIS20003	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Kiến thức cơ sở ngành (X) ☐ Kiến thức khác ☐ Học phần đồ án tốt nghiệp	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	9
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	6

+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần song hành:	Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tiến trình Lịch sử Việt Nam (Nhóm ngành KHXH&NV); Đường lối cách mạng của Đảng CSVN; Lịch sử triết học (Nhóm ngành SPXH)

2. Mô tả học phần

Học phần Lịch sử văn minh thế giới thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối ngành Sư phạm xã hội và khối ngành Khoa học Xã hội & Nhân văn. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và thành tựu của văn minh nhân loại qua các thời kỳ lịch sử. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nhận diện, giải quyết những vấn đề trong nghiên cứu tri thức về lịch sử, văn hóa văn minh thế giới. Ngoài ra, môn học còn giúp rèn luyện các kỹ năng cần thiết như giao tiếp và làm việc nhóm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

4. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến lớp học tối đa 60 sinh viên)

Lý thuyết:

Tuần (1)	Nội dung (2)	Hình thức tổ chức DH (3)	Chuẩn bị của SV (4)
1.	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG Nội dung kiến thức: 1.1. Khái niệm “văn minh” và các khái niệm liên quan 1.2. Những dấu hiệu văn minh trong thời kỳ nguyên thủy 1.3. Phân kỳ các giai đoạn phát triển của lịch sử văn minh thế giới Kỹ năng: + Thành lập nhóm + Góp ý, nhận xét Thái độ: + Nghiêm túc trong học tập + Chủ động tự học, tương tác với giáo viên và sinh viên.	Giảng viên: + Giới thiệu và dạy các kiến thức ban đầu về Lịch sử văn minh thế giới. + Giới thiệu các tài liệu học tập học phần cho sinh viên. + Hướng dẫn sinh viên thành lập các nhóm học tập, phân công Trưởng nhóm. + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. Hoạt động nhóm: GV đặt ra các câu hỏi thảo luận	+ Đọc tài liệu số [1] từ trang 14 đến trang 31; tài liệu số [2] từ trang 7 đến trang 13. + Chuẩn bị vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm

		về nội dung bài học và các nhóm sv cùng trao đổi. Tự học: Điều kiện kinh tế, xã hội của loài người thời nguyên thủy.	
2.	Chương 2: <u>VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG CỔ - TRUNG ĐẠI</u> Nội dung kiến thức: <u>2.1. Văn minh Đông Bắc Phi và Tây Á</u> <u>2.2. Văn minh Ấn Độ cổ - trung đại</u> Kỹ năng: + Hoạt động nhóm + Phân tích, tổng hợp + Góp ý, nhận xét + Thuyết trình + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu Thái độ: + Nghiêm túc trong học tập. + Chủ động tự học và tương tác với giáo viên và sinh viên. + Thể hiện năng lực của bản thân.	Giảng viên: + Giới thiệu và dạy về thành tựu chủ yếu của văn minh Ai Cập, văn minh Lưỡng Hà, văn minh Ả-rập, văn minh Ấn Độ. + Sử dụng Slide, video clip minh họa. + Phân tích hướng dẫn. + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên. + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. Hoạt động nhóm: Các nhóm sinh viên phối hợp giải quyết câu hỏi: <i>Thành tựu về kiến trúc của nền văn minh Ai Cập cổ đại</i> Tự học: Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học phần: Điều kiện	+ Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 31 đến trang 84; tài liệu số [2] từ trang 13 đến trang 99. + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm. + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.

		xuất hiện nền văn minh Ai Cập, Lương Hà, văn minh Ả-rập, văn minh Ấn Độ.	
3	Chương 2: VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG CỔ - TRUNG ĐẠI (tiếp) Nội dung kiến thức: 2.2. Văn minh Ấn Độ cổ - trung đại (tiếp) 2.3. Văn minh Trung Quốc cổ - trung đại Kỹ năng: + Hoạt động nhóm + Phân tích, tổng hợp + Góp ý, nhận xét + Thuyết trình + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu Thái độ: + Nghiêm túc trong học tập. + Chủ động tự học và tương tác với giáo viên và sinh viên. + Thể hiện năng lực của bản thân.	Giảng viên: + Giới thiệu và dạy về thành tựu chủ yếu của văn minh Ấn Độ, văn minh Trung Quốc. + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên phân tích hình ảnh, clip vừa đưa ra. + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên. + Phân tích hướng dẫn + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.. + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. Hoạt động nhóm: Các nhóm sinh viên phối hợp giải quyết câu hỏi thảo luận <i>Ảnh hưởng của Văn minh Ấn Độ đối với thế giới.</i> Tự học: Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học phần: Điều kiện	Sinh viên: + Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 71 đến trang 110; tài liệu số [2] từ trang 69 đến trang 151. + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân. + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.

		xuất hiện nền văn minh Trung Quốc Cuối buổi học giao đề tài thảo luận cho các nhóm SV: Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Quốc đối với Việt Nam (sẽ thảo luận ở tuần thứ 5).	
4	Chương 2: <u>VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG CỔ - TRUNG ĐẠI (tiếp)</u> Nội dung kiến thức: 2.4. Văn minh khu vực Đông Nam Á 2.5. Văn minh khu vực Mỹ Latinh. Kỹ năng: + Làm việc nhóm + Tổng hợp vấn đề + Góp ý, nhận xét + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu. + Thuyết trình Thái độ: + Nghiêm túc trong học tập. + Chủ động tự học + Tích cực tương tác với giáo viên và sinh viên.	Giảng viên: + Giới thiệu, dạy về thành tựu chủ yếu củavăn minh Đông Nam Á; văn minh khu vực Mỹ Latinh. + Viết nhanh + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh. +Phân tích hướng dẫn + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên. + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. Bài tập: Trình bày đặc trưng của	+ Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 111 đến trang 140; tài liệu số [2] từ trang 151 đến trang 183. + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân; + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. Chuẩn bị thảo luận theo nhóm

		văn minh khu vực Đông Nam Á. Hoạt động nhóm: Các nhóm sinh viên phối hợp giải quyết vấn đề: <i>So sánh điều kiện hình thành nền Văn minh Trung Quốc với nền Văn minh Ấn Độ.</i> Tự học: Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học phần: Điều kiện xuất hiện nền văn minh Đông Nam Á.	
5	Thảo luận: Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Quốc đối với Việt Nam Kỹ năng + Làm việc nhóm. + Thuyết trình. + Soạn thảo văn bản, thiết kế Slide. + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu. + Nhận diện, phân tích vấn đề. + Góp ý, nhận xét, phản biện Thái độ: + Nghiêm túc, chủ động + Tích cực tương tác trao đổi với sinh viên và giáo viên về vấn đề thảo luận.	Cho các nhóm thống nhất nội dung trình bày trong 5-10 phút và trình bày thuyết trình trong 10 phút. Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau. Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận.	+ Vở chuẩn bị bài thảo luận của cá nhân. + Vở bài tập nhóm. + Sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng. + Giáo trình chính 1 và sách tham khảo (nếu có) + Bài làm của nhóm
6	<u>Chương 3. VĂN MINH PHƯƠNG TÂY CỔ TRUNG ĐẠI</u>	Giảng viên: + Giới thiệu, dạy về thành tựu	+ Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 141 đến trang 188; tài liệu số [2] từ trang 184 đến trang 293.

	Nội dung kiến thức: 3.1. Văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại Kỹ năng + Làm việc nhóm. + Phân tích, tổng hợp. + Góp ý, nhận xét + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu. - Thái độ: + Nghiêm túc, chủ động + Tích cực tương tác trao đổi với sinh viên và giáo viên.	chủ yếu của văn minh Hy Lạp và văn minh La Mã cổ đại. + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh. +Phân tích hướng dẫn + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên. + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. Hoạt động nhóm: Các nhóm sinh viên phối hợp giải quyết câu hỏi: <i>Thành tựu về kiến trúc của văn minh Hy - La</i> Tự học: Điều kiện xuất hiện nền văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại	+ Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân; + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. Chuẩn bị thảo luận theo nhóm
7	Chương 3. VĂN MINH PHƯƠNG TÂY CỔ TRUNG ĐẠI (tiếp) Nội dung kiến thức: 3.2. Văn minh Tây Âu trung đại Kỹ năng	Giảng viên: + Giới thiệu, dạy về thành tựu chủ yếu của văn minh Tây Âu trung đại. + Sử dụng Slide,	+ Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 141 đến trang 188; tài liệu số [2] từ trang 184 đến trang 293. + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân; + Truy cập vào trang web cá nhân

	+ Làm việc nhóm. + Phân tích, tổng hợp. + Góp ý, nhận xét + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu. - Thái độ: + Nghiêm túc, chủ động + Tích cực tương tác trao đổi với sinh viên và giáo viên.	video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh. +Phân tích hướng dẫn + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên. + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. Hoạt động nhóm: Các nhóm sinh viên phối hợp giải quyết câu hỏi: <i>Thành tựu của phong trào văn hóa Phục hưng.</i> Tự học: Điều kiện xuất hiện nền văn minh Tây Âu trung đại.	của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. Chuẩn bị thảo luận theo nhóm
8	<u>Chương 4. VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CẬN ĐẠI</u> Nội dung kiến thức: 4.1. Sự xuất hiện của văn minh công nghiệp Kỹ năng + Làm việc nhóm. + Phân tích, tổng hợp. + Góp ý, nhận xét + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu.	Giảng viên: + Giới thiệu, dạy về sự xuất hiện của văn minh công nghiệp + Viết nhanh + Sử dụng Slide, video clip minh họa. +Phân tích hướng dẫn. + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi	Sinh viên đọc trước tài liệu số [1] từ trang 205 đến trang 241; tài liệu số [2] từ trang 304 đến trang 334; + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động, trình bày trong vở bài tập cá nhân; + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. Chuẩn bị thảo luận theo nhóm

	- Thái độ: + Nghiêm túc, chủ động + Tích cực tương tác trao đổi với sinh viên và giáo viên.	về nội dung bài học đối với sinh viên. + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. Hoạt động nhóm: Các nhóm sinh viên phối hợp giải quyết câu hỏi: <i>Cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh</i> Tự học: Điều kiện xuất hiện nền văn minh công nghiệp. Cuối buổi học giao chủ đề thảo luận tại lớp cho sinh viên. Nội dung: Học thuyết chính trị thời cận đại (sẽ thảo luận ở tuần thứ 10)	
9	<u>Chương 4. VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CẬN ĐẠI (tiếp)</u> Nội dung kiến thức: 4.2. Thành tựu chính của văn minh thế giới thời cận đại Kỹ năng + Làm việc nhóm. + Phân tích, tổng hợp.	Giảng viên: + Giới thiệu, dạy về thành tựu chính của văn minh thế giới thời cận đại. + Viết nhanh + Sử dụng Slide, video clip minh họa. + Phân tích hướng dẫn.	Sinh viên đọc trước tài liệu số [1] từ trang 205 đến trang 241; tài liệu số [2] từ trang 304 đến trang 334; + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động, trình bày trong vở bài tập cá nhân; + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.

	+ Góp ý, nhận xét + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu. + Thuyết trình - Thái độ: + Nghiêm túc, chủ động + Tích cực tương tác trao đổi với sinh viên và giáo viên.	+ Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên. + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. Hoạt động nhóm: Các nhóm sinh viên phối hợp giải quyết câu hỏi: <i>Thành tựu về văn học nghệ thuật thế giới thời cận đại.</i> Tự học: Giá trị lịch sử của những thành tựu văn minh thế giới thời cận đại	Chuẩn bị thảo luận theo nhóm
10	Thảo luận Trình bày nội dung cơ bản của học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học. Kỹ năng + Làm việc nhóm. + Thuyết trình. + Soạn thảo văn bản, thiết kế Slide. + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu. + Nhận diện, phân tích vấn đề. + Góp ý, nhận xét, phản biện	Cho các nhóm thống nhất nội dung sẽ trình bày trong 5-10 phút và trình bày thuyết trình trong 10 phút. Các nhóm nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi cho nhau. Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận.	Sinh viên: + Vở chuẩn bị bài thảo luận của cá nhân. + Vở bài tập nhóm. + Sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng. + Giáo trình chính 1 và sách tham khảo (nếu có) + Bài làm của nhóm

	Thái độ: + Nghiêm túc, chủ động + Tích cực tương tác trao đổi với sinh viên và giáo viên về vấn đề thảo luận.		
11	<u>Chương 5. VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI HIỆN ĐẠI</u> Nội dung kiến thức: 5.1. Sự ra đời của nền văn minh xã hội chủ nghĩa 5.2. Phát minh khoa học, kỹ thuật nửa đầu thế kỷ XX Kỹ năng + Làm việc nhóm. + Phân tích, tổng hợp. + Góp ý, nhận xét + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu. + Thuyết trình Thái độ: + Nghiêm túc, chủ động + Tích cực tương tác trao đổi với sinh viên và giáo viên.	Giảng viên: + Giới thiệu, dạy về thành tựu của nền văn minh xã hội chủ nghĩa; phát minh khoa học, kỹ thuật nửa đầu thế kỷ XX. + Viết nhanh + Sử dụng Slide, video clip minh họa. + Phân tích hướng dẫn. + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên. + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. Hoạt động nhóm: Các nhóm sinh viên phối hợp giải quyết câu hỏi: <i>Thành tựu về văn học – nghệ thuật của Liên Xô.</i> Tự học: Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học phần: Điều kiện	Sinh viên đọc trước tài liệu số [1] từ trang 255 đến trang 271; tài liệu số [2] từ trang 334 đến trang 340. + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân; + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và để biết nhiệm vụ học tập. Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm

		xuất hiện của nền văn minh xã hội chủ nghĩa.	
12	<u>Chương 5. VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI HIỆN ĐẠI (tiếp)</u> Nội dung kiến thức: 5.3. Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại 5.4. Tác động của chiến tranh đối với văn minh nhân loại Kỹ năng + Làm việc nhóm. + Phân tích, tổng hợp + Thuyết trình. + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu. + Góp ý, nhận xét. Thái độ: + Nghiêm túc, chủ động + Tích cực tương tác trao đổi với sinh viên và giáo viên.	Giảng viên: + Giới thiệu, dạy về thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại; tác động của chiến tranh đối với văn minh nhân loại + Sử dụng Slide, video clip minh họa. + Viết nhanh + Chiếu phim + Phân tích hướng dẫn. + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên. + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận. + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. Bài tập: Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trên lĩnh vực công cụ sản xuất mới. Hoạt động nhóm: Các nhóm sinh viên phối hợp giải quyết câu hỏi: <i>Tác động tích cực và tiêu cực của cuộc</i>	Sinh viên đọc trước tài liệu số [1] từ trang 271 đến trang 277; từ trang 309 đến trang 313; tài liệu số [2] từ trang 347 đến trang 362; từ trang 341 đến trang 347. + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân; + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và để biết nhiệm vụ học tập. Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm

		<i>cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại</i> Tự học: Nguyên nhân của hai cuộc chiến tranh thế giới.	
13	<u>Chương 6. SỰ TIẾP XÚC GIỮA CÁC NỀN VĂN MINH</u> Nội dung kiến thức: 6.1. Sự tiếp xúc văn minh thời cổ - trung đại 6.2. Sự tiếp xúc văn minh thời cận đại Kỹ năng + Làm việc nhóm. + Phân tích, tổng hợp. + Góp ý, nhận xét + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu. + Thuyết trình - Thái độ: + Nghiêm túc, chủ động + Tích cực tương tác trao đổi với sinh viên và giáo viên.	Lý thuyết: Giảng viên: + Giới thiệu, dạy về sự tiếp xúc văn hóa, văn minh thời cổ - trung đại, thời cận đại. + Sử dụng Slide, video clip minh họa. + Phân tích hướng dẫn. + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên. + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận. + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. Bài tập: Ý nghĩa của việc tiếp xúc giữa các nền văn minh thời cận đại. Hoạt động nhóm: Các nhóm sinh viên phối hợp giải quyết câu hỏi: <u>Sự tiếp xúc, giao lưu giữa các nền văn minh bằng con</u>	+ Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 189 đến trang 204; từ trang 241 đến trang 254; tài liệu số [2] từ trang 299 đến trang 304. + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân; + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. Chuẩn bị thảo luận theo nhóm

		<u>đường thương mại và chiến tranh</u>; <u>Sự tiếp xúc văn minh Âu – Mỹ</u>. Tự học: Điều kiện dẫn tới sự tiếp xúc giữa các nền văn minh thời cổ - trung đại, thời cận đại. Cuối buổi học giao chủ đề thảo luận tại lớp cho sinh viên. Nội dung: Tác động của chiến tranh đối với văn minh nhân loại? (sẽ thảo luận ở tuần thứ 15)	
14	<u>Chương 6. SỰ TIẾP XÚC GIỮA CÁC NỀN VĂN MINH (tiếp)</u>. Nội dung kiến thức: 6.3. Sự tiếp xúc văn hóa, văn minh thời hiện đại. Kỹ năng + Làm việc nhóm. + Phân tích, tổng hợp + Thuyết trình. + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu. + Góp ý, nhận xét. Thái độ: + Nghiêm túc, chủ động + Tích cực tương tác trao đổi với sinh viên và giáo viên.	Giảng viên: + Giới thiệu, dạy về Sự tiếp xúc văn hóa, văn minh thời hiện đại. + Viết nhanh + Trình chiếu Slide, video clip. + Phân tích hướng dẫn. + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên. + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. + Sử dụng trang web, email, facebook... để	Sinh viên đọc trước tài liệu số [1] từ trang 313 đến trang 319; + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân; + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và để biết nhiệm vụ học tập. Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm

		tương tác với sinh viên. Hoạt động nhóm: Các nhóm sinh viên phối hợp giải quyết câu hỏi: <i>Trình bày vai trò của UNESCO đối với sự giao lưu, phát triển văn hóa nhân loại.</i> Tự học: Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học phần: Ý của sự tiếp xúc văn hóa, văn minh thời hiện đại.	
15	Thảo luận Tác động của chiến tranh đối với văn minh nhân loại? Kỹ năng + Làm việc nhóm. + Thuyết trình. + Soạn thảo văn bản, thiết kế Slide. + Tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu. + Nhận diện, phân tích vấn đề. + Góp ý, nhận xét, phản biện. Thái độ: + Nghiêm túc, chủ động + Tích cực tương tác trao đổi với sinh viên và giáo viên về vấn đề thảo luận.	Cho các nhóm thống nhất nội dung sẽ trình bày trong 5-10 phút và trình bày thuyết trình trong 10 phút. Các nhóm nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi cho nhau. Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận.	Sinh viên: + Vở chuẩn bị bài thảo luận của cá nhân. + Vở bài tập nhóm. + Sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng. + Giáo trình chính 1 và sách tham khảo (nếu có) + Bài làm của nhóm

7. Nguồn học liệu

Giáo trình:

[1] Nguyễn Công Khanh (chủ biên), *Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Đại học Vinh, 2017.

[2] Vũ Dương Ninh, *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.

Tài liệu tham khảo:

[3] Almanach, *Những nền văn minh thế giới*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1995.

[4] Ngô Minh Oanh, *Giao lưu và tiếp xúc văn minh trong kịch sử nhân loại*, Đại học sư phạm T.P. Hồ Chí Minh, 2008.

[5] Lê Phụng Hoàng (chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008

8. Quy định của học phần

Các quy định của học phần như:

- Sinh viên nộp Hồ sơ học phần theo yêu cầu.
- Sinh viên phải nộp bài tập/báo cáo,....
- Tỷ lệ thời gian sinh viên phải có mặt trên lớp/thực hành: Theo quy chế của Nhà trường.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Lịch sử/Bộ môn Lịch sử thế giới
- Địa chỉ/email: nguyenvantuan@vinhuni.edu.vn